NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
ALPHA & OMEGA
alphabooks

Những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế

Arrian

MỤC LỤC

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách : Fanpage :
https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google :http://bit.ly/downloadsach

Thư ngỏ gửi độc giả

Lời giới thiệu

Những cuộc chinh phạt của alexander đại đế

Trích Lời tựa của dịch giả

Danh sách những từ viết tắt

Dẫn nhập

Quyển Một

Quyển Hai

Quyển Ba

Quyển Bốn

Quyển Năm

Quyển Sáu

Quyển Bảy

Phụ Lục A

Phụ Lục B

TỦ SÁCH HY LẠP - LA MÃ KINH ĐIỂN

Thư ngỏ gửi độc giả

Nền văn minh Hy-La cổ đại chỉ kéo dài khoảng 20 thế kỷ, nhưng thành tựu và ảnh hưởng của nó trong lịch sử nhân loại không thể đo đếm được bằng con số thời gian cụ thể nào.

Người Hy Lạp-La Mã cổ tạo dựng nên nền dân chủ, nền khoa học duy lý và một nền triết học rực rỡ. Họ xây dựng nên những công trình nguy nga như đền Parthenon, đấu trường Colisée, Khải hoàn môn và thư viện Hoàng gia Alexandria... Họ sáng tạo nên những huyền thoại vượt thời gian như *Iliad*, *Odyssêy* hay*Oedipus*... Phải nói rằng đây là nền văn minh đã phát triển rực rỡ về mọi mặt với những tác phẩm và thành tựu ở nhiều thể loại như văn học, mỹ thuật, kiến trúc, triết học, y học, toán học, lịch sử, vật lý... mà cho đến ngày nay vẫn không ngừng được kiếm tìm, nghiên cứu và khám phá.

Vào quãng những năm 2000, các dịch giả trẻ như Nguyễn Cảnh Bình, Cao Việt Dũng mang trong mình ước mơ giới thiệu và chuyển ngữ trọn vẹn bộ sách *Những cuộc đời song hành* của Plutarch – một trong những bộ sách quan trọng nhất trong kho tàng văn minh Hy-La cổ đại. Tâm huyết của họ được thể hiện bằng thành quả là tập 1 *Những cuộc đời song hành* do Nhà xuất bản Tri Thức ấn hành.

Nhưng công việc đó vẫn còn dang dở và đã phải dừng lại trong dăm năm trời. Phải đến thời điểm những năm 2010, sau những thôi thúc mạnh mẽ cần xuất bản các tác phẩm kinh điển về nền văn minh Hy-La cổ đại, chúng tôi mới quyết tâm dành trọn vẹn công sức và thời gian để xây dựng nên Tủ sách Hy-La kinh điển của Alpha Books. Bắt đầu từ đâu và triển khai như thế nào? Chúng tôi lần theo dấu chân những "người khổng lồ" trên thế giới, thông qua các danh mục sách kinh điển, chúng tôi đã hình thành nên một danh mục đủ để đeo đuổi trong hàng chục năm trời. Nhưng trước tiên, vẫn phải bước những bước đầu tiên. Và con đường ấy thật nhiều chông gai: sự e dè, nghi ngại của những độc giả tốt bụng, sự hụt hơi trên dặm đường dịch thuật, sự kỳ công trong từng trang bản thảo. Sau những tác phẩm đầu tiên về nền văn minh Hy-La như *Chính trị luận* của Aristotle, *Cộng hòa* của Plato; *Iliad* và *Odyssêy* của Homer; *Ngày cuối trong đời Socrates* của Plato đã được ra mắt bạn đọc, Tủ sách Hy-La vẫn đang không ngừng được phát triển, mở rộng nhằm giúp bạn đọc tiếp cận được toàn bộ di sản trí tuệ khổng lồ của nền văn minh này trong mọi lĩnh vực. Và rồi đây, chúng tôi sẽ tự hào giới thiệu tới bạn đọc những tác phẩm quan trọng của Arrian, Herodotus, Plutarch hay các công trình nghiên cứu đồ sộ của Edward Gibbon, v.v...

Lần xuất bản đầu tiên sẽ không tránh khỏi còn tồn tại những thiếu sót. Chúng tôi hy vọng nhận được sự góp ý chân thành của quý bạn đọc để hoàn thiện các tác phẩm đã được chuyển ngữ. Hy vọng quý bạn đọc sẽ thu được nhiều tri thức hữu ích khi lựa chọn các tác phẩm trong Tủ sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ALPHA

Lời giới thiệu

Arrian, hay Lucius Flavius Arrianus, tác giả cuốn sách này, là một triết gia, một quan chức, một nhà quân sự, người sinh trưởng trong gia đình giàu có – đó là tất cả những điều kiện xã hội của một trí thức tinh hoa đúng nghĩa theo truyền thống phương Tây, người sẽ được hưởng một nền giáo dục đủ cao và có cuộc sống đủ tách biệt khỏi những vấn đề thường nhật để có cái nhìn cao thượng nhưng thực tế, khách quan nhưng có chủ kiến về mọi vấn đề cần nhận thức. Đáng tiếc rằng cũng như những tác gia khác của thời cổ-trung đại, Arrian xứ Nicomedia có lẽ đã nghiên cứu và viết rất nhiều tác phẩm quan trọng, nhưng đa phần trong số đó đã không còn có thể tìm thấy. Tác phẩm *Những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế* là kiệt tác quan trọng hiếm hoi còn được đến ngày nay. Đây thực sự là một kiệt tác mà chỉ riêng ở lĩnh vực hẹp về khoa học quân sự, khoa học chính trị hay thậm chí nhân học, ta có thể nói ngay rằng không thể hiểu về quân sự cổ đại và tư duy phức hợp cổ-trung đại giữa huyền thoại-chiến công, nhà nước-quân đội, thần thánh-con người,... mà không tham khảo và đọc một cuốn sách như vậy. Cần nói thêm rằng, cho đến nay, Arrian chắc chắn là tác gia đã đọc nhiều nhất, biết nhiều nhất và có những tư liệu quan trọng nhất về nền quân sự Macedonia và Alexander Đại đế. Tất thảy những điều ấy cho phép hội tụ đủ điều kiện để ông viết nên một kiệt tác về một con người kiệt xuất.

Một con người kiệt xuất là người khiến người khác muốn đọc về họ sau khi nghe về họ – và đó là người mà những cá tính hẹp hòi nhất và con người nhất lại khiến chúng ta thấy họ gần gũi và đáng nhớ hơn bao giờ hết. Alexander Đại đế chính là một con người kiệt xuất như vậy. Nếu mỗi cuộc đời là một tác phẩm, thì tự cuộc đời của Alexander là một tác phẩm vĩ đại. Nếu mỗi anh hùng đều cần một sử thi để trở nên trọn-vẹn là một anh hùng, thì tác phẩm mà bạn đọc cầm trên tay đây chính là sử thi quan trọng hoàn thiện hình ảnh vị vua-thần chiến tranh của thế giới cổ-trung đại. Hãy đọc những câu cuối cùng trong kiệt tác này, để có thể bắt đầu đọc nó trong tinh thần của chính nó: *"... Nhưng là một con người, nếu ai đó coi thường Alexander, trước hết anh ta nên tự so sánh mình với ngài: bản thân anh ta, một kẻ tầm thường ít tiếng tăm còn Alexander là vị hoàng đế vĩ đại với những thành công mà không ngòi bút nào tả xiết, người cai trị hai lục địa, người mà danh tiếng đã được cả thế gian biết tới. Làm sao có ai đó dám lăng mạ ngài, khi người đó hiểu rằng sự khinh thị và mục đích tầm thường của anh ta chỉ chứng minh cho sự bất lực của bản thân mà thôi?... tôi tin rằng vào thời đại đó, không một dân tộc nào, không một thành phố nào, không một cá nhân nào lại không biết tới cái tên Alexander; không có một ai trên thế gian này giống như ngài, và do đó, tôi không thể không tin rằng có một vài quyền lực siêu nhiên nào đó liên quan tới cái chết của ngài...Trong cuốn sách này, tôi thừa nhận rằng bản thân có thấy Alexander phạm phải một số sai lầm, nhưng tôi không ngại ngần gì trong việc bày tỏ lòng ngưỡng mộ vô bờ bến đối với con người ngài. Ở những điểm tôi chỉ trích ngài, tôi cần phải làm như vậy vì tôi mong muốn được kể lại sự thật như tôi đã thấy, và do đó, giúp ích cho độc giả của tôi. Những điều này là động lực để tôi bắt đầu viết cuốn lịch sử này: và tôi cũng xin cảm tạ thần linh đã hỗ trợ tôi hoàn thành tác phẩm này"*.

Những tác phẩm Cổ-Trung đại nói chung là khó-hiểu và dễ-đọc với phần lớn những người muốn tìm hiểu – một mặt vì chúng thường bao hàm những ẩn ý cổ thuộc về một nghệ thuật văn chương mà đến nay gần như đã biến mất, nhưng mặt khác những người viết không sử dụng đến hệ thống thuật ngữ khoa học rắc rối hay những phương pháp nghiên cứu phức tạp nào. Dù vậy, xuyên qua mọi lớp vỏ ngôn ngữ và thời đại, có những điều luôn luôn khiến con người ở bất cứ nơi đâu bị thu hút, đó là sự huyền bí gắn liền với những tâm tình phàm tục, sự vĩ đại mà một nửa của nó là cá nhân và nhỏ nhen, những chiến công oanh liệt mà phần chìm là sự dằn vặt và những khát vọng dường như là tầm thường nhất, và những phẩm chất phi thường trong hình hài một con người nhân gian. Tác phẩm *Những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế* mà bạn đang cầm trên tay là một cuốn sách kỳ lạ và đáng đọc như thế.

Alpha Books trân trọng gửi đến bạn đọc tác phẩm giá trị này. Chúng tôi hy vọng, tác phẩm này của Arrian sẽ làm thỏa mãn những ai yêu thích tìm hiểu về nghệ thuật quân sự, chiến tranh, cũng như nền văn minh Hy-La. Trong quá trình hoàn thành tác phẩm, mặc dù đã rất cố gắng, song chúng tôi e rằng vẫn còn những thiếu sót. Bởi vậy, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc về bản dịch để hoàn thiện trong những lần xuất bản sau.

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ALPHA

Những cuộc chinh phạt của alexander đại đế[(1)]

Arrian, hay Lucius Flavius Arrianus, là một người Hy Lạp sinh ra vào khoảng một vài năm trước năm 90 sau Công nguyên (SCN), trong một gia tộc giàu có tại Nicomedia, thủ phủ của La Mã thuộc Bithynia. Cha của ông được công nhận là công dân La Mã, điều này cho phép Arrian bắt đầu sự nghiệp trong công cuộc phục vụ vương quyền. Vào khoảng năm 108 SCN, ông học triết học dưới sự hướng dẫn của Epictetus[(2)] và ghi chép những lời thuyết giảng của triết gia này trong cuốn *The Discourses* (tạm dịch: Những tranh luận) và tóm tắt các bài giảng của Epictetus trong *Manual (*tạm dịch: Sổ tay). Ông thăng tiến rất nhanh trong sự nghiệp. Vào khoảng năm 129 hoặc 130 SCN, ông đã là quan chấp chính. Một năm sau, ông được bổ nhiệm làm thống đốc một khu vực biên giới thuộc Cappadocia, điều này cho thấy Hoàng đế Hadrian[(3)] tin tưởng vào khả năng quân sự và quản lý của ông tới mức nào. Arrian chỉ huy hai quân đoàn La Mã và đông đảo quân đội đồng minh, gánh vác một trọng trách chưa từng có tiền lệ đối với người Hy Lạp trong giai đoạn đó. Năm 134 SCN, ông đánh đuổi quân xâm lược Alan khỏi vùng Armenia trong một cuộc chinh phạt mà ông đã mô tả trong *The Formation Against the Alans* (tạm dịch: Dàn trận chống lại quân Alan). Ông cũng viết *Tactical Manual* (tạm dịch: Nghệ thuật tác chiến) cho kỵ binh và *Circumnaviagation of the Black Sea* (tạm dịch: Hành trình qua biển Đen), một ghi chép về chuyến hải hành mà ông đã thực hiện từ Trapezus tới Dioscurias vào những năm 131-132 SCN. Ông đã rút khỏi chức vụ này hoặc bị triệu hồi trước thời điểm vua Hadrian băng hà vào năm 138, và trong phần đời còn lại, ông sống tại Athens và chuyên tâm vào việc viết lách. Arrian đã trở thành công dân Athens và trở thành quan chấp chính vào năm 145, điều khiến ông có đủ điều kiện trở thành thành viên của Hội đồng Areopagus[(4)], hội đồng quản trị chính của Athens. Không ai biết gì hơn về cuộc đời của ông. Những tác phẩm còn lại về thời kỳ Athens của Arrian bao gồm *On the Chase* (tạm dịch: Bàn về truy kích), cuốn *Những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế* gồm bảy quyển, và *Indica* (tạm dịch: Lịch sử Ấn Độ) – một ghi chép về chuyến hải hành từ Ấn Độ tới vịnh Ba Tư của hạm đội Alexander Đại đế.

Trích Lời tựa của dịch giả[1]

Sau khi thời đại Alexander khép lại, ngay từ đầu thế kỉ thứ II TCN, văn học Hy Lạp đã suy tàn một cách nhanh chóng, và trong suốt 100 năm – khoảng từ năm 50 TCN tới năm 50 SCN – khi nền văn học Latinh đang ở đỉnh cao, nó gần như đã tiêu biến. Nền văn học này đã có một lịch sử dài lâu, và từng là một trong những đỉnh cao vinh quang của thế giới trong khoảng 1000 năm. Tuy vậy, văn học Hy Lạp không hoàn toàn kết thúc. Thế kỷ thứ hai trong kỷ nguyên của chúng ta đã bắt đầu một cách khó khăn khi có một sự phục hưng tinh thần Hy Lạp, và tiếng Hy Lạp một lần nữa được sử dụng với vai trò là một ngôn ngữ văn học – dĩ nhiên, người ta đã luôn dùng tiếng Hy Lạp trên khắp những vùng đất rộng lớn ở phía đông của Đế chế La Mã, và những người La Mã được giáo dục đã quen thuộc với ngôn ngữ này cũng như những người Anh có học thức ngày nay quen với tiếng Pháp. Người ta không bao giờ xác định được thời điểm bắt đầu của một trào lưu văn học, và ngay từ thế kỷ thứ nhất của kỷ nguyên Kitô giáo, đã xuất hiện nhiều nhà văn Hy Lạp nổi tiếng, một trong số đó là Plutarch. Tuy vậy, không khó để xác định khởi đầu của thời phục hưng Hy Lạp, bắt nguồn từ sự kiện Hadrian lên ngôi vào năm 117 SCN. Phần nhiều nỗ lực và sức mạnh của thời phục hưng Hy Lạp, quả thực, nhờ vào người đàn ông xuất chúng này, vốn phần nào cũng là một nhà thơ và là người say mê văn học Hy Lạp cổ. Sự bảo trợ mà ông đem đến cho những nhà triết học Hy Lạp của thời đại đó bảo đảm cho sự vĩ đại và tầm ảnh hưởng ngày một gia tăng của họ, và ảnh hưởng này, tới lượt nó, lại tác động như một cú hích tới sự phục hưng của văn chương Hy Lạp. Hoàng đế Marcus Aurelius[2] đã viết cuốn sách nổi tiếng của ngài bằng tiếng Hy Lạp.

Arrian đã tích cực tham gia vào trào lưu phục hưng văn chương Hy Lạp. Trào lưu này cũng đã thu hút các nhà văn cùng thời khác, có thể nhắc tới một số tên tuổi như Appian[3], sử gia người Hy Lạp viết về La Mã; Pausanias[4], người mà tác phẩm Tour of Greece (tạm dịch: Dạo chơi Hy Lạp) của ông đã trở thành một trong những nguồn khảo cứu của tôi; Galen[5] – một tác gia viết về y học; và Lucian[6] với lối viết đơn giản nhưng hóm hỉnh một cách tuyệt vời – một tác giả mà trên nhiều phương diện là đáng đọc nhất trong tất cả những tên tuổi nêu trên.

Tất cả những nhà văn này đều sử dụng cách diễn đạt rất khác biệt so với ngôn ngữ Hy Lạp lúc bấy giờ. Họ *bắt chước lối viết cổ* (archaizing) một cách thận trọng, mô phỏng một cách có ý thức, hoặc cố gắng mô phỏng ngôn ngữ và phong cách văn chương của 300 hoặc 400 năm trước. Điều này chắc chắn ảnh hưởng tới chất lượng tác phẩm của các tác giả này. Họ rất dụng công trong sáng tác, và không có điều gì kiểu như phong cách "tự nhiên" tồn tại trong đó, mặc dù lớp hậu thế chúng ta ngày nay đã luôn tin rằng phong cách văn chương tuyệt vời nhất là phong cách đạt đến sự tự nhiên. Các nhà văn Hy Lạp trong thế kỷ thứ hai không hề nghĩ như vậy; đối với họ, các nhà văn vĩ đại của 400 hoặc 500 năm trước đã tạo ra một phong cách nghệ thuật chuẩn mực và cách duy nhất để có được sự xuất sắc đó là sao chép lại cách diễn đạt của các vị đó càng giống càng tốt. Chỉ có hai cuốn sách chúng

ta có ngày nay gần gũi với tiếng *koinê*, hoặc tiếng Hy Lạp của Syria và Tiểu Á thời đại đó, là cuốn Tân Ước và ghi chép của Arrian về những bài giảng của Epictetus. Trong nhiều thế kỷ, cả giới học giả lẫn những kẻ thông thái rởm, đều cho rằng tiếng Hy Lạp của kinh Tân Ước là thứ tiếng thiếu tinh tế và thấp kém – một trong những ví dụ tiêu biểu là lời giễu nổi tiếng của Nietzsche rằng Chúa hẳn đã học tiếng Hy Lạp, nhưng có lẽ ngài không xuất sắc lắm trong môn học này. Nhưng ngày nay, hầu hết chúng ta đã ngộ ra, và vẻ đẹp của tiếng Hy Lạp trong kinh Tân Ước, cũng như sức mạnh diễn đạt của nó khiến chúng ta ao ước rằng, phải chi những nhà văn của kỷ nguyên đó đã đón lấy thứ ngôn ngữ sống động ngay trên đôi môi của họ thay vì tìm kiếm nó trong những văn bản của quá khứ. Một ví dụ về việc tính chất nhân tạo này[(7)] có thể đi xa tới mức nào đã được chính Arrian cung cấp. Một trong những cuốn sách của ông – cuốn *Indica* (tạm dịch: Lịch sử Ấn Độ), có một phần ngắn được viết dựa trên ghi chép của Nearchus về chuyến hải hành từ sông Ấn tới vịnh Ba Tư – ông sử dụng, rõ ràng là để thay đổi, hoặc đơn giản để cho thấy rằng ông có thể sử dụng phương ngữ Ionic[(8)] như Herodotus.

Tiêu chuẩn lạ lùng này là một gánh nặng hầu như không thể chịu đựng nổi với các nhà văn thời kỳ đó. Trong số họ, chỉ Lucian vận dụng nó một cách khéo léo; những người còn lại, gồm cả Arrian, đều không tránh khỏi gượng gạo, chẳng khác gì việc một nhà văn Anh hiện đại, người ngưỡng mộ cách diễn đạt đầy màu sắc, mềm mại và sinh động của văn xuôi thời Elizabeth, đã quyết định viết phác họa những chân dung lịch sử theo phong cách của ngài Thomas North[(9)].

Do đó, từ quan điểm về phong cách, Arrian không phải là một nhà văn hàng đầu. Theo một cách nào đó, đây là một ưu điểm cho dịch giả; trong khi một dịch giả dịch những tác phẩm Hy Lạp kinh điển sẽ luôn cảm thấy thua kém bởi ý thức về một sự kém cỏi, thì người dịch tác phẩm của Arrian lại luôn cảm thấy hào hứng bởi cảm giác tự mãn, hầu như có thể thông cảm được, bằng cách làm lu mờ chính tác giả bởi cái mà Shelley[(10)], khi bàn về bản dịch *Symposium* (tạm dịch: Tiệc rượu) tuyệt hay của chính ông, đã gọi là "tấm mạng che màu xám phủ lên những từ ngữ của chính tác giả", và ở chỗ này hay chỗ khác, ông thậm chí đã hoàn thiện ý tứ của tác giả. Tuy nhiên, tác phẩm của Arrian, về cơ bản, là rõ ràng và dễ hiểu; và đó là một ưu điểm.

Danh sách những từ viết tắt

AJP	*Tạp chí Triết học Mỹ.*
CQ:	*Tạp chí Classical.*
Ehrenberg Studies:	*Xã hội cổ xưa và những thể chế. Những nghiên cứu đệ trình lên Victor Ehrenberg* (Ancient Society and Institutions. Studies presented to Victor Ehrenberg), E. Badian biên tập (Oxford, 1966).
Fuller:	Trung tướng J. F.C. Fuller, *Tài chỉ huy quân sự của Alexander Đại đế* (The General-ship of Alexander the Great) (London, 1958).
JHS:	*Tạp chí Hellenic Studies.*
Tarn, *Alexander*	Ngài William Tarn, *Alexander Đại đế* (Alexander the Great), 2 tập (Cambridge, 1948).
Tod:	M. N. Tod, *Tuyển tập những bản chép lịch sử Hy Lạp* (A Selection of Greek Historical Inscriptions), tập 2) (Oxford, 1948).
Wilchen, Alexander	Ulrich Wilcken, *Alexander Đại đế* (Alexander the Great), G. C. Richards dịch (London, 1932); tái bản với lời giới thiệu những nghiên cứu về Alexander, chú thích và thư mục tài liệu tham khảo của Eugene N. Borza (New York, 1967).

Dẫn nhập

Arrian ngày nay chỉ được nhớ tới với vai trò là tác giả của cuốn *Những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế* và là học trò của triết gia Epictetus, người đã gìn giữ những bài giảng của thầy mình khỏi sự lãng quên. Tuy nhiên, Arrian còn là nhân vật nổi tiếng trong thời đại của ông. *Những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế* chỉ là một trong số những tác phẩm lịch sử quan trọng, trong khi ông giữ chức quan chấp chính tại La Mã và Athens, đồng thời cai trị một khu vực biên giới của đế chế La Mã suốt một thời gian dài.

CUỘC ĐỜI CỦA ARRIAN

Flavius Arrianus Xenophon, tên đầy đủ[(1)] của Arrian, là một người Hy Lạp, sinh ra tại Nicomedia, thủ phủ của La Mã thuộc Bithynia, vào khoảng một vài năm trước năm 90 SCN[(2)]. Ông xuất thân trong một gia đình giàu có, và chính Arrian đã tiết lộ với chúng ta rằng ông giữ chức tư tế (priesthood) của nữ thần Demeter[(3)] và nữ thần Kore[(4)] trong thành phố. Giống như những người Hy Lạp giàu có khác, cha của Arrian được công nhận là công dân La Mã, rõ ràng là do một trong những hoàng đế Flavia[(5)], mà khả năng cao nhất là vua Vespasian, ban cho. Bởi vậy, Arrian ngay từ khi ra đời đã là một công dân La Mã đầy triển vọng trong sự nghiệp phục vụ vương quyền, nếu ông thực sự theo đuổi điều đó và có đủ năng lực cần thiết.

Arrian trải qua thời niên thiếu và tuổi trẻ tại mảnh đất quê hương, nơi ông hẳn đã được thừa hưởng một nền giáo dục thượng lưu Hy Lạp theo lối thông thường về văn học và hùng biện. Sau đó, cũng giống như nhiều người Hy Lạp trẻ tuổi khác có vị thế xã hội tương đương – những người theo đuổi sự nghiệp phục vụ vương quyền, Arrian quyết định hoàn thiện học vấn của mình bằng cách theo học triết học. Vào khoảng năm 108, ông đã tới Nicopolis ở Epirus, nơi nhà triết học Khắc kỷ Epictetus đã thành lập một trường học sau khi Domitian ra lệnh trục xuất các triết gia khỏi La Mã vào năm 92/93[(6)]. Epictetus là một người xuất chúng, đã từng chịu cảnh nô lệ, chủ yếu bận tâm tới những vấn đề đạo đức. Những bài giảng của ông nhấn mạnh vào việc mỗi cá nhân đều phải quan tâm tới tâm hồn của anh ta, coi thường sự giàu có và xa hoa, có nhiều điểm gần gũi với Kitô giáo. Quả thực, thi thoảng, người ta vẫn suy nghĩ một cách sai lầm rằng những quan điểm này hẳn đã chịu tác động của một tôn giáo mới. Giống như Socrates, Epictetus đã không để lại bất cứ trang viết nào, nhưng may mắn thay, ông đã để lại một ấn tượng khó phai đối với người học trò trẻ tuổi đến độ Arrian đã ghi chép lại những lời giảng của thầy mình và sau đó, đã xuất bản chúng trong cuốn *Discourses* (tạm dịch: Những tranh luận)[(7)] gồm tám quyển. Bốn trong số tám quyển này vẫn được lưu giữ cho tới ngày nay, đem đến cho chúng ta bức chân dung sinh động về một con người lỗi lạc. Ngoài ra còn có cuốn *Manual* (tạm dịch: Sổ tay) và *Handbook* (tạm dịch: Sách kim chỉ nam), mà trong đó, vì lợi ích của công chúng, Arrian đã kết hợp những nội dung chính trong bài giảng của Epictetus. Trong thời Trung đại, cuốn

sách này được ưa chuộng và trở thành cẩm nang cho đời sống trong tu viện. Rõ ràng là Arrian đã thu nhận được những tiêu chuẩn đạo đức cao từ Epictetus mà từ thước đo đó, ông đã đem ra để đánh giá Alexander Đại đế. Epictetus cũng nhiệt thành tán dương sự hối hận sau khi hành động sai trái, chúng ta nhận thấy thái độ tương tự khi Arrian ngợi ca cách hành xử của Alexander Đại đế sau khi giết Cleitus. Do Epictetus đã lấy trải nghiệm cuộc đời mình dưới thời Domitian ở La Mã để minh họa cho những bài giảng của ông, những luận bàn của Arrian về "nguyên nhân sụp đổ của các hoàng đế", kẻ nịnh thần, cũng xuất phát từ một nguồn tương tự.

Về sự nghiệp phục vụ vương quyền của Arrian cho tới khi ông giữ chức quan chấp chính vào năm 129 hoặc 130, chúng ta chỉ biết rằng ông đã phục vụ tại biên giới Danube, có thể là ở Gaul và Numidia. Sự nghiệp của Arrian có thể đã được thúc đẩy bởi niềm yêu thích văn hóa Hy Lạp của Hadrian, người đã kế vị Trajan, lên ngôi hoàng đế vào năm 117. Nhưng việc bổ nhiệm Arrian giữ chức thống đốc của Cappadocia, một năm sau khi ông giữ chức quan chấp chính là sự thừa nhận khả năng quân sự và tài cai trị của ông; bởi không có bằng chứng nào cho thấy Hadrian cho phép một tình cảm ủy mị nào đẩy đế chế của ngài vào tình trạng nguy hiểm. Trong thời gian khu vực biên giới rộng lớn và trọng yếu của Cappadocia đã mở rộng ra phía Bắc tới tận biển Đen, và dọc bờ biển phía Đông của nó từ Trapezus tới tận Dioscurias, Arrian đã được trao quyền chỉ huy hai quân đoàn La Mã và một lực lượng lớn đồng minh, một quyền chỉ huy hiếm có và có lẽ là vô tiền khoáng hậu đối với một người Hy Lạp trong giai đoạn đó. Đó là một khoảng thời gian đầy xáo trộn "được tạo ra bởi những cuộc chinh phạt ngắn ngủi của Trajan vượt ra ngoài vùng Euphrates, và bằng việc nhanh chóng quay trở lại chính sách phòng vệ của Hadrian"[(8)]. Vào năm 134, người Alan băng qua vùng Caucasus, đe dọa xâm lược Cappadocia và mặc dù họ không vượt qua được biên giới, Arrian vẫn được ghi nhận là người đã đuổi quân xâm lược ra khỏi vùng Armenia. Tác phẩm còn lại của Arrian, *The Formation against the Alans* (tạm dịch: Dàn trận chống lại quân Alan), mô tả cách sắp xếp lực lượng của ông, cùng với trật tự hành quân và những chiến thuật được tuân theo. Hai tác phẩm khác đánh dấu thời kỳ ông làm thống đốc vẫn còn tồn tại tới ngày nay, tác phẩm *Circumnavigation of the Black Sea* (tạm dịch: Hành trình qua biển Đen) và *Tactical Manual* (tạm dịch: Nghệ thuật tác chiến). Tác phẩm sau có niên đại vào khoảng 136/137 SCN. Cuốn sách chỉ quan tâm tới những chiến thuật của kỵ binh; vì Arrian nói rằng ông đã viết một tác phẩm về chiến thuật bộ binh. Cuốn *Circumnavigation of the Black Sea* là một ghi chép, dựa trên bản báo cáo chính thức (bằng tiếng Latinh) được ông, với vai trò thống đốc, đệ trình lên hoàng đế về chuyến hải hành từ Trapezus tới Dioscurias và hai chuyến đi khác để xây dựng nên một bản ghi chép về toàn bộ bờ biển Đen. Chuyến hải hành này diễn ra vào giai đoạn đầu Arrian nhậm chức – trong sách ông nhắc tới việc nghe tin về cái chết của vua Cotys năm 131/2 – nhằm kiểm tra những phòng tuyến trong khu vực của mình.

Arrian được bổ nhiệm chức thống đốc của Cappadocia năm 137, nhưng ông đã rời bỏ chức vụ này hoặc đã được triệu hồi trước thời điểm hoàng đế Hadrian băng hà vào tháng Sáu năm 138. Dường như ông không nắm giữ bất kỳ chức vụ nào cao hơn, vì nhiều lý do mà chúng ta chỉ có thể đoán chừng, nhưng ông đã tiếp tục cư trú tại Athens và dành phần đời

còn lại cho việc viết lách. Ông đã trở thành công dân Athens, và vào năm 145/146 ông đã giữ chức quan chấp chính, một chức vị cao của Athens cổ đại. Điều cuối cùng chúng ta biết về ông là vào năm 172/173, ông là thành viên của Hội đồng Areopagus, và năm 180, nhà thơ trào phúng Lucian đã nhắc tới ông bằng những từ ngữ cho thấy ông đã mất.

Những tác phẩm mà Arrian viết khi ở Athens rất phong phú và đa dạng. Trình tự sáng tác những tác phẩm này không thể được xác định một cách chính xác, nhưng chúng ta có thể tin tưởng rằng những tác phẩm đầu tiên của ông khi đó là tiểu sử của Dion[(9)] vùng Syracuse, Timoleon[(10)] vùng Corinth, và cuộc đời của Tilliborus, một kẻ cướp nổi danh, người đã gây tai họa cho Tiểu Á. Tất cả những tác phẩm này đều đã biến mất không một dấu vết. Trong những trước tác của mình, Arrian thường nhắc tới người trùng tên với ông, Xenophon người Athens, với tinh thần ganh đua và tìm kiếm phần bổ sung cho một cuốn sách của nhà văn cao tuổi hơn về cùng một chủ đề[(11)]. Bằng cách chọn cùng một nhan đề, *On the Chase* (tạm dịch: Bàn về truy kích), Arrian nhấn mạnh mối liên quan và thách thức sự so sánh. Quả thực, ông viết rằng ông đã dành cả tuổi trẻ của mình để theo đuổi những sở thích giống như của Xenophon thành Athens – săn bắn, chiến thuật, và triết học. Những tác phẩm lịch sử của ông ra đời muộn hơn. Ngoài cuốn *Những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế*, cuốn sách mà nhan đề và sự phân chia thành bảy quyển của nó rõ ràng đã bắt chước cuốn *Anabasis* của Xenophon, Arrian đã viết *Indica* (tạm dịch: Lịch sử Ấn Độ), một ghi chép về chuyến hải hành của hạm đội Alexander Đại đế từ Ấn Độ tới vịnh Ba Tư (dựa trên cuốn sách của Nearchus) được mở đầu bằng mô tả về Ấn Độ và con người xứ sở này. Trong *Events after Alexander* (tạm dịch: Những sự kiện sau khi Alexander qua đời) bao gồm mười quyển, chúng ta hầu như chỉ thấy tường thuật về hai năm đầu tiên. Phần còn lại đã biến mất – chắc chắn là mất mát lớn nhất trong số các tác phẩm của Arrian. Chúng ta chỉ sở hữu những phần không trọn vẹn từ những tác phẩm khác của ông, *Parthian History* (tạm dịch: Lịch sử Parthia) viết về những cuộc chinh phạt của Trajan trong 17 quyển, và *History of Bithynia* (tạm dịch: Lịch sử của Bithynia) kể lại câu chuyện về mảnh đất quê hương ông từ thời huyền thoại tới năm 74 TCN, khi vị vua cuối cùng, Nicomedes IV, đã trao lại vương quốc của ngài cho La Mã.

NHỮNG CUỘC CHINH PHẠT CỦA ALEXANDER ĐẠI ĐẾ

Cuốn sách này thực sự là một tuyệt tác của Arrian, một sự bảo đảm vĩnh viễn cho danh tiếng của ông. Arrian đã nói rõ về tầm quan trọng của cuốn sách này đối với ông:

"Tôi không cần tuyên bố danh tính của mình – mặc dù nó chưa từng được ai biết tới; tôi không cần ghi rõ quê hương tôi và gia đình tôi, hay bất kỳ một chức vụ nào mà tôi đã từng nắm giữ. Tôi chỉ muốn nói điều này: rằng cuốn sách này, từ khi tôi còn trẻ, đã quý giá hơn quê hương, dòng họ và sự thăng tiến – quả thực, đối với tôi, nó chính là tất cả những điều đó."

Arrian đã nắm bắt được một đề tài hấp dẫn, và một cơ hội tuyệt vời. Không một ai từng viết về Alexander nhiều hơn ông. Không một ai, dù là một nhà thơ hay nhà văn nào, có

được sự công minh như ông. Chừng nào những tác phẩm của những tác giả viết về Alexander trước đó còn tồn tại những sai lầm hiển nhiên, chừng đó một Alexander thực sự còn bị che giấu dưới lớp lớp những tuyên bố mâu thuẫn. Những tác giả này thậm chí không thể xác định chính xác địa điểm diễn ra trận chiến quyết định với Darius; họ không biết những ai đã cứu sống Alexander ở Ấn Độ. Chưa bàn tới việc Achilles – người may mắn được Homer thuật lại kỳ công, những người kém may mắn hơn, như những bạo chúa người Sicily chẳng hạn, cũng được ưu ái hơn Alexander. Cuốn sách của Arrian quả thực đã chấm dứt tình trạng này. Tầm quan trọng của Alexander Đại đế to lớn đến mức Arrian đã không ngần ngại thách thức cả những sử gia Hy Lạp vĩ đại.

Với nhiệm vụ này, Arrian đã sở hữu những lợi thế quan trọng. Chúng ta không thể nói điều gì chắc chắn về thời điểm ông bắt đầu viết cuốn sách này, nhưng nhiều khả năng là không phải ở nửa đầu thế kỷ thứ II. Lúc đó, ông khoảng 60 tuổi; ông chắc hẳn đã đọc rất nhiều tác phẩm về Alexander và quen thuộc với những sử gia cổ đại như Herodotus, Thucydides và Xenophon; ông đã viết một số lượng tác phẩm đáng kể, mặc dù không tác phẩm nào nhiều tham vọng như cuốn sách này; ông ít nhất đã có một nền tảng triết học và có trải nghiệm phong phú về quân trị lẫn cai trị; cuối cùng, và không hề kém quan trọng hơn, ông sở hữu một lương tri (common sence) vượt trội.

Tuy nhiên, ông cũng chia sẻ nhiều khó khăn lớn với những sử gia khác khi viết về Alexander Đại đế. Người đầu tiên trong số đó là Diodorus người Sicily, người xuất hiện khoảng 300 năm sau cái chết của Alexander Đại đế, người đã dành cuốn sách thứ 17 trong bộ *Universal History* (tạm dịch: Lịch sử thế giới) của mình để viết về triều đại của Alexander Đại đế. Quintus Curtius, nhà văn Latinh, đã viết cuốn *History of Alexander* (tạm dịch: Lịch sử về Alexander Đại đế) vào thế kỷ thứ I SCN, trong khi đó vào đầu thế kỷ thứ II, Plutarch, nhà viết tiểu sử người Hy Lạp, đã viết *Life of Alexander* (tạm dịch: Cuộc đời của Alexander Đại đế), cuốn sách cung cấp một bổ sung hữu ích cho Arrian. Cuốn *Philippic Histories* (tạm dịch: Lịch sử các diễn văn) của Pompeius Trogus, người viết sớm hơn Diodorus một chút, chỉ còn được lưu lại trong bản tóm tắt nghèo nàn của Justin (thế kỷ thứ III SCN)[(12)]. Tất cả các tác giả này đều phải đối diện với việc lựa chọn những chi tiết nào trong vô số những nguồn dữ liệu mâu thuẫn về cuộc đời của Alexander Đại đế. Bởi vậy, Arrian đã không cường điệu khối lượng dữ kiện mà chọn cách "đương đầu" với các sử gia về Alexander. Phần nhiều những tư liệu về vị hoàng đế này đã biến mất không một dấu vết, những gì còn lại, trong "hình hài" của những tác phẩm không trọn vẹn, gắn với một số tác giả hiện có, khẳng định tuyên bố của Arrian rằng có nhiều lời dối trá về Alexander và vẫn còn tồn tại nhiều phiên bản mâu thuẫn về hành động của vị hoàng đế này.

Nhiều người tháp tùng Alexander đã viết về cuộc viễn chinh và người lãnh đạo từ quan điểm riêng của họ[(13)]. Callisthenes[(14)], cháu của Aristotle, được coi như là "một chuyên viên báo chí" của Alexander trước người Hy Lạp – vì những đồng minh của ngài không hề nhiệt tình chút nào. Cũng chính Callisthenes đã viết một ghi chép về cuộc viễn chinh mà trong đó nhà vua, người chắc chắn "đã hiệu chỉnh" câu chuyện của Callisthenes, mang nhiều đặc điểm nổi bật của "các anh hùng trong thần thoại". Phiên bản chính thức này tất yếu phải dừng lại khi tác giả của nó bị bắt giữ, và sau đó bị hành hình vì nghi ngờ mưu phản. Sự kiện

cuối cùng được ghi chép lại là trận Gaugamela. Chares, viên thị thần hoàng gia, đã viết một cuốn sách về các giai thoại khi ông còn ở trong triều, trong khi Onesicritus, hoa tiêu chính của Alexander, học trò của Diogenes, đã để lại một ghi chép là sự pha trộn nguy hiểm giữa thật và giả. Đối với ông, Alexander là "một triết gia trong lĩnh vực quân sự", một người đàn ông mang sứ mệnh. Nearchus, người đã chỉ huy hạm đội của Alexander trong chuyến hải hành từ Ấn Độ tới vịnh Ba Tư, tiếp bước cùng với một ghi chép ít khoa trương hơn, nhưng không may là ghi chép này chỉ bắt đầu từ chuyến hải hành của ông. Sau đó, chỉ giới hạn trong những ghi chép cùng thời quan trọng nhất, chúng ta có những bản chép sử của Ptolemy, người mà sau khi Alexander băng hà, đã trở thành người cai trị và sau này là vua của Ai Cập, và bản chép sử của Aristobulus, người có vẻ là một kỹ sư hay kiến trúc sư. Về những ghi chép này, tôi sẽ bàn tới sau. Nhưng ghi chép về Alexander phổ biến nhất trong những thế kỷ sau đó – mà Cealius, bạn của Cicero, đã đọc được – lại được viết bởi một người không tham gia cuộc viễn chinh, Cleitarchus. Ông đã viết bản sử đó tại Alexandria vào cuối thế kỷ thứ IV, hoặc có thể muộn hơn. Cleitarchus đã mô tả Alexander như "một người anh hùng", như Callisthenes đã làm, và (có chút phi lý) như người sở hữu những phẩm chất tiêu biểu nhất của một vị vua Hy Lạp. Nhưng sức hấp dẫn chủ yếu của cuốn sách hầu như chắc chắn là từ những mô tả sống động và những tình tiết gây xúc động mạnh, chẳng hạn như việc Thais, gái điếm hạng sang của Hy Lạp đã dẫn dắt Alexander, một kẻ nghiện rượu trong cuộc truy hoan ồn ào dẫn tới việc đốt cung điện tại Persepolis, việc Alexander nhận những mặt hàng xa xỉ của người Ba Tư, bao gồm cả một hậu cung gồm 365 cung phi, rồi cuộc truy hoan kéo dài hàng tuần ở Carmania, vụ đầu độc Alexander, v.v...

Arrian đã đọc tất cả hoặc đọc phần nhiều những bản chép sử này. Ông chắc chắn quen với những lời phê phán của những trường phái triết học, đặc biệt là phái Khắc kỷ, và những nhà hùng biện[(15)]. Họ tìm thấy một sự tương hợp trong tật nghiện rượu, tính tự phụ của Alexander, sự thiếu hụt khả năng tự kiểm soát bản thân mà dần trở thành thứ bạo lực giết chóc và những tham vọng thần thánh của ngài.

Đối mặt với vấn đề về tính xác thực, Arrian quyết định, một cách rất khôn ngoan, sử dụng bản chép sử của Ptolemy và Aristobulus làm nền tảng cho câu chuyện của ông. Ở những chỗ mà hai phiên bản này khớp nhau, ông nhất trí coi những sự kiện đó là chân thực. Ở những điểm họ khác nhau, đôi khi ông dùng cả hai phiên bản; hoặc thường xuyên hơn, khi thấy nghi ngờ, ông chọn theo Ptolemy. Chắc chắn rằng, về những vấn đề quân sự, các ghi chép của Ptolemy là nguồn tham khảo chính của Arrian. Điều này không phải là một sự liều lĩnh. Vì Alexander đã mất trước khi hai sử gia này viết lịch sử về ngài, họ chắc chắn không thể kiếm được món lợi lộc nào từ việc dối trá, trong khi đó với Ptolemy, sẽ là sự nhục nhã cho một vị vua nếu ông bịa đặt. Không khó khăn gì khi tìm kiếm những lý do cho việc tại sao Aristobulus và đặc biệt là Ptolemy có thể không quan tâm tới việc nói sự thật hay tại sao họ lại che giấu một phần sự thật. Nhưng sẽ có lý hơn khi tin rằng, Arrian đã đi tới một quyết định, sau một quá trình nghiên cứu lâu dài các cứ liệu sẵn có, rằng những tác giả này cung cấp những ghi chép trung thực nhất và đáng tin nhất về Alexander. Để bổ sung cho những tác phẩm của họ, Arrian cũng sử dụng "những câu chuyện" của các sử gia khác, chẳng hạn như Callisthenes và Chares, ở những điểm có "mối liên hệ đáng kể và

đáng tin nhất".

Trong giới hạn mà chúng ta có thể nhận định, lựa chọn Ptolemy như là nguồn cứ liệu chính của Arrian là hoàn toàn đúng đắn, đặc biệt là khi ông quan tâm rất nhiều tới những vấn đề quân sự vì Ptolemy là một người chinh chiến nhiều kinh nghiệm, người đã góp phần vào nhiều cuộc chiến mà ông mô tả, mặc dù ban đầu không phải là một nhân vật xuất sắc. Những ghi chép của Ptolemy về những cuộc chiến lớn của Alexander, như chúng ta thấy qua con mắt của Arrian, không cách nào tránh được việc có những chỗ khó hiểu, có lẽ vì khó khăn của một người trong cuộc với việc duy trì một cái nhìn toàn cảnh về cuộc chiến. Chúng ta cũng nên ghi nhớ rằng Ptolemy đã không nằm trong Bộ tham mưu (The Staff) cho tới tận cuối năm 330. Những hoạt động quân sự khác, cụ thể là những hoạt động mà Ptolemy đã tham gia, đều được ghi chép với sự rõ ràng đáng ngưỡng mộ, mặc dù ông có khuynh hướng phóng đại đóng góp của mình[(16)]. Điều này có thể hiểu được và không quan trọng lắm. Khó cảm thông hơn là sự bôi nhọ Perdiccas có hệ thống một cách rõ ràng, người vốn là đối thủ khó ưa của Ptolemy trong cuộc tranh chấp quyền lực sau cái chết của Alexander[(17)]. Sai lầm chính trong cuốn sách của ông dường như là ở sự dè dặt về một vài tình tiết dễ gây tranh luận hơn hoặc có thể dễ mang tai tiếng về sự nghiệp của Alexander. Arrian đã không trích dẫn ông như một nguồn chính cho câu chuyện về vụ giết hại Cleitus, mặc dù khó có thể tin rằng Ptolemy đã không nhắc gì tới bi kịch này, trong khi đó các ghi chép của ông lẫn của Aristobulus đều là cơ sở để Arrian viết về nỗ lực của Alexander trong việc du nhập nghi lễ phủ phục (*proskynesis*[(18)]). Dường như Ptolemy đã không nói gì hơn về những tình tiết này. Điều tương tự có lẽ cũng xảy ra với "âm mưu" của Philotas và các cận thần trẻ tuổi, mặc dù ông đã buộc tội cả Philotas lẫn Callisthenes.

Cuốn sách của Aristobulus đã cung cấp một bổ sung hữu ích cho Ptolemy, vì Aristobulus dường như quan tâm hơn tới địa lý và lịch sử tự nhiên. Hầu hết các chi tiết địa lý và đo đạc địa hình trong *Những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế* đều được lấy từ cuốn sách của Aristobulus và ông cũng là người mô tả những tính toán đo đạc của Alexander nhằm cải tiến hệ thống kênh đào của Babylon và hàng hải trên sông Tigris. Aristobulus cũng là người được nhà vua ra lệnh khôi phục lăng mộ của Cyrus gần Pasargadae, nơi đã bị bọn trộm cướp tàn phá. Chúng ta mắc nợ ông những mô tả về lăng mộ này trước và sau khi bị cướp phá, những mô tả mà sau này đã được khảo cổ học hiện đại công nhận. Câu chuyện sống động về cuộc hành quân qua sa mạc Gedrosia với những quan sát về thực vật học có giá trị có lẽ cũng được khai thác từ cùng một nguồn. Cũng chính Aristobulus là người thuật lại công cuộc khai phá những bờ biển ở Ả Rập cùng những kế hoạch mà Alexander đã thực hiện cho cuộc chinh phục vùng đất này. Một trong những động lực viễn chinh của Alexander đã được Aristobulus tiết lộ là ngài muốn những người Ả Rập thừa nhận mình là một vị thần – điều mà chúng ta biết được từ Strabo[(19)], vì Arrian đã không nhắc tới nguồn cứ liệu mà ông đã sử dụng.

Tuy nhiên về khía cạnh cá nhân, trước tác của Aristobulus đặt ra nhiều nghi vấn. Trong khi Ptolemy sẵn lòng vượt qua những khía cạnh không mấy dễ chịu trong tính cách của Alexander, cuốn sách của Aristobulus dường như có tính chất "biện giải" rõ ràng khiến nó

có phần "khoa trương" (*kolax*). Sử gia này đã nhấn mạnh một cách công tâm sự rộng lượng của nhà vua đối với hoàng tộc Ba Tư bị bắt giữ, và kiên trì giữ quan điểm về việc Cleitus tự chuốc lấy rắc rối. Tuy vậy, mặc dù ông buộc tội Philotas và Callisthenes, ông rõ ràng dè dặt hơn Ptolemy khi đưa ra những nhận xét đánh giá. Sau đó, việc Aristobulus tuyên bố rằng đức vua không phải là một kẻ nghiện rượu nặng, dù ngài vẫn còn sa đà vào những dạ yến chỉ với mục đích đàm luận, hẳn đã khiến người ta cảm thấy nực cười. Chỉ riêng vụ giết hại Cleitus đã bác bỏ tuyên bố này. Trên thực tế, nó thể hiện một phản ứng thái quá từ quan điểm khó lòng bào chữa được về việc Alexander nghiện rượu. Nhiều sử gia đã mô tả nhà vua vào lúc cuối đời như là nạn nhân của nỗi sợ hãi có tính chất cuồng tín. Theo những gì họ thuật lại thì Alexander, nghe theo lời khuyên của các nhà tiên tri, đã hành hình một thủy thủ dám đeo dải băng có dấu hiệu hoàng gia và một người đàn ông dám ngồi lên ngai vàng. Tuy nhiên, Aristobulus lại nói rằng người thủy thủ đó chỉ bị phạt đánh và sau đó được thả đi, còn người đàn ông thứ hai đã bị hành hình vì động cơ của y, điều đó ngụ ý rằng, y không phải chịu nhiều đau đớn hơn. Tuy nhiên, điều này rất đáng nghi ngờ, nhất là khi kẻ này bị đem ra để trút giận. Mặt khác, Aristobulus thuật lại rằng chính nhà tiên tri Peithagoras đã kể với ông rằng Alexander rất ưu ái ông vì Peithagoras đã tiết lộ với ngài rằng kết quả của những lần hiến tế cho thấy một thảm họa sắp giáng xuống đầu ngài.

Arrian đã đem đến cho công trình của mình sự kiên nhẫn, lương tri, tri thức nhân văn sắc sảo cũng như trải nghiệm quân trị và cai trị đáng kể. Về những vấn đề quân sự, ông tôn trọng những kết quả mà Ptolemy đã đưa ra. Sau đó, ông đi theo một nguồn thông tin đáng tin cậy từ một nhóm nhỏ những người Macedonia, những người mà ông dường như luôn luôn hiểu rõ. Sẽ là nóng vội khi đánh giá thấp Arrian bằng cách nói rằng ông chẳng làm được gì nhiều ngoài việc tóm tắt trước tác của Ptolemy. Như vậy là không công bằng. Chúng ta chỉ so sánh ghi chép của Arrian về Issus hoặc về Gaugamela với ghi chép của Quintus Curtius[(20)], người chắc chắn đã tiếp cận cuốn sách của Ptolemy một cách trực tiếp hoặc gián tiếp qua một nguồn khác, để đánh giá thành tựu của ông. Điều này không có nghĩa là tác phẩm của Arrian về những hoạt động quân sự đã hoàn toàn làm thỏa mãn độc giả, hay ông đã nói với chúng ta mọi điều mà chúng ta muốn biết về quân đội Macedonia. Chẳng hạn, chúng ta không biết rằng người ta trả công cho những người lính thuộc các đơn vị khác nhau bằng hình thức nào, và quan trọng hơn, chúng ta gần như chẳng biết bất cứ điều gì về khâu hậu cần của quân đội. Một lần nữa, về trận Gaugamela, Arrian thất bại trong việc giải thích làm cách nào người đưa tin từ Parmenio có thể tìm tới Alexander sau khi anh ta đã bắt đầu đuổi theo Darius. Đôi khi ông dường như đã hiểu nhầm Ptolemy, vì việc người Macedonia tin rằng Alexander, sau khi băng qua sông Hydaspes, đã dẫn đầu đội kỵ binh của ngài với hy vọng có thể đánh bại toàn bộ đội quân Porus, là điều hoàn toàn không chắc chắn. Mặt khác, Arrian phê phán một cách hợp lý tuyên bố của Aristobulus về việc con trai của Porus đã được cử tới chỉ với 60 chiến xa để ngăn Alexander băng qua sông Hydaspes, và tán dương vị hoàng đế đã dám từ chối việc liều mạng tấn công người Ba Tư ngay trong đêm tại Gaugamela theo lời khuyên của Parmenio. Hơn nữa, Arrian gần như đã luôn sử dụng những thuật ngữ kỹ thuật rất chính xác, điều đem lại một sự trợ giúp lớn đối với sinh viên ngành lịch sử quân sự. Ông cũng quan tâm tới tên các vị chỉ huy của những đơn vị quân sự. Việc Arrian sử dụng *taxis* ("đơn vị") như là một từ hữu ích và "Chiến hữu"

(*Hetairoi*) để nói tới đội Kỵ binh Chiến hữu hoặc chỉ "Những người thân cận" của Alexander đã gây ra nhiều khó khăn, nhưng về điều này, Arrian hầu như không thể chịu trách nhiệm. Sự quan tâm tỉ mỉ tương tự hiển nhiên dành cho những vấn đề cai trị. Những sắc lệnh của các thống đốc được nhắc tới một cách đúng đắn, và trong suốt cuốn sách, với những người Macedonia Arrian cẩn thận viết thêm tên cha của họ, chẳng hạn như Ptolemy, con trai của Lagus, và đối với người Hy Lạp, ông viết thêm tên thành phố quê hương của họ. Nếu Arrian không làm như vậy, chắc chắn sẽ gây ra nhiều nhầm lẫn, vì xét thấy thiếu tên chính xác của những người Macedonia, và có vô số người mang tên Ptolemy hay Philip.

Tuy vậy, chúng ta phải lấy làm tiếc rằng Arrian đã giải thích chủ đề của ông theo một khuôn mẫu phần nào hạn hẹp, có lẽ là vì hình mẫu của ông, sử gia Xenophon, cũng chỉ tập trung vào cuộc viễn chinh *của mình*. Không giống như Polybius[(21)], Arrian không bàn luận *tại sao* Alexander xâm lược châu Á – tuy nhiên, ông hẳn sẽ nói rằng đó là vấn đề đối với sử gia của Philip và rằng Alexander không bao giờ nghĩ về việc ngừng lại một cuộc hành quân khi nó đã thực sự bắt đầu – ông cũng không nhắc tới những cuộc hành quân trước ở châu Á hoặc sự hiện diện của lực lượng Macedonia ở châu Á vào năm 334. Ghi chép của ông về những sự kiện vào năm 336, điều đã xác định những mối liên hệ của Alexander với những thành bang Hy Lạp, ít nhất về mặt hình thức, đã được xử lý một cách giản lược đến mức chỉ có thể hiểu một cách mơ hồ. Hệ quả là độc giả, tôi ngờ rằng, sẽ cảm thấy băn khoăn khi Arrian nói tới "những quyết định của người Hy Lạp" trong khi chẳng hề nhắc tới Liên minh Corinth. Trên thực tế, mối quan hệ của Alexander với những thành bang Hy Lạp và những sự kiện xảy ra ở Hy Lạp trong suốt cuộc viễn chinh hầu như hoàn toàn không được chú ý tới. Điều này, ở một vài mức độ, có thể hiểu và biện minh được, mặc dù những hy vọng của người Ba Tư về việc đẩy cuộc chiến tranh sang Hy Lạp vào năm 333 sẽ trở nên khó hiểu nếu không có cơ sở là sự bất mãn của Hy Lạp. Quả thực, thiên kiến của Arrian với Alexander dẫn ông tới chỗ xử lý hết sức sơ sài đoạn quan trọng này trong cuộc chiến cho dù âm mưu này của người Ba Tư đã sớm thất bại. Ngoài ra, độc giả hẳn phải cảm thấy rất hiếu kỳ, về chuyện đã xảy ra với Vua Agis của Sparta, người đã biến mất khỏi những trang viết của Arrian sau khi nhận 30 ta-lăng và 10 con tàu từ người Ba Tư, thậm chí là về cuộc nổi loạn của người Sparta vào năm 331 mà Alexander được thuật lại là có lưu tâm tới.

Arrian rõ ràng không hề nỗ lực đem đến một ghi chép toàn diện về chiến tranh, hoặc về những tiền đề của nó. Chúng ta chỉ tình cờ nghe thấy những vấn đề về đế chế Ba Tư đã diễn ra trước khi Darius lên ngôi vào năm 336, và mọi độc giả hẳn phải tự hỏi rằng: "Tại sao người Ba Tư lại cho phép lực lượng của Alexander băng qua châu Á mà không có sự phản kháng nào?" Thậm chí, sau khi cuộc viễn chinh bắt đầu, chúng ta còn được biết về điều người Ba Tư dự định làm khi họ liên hệ với Alexander. Chỉ trong đêm ở Issus vào tháng Mười một năm 333, chúng ta mới được nghe về những kế hoạch của Darius trong những tháng trước. Arrian đã thận trọng bỏ qua tình trạng của quân Ba Tư, như Giáo sư Brunt đã chứng minh[(22)]. Ông không phớt lờ những vấn đề của người Ba Tư, nhưng phương pháp của ông "là đi theo những cuộc tiến công và mô tả những hành động của chính Alexander."

Chân dung Alexander của Arrian, nói chung, rộng mở với việc phê bình hơn là tường thuật về những hoạt động quân sự của ông, một phần thông qua sự tin cậy của ông với

Ptolemy và Aristobulus. Tuy nhiên, bức chân dung Alexander này không đơn giản là một tổng hợp những cứ liệu của Arrian; bởi Arrian sở hữu một tính cách nổi trội mà chúng ta có thể nhận thấy một cách rõ ràng trong thái độ của ông đối với vấn đề tôn giáo và đạo đức. Phần nhiều những đặc điểm tính cách về Alexander mà Arrian mô tả là không thể bác bỏ được. Chúng ta có thể nhìn thấy rõ ràng những phẩm chất đã khiến vị hoàng đế này có thể duy trì vị trí thống lĩnh đối với quân đội trong vòng nhiều năm, một khả năng lãnh đạo táo bạo vốn luôn được mong đợi ở một vị tướng trong thời đại của Alexander Đại đế – dù Arrian không che đậy sự thật rằng những người dưới quyền vị hoàng đế này đôi khi cho rằng nhà vua đã đi quá xa trong việc mạo hiểm cuộc đời mình; niềm tin vào chiến thắng (điều hiếm khi không được như ý), mà cùng với điều đó, ngài đã truyền cảm hứng cho đội quân của mình; và cuối cùng là sự quan tâm của Alexander đối với sự sung túc của những người dưới quyền. Chúng ta cần nhớ rằng, sau chiến thắng tại Granicus, Alexander "quan tâm tới những người bị thương; ngài tới thăm họ, kiểm tra vết thương của họ, hỏi từng người xem họ bị thương như thế nào và trong hoàn cảnh nào, lắng nghe câu chuyện của họ và cho phép họ phóng đại tùy thích." Chúng ta nhớ lại sự quả quyết và ngoan cố của ngài trong nhiều giai đoạn khó khăn, nổi bật là trong lần đối đầu với sự kháng cự liều mạng của những người Tyre trong bảy tháng trời ròng rã, và lòng can đảm của ngài trong tai ương, được minh chứng bằng "hành động đáng khâm phục nhất", từ chối uống nước trong chiếc mũ sắt, vốn quá ít ỏi để cả đội quân chia sẻ, trong cái nóng như thiêu như đốt của sa mạc Gedrosia – một bằng chứng, mà như Arrian đã lưu ý, cho thấy khả năng chịu đựng và tài chỉ huy của Alexander. Arrian cũng tán dương cách cư xử rộng lượng của Alexander đối với Porus, một vị vua bại trận người Ấn Độ – mặc dù điều này không đồng nghĩa với sự giúp đỡ không vụ lợi – và lòng trắc ẩn của ngài đối với hoàng tộc Ba Tư bị bắt giữ. Trong cuốn sách, có nhiều ví dụ về tình cảm của Alexander đối với những chiến hữu của ngài, đặc biệt là với người *bạn chí cốt* Hephaestion. Lòng tin của vị hoàng đế đối với họ đã được mô tả một cách sinh động trong câu chuyện nổi tiếng với thầy thuốc Philip. Arrian cũng đã nhiệt thành bình luận về sự ăn năn của Alexander sau khi giết hại Cleitus.

Khi trí tưởng tượng của Arrian được nhen lên bởi những tình tiết như vậy, ông đã đẩy câu chuyện lên cao trào và đạt tới độ hùng biện. Trong hầu hết các phần, ông bằng lòng với việc để câu chuyện tự nói lên ý nghĩa của mình. Chắc hẳn, ông đã né tránh một cách thận trọng thuyết duy cảm và phủ nhận một cách rõ ràng sự thật về những câu chuyện được ưa thích kiểu như chuyến viếng thăm của nữ hoàng Amazon hoặc cuộc truy hoan kéo dài hàng tuần dọc Carmania. Có lẽ không đoạn văn nào mô tả sự ngưỡng mộ của Arrian đối với người anh hùng của ông tốt hơn và làm nổi bật giọng điệu tự sự của ông hơn là trong đoạn Arrian mô tả Alexander Đại đế trở về với đội quân của mình sau khi bình phục khỏi vết thương đã suýt khiến ngài bỏ mạng. Tôi xin trích dẫn phần cuối của đoạn này:

Ngài bước xuống gần khu trại và quân lính nhìn ngài bước đi; họ tập trung xung quanh ngài, chạm vào tay, vào đầu gối, vào quần áo của ngài; một vài người, bằng lòng với việc nhìn thấy ngài đang đứng gần, quay đi với lời cầu nguyện ở trên môi. Những vòng hoa được quàng lên ngài và những bông hoa dường như trở nên rực rỡ hơn.

Nhưng sự ngưỡng mộ hiển nhiên của Arrian đối với Alexander và những thành tựu của

ngài cũng không ngăn ông chỉ trích người anh hùng của mình vì ngài đã không đạt được những tiêu chuẩn cao mà một người khắc kỷ như Arrian cho rằng một ông vua nên đạt được. Cụ thể, Alexander đã bị phê phán một vài lần vì tham vọng quá lớn. Arrian không biết và sẽ không suy đoán về những hoạch định tương lai của Alexander, nhưng ông tin rằng vị hoàng đế này sẽ không bao giờ hết đam mê với những cuộc chinh chiến. Những nhà thông thái Ấn Độ đã được khen ngợi bởi quan điểm "mỗi người chỉ nên sở hữu mảnh đất mà anh ta đang đứng", và Alexander, mặc dù tán thưởng quan điểm này, vẫn luôn hành động hoàn toàn trái ngược. Rõ ràng là đối với Arrian, những cuộc chinh phục của Alexander chỉ là biểu hiện của tham vọng khôn cùng về danh tiếng. Điều này phần nào là sự thật, nhưng không phải là toàn bộ câu chuyện. Arrian đã chỉ trích lá thư của Alexander gửi cho Cleomenes, thống đốc Ai Cập, trong đó nhà vua hứa sẽ tha thứ cho những tội lỗi trong quá khứ của ông ta, đồng thời cho phép ông ta làm những việc cần thiết trong tương lai nếu ông ta xây dựng những đền thờ ở Ai Cập vinh danh Hephaestion. Sự hiểu biết và lòng nhân đạo của sử gia thể hiện rõ ràng trong thái độ của ông với vụ giết hại Cleitus. Hành động của Alexander đã khiến Arrian cảm thấy thương xót cho người đàn ông đã sa đà vào hai thói trụy lạc là nhục dục và rượu chè. Nhà vua đã không giữ được tự chủ – điều mà Arrian đã lưu ý từ trước rằng đây là yếu tố cần thiết để đem lại hạnh phúc. Quan điểm tương tự cũng xuất hiện trong bài diễn văn của Coenus tại sông Hyphasis khi ông nói với Alexander rằng: "Khi chúng ta được ưu đãi mọi thứ, tinh thần tự chủ là điều đáng khâm phục" – chắc chắn đây là quan điểm riêng của Arrian, dù nó có được Coenus chia sẻ hay không.

Theo quan điểm của tôi, nhược điểm chính trong chân dung Alexander của Arrian nằm ở hai chỗ – một là khuynh hướng che đậy khía cạnh ít hấp dẫn hơn trong tính cách của nhà vua mà hẳn bắt nguồn từ nguồn cứ liệu về ông, và hai là thất bại của Arrian trong việc đánh giá đúng mục đích của Alexander, đặc biệt là về vấn đề người Ba Tư.

Điều thứ nhất là rõ ràng khi viết về thời điểm trước khi cuộc viễn chinh bắt đầu. Những đồng minh Hy Lạp đã chê trách Alexander vì cuộc tàn sát người Thebes, phá hủy thành phố này và biến những người sống sót thành nô lệ. Trong *Những cuộc chinh phạt của AlexanderĐại đế* không có một điều gì được thuật lại về trách nhiệm của Alexander khi thông qua hình phạt này, mặc dù thực sự ngài phải chịu trách nhiệm về điều đó. Tuy nhiên, kể cả Plutarch, người mà không ai có thể buộc tội là có thái độ thù địch với Alexander, cũng ngầm cho rằng Alexander phải chịu trách nhiệm cho việc này; và mục đích của Alexander (khi thông qua hình phạt với Thebes), như Plutarch đã nhận thấy, là làm kinh sợ những thành bang Hy Lạp khác, khiến họ phải quy phục ngài. Về trận Granicus, Arrian thuật lại mà không bình luận gì về vụ thảm sát gần 18.000 lính đánh thuê Hy Lạp cũng như không hề lưu tâm tới sự dã man hay tính không thích hợp của nó. Tương tự, vụ thảm sát 7.000 người Ấn tại Massaga Ấn Độ cũng được kể tới mà không có một nhận xét nào. Về việc Philotas dính líu vào âm mưu chống lại nhà vua, Arrian bằng lòng chấp nhận tuyên bố của Ptolemy, mặc dù "những bằng chứng rõ ràng" cho tội lỗi này chưa được viện dẫn đầy đủ. Hơn nữa, việc đốt cháy cung điện tại Persepolis được nhắc tới rất ngắn gọn mà không hề đề cập tới một phiên bản khác cho rằng nó đã bị đốt trong một bữa tiệc rượu. Nhưng mặt khác, Arrian đã đem đến một ghi chép được cân nhắc kỹ hơn về vụ giết Cleitus so với Aristobulus, và rõ ràng ông miễn cưỡng chấp nhận những khẳng định của Ptolemy

và Aristobulus khi cho rằng Callisthenes có dính líu tới âm mưu phản loạn của các cận thần trẻ tuổi.

Điều mà độc giả hiện đại thấy thiếu vắng trong cuốn sách của Arrian là đánh giá về những vấn đề lớn hơn. Alexander xuất hiện như một nhà lãnh đạo lớn, một người chinh phục vĩ đại, người sở hữu một tham vọng khôn cùng, người đã đạt tới thành công tột đỉnh của nhân loại và nếu ngài đã phạm phải những tội ác lớn, ngài là người biết hối lỗi. Dĩ nhiên, cuộc chinh phạt đế chế Ba Tư là thành tựu vĩ đại nhất của Alexander, nhưng điều chúng ta muốn biết là phải chăng ngài còn hơn cả một nhà chinh phục vĩ đại nhất. Ngài đã xây dựng những kế hoạch gì cho đế chế của mình? Ngài muốn những thần dân của mình xây dựng phần nào trong đế chế đó? Giữa vô số những điều mơ hồ về Alexander Đại đế, có một điều rõ ràng là ngài rất hăng hái với điều mà những nhà văn hiện đại gọi là "chính sách liên minh". Biểu hiện rõ ràng nhất về chính sách này là lời cầu nguyện của ngài tại Opis – một lời cầu nguyện mà Arrian ghi chép lại nhưng không hề bình luận gì – rằng người Macedonia và người Ba Tư sẽ chung sống hòa bình và cùng nhau cai trị vương quốc. Đây là một quan điểm có tính cách mạng, mà chúng ta có thể chắc chắn rằng nó đã không được cả người Macedonia lẫn nhiều người Hy Lạp đồng tình. Theo Plutarch thuật lại thì đó là vì người thầy lỗi lạc nhất của Alexander Đại đế, triết gia Aristotle, người đã truyền cho ngài tình yêu văn chương Hy Lạp mà đặc biệt là những tác phẩm của Homer, đã viết thư khuyên răn vị vua trẻ hãy đối xử với những người Hy Lạp như một nhà lãnh đạo và đối xử với "những kẻ dã man" như một ông chủ. Thái độ khinh thị đối với "những kẻ dã man" này chắc chắn là phổ biến. Nhưng Alexander, người hẳn đã nghi ngờ điều này trước khi cuộc viễn chinh bắt đầu – Artabazus và những lãnh đạo người Ba Tư khác đều đã sống trong cảnh tha hương dưới triều đại của vua Philip khi Alexander còn là một đứa trẻ – đã nhanh chóng bác bỏ nó. Sau trận Gaugamela, chúng ta thấy Alexander đã chỉ định những người Ba Tư làm thống đốc, chắc chắn không phải vì thiếu những người Macedonia thích hợp với chức vụ này.

Arrian rõ ràng đã đồng tình với thiên kiến chống lại "những kẻ dã man" của Aristotle và không chấp nhận quan điểm của Alexander về tình hữu nghị giữa hai dân tộc. Trong lần mô tả tính cách của Alexander ở cuối cuốn sách, ông nhìn nhận việc hoàng đế chấp nhận trang phục của người Ba Tư và việc ngài nhập đội quân Ba Tư vào quân đội Macedonia chỉ như "một kế sách" để cho thấy ngài không có thái độ khinh thị với những thần dân Ba Tư của mình. Quả thực, Arrian đã sớm chê trách việc hoàng đế chấp nhận trang phục phương Đông như là một hành động "dã man" mà không có khác biệt nhiều lắm với hình phạt "man rợ" của ngài với Bessus[(23)]. Cả hai hành động, dưới con mắt của Arrian, đều làm nên giá trị con người của Alexander. Kể cả trong trường hợp Bessus, Arrian không nhận ra rằng Alexander với vị thế là một "Hoàng đế vĩ đại" đã sử dụng một hình phạt của người Ba Tư đối với Bessus. Ở một chỗ khác, ông cho rằng Alexander "đang dần hướng tới sự phung phí quá độ "của những kẻ dã man", và việc hoàng đế kết hôn với Roxane, công chúa người Bactria, là một hành động khai sáng. Về điều này, ông viết: "Tôi ủng hộ ngài hơn là chê trách." Arrian ý thức rõ về việc "Chính sách liên minh" cùng với việc chấp nhận trang phục Ba Tư và nghi lễ hoàng gia Ba Tư là một nỗi sỉ nhục cay đắng đối với những người Macedonia.

Men rượu khiến Cleitus dám tỏ bày những lời bất bình được sẻ chia và cảm thông sâu sắc, trong khi quy mô âm mưu phản loạn của các cận thần trẻ tuổi khiến người ta nghĩ rằng động cơ của họ phần nhiều không phải vì mục đích cá nhân mà là vì chính trị. Tuy vậy, Arrian chưa từng tự đặt ra câu hỏi rằng nếu chính sách liên minh đơn giản chỉ là một "phương kế" để lấy lòng người Ba Tư thì tại sao Alexander lại khăng khăng duy trì nó ở mức độ rộng lớn như vậy?

Plutarch đã có phần cường điệu khi cho rằng số lượng thành phố mà Alexander sáng lập đã lên tới con số 70. Trong *Những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế*, Arrian nhắc tới một con số ít hơn mười hai thành bang; đó không phải là lý do để phàn nàn, vì ông đã không đưa ra bản liệt kê nào. Chúng ta cũng không hề được biết về những động cơ của Alexander, mà như nhiều học giả cho rằng động cơ quân sự hoặc kinh tế, vốn chỉ là một phần trong sứ mệnh lan truyền văn hóa Hy Lạp khắp châu Á của ngài. Qua cuốn *Lịch sử Ấn Độ*, chúng ta được biết rằng ngài đã khuyến khích những người Cossaea từ bỏ thói quen du canh du cư để sống định cư trong những thành phố mới được xây dựng.

Theo ghi chép về những ngày cuối cùng của hoàng đế, Alexander thực sự đảm nhiệm rất nghiêm túc các sứ mệnh tôn giáo của mình. Arrian thường thuật lại rằng hoàng đế tổ chức lễ hiến tế hoặc tiệc rượu, và coi những lời tiên tri được đưa ra bởi những nhà tiên tri của ngài, nổi tiếng nhất là Aristander, là hoàn toàn chính xác. Chỉ có duy nhất một lần, trước việc vây hãm Tyre, Arrian đã mỉa mai: "Dù mơ hay không mơ, điều hiển nhiên là vây hãm Tyre là một việc vô cùng khó khăn." Tuy nhiên, thái độ phản đối hay hoài nghi của Arrian về việc nhà vua rất chăm lo tới chuyện thờ cúng trong thời đại của ngài – một thái độ mà Arrian chia sẻ với Plutarch và sử gia Appian – đã khiến ông không đánh giá đúng những tham vọng thần thánh của Alexander. Việc Alexander tin rằng ngài chính là con trai của thần Zeus-Ammon, vì tổ tiên của ngài, Hercules là con trai của thần Zeus, là rất chắc chắn, mặc dù phải thừa nhận là không thể đưa ra bằng chứng. Alexander đã lên đường tới Siwah[(24)] với "hy vọng biết thêm về bản thân một cách chính xác hơn, hay ít nhất là để nói rằng ngài đã biết được điều gì đó". Đối với Arrian, tuyên bố của Alexander chỉ là một "phương kế" khác nhằm gây ấn tượng với thần dân của ngài. Arrian bộc lộ thái độ hoài nghi tương tự về sự thần thánh của Alexander. Năm 324, các thành bang Hy Lạp, chắc chắn là để đáp lại "đề nghị" của nhà vua, đã gửi những *theoroi* (những sứ thần được gửi đi vì sứ mệnh thiêng liêng) tới để trao mũ miện bằng vàng cho ngài ở Babylon. Việc các sứ thần đó là những *theoroi* là không thể nghi ngờ; việc chính họ cũng đội mũ miện chứng minh điều đó. Nếu Arrian viết rằng "họ tới như những *theoroi* thực sự", sử dụng từ gốc Hy Lạp với hàm ý ngờ vực hoặc mỉa mai, ông hẳn có ý nói Alexander, vốn là một người phàm, sẽ không bao giờ có thể trở thành một vị thần. Các vị thần luôn bất tử, con người thì không, và "sau cùng", như Arrian đã bình luận một cách lạnh lùng, "Alexander mất không lâu sau đó".

Arrian đã đem đến một trước tác tốt nhất và đáng tin cậy nhất về cuộc viễn chinh của Alexander Đại đế, tránh được những cường điệu mà các vị tiền bối của ông mắc phải, đồng thời sửa chữa lại những chỗ nhầm lẫn của họ. Trong khi những ghi chép sử của Diodorus và Curtius, cụ thể là, tiểu sử của Plutarch đã soi sáng (và đôi khi làm mờ) tính cách của Alexander, có lúc là về cả những kỳ công quân sự của ngài, thì cuốn sách của Arrian lại là

nền tảng cho hiểu biết của chúng ta. Nó gây ấn tượng cho độc giả như thể đây là tác phẩm của người đàn ông trung thực nhất, người đã có những nỗ lực nghiêm túc và tỉ mỉ để khám phá sự thực về Alexander Đại đế – một nhiệm vụ dường như là bất khả trong thời đại của ông – và là người đã phán xét với lòng nhân ái những nhược điểm mà một người đàn ông đã bộc lộ ra trước những cám dỗ của vương quyền tối cao. Chúng ta không phủ nhận những điểm hạn chế của cuốn sách, nhưng cần phải ghi nhớ rằng quan điểm của Alexander về đế chế của ngài, gồm cả những kẻ chinh phục Macedonia và những kẻ bị chinh phục Ba Tư, đã biến mất cùng với ngài. Việc làm thế nào để chung sống với kẻ bị chinh phục và liên kết làm một với họ trong một chính quyền là một quan điểm đã không được hoàn thiện cho đến rất lâu sau khi Alexander qua đời.

QUÂN ĐỘI CỦA ALEXANDER ĐẠI ĐẾ[(25)]

Vào mùa xuân năm 334, Alexander khởi hành từ Macedonia, rời Antipater với 12.000 bộ binh và 1.500 kỵ binh để bảo vệ mảnh đất quê hương và trông chừng những thành bang Hy Lạp. Quy mô của đội quân mà cùng với nó, ngài đã băng qua eo biển Hellespont được ghi chép lại rất khác nhau, tổng số dao động trong khoảng 30.000 tới 43.000 bộ binh và từ 4.000 tới 5.500 kỵ binh. Nhưng con số chi tiết mà Diodorus đưa ra: 32.000 bộ binh và 5.100 kỵ binh, về cơ bản, gần với tổng số mà Arrian (Ptolemy) đưa ra, và có thể là con số chính xác. Quy mô và cách bố trí lực lượng giữ khu vực chiếm được trên đất của địch tại Abydos – nơi chắc chắn đã có sự xuất hiện của vài đội quân vào năm 334 – chưa được biết tới, nhưng có nhiều khả năng nó chỉ là một lực lượng nhỏ và chủ yếu là bộ binh đánh thuê.

Trụ cột của bộ binh là bộ binh hạng nặng Macedonia, "Bộ binh Chiến hữu" (Foot Companions), đã được tổ chức dựa trên nền tảng quân địa phương thành sáu tiểu đoàn (*taxeis*), mỗi tiểu đoàn khoảng 1.500 người. Thay vì mang theo cây thương chín feet (gần 3 mét) như bộ binh hạng nặng của Hy Lạp, bộ binh Macedonia được vũ trang với một thanh giáo hoặc *sarissa*[(26)] khoảng từ 4 đến 4,3 mét, mà phải dùng cả hai tay mới sử dụng được. Một tấm khiên tròn, màu sáng được đeo ở vai trái, nhỏ hơn tấm khiên thường được lính Hy Lạp mang theo và sử dụng bằng tay trái. Cả bộ binh Hy Lạp lẫn Macedonia đều mặc giáp và đội mũ sắt, nhưng có thể là lính Macedonia không mặc giáp che ngực[(27)]. Đội hình *phalanx* (một thuật ngữ tiện dụng để chỉ toàn bộ bộ binh Macedonia hạng nặng), giống như tất cả những đội quân Macedonia khác, đều được vua Philip áp dụng một tiêu chuẩn rèn luyện và kỷ luật xuất sắc. Không giống như đội hình *phalanx* mà người La Mã đã chạm trán khoảng một thế kỷ trước, đội hình *phalanx* của Alexander có tính cơ động cao và có khả năng áp dụng chiến thuật nhanh, như chúng ta sẽ được thấy khi đọc sáu chương đầu tiên trong cuốn sách của Arrian.

Trong trận chiến, cánh phải của đội hình *phalanx* được bảo vệ bởi những *Hypaspist* hay "Vệ quân". Họ là một tập hợp những người xuất sắc, bao gồm tiểu đoàn Hoàng gia (*agema*) và hai tiểu đoàn khác, mỗi tiểu đoàn xấp xỉ 1.000 người. Alexander thường sử dụng họ trong những cuộc hành quân nhanh chóng và những hoạt động lưu động khác, thường kết

hợp với kỵ binh và những đội quân vũ trang hạng nhẹ. Điều này cho thấy, mặc dù không được chứng minh, rằng vệ quân được vũ trang sơ sài hơn bộ binh hạng nặng; nhưng nếu như vậy, chúng ta không rõ điểm khác biệt này dựa vào đâu.

Các thành viên của Liên minh Corinth đóng góp 7.000 bộ binh hạng nặng, trong đó có 5.000 lính đánh thuê Hy Lạp. Phần còn lại trong bộ binh của Alexander bao gồm 7.000 quân Thracia và Illyria, được trang bị lao và hai đội bắn tên do người Crete và Macedonia chịu trách nhiệm. Đơn vị xuất sắc nhất trong số những đội quân trang bị hạng nhẹ là quân Agrianes, gồm 1.000 người. Họ được đánh giá rất tốt trong tương quan với lính Macedonia và xuất sắc không kém những Gurkhas[(28)] trong quân đội Ấn Độ. Về phía các đội quân đồng minh, họ đã sát cánh bên Alexander trong suốt các cuộc chinh phạt và được Arrian nhắc đến khoảng 50 lần. Cùng với những cung thủ và vệ quân, quân đồng minh đã góp phần trong tất cả những lần trinh sát, các trận đánh nhỏ, đồng thời đã chiến đấu rất anh dũng trong nhiều chiến dịch.

Niềm kiêu hãnh giữa đội kỵ binh được nắm giữ bởi "Những chiến hữu Hoàng gia" (Royal Companions) người Macedonia. Đội quân này ban đầu có 1.800 kỵ binh, chia thành tám tiểu đội hay *Ilai*, tất cả ở dưới quyền chỉ huy của Philotas, con trai của Parmenio. Trong số đó, Tiểu đội Hoàng gia, bao gồm khoảng 300 người, là vệ quân riêng của Alexander, đội quân mũi nhọn cho sức mạnh tấn công của kỵ binh trong những trận đánh lớn. Vị trí của họ là ở bên cánh phải của vệ quân, những người có nhiệm vụ duy trì liên kết giữa Kỵ binh Chiến hữu và đội hình phalanx. Bên cánh trái của đội hình phalanx là kỵ binh Thessaly, bao gồm khoảng 1.800 người vào lúc khởi đầu cuộc viễn chinh. Đặt dưới quyền chỉ huy chung của Parmenio, họ đảm nhận nhiệm vụ khó khăn tại Issus và Gaugemela là giữ chân lực lượng kỵ binh xuất sắc của người Ba Tư càng lâu càng tốt trong khi Alexander tung ra đòn quyết định ở cánh phải. Những đồng minh Hy Lạp đã cung cấp 600 kỵ binh, và phần còn lại là 900 quân, được hợp thành bởi những người Thrace, Paconian, và "Lính trinh sát" (*Prodomoi*), những người còn được gọi là "Kỵ binh đánh giáo" (*Sarissophoroi*) vì họ được trang bị *sarissa*, có thể là ngắn hơn những chiếc sarissa mà bộ binh sử dụng. Việc những kỵ binh hạng nhẹ là người Macedonia hay người Thrace là không rõ ràng; nhưng chắc chắn họ được phân biệt với "quân Thrace". Cuối cùng, mặc dù Diodorus không nhắc tới kỵ binh đánh thuê trong danh sách lực lượng của ông, Alexander có thể đã có một vài đội như vậy ngay từ đầu. Trước trận Gaugamela, ít nhất, ngài có thể đã sở hữu khoảng 1.000 lính đánh thuê[(29)].

Bất chấp nhu cầu về những đơn vị đồn trú tại Tiểu Á và Ai Cập, quân đội của Alexander tại Gaugamela đã lên tới con số 40.000 bộ binh và 7.000 kỵ binh. Theo như Arrian thuật lại, chỉ một vài viện quân đáng kể tới từ quân đội Macedonia và quân đồng minh khi Alexander đặt chân lên đất Gordium vào đầu năm 333. Không có bằng chứng nào cho thấy Alexander đã nhận được quân viện trợ trước trận Gaugemela. Quintus Curtius, người đã thuật lại rằng sau năm 331 Alexander đã nhận được nhiều viện quân, cũng chỉ nhắc tới những viện quân của lính đánh thuê trong giai đoạn này. Rõ ràng sự gia tăng về số lượng binh lính phần lớn là do tuyển mộ lính đánh thuê từ Hy Lạp và những lính đánh thuê đã từng chiến đấu cho Ba Tư. Alexander ban đầu đối xử với nhóm sau như những kẻ phản bội,

nhưng sau này, khi nhận ra rằng điều này chỉ kích động sự kháng cự liều mạng nên sau đó vài tháng, ngài đã thay đổi chính sách của mình. Nhiều đơn vị đồn trú của Alexander bao gồm phần lớn là lính đánh thuê.

Ngay sau trận Gaugamela, Alexander nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ của quân đội Macedonia, không ít hơn 6.000 lính bộ binh và 500 kỵ binh. Điều này cho phép ngài thành lập tiểu đoàn thứ 17 cho bộ binh, điều chắc đã diễn ra vào đầu năm 330[30]. Những tiểu đoàn khác chắc hẳn vẫn duy trì được sức mạnh trong một thời gian. Đó là phân đội Macedonia cuối cùng mà Alexander nhận được cho tới khi ông trở về phía Tây sau cuộc chinh phạt Ấn Độ, và cũng không có lý do thuyết phục nào về việc ông nhận được một đội quân tiếp viện nào khác. Vào năm 333, những đội quân đồng minh từ các thành bang Hy Lạp và từ Thessaly đã được thải hồi tại Ecbatana. Chúng ta được thuật lại là nhiều người trong số họ đã được tuyển mộ lại như những lính đánh thuê. Lính đánh thuê Hy Lạp được sử dụng ngày càng nhiều, và những đơn vị đồn trú tại nhiều thành phố được Alexander lập ra tại những tiểu bang (satrapy) miền Đông, thường gồm những lính đánh thuê này cùng với cư dân bản địa và một vài người Macedonia không đủ sức khỏe. Có thể đoán được rằng một phần trong số 10.000 bộ binh và 3.500 kỵ binh được để lại để bảo vệ Bactria vào năm 327 đều là người Macedonia.

Sau Gaugamela, mô hình chiến tranh đã thay đổi. Ở Bactria và Sogdiana, Alexander nhận ra ông đang phải đương đầu với sự kháng cự của cả một dân tộc đặt dưới sự lãnh đạo của Bessus và sau đó là Spitamenes, những người đã gạt đi những mâu thuẫn lớn và tập trung mở rộng chiến tranh du kích. Để có thể đối phó với kiểu chiến đấu linh hoạt này, vào năm 329, Alexander đã tiến hành một thay đổi quan trọng trong việc tổ chức Kỵ binh Chiến hữu. Chúng ta không còn nghe về tám *tiểu đội* (*Ilai*), mà nghe nói đến (ít nhất) tám *trung đoàn* (*Hipparchiai*), mỗi trung đoàn bao gồm hai tiểu đội hoặc nhiều hơn. Một số tiểu đội này dường như bao gồm cả những kỵ binh xuất sắc người Ba Tư[31]. Dĩ nhiên, Alexander đã sử dụng kỵ binh Ba Tư bên ngoài Kỵ binh Chiến hữu. Vào đầu năm 330, chúng ta được biết về đơn vị kỵ binh phóng lao người Ba Tư, và tại trận chiến sông Hydaspes vào năm 326, Alexander đã sử dụng đội quân của Daae, những cung thủ cưỡi ngựa, cũng như những kỵ binh từ Bactria, Sogdiana, Scythia, Arachotia, và vùng Parapamisus hoặc vùng Hindu Kush[32].

Tại Massaga ở Ấn Độ, người ta thuật lại rằng Alexander đã cố gắng tuyển mộ lính đánh thuê Ấn Độ cho quân đội của mình, nhưng khi họ có ý định đào ngũ, ngài đã tàn sát hàng loạt nhóm binh lính. Không có đợt tuyển mộ lính Ấn Độ nào khác được ghi chép lại, và đội quân Ấn Độ duy nhất trong quân đội của Alexander mà chúng ta được biết là đội quân do các vương gia (rajah) Taxiles, Porus và thành phố Nysa cung cấp với tổng số khoảng 11.000 người. Tuy nhiên, nếu Nearchus chính xác khi nói rằng (*Indica* 19.5) ngay khi bắt đầu chuyến hải hành xuôi theo sông Hydaspes, Alexander mang theo 120.000 quân lính (Curtius 8.5.4) đưa ra con số tương tự về quân đội của ngài khi bắt đầu cuộc chinh phạt Ấn Độ; Plutarch (*Alexander* 66.4) cũng thuật lại tương tự về lực lượng (kỵ binh) mà Alexander mang theo khi rời Ấn Độ, Alexander chắc hẳn phải có một lượng quân Ấn Độ rất lớn trong

quân đội của mình. Nhưng sự hiện diện của họ chỉ là tạm thời, bởi không có dấu hiệu nào cho thấy có bất kỳ người Ấn Độ nào quay trở lại phía Tây cùng với ngài.

Giữa những lời than phiền của người Macedonia vào năm 324, Arrian nhắc tới việc thành lập trung đoàn kỵ binh thứ 15 mà hầu hết bao gồm những người Iran, nếu chúng ta chấp nhận việc hiệu đính của Giáo sư Badian với trước tác của Arrian[33]. Điều này có nghĩa là việc phân chia Kỵ binh Chiến hữu thành tám trung đoàn đã bị loại bỏ, và chỉ trong một thời gian ngắn, sau khi trở về từ Ấn Độ, Kỵ binh Chiến hữu chỉ còn bốn trung đoàn. Đôi khi người ta nói rằng thay đổi này phản ánh những tổn thất trong suốt cuộc hành quân qua sa mạc Gedrosia. Đội quân của Hephaestion được miêu tả như một "Chiliarchy", một nhóm gồm 1.000 người, và mặc dù thực sự Hephaestion đúng là một "Chiliarch[34]" hoặc một "Vizier", điều đó không có nghĩa hiển nhiên là phải giữ lại *tên* của ông dẫn đến đội quân của ông được gọi là "chiliarchy của Hephaestion", thay vì "trung đoàn của Hephaestion". Điều này, đối với tôi, dường như có nghĩa là những trung đoàn mới (trên danh nghĩa) có khoảng 1.000 người. Nếu như vậy, việc thay đổi sẽ được tiến hành trong cách tổ chức, hợp nhất kỵ binh vào những đơn vị yếu hơn và mạnh hơn.

Vào năm 324, khoảng 30.000 người Ba Tư trẻ tuổi (những "Người nối nghiệp"), được rèn luyện theo kiểu mẫu của Macedonia trong ba năm ròng, đã được sáp nhập vào đội quân của Alexander tại Susa. Cùng năm đó, sau cuộc binh biến tại Opis, Alexander đã gửi những người Macedonia không đủ sức khỏe hoặc đã quá tuổi phục vụ quân ngũ, khoảng 10.000 bộ binh và 1.500 kỵ binh, chắc hẳn là phần lớn lực lượng Macedonia của ngài, trở lại quê hương. Vào năm 323, quân tiếp viện đã tới Babylon. Philoxenus đã mang theo một đội quân từ Caria và Menander mang một đội quân từ Lycia, trong khi Menidas đã tới cùng đội kỵ binh dưới quyền chỉ huy của ông. Chắc hẳn là, như Brunt giả định[35], đó là những phân đội mới đến từ Macedonia để thay thế cho những cựu binh đang trên đường về nhà. Từ năm 331, Alexander đã không tuyển mộ thêm nhân lực từ quê hương. Tuy nhiên, việc có phải Alexander muốn giảm bớt yếu tố Macedonia xuống mức không đáng kể trong quân đội của ngài hay không thì không chắc chắn. Hơn nữa, Peucestas đã mang tới 20.000 cung thủ và những lính bắn đá người Ba Tư, cũng như một lực lượng đáng kể quân Cossaea và Tapurian, mà có thể là kỵ binh. Lúc đó, Alexander đã thực hiện cuộc cải cách cuối cùng của ngài. Những người Ba Tư đã hợp nhất vào các đơn vị Macedonia theo một cách thức mà mỗi trung đội bao gồm bốn phó chỉ huy người Macedonia và mười hai người Ba Tư, mỗi người đều được vũ trang theo kiểu mẫu dân tộc của họ.

Trong tương lai, sau đó, hoặc ít nhất là trong tương lai gần, quân đội ở châu Á chủ yếu bao gồm những phân đội người Iran. Theo lời thuật lại của Quintus Curtius, dấu hiệu duy nhất về quy mô của hợp phần Macedonia đã được đưa ra trong bài diễn văn mà Alexander đọc nhưng đây hẳn là sáng tác riêng của sử gia. Trong đó nhà vua nhắc tới đội quân gồm 13.000 bộ binh và 2.000 kỵ binh, tất cả đều là người Macedonia, ngoại trừ những đơn vị đồn trú.

Quyển Một

Nếu có ai đó băn khoăn vì sao tôi lại tiếp tục đào xới những bước đường viễn chinh của Alexander, việc mà rất nhiều người đã thực hiện, thì xin quý vị hãy dành chút thời gian đọc trọn tác phẩm rồi hãy đưa ra những đánh giá khách quan nhất về công trình của tôi.

Đối chiếu những ghi chép của Ptolemy và Aristobulus về Alexander Đại đế, con trai của vua Philip xứ Macedonia, ở những điểm giống nhau tôi đều thực hiện việc khảo cứu về độ xác thực của những dữ liệu này, còn ở những điểm khác nhau, tôi lựa chọn điều mà tôi cảm thấy có nhiều khả năng xảy ra hơn và thú vị hơn[(1)]. Cuộc đời của Alexander vĩ đại và bí ẩn hơn bất kỳ nhân vật lịch sử nào – việc tái hiện cuộc đời ông trên trang giấy, dù là của bất cứ tác gia nào, luôn dẫn đến những tranh cãi không dứt về tính xác thực; tuy vậy, dường như đối với tôi, việc sử dụng những cứ liệu của Ptolemy và Aristobulus là đáng tin hơn cả, vì Aristobulus là người đã sát cánh trong những cuộc viễn chinh của Alexander, còn Ptolemy có ưu điểm là một vị vua, mà việc nhầm lẫn sẽ đem lại sự xấu hổ cho người hơn bất kỳ ai. Hơn nữa, Alexander đã qua đời khi những người này viết về ông nên họ không phải chịu một áp lực nào, và họ cũng không thể thu được món lợi nào từ việc xuyên tạc sự thật. Một vài tuyên bố của những sử gia khác về Alexander có thể tương ứng với những truyền thuyết phổ biến: một vài trong số đó thú vị và nhiều khả năng là sự thật, tôi cũng đã nhắc đến chúng trong công trình của mình.

Vua Philip của Macedonia qua đời khi Pythodelus đang là quan chấp chính ở Athens[(2)]. Người kế vị ông, Alexander, khi đó chỉ tầm 20 tuổi[(3)]. Tương truyền rằng, khi vừa kế vị, Alexander đã tới Peloponnese, yêu cầu tất cả các thành bang trong Hy Lạp một lần nữa thể hiện sự trung thành như đã thể hiện với cha ngài bằng việc tập hợp lực lượng, và khởi phát một cuộc viễn chinh tới xứ Ba Tư. Sự khước từ duy nhất là từ phía những người dân thành Lacedaemon (Sparta), viện dẫn những truyền thống xưa cũ rằng không thể để ngoại nhân là người thống lĩnh. Cũng tại Athens, có nhiều vấn đề đã nảy sinh; nhưng mọi chướng ngại cuối cùng đã bị phá bỏ với sự xuất hiện của Alexander. Thậm chí vị hoàng đế trẻ tuổi còn nhận được những cam kết ủng hộ mạnh mẽ hơn cả thân phụ ngài là Philip[(4)] lúc sinh thời. Sau khi dàn xếp xong việc này, Alexander trở lại Macedonia và chuẩn bị cho cuộc chinh phạt châu Á.

Chiến cuộc đánh dấu cho năm trị vì đầu tiên của Alexander là cuộc đột kích vào xứ Tharce, vùng đất nằm ở biên giới phía bắc quê hương Macedonia của ngài vào mùa xuân năm 335 TCN, nơi đang bị xới tung vì cuộc tranh chấp của người Triballi và Illyria[(5)]. Để chu toàn cho cuộc viễn chinh sẽ vươn tới đất Ba Tư bên kia bờ đại dương, việc sáng suốt nhất cần làm ngay là dẹp yên những hỗn loạn ở vùng đất cận kề xứ sở của ngài.

Trong vỏn vẹn mười ngày, Đại đế và đội quân hùng mạnh của ngài đã bỏ lại sau lưng Amphipolis, thành phố bên bờ biển Aegea, rời Philippi và ngọn núi Orbelus, băng qua

Nestus, tới ngọn Haemus. Ở đây, chắn giữa ngài và tập hợp lực lượng dân bản địa[6] cùng những người Tharce trên đỉnh là triền núi dốc, nơi chỉ có thể hành quân từng đơn vị một. Những người Tharce tự do với vũ khí lăm lăm trong tay đã tập hợp một hàng rào chắn bằng các chiến xa, với dụng ý xa hơn là sẽ đè bẹp hoàn toàn đội quân Macedonia khi những binh lính này đang dần tiến lên từ triền núi. Họ hy vọng rằng sự va chạm với chiến xa sẽ gây ra tổn thất cho quân đội kẻ thù, từ đó, tạo được thế cân bằng về lực lượng.

Đứng trước thử thách phải vượt qua ngọn núi với ít tổn thất nhất, Alexander đã đưa ra đối sách là dùng bộ binh hạng nặng đi theo đội hình phalanx, trong đó từng chiến binh nhích từng bước một với khiên che kín trên đầu; họ di chuyển sát nhau thành một đội hình chặt chẽ nhất có thể, với cách thức này khi các chiến xa lăn xuống triền núi, chúng sẽ lao vượt qua họ mà không gây ra thương tích gì. Chiến lược của ngài đã tỏ ra hiệu quả: không có khoảng trống giữa các đơn vị để các chiến xa gây tổn thất, chúng chỉ có thể nảy lên trên những tấm khiên xếp chồng nhau. Người Macedonia khi vượt qua đợt tấn công của các chiến xa, đã hò reo một cách điên cuồng khi lên tới đỉnh, hăm hở xông vào đội hình đối phương với sự dũng cảm đáng kinh ngạc. Cung thủ dưới sự điều động của ngài đã di chuyển sang bên cánh phải để có được một vị trí thuận lợi hơn trước tuyến chính trong đội hình, nhằm phong tỏa những đợt phản công mà người Thrace có thể tung ra. Vệ binh của ngài cùng với những người Agrianes di chuyển về phía cánh trái, tạo thành gọng kìm bóp nát đội hình của kẻ thù. Chiến lược hoàn hảo này của ngài có vẻ đã quá chu toàn, vì trước khi gọng kìm siết lại, toán quân ô hợp của những người Thrace đã tự tan vỡ trước sự tấn công mạnh mẽ của bộ binh. Quả thực, thậm chí trước khi những đội quân dưới sự chỉ huy của Alexander ở cánh trái tiếp xúc với quân Thrace, lực lượng của họ đã bị phá vỡ và bỏ chạy xuống núi. Khoảng 1.500 người đã bị giết, chỉ một vài người bị bắt; phần lớn những người còn lại rất nhanh nhạy và quá thông thuộc địa hình để không bị rơi vào tay kẻ thù. Kho báu, đồ dự trữ, phụ nữ và trẻ em của người Thrace, tất cả đều thuộc về những chiến binh thắng trận.

Những chiến lợi phẩm gửi trở lại các thị trấn ven biển, được giao lại cho Lysanias và Philotas[7] tùy ý sử dụng, còn ngài thì tiếp tục hành quân về phía trước. Sau đó, Alexander tiếp tục băng qua dãy Haemus tới vùng Triballi, và tới sông Lyginus, nơi cách Danube ba ngày hành quân. Tin về những bước tiến công của Alexander đã loan tới Syrmus, vua của những người Triballi, người đã từng bước gửi phụ nữ và trẻ em tới Danube với mệnh lệnh phải băng qua sông tới một hòn đảo gọi là Pine Tree. Những người Thrace láng giềng cũng đã trú tại hòn đảo này nhằm chống lại cuộc tiến công của Alexander, cùng với Syrmus và những tùy tùng riêng của ông, dù phần lớn những người Triballi đã rút lui một cách vội vàng tới con sông này hẳn một ngày trước khi Alexander bắt đầu hành quân.

Khi tin tức về cuộc di chuyển của những người Triballi tới tai Alexander, ngài bắt đầu cho tấn công. Alexander đã đổi hướng đường đi của mình, tính toán lại chiến lược, và tìm thấy một chốt gác của người Triballi. Sau khi khai thác thông tin từ những thổ dân bị bắt lúc đang ngủ trưa và biết rằng họ đang chuẩn bị cho cuộc chiến tại khu rừng cạnh bờ sông, Alexander quyết định thay đổi cách dụng binh của mình. Ngài sắp xếp đội hình theo hàng dọc để giáp chiến, lệnh cho cung thủ và những người ném lao tấn công cấp tập với mục đích

dụ quân địch đang ẩn náu trong các cứ điểm tới khu đất trống. Quân Triballi khi bắt đầu chịu thiệt hại từ những đợt xạ tiễn đã lao ra với ý định đè bẹp những toán quân tầm xa vốn chỉ được trang bị khinh giáp. Chính lúc đó, cái bẫy của Alexander đã hạ xuống gọn gàng và thành công mỹ mãn. Ngài hạ lệnh cho Philotas tấn công ở cánh phải với kỵ binh vùng thượng Macedonia, Heracleides và Sopolis với kỵ binh từ Bottiaea và Amphipolis tấn công từ bên cánh trái. Quân chủ lực tiến lên phía trước với sự yểm trợ của kỵ binh, đụng độ trực tiếp với trung quân của địch.

Người Triballi về cơ bản có thể cầm cự được trước những đợt xạ kích, nhưng khi vấp phải đợt tấn công dồn dập của bộ binh Macedonia ở cự li gần và sự giày xéo không thương tiếc của kỵ binh thì nhất loạt tan vỡ. Tàn quân rút lui một cách hỗn loạn ra phía bờ sông. Thương vong hơn 3.000 người, chỉ có một số ít sống sót vì sự dày đặc của tán rừng và buổi hoàng hôn nhập nhoạng làm cản trở cuộc truy kích của người Macedonia. Theo Ptolemy, quân Macedonia chỉ thiệt hại hơn chục kỵ binh và khoảng 40 quân bộ.

Ba ngày sau trận chiến, Alexander đã tới Danube. Đây là dòng sông lớn nhất ở châu Âu; nó dẫn tới một con đường lớn hơn bất kỳ con đường nào khác, và hình thành nên đường biên giới với những lãnh thổ của một vài bộ tộc hiếu chiến. Phần lớn trong số họ có nguồn gốc Celtic – quả thực, nguồn của con sông này là ở lãnh thổ của người Celtic – phần xa nhất là thuộc về người Quadi và Marcomanni; sau đó, theo hướng đông, nó sẽ băng qua lãnh thổ của người Iazyges, một nhánh của Sauromatae, của Getae, của chính Sauromatae, và cuối cùng là của Scythia, nơi nó đi tới điểm cuối của hành trình và băng qua năm ngọn núi để đổ vào biển Đen[8]. Trên sông Danube đã có sẵn những tàu chiến từ Byzantium băng qua biển Đen[9] để chờ đợi Alexander. Ngài đã lãnh đạo họ cùng với bộ binh hạng nặng và cung thủ, cố gắng đổ bộ hòn đảo mà người Triballi và Thrace đang lẩn trốn. Tuy nhiên, tình huống lúc đó không hề ưu ái ngài: tất cả những con tàu của Alexander đều gặp phải chướng ngại khi cố gắng thả neo trong khi chúng vốn đã ít ỏi về số lượng và không được vận hành tốt lắm; phần lớn đường bờ sông của hòn đảo quá dốc để đổ bộ, và tàu thuyền buộc phải băng qua những khúc sông hẹp, điều quá khó để khắc phục. Trước tình trạng này, Alexander đã ra lệnh rút quân thay vì vượt sông và tấn công người Getae. Một lực lượng lớn quân Getae – khoảng 4.000 kỵ binh và hơn 10.000 bộ binh – đã được hợp nhất bên kia sông, sẵn sàng ngăn chặn bất kỳ đợt vượt sông nào, đây chính là một trong những lý do khiến Alexander thay đổi kế hoạch. Một lý do khác là ý tưởng mới để đổ bộ sang bờ bên kia của sông Danube dường như rất hấp dẫn[10]. Alexander đã đích thân hợp nhất hạm đội, ra lệnh hạ trại ngoài trời và chất đầy cỏ khô trong đó. Ngài cũng tập hợp tất cả những thuyền độc mộc sẵn có. Đây là loại thuyền có rất nhiều ở vùng lân cận. Người bản địa sử dụng chúng để đánh bắt cá, ghé thăm các dân tộc láng giềng ở phía thượng lưu con sông, và thông thường là để sử dụng cho những đợt cướp phá. Khi đã tập hợp được số lượng thuyền độc mộc nhiều nhất có thể, toàn bộ quân, hoặc phần lớn đội quân của Alexander, đã dùng phương tiện này để vượt sông. Thực tế thì số lượng này rơi vào khoảng 1.500 kỵ binh và 4.000 bộ binh.

Việc vượt sông được tiến hành ngay trong đêm, và công cuộc đổ bộ ít nhiều đã được che

giấu nhờ cánh đồng lúa mạch. Ngay trước rạng đông, Alexander đã tiến quân xuyên qua cánh đồng, hạ lệnh cho bộ binh mở đường, phát quang cánh đồng. Kỵ binh bám theo bộ binh và khi họ rời khỏi khu vực đất trống, Alexander điều họ vượt lên cánh phải, đồng thời, lệnh cho Nicanor tiến lên cùng với kỵ binh trong đội hình chặt chẽ trên mặt trận đã được mở rộng.

Cuộc tấn công mở màn của kỵ binh đã giáng một đòn quá nặng nề lên người Geate; việc Alexander băng qua sông Danube, con sông lớn nhất châu Âu, một cách dễ dàng chỉ trong một đêm quả là hành động mạo hiểm khiến dân Geate vô cùng kinh ngạc, chưa kể tới sự ác liệt của cuộc tấn công và hình ảnh đáng sợ của đội hình phalanx đang tiến về phía họ. Người Geate đã quay đầu bỏ chạy về thị trấn, nơi cách con sông khoảng hơn 6 kilômét; nhưng ngay khi họ nhận ra Alexander, cùng với đội kỵ binh của ngài, đã chắn ở phía trước và dàn quân dọc bờ sông nhằm ngăn chặn mai phục hoặc bao vây, dân Geate đã bỏ cả thị trấn, nơi lúc này chỉ được phòng vệ một cách sơ sài, và mang theo tất cả số phụ nữ và trẻ em mà ngựa của họ có thể chuyên chở được, tiếp tục tháo chạy tới một khu vực trống, càng xa con sông càng tốt. Alexander đã tiếp quản nơi này cùng với mọi thứ có giá trị mà người Geate đã bỏ lại phía sau. Những chiến lợi phẩm này được Meleager và Philip chuyển tới căn cứ sau khi san phẳng thị trấn. Ngay bên bờ sông Danube, Alexander Đại đế đã tiến hành lễ tạ ơn thần Zeus Vị cứu tinh, thần Heracles[(11)] và cả thần sông vì đã cho phép ngài vượt sông. Cũng trong ngày hôm đó, ngài và toàn bộ quân đội tiếp tục cuộc viễn chinh.

Trong thời điểm này, có nhiều sứ thần của Syrmus, vua của người Triballia và từ rất nhiều các bộ tộc tự do khác dọc sông Danube tới cầu kiến Alexander. Người Celtic từ biển Adriatic cũng đã cử đại diện tới – những người đàn ông ngạo mạn và cao lớn. Tất cả đều bày tỏ mong muốn được kết giao với Alexander, và hai bên cũng đã trao đổi vật làm tin. Alexander đã hỏi những sứ thần Celtic rằng họ e sợ nhất điều gì. Ngài hy vọng rằng quyền uy của ngài đã vang xa tới vùng đất của họ, thậm chí xa hơn nữa, và mong rằng người Celtic sẽ trả lời rằng: “Thưa bệ hạ, điều mà chúng tôi e sợ nhất trên thế gian chính là Ngài.” Tuy nhiên, Alexander đã không được như ý. Do người Celtic sinh sống ở một vùng đất xa xôi, không dễ dàng bị tấn công, và cũng không nhận ra rằng cuộc viễn chinh của Alexander nhằm tới mọi mảnh đất trên thế giới nên họ đã đáp lời rằng điều mà họ sợ hãi nhất là bầu trời sụp đổ. Tuy vậy, Alexander đã quyết định liên minh với họ, đưa họ về quê hương và chỉ thầm nghĩ rằng người Celtic đã nghĩ quá nhiều về chính bản thân họ[(12)].

Sau đó, Alexander tiến quân tới lãnh thổ của Agrianes và Peaones, nơi ngài được cấp báo rằng Cleitus, con trai của Bardylis, đang làm loạn, rằng y đã đứng về phe của Glaucias, hoàng tử của Taulanti; hơn nữa, còn có tin là người Autariates có ý định tấn công ngài trên đường hành quân[(13)]. Vì những lý do trên, Alexander cho rằng đây là thời điểm phù hợp để tiến quân, không thể trì hoãn hơn được.

Langaros, vua của người Agrianes, người đã không hề giấu giếm sự kính phục của mình với Alexander kể cả khi vua Philip (thân phụ của Alexander) còn sống, đã đích thân tới tiếp kiến Alexander. Xuất hiện cùng với Langaros trong dịp này là đội vệ binh, đội quân xuất sắc nhất và được trang bị tốt nhất mà ông sở hữu. Nghe tin Alexander muốn tìm hiểu xem

người Autariates là những ai và sức mạnh của họ ra sao, Langaros khuyên Alexander chẳng nên băn khoăn về họ, vì Autariates là bộ tộc chiến đấu kém cỏi nhất trong khu vực này. Ông đề nghị Alexander cho phép mình được đích thân tấn công họ và khiến họ phải chịu đựng những tổn thất nặng nề. Nhờ những sự giúp đỡ này, Langaros đã được Alexander ban tặng mọi niềm vinh dự, bao gồm cả những tặng phẩm mà trong vương triều của người Macedonia coi là có giá trị nhất. Alexander cũng hứa hẹn rằng nếu Langaros tới thăm ngài tại Pella, ngài sẽ gả Cyna, em gái của ngài[14] cho ông. Tuy vậy, Langaros đã không kịp hưởng niềm vinh dự này. Ông đã ốm bệnh và qua đời sau khi trở về quê hương.

Lúc đó, Alexander đã tiến quân dọc theo sông Erigon, trên đường tới Pelium, một thị trấn mà Cleitus chiếm đóng, nơi được coi là cứ điểm được phòng vệ vững chãi nhất trong khu vực[15]. Ngài đã dừng chân trước sông Eordaicus với ý định sẽ thực hiện một cuộc đột kích vào ngày hôm sau. Thị trấn được bao quanh bởi những đồn chỉ huy và những khu rừng rậm rạp. Các đồn này đều do quân đội của Cleitus nắm giữ, bởi vậy, trong trường hợp đột kích, họ có thể tấn công quân Macedonia từ mọi phía. Glaucias, vua của người Taulanti, vẫn chưa tới nơi. Tuy nhiên, Alexander đã không lãng phí thời gian. Trong khi đó, kẻ thù của ngài, khi biết ngài đang tiến vào thị trấn, đã hiến tế ba nam, ba nữ và ba con cừu đực đen. Họ đã cố ý dụ quân Macedonia ở những điểm đóng quân gần hơn; nhưng không lâu sau khi quân Macedonia xuất hiện trong phạm vi đủ gần, quân đội của Cleitus đã bỏ những vị trí phòng vệ được tin là vững chãi của họ. Người ta thấy xác của những nạn nhân bị đem ra hiến tế vẫn đang nằm tại nơi họ ngã xuống.

Alexander nhốt quân của Cleitus trong thị trấn, và chiếm giữ ngay một vị trí ở gần tường thành, tính kế phong tỏa; nhưng ngày hôm sau, Glaucias xuất hiện với một lực lượng hùng mạnh. Hệ quả là, Alexander đã bỏ kế hoạch chiếm giữ thị trấn, do lực lượng của ngài tương đối mỏng, nhiều binh lính thiện chiến đã rút lui vào bên trong thành, và còn nhiều hơn những binh lính, dưới sự chỉ huy của Glaucias, sẽ sẵn sàng tấn công Alexander khi ngài đang ra sức phòng vệ. Do đó, Alexander đã ra lệnh cho Philotas mang theo những súc vật chở hành lý để tìm kiếm nguồn lương thực; đi cùng Philotas còn có một nhóm nhỏ kỵ binh làm nhiệm vụ bảo vệ. Hành động này đã không qua mắt được Glaucias; ông di chuyển lên phía trên, chiếm cứ vùng đất cao, nơi bao quanh khu vực mà Philotas đang tìm kiếm nguồn lương thực. Mối nguy hiểm treo lơ lửng trên đầu nhóm kỵ binh và đàn súc vật nếu bóng tối đột ngột bao phủ họ đã được báo cho Alexander, ngay lập tức ngài giải cứu họ với một đội quân được hợp thành từ những người Agrianes, cung thủ, vệ quân và một đội kỵ binh gồm 400 lính khỏe mạnh. Ngài để những đội quân còn lại ở gần thị trấn; và vì ngài đã rút lui toàn bộ lực lượng, kẻ thù của ngài, những kẻ trước đó đã bị phong tỏa trong thành, đã nhanh chóng phá vỡ vòng vây và nhập vào đội quân của Glaucias. Tuy nhiên, Glaucias đã từ bỏ vị trí của ông trên đồn cao ngay khi thấy Alexander xuất hiện. Nhóm của Philotas đã an toàn trở về chỗ đóng quân.

Mặc dù vậy, dường như vẫn còn một vài lực lượng dưới quyền chỉ huy của Glaucias và Cleitus nhận ra Alexander đang lâm vào một tình thế khó khăn. Họ đã nắm giữ các đồn chỉ huy, cùng với những đội kỵ binh và những phân đội khác đã được vũ trang với lao và ná bắn đá, ngoài ra còn có một lực lượng đáng kể bộ binh hạng nặng; những binh lính này

hiện đang ở giáp ranh với thị trấn, tất cả đều đang sẵn sàng tấn công vào đợt rút lui của Alexander; trong khi đó quân đội của ngài bắt buộc phải đi qua một con đường hẹp, nhiều cây cối, với một bên là sông và một bên là những chân đồi dốc đứng, rất khó có thể vượt qua, thậm chí chỉ với đội hình bốn hàng. Trước tình huống này, Alexander đã sắp xếp đội hình chính của đội kỵ binh thành đội hình 120 hàng, 200 kỵ binh mỗi cánh được ra lệnh là không được làm ồn, và phải tuân theo mệnh lệnh một cách khôn ngoan. Sau đó, ngài hạ lệnh cho bộ binh hạng nặng trước hết dựng thẳng giáo của họ; sau đó, theo mệnh lệnh của chỉ huy, hạ thấp những mũi nhọn để tấn công, đưa chúng sang trái rồi sang phải. Toàn bộ đội hình phalanx đã dịch chuyển một cách mau lẹ, xoay theo cách này rồi cách khác, thực hiện vô số những di chuyển phức tạp. Sau khi hạ lệnh cho đội quân của mình chuyển qua một số đội hình khác nhau với tính linh hoạt cao, Alexander ra lệnh cho cánh trái tập hợp thành đội hình mũi nhọn và chuẩn bị tấn công.

Kẻ thù, chắc hẳn cảm thấy sửng sốt bởi sự thông minh và kỷ luật của những thao tác này, đã rời bỏ vị trí xuống những đoạn đường thấp hơn của ngọn đồi, quên cả việc đợi quân Macedonia tới để đánh giáp lá cà. Sau đó, Alexander đã hô hào toàn quân hô vang tiếng xung trận, gõ giáo mác vào khiên. Tiếng ồn vang dội đến độ những người Taulanti không thể chịu nổi và đã phải rút lui về thị trấn.

Một nhóm nhỏ của quân địch vẫn còn ở lại, chiếm cứ một ngọn đồi mà Alexander bắt buộc phải vượt qua; vì vậy, ngài đã hạ lệnh cho Kỵ binh Chiến hữu và đội vệ quân riêng của ngài chuẩn bị hành động và sẵn sàng tấn công. Tính toán được đưa ra là nếu kẻ địch quyết bám trụ ở ngọn đồi, phân nửa trong số họ sẽ phải xuống ngựa và hỗ trợ cho kỵ binh. Tuy vậy, ngọn đồi đã bị bỏ lại; quân địch đã rời đi tới đường tiếp giáp với những ngọn núi. Alexander cùng với Kỵ binh Chiến hữu đã chiếm cứ ngọn đồi. Ngài triệu hồi quân Agrianes và cung thủ – một lực lượng gồm 2.000 người, ra lệnh cho vệ quân băng qua sông, dẫn theo sau là những đơn vị Macedonia khác. Ngay khi tới được bờ bên kia, toàn lực lượng sẽ tập trung hướng về phía cánh trái nhằm tạo ra một thể thống nhất trước mặt quân thù. Trong khi đó, từ ngọn đồi, Alexander sẽ quan sát tỉ mỉ bất kỳ sự di chuyển nào mà quân thù thực hiện.

Nhìn thấy quân Macedonia băng qua sông, người bản địa đã rút khỏi khu đất cao với ý định sẽ tấn công nhóm của Alexander khi nhóm này rút lui sau cùng; Alexander đã một mình phá vây một cách nhanh chóng trong khi lực lượng chính của bộ binh, đang chuẩn bị vượt sông, hô vang những tiếng xung trận. Kẻ thù, trước đợt tổng công kích dữ dội, đã nhất loạt tan vỡ. Alexander lúc này mới hạ lệnh cho quân Agrianes và cung thủ tiến tới hai bên bờ sông. Ngài là người băng qua sông đầu tiên và thiết lập đội pháo binh ở bờ sông. Alexander hạ lệnh yêu cầu tất cả những loại đạn pháo đều phải bắn ở tầm xa để có thể tấn công kẻ thù, những kẻ mà ngài thấy rằng đang gây khó khăn cho quân đội của ngài. Cung thủ được lệnh tấn công từ giữa dòng sông. Quân của Glaucias không dám mạo hiểm trong phạm vi này, và người Macedonia vượt sông an toàn mà không phải chịu bất kỳ thương vong nào trong quá trình rút lui.

Ba ngày sau, đội quân của Cleitus và Glaucias đã hạ trại mà không có sự phòng vệ đầy

đủ: không đặt ra những trạm lính gác thường xuyên, không có hàng rào hoặc hào bảo vệ; hơn nữa, phòng tuyến của họ lại mở rộng một cách nguy hiểm. Lúc đó, Alexander đã tận dụng lợi thế của sự bất cẩn này – điều hẳn là do (Cleitus và Glaucias) nghĩ rằng Alexander đã hoảng sợ rút quân. Dưới sự bao phủ của bóng tối, ngài đã dẫn vệ quân, quân Agrianes, cung thủ cùng quân đội của Perdiccas và Coenus vượt sông trở lại, đồng thời ra lệnh cho phần còn lại của đội quân nhất loạt theo sau. Thời điểm chín muồi để tấn công đã tới; bởi vậy, không chờ tới khi tập trung được toàn bộ lực lượng, Alexander hạ lệnh cho quân Agrianes và cung thủ đột kích bất ngờ trên một mặt trận hẹp – một kiểu dàn quân chắc chắn đã dội toàn bộ sức mạnh khủng khiếp nhất lên đầu kẻ thù ngay tại điểm yếu của họ. Một vài người bị giết ngay trên giường ngủ, một số người khác bị bắt khi cố gắng tẩu thoát. Nhiều người bị bắt và bị giết ngay tại chỗ, số đông bỏ chạy trong hoảng sợ và hỗn loạn. Chỉ một vài người còn sống sót. Việc truy lùng kẻ địch còn kéo xa tới tận những ngọn núi trên lãnh thổ Taulanti. Không ai có thể trốn thoát trừ phi họ quẳng lại toàn bộ vũ khí. Cleitus đã chạy về thị trấn; sau đó, phóng hỏa nó, rồi chạy tới chỗ người Taulanti, nơi ông tìm chỗ nương náu cùng với Glaucias.

Trong khi đó, nhiều sự kiện đã diễn ra tại Thebes[16]. Một số người, với ý định lật đổ chính quyền, đã vời một số kẻ tha hương vì vấn đề chính trị quay trở lại; những người này lén xâm nhập thành phố trong đêm, bắt và giết Amyntas và Timolaus, hai người cai trị Cadmeia và không hay biết gì về mối nguy hiểm bên ngoài[17]. Sau đó, họ tự xuất hiện trong Hội đồng, kích động người Thebes nổi loạn chống lại Alexander, hành động vì "sự tự do" và "tự trị"[18], thuyết phục Thebes quẳng đi gánh nặng gông xiềng mà người Macedonia đã quàng vào cổ họ. Đám người này còn biến lời xúi giục của họ trở nên hấp dẫn hơn nữa với người Thebes bằng cách khăng khăng khẳng định rằng Alexander đã qua đời tại Illyria – điều này dường như là tin đồn phổ biến vào thời điểm đó, vì ngài đã vắng mặt quá lâu mà không hề có liên lạc gì với họ[19]. Trong trường hợp này, người Thebes đã làm điều mà số đông họ muốn làm, đó là phớt lờ sự thật và thuyết phục bản thân tin vào điều mà họ muốn tin theo.

Tin tức về những sự kiện này khiến Alexander hết sức bận tâm. Suốt thời gian qua, ngài đã không có lòng tin với Athens, và giờ đây âm mưu này lại tới từ Thebes. Alexander không thể coi nhẹ chuyện này, vì mối nguy rõ ràng mà ngài phải đối mặt là sự bất mãn có thể lan rộng tới những người Lacedaemonia, những người dù trong bất kỳ trường hợp nào, vẫn luôn ngấm ngầm oán hận quyền chỉ huy của người Macedonia, rồi tới những thành bang khác ở Peloponnese, thậm chí tới những người Aetolia, vốn là những kẻ chẳng thể nào tin tưởng được. Bởi vậy, ngài đã quyết định hành động, tiến quân về phía Eordaea và Elimiotis, vượt qua những rặng núi của Stymphaea và Paravaea, tới đất Pelinna thuộc Thessaly trong vỏn vẹn bảy ngày. Sáu ngày sau, Alexander đặt chân lên đất Boetia, và tin ngài vượt qua Cổng thành đã không tới được tai người Thebes cho tới khi toàn bộ lực lượng của Alexander tập trung tại Onchestus[20]. Thậm chí những người đứng đầu vụ nổi loạn vẫn tiếp tục rêu rao rằng Alexander đã qua đời: họ tuyên bố rằng đội quân dưới quyền chỉ huy của Antipater từ Macedonia đã tới, và giận dữ phủ nhận việc Alexander đang đích thân chỉ huy quân đội – họ khăng khăng rằng nếu đó là Alexander, đó hẳn là Alexander khác: Alexander, con trai

của Aeropus chứ không phải Alexander, con trai của Philip.

Ngày hôm sau, Alexander rời Onchestus và hành quân tới Thebes. Ngài dừng chân trước hàng rào vây quanh của Iolaus, chờ đợi ở đó trong khi cho người Thebes thời gian để suy nghĩ lại, trong trường hợp họ thay đổi ý kiến và quyết định điều đình với ngài. Tuy vậy, người Thebes đã chẳng đi tới một thỏa thuận nào hoặc chịu nhường nhịn một phân; ngược lại, đội kỵ binh và một lực lượng đáng kể bộ binh hạng nhẹ đã nhanh chóng xuất kích và tấn công vào tiền đồn của quân Macedonia cùng với những đợt xạ kích nhưng không thu được kết quả nào. Alexander đã ra lệnh cho nhóm bộ binh hạng nhẹ và cung thủ ra ngoài để kiểm tra, việc chẳng mấy khó khăn với nhóm này dù họ đã tiến quân được khoảng cách khá xa so với vị trí chính của ngài. Ngày hôm sau, Alexander cùng với toàn quân di chuyển xung quanh những cổng thành dẫn tới Eleutherae và Attica. Tại đây, ngài vẫn kiềm chế không tung một đợt đột kích vào những phòng tuyến của thành phố và chọn một vị trí không xa Cadmeia, hỗ trợ cho những người Macedonia đang bám trụ tại vùng đó. Người Thebes đã bao quanh thành phố với một hàng rào kép, canh giữ hết sức cẩn trọng nên đơn vị đồn trú bị bao vây sẽ không nhận được sự trợ giúp bên ngoài nào, hoặc không thể tung ra những đợt tấn công bất ngờ vào kẻ thù của mình. Tuy vậy, Alexander đã không hề di chuyển mà vẫn kiên nhẫn chờ đợi, ngài vẫn hy vọng giữ được mối giao hảo với người Thebes và cố gắng tránh xung đột với họ[(21)].

Trong tình huống này, tất cả những người có quyền lợi lớn ở thành phố đã lo lắng tiếp cận Alexander và xin ngài đặc xá cho tội nổi loạn; nhưng những kẻ đi đày và nhóm người chịu trách nhiệm về việc triệu hồi họ, đặc biệt một vài người là thủ lĩnh của Liên minh Boeotia, đã khước từ khả năng nhận được khoan hồng của Alexander và tìm cách kích động cuộc chiến bằng mọi cách. Tuy vậy, Alexander vẫn chờ đợi và không hề tấn công.

Ptolemy, con trai của Lagus, trong ghi chép của ông về sự kiện này, đã thuật lại rằng Perdiccas, một viên chỉ huy giữ nhiệm vụ canh gác, cùng với tiểu đoàn đứng không xa trước hàng rào của quân thù, đã bắt đầu một cuộc đột kích riêng mà không chờ đợi bất kỳ hiệu lệnh nào từ Alexander[(22)]. Sau khi tạo ra được một lỗ hổng trong hàng rào, Perdiccas đã chắn đường đội quân Thebes, theo sau anh ta là Amyntas, con trai của Andromenes, người đã cùng với những binh lính dưới quyền mình hợp thành một đạo quân và ngay lập tức tiến lên phía trước khi thấy Perdiccas vào được bên trong thành. Để tránh cho những người này khỏi bị quân Thebes tàn sát, Alexander đã ra quyết định tiến công, để cung thủ và quân Agrianes băng qua lỗ hổng ở hàng rào, nhưng vẫn giữ lại cận vệ riêng và phần còn lại của đội vệ quân ở bên ngoài.

Trong khi cố gắng mở thêm một lỗ hổng xuyên qua hàng rào thứ hai, Perdiccas đã bị thương; anh ta được mang trở lại căn cứ nhưng vết thương khá nghiêm trọng và khó mà giữ được mạng sống. Quân lính của Perdiccas, hợp nhất với những cung thủ của Alexander, giữ chân quân Thebes trên con đường lầy lội đổ về phía Heraleum, gây khó khăn cho họ khi họ rút lui về phía đền thờ; nhưng thời điểm khi quân Thebes chuyển hướng, đương đầu với những người đuổi theo với tiếng la hét thịnh nộ, quân Macedonia đã buộc phải rút lui. Khoảng 70 cung thủ đã thiệt mạng cùng với chỉ huy của họ là Eurybotas vùng Crete; số còn

lại đã vội vã thỉnh cầu cứu viện từ cận vệ của Alexander cùng với phần còn lại của đội vệ quân.

Thấy quân lính của mình đang rút lui hoàn toàn cùng với những người Thebes đang đuổi theo sau, Alexander đã nhanh chóng tung đòn đáp trả. Ngài đã ra lệnh cho bộ binh tấn công, và đuổi quân thù vào bên trong cổng thành. Cuộc tháo chạy nhanh chóng trở nên hỗn loạn – đến độ, quân Thebes không kịp đóng cổng thành. Quân Macedonia đã bám theo họ sát gót, vượt qua cổng thành, xâm nhập được vào bên trong những công sự, nơi cần phải có thêm nhiều chốt gác phía trước mà giờ đã bị bỏ lại trong tình trạng không được phòng vệ. Một nhóm binh lính được hợp nhất với đơn vị đồn trú của Cadmeia rồi từ đó tiến tới con đường hướng về phía Ampheum, dẫn tới thị trấn trong khi những đội quân ở phía gần tường thành, nơi đã bị chiếm đóng trong suốt cuộc tháo chạy, đã nhất loạt tiến công, đi tới khu quảng trường chợ.

Quân đội của Thebes chỉ trụ vững được một thời gian ngắn trước Ampheum, cho tới khi quân Macedonia cùng với Alexander tấn công họ từ mọi phía. Kỵ binh của người Thebes, những người nỗ lực mở đường xuyên qua các tuyến phố, đã bỏ chạy tới vùng đất trống, trong khi lính bộ binh cũng chỉ ráng hết sức để thoát thân. Trong cơn kích động, quân Phocis, Plataea và lính từ những thị trấn Boeotia khác đã chém giết bừa bãi những người Thebes – lúc đó họ đã không có bất cứ sự bảo vệ nào – nhiều hơn cả quân Macedonia. Họ đốt nhà, giết những người ở lại; họ chém giết những người có ý kháng cự; quân lính thậm chí không hề nương tay với phụ nữ và trẻ em, kể cả khi họ đã níu lấy các bệ thờ[23].

Sự tàn ác của cuộc tàn sát, cùng với quy mô và tầm quan trọng của thành phố thất thủ, và trên hết có lẽ là tính bất ngờ của sự kiện này đối với cả người chiến thắng lẫn kẻ chiến bại, tất cả đã khiến những người thuộc dòng giống Hy Lạp còn lại choáng váng không kém so với chính những người Hy Lạp liên quan. Cuộc viễn chinh Sicily[24], chỉ ước tính riêng số người chết, đã đem đến một thảm họa tương đương với người Athens; nhưng cần phải nhớ rằng, cuộc viễn chinh đó xảy ra ở một nơi xa xôi: đội quân đã bỏ mạng đó không phải là quân đội bản địa, mà phần lớn là quân đội của các thành bang trong liên minh; bản thân người Athens vẫn còn chưa bị tổn hại, vẫn có thể trụ vững trong nhiều năm chống lại Ba Tư và liên minh Lacedaemonia; và với những lý do đó, thất bại tại Sicily không khiến người Athens nghĩ đến một tai ương không thể tránh khỏi, hoặc là một câu chuyện kinh hoàng tương đương (với thảm họa của người Thebes) đối với những người Hy Lạp khác[25]. Hơn nữa, thất bại tại Aegospotami là ở trên biển, và dù người Athens có cảm thấy bẽ mặt vì việc Trường Thành của họ bị phá hủy, phần lớn hải quân của họ đã đầu hàng, đế chế của họ đã thất bại, họ vẫn duy trì hình thức cai trị cha truyền con nối và nhanh chóng khôi phục lại sức mạnh cũ của mình; quả thực, Trường Thành đã được xây dựng lại, quyền lực trên biển của họ đã được phục hồi, và người Athens, sau đó, thực sự đã có thể đảo ngược tình thế và cứu nguy cho người Lacedeamonia, những người đã từng là đối thủ ghê gớm và suýt chút nữa đã phá hủy Athens[26] thoát khỏi một nguy cơ lớn. Chính người Lacedaemonia, sau những thất bại tại Leuctra và Mantinea, đã thấy sửng sốt bởi sự bất ngờ của thảm họa hơn là bởi tổn thất mà họ gánh chịu; và cảnh tượng kỳ lạ của cuộc tấn công Sparta của người

Boeotia và Arcadia, do Epaminondas chỉ huy, đã gây cho họ và đồng minh nỗi kinh hoàng còn hơn cả mối hiểm nguy tức thì đó[27]. Hơn nữa, việc chiếm Plataea không thể được coi là một thảm họa lớn vì đây chỉ là một thị trấn nhỏ, và hầu hết cư dân của thị trấn này đã chạy trốn sang Athens, chỉ có rất ít người bị bắt khi thị trấn sụp đổ; và cuối cùng, việc chiếm Melos và Scione cũng chẳng mấy quan trọng: họ chỉ là những cộng đồng dân cư tách biệt, và sự sụp đổ của họ, dù là một điều hổ thẹn cho những người gây ra vụ này, hầu như không thể bị coi là một cú sốc nặng nề đối với toàn bộ người Hy Lạp[28].

Với Thebes, trái lại, đó là một vấn đề hoàn toàn khác: sự vô kỷ luật, diễn tiến quá nhanh của các sự kiện dẫn tới vụ nổi loạn, việc thành phố bị hạ quá đột ngột và dễ dàng, vụ thảm sát kinh hoàng và không thể tránh được, tình trạng nô dịch hoàn toàn của một thành phố vượt trội về quyền lực và danh tiếng quân sự ở Hy Lạp, nói không ngoa, đều được cho là do cơn thịnh nộ của Thần linh. Mọi người đều nhận thấy rằng, sau cùng, Thebes đã bị trừng phạt vì sự phản bội – họ đã phải trả giá vì đã phản bội Hy Lạp trong chiến tranh Ba Tư, cho việc chiếm đóng Plataea trong suốt thời gian đình chiến, vì sự nô dịch tàn nhẫn đối với thần dân của họ, vì vụ thảm sát những người đã đầu hàng không phải với Thebes, mà với Sparta, việc tàn phá vùng quê mà trong đó quân đội Hy Lạp đã đẩy lùi cuộc xâm lược của Ba Tư, và cuối cùng, vì sự ác ý hiểm độc mà người Thebes đã bộc lộ ra đối với người Athens khi ủng hộ đề nghị do liên minh Lacedaemonia đưa ra, rằng dân Athens nên bị bán làm nô lệ[29]. Giờ đây mọi người đều tuyên bố rằng các vị thần đã đưa ra nhiều dấu hiệu cảnh báo cho tai họa này – những dấu hiệu đã từng bị phớt lờ, nhưng giờ đây và sau này, sẽ mãi mãi được ghi nhớ, đã được minh chứng rõ ràng bởi lời tiên tri trước sự kiện về số mệnh bất hạnh đang tới[30].

Alexander đã giao phó cho quân đội đồng minh, những người đã đóng góp cho cuộc chiến, quyền định đoạt cuối cùng về số mệnh của Thebes. Họ đã quyết định đóng quân tại Cadmeia, và san phẳng thành phố[31]. Tất cả đất đai của Thebes, ngoại trừ đất thánh, đều được chia cho quân đồng minh; phụ nữ, trẻ em, và tất cả những người đàn ông còn sống sót đều bị bán làm nô lệ – ngoại trừ các tư tế hoặc nữ tư tế và một vài cá nhân có mối quan hệ mật thiết với Alexander hoặc Philip, hoặc có mối kết giao chính thức với Macedonia. Nói chung, người ta tin rằng sự kính trọng của Alexander dành cho Pindar đã khiến ngài tha cho tất cả những hậu duệ còn sống của nhà thơ này – thậm chí, nhà của Pindar cũng không hề bị đụng tới. Ngoài ra, quân đồng minh đã quyết định xây dựng và củng cố Orchomenus và Plataea[32].

Khi tin tức về vụ tháo chạy của quân Thebes lan khắp, người Arcadia, những người đã từng tham gia vào cuộc nổi loạn, đã kết tội tử hình một vài người đồng xứ từng xúi giục họ; người Elis đã ân xá cho những kẻ tha hương chính trị của họ, đơn giản vì họ có quan hệ tốt với Alexander; nhiều nhánh khác của người Aetolia đã cử đại diện tới nài xin sự tha thứ trên mảnh đất mà họ tiếp tay cho cuộc nổi loạn chỉ vì tin tức từ Thebes. Ở Athens, dòng người tị nạn Thebes đổ về từ cuộc chiến diễn ra đồng thời với dịp thực hiện nghi thức tế lễ Huyền bí (the Great Mysteries)[33]; tin tức kinh hoàng đã khiến người Athens giảm bớt nghi lễ, và bắt đầu nhận tất cả tài sản được chuyển từ khu vực bên ngoài vào thành phố[34].

Hội đồng trưởng lão được triệu tập và theo đề nghị của Hội đồng Demades, mười người có quan hệ đặc biệt tốt đẹp với Alexander, để thể hiện quan điểm của Athens và để cam đoan với ngài, dù có phần không đúng lúc lắm, rằng dân Athens lấy làm hạnh phúc khi thấy ngài an toàn trở về từ Illyria và Triballi, rằng họ hoàn toàn ủng hộ việc ngài trừng phạt người Thebes vì tội nổi loạn của họ. Câu trả lời của Alexander cho những đại diện này khá thân thiện; tuy nhiên, trong lá thư gửi người Athens, ngài yêu cầu giao nộp Demosthenes và Lycurgus, ngoài ra còn có cả Hypereides, Polyeuctus, Chares, Charidemus, Ephialtes, Diotimus và Moerocles, tất cả những người mà Alexander cho rằng phải chịu trách nhiệm về thất bại ở Chaeronea và những sai lầm nhất định trong chính sách, gây thiệt hại cho quyền lợi của thân phụ Philip và ngài, sau đó là dính líu tới cái chết của vua Philip[35]. Hơn nữa, Alexander tuyên bố rằng những người phải chịu trách nhiệm về cuộc nổi loạn chính là người Thebes, những kẻ đã gây ra nó. Người Athens, thay vì giao nộp những người bị nêu tên, đã một lần nữa tới cầu xin Alexander rủ lòng thương – điều mà ngài đã thuận theo, có thể vì sự kính trọng đối với người Athens, có thể đơn giản là vì ngài đang vội vã tiếp tục cuộc viễn chinh châu Á và không muốn để lại sau lưng bất cứ mối nghi hoặc nào tại Hy Lạp. Tuy vậy, Alexander ra lệnh lưu đày Charidemus – một trong những người ngài yêu cầu người Athens giao nộp nhưng không được toại nguyện. Hình phạt đã được thực thi, và Charidemus đã phải lẩn trốn tại châu Á dưới vương triều của Darius[36].

Giờ đây Alexander một lần nữa đi về phía bắc, tới Macedonia, và đã dâng lên thần Zeus trên đỉnh Olympia một nghi lễ tạ ơn đã có từ thời đại của Archelaus[37]. Ngài cũng tổ chức một lễ hội tại Aegae, và theo một vài ghi chép, lễ hội được tổ chức để tỏ lòng tôn kính các nữ thần Muse[38]. Trong suốt nghi lễ, có tin tức từ Pieria báo rằng bức tượng của Orpheus, con trai của Oeagrus vùng Thrace, đã đổ mồ hôi liên tục, một hiện tượng đã được những nhà tiên tri phân tích theo nhiều cách khác nhau; tuy vậy, một trong số họ – Aristander vùng Telmissus – đã nói với Alexander rằng ngài không có lý do gì để hoảng sợ: điều đó chỉ cho thấy rằng những người viết những vần thơ tụng ca (ode[39]) và sử thi cùng với những nhà thơ trữ tình đã làm việc tích cực để ca ngợi Alexander và những kỳ công của ngài sẽ được lưu danh trong thơ ca và âm nhạc[40].

Ngay khi bắt đầu đợt viễn chinh tiếp theo, Alexander đã để Antipater lo công việc tại Macedonia và Hy Lạp, và dành một lực lượng khoảng 30.000 bộ binh, bao gồm bộ binh hạng nhẹ, cung thủ, và hơn 5.000 kỵ binh[41] cho công cuộc vượt eo biển Hellespont[42]. Đường hành quân của ngài đi qua hồ Cercinitis, qua Amphipolis, băng qua cửa sông Strymon, rồi cửa sông Pangaeum, tiến tới Abdera và Maroneia, hai khu định cư của người Hy Lạp bên bờ biển; từ đó, Alexander tiếp tục đi tới Hebrus, nơi ngài cũng vượt qua không mấy khó khăn, hành quân xuyên qua Paetica và băng sông Melas, đặt chân tới Sestus sau 20 ngày rời mảnh đất quê hương. Tại Elaeus, Alexander tế lễ trước lăng mộ của Protesilaus, người được cho là người đầu tiên của quân đội Agamemnon đặt chân lên đại lục châu Á khi những người Hy Lạp tiến đánh thành Troy. Mục đích dâng lễ của ngài là để đảm bảo rằng ngài có thể có được nhiều may mắn hơn Protesiaus[43].

Nhiệm vụ dẫn kỵ binh và phần lớn bộ binh từ Sestus băng qua eo biển Hellespont tới

Abydos đã được giao phó cho Parmenio, và việc này được thực hiện với 160 chiến thuyền ba tầng chèo (trireme) và một số lượng lớn thuyền buôn. Người ta tin rằng Alexander Đại đế đã giong thuyền từ Elaeus tới cảng Achaeanm[44], đích thân nắm quyền chỉ huy kỳ hạm của ngài, và khi đi được quá nửa hành trình, ngài đã giết một con bò đực để dâng lên thần Poseidon, đổ rượu từ chiếc cốc vàng xuống biển cả để làm vui lòng các nữ thần biển Nereïd. Tương truyền rằng khi chiến thuyền cập đến bờ biển bên kia, Alexander mình mặc võ phục, là người đầu tiên đặt chân lên đại lục châu Á. Ngài đã xây dựng một bệ thờ ngay tại bờ biển châu Âu mà ngài vừa rời đi và một nơi khác mà ngài đã đổ bộ ở phía bên kia của eo biển hẹp, cả hai bệ thờ đều để tạ ơn thần Zeus, vị thần bảo hộ cho những lần đổ bộ an toàn, cùng với thần Athena và Heracles[45]. Khi đã vào bờ, Alexander tiến sâu hơn vào nội địa, tới thành Troy và tế lễ dâng lên Athena, nữ thần bảo hộ của thành phố; ngài cũng đã dâng áo giáp của mình cho đền thờ, và để trao đổi, ngài đã lấy đi một vài vũ khí vẫn còn được giữ ở đây kể từ cuộc chiến thành Troy. Người ta cho rằng những vũ khí này đã được vệ sĩ của Alexander mang đi trước khi ngài bước vào trận chiến[46]. Người ta cũng thuật lại rằng Alexander đã tiến hành tế lễ Priam trước bệ thờ của thần Zeus nhằm ngăn chặn nguy cơ phải đối đầu với gia tộc của Neoptolemus[47], những người mà dòng máu của họ cũng chảy trong huyết quản của ngài.

Tại Troy, thuyền chủ (sailing-master) của Alexander, Menoetius đã đội vương miện bằng vàng cho ngài, như Chares đã làm với người Athens, người đã tới từ Sigeium với một số người khác, hoặc là người Hy Lạp hoặc là người bản địa. Có ghi chép nói rằng Hephaestion đã đặt vòng hoa lên lăng mộ của Patroclus; còn một ghi chép khác thì cho rằng Alexander đã đặt vòng hoa lên lăng mộ của Achilles, nói rằng Achilles là một người đàn ông may mắn vì đã có một nhà thơ vĩ đại – Homer – viết về những kỳ công của mình và khiến những ký ức về Achilles được lưu giữ mãi[48]. Chắc hẳn, Alexander thấy ghen tị với Achilles về sự may mắn này; vì ngài đã không được hưởng phúc phần đó: không một sử gia đáng kính trọng nào đã tuyên bố cho cả thế giới biết tới những kỳ công của ngài. Đó hẳn là một thất bại, một sự gián đoạn trong chuỗi dài những thành công của Alexander Đại đế.

Không một áng văn xuôi lịch sử nào, một bài thơ trữ tình nào được viết về ngài; Alexander thậm chí còn không được tụng ca trong những bài tụng ca kiểu như những bài thánh lễ để gìn giữ danh tiếng và ký ức về Hiero, Gelo, Thero, hoặc nhiều người đàn ông khác không xuất sắc bằng Alexander; hệ quả là câu chuyện tuyệt vời về cuộc đời ngài ngày nay còn xa lạ hơn cả câu chuyện về những nhân vật vô danh nhất thời cổ đại[49]. Thậm chí cuộc hành quân của một vạn quân dưới sự chỉ huy của Cyrus nhằm chống lại Artaxerxes, số phận của Clearchus và những người bạn tù của ông, rồi lần quay lại biển dưới mệnh lệnh của Xenophon, nhờ những trang sử của chính Xenophon, còn nổi tiếng hơn những thành tựu vĩ đại của Alexander[50]; tuy vậy, không giống như Xenophon, Alexander không phải là một chỉ huy cấp dưới; ngài không thất trận trước vua Ba Tư hoặc chỉ giành được chiến thắng trước một lực lượng đang cố gắng chặn đường hành quân ra biển. Trái lại, không có một người đàn ông nào khác trên thế gian, dù là người Hy Lạp hay người mang dòng máu khác, có thể giành được nhiều thành công rực rỡ như Alexander. Và đó là lý do tôi thực hiện dự án viết lịch sử về ngài, với niềm tin rằng sẽ mang câu chuyện cuộc đời của

Alexander Đại đế đến với mọi người. Tôi không cần tuyên bố danh tính của mình – mặc dù nó chưa từng được ai biết tới; tôi không cần ghi rõ quê hương tôi và gia đình tôi, hoặc bất kỳ một chức vụ hành chính nào mà tôi từng nắm giữ. Tôi chỉ muốn nói điều này: rằng cuốn sách này, từ khi tôi còn trẻ, đã quý giá hơn quê hương, dòng họ và sự thăng tiến – quả thực, đối với tôi, nó chính là những điều đó. Đó là lý do tôi liều lĩnh đảm nhận vị trí đầu tiên này trong văn học Hy Lạp, trong khi Alexander, nắm giữ vị trí đầu tiên trong sự nghiệp quân sự.

Từ thành Troy, Alexander hành quân tới Arisbe, nơi toàn bộ lực lượng của ngài tập kết sau khi vượt eo biển Hellespont; ngày hôm sau, ngài tiến tới Percote, và ngày kế tiếp, đã vượt qua Lampsacus, và tạm dừng chân trước sông Practius, con sông bắt nguồn từ Ngọn Ida và đổ ra vùng biển nối liền biển Đen và eo biển Hellespont. Từ đây, Alexander đi qua Colonae tới Hermotus. Trên đường viễn chinh, ngài bố trí cho lính trinh sát dưới quyền chỉ huy của Amyntas, con trai của Arrabaeus, dẫn đầu đoàn quân, cùng với đội Kỵ binh Chiến hữu từ Apollonia do Socrates, con trai của Sathon, chỉ huy, và bốn tiểu đội khác được biết tới với tên gọi là những lính trinh sát cấp cao. Thị trấn của Priapus, nằm trên đường hành quân của Alexander, đã đầu hàng trước ngài và Alexander đã gửi một nhóm binh lính dưới quyền chỉ huy của một người trong đội Kỵ binh Chiến hữu – Panegorus, con trai của Lycagoras, tiếp quản thị trấn này.

Lực lượng của quân Ba Tư được đặt dưới quyền chỉ huy của Arsames, Rheomithres, Petines, và Niphates kết hợp với Spithridates, phó vương của Lydia và Ionia, và Arsites, phó vương miền bắc Phrygia. Họ đã tập kết gần thị trấn của Zeleia cùng với kỵ binh Ba Tư và những đội lính đánh thuê của Hy Lạp. Khi nhận được tin Alexander đã vượt biển tới đại lục châu Á, họ đã gặp nhau để luận bàn về tình thế này. Memnon[51] của Rhodes cho rằng nên tránh một cuộc giao chiến liều mạng, ông đã chỉ ra rằng bộ binh của Macedonia đông hơn nhiều; Alexander đích thân chinh chiến còn Darius thì không. Bởi vậy, tốt hơn là đốt bỏ toàn bộ những cánh đồng lúa mạch, giẫm nát đồng cỏ, thậm chí là phải dùng tới kế bỏ không thành, để đẩy Alexander vào tình trạng thiếu lương thực và không thể bám trụ lại đất này. Tuy vậy, tương truyền là Arsite đã đáp lại đề nghị này rằng ông không muốn đốt bỏ bất cứ ngôi nhà nào của bất kỳ thần dân nào dưới quyền cai trị của mình. Những chỉ huy khác đều ủng hộ Arsite – chắc chắn vì họ không tin tưởng Memnon, và đoán rằng ông lo lắng vị trí của mình sẽ rơi vào tay Darius nếu cuộc chiến bắt đầu quá sớm[52].

Trong lúc đó, Alexander đang xúc tiến cuộc chiến trên sông Granicus. Bộ binh của ngài tập trung thành hai nhóm, cả hai cánh đều được kỵ binh bảo vệ, trong khi tất cả phương tiện chuyên chở đi theo sau. Những nhóm quân trinh sát đều đặt dưới quyền chỉ huy của Hegelochus, với những kỵ binh đánh giáo và khoảng 500 lính được trang bị khinh giáp. Chỉ mới thăm dò được một đoạn sông, quân trinh sát đã nhanh chóng quay trở lại báo tin quân đội Ba Tư đã bày sẵn thế trận ở bờ bên kia. Ngay lúc đó, Alexander đã đưa ra những mệnh lệnh cần thiết để chuẩn bị cho cuộc giao chiến. Tuy nhiên, Parmenio phản đối điều này; vị lão tướng đích thân tới trước mặt Alexander mà tâu rằng: "Thưa bệ hạ, theo quan điểm của thần, kế hoạch tốt nhất cho tình huống hiện tại là nghỉ chân ở bên này sông. Bộ binh của quân địch quá thua kém về số lượng so với quân ta, và thần không nghĩ chúng

dám liều mạng giữ khoảng cách quá gần này suốt đêm. Bởi vậy, nếu chúng rút lui, quân ta có thể vượt sông vào lúc rạng sáng mà không có trở ngại gì – chúng ta sẽ ở thế thượng phong trước khi quân địch có cơ hội gây khó dễ. Trái lại, cố gắng vượt sông trong thời điểm này chỉ là một sự liều mạng không hơn. Chúng ta không thể vượt sông theo hàng ngang, vì sông này có rất nhiều chỗ nước sâu, bờ sông lại quá cao, có những chỗ gần như thẳng đứng. Lựa chọn vượt sông theo hàng dọc là tối ưu, nhưng nếu đội hình này lỏng lẻo, kỵ binh của địch sẽ tấn công vào quân ta khi ta còn đang loay hoay giữa dòng nước và đó là bất lợi lớn nhất có thể xảy ra. Thất bại ngay từ khi bắt đầu sẽ là điều rất tồi tệ lúc này, và gây thiệt hại lớn đối với thắng lợi của chúng ta trong cuộc trường chinh."

Alexander đã đáp lời rằng: "Parmenio nói không sai, nhưng ta sẽ cảm thấy tự xấu hổ khi một dòng nước nhỏ như thế này (một cách nói có phần làm giảm giá trị của sông Granicus) lại có thể gây khó dễ cho quân ta, trong khi ta đã vượt eo biển Hellespont mà chẳng vấp phải một trở ngại nào. Sự lưỡng lự này không xứng đáng với danh tiếng của dân tộc chúng ta và sự sốt sắng của chính ta khi đương đầu với hiểm nguy. Chắc chắn điều đó sẽ khiến người Ba Tư thêm kiêu ngạo; chẳng có gì xảy ra với họ để khiến họ sợ hãi, và họ sẽ bắt đầu nghĩ rằng họ là những binh lính thiện chiến chẳng kém gì chúng ta"[53].

Không chút chần chừ, Alexander đã cử Parmenio chỉ huy cánh trái, còn ngài di chuyển lên cánh phải. Quyền chỉ huy cánh phải được giao cho Philotas, con trai của Parmenio, cùng với Kỵ binh Chiến hữu, cung thủ và lính đánh giáo Agriane; Amytas, con trai của Arrabaeus dẫn theo kỵ binh đánh giáo, quân Paeonia, và tiểu đội của Socrates. Phía cánh trái bao gồm những tiểu đoàn vệ quân do Nicanor, con trai của Parmenio chỉ huy; sau đó là những tiểu đoàn bộ binh do Perdiccas, con trai của Orontes, rồi Coenus, con trai của Polemocrates, và Amyntas, con trai của Andromenes chỉ huy; cuối cùng là đội quân dưới quyền chỉ huy của Philip, con trai của Amyntas. Vị trí tiên phong của cánh trái được giao phó cho kỵ binh Thessaly do Calas, con trai của Harpalus chỉ huy, và tất cả những đội quân này đều nhận được sự hỗ trợ từ quân kỵ binh đồng minh do Philip, con của Menelaus, chỉ huy và quân Thrace do Agathon lãnh đạo. Cánh phải do bộ binh đảm nhiệm – bao gồm những tiểu đoàn của Craterus, Meleager và Philip, mở rộng tới trung quân như một tổng thể.

Quân Ba Tư có khoảng 20.000 kỵ binh và một số lượng gần tương đương bộ binh đánh thuê người nước ngoài. Quay trở lại từ khu đất dốc ở dòng sông, họ đã sắp xếp kỵ binh dọc bờ sông, tạo thành một mặt trận rộng lớn và bộ binh ở phía sau[54]. Tại một địa điểm trên bờ sông, họ đã tập trung những tiểu đoàn mạnh bởi vì từ đó, họ có thể nhận thấy Alexander, trong tấm áo bào lộng lẫy, dẫn theo một đoàn tùy tùng với sự sùng kính đặc biệt, đang de dọa cánh trái của họ.

Đó hẳn là một sự im lặng khủng khiếp khi cả hai đội quân đứng bất động ở bờ sông, như thể đang e sợ điều sắp xảy đến. Trong khi quân Ba Tư vẫn đang đợi đợt vượt sông bắt đầu để tấn công quân Macedonia vào lúc họ đang gắng sức tới được bờ bên kia, Alexander đã nhảy lên lưng ngựa, lệnh cho vệ sĩ của ngài theo sau và chỉ huy cuộc chiến. Mệnh lệnh được đưa ra là Amyntas, con trai của Arrabaeus, lao vào dòng nước cùng với lính trinh sát cấp cao,

quân Peaonian và bộ binh chiến hữu, dẫn đầu bởi Ptolemy, con trai của Philip, cùng với tiểu đội của Socrates, tiểu đội kỵ binh tiên phong trong ngày hôm đó; sau đó đích thân ngài, tại vị trí đầu não cánh phải của toàn quân, giữa âm thanh đinh tai nhức óc của tiếng kèn trumpet và tiếng hô xung trận, sẽ tiến về phía con sông. Ngài giữ đội quân tiến xiên theo sức đẩy của dòng nước nhằm ngăn một vụ tấn công bên sườn khi quân đội của ngài nhô lên khỏi mặt nước, và để ngài có thể giao chiến với một mặt trận vững chắc nhất mà ngài có thể xây dựng được.

Những đội quân tiên phong dưới quyền chỉ huy của Amyntas và Socrates, khi tiến tới bờ bên kia sông, đã bị cản trở bởi một loạt những vũ khí do quân Ba Tư ném xuống. Quân Ba Tư tiếp tục sử dụng hỏa lực trên sông từ vị trí chỉ huy ở khu đất cao, và từ dải đất tương đối bằng phẳng gần rìa sông. Một cuộc chiến giáp lá cà đã nổ ra. Quân kỵ binh Macedonia cố gắng thoát ra khỏi dòng nước, trong khi quân Ba Tư nỗ lực hết sức để ngăn chặn điều đó. Trong đợt công kích dữ dội đầu tiên, quân của Alexander, thua kém về số lượng, đã chịu tổn thất nặng nề; vị trí của họ không an toàn và họ phải chiến đấu giữa dòng nước trong khi quân địch có được một thế vững chãi ở trên bờ – chưa kể tới việc họ phải đương đầu với đội kỵ binh thiện chiến của Ba Tư, cùng với Memnon và những người con trai của ông đang chiến đấu dũng cảm giữa chiến trận.

Ngay ở lần chạm trán đầu tiên, quân Ba Tư đã bị chia tách và thiệt hại về quân số, mặc dù một vài người trong đội tiên phong của quân Macedonia đã phải cầu viện Alexander, người đang trên đường vượt sông: quả thực, ở vị trí đầu não của cánh phải, ngài gần như đã vượt qua sông. Một lát sau, Alexander đã ở giữa dòng sông, lãnh đạo đội quân của ngài chiến đấu ở nơi tập trung đông nhất những chỉ huy và quân kỵ binh Ba Tư. Một cuộc chiến khốc liệt đã diễn ra xung quanh Alexander. Trong khi đó, quân Macedonia, những người đang tìm cách vượt sông, nhận ra giờ đây nhiệm vụ của họ đã dễ dàng hơn trước rất nhiều. Đó là một cuộc chiến kỵ binh với những chiến thuật của bộ binh: ngựa chiến với ngựa, người đấu với người, quân Macedonia đã nỗ lực hết sức để đẩy lùi kẻ địch từ phía bờ sông ngược vào khu đất trống, trong khi quân Ba Tư chiến đấu để ngăn chặn cuộc đổ bộ hoặc đẩy kẻ thù của họ xuống dòng nước.

Thế trận nhanh chóng đổi chiều, nghiêng về phía quân của Alexander; kinh nghiệm của họ và sức mạnh của đợt tấn công bắt đầu được bộc lộ, cộng với việc quân Macedonia sử dụng giáo dài làm từ gỗ có ưu thế vượt trội hơn hẳn những cây giáo nhẹ của người Ba Tư.

Trong cuộc chiến, cây giáo của Alexander bị gãy. Alexander đã gọi Aretis, một trong những người hầu cận của ngài, để lấy một cây giáo khác, nhưng chính Aretis cũng gặp những khó khăn tương tự, dù anh ta vẫn đang chiến đấu hết sức dũng cảm với phần còn lại của vũ khí. Giơ cây giáo gãy cho Alexander thấy, Aretis kêu lớn, để vị chủ tướng nhận ra được tình thế của anh ta và kêu gọi sự giúp đỡ từ những người khác, và Demaratus vùng Corinthian, một trong những vệ sĩ của Alexander, đã đưa cho ngài cây giáo của mình. Với vũ khí mới trong tay, Alexander đã quan sát thấy Mithridates, con rể của Darius, đang dẫn một tiểu đội kỵ binh xếp thành đội hình mũi nhọn khá xa trước đội quân chính; ngay lập tức Alexander phi nước kiệu tới trước Mithridates, dùng giáo đập mạnh vào mặt anh ta, rồi

hất anh ta ngã xuống đất. Sau đó, Rhoesaces đã phi ngựa tới chỗ Alexander cùng với một thanh đại đao, giáng một đòn mạnh vào đầu Alexander làm tróc mất một phần chiếc mũ đội đầu của ngài. Nhưng ngay lúc đó Alexander đã kịp phản công, khiến Rhoesaces ngã xuống với một mũi giáo xuyên qua áo giáp, đâm thẳng vào ngực. Cũng chính thời điểm đó, Spithridates nâng thanh đại đao lên, sẵn sàng giáng một đòn chí tử vào Alexander từ đằng sau; nhưng Cleitus, con trai của Dropidas, đã nhanh chóng ra tay cứu ngài. Trong lúc đó, nhóm của Alexander đã nhanh chóng nhận được sự hỗ trợ từ quân kỵ binh khi họ từng đội một vượt sông thành công và nhập vào đội quân của vị thống lĩnh trẻ tuổi.

Quân Ba Tư lúc này đang ở trong thế nguy hiểm: không có lối thoát nào cho ngựa lẫn người khỏi cuộc tấn công mạnh mẽ của những lính đánh giáo người Macedonia; họ bị đẩy lùi, và cộng thêm với sức công phá của đợt tấn công chính, quân Ba Tư đã phải chịu tổn thất nặng nề từ đội quân khinh giáp. Họ bắt đầu tan vỡ ngay tại nơi Alexander tự mình gánh vác trận địa.

Một khi trung tâm đã không còn giữ được, cả cánh phải lẫn cánh trái của kỵ binh Ba Tư đều nhất loạt tan vỡ. Khoảng 1.000 người bị giết – một tổn thất không quá lớn, vì Alexander đã nhanh chóng hạn chế việc truy đuổi quân Ba Tư mà chuyển sang tấn công đám lính đánh thuê, những người vẫn đang giữ nguyên vị trí của họ – điều quả thực không phải từ nỗ lực chứng minh lòng dũng cảm nào mà đơn giản là vì quân đánh thuê Hy Lạp không khỏi bàng hoàng trước một thảm họa xảy ra quá đột ngột. Sắp xếp một cuộc đột kích phối hợp bằng bộ binh và kỵ binh, Alexander đã nhanh chóng bao vây và tàn sát họ. Chỉ có một hai người trốn thoát được giữa ngổn ngang xác chết[55]. Khoảng 2.000 người bị bắt làm tù binh. Trong số những người bị giết có những chỉ huy của quân Ba Tư: Niphates, Petines, và Spithridates, xatrap của Lydia; Mithrobuzances, thủ lĩnh của Cappadocia; Mithridates, con rể của Darius; Arbupales, con của Darius và cháu của Artexerxes; Pharnaces, anh vợ của Darius, và Omares, thủ lĩnh của đạo quân người nước ngoài. Arsites đã tẩu thoát tới Phrygia, nơi ông được thuật lại là đã tự tử vì người Ba Tư bắt ông phải chịu trách nhiệm về thất bại này.

Quân Macedonia tổn thất khá ít, khoảng 25 Kỵ binh Chiến hữu thiệt mạng trong trận đột kích đầu tiên. Alexander đã hạ lệnh cho Lysippus[56] dựng những bức tượng bằng đồng của họ tại Dium. Lysippus cũng là người đã vượt qua rất nhiều đối thủ để được chọn tạc tượng cho Alexander[57]. Khoảng 60 quân kỵ và 30 quân bộ đã thiệt mạng[58]. Theo lệnh của Alexander, tất cả những người chết đều được chôn cất cùng với vũ khí và quân trang vào ngày hôm sau trận chiến. Cha mẹ và con cái của họ được miễn các khoản thuế ở địa phương và tất cả những hình thức về nghĩa vụ cá nhân hoặc các khoản thuế đánh vào tài sản. Alexander rất quan tâm tới những người bị thương; ngài tới thăm họ, kiểm tra vết thương của họ, hỏi từng người xem họ bị thương như thế nào và trong hoàn cảnh nào, lắng nghe câu chuyện của họ và cho phép họ phóng đại tùy thích. Alexander cũng đã tiến hành những nghi lễ chôn cất đối với những thủ lĩnh người Ba Tư và những lính đánh thuê người Hy Lạp, những người đã ngã xuống khi đang chiến đấu trong hàng ngũ của kẻ thù; ngài gửi đám tù binh Hy Lạp tới lao động khổ sai ở Macedonia, như một sự trừng phạt vì dám phản

đối giải pháp của Liên minh Corinth bằng cách chiến đấu cho quân đội kẻ thù, chống lại chính những người đồng hương của họ. Để tạ ơn nữ thần Athena, ngài gửi tới Athens 300 bộ áo giáp đầy đủ của quân Ba Tư, cùng với câu đề tặng rằng: *Alexander, con trai của Philip, và những người Hy Lạp (trừ những người Lacedaemonia) dâng tặng người những chiến lợi phẩm được lấy từ quân Ba Tư ở lục địa Á châu*[59].

Alexander đã chỉ định Calas đảm nhiệm chức xatrap, vị trí trước đây vốn thuộc về Arsites với mệnh lệnh giữ nguyên các khoản thuế như trước đó; tất cả những người bản địa xuất hiện sau khi lẩn trốn ở trên những ngọn đồi và bị bao vây đã được ngài cho phép quay trở lại nhà của họ; đối với những người Zeleia, ngài tha thứ cho họ vì hiểu rằng họ chiến đấu cùng với quân Ba Tư chỉ vì bị ép buộc. Alexander cử Parmenio tiếp quản Dascylium; và điều này được thực hiện mà không gặp phải trở ngại gì khi những vệ quân đã bỏ lại thị trấn[60].

Mục tiêu tiếp theo của Alexander là Sardis. Ngài vẫn còn cách đó khoảng 13 hoặc 14 kilômét khi gặp Mithrines, chỉ huy pháo đài bên trong; đi cùng với ông là những người lãnh đạo của thị trấn. Họ tới để giao nộp thị trấn cho Alexander, trong khi Mithrines cũng xin dâng lên ngài pháo đài và của cải. Alexander dừng chân trước Hermus, một con sông cách Sardis khoảng 4 kilômét, và cử Amyntas, con trai của Andromenes tiếp quản pháo đài; ngài đối xử với Mithrines theo cách thức phù hợp với địa vị của ông, cho phép những người Sardis và những người Lydian khác giữ phong tục cũ của quê hương họ và trả tự do cho họ[61].

Trong lúc Alexander ở Sardis, ngài đã tới vệ thành, nơi quân đồn trú của Ba Tư đã từng đóng quân, và nhận ra rằng pháo đài này, được xây dựng trên ngọn đồi cao, dốc và được bảo vệ bằng tường thành ba lớp, là một vị trí cực kỳ vững chãi.

Ngài nảy ra ý nghĩ sẽ xây dựng ở đây một đền thờ và ban thờ vinh danh thần Zeus, và trong khi ngài đang băn khoăn chọn vị trí tốt nhất thì một cơn bão mùa hè ập tới đột ngột cùng với tiếng sấm rền vang và một cơn mưa trút xuống cung điện của những vị vua Lydian, đã khiến Alexander nghĩ rằng thần Zeus đã tự chỉ định vị trí nơi đền thờ của người sẽ được xây lên; bởi vậy, ngài đã hành động theo ý nguyện đó của người.

Alexander đã giao phó cho Pausanias, một trong những Kỵ binh Chiến hữu, chịu trách nhiệm về pháo đài, và hạ lệnh cho Nicias tổ chức và trao tặng đồ cống nạp. Quyền cai trị Lydia và khu vực lãnh thổ trước kia do Spithridates làm chủ đã được trao cho Asander, con trai của Philotas, với một lực lượng đáng kể bộ binh khinh giáp và kỵ binh. Calas và Alexander, con trai của Aeropus, được gửi tới vùng đất của Memnon[62] cũng với những người Peloponnesian và hầu hết những đội quân đồng minh khác, ngoại trừ quân Argives, những người đã đóng quân tại pháo đài ở Sardis.

Trong khi đó, tin tức về vụ giao chiến kỵ binh đã tới Ephesus. Những lính đánh thuê từng là đơn vị đồn trú ở thị trấn đã cướp được hai tàu chiến và trốn thoát. Đi cùng họ là Amyntas, con trai của Antiochus, người đã rời Macedonia nhằm tránh mặt Alexander. Anh

ta chắc chắn không có điều gì phàn nàn về cách đối xử của Alexander; anh ta chỉ không ưa ngài và chán ghét sự hiện diện của ngài.

Alexander mất ba ngày để đi tới Ephesus. Khi tới nơi, ngài đã kêu gọi tất cả những lính đánh thuê bị trục xuất trở về quy phục ngài, bỏ đi những phe phái quyền lực, và phục hồi thể chế dân chủ. Tất cả những khoản thuế trước kia phải nộp cho Ba Tư được ngài chuyển lại cho đền thờ Artemis[(63)]. Mọi cư dân trong thị trấn, những người đã gỡ bỏ mối e sợ những chủ nhân chính trị của họ, đã nóng lòng xử tử những kẻ chịu trách nhiệm trong việc kêu gọi sự hỗ trợ của Memnon, và những kẻ hoặc đã cướp phá Đền thờ hoặc đã đập vỡ bức tượng Philip ở đó, hoặc đã mở lăng mộ của Heropythus – người giải phóng, ở quảng trường tập thể. Họ đã kéo lê từ đền thờ và ném đá đến chết Syrphax và con trai ông là Pelagon cùng với tất cả đám cháu trai. Tuy vậy, Alexander, người có ý thức rất rõ rằng dân Ephesian, những người đã được trao cho cơ hội tiếp tục săn đuổi những kẻ phạm tội và theo đuổi khao khát báo thù, sẽ đi quá lòng hận thù và dục vọng cá nhân và hạ sát cả những người vô tội, đã kiên quyết dừng lại. Kết quả là, nhờ vào quyết định sáng suốt của ngài tại Ephesus, người dân ở đây đã không thể đi xa hơn những gì mà họ đã làm.

Trong suốt thời gian đó, những sứ thần tới từ những thị trấn của Magnesia và Tralles đã đến quy phục. Theo đó, Alexander đã phái Parmenio cùng với một lực lượng khoảng 2.500 bộ binh đồng minh, 2.500 quân Macedonia, và 200 Kỵ binh Chiến hữu, cử Alcimachus, con trai của Agathocles, với một lực lượng tương đương, tiến tới những thị trấn của người Aeolia và tất cả những thị trấn của người Ionia hiện vẫn còn lệ thuộc vào Ba Tư. Trong khắp những vùng đất này, ngài đã tước quyền sở hữu của nhóm cai trị, xây dựng chính quyền dân chủ, cho phép mọi cộng đồng đều được thực thi luật pháp và phong tục riêng của họ, đồng thời miễn cho họ những khoản thuế mà trước đây họ phải nộp cho người Ba Tư[(64)]. Trong khi đó, ngài vẫn ở Ephesus, tế lễ thần Artemis, và tổ chức một buổi diễu hành kỷ niệm, với đầy đủ quân trang và đội hình chiến trận.

Ngày hôm sau, Alexander đã hành quân tới Miletus với một lực lượng bao gồm tất cả bộ binh, cung thủ, quân Agriane, kỵ binh Thrace, Tiểu đội Hoàng gia của Kỵ binh Chiến hữu, và ba tiểu đoàn khác. Vòng thành bao đã rơi vào tay ngài mà không cần tới một đợt tấn công nào, vì đơn vị đồn trú đã rút, ngay khi Alexander ra lệnh dừng chân và đề nghị phong tỏa những công sự phòng vệ bên trong, nơi Hegisistratus, người đã được Darius giao phó việc phòng vệ thị trấn, vẫn đang hy vọng có thể chống cự được. Hegisistratus trước đây đã đôi lần viết thư xin hàng gửi cho Alexander, nhưng tình hình về hạm đội Ba Tư sau đó đã khuyến khích ông nỗ lực hơn trong việc giữ lấy thành phố cho chủ nhân của mình. Tuy nhiên, Nicanor đã nhanh chân hơn; ông đã mang hạm đội Hy Lạp tới Miletus ba ngày trước hạm đội của Ba Tư và đã thả neo với 160 tàu tại Lade, một hòn đảo không xa thị trấn. Người Ba Tư đã bỏ lỡ cơ hội của họ; và những chỉ huy của họ, ngay khi nhận ra rằng hạm đội của Nicanor đã thả neo tại Lade trước khi họ tới, đã đem tàu của họ thả neo dưới Cửa sông Mycale. Alexander, khi chắc chắn rằng không chỉ có duy nhất hạm đội của ngài dừng chân ở Lade, đã hạ lệnh cho đạo quân Thrace và khoảng 4.000 lính đánh thuê khác đổ bộ vào hòn đảo.

Quân Ba Tư có khoảng 400 tàu, vượt trội hơn về số lượng so với quân Macedonia, nhưng lão tướng Parmenio, bất chấp điều này, vẫn hối thúc Alexander tiến hành một cuộc giao chiến. Ông tin chắc rằng một cuộc chiến trên biển sẽ diễn ra theo hướng có lợi cho người Hy Lạp, nhưng lý do thực sự cho đề nghị này lại là một dấu hiệu từ thần linh – người ta đã nhìn thấy một con chim đại bàng xuất hiện trên bờ biển ngay phía sau những con tàu của Alexander. Parmenio cho rằng nếu giành được chiến thắng trong hoàn cảnh hiện tại sẽ là một thuận lợi có tính chiến lược lớn, trong khi đó nếu không may thất bại thì đó cũng không phải là điều quá tồi tệ, khi người Ba Tư, trong bất kỳ trường hợp nào, cũng vẫn đang làm chủ biển cả. Ông nói ông đã chuẩn bị sẵn sàng để đích thân xuất trận và liều mạng. Alexander đã đáp lời rằng Parmenio đã mắc sai lầm, và ông hẳn đã phân tích sai dấu hiệu. Thứ nhất, sẽ là sai lầm khi liều mạng lao vào một cuộc giao chiến trên biển chống lại một lực lượng lớn hơn nhiều, và đem một hạm đội chưa được rèn luyện gì đối đầu với toàn bộ lực lượng hải quân Cyprus và Phoenicia đã được tôi luyện ở mức độ cao; hơn nữa, biển cả là một nơi nguy hiểm – người ta không thể đặt niềm tin vào nó, và ngài cũng sẽ không liều mạng xuất hiện trước quân Ba Tư; nếu thất bại, điều này quả thực sẽ rất tồi tệ và tác động sâu sắc tới mối quan tâm chung về chiến tranh trong những giai đoạn đầu của nó, trên tất cả là sẽ khuyến khích những người Hy Lạp nổi loạn ngay khi họ nhận được tin người Ba Tư đã giành thắng lợi trên biển. Thứ hai, những lý do Parmenio đưa ra chưa đủ để liều mạng giao chiến. Ngài cũng đưa ra những phân tích về dấu hiệu khác so với Parmenio: sự xuất hiện của chim đại bàng, không nghi ngờ gì, là một dấu hiệu thuận lợi; nhưng trên thực tế việc chim đại bàng được nhìn thấy trên bờ biển chắc chắn báo hiệu rằng quân đội của ngài, chứ không phải hải quân của ngài, sẽ khiến hạm đội Ba Tư trở nên vô dụng – ngài sẽ chiến thắng trận đấu trên biển từ đất liền, như dấu hiệu đã chỉ ra.

Trong lúc này, một người Miletus xuất sắc có tên là Glaucippus đã tiếp kiến Alexander với lời đề nghị từ các thần dân của thị trấn và lính đánh thuê người nước ngoài, những người chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ thị trấn dưới sự giám sát của người Ba Tư: điều này có nghĩa là họ sẵn sàng giao nộp quyền sử dụng những bến cảng, mở cửa tường thành của họ cho cả Alexander lẫn người Ba Tư; đồng thời họ hy vọng rằng với những thỏa thuận này, lệnh bao vây sẽ được rút bỏ. Alexander đáp lại lời đề nghị này bằng cách cho phép Glaucippus quay trở lại với các chiến hữu của ông, và nói rằng họ nên sẵn sàng phòng thủ vào buổi bình minh sáng hôm sau. Alexander đã tiếp tục gia tăng lực lượng phong tỏa; thành lũy đã bị oanh tạc ở tầm gần, những công sự đã bị công phá bởi những cầu ván gỗ; sau đó Alexander đã mang theo quân lính của mình, lúc này đã sẵn sàng giữ vững bất kỳ một vị trí nào tại nơi những công sự phòng vệ bị chọc thủng hoặc bị công phá đủ để mở một lối vào, trong khi những người Ba Tư tại Mycale đang trong quá trình chuẩn bị tiến công chống lại những đồng minh đã gần như đã biến mất trong tầm mắt họ.

Khi những quân lính của Nicanor ở Lade nhận thấy cuộc đột kích của Alexander bắt đầu, họ đã điều khiển tàu thuyền đi dọc bờ biển, tới cảng biển tại Miletus, nơi hạm đội xuất hiện ở phần hẹp nhất của lối vào, tàu này nằm kế sát tàu kia; bởi vậy cảng biển đã đóng lại trước hạm đội của Ba Tư và người Miletus không còn hy vọng giúp đỡ gì ở khu vực đó. Người Miletus và lính đánh thuê ở thị trấn đã bị thúc ép bởi cuộc tấn công của Alexander; và trước diễn biến mới này, một vài người trong số họ đã lao xuống biển, dùng khiên làm

thuyền để bơi tới một hòn đảo nhỏ (không có tên) không xa thị trấn, trong khi những người khác nỗ lực đến tuyệt vọng để trốn khỏi thuyền trước khi những tàu chiến của Macedonia tới. Tuy vậy, họ đã quá chậm chân và bị bắt tại lối vào cảng biển. Phần lớn những người Miletus trong thành đều bị giết.

Thị trấn giờ đây đã rơi vào tay Alexander, và ngài chuyển hướng chú ý tới những người đã trốn thoát tới hòn đảo nhỏ. Bờ biển của hòn đảo này dốc và việc đổ bộ lên đó cũng giống như việc bắc thang trèo lên tường thành vậy; Alexander đã biến việc này trở nên dễ dàng hơn nhiều bằng cách cố định những thang leo tường thành vào phần đầu của thuyền – tuy nhiên, khi nhận thấy rằng những kẻ chạy trốn, khoảng 300 lính đánh thuê Hy Lạp, sẵn sàng chiến đấu tới chết, ngài đã bị cảm động bởi lòng dũng cảm và trung thành của họ. Alexander đã không trừng phạt họ với điều kiện những người này phải quy phục ngài. Tất cả những người Miletus không bị giết khi thị trấn bị chiếm đóng đều được Alexander thả tự do.

Trong lúc đó, quân Ba Tư tiếp tục sử dụng Mycale như một căn cứ để quấy nhiễu hạm đội Hy Lạp tại Miletus. Hằng ngày, họ di chuyển về phía Miletus với hy vọng kích động được mâu thuẫn; tối đến, họ giữ nguyên vị trí mặc dù đây chẳng phải là một nơi an toàn lắm, vì họ bị bắt buộc phải lấy nước cho hạm đội từ Maeander, ở cách đó một quãng đường dài[65]. Alexander vẫn giữ hạm đội tại cảng biển nhằm tránh việc quân Ba Tư tấn công mở lối vào. Ngài đã hạ lệnh cho Philotas tuần tra khắp đường bờ biển của Mycale cùng với quân kỵ binh và ba chiến hữu bộ binh, ngăn quân Ba Tư đổ bộ lên bờ. Hệ quả là, việc thiếu nước và những quân nhu khác khiến toàn bộ thủy thủ Ba Tư lâm vào tình trạng khốn đốn; bởi vậy, họ đã bơi thuyền tới Samos, chất đầy thuyền những thứ họ cần, và trở về Miletus. Rời cảng biển, họ đã bày trận cùng với đội hình chính của hạm đội, hy vọng nhử quân Macedonia vào vùng nước sâu, trong khi năm con tàu của họ tiếp tục tới vùng biển đã được bảo vệ giữa Lade và vị trí đóng quân của Macedonia trên bờ biển. Họ nghĩ rằng đó hẳn là một cơ hội gây bất ngờ cho hạm đội của Alexander khi không có ai trên tàu, vì họ đã được kể rằng hầu hết các thủy thủ đã được giao những nhiệm vụ khác, chẳng hạn như kiếm củi đốt, hoặc đi cắt cỏ hay tìm kiếm nguồn lương thực. Một vài người lính quả thực đã đi ra ngoài, nhưng số người còn lại vẫn đủ để đảm nhận nhiệm vụ. Khi Alexander thấy năm tàu chiến của địch đang tiến tới, ngài đã ngay lập tức cử mười tàu chiến sẵn sàng đâm thủng chúng. Năm tàu chiến của Ba Tư đã nhận thấy sự xuất hiện đầy thù địch và hoàn toàn bất ngờ của tàu Hy Lạp; và ngay khi nhìn thấy cảnh tượng đó, họ đã xoay buồm chuyển hướng, nhanh chóng quay trở lại, tái nhập vào hạm đội. Một trong những con tàu này, được những người Iassian chèo lái, là một con tàu chậm chạp, đã thất bại trong việc tẩu thoát; ngoại trừ bốn người dẫn đầu đã trốn chạy và tái nhập thành công vào hạm đội, toàn bộ thủy thủ đoàn bị bắt. Kết quả là hạm đội Ba Tư đã không kèn không trống rời khỏi Miletus.

Lúc này, Alexander quyết định giải tán hạm đội. Trong thời điểm đó, ngài không có đủ tiền bạc để duy trì hạm đội; Alexander hiểu rằng khó lòng hạ được hải quân Ba Tư, và ngài cũng không mong muốn để bất kỳ đội quân nào của ngài, dù là trên biển cả hay đất liền, phải liều mình lao vào thảm họa[66]. Hơn nữa, quân đội của Alexander đang làm chủ trên đất liền, ngài có ý thức rất rõ rằng ngài không cần sử dụng tới bất kỳ hạm đội nào: bằng

cách chiếm lấy những thị trấn ven biển, Alexander có thể khiến hải quân Ba Tư trở nên bất lực, vì họ chẳng thể sử dụng một cảng biển nào ở bờ biển châu Á và không có nguồn nào thay thế cho tất cả thủy thủ của họ. Đó chính là trọng điểm trong phân tích của Alexander về dấu hiệu chim đại bàng – điều đó có nghĩa là ngài "sẽ chinh phục những con tàu từ đất liền".

Sau khi giải quyết ổn thỏa mọi chuyện ở Miletus, Alexander bắt đầu đi tới Caria vì nhận được báo cáo rằng quân Ba Tư đang ở Halicarnassus với một lực lượng đáng kể lính bản địa và lính đánh thuê. Những thị trấn nằm trên đường hành quân của ngài đều đã đầu hàng mà không vấp phải bất kỳ sự kháng cự nào. Tuy nhiên, trên đường tới Halicarnassus, ngài đã chọn một vị trí cách thị trấn khoảng một kilômét với dự đoán về một cuộc vây hãm kéo dài. Ngoài địa thế tự nhiên vốn có của Caria, bất kỳ sự thiếu sót nào trong việc duy trì sự an toàn của nó đều đã sớm được Memnon, người đã được Darius giao phó quyền cai trị vùng hạ châu Á và là thủ lĩnh của toàn hạm đội, củng cố; một lực lượng hùng mạnh của lính Ba Tư và lính đánh thuê đã tới đóng quân ở thị trấn, và sự xuất hiện của tàu chiến ở cảng biển đồng nghĩa với việc các thủy thủ cũng có thể giúp chuẩn bị cho đợt tấn công[(67)].

Trong ngày đầu tiên, Alexander đã tới những công sự ở thị trấn, phía đối diện với Mylasa. Khi ngài đi tới cổng, những người bảo vệ đã xông ra phá vây và phóng lao tầm xa. Quân đội của Alexander đã phản công mà không gặp khó khăn gì và đẩy lùi quân địch trong thành. Một vài ngày sau, cùng với một lực lượng bao gồm Vệ binh, Kỵ binh Chiến hữu, và những tiểu đoàn bộ binh dưới quyền chỉ huy của Amyntas, Perdiccas, và Meleager, được hỗ trợ bởi quân Agrianes và cung thủ, Alexander đã quay trở lại khu vực thị trấn, phía đối diện với Myndus, ngài quan tâm tới tình trạng của các chốt phòng vệ ở khu vực này, với hy vọng tìm kiếm được một lối vào dễ dàng hơn[(68)]. Alexander nghĩ rằng cũng sẽ có một cơ hội nếu ngài, bằng một cuộc đột kích, có thể chiếm lấy Myndus, mảnh đất mà việc sở hữu nó sẽ khiến việc bao vây Halicarnassus (trở nên) dễ dàng hơn rất nhiều. Kế hoạch có vẻ hấp dẫn hơn vì một vài người ở Myndus đã đề nghị rằng họ sẽ mở cổng thành cho Alexander nếu ngài tiến quân trong bóng tối. Ngài làm theo lời họ và tới thị trấn vào khoảng nửa đêm. Tuy nhiên, ở đây không hề có dấu hiệu đầu hàng nào cả. Alexander, người đang mong đợi nơi này quy phục ngài, đã không chuẩn bị gì cho việc bao vây: ngài không hề mang theo những súc gỗ nặng [để phá thành], pháo hay thang leo tường thành; tuy vậy, với trang bị vũ khí sơ sài Alexander vẫn hạ lệnh cho bộ binh Macedonia tiến quân và bắt đầu đánh lấn. Họ đã phá hủy một pháo đài, nhưng sự sụp đổ của nó không phá bỏ được tường phòng vệ; quân đội của thị trấn chống trả mãnh liệt và cùng với sự trợ giúp của quân tiếp viện tới bằng đường biển từ Halicarnassus, đã chống trả thành công cuộc đột kích. Bởi vậy, Alexander đã hạ lệnh rút lui trong khi chưa hạ được mục tiêu. Ngài lại chuyển hướng quan tâm sang việc bao vây Halicarnassus.

Để có thể gia tăng sức mạnh công phá – sử dụng được những pháo đài mà từ đó có thể bắn phá vào những người bảo vệ thành lũy cũng như việc dùng pháo và các súc gỗ nặng để phá thành – Alexander cho đào hầm ở bên ngoài thị trấn, khoảng 14 mét chiều rộng và 7 mét chiều sâu. Công việc được hoàn thành một cách dễ dàng và các pháo đài nhanh chóng được đưa vào sử dụng. Trong đêm tối, một nhóm quân Halicarnassus đã cố gắng dùng hỏa

lực tấn công pháo binh của Macedonia, bao gồm cả những pháo đài, vốn chưa sẵn sàng vào vị trí hoặc chưa được sử dụng; nhưng quân Macedonia đang làm nhiệm vụ phòng vệ, cùng với sự giúp đỡ của những quân lính khác, những người đã tỉnh giấc bởi tiếng ồn và gia nhập vào với nhóm của họ, đã đẩy lùi quân Halicarnassus vào trong những chốt phòng vệ của thị trấn mà không gặp khó khăn gì. Quân địch thiệt hại 170 người, trong đó có Neoptolemus, người đã bỏ trốn sang phe Darius[(69)]. Anh ta là con trai của Arrabaeus và anh của Amyntas. Về phía quân Alexander, có khoảng 16 người chết và 300 người bị thương – số lượng người bị thương tương đối lớn vì họ bị tấn công trong bóng tối và rất khó để tự phòng vệ.

Một vài ngày sau, có một sự vụ tình cờ xảy ra: hai bộ binh Macedonia thuộc tiểu đoàn của Perdiccas uống rượu trong lều và khoe khoang về việc họ đã dũng cảm thế nào; sẵn có men rượu trong người, mỗi người khoác lác hết mức có thể và nhanh chóng xảy ra một cuộc tranh cãi giữa họ. Cuối cùng, hai người cầm vũ khí của mình xông ra tấn công vào tường thành của thị trấn nằm ở trên vùng đất cao đối diện với Mylasa chỉ với mục đích chứng minh cho đối phương thấy mình can đảm ra sao chứ hoàn toàn không có ý định nghiêm túc về một cuộc tấn công liều chết. Một vài người lính trong thị trấn đã thấy sự xuất hiện của hai gã ngốc và khiêu khích họ. Tuy nhiên, những người Macedonia đã giết những người tới gần và phóng vũ khí vào những người vẫn còn cách họ một khoảng, bất chấp việc những người Halicarnassus đông hơn và ở trên một vùng đất có nhiều lợi thế hơn vì họ có thể bắn phá hoặc tiến hành một cuộc đột kích từ vùng đất cao. Một mặt, những quân lính thuộc tiểu đoàn Perdiccas đã nhanh chóng đối diện với mối de dọa này, và mặt khác, họ nhận được quân tiếp viện từ thị trấn. Đó là một cuộc chiến đấu ác liệt cho tới khi quân Macedonia một lần nữa lại đẩy lui thành công đợt tấn công của quân địch vào trong cổng thành. Quả thực, thị trấn đã gần như bị chiếm cứ. Trong lúc đó, những bức tường thành đều chỉ được phòng vệ sơ sài, và sự sụp đổ của hai pháo đài cạnh nhau cùng với bức tường ở giữa đã tạo nên một lối vào dễ dàng, cho phép mở ra một cuộc đột kích. Hơn nữa, pháo đài thứ ba đã bị hư hại nặng nề và có thể dùng mìn phá sập; nhưng trước khi bất cứ điều gì được thực hiện, người trong thị trấn đã tìm được một cách phòng vệ tốt hơn bằng cách xây dựng, từ bên trong, một bức tường gạch hình vòng cung – với sự giúp sức của tất cả mọi người.

Ngày hôm sau, Alexander đã sử dụng pháo thủ để tấn công, và vấp phải sự chống trả ngay lập tức bởi một nhóm người trong thị trấn. Mục đích của họ là dùng hỏa lực tấn công những phương tiện đột kích của Alexander, và họ đã thành công trong việc đốt cháy một phần bức bình phong ở gần tường thành và một trong những pháo đài bằng gỗ, dù mọi thứ khác đều đã được bảo vệ bởi quân lính dưới quyền chỉ huy của Philotas và Hellanicus, những người chịu trách nhiệm bảo vệ ở đó. Trong suốt cuộc đột kích, Alexander đã đích thân xuất quân, và kết quả là nhóm đột kích đã ngăn chặn được những người nổi loạn – hầu hết họ đều bỏ lại vũ khí – và nhanh chóng rút lui vào bên trong thị trấn.

Bất chấp thất bại này, trong các giai đoạn đầu của những đợt tấn công ngay sau đó, những người canh giữ tường thành vẫn có được lợi thế: vị trí của họ trên vùng đất cao là một thế chiến lược; các binh lính hình thành nên tấm chắn ở phía trước những cỗ máy đột kích của Alexander có thể đối đầu với những loạt vũ khí được phóng ra không chỉ từ phía

trước của mũi tiến quân, mà còn từ hai bên sườn, nơi mà từ những pháo đài ở cả hai bên của lỗ hổng ở tường thành cũ, quân địch có thể cấp tập tấn công họ; quả thực khi quân đội Macedonia đi tới chỗ tường thành mới được xây dựng, họ có thể sẽ bị tấn công từ phía sau.

Một vài ngày đã trôi qua trước khi Alexander tiếp tục đột kích bức tường gạch mới bên trong thị trấn. Trong thời gian đó, ngài đã đích thân chịu trách nhiệm về vụ đột kích. Bước tiến công của ngài đã vấp phải một cuộc phản công của toàn bộ lực lượng trong thị trấn: một sư đoàn ngay tại lỗ hổng ở tường thành, nơi Alexander xuất hiện và một sư đoàn khác tại Tripylum, hay Cổng thành Triple, nơi người Macedonia ít ngờ tới nhất. Những khúc củi đang cháy dở và những vật liệu dễ cháy khác đều được quăng vào những phương tiện đột kích khiến chúng bốc cháy dữ dội; tuy vậy quân lính dưới quyền chỉ huy trực tiếp của Alexander vẫn không chịu lùi bước; các máy bắn đá được trang bị ở pháo đài tiếp tục phóng tới những tảng đá nặng để gây áp lực. Hệ quả là, những người bảo vệ thị trấn đã bị đánh bại và bị đẩy lùi một lần nữa vào trong các chốt bảo vệ. Quân địch chịu tổn thất nặng nề: một vài người đã bị giết khi đánh giáp lá cà với quân Macedonia, những người khác kẹt ở giữa đống đổ nát của bức tường bị phá thủng: họ không thể vượt qua vì lỗ thủng quá hẹp so với đám đông xô lấn, và những khối đá chắn đường đã trở thành một trở ngại gần như không thể vượt qua.

Lực lượng thực hiện cuộc phá vây tại Tripylum đã đụng độ với Ptolemy, thủ lĩnh của vệ quân hoàng gia, cùng với những binh lính dưới quyền chỉ huy của Addaeus, Timander và sự hỗ trợ của bộ binh khinh giáp. Giống như đợt rút lui của những người Halicarnassus khác, đợt rút lui của lực lượng này cũng là một thảm họa: bởi vì khi họ rút lui qua cây cầu hẹp bắc qua hào, sức nặng của đội quân đã làm cây cầu hoàn toàn sụp đổ. Nhiều người hoặc đã rơi xuống hào, hoặc đã bị đồng đội của họ giẫm đạp tới chết hoặc bị người Macedonia bắn từ trên cao. Cuộc tàn sát đẫm máu nhất xảy ra ở cổng thành, nơi đã vội vã đóng cửa thành trong nỗi sợ hãi mù quáng về việc quân Macedonia sẽ bám gót những kẻ tháo chạy; chính những người bảo vệ đã không cho một số lượng lớn chiến hữu của họ vào thành, và số này sau đó đã bị quân Macedonia chém giết ngay dưới tường thành. Một lần nữa, thị trấn gần như đã lọt vào tay Alexander; nhưng ngay cả khi dùng tới biện pháp cực đoan như thế này, ngài vẫn muốn cứu lấy nó, chỉ cần thần dân ở đây đưa ra bất kỳ một dấu hiệu thương lượng nào. Bởi vậy, Alexander đã kêu gọi dừng cuộc đột kích.

Trong trận chiến này, Halicarnassus thiệt hại khoảng 1.000 người, Alexander khoảng 40 người, trong số đó có Ptolemy, thủ lĩnh vệ binh hoàng gia, Clearchus trong vai trò chỉ huy đội cung thủ, Addaeus, một chiliarch – hay còn được gọi là chỉ huy tiểu đoàn – và một số người Macedonia nổi tiếng khác.

Những thủ lĩnh Ba Tư, Orontobates và Memnon lúc đó đã gặp gỡ để thảo luận về tình huống này. Rõ ràng là trong những điều kiện hiện tại, việc kéo dài hơn nữa tình trạng không chịu nhượng bộ là không khả thi; một phần tường thành đã hoàn toàn đổ vỡ, những phần khác bị tàn phá nghiêm trọng, và trong những đợt phá vây gần nhất, họ đã thiệt hại nặng nề, nhiều người hoặc đã bị giết hoặc đã không thể tiếp tục chiến đấu do bị thương. Bởi vậy, vào khoảng nửa đêm, họ đã đốt nhà kho cùng với pháo đài bằng gỗ vốn được xây dựng

để chống lại đợt tấn công của quân Macedonia. Những ngôi nhà ở gần tường thành cũng bị đốt, trong khi những ngọn lửa từ pháo đài và các nhà kho đang cháy dữ dội đã theo hướng gió lan sang các tòa nhà khác. Tàn quân rút lui tới Arconnese, một thành lũy trên đảo, và vùng đất cao được gọi là Salmakis.

Những sự kiện này đã được một vài người Halicarnassus đào tẩu sau cuộc chiến báo cáo cho Alexander; bởi vậy, khi ngọn lửa bắt đầu lan rộng trước mắt ngài, bất chấp thực tế là đã gần nửa đêm, ngài hạ lệnh cho quân lính dưới quyền giết tất cả những người có hành vi đốt nhà. Ngược lại, bất kỳ cư dân thị trấn nào được tìm thấy trong nhà đều được cứu khỏi đám cháy.

Ánh sáng ban ngày đã làm lộ những chỗ chiếm đóng của quân Ba Tư và lính đánh thuê của Salmakis và Arconnese. Tuy nhiên, Alexander đã quyết định không bao vây những thành lũy này, vì thực tế là quân đội của ngài sẽ gặp nhiều trở ngại, trong khi ngài cũng sẽ mất nhiều thời gian với thị trấn vừa mới chiếm cứ được. Bao vây họ chẳng mang lại cho ngài bất cứ lợi thế lớn nào. Bởi vậy, ngài cho chôn cất những người đã bị giết trong cuộc chiến tối hôm trước, ra lệnh cho đội quân chịu trách nhiệm đột kích tiến tới Tralles, và sau đó san bằng thị trấn. Để thành lập đơn vị đồn trú ở nơi này, cùng với phần còn lại của Caria, Alexander đã để lại một lực lượng khoảng 3.000 bộ binh – lính đánh thuê – và khoảng 2.000 kỵ binh dưới quyền chỉ huy của Ptolemy. Sau đó, ngài chuẩn bị cho việc đi tới Phrygia.

Alexander đã tôn Ada, con gái của Hecatomnus lên làm người cai trị toàn bộ Caria. Người phụ nữ này là vợ của Hidrieus – và cũng chính là chị gái của ông, một mối quan hệ theo đúng phong tục của Caria; Hidrieus, người đã mất trên giường bệnh, đã trao lại quyền lực của mình cho Ada, và việc một người phụ nữ cai trị một vùng đất cũng không phải là điều xa lạ ở châu Á trong thời đại của Semiramis trở về trước[(70)]. Sau này, Ada bị Pixodarus phế truất, cướp lấy quyền lực; vị trí này sau khi Pixodarus mất đã được Orontobates, con rể của ông, tiếp quản theo chỉ định của Nhà vua. Khi Alexander xâm lược Caria, Ada lúc đó chỉ là chủ nhân của Alinda, một trong những nơi được phòng vệ tốt nhất ở Caira. Bà đã đích thân trình diện trước Alexander, giao nộp thị trấn, và đề nghị nhận ngài là con nuôi. Alexander đã không khước từ đề nghị này. Ngài đem Alinda trao lại cho bà, và khi Alexander trở thành chủ nhân của Caria cùng với việc Halicarnassus thất thủ, ngài đã đặt toàn bộ mảnh đất này dưới sự cai trị của bà.

Có một số lượng lớn những người Macedonia phục vụ cho cuộc chinh phạt chỉ mới vừa kết hôn khi cuộc viễn chinh bắt đầu. Cảm thấy cần phải quan tâm tới những người lính này, Alexander đã thải hồi họ ở Caria, gửi họ về quê nhà để có một mùa đông với những người vợ của họ; những người này đã được giao phó cho Ptolemy, con trai của Seleucus, một thủ lĩnh của vệ quân Hoàng gia, và hai thủ lĩnh có vị trí cao khác: Coenus, con trai của Polemocrates, và Meleager, con trai của Neoptolemus – cả hai người này được chọn vì chính họ cũng là những người vừa mới kết hôn. Chỉ thị của các tướng lĩnh đưa ra là gia tăng việc tuyển mộ kỵ binh và bộ binh trong phạm vi rộng nhất có thể, hợp nhất những người này với đội quân hiện đang ở dưới quyền chỉ huy của họ. Không hành động nào của

Alexander khiến ông được quân đội Macedonia yêu quý hơn hành động này.

Cùng lúc đó, Alexander đã cử Cleander, con trai của Polemocrates, tuyển thêm quân ở Peloponnese, trong khi Parmenio được phái đi Sardis cùng với một lực lượng bao gồm một trung đoàn Chiến hữu, kỵ binh Thessaly, những đạo quân đồng minh khác và những xe ngựa chở hành lý. Mệnh lệnh của ngài là tiến quân từ Sardis tới Phrygia. Đích thân Alexander đã hành quân tới Lycia và Pamphylia để thiết lập sự kiểm soát với bờ biển và khiến hạm đội của kẻ thù không thể di chuyển được. Trên đường đi, nơi đầu tiên mà ngài chiếm đóng là một thị trấn vững chãi của Hyparna; nó được canh giữ bởi một đơn vị đồn trú của lính đánh thuê, nhưng trước đề nghị đình chiến, họ đã bỏ thành lũy và đầu hàng. Không có một cuộc chiến nào hết. Khi tới Lycia, Alexander đã tiếp quản Telmissus, cư dân ở đó đã không chống lại ngài. Sau đó, ngài đã băng qua Xanthus và chấp thuận sự quy phục của Pinara, Xanthus, Patara và khoảng 30 khu vực nhỏ khác[(71)].

Lúc này đã vào giữa mùa đông, và lần di chuyển tiếp theo của Alexander là tới Milyas – nơi trên thực tế thuộc về vùng Phrygia lớn (Greater Phrygia) nhưng vào giai đoạn đó lại được cho là một phần của Lycia[(72)] theo mệnh lệnh của vua Ba Tư. Ở đây, Alexander đã gặp những đại diện từ Phaselis, tới dâng tặng cho ngài mũ miện vàng và đề nghị kết giao. Các đề nghị tương tự từ khu vực rộng lớn hơn của vùng hạ Lycia cũng được đưa ra. Alexander đã đáp lời các sứ thần tới từ Phaselis, cũng như từ Lycia, rằng hãy giao nộp thị trấn của họ cho những chủ nhân xứng đáng hơn, điều đã được thực hiện một cách thích đáng trong mọi trường hợp. Ngay sau đó, ngài đích thân đi tới Phaselis và giúp cư dân thị trấn hạ một pháo đài mà người Pisidia xây dựng gần đó như một căn cứ để từ đó quấy nhiễu Phaselis – và người Pisidia đã thực sự quấy phá họ, những người lao động ở trên bờ thường xuyên chịu tổn thất nặng nề bởi những đợt đột kích của Pisidia.

Trước khi Alexander hoàn thành công việc với Phaselis, ngài đã được báo cáo về sự phản bội của Alexander, con trai của Aeropus. Người này là một trong những Chiến hữu của ngài, những người có mối liên hệ gần gũi với Nhà vua, và đồng thời, là chỉ huy của kỵ binh Thessaly; ông cũng là anh trai của Heromenes và Arraabacus, cả hai kẻ dính líu tới vụ ám sát vua Philip[(73)]. Về vụ ám sát vua cha, Alexander, bất chấp bằng chứng hiển nhiên chống lại người cùng tên với ngài, đã không truy cứu y, vì y là một trong những người đầu tiên ủng hộ ngài sau cái chết của vua Philip, hộ tống ngài tới cung điện, và vũ trang cho ngài như chủ nhân của y; sau đó, Alexander đã trao cho y một vị trí danh dự trong đoàn tùy tùng riêng của ngài, cử y tới chỉ huy những cuộc hành quân ở Thrace, và cuối cùng là chỉ định y làm thủ lĩnh của kỵ binh Thessaly thay cho Calas, người đã được bổ nhiệm cai trị một vùng đất[(74)].

Âm mưu đã được tiết lộ cho Alexander trong ngày hôm sau. Amyntas, người đã trốn sang quân Ba Tư, đã mang những đề nghị viết tay từ người đồng đội, Alexandros (từ đây tôi sẽ gọi ông ta như vậy) tới Darius. Do đó, Darius đã gửi tới bờ biển một cận thần đáng tin cậy trong đám tùy tùng của ông ta, tên là Sisines, bề ngoài tỏ vẻ là viếng thăm Atizyes, xatrap của Phrygia, nhưng thực tế là để liên lạc với Alexandros, và hứa hẹn sẽ giao ngai vàng của Macedonia và 1.000 ta-lăng vàng nếu gã ám sát thành công Alexander. Tuy

nhiên, Sisines, khi rơi vào tay của Parmenio, đã tiết lộ mục đích thực sự trong nhiệm vụ của ông ta, và được bảo vệ để đưa tới chỗ của Alexander để thuật lại toàn bộ câu chuyện. Alexander đã tập hợp những người bạn của ngài để thảo luận về tình huống này, và những thành viên của đội Chiến hữu được ngài tin tưởng nhất đã thể hiện quan điểm cho rằng trước hết, thật sai lầm khi để một chỉ huy không đáng tin cậy lãnh đạo trung đoàn kỵ binh xuất sắc nhất, và ngài lúc này nên đưa ra quyết định nhanh chóng, trước khi Alexandros bắt tay với quân Thessaly và nổi loạn. Hơn nữa, một dấu hiệu đáng ngại đã làm gia tăng mối lo âu của họ; sự kiện này xảy ra khi trong cuộc vây hãm Halicarnassus, Alexander đang ngủ trưa thì bỗng có một con chim nhạn bay lượn vòng trên đầu ngài, kêu thất thanh như báo hiệu một điềm không lành, và đậu ở nhiều chỗ trên giường ngủ của ngài.

Alexander quá mệt mỏi để thức dậy đúng lúc đó, nhưng tiếng ồn ào mà con chim nhạn gây ra đã làm phiền ngài, ngài đã dùng tay xua đuổi nó đi nhưng không được. Con chim không hề sợ hãi, nó cứ bay tới rồi đậu trên đầu của Alexander, và không hề động đậy cho tới khi ngài hoàn toàn tỉnh giấc.

Cho rằng dấu hiệu này chẳng mấy quan trọng, nhưng Alexander vẫn thông báo cho nhà tiên tri Aristander của Telmissus, người đã khẳng định rằng điều đó báo trước về sự phản bội của một người bạn; và ngoài ra, âm mưu sẽ bị bại lộ, vì chim nhạn là loài chim thân thiện với con người và hay bép xép quá mức.

Điều này rõ ràng chứng thực cho câu chuyện của Sisines; nên nhà vua đã cử con trai của Alexander, Amphoterus (anh trai của Craterus) tới chỗ Parmenio, cùng với một vài người bản địa Perga để hành động theo kế hoạch. Để tránh bị nhận ra trong suốt hành trình, Amphoterus đã khoác trang phục của người bản địa, và đã tới được chỗ Parmenio mà không bị phát giác; Amphoterus không có một chỉ thị viết tay nào vì Alexander cảm thấy trong một sự việc kiểu này, việc giao phó bất cứ tài liệu viết tay nào cũng sẽ rất nguy hiểm – ngài chỉ đưa ra chỉ thị bằng miệng. Theo cách này, Alexandros đã bị bắt và tống giam.

Lúc này Alexander đã rời Phaselis. Ngài đã cắt cử một phần lực lượng vượt qua những ngọn núi tới Perga, dọc những con đường mà người Thrace đã làm cho ngài để hành trình dài và gian khổ được thuận tiện hơn. Alexander cùng với những đội quân đã được lựa chọn hành quân dọc bờ biển, một con đường chỉ có thể đi qua được vào mùa gió bắc – còn vào mùa gió nam thì không thể đi qua bờ biển này. Đã có những đợt gió nam thổi mạnh trước khi ngài bắt đầu; nhưng (nhờ ơn Thần linh, như Alexander và tùy tùng của ngài đã cảm thấy) ngọn gió đã chuyển sang hướng bắc và khiến việc di chuyển trở nên nhanh chóng và dễ dàng[75]. Tiến quân từ Perga, ngài đã gặp những sứ thần từ Aspendus, những người giao nộp thị trấn nhưng đồng thời nài xin ngài không đặt bất cứ một đội quân đồn trú nào ở đó. Về quân đồn trú, Alexander để họ toại nguyện; nhưng ngài yêu cầu thị trấn nên đóng góp 50 ta-lăng để trả lương cho lính và bàn giao lại tất cả số ngựa được chăn thả ở đây vốn là đồ cống nạp cho Darius[76]. Cả hai yêu cầu này đều được đồng ý, và những phái viên này được trở về nhà.

Mục tiêu tiếp theo là Side, một thị trấn mà dân ở đó có nguồn gốc từ Cyme ở Acolia. Họ

có một truyền thống là khi những người đến lập nghiệp từ Cyme đã chèo thuyền tới đó và đổ bộ, tìm kiếm một quê hương mới, họ đã nhanh chóng lãng quên nguồn gốc Hy Lạp của mình và bắt đầu nói chuyện bằng ngôn ngữ nước ngoài – không phải thứ ngôn ngữ của những cư dân ở vùng lãnh thổ đó mà là một thứ phương ngữ hoàn toàn mới của riêng họ; và kể từ đó, người Side vẫn luôn là những người nước ngoài, xa lạ về ngôn ngữ, cũng như mọi thứ khác, đối với những cư dân sống ở các khu vực lân cận.

Alexander đã để một nhóm binh lính chiếm đóng Side và sau đó, tiến tới Syllium, một thị trấn vững chãi đã được lính đánh thuê và quân đội bản địa nắm giữ. Tuy vậy, ngài không thể chiếm lấy nơi này bằng cách đột kích mà không có những đợt vây hãm như thường lệ, và trên thực tế, cùng với bản báo cáo mà ngài đã nhận được trên đường hành quân, ngài đã quyết định quay trở lại Aspendus. Bản báo cáo cho biết rằng người Aspendus đã nuốt lời; họ đã từ chối bàn giao số ngựa cho chủ nhân xứng đáng hơn và không chịu trả tiền; hơn nữa, họ đã mang những tài sản có thể vận chuyển được vào trong những chốt phòng vệ của thị trấn, đóng cổng thành, chống lại quân của Alexander, và đã làm những việc cần thiết để củng cố tường thành.

Phần chính của thị trấn Aspendus được xây dựng trên một ngọn đồi dốc và dễ dàng phòng vệ, nền của nó đã bị sông Eurymedon làm rỗng. Cũng có một số ngôi nhà nằm trên vùng đất bằng xung quanh thành lũy chính này, tất cả đều được rào quanh trong một bức tường không cao lắm. Bức tường này, cùng với tất cả những ngôi nhà trên đất bằng dường như không thể nắm giữ được, đã bị cư dân vùng này bỏ lại khi họ biết Alexander đang tới. Họ đã vội vã rút lui và lẩn trốn trong vùng trung tâm vững chãi trên ngọn đồi. Ngay khi tới thị trấn, Alexander đã dẫn quân của ngài đi vào phía bên trong của thành lũy ngoài – lúc đó đã không còn được phòng vệ – và đóng quân tại những ngôi nhà bỏ hoang này.

Sự xuất hiện của Alexander và cảnh tượng quân đội của ngài bao vây thị trấn đã khiến nhiều cư dân ở đây hoảng sợ: họ đã cử đại diện tới gặp và nài xin ngài cho phép họ được làm theo những thỏa thuận cũ. Tuy nhiên, bất chấp thực tế rằng Aspendus rõ ràng là một thành lũy vững chãi và bản thân ngài không hề chuẩn bị cho một cuộc vây hãm kéo dài, Alexander đã khước từ yêu cầu của họ; ngài hạ lệnh, ngoài số ngựa mà họ đã hứa bàn giao từ trước, họ sẽ phải giao nộp 100 ta-lăng thay vì 50 như trước đây và phải giao nộp những người đứng đầu cộng đồng này làm con tin; ngoài ra, họ còn phải tuân theo người cai trị mới do đích thân Alexander chỉ định, nộp đồ cống nạp hằng năm cho Macedonia, và phải đệ trình một cuộc thẩm vấn về quyền sở hữu hợp pháp mảnh đất mà họ bị buộc tội là đã chiếm đoạt bằng vũ lực, khi nó vốn là tài sản sở hữu của các dân tộc láng giềng.

Khi sự vụ này được dàn xếp theo ý ngài, Alexander đã tiến quân tới Perga, và từ đó, hành quân qua Telmissus, tới Phrygia[77]. Cư dân của Telmissus thuộc chủng tộc của người Pisidia châu Á; thị trấn ngự trên một vùng đất cao và dốc, con đường dẫn tới đó khá bất tiện, vì một sườn núi đổ xuống thẳng đứng từ thị trấn phía trên, cắt đứt con đường ở chân núi, trong khi đối diện với nó, ở phía bên kia, là một khu đất trồi lên với một độ dốc tương đương. Hai vách đá đã hợp thành một kiểu cổng vào tự nhiên ở lối đi, nên chỉ một lực lượng khá mỏng cũng có thể ngăn chặn kẻ thù bằng cách chiếm cứ vùng đất cao. Và điều

này chính xác là những gì người Telmissus đã làm: họ đã chiếm cứ vùng đất cao ở cả hai bên đường vào thành, và dàn quân với tất cả lực lượng sẵn có. Do đó, Alexander đã hạ lệnh dừng chân. Ngài tiên liệu rằng khi quân địch thấy quân đội của ngài đóng quân qua đêm, họ sẽ không còn bày binh bố trận ở đường vào thành nữa mà sẽ rút phần lớn lực lượng của họ vào thị trấn ở gần đó, chỉ để lại một nhóm binh lính trên các ngọn đồi để canh chừng. Dự đoán của ngài đã hoàn toàn chính xác: phần đông lực lượng địch đã rút lui, chỉ để lại đơn vị tiền đồn. Alexander sau đó đã giáng một đòn tấn công mạnh mẽ cùng với một lực lượng bao gồm cung thủ, những tiểu đoàn đánh giáo, và nhiều bộ binh hơn. Lực lượng mỏng ở trên đồi, không thể chống đỡ được sức công phá của đợt tấn công, liền rời bỏ vị trí, trong khi Alexander đã băng qua con đường hẹp, chiếm lấy cứ điểm mới gần thị trấn.

Trong lúc đó, những đại diện từ thị trấn lớn của Selga tới xin tiếp kiến Alexander. Cư dân của vùng này cũng là người Pisidia châu Á – và là những người lính thiện chiến. Họ là những kẻ thù cũ của Telmissus, và mục đích của họ là đề nghị Alexander cho phép họ được hỗ trợ ngài. Alexander đã chấp nhận đề nghị này, và từ thời điểm đó, ngài nhận thấy họ đáng tin trên mọi phương diện.

Cho rằng không thể hạ được thị trấn Telmissus mà không có một cuộc bao vây kéo dài, Alexander tiến quân tới Sagalassus, một khu vực khác rộng lớn tương đương và cũng giống như Telmissus, thuộc dòng dõi những người Pisidia. Người Pisidia đều là những người lính thiện chiến, và người Sagalassus nổi bật ngay cả giữa một dân tộc chiến binh như vậy. Họ đã đóng quân ở vùng đất cao phía trước thị trấn, một vị trí tốt cho việc phòng vệ không kém những bức tường thành, và chờ đợi cuộc đột kích của quân Macedonia. Ở phía cánh phải của mũi tấn công là sư đoàn vệ quân dưới quyền chỉ huy của Alexander. Sát cánh với họ là những tiểu đoàn bộ binh, hình thành nên toàn bộ trung tâm của phòng tuyến và được chỉ huy bởi nhiều tướng lĩnh. Cánh trái được Alexander giao phó cho Amyntas, con trai của Arrabaeus. Phía trên cánh phải, ngài đã bố trí đội cung thủ và quân Agrianes, trong khi cánh trái đã được che chắn bởi những tiểu đoàn đánh giáo Thrace do Sitalces chỉ huy. Kỵ binh không được sử dụng trong trận này vì địa thế không phù hợp. Về phía quân địch, họ đã nhận được viện quân từ Telmissus, những người đã đưa ra đề nghị hỗ trợ.

Khi quân của Alexander tới khu vực dốc nhất của con đường đi tới cứ điểm của người Pisidia trên ngọn đồi, họ đã bị những toán lính nhỏ tấn công ở cả hai cánh. Quân địch đã tận dụng được lợi thế địa hình, tấn công quyết liệt và khiến quân của Alexander rất khó đáp trả; trong dịp này, họ giành được thắng lợi cục bộ vì đã đẩy lui được nhóm cung thủ, những người dẫn đầu cuộc đột kích và chỉ được trang bị sơ sài. Tuy nhiên, quân Agrianes, khi nhìn thấy những sư đoàn bộ binh cùng với Alexander đang tới gần, đã kiên quyết không rút lui. Một cuộc chiến giáp lá cà nổ ra; người Pisidia, không hề mặc giáp bảo vệ, phải đương đầu với bộ binh hạng nặng với đầy đủ quân trang; hệ quả là họ đã bị thiệt hại nặng nề và nhất loạt tan vỡ. Khoảng 500 người đã thiệt mạng; chỉ có một vài người bị bắt, vì quân Pisidia được trang bị nhẹ nhàng và hiểu rõ về địa thế nên đã trốn thoát dễ dàng; trong khi đó, quân Macedonia được trang bị giáp nặng và không hiểu biết gì về vùng đất, nên không có ai quá hăm hở truy đuổi quân địch. Tuy vậy, Alexander vẫn truy đuổi những kẻ trốn thoát và đột chiếm thị trấn. Cleander, người chỉ huy của cung thủ, đã thiệt mạng trong đợt tấn

công này cùng với khoảng 20 người khác.

Sau đó Alexander đã tiếp tục tấn công những cộng đồng người Pisidia khác; ngài đã chiếm được một vài nơi bằng cách đột kích, còn một số nơi khác đã đầu hàng mà không kháng cự gì.

Đợt tiến quân tiếp theo của Alexander là tới Phrygia. Đường hành quân của ngài đi qua hồ Ascania – nơi dân cư các khu vực lân cận vẫn tới để lấy muối tự nhiên, nên họ không phải phụ thuộc vào nguồn cung cấp ở biển. Năm ngày sau, ngài đã tới Celaenae.

Thị trấn của Celaenae là một thành trì cao, dốc, được canh giữ bởi 1.000 lính Caria và 100 lính đánh thuê Hy Lạp, những người nhận lệnh từ chính quyền Ba Tư của Phrygia. Đơn vị đồn trú ở đây đã đưa ra một đề nghị với Alexander: họ hứa sẽ giao nộp thành trì với điều kiện không có một viện quân nào tới đây vào ngày hôm đó – ngày giao nộp thành sẽ do họ quyết định; và dường như chấp thuận điều này thì có lợi hơn cho Alexander so với việc bao vây một thành trì có địa thế không thể tấn công như vậy. Do đó, ngài đã để lại một lực lượng khoảng 1.500 người để quan sát thị trấn, và chờ đợi ngày hành quân tới Gordium. Trước khi rời đi, Alexander đã chỉ định Antigonus, con trai của Philip, là người cai trị Phrygia, và thăng chức cho Balacrus, con trai của Amytas, làm chỉ huy đội quân đồng minh thay cho Antigonus[(78)]. Về phía Parmenio, ngài cho triệu kiến ông cùng với toàn bộ quân do ông chỉ huy tại Gordium – và mệnh lệnh được thực thi kịp thời. Những binh lính Macedonia vừa mới kết hôn, những người đã được gửi về quê nhà, cũng sẽ tái nhập tại Gordium với những đội quân mới được tuyển mộ – 3.000 bộ binh Macedonia và khoảng 300 kỵ binh, 200 kỵ binh Thessaly và 150 người từ Elis, dưới quyền chỉ huy của Alcias. Việc chỉ huy toàn quân do Ptolemy, con trai của Seleucus; Coenus, con trai của Polemocrates; và Meleager, con trai của Neoptolemus, đảm nhiệm.

Gordium thuộc vùng Hellespontine Phrygia; thị trấn nằm bên cạnh sông Sangarius, bắt nguồn từ Phrygia, chảy qua Bithynian Thrace rồi đổ vào biển Đen. Trong suốt thời gian Alexander lưu lại đây, đã có nhiều sứ thần từ Athens tới tiếp kiến ngài với thỉnh cầu trả tự do cho những tù nhân chiến tranh Athens, những người đã bị bắt trong cuộc chiến Granicus và lúc đó đang bị giam cầm tại Macedonia cùng với khoảng 2.000 tù nhân khác. Dù thế nào, trong thời điểm đó, thỉnh cầu này đã không được chấp thuận, và các sứ thần đã bị ép buộc phải trở lại quê hương dù chưa hoàn thành nhiệm vụ. Bởi vì, Alexander nhận thấy rằng trong khi cuộc chiến chống lại người Ba Tư vẫn đang tiếp diễn, sẽ là nguy hiểm nếu ngài nới lỏng dây cương, khoan thứ cho bất kỳ người Hy Lạp nào, những người đã đồng ý chiến đấu cho kẻ thù, chĩa mũi giáo chống lại quê hương mình. Tuy vậy, ngài nói với các sứ thần Athens rằng họ nên gặp ngài vào một dịp khác để bàn về vấn đề này, khi tình huống trở nên dễ chịu hơn[(79)].

Quyển Hai

Sau những sự kiện như đã được thuật lại, đảo Chios đã rơi vào tay của Memnon, người được Darius trao quyền chỉ huy tối cao hải quân Ba Tư và chịu trách nhiệm phòng thủ toàn bộ bờ biển châu Á. Mục đích trong lần hành động này của Memnon là hy vọng làm chệch hướng cuộc chiến tranh sang phía người Hy Lạp và Macedonia. Sau đó, ông đã giong buồm tới Lesbos, và tự biến mình thành chủ nhân của tất cả các thị trấn trên đảo ngoại trừ Mitylene, nơi cư dân đã khước từ việc thết đãi Memnon. Do đó, ông đã đổ bộ lên Mitylene và phong tỏa nó bằng một hàng rào kép; thêm vào đó, Memnon còn cho xây dựng 5 lô cốt, và nhờ đó, ông có thể kiểm soát thị trấn không mấy khó khăn. Một phần hạm đội của Memnon có nhiệm vụ canh giữ cảng biển; ông gửi những tàu thuyền khác tới mũi đất của Sigrium(1), nơi cập bến thường xuyên của những thương nhân đến từ Chios, Gerastus, Malea, và nhờ đó có thể quan sát bờ biển và ngăn chặn bất kỳ một đợt xâm nhập vào Mitylene nào từ đường biển.

Tuy vậy, trước khi Memnon hoàn thành nhiệm vụ, ông đã lâm bệnh và qua đời. Sự ra đi của ông là bước lùi nghiêm trọng nhất mà người Ba Tư trải qua trong suốt cuộc chiến này.

Memnon trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời – khi đang chờ đợi quyết định kế tiếp của Darius – đã giao phó quyền chỉ huy của ông cho cháu trai là Pharnabazus, con trai của Artabazus; Pharnabazus và Autophradates cũng đã tiếp tục tiến hành cuộc vây hãm một cách quyết liệt. Cư dân Mitylene, khi nhận thấy họ đã bị phong tỏa ở nội địa và bị một hạm đội mạnh bao vây, đã tới gặp Pharnabazus. Trước hết, họ đồng ý tống khứ những đội quân đánh thuê mà Alexander cử tới để chiến đấu vì họ; thứ hai là hủy bỏ hiệp ước mà họ đã giao kết với Alexander(2) và chấp nhận liên minh với Darius theo những điều khoản về hòa bình của Antalcidas(3); và cuối cùng là cho phép những người bị trục xuất quay trở lại và nhận lại quyền sở hữu một nửa số tài sản trước kia của họ. Những điều khoản này đã được chấp thuận; nhưng Pharnabazus và Autophradates sau khi đã vào được bên trong thị trấn đã xây dựng một đơn vị đồn trú dưới sự chỉ huy của Lycomedes của Rhodes và giao cho một người trong nhóm bị trục xuất là Diogenes nắm quyền chỉ huy chung. Đồng thời, họ đã ép buộc cư dân thị trấn phải đóng góp một khoản tiền, một phần được lấy từ những người giàu có, phần còn lại được lấy từ thuế chung. Sau đó, Pharnabazus đã giong buồm tới Lycia cùng với những đội lính đánh thuê, còn Autophradates đi tới những hòn đảo khác.

Trong lúc đó, Darius đã cử Thymondas, con trai của Mentor, tìm kiếm những lính đánh thuê do Pharnabazus phụ trách, và chính thức hạ lệnh để Pharnabazus tiếp quản quyền chỉ huy của Memnon. Bởi vậy, những lính đánh thuê đã được chuyển tới cho Thymondas(4), còn Pharnabazus đã tái nhập với Autophradates và hạm đội. Họ đã cử 10 tàu, do một người Ba Tư tên là Datames chỉ huy, tới những hòn đảo Cyclades. Sau đó, cùng với một đội tàu một trăm chiếc, họ tới Tenedos, thả neo ở một nơi gọi là cảng biển phía Bắc. Họ đã yêu cầu cư dân trên đảo hủy bỏ những giao ước với Alexander và người Hy Lạp, tuân thủ những điều

khoản Hòa bình của Antalcidas, những điều khoản mà những cư dân này đã chấm dứt với người Ba Tư.

Mong muốn của cư dân Tenedos không có gì hơn ngoài việc được tiếp tục duy trì giao ước với Alexander và người Hy Lạp; nhưng trong tình huống này, họ bị ép buộc phải tin rằng hy vọng an toàn duy nhất của họ là chấp thuận những điều khoản của người Ba Tư; hơn nữa không thể trông cậy vào Hegelochus, vì cho dù ông có thể xin Alexander tập hợp hạm đội một lần nữa thì ông cũng không có đủ lực lượng để giải vây[5]. E sợ việc bị Pharnabazus và quân lính của ông bao vây, người Tenedos đã đầu hàng, đi ngược lại mong ước thực sự của mọi người.

Trong thời gian đó, Proteas, con trai của Andronicus, nhận lệnh từ Antipater, đã tập hợp một số lượng tàu chiến từ Euboea và vùng Peloponnese để bảo vệ bờ biển Hy Lạp và những hòn đảo trong trường hợp người Ba Tư tấn công bằng đường biển, điều mà theo tin tức cấp báo là chắc chắn sẽ xảy ra. Khi có tin báo rằng Datames đã rời khỏi Siphnos với một đội gồm mười con tàu, Proteas cùng với mười lăm con tàu của riêng ông đã tới Chalcis thuộc Euripus trong đêm tối. Vào lúc rạng đông, Proteas đã tới đảo Cythnus, và suốt một ngày dài, ông thả neo ở đây nhằm tìm kiếm thêm thông tin về mười tàu địch, đồng thời tìm kiếm cơ hội tấn công các thủy thủ Phoenicia với sức công phá mạnh mẽ hơn trong đêm tối. Ngay khi loại bỏ được tất cả nghi ngờ về sự hiện diện của Datames tại Siphnos, Proteas đã xuất kích trước rạng đông, trong khi trời vẫn còn tối, và tung ra một đợt tấn công bất ngờ, bắt giữ được tám trên mười tàu địch cùng với đoàn thủy thủ. Datames đã bỏ chạy cùng với hai tàu chiến và sau đó tái nhập vào phần còn lại của hạm đội.

Quay trở lại với Alexander tại Gordium xứ Phrygia. Luôn luôn bị thôi thúc phải tận mắt chiêm ngưỡng cỗ xe Gordius và xem kỹ nút thắt của sợi thừng kỳ diệu buộc trên cỗ xe, Alexander đã dẫn đoàn tùy tùng tới vệ thành, thăm cung điện của Gordius và con trai ông là Midas. Truyền thuyết Hy Lạp kể rằng khi Gordius sống ở Phrygia, ông chỉ là một kẻ nghèo khó, tài sản chỉ có hai cái ách buộc bò và một mảnh đất nhỏ để trồng trọt. Một cái ách được ông dùng để cày bừa, còn một cái thì ông dùng cho cỗ xe của mình. Một ngày nọ, khi Gordius đang làm việc, một con chim đại bàng đậu trên cái ách cày và ở đó cho đến khi hai con bò được tháo ách và kết thúc ngày lao động. Goridus rất băn khoăn và tìm tới những nhà tiên tri Telmissus để hỏi xem dấu hiệu đó dự báo điều gì – vì người Telmissus rất giỏi trong việc giải mã bí mật của thần linh, phụ nữ, trẻ em, cũng như những người đàn ông vùng này đều được thừa hưởng khả năng tiên tri đó. Gần khu làng thuộc sở hữu của những người này, Gordius gặp một người phụ nữ đang kéo nước; ông đem kể cho cô ta câu chuyện về con đại bàng, và cô ta, vốn thuộc dòng dõi của các nhà tiên tri, khuyên Gordius nên trở về nơi ông nhìn thấy dấu hiệu, làm lễ tạ ơn thần Zeus, Chúa tể của các vị thần. Gordius thuyết phục cô đi cùng ông và chỉ cho ông cách thực hiện một nghi lễ. Ông đã làm như cô nói, và sau đó, kết hôn với cô, sinh được một người con trai, đặt tên là Midas.

Khi Midas lớn lên và trở thành một chàng trai anh tuấn, đã có xung đột xảy ra giữa những người Phrygia. Một nhà tiên tri nói với họ rằng vị vua của họ, người có thể chấm dứt những tranh cãi, sẽ được một cỗ xe mang tới. Trong lúc họ vẫn đang tranh cãi xem nên làm

điều gì với lời sấm truyền này, Midas cùng với cha mẹ đang cưỡi trên một cỗ xe và dừng chân đúng tại nơi những người Phrygia đang bàn bạc. Nhận thấy điều đó hoàn toàn phù hợp với lời sấm truyền, người Phrygia quyết định đây chính là người đàn ông ở trên cỗ xe mà thần linh đã báo trước cho họ. Bởi vậy, họ đã tôn Midas lên làm vua. Ngài đã giải quyết những tranh cãi của họ và đặt cỗ xe của thân phụ lên vệ thành như một lời tạ ơn thần Zeus, Chúa tể của các vị thần vì đã gửi chim ưng tới.

Cũng có một truyền thuyết khác về cỗ xe: theo lời sấm truyền, ai có thể mở được nút thắt cố định cái ách sẽ thì người đó sẽ trở thành bá chủ của châu Á[(6)]. Dây thừng được làm từ sợi của cây sơn thù du (cornel tree), và nút thắt được thắt chặt một cách khéo léo tới mức không ai có thể thấy được đâu là điểm bắt đầu, đâu là điểm kết thúc của nó. Với Alexander, việc làm sao để tháo được nút thắt này là một vấn đề nan giải. Ngài cảm thấy không hài lòng nếu vẫn để nút thắt lại như cũ, vì thất bại này của ngài chắc hẳn sẽ dẫn tới nhiều chuyện phiền phức. Những ghi chép về sự việc này cũng có nhiều điểm khác nhau: một vài ghi chép thuật lại rằng trong tình huống khẩn cấp đó, Alexander đã mạnh dạn tuốt thanh bảo kiếm, chặt đứt nút thắt và la to lên: "Ta đã gỡ được nó rồi"; Aristobulus lại cho rằng Alexander đã rút đinh ghim – một kiểu chốt bằng gỗ được bắt vít xuyên qua tay cầm của cỗ xe và giúp giữ chắc nút thắt – và nhờ đó, đã phá được nút thắt Gordius. Tôi không dám mạo muội võ đoán về vấn đề này. Tuy vậy, dù trong bất kỳ trường hợp nào, khi Alexander và đoàn hộ tống rời khỏi nơi để cỗ xe, có một cảm nhận chung là câu đố về nút thắt đã được giải và lời sấm truyền chắc chắn sẽ linh nghiệm. Đêm đó, ở Gordium, xuất hiện sấm chớp – một dấu hiệu nữa từ các vị thần; bởi vậy, Alexander, người tràn ngập niềm tin vào tất cả những dấu hiệu này, đã tiến hành tế lễ vào ngày hôm sau để cảm tạ các vị thần và tuyên bố về việc gỡ được nút thắt Gordius.

Ngày hôm sau, Alexander bắt đầu hành quân tới Ancyra ở Galatia, nơi ngài gặp đại diện của những người Paphlagonia, những người bày tỏ mong muốn được thiết lập mối giao hảo với ngài, xin quy phục dưới quyền cai trị của ngài và van nài ngài không hành quân qua lãnh thổ của họ. Alexander đã hạ lệnh cho họ tuân phục Cales, người cai trị Phrygia[(7)], và sau đó, tiến quân tới Cappadocia, nơi ngài nhận được sự quy phục của toàn bộ lãnh thổ giáp với sông Halys và của dải đất lớn xa hơn về phía tây và phía bắc. Bổ nhiệm Sabictas[(8)] làm người cai trị Cappadocia, Alexander tiến quân tới cổng thành Cilicia. Khi tới địa điểm mà Cyrus đã từng đóng quân cùng với Xenophon, ngài nhận thấy cổng thành rất kiên cố[(9)]; bởi vậy, Alexander đã để Parmenio ở lại đó cùng với bộ binh hạng nặng, còn ngài thì hành quân dưới sự che phủ của bóng đêm, đi tới cổng thành cùng với vệ quân và quân Agrianes, với mục đích tung ra một đợt tấn công bất ngờ vào lực lượng canh gác. Quả thực, quân địch đã quan sát thấy đợt tiến công của ngài; nhưng cuộc đột kích không vì thế mà kém thành công; chỉ riêng tin Alexander đích thân ra trận cũng đã khiến quân địch hoảng sợ. Họ đã bỏ lại các đồn bốt và tháo chạy. Rạng sáng hôm sau, Alexander đã vượt qua cổng thành với toàn bộ lực lượng và tiến vào Cilicia, nơi ngài được báo tin là Arsames đã từ bỏ mục đích ban đầu của ông ta là giữ Tarsus cho Ba Tư: có thể khi biết Alexander đã vượt qua Cổng thành, Arsames đã có ý định bỏ lại thị trấn; cư dân ở đây còn lo sợ rằng ông ta sẽ cướp phá khu vực này trước khi rời đi. Bởi vậy, Alexander đã đem theo kỵ binh và hầu hết đội quân

lưu động nhất của bộ binh khinh giáp và dốc sức tiến quân nhanh nhất có thể. Trong khi đó, Arsames khi biết tin này đã không thể thực hiện được ý định vơ vét của cải ở thị trấn mà chỉ có thể tháo chạy càng nhanh càng tốt về phía cung điện của Darius.

Cũng trong khoảng thời gian này, Alexander đã lâm bệnh. Theo như ghi chép của Aristobulus, nguyên nhân bệnh tật của Alexander là do kiệt sức, nhưng những người khác thì cho rằng nguyên nhân của lần đau ốm này là do ngài đã nhảy xuống sông Cydnus để bơi trong lúc người đang đầm đìa mồ hôi. Sông Cydnus chảy qua Tarsus, và vì nó bắt nguồn từ cửa sông Taurus rồi chảy xuyên qua vùng đất trống nên nước sông Cydnus sạch và lạnh; hệ quả là Alexander đã bị co giật, kèm theo sốt cao và mất ngủ. Tất cả những thầy thuốc của ngài đều tuyệt vọng, ngoại trừ một người – Philip vùng Acarnania. Philip là người đã theo hầu Alexander và ông không chỉ là một thầy thuốc đáng tin cậy mà còn là một người lính thiện chiến. Trước tình trạng của vị vua trẻ, Philip đã dâng lên ngài một liều thuốc xổ. Alexander chấp nhận giải pháp này, và khi Philip đang chuẩn bị thuốc, ngài nhận được một mảnh giấy từ Parmenio: "Xin bệ hạ hãy cẩn trọng với Philip, thần được báo tin rằng y đã bị Darius mua chuộc để đầu độc ngài." Alexander đọc lời cảnh báo, và với mảnh giấy ở trong tay, ngài đón lấy chén thuốc rồi đưa mảnh giấy cho Philip. Trong khi Philip đang bận đọc xem mảnh giấy viết gì, Alexander đã nuốt luôn liều thuốc. Hiển nhiên là chẳng có gì không ổn với liều thuốc; Philip chẳng hề tỏ ra sợ hãi trước cảnh báo của Parmenio, mà đơn giản chỉ khuyên Alexander tiếp tục làm theo những chỉ dẫn của ông – bởi nếu nghe theo, ngài sẽ hồi phục. Liều thuốc có công hiệu và khiến Philip được tin yêu hơn trước. Cũng từ thời điểm đó, Philip hiểu rằng Alexander là người bạn đáng tin cậy của ông; điều này cũng là hiển nhiên đối với bất cứ ai biết về tính cách của ngài: một người có lòng tin bất di bất dịch vào bạn bè và có thể luôn bình thản trước cái chết[(10)].

Sau đó, Alexander đã cử Parmenio đi tới những cổng thành khác nằm ở biên giới giữa Cilicia và Assyria[(11)]. Mệnh lệnh của Parmenio là chiếm giữ những vị trí cửa ngõ này cùng với những đội quân đã được giao phó cho ông – bộ binh đồng minh, lính đánh thuê Hy Lạp, quân Thrace do Sitalces chỉ huy và kỵ binh Thessaly. Alexander, rời khỏi Tarsus sau khi Parmenio rời đi, mất một ngày hành quân để đi tới Anchialus, một thị trấn được cho là do vua Sardanapalus của Assyria xây dựng. Dựa vào quy mô của những bức tường thành vây quanh và sự vững chãi của nền móng, có thể thấy rõ ràng Anchialus đã từng là một thị trấn lớn và đã dần có được một tầm quan trọng to lớn. Gần tường thành là lăng mộ của Sardanapalus, phía trên là bức tượng của ông trong tư thế một người đàn ông đang vỗ tay, với một lời khắc bằng chữ của người Assyria[(12)]. Theo người Assyria, lời khắc này được viết bằng thơ, nhưng dù là thơ hay không thì nghĩa chung của nó như sau: "Sardanapalus, con trai của Anakyndaraxes, đã xây dựng Tarsus và Anchialus trong một ngày. Hỡi người xa lạ, hãy ăn uống và chơi đùa, vì mọi thứ khác trong đời một người đàn ông đều không đáng giá bằng điều này"[(13)] – và "điều này" được hiểu là tiếng vỗ tay. Họ cũng nói rằng từ "chơi" là một uyển ngữ để ám chỉ một vài điều khác trong ngôn ngữ gốc của người Assyria.

Từ Anchialus, Alexander đã tiến quân tới Soli, nơi ngài đặt một đơn vị đồn trú và bắt thị trấn này phải nộp một khoản tiền phạt là 200 ta-lăng bạc vì đã dám hỗ trợ quân Ba Tư; sau

đó cùng với ba tiểu đoàn bộ binh Macedonia, quân Agrianes, và toàn bộ cung thủ, ngài đã tiến đánh những cộng đồng của người Cilicia, những người đang chiếm cứ trên những quả đồi. Ngài đã chiếm được một vài nơi nhờ các đợt tấn công; một vài nơi đã đầu hàng; và trong vòng một tuần, Alexander trở lại Soli, nơi ngài nhận tin Ptolemy và Asander đã giành chiến thắng trước chỉ huy quân Ba Tư là Orontobates, người đang giữ vệ thành ở Halicarnassus cùng với các thị trấn của Myndus, Caunus, Thera và Callipolis, đồng thời nắm quyền sở hữu Cos và Triopium(14). Theo tin tức được truyền tới, Orontobates đã bị đánh bại trong một trận chiến lớn; ông ta đã thiệt hại khoảng 700 quân bộ và 50 quân kỵ, và ít nhất 1.000 quân địch đã bị bắt làm tù binh.

Để ăn mừng chiến thắng này, Alexander đã làm lễ hiến tế Asclepius(15) và tổ chức một cuộc diễu binh kỷ niệm với toàn bộ lực lượng, theo sau là một cuộc chạy rước đuốc [a torch race] và những cuộc thi về âm nhạc, thơ ca và thể thao. Về thị trấn Soli, ngài cho phép cư dân nơi đây giữ chính quyền riêng của họ. Sau đó, Alexander khởi hành tới Tarsus và hạ lệnh cho kỵ binh tiến quân dưới quyền chỉ huy của Philotas, băng qua vùng đồng bằng Alea để tới sông Pyramus. Cùng với bộ binh và tiểu đội Kỵ binh Hoàng gia, ngài tiến quân tới Magarsus, và từ nơi đó, sau khi làm lễ tế thần Athena ở địa phương, ngài hành quân tới Mallus, nơi ngài đã thực hiện tất cả những nghi lễ hợp thức để vinh danh một vị á thần là Amphilochus. Sau đó, cũng ở nơi này, Alexander phát hiện ra một vài âm mưu chính trị đang được tiến hành và đã dàn xếp mọi chuyện ổn thỏa. Ngài cũng miễn cho người dân thị trấn này khoản cống nạp mà họ vẫn phải đóng cho Darius với lý do rằng Mallus là vùng đất của Argos, còn ngài lại chính là hậu duệ của Heracleidae, vùng Argos.

Alexander vẫn đang ở Mallus khi được tin Darius và toàn bộ quân Ba Tư đang ở Sochi, một nơi thuộc lãnh thổ Assyria, cách cổng thành Assyria khoảng hai ngày hành quân. Ngài đã tập hợp toàn bộ tướng lĩnh và thông báo với họ tin tức quan trọng này. Họ đã nhất trí về một cuộc tiến công ngay lập tức. Alexander tỏ lòng biết ơn tới toàn bộ tướng lĩnh và cho giải tán cuộc họp. Ngay ngày hôm sau, ngài tiến quân với mục đích tấn công rõ ràng. Sau hai ngày hành quân, quân đội của Alexander đã vượt qua cổng thành. Ngài chiếm cứ một vị trí ở gần Myriandrus, và trong suốt đêm đó, đã có một cơn mưa bão dữ dội đến mức ngài buộc phải ở lại đó và không có cơ hội để nhổ trại.

Trong lúc đó, Darius hoàn toàn không có mục đích rõ ràng cho việc tiến quân; ông đã chọn một khu vực thuộc Assyria, một nơi đất bằng và trống trải, làm cứ điểm. Địa thế này thuận lợi cho kỵ binh và phù hợp cho hoạt động của đại quân dưới quyền chỉ huy của ông. Amyntas, con trai của Antiochus, kẻ đã đào tẩu khỏi quân đội của Alexander, khuyên Darius không nên rời khỏi một nơi có địa thế tốt như thế, vì không gian rộng lớn này chính xác là những gì mà quân đội Ba Tư cần nhất. Darius làm theo lời khuyên của Amyntas, nhưng ngay sau đó, ông lại cảm thấy nghi ngờ khi không thấy bất kỳ dấu hiệu nào của Alexander, người hẳn đã yếu đi vì nhiều lý do: trận ốm tại Tarsus, cuộc tổng duyệt binh, những nghi lễ đã được tiến hành tại Soli và cuối cùng là cuộc viễn chinh chống lại những bộ tộc Cilicia cư trú trên những quả đồi. Hơn nữa, Darius luôn nghĩ rằng điều ông tìm thấy mới là đáng tin nhất, và vào dịp đó, những lời tán dương của những kẻ nịnh thần, như nó luôn luôn, và sẽ luôn luôn là nguyên nhân sụp đổ của mọi ông vua, đã khiến Darius tin

rằng Alexander đã từ bỏ mong muốn tiến sâu hơn vào lục địa châu Á và chính việc ông, Darius – vua của Ba Tư, đích thân cầm quân đã khiến Alexander do dự. Một số người khác bắt đầu trách móc Darius vì đã khoác lác rằng kỵ binh Ba Tư sẽ chiến thắng quân đội Macedonia một cách dễ dàng và giẫm nát nó thành từng mảnh vụn[(16)]. Chỉ có Amyntas chống lại họ, khăng khăng khẳng định rằng Alexander sẽ truy đuổi Darius ở bất kỳ nơi nào mà Alexander biết vị vua Ba Tư đang ở đó, và cố gắng thuyết phục ông không thay đổi vị trí. Nhưng lời khuyên tồi hơn đã giành được ưu thế – bởi đó là những gì mà Darius muốn nghe vào thời điểm ấy; hơn nữa, chắc hẳn đã có một vài quyền lực siêu nhiên xui khiến Darius chuyển sang chiếm cứ một vị trí mà ông sẽ có được ít lợi thế hơn cả cho kỵ binh của ông lẫn cho tính ưu việt về số lượng và sức nặng về vũ khí của quân Ba Tư – một vị trí mà Darius không có cơ hội làm kinh ngạc quân địch với sự chói lòa từ đội quân vĩ đại của ông. Điều này thực chẳng khác nào trước khi bùng nổ cuộc đại chiến, Darius đã hai tay dâng chiến thắng cho Alexander và quân Macedonia. Định mệnh đã quyết định việc Macedonia sẽ giành được quyền bá chủ châu Á từ tay Ba Tư, như Ba Tư đã giành được nó từ tay người Media, và như người Media đã giành được nó từ tay những người Assyria.

Buông bỏ vùng đất có địa thế hết sức thuận lợi, Darius hối hả xua quân băng qua vùng đất hẹp còn được gọi là cổng thành Amanus – con đường độc đạo băng qua núi Amanus – và dừng chân tại Issus mà không để Alexander nhận ra ông đang ở phía sau lưng quân đội Macedonia[(17)]. Khi đã chiếm cứ Issus, Darius đã cắt xẻo thân thể và giết chết bất kỳ người Macedonia nào mà ông tìm thấy, những người đã bị bỏ lại ở đây vì không đủ sức khỏe để tiếp tục chiến đấu. Ngày hôm sau, Darius hành quân tới sông Pinarus. Về phía Alexander, ngài không tin rằng Darius đang ở phía sau đội quân của mình nên đã cử một nhóm quân Chiến hữu trên một chiếc thuyền galley giong buồm trở lại Issus, hạ lệnh cho họ tìm hiểu xem tin tức đó có chính xác hay không. Đường bờ biển của Issus quả thực rất sâu, và điều này cho phép nhóm quân Chiến hữu của Alexander trên thuyền galley thấy được điều họ muốn thấy một cách dễ dàng hơn. Quân Ba Tư thực sự đang ở đó. Khi quay trở lại, họ nhanh chóng báo tin cho Alexander: Darius đã nằm trong tầm kiểm soát.

Trước tiên, Alexander triệu tập các chỉ huy bộ binh và kỵ binh cùng với tất cả các tướng lĩnh của quân đồng minh và cổ vũ sĩ khí của họ. Ngài nói, “Hãy ghi nhớ rằng mối nguy hiểm đó đã luôn luôn đe dọa các ngươi. Cuộc quyết chiến này sẽ diễn ra giữa một đội quân bách thắng và một kẻ thù bại trận. Hơn nữa, các vị thần, bằng cách dẫn dụ Darius rời bỏ vùng đất trống và nhồi nhét đại quân của ông ta trong một dải đất hẹp, đã đứng về phía chúng ta. Chúng ta có đủ không gian để dàn trận bộ binh, trong khi họ, thua kém chúng ta cả về sức mạnh lẫn dũng khí, sẽ nhận thấy rằng sự vượt trội về số lượng của họ chẳng đem lại lợi ích gì. Kẻ thù của chúng ta, những người Media và những người Ba Tư, trong suốt nhiều thế kỷ đã sống trong cảnh nhung lụa xa hoa; còn chúng ta, lớp cha trước lớp con sau, từ đời này sang đời khác, đã được tôi rèn trong thử thách gian nguy, chinh chiến loạn lạc. Hơn nữa, trận đánh này chính là trận quyết đấu giữa người tự do và kẻ nô lệ. Dĩ nhiên là có những đội quân Hy Lạp phục vụ cho quân đội Ba Tư – nhưng họ mới khác biệt với chúng ta làm sao. Số người đi theo Darius đều là vì tiền mà bán mạng cho ông ta – và với một cái giá cũng chẳng cao cho lắm, trong khi quân đội chúng ta đều một lòng chiến đấu vì Hy Lạp,

trái tim của chúng ta đập vì mảnh đất ấy. Về những đội quân ngoại bang của chúng ta – quân Thrace, quân Paeonia, quân Illyrian, quân Agrianes – họ là những binh lính dũng cảm và thiện chiến nhất ở Âu châu, còn đối thủ của họ chỉ là những kẻ chậm chạp và khờ khạo nhất trong những bộ tộc ở châu Á. Và cuối cùng, hãy xem ai là chỉ huy tối cao của hai quân đội đó? Các ngươi có ta, Alexander, còn họ có Darius!"

Sau khi phân tích kỹ những tình thế chiến trường cho các tướng lĩnh của mình, Alexander tiếp tục chỉ ra rằng phần thưởng của chiến thắng cũng sẽ vô cùng to lớn. Chiến thắng lần này sẽ không chỉ hạ bệ những chỉ huy thân cận của vua Ba Tư, đánh bại đội kỵ binh của quân địch dọc hai bờ sông Granicus, hay 20.000 lính đánh thuê ngoại bang; đó sẽ còn là trận đại thắng trước quân Media, quân Ba Tư và tất cả những dân tộc Á châu mà họ cai trị. Darius – Vua Ba Tư đã đích thân ra quân, và một khi cuộc chiến này kết thúc, quân địch chẳng còn lại gì ngoài quyền sở hữu châu Á và nhiều cảng biển. Alexander nhắc tới những kỳ công chói lọi mà ngài cùng với các tướng lĩnh đã giành được, và lưu ý rằng bất cứ một hành động dũng cảm nổi bật của một cá nhân nào cũng sẽ được nêu danh và ca ngợi. Vị vua trẻ cũng nhắc tới Xenophon và đội quân Một vạn người của ông, dù đội quân đó rõ ràng không thể so sánh với quân đội của ngài về sức mạnh hay danh tiếng – một lực lượng không hề có sự hỗ trợ của kỵ binh Thessaly, Boeotia, Peloponnes, Macedonia, Thrace và cũng không hề có cung thủ hoặc lính ném đá như quân đội Macedonia. Xenophon chỉ có một đạo quân nhỏ được tuyển một cách vội vàng từ Crete và Rhodes. Và ông cùng với những người lính của mình, tuy bị vua Ba Tư đánh bại tại cổng thành Babylon[(18)], đã đẩy lùi thành công tất cả những đội quân bản địa, những người cố gắng ngáng đường hành quân của họ tới biển Đen. Alexander đã không bỏ sót bất kỳ một lời khích lệ nào để động viên những tướng lĩnh dũng cảm của ngài, những người sẽ xả thân cho trận đại chiến sắp tới; và họ, với vô vàn cảm kích, đã siết chặt tay ngài, đồng lòng thúc giục vị hoàng đế trẻ tuổi hãy bắt đầu ngay cuộc chiến.

Mệnh lệnh đầu tiên mà Alexander đưa ra là hạ lệnh cho quân lính của ngài ăn uống no nê, đồng thời, phái một nhóm nhỏ kỵ binh và cung thủ tới con đường hẹp gần bờ biển để do thám con đường mà ngài sẽ phải băng qua để quay lại; sau đó, ngay khi trời tối, Alexander đã đích thân dẫn toàn bộ lực lượng của mình, một lần nữa, chiếm cứ lối đi hẹp dẫn vào cổng thành. Việc này diễn ra một cách bí mật vào khoảng nửa đêm; khoảng thời gian còn lại [từ đêm về sáng], ngài cho quân lính nghỉ ngơi tại chỗ, trên vùng đất vững chãi, với những tiền đồn nhằm giữ sự quan sát chính xác và cẩn trọng, trước khi ánh sáng của ngày mới chiếu tới từ lối vào dọc đường bờ biển. Tiến quân theo đội hình hàng dọc với lối đi hẹp là cần thiết, nhưng ngay khi khu đất bắt đầu trải rộng ra, Alexander đã dần dần mở rộng đội hình, đẩy bộ binh hạng nặng lên, cho đến khi ngài di chuyển tới nơi mà bên phải ngài là đồi núi, còn bên trái là biển cả.

Trong suốt đợt tiến quân, kỵ binh chốt ở cuối đội hình, nhưng ngay khi tới vùng đất trống, Alexander đã hạ lệnh bố trí trận địa: ba tiểu đoàn vệ binh do Nicanor, con trai của Parmenio chỉ huy, được cử sang bên cánh phải gần vùng đất cao, cùng với tiểu đoàn của Coenus ở cánh trái kề cận với đội quân của Perdiccas, tạo thành một phòng tuyến từ cánh phải tới trung tâm – vị trí của bộ binh hạng nặng. Ở phía xa nhất của cánh trái là đội quân

của Amyntas, và ngay cạnh họ, trước hết là tiểu đoàn của Ptolemy, sau đó là tiểu đoàn của Meleager, hướng về trung tâm. Chỉ huy bộ binh cánh trái được giao cho Craterus, còn chỉ huy cánh phải cũng như toàn bộ đội quân được giao cho Parmenio, người đã hạ lệnh rằng dù với bất cứ lý do gì, cũng không được phép để một khoảng trống giữa phía xa nhất của cánh trái và biển; vì nếu như vậy, họ sẽ bị bao vây một cách dễ dàng, khi quân địch, với lợi thế hơn về số lượng, tấn công vào sườn, chia cắt quân Macedonia[19].

Khi Darius nhận được tin Alexander đang tiến công, ông liền cử khoảng 3.000 kỵ binh và 20.000 bộ binh khinh giáp vượt sông Pinarus, với mong muốn tạo ra một cơ hội dẫn đội hình chính của quân Ba Tư tới cứ điểm mà không vấp phải phiền nhiễu gì. Đội hình Ba Tư được sắp xếp như sau: quân tiên phong của bộ binh hạng nặng là 30.000 lính đánh thuê Hy Lạp, sẽ đương đầu với bộ binh của Macedonia, cùng với 60.000 bộ binh hạng nặng Ba Tư – được biết tới với tên gọi Kardakes[20] – hỗ trợ, chia đều cho hai bên cánh trái và cánh phải. Những đội quân này di chuyển theo hàng, và khu đất không thể chứa được một số lượng quân lớn hơn. Cạnh khu đất cao phía bên cánh trái của Darius, và đối diện với cánh phải của quân Alexander, là một sư đoàn khác khoảng 20.000 lính, một vài thành phần của đội quân này làm nhiệm vụ tuần tra hậu quân của Alexander; về phía những ngọn đồi ở cánh trái, vua Ba Tư bố trí những tiểu đội cắm chốt ở gần ngọn đồi phía sau cánh phải của Alexander. Phần còn lại của quân đội Darius, một số lượng lớn bộ binh hạng nặng và bộ binh hạng nhẹ, là những lính đánh thuê Hy Lạp ở hậu quân và những binh lính Ba Tư có nhiệm vụ trợ giúp cả hai cánh. Toàn bộ quân đội Ba Tư, được kể lại là có số lượng lên tới 600.000 người[21].

Ngay khi Alexander nhận thấy mảnh đất trước mặt ngài đang dần mở ra từng chút một, ngài đã hạ lệnh cho đội kỵ binh – những sư đoàn kỵ binh Thessaly và Macedonia[22], cùng với Kỵ binh Chiến hữu – do đích thân ngài chỉ huy, tiến từ hậu quân lên cánh phải. Đồng thời, ngài đưa những đội quân Peloponnesia và những đội quân đồng minh khác sang phía cánh phải do Parmenio chỉ huy. Darius cùng với lực lượng bộ binh chính đã sẵn sàng. Ông ra hiệu cho đội kỵ binh đã được cử vượt sông yểm trợ cho việc di chuyển. Phần lớn binh lính trong đội đó được điều động lên cánh phải nhằm đe dọa Parmenio ở bên gần phía biển, khu vực có phần thích hợp hơn cho hoạt động của kỵ binh; một vài người được Darius cắt cử sang cánh trái, phía dưới những ngọn đồi, nhưng khi ông nhận ra sự thiếu hụt về không gian khiến nhóm này trở nên vô dụng, vị vua Ba Tư đã nhanh chóng triệu hồi gần như tất cả số binh lính này trở về chiến đấu ở phía cánh phải. Đích thân Darius giữ trung quân, một vị trí truyền thống dành cho vua Ba Tư. (Xenophon đã giải thích nguyên tắc cơ bản về cách bày binh bố trận của người Ba Tư.)[23]

Gần như tất cả kỵ binh Ba Tư đều được chuyển sang vị trí ở gần phía biển, đối diện với cánh trái của Alexander, và để đương đầu với họ, vị thống soái trẻ tuổi chẳng có gì ngoại trừ kỵ binh Peloponnesia và những kỵ binh đồng minh khác; trước tình thế này, Alexander đã cử kỵ binh Thessaly dốc toàn lực để yểm trợ, nhưng phải khéo léo che đậy sự di chuyển của họ trước mặt kẻ thù bằng cách đi qua hậu quân của những tiểu đoàn bộ binh đông đúc. Đồng thời, ngài hạ lệnh cho quân trinh sát dưới sự chỉ huy của Protomachus cùng với quân

Paeonia do Ariston chỉ huy, cung thủ do Antiochus chỉ huy, tiến lên phía trước.

Quân Agrianes dưới quyền chỉ huy của Attalus, và được một vài đội kỵ binh và cung thủ hỗ trợ, đã nhận lệnh kéo lên vùng đất cao để hình thành một góc với đường tiến quân chính của Alexander, chia cánh phải của đội quân thành hai nhánh tách biệt, một nhánh để dụ Darius và phần lớn quân đội Ba Tư sang bờ sông bên kia, một nhánh chiếm cứ quả đồi ở phần hậu quân của Macedonia. Quân tiên phong của bộ binh ở cánh trái là những cung thủ Crete và quân Thrace, do Sitalces chỉ huy, cùng với kỵ binh ở cánh trái đi trước họ; tất cả các đơn vị đều có một số lượng lính đánh thuê tương xứng được chỉ định cho họ.

Nhận thấy điểm yếu rõ ràng bên cánh phải cũng như nguy cơ bị đánh lấn ở cuối đội quân, Alexander đã rút từ trung quân hai tiểu đội Kỵ binh Chiến hữu – cụ thể là, tiểu đội quân Anthemus do Peroedas chỉ huy và một tiểu đội được gọi là Leugaean dưới quyền chỉ huy của Pantordanus, con trai của Cleander – và điều họ sang cánh phải, với mệnh lệnh phải di chuyển một cách bí mật, tránh để kẻ thù phát hiện ra sự thay đổi về đội hình này; đồng thời, ngài tiếp tục gia tăng sức mạnh cho cánh phải bằng đạo quân bao gồm những người Agrianes và lính đánh thuê Hy Lạp, rồi hạ lệnh đánh lấn cánh trái của quân địch. Alexander tung ra một đợt đột kích bằng một nhóm nhỏ quân Agrianes và cung thủ. Trong khi đó, quân Ba Tư đang chiếm cứ trên những ngọn đồi, đã không thực hiện một đợt công kích nào. Họ nhanh chóng bị đánh bật ra khỏi vị trí và phải tìm kiếm sự an toàn ở sườn núi. Trước tình thế đó, Alexander đã thay đổi quyết định. Ngài đã sử dụng số quân lính mà lẽ ra là để đối phó với đám quân Ba Tư trên đồi nhằm củng cố cho lực lượng tấn công chính, chỉ để lại 300 kỵ binh trông chừng đám tàn quân đã tháo chạy[(24)].

Alexander tiến quân chậm rãi và thận trọng; thi thoảng, ngài lại hạ lệnh nghỉ chân, tạo ra một ấn tượng rằng thời gian hoàn toàn đứng về phía ngài. Tuy vậy, Darius cũng không hề hạ lệnh tấn công. Ông ta giữ quân của mình ở nguyên vị trí bên bờ sông. Ở nhiều chỗ bờ dốc vốn gây khó khăn cho các đội quân trong việc phòng thủ, Darius đã cho gia cố bằng những hàng rào cọc – sự đề phòng này chỉ khiến quân đội của Alexander coi Darius là một kẻ hèn nhát.

Lúc này, hai lực lượng đối đầu đã ở trong một khoảng cách khá gần nhau. Tuy vậy, Alexander vẫn cưỡi ngựa đi từ hàng cuối cùng trong đội quân của ngài, lần lượt hết hàng này đến hàng khác, khích lệ từng người, nói chính xác cấp bậc và danh hiệu của họ, không chỉ những sĩ quan ở cấp bậc cao nhất mà còn cả những chỉ huy tiểu đoàn và đại đội; thậm chí những người lính đánh thuê cũng không hề bị lãng quên, mà bất cứ một danh hiệu hoặc một hành động dũng cảm nào cũng được nêu danh. Trước sự cổ vũ của Alexander, toàn quân đồng loạt hô vang: “Tấn công! Tấn công!”

Mặc dù đã thấy quân đội Ba Tư ở tầm gần, Alexander vẫn lệnh cho toàn quân di chuyển theo một nhịp độ chậm rãi, vì di chuyển quá nhanh có thể khiến đội ngũ trở nên lộn xộn, rồi tan vỡ; nhưng khi ở trong tầm bắn, Alexander, dẫn đầu đội quân của ngài ở cánh phải, đã phi nước kiệu lao xuống dòng sông. Toàn bộ lực lượng đã nhanh chóng theo sau: một cuộc tấn công mau lẹ sẽ làm quân địch sửng sốt, và họ càng nhanh chóng sang được bờ bên

kia, họ càng ít bị tổn thất bởi cung thủ Ba Tư. Dự liệu của Alexander quả không sai: quân Ba Tư đã tan vỡ ngay khi ngài giáp mặt với họ – một chiến thắng cục bộ rực rỡ đối với đội quân do ngài đích thân chỉ huy. Tuy nhiên, ở trung tâm, mọi chuyện biến chuyển không được tốt lắm: một vài đại đội bị tan vỡ, đã chạy về phía cánh phải và cánh trái, để lại một khoảng trống trong hàng ngũ, và trái ngược với Alexander, người đã vượt sông một cách nhanh chóng và đã sẵn sàng, trong cuộc giáp chiến buộc quân Ba Tư phải rút lui, trung quân Macedonia tiến quân rất chậm chạp; hơn nữa, bờ sông có nhiều chỗ dốc khiến họ khó lòng duy trì đội ngũ như thường lệ. Kết quả là lính đánh thuê Hy Lạp của Darius đã tấn công vào chính điểm đó của quân Macedonia, nơi để lộ khoảng trống lớn nhất. Đó là một cuộc chiến ác liệt. Quân Hy Lạp của Darius đã đẩy quân Macedonia xuống dòng nước, và dành nguyên một ngày để cứu cánh trái của họ, lúc này đã sẵn sàng rút quân, trong khi quân Macedonia, với chiến thắng của Alexander rõ ràng ngay trước mắt, đã quyết phải giành được một chiến thắng tương xứng và không muốn bị tước đi danh hiệu bất bại mà cho đến lúc đó đã được nhất trí trao tặng cho họ. Cuộc chiến mỗi lúc một quyết liệt hơn bởi sự ganh đua lâu đời về mặt chủng tộc giữa người Hy Lạp và người Macedonia. Trong giai đoạn này của cuộc chiến, Ptolemy, con trai của Seleucus[25], và khoảng 120 người Macedonia xuất sắc khác đã thiệt mạng.

Cánh phải thắng trận của Alexander khi nhìn thấy quân Ba Tư đối diện họ đã sẵn sàng chiến đấu liền di chuyển về phía trung quân, lúc này đang bị lính đánh thuê Hy Lạp của Darius gây khó dễ. Từ phía dòng sông, họ đã đẩy lùi quân Ba Tư và sau đó, đánh lấn vào cánh trái của quân địch, tung ra một đợt tấn công sườn vào đám lính đánh thuê và nhanh chóng khiến chúng tan rã. Khi cuộc chiến đã dần phát triển lên cao trào, kỵ binh Ba Tư đối diện với kỵ binh Thessaly của Alexander đã bắt đầu tấn công dữ dội vào tiểu đoàn Thessaly. Hành động này lúc đó khá là liều mạng. Quân Ba Tư đã vỡ đội hình khi biết tin đội quân lính đánh thuê Hy Lạp của họ đã bị bộ binh Macedonia làm cho tê liệt và đập tan, và Darius đã phải đích thân ra quân. Đó là dấu hiệu cho một thất bại chung – một cách công khai, không thể che giấu được. Kỵ binh với những trang bị nặng nề đã gánh chịu tổn thất nghiêm trọng, và có hàng ngàn binh lính hoang mang sợ hãi, những người chiến đấu trong hoảng loạn và tuyệt vọng để thoát khỏi những con đường núi hẹp. Hầu hết số binh lính này, hoặc bị giẫm đạp đến chết bởi chính đồng đội của họ hoặc bị quân thù truy đuổi, chém giết. Kỵ binh Thessaly đã tấn công họ một cách cấp tập và dũng mãnh, không một chút xót thương và quân Ba Tư, cả bộ binh lẫn kỵ binh, đều chuốc lấy thất bại nặng nề.

Vào thời điểm quân Ba Tư tan vỡ trước cuộc tấn công của Alexander, Darius đang ngự trên chiến xa. Trước cảnh quân đội của mình tan tác, vị vua này đã hoảng loạn mà bỏ chạy. Tiếp tục giữ chiến xa khi di chuyển qua những con đường trơn trượt nhưng Darius buộc lòng phải bỏ lại cỗ xe này khi gặp phải những khe núi và những vật cản khác chắn ngang đường. Vị vua của Ba Tư đã vứt bỏ khiên, áo bào – thậm chí quẳng cả cây cung của ông ta trên chiến xa – nhảy lên ngựa và cố giữ lấy mạng sống của mình. Bóng đêm nhanh chóng đổ xuống đã cứu mạng Darius, giúp ông ta không rơi vào tay của Alexander, người đã kiên quyết thực hiện một cuộc truy đuổi không ngừng nghỉ khi trời còn sáng. Chỉ khi bóng đêm bao phủ khiến Alexander không thể nhìn thấy đường đi thì ngài mới trở về – không quên

mang theo cỗ chiến xa cùng với tấm khiên, áo bào và cây cung của Darius. Thực sự, nếu Alexander không phải quay lại khi bộ binh hạng nặng của ngài bị tan vỡ ở giai đoạn đầu tiên của cuộc chiến, chắc hẳn cuộc truy đuổi Darius đã diễn ra mau lẹ hơn; sau đó, Alexander đã chờ cho tới khi cả lính đánh thuê Hy Lạp và kỵ binh Ba Tư đều bị đẩy lùi từ phía bờ sông.

Trong số những người Ba Tư thiệt mạng có Arsames, Rheomithres và Atizyes – cả ba người này đều là chỉ huy kỵ binh tại trận chiến ở Granicus; ngoài ra còn có Sabaces, thống đốc Ai Cập và Bubaces, một chỉ huy cấp cao khác; về binh lính, có khoảng 100.000 người thiệt mạng, bao gồm hơn 10.000 kỵ binh[(26)]. Ptolemy, con trai của Lagus, người lúc đó đang phụng sự Alexander, nói trong ghi chép của ông về trận đánh này rằng khi quân Macedonia truy đuổi Darius, họ thực sự đã băng qua một hẻm núi chất đầy xác chết của lính Ba Tư.

Tổng hành dinh của Darius đã bị tấn công và chiếm giữ; mẹ của Darius, cùng với vợ (người có thể cũng chính là chị gái của Darius) và đứa con trai còn ẵm ngửa của ông ta đều bị bắt; ngoài ra, còn có hai cô con gái của Darius cùng một vài nữ quý tộc đi theo họ cũng rơi vào tay của Alexander. Những chỉ huy cao cấp của Ba Tư đã gửi tài sản và những người phụ nữ của họ tới Damascus, và Darius, cũng đã gửi tới đó phần lớn kho báu và vô số đồ tế nhuyễn để đáp ứng cho đời sống nhung lụa của một ông vua lớn, thậm chí cả trong chiến dịch[(27)]; bởi vậy, Alexander chỉ tìm thấy 3.000 ta-lăng ở tổng hành dinh của Darius. Số kho báu tại Damascus không lâu sau đó cũng đã rơi vào tay Parmenio, người được Alexander hạ lệnh đi tới đó để thực thi điều này. Đây chính là kết quả cho cuộc chiến ở Issus, một cuộc chiến nổ ra vào tháng Mười một, trong suốt thời gian Nicorates làm quan chấp chính ở Athens[(28)].

Quay trở lại với Alexander, vị thống lĩnh trẻ tuổi của chúng ta. Ngài đã bị thương bởi một nhát kiếm đâm vào bắp đùi[(29)] nhưng điều này cũng không ngăn cản được ngài tới thăm những binh lính bị thương sau khi kết thúc trận chiến được một ngày, đồng thời cử hành nghi lễ chôn cất trang trọng đối với những người đã mất với sự hiện diện của toàn quân cùng đầy đủ vũ khí. Trong buổi lễ, ngài ca ngợi tất cả những binh lính, tướng sĩ đã chiến đấu dũng cảm trên chiến trường, những người mà ngài đã tận mắt chứng kiến hoặc được nghe từ những nguồn tin cậy và trao tặng cho họ một phần thưởng thích hợp. Ngài chỉ định Balacrus, con trai của Nicanor, một thành viên của vệ quân Hoàng gia, làm thống đốc Cilicia; thăng cấp cho Menos, con trai của Dionysius, bổ sung vào vị trí cũ của Balacrus; và cắt cử Polysperchon, con trai của Simmias, làm thủ lĩnh tiểu đoàn của Ptolemy, con trai của Seleucus, người đã thiệt mạng trong cuộc chiến. Dân ở Soli vẫn còn nợ 50 ta-lăng trong số tiền phạt mà Alexander bắt họ phải chịu; tuy vậy, ngài đã xóa khoản nợ và trả tự do cho các con tin[(30)].

Hơn nữa, ngài thậm chí đã mở lòng thương cảm đối với mẹ, vợ và con cái của Darius. Theo một số ghi chép, vào đêm Alexander trở về sau cuộc truy đuổi, ngài đã nghe thấy âm thanh mơ hồ của những tiếng phụ nữ khóc than trong khu trại của Darius, vốn được giữ lại

như một kiểu chiến lợi phẩm đặc biệt của riêng Alexander. Ngài hỏi những người phụ nữ đó là ai và tại sao họ ở lại ở khu trại gần với ngài. Ngài được đáp lời rằng, "Thưa bệ hạ, họ là mẹ, vợ và con cái của Darius. Họ được tin bệ hạ đã mang về cây cung, hoàng bào và tấm khiên mà Darius đã bỏ lại. Bởi vậy, họ than khóc cho cái chết của ông ta." Alexander đã cử Leonnatus, một trong những chiến hữu của ngài, nói với họ rằng Darius vẫn còn sống – áo bào và vũ khí là do ông ta bỏ lại trên chiến xa khi tìm đường tẩu thoát, và không có thứ gì khác ngoài những vật dụng đó đã rơi vào tay Alexander. Leonnatus bước vào khu lều trại của gia quyến Darius, cho họ biết tin về vị vua Ba Tư đã bỏ chạy, và nói thêm rằng Alexander mong rằng họ vẫn giữ lại tất cả những đặc trưng, nghi lễ và tước hiệu hoàng gia, vì ngài chiến đấu với Darius không với bất kỳ sự căm ghét riêng tư nào, mà đó là một cuộc chiến chính đáng vì quyền sở hữu Á châu. Đây là ghi chép do Ptolemy và Aristobulus đưa ra; cũng có một ghi chép khác thuật lại rằng, ngày hôm sau, Alexander chỉ dẫn theo Hephaestion bước vào khu trại; và vì hai người mặc trang phục giống nhau nên mẫu thân của Darius băn khoăn không biết ai là Alexander, bà liền quỳ xuống trước Hephaestion bởi ông cao lớn hơn vị thống lĩnh trẻ tuổi của mình. Hephaestion bèn lùi lại, và một trong những người hầu của hoàng thái hậu đã chữa lại sự nhầm lẫn của bà bằng cách chỉ về phía Alexander; bà lùi lại với một nỗi xấu hổ vô cùng, nhưng Alexander chỉ nói rằng sự nhầm lẫn này không đáng lưu tâm, bởi vì Hephaestion cũng là một Alexander – "một người bảo vệ mọi người [a protector of men]". Tôi nhắc lại giai thoại chưa hẳn đã chính xác này vì nó có thể tin được. Nếu những điều này quả đúng là sự thực, tôi sẽ không chỉ ngưỡng mộ Alexander vì ngài đã đối xử với những người phụ nữ đó với một lòng thương cảm như vậy, mà còn vì ngài đã bày tỏ sự tôn trọng và tin tưởng đối với chiến hữu của mình; nếu câu chuyện này là ngụy tạo, nó ít nhất cũng được truyền cảm hứng từ tính cách của Alexander: bởi những điều ngài có thể đã làm, bởi những gì ngài có thể đã nói – và điều đó khiến tôi ngưỡng mộ ngài hơn[(31)].

Trong lúc đó, Darius cùng với một vài người thân cận đã tẩu thoát thành công trong đêm tối, và khi ánh sáng ban ngày bắt đầu ló rạng, nhóm này dần được hợp nhất với những nhóm binh lính sống sót, lính Ba Tư hoặc lính đánh thuê, cho đến khi họ tập hợp được một đội quân khoảng 4.000 người; Darius cùng đám tàn quân đã tốc lực tiến tới Thapsacus và Euphrates với mục đích để một dòng sông chắn ngang ông ta và Alexander càng sớm càng tốt[(32)]. Bốn người đã đào ngũ chạy theo Darius – Amyntas, con trai của Antiochus; Thymondas, con trai của Mentor; Aristomedes vùng Pherae; và Bianor vùng Acarnania – đã trốn lên những ngọn đồi cùng với 8.000 quân dưới sự chỉ huy của họ[(33)] và chạy tới Tripolis ở Phoenicia; rút về phía bờ biển, nơi có sẵn những con tàu đã chở họ từ Lesbon, những kẻ đào ngũ này đã hạ thủy nhiều tàu nhất có thể khi nghĩ rằng số tàu này sẽ giúp ích cho họ, phần còn lại thì họ đem đốt bỏ để ngăn chặn cuộc truy đuổi; sau đó, họ giong buồm tới Cyprus, rồi từ đó tới Ai Cập – nơi không lâu sau đó, Amyntas đã bị những người Ai Cập giết chết vì dám can thiệp vào những việc không liên quan tới ông ta[(34)].

Cùng lúc đó, Pharnabazus và Autophradates lãng phí thời gian ở Chios. Sau khi xây dựng đơn vị đồn trú ở đảo, họ đã gửi một phần hạm đội tới Cos và Halicarnassus, còn họ tham gia vào một chuyến đi biển với hàng trăm con tàu nhanh nhất mà họ có; tại Siphnos,

họ đã gặp vua Spartan, Agis, người cùng với duy nhất một chiến thuyền ba tầng chèo, đã tới để quyên tiền cho cuộc chiến, đồng thời đề nghị rằng họ nên gửi cho ông càng nhiều thuyền và binh lính tới Peloponnese càng tốt. Thời điểm đó, tin tức về cuộc chiến ở Issus đã loan tới. Hệ quả là nó làm đảo lộn mọi thứ; Pharnabazus, e sợ việc thua trận có thể gây ra khó khăn ở Chios, đã giong buồm về hòn đảo này với mười hai tàu và 1.500 lính đánh thuê, trong khi Agis cử Hippias tới Taenarum để báo cho anh trai của ông ta là Agesilau rằng Autophradates sẽ gửi cho Agesilau mười con tàu và 30 ta-lăng bạc, đồng thời hạ lệnh cho Hippias nên khuyên Agesilau cử một đoàn thủy thủ ngay lập tức đi thuyền tới để bảo vệ Crete. Lúc đó, Agis vẫn còn ở trên đảo, nhưng liền sau đó, vị vua này đã gia nhập với Autophradates tại Halicarnassus[35].

Để lại Menon, con trai của Kerdimmas, làm thống đốc vùng hạ Syria với kỵ binh đồng minh nhằm kiểm soát khu vực này, Alexander tiếp tục hành quân tới Phoenicia. Trên đường hành quân theo hướng đi, ngài gặp Straton, con trai của Gerostratus, vương gia của Aradus và những dân tộc láng giềng; Gerostratus đã giong buồm cùng với Autophradates và những tiểu vương khác của Phoenicia và Cyprus, bỏ lại Straton, người lúc này đang xuất hiện trước mặt Alexander, trao tặng cho ngài vương miện bằng vàng, dâng lên ngài quyền sở hữu hòn đảo của Aradus cùng với thị trấn rộng lớn và thịnh vượng của Marathus ở mảnh đất đối diện, cùng với Sigon, Mariamme và tất cả những thứ khác.

Trong khi Alexander đang ở Marathus, những sứ thần của Darius đã tới tiếp kiến ngài cùng với lời thỉnh cầu, xin ngài trả tự do cho mẹ và vợ con ông ta. Họ cũng nhận được một lá thư của Darius, cùng với những của cải kèm theo[36].

Philip và Artaxerxes đã ký các cam kết nhằm giữ mối giao hảo và liên minh[37]; nhưng tới khi Arses, con trai của Artaxerxes kế vị cha mình, Philip đã xâm lược Ba Tư trong khi không hề có một sự khiêu khích nào[38]. Giờ đây, khi triều đại của Darius bắt đầu, Alexander, con trai của Philip cũng đã không gửi một sứ thần nào tới vương triều của Darius để khẳng định lại mối giao hảo và liên minh đã có trước đó giữa hai vương quốc; ngược lại, ngài đã vượt biển tới lục địa châu Á cùng với quân đội của mình và gây nhiều tổn thất cho người Ba Tư. Vì lý do này, Darius đã buộc phải xây dựng một mặt trận phòng ngự trên đất nước của ông và bảo vệ ngai vàng do tổ tiên truyền lại. Cuộc chiến này đã nổ ra, ít nhiều hẳn là do ý muốn của thần linh; và giờ Darius, một vị vua, thỉnh cầu Alexander, một vị vua khác, trả lại tự do cho gia quyến của ông ta, đồng thời tha thiết được làm bằng hữu, làm đồng minh với vị thống lĩnh trẻ tuổi. Darius cố gắng thuyết phục Alexander cử các sứ thần của Macedonia đi cùng với Meniscus và Arsimas, người mang theo thỉnh nguyện của Darius, tới gặp ông cùng với thỏa thuận rằng ngài sẽ nhận được những trao đổi xứng đáng.

Alexander đã viết thư trả lời Darius và hạ lệnh cho Thersippus đi cùng với những sứ thần của vua Ba Tư, với lời chỉ dẫn nghiêm khắc là Thersippus có nhiệm vụ chuyển lá thư tới Darius nhưng không được thảo luận bất cứ vấn đề gì có thể phát sinh từ nó. Lá thư có nội dung như sau:

"Tổ tiên của ông đã từng xâm lược cả Macedonia lẫn Hy Lạp. Người Ba Tư đã tàn phá mảnh đất của chúng ta mặc dù chúng ta không hề làm gì khiêu khích họ. Là thống lĩnh của toàn bộ người Hy Lạp, ta dấn quân xâm lược Á châu với mong muốn trừng phạt Ba Tư vì hành động này – một hành động hoàn toàn là lỗi của ông. Ông đã hỗ trợ những người Perinthus nổi loạn chống lại cha ta; Ochus đã gửi một đội quân tới Thrace, nơi thuộc quyền thống trị của ông; cha ta đã bị giết bởi những kẻ ám sát, những kẻ mà ông đã công khai khoác lác trong những lá thư của mình rằng chính ông đã thuê họ thực hiện tội ác(39); giết chết Arses với sự trợ giúp của Bagoas(40), ông đã chiếm đoạt ngai vàng một cách phi lý và bất công, do đó đã phạm phải tội ác chống lại chính quê hương ông; ông gửi tới Hy Lạp những thông tin sai trái về ta với hy vọng biến họ thành kẻ thù của ta; ông đã rắp tâm mua chuộc những người Hy Lạp bằng tiền bạc – điều mà chỉ có người Lacedaemonia vui lòng chấp nhận(41), những tay sai của ông đã làm hỏng những chiến hữu của ta và cố gắng tàn phá nền hòa bình mà ta đã thiết lập ở Hy Lạp – do đó, ta đã bắt đầu hành quân chống lại ông; ông mới là người bắt đầu gây chuyện. Đầu tiên, ta đã đánh bại những tướng lĩnh và xatrap của ông trên chiến trường; giờ đây ta đánh bại chính ông và đội quân mà ông dẫn dắt. Nhờ sự phù hộ của thần linh, ta trở thành chủ nhân trên mảnh đất của ông, và ta phải có trách nhiệm về những người sống sót trong quân đội của ông, những người đã chạy về phe ta, nài xin một nơi trú ẩn: họ không hề bị cầm tù hoặc cưỡng ép, họ hoàn toàn tự do dưới quyền cai trị của ta.

Do đó, đến gặp ta nghĩa là ông tới tiếp kiến vị hoàng đế của lục địa Á châu. Nếu ông còn e sợ phải chịu đựng bất cứ một sự sỉ nhục nào trong tay ta, hãy cử một vài chiến hữu của ông tới và ta sẽ trao cho họ những vật bảo đảm phù hợp. Tới đây, và nài xin ta trao trả mẹ ông, vợ con ông và bất cứ thứ gì khác; vì ông sẽ có họ cùng với mọi thứ ông có thể thuyết phục ta trao cho ông.

Và trong tương lai, bất cứ khi nào ông liên lạc với ta, hãy ghi rõ là gửi tới Vị vua của toàn bộ châu Á. Đừng viết thư cho ta như cho một người ngang hàng với ông. Mọi thứ ông sở hữu giờ đây thuộc về ta; bởi vậy, nếu ông muốn thứ gì, hãy cho ta biết với những điều kiện phù hợp, hoặc ta sẽ từng bước đối xử với ông như đối xử với một tên tội phạm. Mặt khác, nếu ông muốn nói đến ngai vàng của mình, hãy đứng đó và chiến đấu vì nó thay vì bỏ chạy. Cho dù ông lẩn trốn ở bất cứ đâu, ta cũng nhất định truy đuổi ông."

Khi Alexander biết rằng tiền bạc và tất cả những tài sản có giá trị khác mà Darius giao phó cho Cophen, con trai của Artabazus mang tới Damascus, đã bị chiếm đoạt cùng với tất cả những binh lính Ba Tư đi cùng để bảo vệ, Alexander đã hạ lệnh cho Parmenio đem tất cả số tài sản đó về Damascus để coi giữ. Các sứ thần Hy Lạp, những người đã tới tiếp kiến Darius trước trận chiến, đều đã rơi vào tay Parmenio; và Alexander yêu cầu Parmenio giao họ cho ngài. Họ là Euthycles, đến từ Sparta; Thessaliscus, con trai của Ismenius; Dionysidorus (một nhà vô địch Olympic), đến từ Thebes; và Iphicrates, con trai của một vị tướng lỗi lạc cùng tên, đến từ Athens. Bốn người đàn ông này đều được mang tới trước mặt

Alexander; mặc dù vậy Thessaliscus và Dionysidorus đã được thả đi – có lẽ vì họ là những người Thebes: Alexander cảm thấy đáng tiếc vì những gì đã làm với thành bang này, và không thể không nhận thấy rằng, vì quân đội Macedonia đẩy Thebes vào cảnh nô dịch, nên việc thần dân của Thebes tìm đến Darius chẳng có gì đáng trách; họ chỉ tìm kiếm sự giúp đỡ mà họ có thể nhận được từ Ba Tư cho quê hương của họ, nên Alexander có thái độ khoan dung đối với hai người này. Đồng thời, ngài đã bày tỏ một cách riêng tư rằng ngài trả tự do cho Thesaliscus vì tôn trọng gia đình của ông, một trong những gia đình quý tộc của Thebes và tha cho Dionysidorus vì chiến thắng của ông tại lễ hội. Đối với Iphicrates, vì ảnh hưởng của ông ở Athens và vì nhớ đến danh tiếng của người cha của ông, Alexander chỉ ra lệnh phải canh chừng ông, đối xử với ông với tất cả sự tôn trọng, và khi Iphicrates bị ốm rồi qua đời, ngài đã gửi di hài của Iphicrates tới những người thân của ông ở Athens[42]. Về phần Euthycles – người đại diện cho một thành bang thù địch gay gắt với Alexander, vị thống lĩnh trẻ tuổi không tìm được bất cứ lý do nào hợp lý để khoan dung. Ngài hạ lệnh bắt giữ ông một thời gian dưới dạng án treo [open arrest]. Sau đó, vì phấn khích trước chiến thắng, Alexander đã trả tự do cho Euthycles.

Alexander tiếp tục hành quân từ Marathus. Byblus và Sidon đều đầu hàng trước ngài – thần dân của Sidon, những người căm ghét Darius và người Ba Tư, đã thực sự đón chào ngài vào thị trấn[43]. Sau đó ngài tiến quân hướng tới Tyre, và trên đường tới đây, ngài đã gặp những đại diện từ thị trấn, được thống đốc của họ cử tới để nhắn gửi với ngài rằng họ quyết định tuân theo bất cứ chỉ thị nào mà ngài đưa ra. Những sứ thần đều là những người thuộc những gia đình danh giá nhất ở Tyre, trong đó có cả con trai của vua Tyre, Azemilcus, người đang lênh đênh trên biển cùng với Autophradates. Alexander đã cảm ơn họ và hạ lệnh cho họ quay về Tyre để thông báo với thần dân của họ rằng ngài ao ước được bước chân vào thị trấn và tế lễ thần Heracles.

Về sự kết giao này, tôi phải lưu ý rằng trên đất Tyre có đền thờ Heracles cổ xưa nhất. Đây không phải là Heracles người Argolis, con trai của Alcmena; vì Heracles đã được thờ phụng ở Tyre nhiều thế hệ trước khi Cadmus từ Phoenicia tới Thebes và trở thành cha của Semele, người có quan hệ luyến ái với thần Zeus và hệ quả của mối tình đó chính là Dionysus[44]. Dionysus dường như là thế hệ thứ ba tính từ Cadmus, tới Polydorus và Labdacus, trong khi Heracle người Argolis có thể thuộc dòng dõi của Oedipus, con trai của Laius. Người Ai Cập cũng thờ phụng Heracles nhưng không phải là Heracles của Tyre hay Hy Lạp; theo Herodotus, Heracles được người Ai Cập coi là một trong Mười hai vị thần. Tương tự, người Athens thờ Aionysus, con trai của Zeus và Kore – và chính là ông, chứ không phải Dionysus người Thebes, đã được nhắc đến trong bài tụng ca *Iacchus* được hát trong suốt dịp thực hiện nghi thức tế lễ Huyền bí. Tôi nghĩ rằng Heracles đã được người Iberia vinh danh tại Tartessus (nơi còn được gọi là Những trụ cột của Heracles [Pillars of Heracles]) là Heracles người Tyre, bởi Tartessus khởi nguyên vốn thuộc về Phoenicia, đền thờ Heracles và nghi lễ hiến tế ở đây đều thuộc truyền thống Phoenicia. Hơn nữa, theo người ghi chép biên niên sử Hecatarus, thì Geryones, chủ nhân của đàn bò mà Eurystheus đã lệnh cho Heracles người Argolis phải mang về tới Mycenae, không có mối liên hệ với Iberia; Heracles cũng không được cử tới một vài hòn đảo hay một nơi nào khác được gọi là

Erytheia nằm ngoài eo biển. Có lẽ Geryones là một ông vua trên đất liền, một nơi nào đó thuộc khu vực Ambracia và Amphilochia; và nhiệm vụ của Heracles – không hề thua kém các kỳ công khác của người – là đánh cắp những con bò đực từ nơi đó. Vùng đất này, theo những gì tôi biết, ngày nay vẫn có những đồng cỏ tuyệt vời và cung cấp những gia súc có chất lượng cao, và điều này đủ để cho thấy rằng Eurystheus hoàn toàn có ý thức về danh tiếng của gia súc vùng đất này cũng như của ông hoàng đã cai trị nó; mặt khác, ông ta chắc chắn không biết tới tên tuổi của vua Iberia, người cai trị mảnh đất xa xôi hẻo lánh nhất của châu Âu, hay có bất cứ khái niệm gì về việc gia súc ở vùng đất xa xôi đó có tốt hay không. Quả thực, khi khiến những câu chuyện không chắc có thật khớp nối với nhau, người ta có thể tạo ra một huyền thoại về chúng và lôi kéo nữ thần Hera vào, rồi nói rằng bà đã kể cho Heracles bí mật để vượt qua ngọn núi Eurystheus.

Những sứ thần Tyre đã thông báo yêu cầu của Alexander với các thần dân trong thị trấn. Nói chung, họ rất sẵn lòng thuận theo mong muốn của Alexander, nhưng có một điều mà họ chắc chắn sẽ từ chối – đó là cho phép bất kỳ một người Ba Tư hoặc Macedonia nào vào bên trong những bức tường thành của thị trấn. Họ cảm thấy điều này không chỉ là một thái độ đáng tôn trọng nhất trong thời điểm bấy giờ, mà còn là để đảm bảo cho sự an toàn trong tương lai của họ, khi kết quả của cuộc chiến tranh cho tới giờ vẫn chưa thể được khẳng định[45]. Quyết định này được thông báo đầy đủ cho Alexander, khiến ngài nổi trận lôi đình; Alexander đã đuổi các sứ thần và ngay lập tức, triệu tập các chiến hữu cùng các chỉ huy khác ở tất cả các cấp bậc. Ngài nói với họ rằng:

"Các chiến hữu của ta, ta không biết làm thế nào chúng ta có thể an toàn tiến quân tới Ai Cập hoặc tới những vùng biển mà Ba Tư cai trị; việc chúng ta truy đuổi Darius với một thành phố trung lập như Tyre ở hậu quân, trong khi Ai Cập và Cyprus vẫn nằm trong tay kẻ địch sẽ là vô cùng liều mạng, đặc biệt khi nhìn nhận tình huống này ở Hy Lạp. Chúng ta đang trên đường truy đuổi Darius, rời xa vùng lục địa hướng tới Babylon, quân Ba Tư sẽ nhanh chóng chiếm lại quyền kiểm soát các bờ biển, và nhờ đó, trở lại hùng mạnh hơn phía sau chúng ta nhằm chuyển cuộc chiến tranh sang Hy Lạp, nơi mà Sparta vốn đã thù địch với chúng ta, và Athens, trong thời điểm này, chỉ là một đồng minh miễn cưỡng; nỗi sợ hãi, chứ không phải tình bạn, đã giữ thành bang này đứng về phía chúng ta. Tuy nhiên cùng với việc phá hủy Tyre, tất cả Phoenicia sẽ là của chúng ta, và hạm đội Phoenicia, mà cả về số lượng lẫn chất lượng đều vượt trội hơn hạm đội của Ba Tư, chắc chắn sẽ theo phe chúng ta. Những ngư dân của Phoenicia, những thủy thủ hay những binh lính, một khi những thị trấn của họ rơi vào tay ta, sẽ liều mạng trên biển vì lợi ích của những người khác. Bước tiếp theo sẽ là Cyprus, nơi hoặc sẽ ngoan ngoãn quy thuận chúng ta hoặc sẽ bị đột kích chiếm cứ; sau đó, cùng với sự tham gia của Cyprus và những hạm đội hợp nhất của Macedonia và Phoenicia, chúng ta chắc chắn sẽ có sức mạnh vượt trội trên biển, và cuộc viễn chinh tới Ai Cập, do đó, sẽ trở thành một vấn đề đơn giản. Cuối cùng, với Ai Cập trong tay, chúng ta chẳng có gì để lo lắng về Hy Lạp: chúng ta có thể sẽ hành quân tới Babylon với một hậu phương vững chắc, và một danh tiếng lẫy lừng, rồi tiêu diệt quân Ba Tư không chỉ trên biển cả mà còn trong toàn bộ lục địa kéo dài

tới Euphrates.”

Alexander không gặp khó khăn gì trong việc thuyết phục những tướng lĩnh của ông rằng nhất định phải hạ Tyre. Bản thân Alexander cũng được khích lệ bởi một dấu hiệu từ thần linh, vì đêm đó ngài mơ thấy rằng khi ngài đang tiến gần tới những bức tường thành của Tyre, Heracles đã chào đón và mời ngài bước vào. Aristander đã giải đoán giấc mộng này như là một dấu hiệu cho thấy rằng Tyre chắc chắn sẽ bị hạ, nhưng phải tốn nhiều công sức bởi đó chính là đặc điểm của tất cả những gì Heracles đã thực hiện được.

Tuy nhiên – dù mơ hay không mơ – điều hiển nhiên là vây hãm Tyre là một việc vô cùng khó khăn. Thị trấn này là một hòn đảo, được bao quanh bởi những bước tường thành vững chãi và cao ngất, và chừng nào quân Ba Tư còn nắm quyền cai trị trên biển và hạm đội Tyre vẫn còn mạnh, bất cứ một cuộc tấn công nào từ biển cả chắc chắn sẽ chuốc lấy thất bại. Bất chấp những khó khăn này, quyết định tấn công Tyre của Alexander đã được tướng lĩnh chấp thuận.

Kế hoạch của ngài là cho xây dựng một con đê chắn sóng ngang qua đoạn nước cạn giữa bờ biển và thị trấn[(46)]. Gần bờ biển có những khoảng đất bùn với rất ít nước chảy qua, phần sâu nhất của eo biển – khoảng ba sải[(47)] thì ở gần thị trấn. Quân Macedonia sử dụng đá và gỗ, hai vật liệu sẵn có và dồi dào ở vùng này, để xây dựng con đê và đắp cho nó cao lên. Đám đất bùn cũng được sử dụng như một chất kết dính giúp cố định những hòn đá. Kế hoạch đã nhanh chóng được thực hiện. Dưới sự đốc thúc của Alexander, người đã luôn đưa ra những chỉ dẫn chính xác và những lời động viên khích lệ, binh lính đã đồng lòng dốc sức làm việc ngày đêm.

Công việc của họ khá thuận lợi khi xây dựng phần đê gần bờ biển vì nước cạn và không vấp phải một đợt tấn công nào; nhưng khi họ tiến tới phần nước sâu hơn ở gần thị trấn và nằm trong tầm xạ kích từ những bức tường thành cao ngất, vấn đề bắt đầu nảy sinh. Quân lính của Alexander mặc trang phục lao động và không được trang bị gì để chiến đấu, trong khi người Tyre sử dụng lợi thế trên biển của họ để tung ra những đợt đột kích liên tục vào nhiều điểm dọc con đê. Việc tiếp tục công việc trở nên bất khả. Để đáp trả những đợt đột kích này, quân Macedonia đã xây dựng hai pháo đài ở trên đê (mà lúc này đã có một chiều dài đáng kể) và đặt pháo lên đó; họ đã ngụy trang pháo đài để tránh tổn thất từ đợt tấn công hỏa lực của đối phương, đồng thời, cung cấp một vài sự phòng vệ cho những binh lính ở trong đó với hy vọng rằng họ sẽ đẩy lùi được đợt tấn công của thủy thủ Tyre, những người đang gây khó dễ cho những quân lính của Alexander ở trên đê chắn sóng.

Người Tyre đã nhanh chóng đáp trả: họ đã chất đầy bụi cây khô và rất nhiều loại gỗ dễ cháy lên một con tàu chở gia súc, dựng cột buồm đôi ở phía mũi tàu, và làm cao thành tàu để có thể chất được càng nhiều vật liệu dễ cháy càng tốt, bao gồm cả hắc ín, lưu huỳnh... Họ cố định một trục căng buồm có độ dài gấp đôi bình thường ngang cột buồm rồi treo những cái vạc chất đầy những vật liệu có thể được trút xuống hoặc quăng vào ngọn lửa để nó bùng lên dữ dội. Cuối cùng, họ chất đồ nặng ở phía cuối tàu để nâng mũi tàu lên cao nhất có thể. Sau đó, chờ tới khi hướng gió thuận, người Tyre buộc con tàu chở gia súc này với một số

chiến thuyền ba tầng chèo, rồi kéo đuôi tàu đầy những vật liệu dễ cháy đó về phía con đê chắn sóng. Khi tới gần hai pháo đài, họ bắt đầu phóng hỏa con tàu trong khi thủy thủ đoàn của thuyền ba tầng chèo gắng sức kéo con tàu đang rừng rực lửa đó về phía bờ đê. Trước khi nó tới nơi, những người Tyre ở trên thuyền đã kịp nhảy xuống biển và bơi vào bờ an toàn.

Pháo đài nhanh chóng bắt lửa; trục căng buồm bị cháy hết và sụp đổ, đổ xuống toàn bộ những vật liệu dễ cháy trong những cái vạc khiến ngọn lửa càng bùng lên dữ dội. Những chiếc thuyền ba tầng chèo được sắp xếp đậu ở gần đê chắn sóng. Thủy thủ đoàn bắn liên tục vào pháo đài nên không ai có thể lại gần để dập lửa. Sau đó, khi hai pháo đài đã cháy lớn, quân Tyre ở thị trấn ồ ạt tấn công. Họ nhảy lên những chiếc thuyền mà nhờ đó, họ tiếp cận con đê tại nhiều điểm, nhanh chóng thành công trong việc phá nát hàng rào nhọn được xây dựng để bảo vệ đê, đồng thời phóng hỏa tất cả những phương tiện chiến tranh may mắn thoát khỏi đợt hỏa kích đầu tiên.

Sau sự vụ này, Alexander đã hạ lệnh bắt đầu công việc xây đê một lần nữa từ điểm kết thúc của đường ven biển; con đê sẽ được làm rộng hơn, tạo không gian cho nhiều pháo đài, và những công trình sư sẽ bắt tay vào việc tạo ra những phương tiện chiến tranh mới. Trong lúc đó, Alexander cùng với vệ quân và quân Agrianes đi tới Sidon, nhằm hợp nhất tất cả những tàu chiến mà ngài sở hữu; rõ ràng, chừng nào người Tyre còn là chủ nhân của biển cả, chừng đó việc vây hãm Tyre còn là vấn đề nan giải.

Cũng trong thời gian này, Gerostratus và Enylus, sau khi nhận được tin Aradus và Byblus đang nằm trong tay Alexander, đã rời hạm đội đặt dưới quyền chỉ huy của Autophradates, giong buồm cùng với những đạo quân riêng của họ, gia nhập vào phe Alexander; những tàu chiến của người Sidon đi cùng với họ, nên Alexander đã được hỗ trợ khoảng 80 tàu chiến Phoenicia. Đồng thời, ngài cũng nhận được một tàu tuần tra từ Rhodes và chín tàu chiến khác, ba tàu từ Soli và Mallus, mười tàu từ Lycia, và một thuyền galley 50 mái chèo từ Macedonia do Proteas, con trai của Andronicus chỉ huy. Không lâu sau tin tức về thất bại của Darius tại Issus, cộng thêm với thực tế là toàn bộ Phoenicia đều nằm trong tay Alexander, những ông vua vùng Cyprus cũng đứng về phe ngài, đem hạm đội khoảng 120 tàu thuyền của họ tới Sidon[(48)].

Alexander hiểu rằng việc những người này đã sử dụng sức mạnh hải quân của họ để hỗ trợ Ba Tư là do bị ép buộc nhiều hơn là tự nguyện. Bởi vậy, ngài sẵn lòng bỏ qua chuyện quá khứ.

Trong khi những phương tiện chiến tranh vẫn đang được hoàn thiện và hạm đội đã sẵn sàng xuất kích, Alexander cùng một vài tiểu đội kỵ binh, vệ quân, quân Agrianes và cung thủ đã thực hiện một cuộc viễn chinh tới ngọn Antilibanus ở Ả Rập[(49)]. Trong vòng mười ngày, ngài đã trở thành chủ nhân của vùng đất này, bằng vũ lực hoặc thỏa thuận. Sau đó, ngài trở về Sidon, nơi Cleander, con trai của Polemocrates, đã đi từ Poloponnose cùng với 4.000 lính đánh thuê Hy Lạp đang chờ đợi ngài.

Khi toàn bộ hạm đội đã được huy động, Alexander đã cho lên tàu một lượng vừa đủ

những binh lính sẵn sàng cho nhiệm vụ, vì ngài cho rằng, trong cuộc giáp chiến sắp tới nên bố trí một cuộc chiến giáp lá cà hơn là sử dụng những chiến thuật hải quân. Sau đó, hạm đội tiến tới Tyre theo một trật tự chặt chẽ, với Alexander ở phía cánh phải, được hỗ trợ bởi những ông vua vùng Cyprus và tất cả quân Phoenicia ngoại trừ Pnytagoras[50], người cùng với Craterus chịu trách nhiệm chỉ huy cánh trái.

Ý định của người Tyre là sẵn sàng chiến đấu nếu Alexander tấn công bằng đường biển; tuy nhiên, tình huống đã rất khác biệt: hạm đội của Alexander mạnh hơn nhiều so với họ nghĩ, đồng thời họ không hề biết rằng tất cả tàu thuyền của Cyprus và Phoenicia đã về phe Alexander; hạm đội trên biển xuất hiện ở khá gần thị trấn như đang thách thức việc tấn công, và lúc này, khi thách thức đó không được đáp lại, hạm đội một lần nữa tốc lực tiến quân trong một đội hình chặt chẽ. Trong những điều kiện như vậy, quân Tyre quyết định không liều mạng giao chiến; thay vào đó, họ đóng cửa những lối vào của cảng biển với rất nhiều tàu thuyền đỗ sát nhau, ngăn chặn hạm đội của kẻ thù tới thả neo ở bất kỳ lối vào nào.

Khi quân Tyre từ chối chấp nhận thách thức của Alexander, ngài tiếp tục tiến tới thị trấn. Alexander không có ý định dùng vũ lực mở lối vào cảng biển ở bên phía Sidon của hòn đảo, vì các lối vào đều khá hẹp, hơn nữa, chúng còn bị phong tỏa bởi một số lượng tàu chiến nhằm ngăn cản đường tiến công; mặc dù vậy, quân Phoenicia đã đâm thủng ba tàu chiến ở xa nhất và đánh chìm chúng, trong khi đoàn thủy thủ của những tàu này đã bơi về bờ an toàn. Sau sự việc này, hạm đội đỗ lại ở gần bờ biển, không xa con đê chắn sóng, nơi dường như sẽ trở thành chỗ ẩn nấp.

Ngày hôm sau, Alexander hạ lệnh phong tỏa thị trấn: đạo quân Cyprus dưới quyền chỉ huy của Andromachus tới cảng biển phía bắc (đối diện với Sidon), quân Phoenicia tới cảng biển phía nam thuộc phía khác của con đê, nơi đóng quân của họ.

Cùng thời gian này, Alexander đã tập hợp được một số lượng lớn những công binh từ Cyprus và nhiều nơi khác của Phoenicia. Nhiều phương tiện chiến tranh cũng đã được hoàn thành. Một vài phương tiện được đặt ở trên đê, một vài phương tiện khác được đặt trên những tàu vận chuyển mà ngài mang tới từ Sidon, số còn lại được đưa lên những con thuyền ba tầng chèo. Khi tất cả đã sẵn sàng, Alexander hạ lệnh tấn công –không chỉ với những quân lính đang ở trên đê chắn sóng, mà còn đối với những người đang ở trên những con tàu, đậu sát tường thành của thị trấn ở nhiều điểm khác nhau.

Trên những bức tường có lỗ châu mai nhìn xuống con đê, người Tyre đã xây dựng những pháo đài bằng gỗ để phòng vệ, và mọi sự đe dọa từ pháo binh của Alexander, ở bất cứ nơi nào nó xuất hiện, sẽ được họ đáp trả bằng các vũ khí ném và bằng cách sử dụng hỏa tiễn chống lại các tàu thuyền mà họ lo sợ có thể tiến vào thị trấn. Tường thành của thị trấn đối diện với con đê cao khoảng 46 mét và có độ dày tương xứng, được xây dựng một cách kiên cố từ những khối đá lớn. Một lý do khác lý giải cho việc những tàu vận chuyển và những con thuyền ba tầng chèo của Macedonia gặp khó khăn khi di chuyển gần thị trấn cùng với pháo binh của họ là vì quân Tyre đã ném vô số những tảng đá lớn xuống mặt nước, gây cản

trở cho đối phương. Bởi vậy, Alexander đã hạ lệnh loại bỏ chúng [những tảng đá lớn được ném xuống], nhưng nhiệm vụ này không hề dễ dàng, không chỉ vì binh lính của ngài không thể giữ thăng bằng trên sàn tàu mà còn vì quân Tyre ở trên những tàu chiến được bọc sắt đã cản trở những mũi thuyền ba tầng chèo của Macedonia và cắt những dây cáp thả neo khiến những con thuyền này không thể giữ nguyên vị trí. Để đáp trả, Alexander đã cho chất đầy các bộ áo giáp phòng vệ đơn giản lên những thuyền galley ba mươi tầng chèo và bỏ neo ở phần mạn tàu phía trước những sợi dây chão buộc neo của thuyền ba tầng chèo, nhằm đẩy lùi đợt tấn công của Tyre; nhưng quân Tyre, không hề nao núng, đã cử những thợ lặn tiếp tục cắt những dây cáp neo thuyền. Trước tình huống này, quân Macedonia đã thay dây thừng bằng dây xích – khiến nỗ lực của những thợ lặn phe địch trở nên vô dụng. Cuối cùng, từ con đê chắn sóng, quân Macedonia đã dùng dây thừng buộc quanh những tảng đá và kéo chúng ra xa, sau khi nâng những tảng đá này bằng cần trục và ném chúng trở lại vùng nước sâu một lần nữa, nơi chúng chắc chắn không gây ra bất kỳ cản trở nào khác. Một khi khu vực biển gần tường thành đã được dọn dẹp hết các vật cản, tàu thuyền có thể dễ dàng đậu ở đây.

Quân Tyre, lúc này gặp phải rắc rối thực sự, đã quyết định tấn công đạo quân người Cyprus, những người đang phong tỏa cảng biển phía bắc. Trước đó, đôi lúc họ đã bố trí giong buồm qua lối vào cảng biển, nhằm tạo ra một bức bình phong mà ở sau nó, họ có thể vận hành các tàu chiến mà không bị quan sát; và lúc này, vào khoảng buổi trưa, khi những thủy thủ đoàn của các con thuyền Hy Lạp đã phân tán khắp nơi để làm bất cứ việc gì họ được giao phó, và Alexander thường để lại hạm đội ở phía bên kia của thị trấn để rút lui về chỗ đóng quân của ngài, quân Tyre đã chuẩn bị xong. Vận hành ba tàu chiến (quinquireme), ba thuyền bốn tầng chèo (quadrireme) và bảy thuyền ba tầng chèo với những thủy thủ đoàn được lựa chọn – những người đàn ông thông minh nhất, những người lính hải quân đã được vũ trang tốt nhất, đã được lựa chọn vì lòng dũng cảm của họ trong cuộc hải chiến – đi thành từng hàng một, âm thầm rời khỏi cảng biển. Họ đã chèo thuyền trong im lặng cho tới ngay trước khi họ đổi hướng mà không bị quân Cyprus phát hiện ra. Cùng với tiếng reo lên hoan hỉ và những lời cổ vũ động viên, họ đã ngưng mái chèo và vác nó xuống nhanh chóng giáng một đòn tấn công mạnh mẽ vào kẻ địch.

Mặc dù ngày hôm đó Alexander đã rút về nơi đóng quân, ngài đã không nghỉ ngơi như thường lệ mà gần như ngay lập tức quay trở về hạm đội. Quân Tyre đã bất ngờ giành được lợi thế: họ thấy một vài đội tàu bao vây hiện không có một người nào ở trên boong; những đội tàu khác vận hành một cách khó khăn bởi bất cứ ai còn lại trên tàu trong thời điểm đó, cùng với tiếng thét chiến trận của địch thủ vang bên tai và một cuộc tấn công sắp tới. Hệ quả là tàu chiến của Pnytagoras đã bị đâm thủng và đánh chìm trong lần giao chiến đầu tiên. Những tàu thuyền do Androcles của Amathus và Pasicrates của Curium[(51)] chỉ huy cũng chuốc lấy thất bại tương tự. Phần còn lại của đội tàu chạy vào bờ và tản ra.

Ngay khi Alexander được báo cáo về việc những chiến thuyền ba tầng chèo của Tyre đã đã đi ra ngoài, ngài đã cử phần lớn tàu thuyền đậu ở phía nam thị trấn, lúc đó đều ở thế sẵn sàng chiến đấu, tới chắn ở lối vào cảng biển phía nam, nhằm ngăn chặn một cuộc phá vây khác; sau đó cùng với những chiến thuyền của mình và năm hoặc sáu thuyền ba tầng chèo

với thủy thủ đoàn khôn ngoan nhất trên boong tàu, Alexander đã đi tàu vòng quanh phía bắc thị trấn nhằm tìm kiếm đội tàu Tyre vừa thực hiện cuộc tấn công. Khi những người Tyre ở trên những bức tường có lỗ châu mai nhìn thấy chuyện đang xảy ra và Alexander đích thân xuất hiện cùng với đội tàu địch, họ đã kêu lớn để cảnh báo cho thủy thủ đoàn của họ quay trở lại cảng biển, và khi sự ồn ào náo loạn át đi tiếng kêu của họ, họ đã cố đưa ra rất nhiều dấu hiệu ám chỉ tới việc cần thiết phải rút lui về nơi an toàn. Khi những thủy thủ đoàn Tyre thấy những tàu thuyền của Alexander đang dần tiến tới; họ liền xoay buồm và chuẩn bị lui về cảng biển – nhưng đã quá muộn: chỉ có một vài con thuyền xoay xở kịp lúc, trong khi hầu hết đều bị đâm thủng; một vài thuyền đã thoát được, còn một tàu chiến và một thuyền bốn tầng chèo bị bắt ngay tại lối vào cảng biển. Thiệt hại về người không đáng kể; những người trên thuyền, khi hiểu rằng thuyền của họ sẽ bị bắt giữ, đã nhảy xuống, bơi vào cảng biển mà không gặp khó khăn gì.

Mọi hy vọng phòng vệ nhờ vào hạm đội giờ đã tiêu tan, và đây chính là thời khắc mà quân Macedonia bắt đầu sử dụng pháo binh của họ. Từ con đê chắn sóng, các phương tiện vây hãm có thể ít gây lo ngại vì ở khu vực đó, bức tường thành quá vững chãi. Một nỗ lực khác đã được thực hiện ở phía bắc, nơi một lượng tàu thuyền cùng với pháo binh được sử dụng; tuy vậy, thành công của họ không lớn lắm. Do đó, Alexander đã chuyển sự chú ý của ngài sang phần phía nam của những chốt phòng vệ, nhận thấy rằng đây là một điểm yếu và từ chính điểm này, ngài sẽ có được thành công đầu tiên trong công cuộc vây hãm Tyre. Ngài đã hạ lệnh đột kích phần lớn tường thành và đã tạo được một lỗ hổng, dù không lớn lắm. Sau đó, ngài thực hiện một cuộc tấn công thăm dò – một bước đi có tính thử nghiệm không có gì khác ngoài bắc một cây cầu qua lỗ hổng. Việc này cũng dễ dàng bị đẩy lùi.

Ba ngày sau, khi Alexander thấy thời tiết thuận lợi theo ý ngài, ngài đã nói vài lời khuyến khích các tướng lĩnh của mình và hạ lệnh cho pháo binh được vận chuyển bằng thuyền sẵn sàng hành động. Những chốt phòng vệ của kẻ địch đã chịu tổn thất nghiêm trọng, và ngay khi Alexander nghĩ rằng một lỗ hổng có bề rộng vừa đủ đã được mở, ngài đã rút những người chuyên chở pháo binh và hạ lệnh sẵn sàng cho hai tàu chiến khác được trang bị cầu tàu mà ngài dự tính sẽ quăng qua lỗ hổng ở tường thành. Một trong những tàu chiến này, do Admetus chỉ huy, đã được tiếp quản bởi một tiểu đoàn vệ binh và một tàu chiến khác được tiếp quản bởi tiểu đoàn bộ binh hạng nặng của Coenus. Alexander cùng với vệ quân trèo qua lỗ hổng ở bất cứ nơi nào có thể thực hiện được. Ngài hạ lệnh cho một vài thuyền ba tầng chèo chạy xung quanh hai cảng biển, may ra họ có thể mở lối vào thành công trong khi toàn bộ sự chú ý của quân địch giờ này là cố gắng đẩy lùi cuộc đột kích ở bất cứ đâu; những tàu chiến khác cùng với những cung thủ trên tàu hoặc đã mang theo đạn dược cho pháo binh đã được hạ lệnh tuần tra xung quanh hòn đảo, và ở bất cứ nơi nào họ có thể, tìm cách tiếp cận tường thành nhưng vẫn phải giữ khoảng cách vừa phải vì nếu tới quá gần, những người bảo vệ thành Tyre có thể de dọa họ ở mọi điểm và sử dụng hỏa lực để tấn công.

Không lâu sau khi những tàu thuyền của Alexander xuất hiện ở phía dưới tường thành và những cầu tàu đã được kéo xuống, những vệ quân đã nhảy lên cầu tàu và tiến quân qua lỗ hổng. Sau đó, Admetus đảm nhiệm vai trò của một người lính và chính Alexander cũng ở

trong đám đông binh lính, chiến đấu giống như họ, và quan sát bất cứ một hành động dũng cảm nào của họ trong khi đối mặt với hiểm nguy. Khu vực phòng vệ nơi Alexander đích thân tấn công, quả thực, đã sụp đổ đầu tiên; lực lượng tấn công không còn phải đương đầu với con đường dốc đứng nữa mà đã đặt chân lên vùng đất vững chãi, và từ vị trí của họ, dễ dàng tiến công tới chỗ những người bảo vệ thành. Admetus, người chỉ huy cuộc tấn công và kêu gọi binh lính của ông theo sau, đã bị thiệt mạng bởi một nhát giáo trong khi đang cố vượt lên bức tường đổ vỡ. Alexander, đứng ngay sau đó, đã chiếm lấy lỗ hổng ở tường thành và thiết lập việc kiểm soát một vài pháo đài cùng với những phần tường thành nối liền chúng. Ngài đã băng qua các cầu tàu hướng tới nơi đóng quân của hoàng gia, một lối vào mà dường như sẽ đưa đến một cuộc tiến công dễ thực hiện nhất nhằm vào thị trấn.

Trong khi đó, cuộc tiến quân của hạm đội cũng thu được nhiều dấu hiệu khả quan: quân Phoenicia, những người nằm cách xa cảng biển phía nam đã mở được đường vào băng qua hàng rào gỗ nổi và nhanh chóng đi thuyền vào trong, đâm vào một số tàu chiến và điều khiển một số tàu khác vào bờ; còn cảng biển phía bắc, nơi thậm chí còn không hề được bảo vệ bởi hàng rào gỗ nổi, không phải là vấn đề khó khăn đối với quân Cyprus. Họ đã nhanh chóng giành được quyền kiểm soát phần này của thị trấn. Lực lượng chính của đội quân bảo vệ Tyre đã bỏ lại tường thành khi họ thấy nó đã rơi vào tay quân thù, đồng thời rút lui tới điện thờ Agenor[52], nơi họ quay ra đối đầu với quân Macedonia. Alexander và vệ quân nhanh chóng đuổi theo họ; chỉ có một vài người chiến đấu trong khi số khác đã bỏ chạy tán loạn. Những đại đội từ cảng biển đã trở thành chủ nhân của thị trấn; tiểu đoàn của Coenus cũng đã ở đó; cuộc tàn sát ở đây diễn ra rất dã man – vì quân Macedonia, quá chán ngán với cuộc vây hãm kéo dài, đã trút cơn thịnh nộ lên người Tyre khi chiếm được thành[53]. Ngoài ra, còn có một lý do khác nữa khiến họ trở nên kích động; người Tyre đã mang theo một vài tù nhân từ Sidon; sau đó kéo lê những người này tới cầu tàu, cắt đứt cuống họng của họ trước mắt quân Macedonia, và quẳng xác tù nhân xuống biển.

Quân Tyre thiệt hại khoảng 8.000 người; quân Macedonia, trong cuộc đột kích thực sự, đã mất Admetus, người đầu tiên băng qua lỗ hổng ở tường thành, và 20 vệ quân đi cùng với ông. Trong cuộc vây hãm, tổng thiệt hại của Macedonia là khoảng 400 người.

Azemilus, vua của Tyre, cùng với tất cả chức sắc của thị trấn và một số vị khách từ Carthage, những người tới thăm mẫu thành (mother city) để bày tỏ lòng tôn kính với Heracles theo một phong tục cổ xưa[54], đã trốn tới nương nhờ tại đền thờ Heracles: số người này được Alexander tha tội; còn mọi người khác đều bị bán làm nô lệ. Khoảng 30.000 người, gồm cả dân Tyre bản địa và những người ngoại bang bị bắt ở thị trấn, đều bị đem bán[55].

Sau chiến thắng này, Alexander tổ chức lễ hiến tế lên thần Heracles và một lễ duyệt binh kỷ niệm với đầy đủ các trang bị vũ khí; hạm đội cũng góp phần trong cuộc duyệt binh tạ ơn các vị thần này, và có những cuộc thi đấu thể thao ở phần đất xung quanh đền thờ Heracles cùng với một cuộc chạy rước đuốc. Đơn vị pháo binh đã mở được lỗ hổng ở tường thành đã được vinh danh ở đền thờ, và con thuyền Tyre dành riêng cho Heracles, mà quân Macedonia đã chiếm được, cũng được dâng lên các vị thần. Có một lời khắc ở trên chiếc

thuyền, được viết hoặc bởi chính Alexander hoặc bởi một ai khác. Trong bất kỳ trường hợp nào, lời khắc này cũng không đáng được nhắc tới nên tôi nghĩ rằng không cần phải ghi lại nó ở đây. Tyre đã bị chiếm cứ; vào tháng Tám năm Anicetus làm quan chấp chính tại Athens.

Trong khi Alexander vẫn đang bận rộn với việc vây hãm thành Tyre, đã có rất nhiều sứ thần của Darius tới tiếp kiến ngài. Họ đã thay mặt vua Ba Tư, xin dùng 10.000 ta-lăng để chuộc lại mẹ và vợ con của ông ta hiện đang nằm trong tay Alexander. Darius cũng sẽ trao quyền bá chủ toàn bộ lãnh thổ phía tây Euphrates kéo dài tới tận biển Aegean, nếu ngài bằng lòng xây dựng mối giao hảo và liên minh với Ba Tư bằng cách cưới con gái của ông[(56)]. Những lời đề nghị này đều được thông báo tại buổi triệu tập những cố vấn riêng của Alexander, và lão tướng Parmenio, theo tất cả những ghi chép, đã tuyên bố rằng nếu ông là Alexander, ông sẽ vui lòng chấp thuận tất cả những điều kiện này và không cần thực hiện bất kỳ một cuộc viễn chinh nào nữa. Alexander đáp: "Ta sẽ làm như vậy nếu ta là Parmenio; nhưng vì ta là Alexander, ta sẽ gửi cho Darius một câu trả lời khác". Ngài viết, "Ta không cần tiền của ông, cũng không chấp nhận một phần lục địa. Tất cả châu Á, cùng kho báu của nó, đều là tài sản của ta. Còn con gái ông, nếu muốn, ta sẽ cưới, bất kể ông đồng ý hay không. Nếu ông muốn nài xin lòng tốt và sự lưu tâm của ta, hãy đích thân tới gặp ta." Sau khi nhận được câu trả lời này, Darius đã từ bỏ mọi ý nghĩ thương thảo và một lần nữa, chuẩn bị cho cuộc chiến.

Mục tiêu tiếp theo của Alexander là Ai Cập. Vùng đất Palestine của người Syria, ngoại trừ thị trấn Gaza, đều chấp nhận quyền cai trị của Alexander. Tuy nhiên, chủ nhân của thành trì này, một hoạn quan có tên là Batis, đã từ chối về phe ngài. Ông ta đã xây dựng một lực lượng lính đánh thuê Ả Rập, và đã dự trữ đủ cho một cuộc vây hãm kéo dài. Hơn nữa, việc Batis tự tin cho rằng thị trấn được phòng thủ quá vững chãi để có thể bị đột kích, đã khiến ông ta không chịu quy phục Alexander.

Gaza cách biển 4 kilômét; đường đi từ bờ biển tới thị trấn là vùng cát sâu, phía xa bờ biển là ngổn ngang những bãi cát ngập nước. Đó là một thị trấn lớn, nằm trên một vùng đất cao, được bao quanh bởi những bức tường thành kiên cố – thị trấn cuối cùng, nằm ở rìa của sa mạc, nếu người ta đi về phía nam từ Phoenicia tới Ai Cập.

Khi đã ở khoảng cách rất gần thị trấn, Alexander chọn một địa điểm đối diện với khu vực phòng vệ dường như dễ dàng tấn công nhất, và hạ lệnh tập hợp những phương tiện vây thành. Các công trình sư của ngài bày tỏ quan điểm rằng ụ đất, hoặc mô đất nhân tạo, mà thị trấn đứng trên đó quá cao nên không thể hạ thành này bằng đột kích; tuy vậy, Alexander giữ vững niềm tin rằng khó khăn càng lớn, càng cần phải hạ được thành; vì một thành công vượt ra ngoài sự suy đoán và khả năng sẽ là một đòn mạnh mẽ giáng vào nhuệ khí của kẻ thù, ngược lại, nếu thất bại, một khi Darius và người Hy Lạp biết được tin đó, sẽ là một tổn thất tương đương cho danh tiếng của ngài.

Kế hoạch đưa ra là sử dụng những phương tiện vây thành tấn công những chốt phòng vệ bao quanh thị trấn cùng với việc xây dựng một công sự cao bằng mô đất nền của thành, rồi

đặt những phương tiện lên đó; công việc chủ yếu được tiến hành ở khu vực phía nam, nơi tường thành dường như dễ bị công phá hơn những vị trí khác, và khi công sự đã có một độ cao vừa đủ, các phương tiện đã được đưa lên đó để chuẩn bị tấn công. Lúc đó, Alexander, với một vòng hoa trên đầu theo nghi lễ, đang thực hiện tế lễ nạn nhân đầu tiên như thường lệ thì một con chim mồi nhảy qua bệ thờ và đánh rơi hòn đá mà nó giữ bằng móng vuốt lên đầu ngài. Khi Alexander hỏi Aristander – nhà tiên tri xem dấu hiệu này có nghĩa là gì, ông ta đã trả lời rằng: "Thưa bệ hạ, ngài sẽ chiếm được thành, nhưng hôm nay, ngài nhất định phải chú ý tới an nguy của chính mình."(57)

Do đó, Alexander đã di chuyển về gần nơi mà pháo binh của ngài cắm chốt, rời xa khỏi tầm bắn của quân địch trong một lúc; tuy nhiên, đội quân canh giữ thị trấn đã thực hiện một cuộc phá vây mạnh mẽ; những đội quân Ả Rập đã cố gắng phóng hỏa những phương tiện vây thành, đồng thời tấn công mạnh mẽ với những vũ khí ném từ cứ điểm của họ nhằm đẩy quân Macedonia lùi về phía công sự đã xây dựng. Chứng kiến thất bại này, Alexander đã bỏ qua lời cảnh báo của nhà tiên tri. Có lẽ ngài đã cố ý phớt lờ điều đó – có lẽ ngài luôn cảm thấy thôi thúc phải hành động: trong bất kỳ trường hợp nào, ở vị trí dẫn đầu vệ quân, ngài đã nhanh chóng tới hỗ trợ quân Macedonia ở mọi nơi mà họ gặp khó khăn. Dù sao đi nữa, đối với những binh lính dưới quyền, sự giúp đỡ của ngài là kịp thời: ngài đã cứu họ khỏi một thất bại ê chề từ vị trí của họ trên công sự; nhưng trong lúc đó, một vũ khí ném phóng ra từ máy đá đã chọc thủng tấm khiên và áo giáp của ngài, rồi tiếp tục đâm xuyên qua vai. Aristander đã nói không sai – ông đã tiên đoán chính xác về việc Alexander sẽ bị thương trong trận này. Chính vì vậy mà ngài cảm thấy vui sướng. Ngài tin rằng lời tiên tri khác cũng sẽ linh nghiệm, rằng thị trấn nhất định sẽ thất thủ dưới tay ngài. Trong lúc đó, vết thương đã trở nên nghiêm trọng và không dễ dàng điều trị.(58)

Pháo binh sử dụng trong cuộc vây hãm Tyre đã được gửi đi và giờ đã được chuyển tới nơi bằng đường biển. Alexander hạ lệnh xây dựng công sự bao xung quanh thị trấn với hai furlong(59) chiều ngang và khoảng 17 mét chiều cao(60). Ngài tập trung pháo binh ở công sự và sẵn sàng hành động. Một quãng tường thành dài đã bị công phá nghiêm trọng; nhựa cây được tìm thấy ở nhiều điểm, phần đất bị bỏ đi để quân thù không thể quan sát được, cho tới khi ở nhiều nơi trên tường thành, không có gì nâng đỡ, đã hoàn toàn sụp đổ. Trút hàng loạt những vũ khí ném vào thị trấn Gaza, quân Macedonia nhanh chóng kiểm soát được một khu vực rộng lớn, đẩy lùi những người bảo vệ về thị trấn. Họ tung ra ba đợt đột kích, nhưng người Gaza vẫn kháng cự một cách dũng cảm, bất chấp việc nhiều người đã bỏ mạng và bị thương. Đến lần đột kích thứ tư, Alexander sử dụng đội hình chính của bộ binh hạng nặng tấn công vào mọi mặt của thị trấn. Tường thành, bị đục phá từ trước, nay phải chịu đựng sự công phá của pháo binh, đã bị vỡ hoặc bị chọc thủng một khoảng rộng. Quân Macedonia dễ dàng dùng thang, xâm nhập những chốt phòng vệ đã vỡ nát, và nhờ đó, mở được lối vào. Một khi những chiếc thang đã được đưa vào vị trí, quân lính Macedonia đều muốn khẳng định lòng dũng cảm bằng cách ganh đua với các chiến hữu của mình xem ai là người vào thành đầu tiên. Vinh dự đó thuộc về Neoptolemus, một trong những chiến hữu và một người mang dòng máu Aeacid; theo gót ông là hết tiểu đoàn này tới tiểu đoàn khác, dẫn đầu bởi những chỉ huy của họ, và ngay khi xâm nhập được vào các công sự, họ đã phá tan

những cổng thành mà họ có thể tìm thấy và dọn dẹp lối vào cho toàn bộ đội quân.

Những người bảo vệ thành, dù thị trấn đã bị chiếm, vẫn đứng vai kề vai và chiến đấu cho tới người cuối cùng. Tất cả những người đó đều bị giết ngay trên vị trí chốt gác. Phụ nữ và trẻ em trong thị trấn đều bị bán làm nô lệ[(61)]. Những cư dân thuộc những bộ tộc láng giềng được sắp xếp cư trú ở thị trấn và Alexander sử dụng Gaza như một lô cốt cho những cuộc hành quân xa có thể có trong tương lai.

Quyển Ba

Alexander giờ đây đã chiếm được Ai Cập, mục tiêu đầu tiên trong cuộc hành quân về phía nam của ngài, và một tuần sau khi rời Gaza, ngài đã tới Pelusium, nơi hạm đội hộ tống ngài đi men theo bờ biển từ Phoenicia đã thả neo chờ sẵn. Mazaces, thống đốc Ba Tư của Ai Cập dưới quyền Darius, không hề có một đội quân bản địa nào dưới quyền ông ta. Điều này cộng thêm với báo cáo về cuộc chiến tại Issus, vụ tháo chạy nhục nhã của Darius; thực tế rằng Phoenicia, Syria và hầu hết Ả rập đều nằm trong tay quân Macedonia, khiến Mazaces tiếp đón Alexander với lòng mến khách và đảm bảo sẽ không gây trở ngại gì cho ngài trên con đường tới Ai Cập và tất cả những thành phố của nó.(1)

Alexander đã đặt đơn vị đồn trú tại Pelusium(2), và sau khi hạ lệnh cho hạm đội tiến theo sông Nile tới Memphis, ngài tiến quân về phía nam, dọc bờ đông của con sông, và vượt qua sa mạc, tới Heliopolis. Ở tất cả những xứ sở dọc đường hành quân, ngài đều được đảm bảo không vấp phải một sự đối đầu nào. Từ Heliopolis, ngài vượt sông tới Memphis, nơi bên cạnh các vị thần khác, ngài dâng một lễ hiến tế đặc biệt tới thần Apis(3) và tổ chức những cuộc thi tài cả về thể thao lẫn văn học. Những người biểu diễn nổi tiếng nhất ở Hy Lạp đã tới góp vui. Từ Memphis, Alexander đi thuyền xuống hạ lưu con sông một lần nữa cùng với vệ quân và cung thủ, quân Agrianes, và tiểu đội Kỵ binh Hoàng gia của quân Chiến hữu, tới Canobus, khi ngài tiếp tục đi xung quanh hồ Mareotis và cuối cùng, thả neo tại địa điểm nơi giờ đây là Alexandria, thành phố mang tên ngài. Ngài cảm thấy rất ấn tượng bởi cảnh trí ở đây và tin rằng nếu xây dựng một thành phố ở nơi này, nó sẽ rất thịnh vượng. Với sự hăng hái như vậy, ngài không thể đợi được đến khi bắt đầu công việc; đích thân ngài đã thiết kế quy hoạch chung cho thị trấn mới, chỉ ra địa điểm quảng trường chợ, số lượng những đền thờ cần phải xây dựng, và những vị thần nên thờ phụng – những vị thần của Hy Lạp và nữ thần Isis(4) của Ai Cập – và giới hạn chính xác của những chốt phòng vệ bên ngoài của thị trấn. Ngài đã tế lễ xin các vị thần ban phước lành cho công trình; và đã được toại nguyện(5).

Có một câu chuyện đã được thuật lại rằng – và tôi không biết tại sao người ta phải nghi ngờ nó – Alexander mong muốn phác thảo sơ đồ các chốt phòng vệ bên ngoài thành phố cho các công binh của ngài, nhưng ở đây không có phương tiện sẵn có nào để đánh dấu trên vùng đất(6). Tuy nhiên, một trong số những công binh đã có một ý tưởng sáng tạo là tập trung lượng ngũ cốc có trong hành lý của binh lính và rắc nó trên vùng đất phía sau nhà vua khi ngài dẫn đường; và điều này có nghĩa là sơ đồ về tường thành bên ngoài đã được vẽ lại trên mặt đất. Các nhà tiên tri đã suy nghĩ về ý nghĩa của việc này – đặc biệt là Aristander của Telmissus, người nổi tiếng nhờ những tiên đoán chính xác – và họ kết luận rằng thành phố mới sẽ trở thành một vùng đất thịnh vượng.

Trong lúc đó, Hegelochus đã tới Ai Cập bằng đường biển, với thông báo rằng dân Tenedos, nơi bị Ba Tư thôn tính bằng vũ lực, đã nổi loạn và đứng về phe Macedonia(7).

Chios, bất chấp việc Autophradates và Pharnabazus đứng đầu chính quyền bù nhìn của họ, cũng đã sẵn sàng đón chào người Macedonia; Pharnabazus đã bị bắt trên đảo cùng với Aristonicus, chủ nhân của Methymna: Aristonicus đã tới cảng biển tại Chios cùng với năm tên cướp biển mà không hề biết rằng vùng này đã nằm trong tay người Macedonia; ông ta đã bị một người chịu trách nhiệm phòng vệ đánh lừa rằng toàn bộ tàu chiến bên trong đều thuộc hạm đội của Pharnabazus. Tất cả đoàn thủy thủ đều bị giết chết. Aristoniuc, Apollonides, Phisinus, Megareus cùng với tất cả những kẻ tham gia vào vụ nổi loạn trước kia và chiếm đoạt quyền cai trị Chios một cách bất hợp pháp đều bị dẫn tới chỗ của Alexander. Ngoài ra, Hegelochus cũng cho biết rằng ông đã nắm quyền kiểm soát Mitylene từ Chares[8] và những thị trấn Lesbon khác đã đồng ý hỗ trợ ông; Amphoterus đã được cử đi cùng với 60 thuyền tới Cos, theo lời mời của cư dân ở đó – quả thực, ông đã đích thân tới thăm Cos và nó đã nằm trong vòng kiểm soát của ông. Tất cả những tù nhân khác đều được ông mang theo cùng, ngoại trừ Pharnabazus, người đã đưa vệ quân tới Cos và trốn thoát.

Alexander đã cử những thủ lĩnh chính trị quay trở lại những thị trấn, nơi họ thực thi quyền hành của mình; đồng thời, ngài đưa những người Chios cùng với Apollonides tới Elephantine ở Ai Cập và theo dõi họ thường xuyên[9].

Sau những sự kiện này, Alexander nóng lòng muốn tới thăm điện thờ thần Ammon ở Libya[10]. Lý do duy nhất cho mong muốn này là ngài muốn thỉnh xin một lời tiên tri ở điện thờ này, nơi nổi tiếng về sự chính xác, và vì Perseus[11] và Heracles cũng từng xin lời tiên tri ở đây; Perseus được Polydectes sai đi giết Gorgon, còn Hercales đã rong ruổi khắp Libya và Ai Cập để tìm kiếm Antaeus và Busiris. Alexander khao khát sánh kịp danh tiếng của Perseus và Heracles; dòng máu của những người anh hùng đó đều đang chảy trong huyết quản của ngài, và bởi họ là hậu duệ của thần Zeus thì ngài cũng vậy, ngài cũng có cảm giác rằng ngài chính là con cháu của thần Ammon. Dù thế nào đi nữa, Alexander đã thực hiện cuộc hành hương này với chủ đích là có được thêm nhiều thông tin về vấn đề này – hoặc trong bất cứ trường hợp nào, để có thể nói rằng đã được biết điều gì đó[12].

Theo như ghi chép của Aristobulus, Alexander bắt đầu hành trình bằng việc hành quân 322 kilômét dọc bờ biển Paraetonium[13]. Vùng đất mà ngài đi ngang qua không có người cư trú và không có nước. Tại Paraetonium, ngài rẽ sang phía nam, hướng vào lục địa, nơi có đền thờ của thần Ammon. Đường đi tới đền thờ phải băng qua sa mạc, phần lớn là cát và khô hạn. May mắn thay cho Alexander là suốt đường đi, ngài gặp rất nhiều cơn mưa – điều mà ngài tin rằng là món quà của thần linh ban tặng cho mình. Tương truyền rằng khi đột ngột xuất hiện một cơn gió nam, chôn vùi con đường sâu trong đất cát khiến những người hành hương không thể nhìn thấy lối đi; họ hoàn toàn mất phương hướng giống như những thủy thủ trên biển cả; không hề có dấu hiệu gì dọc con đường, không đồi núi, không cây cối, không một mô đất đơn độc nào trồi lên giữa sa mạc để họ có thể tiếp tục hành trình, như những thủy thủ vẫn tìm phương hướng nhờ các vì sao. Thực sự, cả những người chỉ đường lẫn quân đội của Macedonia đều đã lạc lối. Tuy nhiên, trong tình huống nguy hiểm này, thần linh đã trao tặng cho Alexander một món quà khác: theo như Ptolemy, con trai của Lagus, thì trong lúc Alexander và toàn bộ đoàn tùy tùng hoàn toàn mất phương hướng trên

sa mạc thì bỗng xuất hiện hai con rắn, kêu rít lên như để thu hút sự chú ý của đội quân; Alexander đã hạ lệnh cho những người dẫn đường của ngài tin theo ý trời, và đi theo hai con rắn đó để tới được điện thờ thần Ammon. Cũng có một phiên bản khác của câu chuyện này được Aristobulus ghi lại: theo đó, những người dẫn đường của Alexander đã đi theo hai con quạ bay phía trước đội quân. Dù trong bất kỳ trường hợp nào, tôi cũng không hề nghi ngờ việc ngài đã nhận được sự trợ giúp của thần linh – nhưng câu chuyện nào có vẻ gần với sự thật hơn? Chắc chắn, chúng ta chẳng bao giờ biết được điều đó.

Điện thờ thần Ammon[(14)] được bao quanh bởi một sa mạc khô hạn; nhưng ở giữa nơi đất hoang này, có một mảnh đất nhỏ có chiều rộng khoảng 8 kilômét, dày đặc cây trái – ôliu và chà là. Nơi đây, chính là khu vực điện thờ, là nơi duy nhất trong sa mạc có hơi ẩm. Khi sương rơi, ở đây sẽ xuất hiện một dòng suối nhỏ nhưng không hề giống bất cứ dòng suối nào trên thế gian: nước ở đó vào giữa trưa khi nếm sẽ có vị lạnh, và sẽ còn lạnh hơn khi chạm vào – không gì có thể lạnh hơn; nhưng khi mặt trời lặn dần và bóng tối bắt đầu buông xuống, nước bắt đầu ấm lên, và tiếp tục tăng nhiệt độ cho tới nửa đêm, khi nó đạt tới nhiệt độ cao nhất. Sau nửa đêm, nước bắt đầu hạ nhiệt trở lại, và tới rạng đông thì trở nên lạnh dần, rồi lạnh nhất vào lúc chính ngọ, như tôi đã nói. Những thay đổi về nhiệt độ cứ lặp đi lặp lại hằng ngày tuân theo một chu kỳ như vậy. Muối mỏ tự nhiên cũng được khai thác ở vùng này; một phần muối được các vị tư tế của điện thờ mang tới Ai Cập; trước khi bắt đầu hành trình, họ sẽ gói nó theo trong những cái giỏ làm bằng lá cọ và mang theo như một món quà, đôi khi là để dâng tặng lên nhà vua[(15)]. Muối có hạt lớn, một vài hạt có thể có kích cỡ lớn hơn ba ngón tay[(16)] và trong suốt như pha lê. Người Ai Cập và những dân tộc khác, những người rất cẩn trọng trong việc thực hiện những nghi lễ tôn giáo, thường sử dụng loại muối này cho những lễ hiến tế của họ thay vì dùng muối biển bởi nó tinh khiết hơn.

Alexander đã nhìn ngắm điện thờ thần Ammon với một sự thán phục sâu sắc. Ngài đã đặt câu hỏi cho nhà tiên tri và nhận được (hoặc theo như ngài kể là đã nhận được) câu trả lời mà ngài mong đợi[(17)]. Sau đó, Alexander đã trở lại Ai Cập bằng chính con đường mà ngài đã đi tới điện thờ, theo như ghi chép của Aristobulus. Ptolemy, con trai của Lagus, lại viết rằng Alexander đã chọn một con đường khác và đi thẳng về Memphis.

Tại Memphis, có một số lượng lớn những phái đoàn từ Hy Lạp đã tới tiếp kiến ngài, và không một ai trong số họ ra về mà không được ngài kể về câu trả lời đồng ý cho thỉnh nguyện của ngài. Ở đây, ngài cũng đã hợp nhất một lực lượng khoảng 400 lính đánh thuê Hy Lạp do Antipater gửi đến và được đặt dưới quyền chỉ huy của Menidas, con trai của Hegesander, cùng với 500 kỵ binh Thrace do Asclepiodorus, con trai của Eunicus, chỉ huy. Alexander đã làm lễ hiến tế lên thần Zeus, Chúa tể của các vị thần, và tổ chức một lễ diễu binh kỷ niệm, theo sau là các cuộc thi đấu thể thao và văn học. Ngài tái cơ cấu Memphis về mặt chính trị, chỉ định Doloaspis và Petisis, cả hai đều là người Ai Cập, làm thống đốc khu vực, mỗi người cai trị một nửa vùng đất này; nhưng khi Petisis từ chối, toàn bộ vùng đất được trao cho Doloaspis. Hạ lệnh thành lập đơn vị đồn trú tại Memphis và Pelusium, ngài lần lượt bổ nhiệm hai chiến hữu của ngài, Pantaleon vùng Pydna và Polemon vùng Pella,

con trai của Megacles; Lycidas, một người Hy Lạp tới từ Aetolia, chịu trách nhiệm về lính đánh thuê. Những chỉ định bổ nhiệm khác bao gồm: chỉ định Eugnostus, con trai của Xenophantes, một thành viên của đội Chiến hữu, làm thư ký [Secretary] của những đội quân nước ngoài, và cử Aeschylus và Ephippus vùng Chalcis đảm nhiệm công việc của Lycidas và Eugonostus. Vị trí thống đốc vùng đất lân cận của Libya được trao cho Apollonius, con trai của Charinus, còn thống đốc Ả Rập, vùng đất kế bên Heröopolis được giao cho Cleomenes vùng Naucratis[18]; Cleomenes được chỉ thị thừa nhận những địa hạt đã tồn tại, hoặc những thủ lĩnh địa hạt [district governor], tiếp tục như trước đó và trả lại những đồ cống nạp cho họ. Peucestas, con trai của Macartus, và Balacrus, con trai của Amyntas, được đề bạt làm chỉ huy các đội quân ở lại Ai Cập, và Polemon, con trai của Theramenes, trở thành chỉ huy bộ binh. Leonnnatus, con trai của Anasus, đã trở thành vệ sĩ riêng của hoàng đế, thay cho Arrybas vừa tử trận. Antiochus, thủ lĩnh cung thủ, cũng đã thiệt mạng, và một người Crete tên là Ombrion được chỉ định thay thế ông. Calanus tiếp quản bộ binh đồng minh thay cho Balacrus, người vẫn còn đang ở Ai Cập.

Ai Cập đã để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng Alexander, và sức mạnh tiềm tàng của đất nước này, điều vượt quá những gì ngài mong đợi, đã khiến ngài phân chia quyền kiểm soát nó cho một số lượng lớn quan chức, vì cho rằng việc đặt toàn bộ Ai Cập vào tay duy nhất một người sẽ là hiểm họa khôn lường. Chắc chắn người La Mã đã noi gương Alexander khi họ quyết định đặt Ai Cập dưới sự giám sát nghiêm ngặt, và không bao giờ cử một thành viên thượng viện làm thống đốc ở đây, mà luôn luôn chọn một người thuộc tầng lớp equites[19] hay tầng lớp hiệp sĩ [knight].

Ngay khi dấu hiệu đầu tiên của mùa xuân vừa xuất hiện, Alexander đã rời Memphis, băng qua sông Nile nhờ một cây cầu được xây dựng cho cuộc hành quân của ngài, rồi sau đó tiến tới Phoenicia. Tại Tyre, ngài nhận thấy hạm đội đang chờ sẵn ở đó, và chính ở nơi đây, một lần nữa, ngài quyết định vinh danh anh hùng Heracles bằng những nghi lễ tôn giáo và lễ hội. Trong thời gian ngài lưu lại đây, một con thuyền galley của thành bang Athens đã cập bến Tyre cùng với Diophantus và Achilles – toàn bộ thủy thủ đoàn, những công dân tự do, đều là thành viên của phái đoàn. Tiếp kiến Alexander, những người này đã đạt được tất cả các mục tiêu trong sứ mệnh của họ, mà mục tiêu quan trọng nhất của họ là xin ngài trao trả những tù nhân Athens bị bắt trong trận Granicus. Tin tức mới được đưa tới là những sự việc diễn ra trong lần tiến quân tới Peloponnese, và Amphoterus đã được cử đi để hỗ trợ tất cả những cộng đồng Hy Lạp ở trong khu vực này, những người đã nghe tin về cuộc chiến Ba Tư và không tuân theo mệnh lệnh từ Sparta[20]. Phoenicia và Cyprus đã cung cấp 100 thuyền cho Peloponnese, cộng thêm vào hạm đội đã được cử đi cùng với Amphoterus.

Thời điểm cho cuộc hành quân tiếp theo đã đến – tiến sâu vào nội địa, tới Thapsacus và Euphrates. Trước khi bắt đầu hành quân, Alexander đã giao cho Coeranus của Beroea cống vật ở Phoenicia, và giao cho Philoxenus cống vật ở phía Tây Á của Tarus[21]; cả hai người này giờ đây phải chia sẻ trách nhiệm về tài chính cùng với Alexander để lo cho cuộc viễn chinh, và công việc trước kia của họ được Harpalus, con trai của Machatas, người mới được

triệu hồi từ cảnh lưu vong, đảm nhiệm. Harpalus đã hai lần chạy trốn khỏi quê hương: lần đầu tiên là khi vua Philip vẫn còn nắm giữ ngai vàng của Macedonia, và sau đó, ông bị đẩy vào cảnh tha hương vì lòng trung thành với Alexander. Ptolemy, con trai của Lagus; Nearchus, con trai của Androtimus; Erigyius, con trai của Larichus và anh trai là Laomedon đã cùng chia sẻ tai ương này vì cùng một lý do: khi vua Philip kết hôn với Eurydice và công khai xúc phạm Olympias – mẹ của Alexander, ngài đã giữ mối ngờ vực với chính con trai mình [Alexander] trong một khoảng thời gian và hạ lệnh lưu đày tất cả những người thân cận với Alexander[22]. Sau khi vua Philip băng hà, Alexander đã triệu hồi những chiến hữu này và giao cho họ những chức vụ quan trọng: Ptolemy đã được nhận vào làm vệ sĩ của nhà vua; Harpalus, với sức khỏe không đảm bảo cho việc chinh chiến, được giao cho việc kiểm soát kho tàng; Erigyus trở thành thủ lĩnh kỵ binh đồng minh, và anh trai ông là Laomedon, người nói trôi chảy cả tiếng Ba Tư lẫn Hy Lạp, chịu trách nhiệm về những tù nhân chiến tranh. Nearchus được chỉ định làm Thống đốc Lycia và vũng lãnh thổ lân cận kéo dài tới ngọn Taurus. Tuy nhiên, không lâu trước trận Issus, Harpalus đã bị tên vô lại Tauriscus dụ dỗ bỏ trốn – hai người này sau đó đã đào ngũ: Tauriscus đã chạy tới chỗ Alexander vùng Epirus ở Ý[23], nơi hắn qua đời; còn Harpalus lẩn trốn ở Megarid. Bất chấp cách cư xử này, Alexander vẫn cố thuyết phục Harpalus trở về, đảm bảo rằng ông sẽ không phải chịu bất cứ một hình phạt nào vì tội đào ngũ. Trái lại, Alexander còn khôi phục lại chức vị cho ông, tiếp tục để ông quản lý kho tàng.

Cuối cùng, Alexander cử Manander, một trong những chiến hữu của ngài, làm thống đốc Lydia[24], chỉ định Clearchus tiếp quản vị trí chỉ huy lính đánh thuê; chức thống đốc Syria được giao phó cho Asclepiodorus, con trai của Eunicus, thay cho Arimmas, người mà theo quan điểm của Alexander, đã tắc trách trong việc trang bị và cung cấp cho quân đội trong hành trình đi sâu vào nội địa.

Alexander đã đặt chân lên đất Thapsacus vào tháng Tám, trong khi Aristophanes làm quan chấp chính ở Athens[25]. Hai cây cầu đã sẵn sàng được bắc qua sông. Trước đó, Mazaeus, theo lệnh của vua Ba Tư, đã bảo vệ mọi hướng tiếp cận con sông với một lực lượng khoảng 3.000 quân kỵ, hai phần ba số đó là lính đánh thuê Hy Lạp; và vì lý do đó, quân Macedonia đã không bắc cầu sang bờ bên kia, e sợ rằng địch quân sẽ tấn công cây cầu. Tuy nhiên, Mazaeus, không lâu sau khi nghe tin về cuộc hành quân của Alexander, đã đem toàn bộ lực lượng tốc lực chạy trốn. Trong lúc đó, hai cây cầu đã được hoàn thành một cách nhanh chóng, và Alexander đã an toàn vượt sông cùng với quân đội của ngài.

Từ nơi này, ngài tiến quân lên phía bắc và phía đông, giữa Euphrates và những ngọn núi Armenia ở phía cánh tả, băng qua Lưỡng Hà; ngài không thích đi theo con đường thẳng tới Babylon mà thích vượt sông hơn, vì bằng cách này, những nhu yếu phẩm, bao gồm cả cỏ khô cho ngựa, sẽ sẵn có hơn; những nhu cầu khác cho người và gia súc cũng có thể được cung cấp bởi chính vùng đất mà họ đi qua, và hơn nữa, sức nóng sẽ bớt gay gắt hơn.

Trong suốt cuộc hành quân, một vài tù nhân mới bị bắt – họ là lính của Darius cử đi để trinh thám. Đám người này cho biết Darius đã đóng quân ở một cứ điểm tại Tigris và có ý định chống lại mọi nỗ lực vượt qua vùng này của Alexander. Lực lượng mà Darius nắm

trong tay lớn hơn nhiều so với số lượng binh lính mà ông ta đã có trong trận Issus. Alexander đáp lại tin này bằng cách tốc lực tiến quân tới Tigris. Tuy nhiên, khi tới đây, ngài không tìm thấy cả Darius lẫn lực lượng phòng vệ đâu cả; bởi vậy ngài vượt qua đó mà không gặp trở ngại gì – ngoại trừ dòng nước chảy xiết khiến việc vượt sông có chút khó khăn. Khi đã chinh phục xong dòng nước xiết này, ngài đã cho quân đội dừng chân hạ trại.

Trong lúc đó, xuất hiện nguyệt thực gần như toàn phần, và Alexander đã tiến hành tế lễ thần Mặt trăng, Mặt trời và Trái đất – ba vị thần được cho là có liên quan tới hiện tượng này. Nhà tiên tri Aristander cho rằng việc Mặt trăng bị che khuất là điềm lành cho Alexander và quân đội Macedonia, rằng trận chiến sắp tới sẽ diễn ra trước khi tháng này kết thúc; hơn nữa, Aristander còn kết luận rằng lễ hiến tế đã báo trước cho chiến thắng.

Alexander tiếp tục tiến quân băng qua Aturia, phía cánh hữu là sông Tigris còn những ngọn núi Gordyene ở cánh tả. Bốn ngày sau khi ngài băng qua sông, những lính trinh sát của ngài báo tin rằng đã quan sát thấy kỵ binh của địch ở trên vùng đất trống, nhưng không thể ước lượng chính xác về số lượng; do đó, Alexander, trước khi tiến quân xa hơn, đã sắp đặt những chuẩn bị cần thiết cho cuộc giao chiến, và ngay lập tức cử thêm trinh sát đi tìm hiểu thêm thông tin; khi có thể quan sát quân địch tốt hơn, nhóm trinh sát đã ước lượng địch quân có khoảng 1.000 binh lính khỏe mạnh, trong khi Alexander phi nước đại tới đó cùng với tiểu đội Hoàng gia, một tiểu đội Chiến hữu, và những kỵ binh nhẹ Paeonia. Phần chính của đội quân đã được hạ lệnh theo sau. Việc nhìn thấy cuộc dấn binh nhanh chóng của Alexander là quá đáng sợ đối với kỵ binh Ba Tư, những người sau đó đã bỏ chạy một cách hoảng loạn và bị Alexander truy đuổi ráo riết. Phần đông quân Ba Tư trốn thoát được, một số bị giết, một số thì bị bắt sống cả người lẫn ngựa. Từ những tù binh này, họ biết được rằng Darius, cùng với một lực lượng hùng mạnh, trốn không xa chỗ này.

Quân đội của Darius được tăng cường thêm quân Sogdia, quân Bactria, những bộ tộc Ấn Độ ở phía biên giới Bactria – tất cả đều dưới quyền chỉ huy của Bessus, xatrap của Bactria; dẫn đầu là một vài đạo quân của Sacea (một nhánh của người Scythia châu Á) những người mặc dù không phải là bề tôi của Bessus song vẫn liên minh quân sự với Ba Tư. Những cung thủ cưỡi ngựa do Mauaces chỉ huy. Quân Arachotia và thổ dân Ấn Độ do Barsaentes, xatrap vùng Arachotia, chỉ huy; quân Aria do xatrap của họ, Satibarzanes chỉ huy; quân Parthia, Hyrcania và Tapuria, tất cả đều là quân kỵ binh, do Atropates chỉ huy; tất cả những đạo quân tới từ khu vực lân cận của vịnh Ba Tư được đặt dưới quyền chỉ huy của Ocondobates, Ariobarzanes, và Orxines; quân Uxia và Susiane được giao phó cho Oxathres, con trai của Abulites; quân Babylon, những người đi cùng với quân Sitacenian và Caria, do Bupares chỉ huy (những người Caria đã từng tái định cư trước đó sau một đợt di dân lớn); quân Armenia đặt dưới quyền chỉ huy của Orontes và Mazaeus. Toàn bộ lực lượng của Darius khoảng 40.000 kỵ binh, 1.000.000 bộ binh, 200 chiến xa scythe [scythe-chariot[(26)]] và một số voi chiến – quân Ấn Độ ở phía bên này của sông Ấn có khoảng 15 voi chiến[(27)].

Lực lượng này, dưới sự chỉ huy của Darius, đã chiếm cứ một vị trí tại Gaugamela, gần sông Bumodus[(28)], cách Arbela khoảng 120 kilômét. Khu vực này nằm trên khu đất bằng

phẳng và trống trải, tất cả những nơi mà bề mặt ngổn ngang cản trở bước tiến quân của kỵ binh đã được những binh lính Ba Tư dọn dẹp từ trước, nên giờ đây toàn bộ vùng đất thuận tiện cho cả chiến xa lẫn kỵ binh. Lý do cho sự thận trọng này là vì Darius được thuyết phục rằng phần lớn vấn đề mà ông ta gặp phải ở trận Issus là do thiếu không gian bày binh bố trận – một lời giải thích mà vị vua Ba Tư sẵn sàng chấp nhận.

Khi nhận được thông tin này từ những tù nhân Ba Tư, Alexander đã dừng chân được bốn ngày, để binh lính của ngài được nghỉ ngơi sau cuộc hành quân. Ngài đã củng cố chỗ đóng quân với hào và cọc rào nhọn, đồng thời đề nghị để những gia súc nhỏ ở đây cùng với tất cả những binh lính không đủ sức khỏe để chiến đấu. Sau đó, Alexander đích thân dẫn phần còn lại bước vào trận chiến, mà không mang vác bất cứ thứ gì ngoài vũ khí của họ. Lệnh tiến quân được đưa ra vào lúc nửa đêm – nên rạng sáng hôm sau, quân Macedonia đã giáp mặt với quân địch. Khi tin tức về việc Alexander tốc lực tiến quân tới tai Darius, vị vua Ba Tư đã hạ lệnh cho đội quân của ông ta sẵn sàng chiến đấu. Tuy vậy, quân Macedonia vẫn còn cách họ khoảng 11 kilômét và hai bên vẫn chưa nhìn thấy nhau, vì còn bị chắn bởi một mô đất cao.

Vượt qua phần cao nhất của mô đất, ngay khi bắt đầu đi xuống dốc, Alexander đã nhìn thấy quân thù, cách đó khoảng 6 kilômét. Ngài đã cho dừng binh hạ trại và triệu tập toàn bộ tướng lĩnh, các chỉ huy đội quân, các chỉ huy của các đạo quân đồng minh và lính đánh thuê để bàn bạc về kế hoạch hành động. Có hai luồng ý kiến được đưa ra: phần lớn mọi người đều thúc giục vị thống lĩnh trẻ tuổi tiến quân cùng với phần chính của bộ binh; còn lão tướng Parmenio lại khuyên ngài nên chờ tới khi có được trong tay những thông tin khả tín về địa hình này; có rất nhiều lý do để giải thích cho sự cẩn trọng này – những chướng ngại vật bị che khuất, những đường hào hoặc cọc chông bí mật – và thêm vào đó, sẽ là khôn ngoan hơn nếu có thêm thông tin chính xác về cách bày binh bố trận của quân địch. Đề nghị của Parmenio rõ ràng là sáng suốt hơn; nên thời điểm đó, toàn quân được hạ lệnh giữ nguyên vị trí.

Trong lúc đó, Alexander, cùng với bộ binh hạng nhẹ và kỵ binh Chiến hữu, đích thân đi thăm dò, kiểm tra tỉ mỉ toàn bộ vùng đất nơi trận chiến có thể sẽ diễn ra; sau đó ngài quay trở lại, triệu tập toàn bộ tướng lĩnh một lần nữa. Alexander nói, ngài không cần phải nói bất kỳ một câu nào để khích lệ quân đội của mình nữa. Chính lòng dũng cảm mà họ đã bộc lộ trong những cuộc chiến trước, chính những kỳ công mà họ thực hiện đã đủ để họ dấn thân vào sa trường. Ngài yêu cầu tất cả chỉ huy ở mọi cấp bậc, dù là chỉ huy một đại đội, một đội, một lữ đoàn, hoặc một tiểu đoàn bộ binh, dốc toàn lực dưới quyền chỉ huy của ngài; bởi không như trước kia, khi họ chiến đấu vì Syria, Phoenicia hay Ai Cập, thì lần này, họ chiến đấu vì quyền sở hữu toàn bộ lục địa Á châu. Vì vậy có nhất thiết phải nói nhiều lời khích lệ tướng lĩnh của ngài, khi lòng dũng cảm đã có sẵn trong lồng ngực của họ? Ngài chỉ nhắc nhở từng người giữ gìn kỷ luật trong những giờ phút hiểm nguy – để tiến quân trong sự im lặng hoàn toàn; chờ đợi tới thời điểm tiếng tung hô được vang lên, và khi thời điểm đó tới, hãy thét vang những lời kêu gọi xung trận và khiến kẻ thù hoang mang sợ hãi. Tất cả đều phải ngay lập tức tuân theo mệnh lệnh và truyền đạt nó cho binh sĩ của mình mà không hề chần chừ; cuối cùng, mọi tướng lĩnh đều phải nhớ rằng cách cư xử của từng cá nhân làm

nên số mệnh của tập thể: nếu từng người một đều làm tròn nhiệm vụ của anh ta, thành công là chắc chắn; nhưng chỉ cần một người sao lãng nhiệm vụ, toàn quân sẽ gặp nguy hiểm khó lường.

Alexander chỉ nói một vài lời khích lệ ngắn gọn như vậy đối với tướng lĩnh của ngài, và để đáp lại, họ xin ngài hãy đặt niềm tin vào họ. Mệnh lệnh sau đó được đưa ra cho toàn quân là nghỉ ngơi và ăn uống.

Có một vài nguồn cứ liệu đáng tin thuật lại rằng Parmenio đã tới lều của Alexander và khuyên ngài tung ra một cuộc tấn công vào ban đêm, vì quân địch sẽ không nghĩ tới điều này, cuộc tấn công đó dĩ nhiên sẽ gây ra sự hoang mang và hoảng loạn. Alexander và Parmenio không phải là những người duy nhất trong lều; những người khác đều đang chăm chú lắng nghe và điều đó có thể là vì Alexander đã khước từ đề nghị của Parmenio, vì "ta không thể tự hạ mình bằng cách ăn cắp chiến thắng như một kẻ trộm cướp. Ta, Alexander, phải hạ gục kẻ thù của mình một cách công khai và trung thực." Tuy nhiên, những lời nói cao ngạo này có thể cho thấy ngài tin vào hiểm nguy hơn là hư danh, và theo quan điểm của riêng tôi, chiến lược này nghe có vẻ hoàn hảo: một cuộc đột kích ban đêm là một mưu mẹo trong chinh chiến; những điều không mong đợi xảy đến với cả hai bên – với những người đã lên kế hoạch tấn công một cách cẩn trọng cũng như với những người đã lơi lỏng sự phòng vệ của họ – và thường thì những người xuất sắc hơn phải nhận lấy phần tồi tệ hơn của cuộc chiến, trong khi chiến thắng, trái ngược với mong đợi của mọi người, lại thuộc về phe yếu hơn[(29)]. Alexander thường là người liều lĩnh hơn trong chiến đấu; nhưng trong chuyện này, ngài nhận thấy cơ hội tấn công vào ban đêm là không thể đoán trước được. Hơn nữa, cuộc tấn công được thực hiện một cách lén lút và bóng đêm sẽ cứu Darius khỏi việc phải thừa nhận sự yếu kém của bản thân và quân đội của ông ta nếu bại trận. Trong khi đó, nếu chính quân Macedonia bị tấn công ngược lại, họ sẽ trở thành một đội quân bại trận trên một đất nước xa lạ giữa những kẻ thù thông thuộc địa hình và những chiến hữu của họ; đồng thời, những tù nhân chiến tranh có thể tấn công mạnh mẽ trong đêm thậm chí ngay sau một chiến thắng không có tính chất quyết định, chưa nói đến sau một chiến bại (của quân Macedonia).

Những lập luận này khá hợp lý, và do đó, tôi ngợi ca lựa chọn của Alexander, và tán thành quyết định hành động một cách công khai của ngài.

Trong suốt đêm, quân đội của Darius đã tiếp tục giữ vững các vị trí như ngày hôm trước, và lý do cho sự duy trì này là vì họ e sợ một cuộc đột kích ban đêm, cộng thêm với việc vị trí của họ không được phòng vệ một cách thường xuyên. Trong thời điểm nguy kịch như vậy, có một điều chống lại quân Ba Tư hơn cả: họ phải kéo dài việc giữ vững vị trí và cảm thấy một nỗi sợ hãi thường trực, điều hết sức tự nhiên khi mạng sống của họ bị đe dọa; cho dù, trên thực tế, cuộc đột kích đã không hề xảy ra nhưng chính việc phải chịu một áp lực tâm lý kéo dài hàng giờ như vậy đã khiến tinh thần của họ hoàn toàn suy sụp.

Theo ghi chép của Aristobulus, những mệnh lệnh viết tay về cách bày binh bố trận của Darius đã tới tay người Hy Lạp sau trận chiến; do đó, chúng ta biết được ông ta đã sắp xếp

đội quân của mình như thế nào[30]. Ở cánh trái là kỵ binh Bactria, được hỗ trợ bởi quân Daae và Arachotia; kế họ là kỵ binh và bộ binh Ba Tư, theo sau là quân Susiane, và sau đó là những đạo quân Cadusia. Những đội quân này hình thành nên cánh trái và trung quân. Cánh phải là những đạo quân từ vùng hạ Syria, Lưỡng Hà, và Media; kế bên họ là quân Parthia và Sacae; tiếp theo là những đạo quân Tapuria và Hyrcania; cuối cùng, cạnh trung quân, là quân Albania và Sacesinia. Ở trung tâm, cùng với Darius và những người bà con của ông ta, là vệ quân hoàng gia Ba Tư cùng với hình trái táo vàng trên đầu ngọn giáo, quân Ấn Độ, quân Caria "vô chính phủ"[31] và cung thủ Mardia. Quân Uxia, quân Babylon từ vịnh Ba Tư và quân Sitacenia tạo thành hậu quân phía sau họ. Tiên phong của cánh trái, đối diện với cánh phải của Alexander, là kỵ binh Scythia, khoảng 1.000 quân Bactria và 100 chiến xa scythe – voi chiến và 50 chiến xa đã được bố trí gần tiểu đoàn Hoàng gia thuộc kỵ binh của nhà vua. Tiên phong phía cánh phải của quân Ba Tư là 50 chiến xa scythe cùng với quân Armenia và kỵ binh Cappadocia; lính đánh thuê Hy Lạp – dường như là những người duy nhất có thể đương đầu với kỵ binh Macedonia – đã được chia làm hai phần, một ở bên phía Darius, một ở phía vệ quân Ba Tư của ông ta.

Ở cánh phải của quân Alexander là kỵ binh chiến hữu, dẫn đầu là tiểu đoàn Hoàng gia do Cleitus, con trai của Dropidas chỉ huy; kế bên họ, và hoạt động hướng về trung quân, là những đội quân đặt dưới quyền chỉ huy của: Glaucias, Ariston, Sopolis con trai của Hermoddorus, Heracleides con trai của Antiochus, Demetrius con trai của Althaemenes, và Meleager; cuối cùng là đội quân cho Hegelochus, con trai của Hippostratus chỉ huy. Philotas, con trai của Parmenio là chỉ huy trưởng, thống lĩnh đội quân Chiến hữu. Còn về phía bộ binh, những binh lính thiện chiến của vệ quân đã được bố trí ngay cạnh kỵ binh, trong khi những vệ quân khác do Nicanor, con trai của Parmenio chỉ huy, sẵn sàng hỗ trợ cánh trái; kế bên họ là tiểu đoàn của Coenus, con trai của Polemocrates, theo sau (hoạt động hướng tới cánh trái) là những đội quân dưới quyền chỉ huy của Perdiccas con trai của Orontes, Meleager con trai của Neoptolemus, Polysperchon con trai của Simmias, và Amyntas con trai của Andromenes – đội quân cuối cùng sau này được giao phó cho Simmias, khi Amuntas được cử tới Macedonia để tuyển quân.

Cánh trái của bộ binh Macedonia được hợp thành bởi tiểu đoàn của Craterus, con trai của Alexander – người chỉ huy tất cả bộ binh trong phân khu này; kế bên ông ta là những đội quân kỵ binh đồng minh do Erigyus con trai của Larichus chỉ huy, được kỵ binh Thessaly dưới quyền Philippus, con trai của Menelaus, hỗ trợ. Kỵ binh Thessaly đã mở rộng tới cánh trái của toàn quân, vốn được đặt dưới quyền chỉ huy chung của Parmenio, con trai của Philotas. Kế cận vị tướng này là những kỵ binh của Pharsalus, đơn vị kỵ binh Thessaly thiện chiến nhất và đông đảo nhất.

Đó là những sắp xếp đội hình phía trước của Alexander. Ngoài ra, ngài còn bố trí những đội hình dự bị nhằm hình thành một nòng cốt bộ binh vững chắc đương đầu được với một cuộc tấn công từ phía hậu quân; những tướng lĩnh của quân dự bị đã được hạ lệnh, trong trường hợp bị quân địch bao vây, phải đối phó được với cuộc tấn công hăm dọa. Một nửa số quân Agrianes, do Attalus chỉ huy và kế bên tiểu đội Hoàng gia ở cánh phải, đã cùng với cung thủ Macedonia do Brison chỉ huy, hợp thành một góc chéo, để trong trường hợp cần

thiết có thể mở rộng hoặc thu hẹp mặt trận phía trước của bộ binh. Hỗ trợ cung thủ còn có đội quân được gọi là "Những vệ binh già" của lính đánh thuê do Cleander chỉ huy. Tiên phong của quân Agrianes và cung thủ là lính trinh sát và quân Paeonia, do Aretes và Ariston chỉ huy; kỵ binh đánh thuê do Menidas chỉ huy được xếp ở ngay tiền đội. Vị trí tiên phong của tiểu đội Hoàng gia và những đơn vị khác của quân Chiến hữu được giao phó cho một nửa còn lại của đạo quân Agriane và cung thủ, có sự hỗ trợ của lính đánh giáo do Balacrus chỉ huy, đứng đối diện với những chiến xa scythe của Ba Tư. Menidas hạ lệnh tấn công vào sườn quân địch, binh lính cần phải cố gắng mở ra một cuộc đánh lấn.

Về phía cánh trái của Alexander, nơi hình thành một góc nhọn với đội hình chính, là quân Thrace do Sitalces chỉ huy, được hỗ trợ trước tiên bởi kỵ binh đồng minh của Coeranus và tiếp đó là bởi kỵ binh Odrysia của Agathon, con trai của Tyrimmas. Ngay ở tiền đội của phân khu này là kỵ binh đánh thuê ngoại quốc do Andromachus, con trai của Hieron, chỉ huy. Bộ binh Thrace đã được hạ lệnh bảo vệ những gia súc nhỏ. Toàn bộ quân đội của Alexander rơi vào khoảng 7.000 kỵ binh và 40.000 bộ binh.

Lúc này, hai lực lượng đã đứng ở rất gần nhau. Darius và quân đội của ông ta đã nằm trong tầm ngắm. Vệ quân Hoàng gia Ba Tư với hình trái táo vàng trên đầu mũi giáo, quân Ấn Độ và quân Albanian, quân Caria và cung thủ Mardia – đội quân thiện chiến nhất của lực lượng Ba Tư, đứng đối diện với Alexander và tiểu đội Hoàng gia của ngài. Tuy vậy, Alexander đã hơi thiên về cánh phải, một động thái mà quân Ba Tư ngay lập tức đáp lại, cánh trái của họ bắt đầu đánh lấn quân Macedonia trong một khoảng cách đáng kể. Trong lúc đó bất chấp sự thật rằng kỵ binh Scythia của Darius, di chuyển dọc theo mặt phía trước của quân Macedonia, đã tạo được mối liên hệ với những đội quân phía trước của họ, Alexander vẫn tiếp tục tiến quân về bên phải cho tới khi ngài gần như đã băng qua toàn bộ khu vực mà quân Ba Tư đã san phẳng suốt ngày hôm trước. Darius hiểu rằng một khi quân Macedonia đã tới vùng đất gồ ghề, chiến xa của ông ta sẽ trở nên vô dụng, nên ông đã hạ lệnh cho quân kỵ binh tiên phong ở cánh trái bao vây cánh phải của Macedonia dưới quyền chỉ huy của Alexander và nhờ đó, cản trở bất kỳ một sự mở rộng nào ra xa hơn theo hướng này. Alexander đã ngay lập tức hạ lệnh cho Menidas và kỵ binh đánh thuê của ông tấn công họ. Một cuộc phản công của kỵ binh Scythia dưới sự hỗ trợ của quân Bactria đã đẩy lùi họ dựa trên ưu thế về số lượng, trong lúc đó Alexander đã cử đạo quân Paeonia của Ariston và đội quân lính đánh thuê tấn công quân Scythia. Đòn tấn công này đã tỏ ra hiệu quả, khiến quân địch phải bỏ chạy; nhưng những đội quân Bactria còn lại đã giao chiến với quân Paeonia và lính đánh thuê, đồng thời thành công trong việc trấn tĩnh những người bỏ chạy. Kỵ binh Scythia tiếp tục tung ra những đòn tấn công mạnh mẽ, khiến cho quân Macedonia phải chịu thiệt hại nặng nề – do họ thua kém hơn nhiều về mặt số lượng và được trang bị giáp phòng vệ kém hơn so với quân Scythia – cả về người lẫn ngựa. Dù sao, quân Macedonia vẫn duy trì tiến công, và bằng cách lặp đi lặp lại những đợt phản kích, từ tiểu đoàn này tới tiểu đoàn khác, cho tới khi phá vỡ đội hình của quân địch.

Trong khi Alexander di chuyển lên phía trước, quân Ba Tư đã sử dụng những chiến xa scythe để chống lại ngài, hy vọng có thể làm rối loạn hàng ngũ của quân Macedonia. Nhưng họ đã nhanh chóng thất vọng, vì những chiến xa chưa sử dụng được bao lâu đã phải đương

đầu với những vũ khí ném của quân Agrianes và đội quân phóng lao của Balacrus, người lúc này đang giữ vị trí tiên phong của quân Chiến hữu; hơn nữa, quân Macedonia còn chiếm được dây cương, xô ngã người điều khiển chiến xa xuống mặt đất, sau đó bao vây số ngựa chiến và chém giết chúng; chỉ có một vài chiến xa băng qua thành công, nhưng không đạt được mục đích gì, vì quân Macedonia đã được hạ lệnh, ở bất cứ nơi nào chiến xa lao tới, họ sẽ mở đội hình và để chiến xa băng qua một cách an toàn: quân đội của Alexander quả thực đã làm được điều này, khiến cho cả chiến xa lẫn người điều khiển nó không thể gây ra bất cứ thiệt hại gì. Những chiến xa này đã băng qua, sau đó, được giao phó cho vệ quân Hoàng gia và những người chăn ngựa của quân đội[32].

Darius lúc này đã đem đội quân chính của bộ binh vào chiến đấu. Alexander hạ lệnh cho Aretes tấn công kỵ binh Ba Tư, những người đang cố gắng đánh lấn và bao vây cánh phải của quân Macedonia. Ngài tiếp tục tiến quân theo đội hình hàng dọc; tuy nhiên, ngay sau đó, kỵ binh Ba Tư được cử đến hỗ trợ những chiến hữu của họ, lúc đó đang cố gắng bao vây cánh phải của quân Macedonia, để lại một khoảng trống trong đội hình phía trước của quân Ba Tư – và đó chính là cơ hội của Alexander. Không hề chậm trễ, ngài đã chiếm lấy khoảng trống, và cùng với đội quân Chiến hữu và toàn bộ bộ binh hạng nặng ở phân khu này của đội ngũ, di chuyển theo mũi nhọn rồi hô vang những tiếng thét xung trận thúc giục tiến quân tới nơi mà Darius đang đứng. Kỵ binh Macedonia cùng với Alexander dẫn đầu đội quân, đã sớm tung ra một cuộc đột kích dữ dội. Họ dùng giáo đâm vào mặt của những binh lính Ba Tư, trong khi đội hình phalanx với giáo mác sẵn sàng cũng đã góp phần làm tăng sức nặng của cuộc tấn công mà quân Ba Tư khó lòng chống đỡ nổi. Một cuộc giáp chiến nổ ra, nhưng nhanh chóng đi tới hồi kết, vì Darius, người đứng bên lề từ khi cuộc chiến bắt đầu và giờ đây chẳng thấy gì khác ngoại trừ những nỗi khiếp sợ vây quanh, đã là người đầu tiên bỏ chạy. Đội quân đánh lấn cánh phải của quân Macedonia cũng đã bị tan vỡ trước mũi tấn công của Aretes và binh lính của ông.

Ở phía này của chiến trận, quân Ba Tư hoàn toàn thất bại, trong khi quân Macedonia vẫn tiếp tục cuộc truy đuổi, chém giết bất cứ kẻ nào tháo chạy. Nhưng đội quân dưới quyền chỉ huy của Simmias, không thể tham gia truy đuổi tàn binh cùng với Alexander, được hạ lệnh giữ vị trí, tiếp tục chiến đấu ở nơi mà cánh trái của quân Macedonia gặp vấn đề. Tại điểm này, đội ngũ của quân Macedonia đã tan vỡ, và một vài binh lính Ấn Độ và kỵ binh Ba Tư đã tiến quân thông qua kẽ hở, xâm nhập hậu quân nơi những gia súc nhỏ của quân Macedonia được canh giữ. Đã có một vài cuộc chiến ác liệt nổ ra; quân Ba Tư chiến đấu với tinh thần hào hứng, trong khi hầu hết địch thủ của họ đều là những người không hề được vũ trang và không bao giờ nghĩ tới việc phòng tuyến bị chọc thủng – dù sao đi nữa, đội hình phalanx ở đây cũng có gấp đôi sức mạnh; hơn nữa, các tù nhân bắt đầu tham gia tấn công. Tuy nhiên, những chỉ huy quân dự bị của phân khu này, theo lệnh, đã xuất hiện ở phía sau quân Ba Tư. Nhiều binh lính Ba Tư, khi tập trung xung quanh những xe chở hành lý, đã bị giết chết; những người khác không ở lại chiến đấu mà bỏ chạy toán loạn.

Trong lúc đó, quân Ba Tư, không hề biết rằng Darius đã bỏ chạy, vẫn tiến hành bao vây cánh trái của Alexander và tung ra một cuộc tấn công bên sườn vào đội quân của Parmenio. Quân Macedonia bị tấn công từ hai bên cùng một lúc. Parmenio đã phải cấp báo với

Alexander rằng vị trí của ông đang gặp nguy hiểm và cần sự giúp đỡ. Alexander đã cùng lúc từ bỏ cuộc truy đuổi và nhanh chóng quay lại tấn công quân Ba Tư[33] cùng với đội quân Chiến hữu. Khi thấy kỵ binh quân địch đang cố gắng chạy trốn, Alexander đã nhanh chóng giáp chiến với quân Parthia, một vài quân Ấn Độ, và những đội quân mạnh mẽ nhất, thiện chiến nhất của Ba Tư[34]. Cuộc chiến xảy ra sau đó vô cùng dữ dội; hết tiểu đoàn này tới tiểu đoàn khác, hết người này tới người khác phải đem thân mình ra hứng chịu những đợt tấn công của quân Macedonia. Những chiến thuật kỵ binh truyền thống – thao diễn, phóng lao – đều bị bỏ qua; từng người lính một chiến đấu như thể đó là hy vọng cuối cùng của cuộc đời họ. Họ tuyệt vọng và không còn giữ được vị trí chiến đấu, lao vào cuộc chém giết với mục đích giữ lấy mạng sống, chứ không hề nghĩ xa hơn tới chuyện chiến thắng hay chiến bại. Khoảng 60 người trong đội Chiến hữu của Alexander đã bị thiệt mạng; trong số người bị thương có Coenus, Menidas, và Hephaestion.

Trong cuộc chiến này, Alexander một lần nữa giành được chiến thắng. Những người Ba Tư còn có thể chiến đấu đã phi nước đại dọc chiến trường để cứu những đồng đội của họ.

Alexander lúc này đang giáp chiến với cánh phải của quân Ba Tư; nhưng sự trợ giúp của ngài ở đây là không cần thiết, vì ở phân khu này kỵ binh Thessaly chiến đấu rất cừ, không hề thua kém vị thống lĩnh trẻ tuổi của họ. Khi Alexander chạm mặt quân Ba Tư, họ đã sẵn sàng rút lui nên ngài quay trở lại, tiếp tục truy đuổi Darius cho tới khi ngày tàn. Parmenio, bận truy đuổi con mồi riêng của ông, cũng ở không xa ngài. Khi vượt qua sông Lycus, Alexander đã hạ lệnh dừng quân để người và ngựa có thể nghỉ ngơi một lát, còn Parmenio tiếp tục việc chiếm cứ doanh trại Ba Tư và toàn bộ kho tàng trong đó, bao gồm cả hành lý, voi chiến và lạc đà.

Cho phép quân đội của mình nghỉ ngơi cho tới tận nửa đêm, Alexander sau đó xua quân tới Arbela với hy vọng có thể bắt được Darius tại đây, chiếm đoạt kho tàng và tất cả những món đồ khác mà vị vua Ba Tư mang theo tới chiến trường. Nhưng mặc dù ngài đặt chân lên mảnh đất đó ngay ngày hôm sau, sau một cuộc truy đuổi từ chiến trường cách đó khoảng 120 kilômét, ngài đã thất bại trong việc tìm kiếm Darius, người đã dốc toàn lực để trốn chạy mà không hề ngơi nghỉ chút nào. Tuy nhiên, kho tàng và toàn bộ những tài sản giá trị khác của Darius đều rơi vào tay Alexander, bao gồm cả chiến xa, khiên và cung tên – tất cả những vật dụng này, lần thứ hai, bị Alexander chiếm được[35].

Quân đội Macedonia trong trận này thiệt mạng khoảng 100 người[36]; thiệt hại hơn 1.000 ngựa – gần một nửa trong số đó là của đội Chiến hữu – do vết thương hoặc do kiệt sức sau cuộc truy đuổi. Về phía quân Ba Tư, có khoảng 300.000 người thiệt mạng, một con số hẳn đã được phóng đại lên nhiều bởi các tù binh[37]. Voi chiến và những chiến xa may mắn không bị phá hủy đều rơi vào tay quân Macedonia. Đó là kết cục chung cuộc của trận Gaugamela, diễn ra vào tháng Mười dưới thời Aristophanes giữ chức quan chấp chính ở Athens. Aristander đã tiên đoán rằng trước khi hết tháng có nguyệt thực, trận chiến sẽ diễn ra và Alexander sẽ giành chiến thắng. Ông quả thực là một nhà tiên tri xuất sắc[38].

Sau khi rời trận chiến, Darius đã vượt qua những ngọn núi Armenia, chạy thẳng tới

Media; đi cùng với ông ta là kỵ binh Bactria, đội quân đã ở bên vua Ba Tư trong suốt trận chiến, và một số người Ba Tư – những người thân tộc của Darius và một số lượng nhỏ vệ quân Hoàng gia. Trên đường đi, đội quân của Darius đã được hợp nhất với 2.000 quân lính đánh thuê người nước ngoài, dưới quyền chỉ huy của Paron của Phocis và Glaucus của Aetolia. Lý do Darius chọn Media là vì ông tin rằng Alexander, một khi trận chiến đã kết thúc, sẽ mở đường tới Susa và Babylon, một lựa chọn hoàn toàn thuận lợi cho việc di chuyển của vị thống lĩnh trẻ tuổi này; hơn nữa, tất cả khu vực của vùng đất này đều có người ở, và điều quan trọng hơn nữa là Babylon và Susa hiển nhiên là phần thưởng danh giá cho đội quân chiến thắng. Trái lại, đường tới Media lại bất tiện cho một đội quân lớn[39].

Dự đoán của Darius hoàn toàn đúng, vì Alexander, trên thực tế, đã đi thẳng từ Arbela tới Babylon. Cách thành phố không xa, nơi ngài đã đề phòng một cuộc chiến có thể xảy ra, ngài gặp những cư dân của vùng này đi cùng với những vị tư tế và phán quan tới trao tặng cho ngài vô số những tặng phẩm và xin đặt toàn bộ thành phố, cùng với những thành quách và kho tàng của nó vào tay ngài. Bởi vậy, Alexander đã hành quân tới đó, chỉ thị cho mọi người khôi phục các điện thờ đã bị Xerxes[40] hủy hoại, cụ thể là đền thờ thần Bel, một vị thần được người Babylon kính sợ nhất[41]. Ngài cũng chỉ định Mazaeus làm thống đốc thành phố, Apollodorus của Amphipolis làm chỉ huy đội quân được cắt cử ở lại đây, và Asclepiodorus, con trai của Philo, được giao phó cho việc trông nom các cống vật. Mithrines, người đã giao nộp cho Alexander những chốt phòng vệ bên trong của Sardis, đã được bổ nhiệm làm thống đốc Armenia[42].

Ở Babylon, Alexander đã tìm gặp những người Chaldaean[43]; ngài hỏi ý kiến họ về tất cả những vấn đề tôn giáo và thực hiện một lễ hiến tế lên thần Bel theo như hướng dẫn của người Chaldaean.

Mục tiêu tiếp theo của ngài là Susa. Trên đường tới nơi này, ngài gặp con trai của thống đốc và nhận được một thông điệp cùng với một lá thư từ Philoxenus, người mà ngài đã cử tới Susa ngay sau trận chiến; lá thư viết rằng thần dân Susa đã mở cửa thành và tất cả những kho tàng ở đây đều đã được bảo vệ. Từ Babylon, ngài hành quân mất 20 ngày mới đặt chân lên đất Susa, và kho tàng mà ngài chiếm được khi bước vào thành phố này xấp xỉ 50.000 ta-lăng bạc, thêm vào những tài sản giá trị khác trước kia vốn là sở hữu của Nhà vua; dĩ nhiên, tất cả kho tàng này không phải đều là của cải của người Susa, vì trong đó có cả những tài sản mà Xerxes mang tới từ Hy Lạp, bao gồm cả những bức tượng đồng của Harmodius và Aristogeiton[44]. Alexander đã gửi trả những bức tượng này cho thành Athens. Hiện nay, chúng đang được đặt tại Cerameicus, trên đường tới Acropolis đối diện Metröon và không xa điện thờ của Eudanemi[45]. Điện thờ này được xây dựng trên khu đất bằng phẳng, vì mọi người đều biết rằng ai đã khởi đầu những huyền thoại về Hai vị Nữ thần ở Eleusis[46].

Tại Susa, Alexander đã thực hiện một lễ hiến tế truyền thống, tổ chức lễ hội và một cuộc chạy rước đuốc; trước khi rời vùng đất này, ngài chỉ định một người Ba Tư, tên là Abulites làm thống đốc khu vực[47], hạ lệnh cho Mazarus, một trong những chiến hữu, chỉ huy đơn

vị đồn trú tại thành phố, và bổ nhiệm Archelaus, con trai của Theodorus, làm tổng chỉ huy lực lượng. Trước khi bắt đầu tiến tới địa phận Ba Tư, ngài cử Menes tới bờ biển, đảm nhiệm chức thống đốc của Syria, Phoenicia, và Cilicia(48), cấp cho ông 3.000 ta-lăng bạc với chỉ thị đem trao cho Antipater số tiền mà ông cần để trang trải cho cuộc chiến Lacedaemonian. Ở đây, ngài cũng hợp nhất với Amyntas, con trai của Andromenes, cùng với những binh lính mới từ Macedonia, cả kỵ binh lẫn bộ binh(49), những kỵ binh mới được ngài giao cho kỵ binh Chiến hữu, còn bộ binh thì ngài sắp xếp cho họ vào các đơn vị bộ binh khác nhau, tùy theo dân tộc. Ngài cũng đã thành lập hai đại đội – đây là một sáng kiến – vào mỗi đội kỵ binh và đặt họ dưới quyền chỉ huy của những tướng lĩnh xuất sắc của đội Chiến hữu.

Sau đó, ngài bắt đầu tiến quân tới khu vực của Ba Tư, và sau khi vượt Pasitigris, ngài đặt chân lên lãnh thổ của người Uxia, mà một phần trong số họ – chính là những người đã chiếm cứ các đồng bằng và là thần dân của xatrap Ba Tư – đã đầu hàng Alexander. Trái lại, những bộ tộc trên đồi – những người chưa bao giờ thừa nhận sự thống trị của người Ba Tư, đã gửi một thông điệp tới Alexander rằng họ sẽ không cho phép ngài hay quân đội của ngài đi qua vùng này để vào lãnh thổ Ba Tư trừ phi họ nhận được điều đã từng nhận được từ vua Ba Tư, bất cứ khi nào ngài tình cờ đi qua lối này(50). Người đưa tin cũng gửi lời xin tiếp kiến ngài ở hẻm núi, rằng nếu ngài trao cho họ những thứ họ yêu cầu, ngài sẽ nắm quyền kiểm soát lối vào Ba Tư. Tại hẻm núi, Alexander đã tuyên bố rằng, ngài sẽ trao cho họ những gì họ yêu cầu. Sau đó, cùng với một lực lượng bao gồm vệ sĩ riêng của ngài, phần còn lại của vệ binh, khoảng 8.000 binh lính khác, và một nhóm người dẫn đường từ Susa, ngài đã bố trí một cuộc hành quân ngay trong đêm – điều mà không ai có thể đoán được; đường đi rất gồ ghề và khó khăn, và chỉ trong một ngày, ngài đã đột kích vào những ngôi làng, cướp bóc hàng loạt và giết một lượng lớn dân làng trước khi họ có thể rời khỏi giường ngủ – phần còn lại trốn lên đồi. Alexander đã nhanh chóng lên tới hẻm núi, nơi quân Uxia hy vọng có thể gặp được ngài với toàn bộ lực lượng mà họ tập hợp được, để nhận khoản tiền theo thông lệ. Trong lúc đó, Craterus đã được cử đi chiếm cứ vùng đất cao mà người Uxia có thể sẽ chạy trốn tới đó, khi nhận thấy rằng mình đang gặp khó khăn.

Hướng tiến công của Alexander nhanh chóng và quả quyết; ngài đã chiếm được hẻm núi trước khi những người bản địa có thể đi tới đó, và từ vị trí chỉ huy này, ngài bắt đầu xua quân di chuyển xuống để tấn công. Ngài đã ra tay mau lẹ đến mức người Uxia hoàn toàn tuyệt vọng vì bất ngờ: họ bị cướp mất vị trí ưu thế, họ không có cách nào để kháng cự, ngoại trừ việc bỏ chạy. Một vài người bị giết ngay khi bỏ trốn, số người thiệt mạng trên những đường núi gồ ghề và dốc đứng còn nhiều hơn nữa; tuy nhiên, phần lớn người Uxia, đã kịp leo tới những ngọn đồi, nơi họ bỏ mạng trong tay của Craterus và đồng đội của ông. Đó chính là "những khoản phí" mà Alexander trả cho người Uxia. Mặc dù thất trận nhưng người Uxia đã gắng sức thuyết phục Alexander cho phép họ giữ lại quyền sở hữu lãnh thổ bằng cách cống nạp hằng năm. Ptolemy, con trai của Lagus, thông báo với Alexander rằng thân mẫu của Darius nài xin ngài cho phép người Uxia giữ lại mảnh đất quê hương của họ. Cống nạp mà họ phải chịu là 100 con ngựa một năm, 500 con la, và 30.000 con cừu – người Uxia không có tiền và không có đất trồng trọt nên hầu hết họ là những người chăn thả gia súc.

Sau đó, Parmenio đã nhận lệnh tiến quân vào Ba Tư thông qua con đường chính cùng với kỵ binh Thessaly, những đạo quân đồng minh và lính đánh thuê, tất cả những đơn vị được trang bị giáp nặng khác, và những xe hành lý; đích thân Alexander, dẫn đầu một lực lượng bao gồm bộ binh Macedonia, kỵ binh Chiến hữu, quân Argrianes, cung thủ và quân trinh sát, dốc hết tốc lực băng qua các ngọn đồi[51]. Tại cổng thành Ba Tư, ngài chạm trán Ariobarzanes, xatrap của một địa phận, người đã xây dựng những chốt phòng vệ dọc vị trí cửa ngõ này và cùng với một lực lượng khoảng 40.000 bộ binh và 700 kỵ binh đã chiếm giữ một cứ điểm, nhằm ngăn chặn đường tiến quân của Alexander. Alexander đã dừng cuộc hành quân, nhưng ngày hôm sau, ngài mở một cuộc đột kích vào lối vào. Đó là một nhiệm vụ chẳng dễ dàng gì, vì quân địch đang chiếm cứ một vị trí cao và khu vực này không hề thuận lợi cho người tấn công; quân Macedonia đã phải hứng chịu tổn thất nặng nề vì những vũ khí được phóng ra từ trên cao, và Alexander đã buộc phải tạm thời rút lui về vị trí cũ. Tuy nhiên, những tù nhân của ngài đã chỉ cho ngài một lối đi vòng khác mà nhờ đó, ngài có thể đi sang được phía bên kia của lối vào; đó là một con đường hẹp và gồ ghề nên ngài đã hạ lệnh cho Craterus luôn đi sau cùng với tiểu đoàn của ngài và tiểu đoàn của Meleager, một vài cung thủ, và khoảng 500 quân kỵ. Sau đó, ngài hạ lệnh tấn công các chốt phòng vệ của vị trí cửa ngõ này ngay khi chắc chắn rằng đội quân tiên phong đã đi tới phía bên kia an toàn và sẵn sàng tấn công vào cứ điểm của quân Ba Tư. Việc phối hợp ăn ý về thời điểm không mấy khó khăn, vì ngài sẽ sử dụng đội kèn để báo hiệu cho toàn quân.

Alexander đã tiến quân dưới sự bao phủ của bóng đêm, hành quân khoảng gần 20 kilômét cùng với một lực lượng bao gồm vệ quân, tiểu đoàn của Perdiccas, những cung thủ được trang bị khinh giáp, quân Agrianes, tiểu đội Hoàng gia của quân Chiến hữu, và một tiểu đội kỵ binh; sau đó, ngài đã đổi hướng di chuyển, vẫn theo sự dẫn dắt của các tù nhân, đi thẳng tới vị trí cửa ngõ. Amyntas, Philotas, và Coenus đã nhận được lệnh đem toàn bộ phần còn lại của đội quân xuống đồi và bắc cầu qua con sông mà trước đó họ đã vượt qua để đi vào địa phận của Ba Tư. Con đường mà Alexander đi theo vẫn là con đường gồ ghề và khó đi; tuy nhiên, ngài đã không lãng phí thời gian. Alexander đã trèo lên tiền đồn của quân địch trước khi ánh ngày ló rạng, và nhanh chóng chôn vùi nó; chốt thứ hai cũng như vậy, tới chốt thứ ba thì hầu hết lính ở đây đều bỏ chạy – tuy nhiên, họ đã không chạy tới hợp nhất với các đội quân khác mà lại rơi vào cuộc chiến hoảng loạn ở trên đồi – bởi vậy, Alexander đã thực hiện một cuộc tấn công bất ngờ vào cứ điểm chính của Ariobarzane ngay trước lúc rạng đông. Khi ngài tình cờ tìm thấy đường hào, tiếng kèn vang lên, và Craterus, theo đó, đã ngay lập tức đột kích những chốt phòng vệ bên ngoài ở phía bên kia của lối vào. Quân địch bị chặn đứng hoàn toàn; không hề nỗ lực kháng cự, họ bỏ chạy tán loạn, cố sức giữ lấy mạng sống của mình. Gọng kìm của quân Macedonia đã siết chặt với một bên là Alexander và một bên là Craterus, cả hai phía đều tấn công cấp tập khiến phần lớn quân địch không có lựa chọn nào khác ngoài việc quay trở lại những chốt phòng vệ bên trong với hy vọng bảo toàn lực lượng. Tuy nhiên, những chốt phòng vệ này cũng đã rơi vào tay quân Macedonia, vì Alexander, người đoán trước những gì sẽ xảy ra, đã để Ptolemy ở đó cùng với 3.000 bộ binh, những người mà trong một vài cuộc giáp chiến đã nghiền nát phần lớn địch quân. Một vài lính Ba Tư bỏ trốn, nhưng trong nỗ lực tuyệt vọng để tránh bị tiêu diệt, họ đã liều chết nhảy qua các vách đá. Ariobarzanes và một vài kỵ binh đã chạy lên những quả đồi.

Lúc này Alexander tốc lực xua quân tới dòng sông. Cầu đã được bắc xong và đội quân vượt sông mà không gặp trở ngại gì. Từ đây, ngài hành quân tới Persepolis với một tốc độ nhanh chóng đến mức đội quân đồn trú không có thời gian cướp phá thành phố trước khi ngài tới[52]. Alexander cũng đã chiếm giữ kho tàng của Cyrus Đại đế tại Pasargadae[53]. Ngài đã chỉ định Phrasaortes, con trai của Rheomithras, làm thống đốc của Persepolis. Ngài đốt cháy cung điện của những vị vua Ba Tư, dù hành động này đi ngược lời khuyên của lão tướng Parmenio, người đã thuyết phục ngài giữ lại nó vì nhiều lý do, chủ yếu là vì việc phá hủy thứ mà giờ đây đã thuộc quyền sở hữu của ngài là hành động thiếu khôn ngoan, và vì những người Á châu, theo quan điểm của ông, sẽ ít sẵn lòng ủng hộ ngài hơn nếu ngài chỉ đi qua đất nước của họ như một kẻ chinh phục thay vì như một người sẽ cai trị mảnh đất đó lâu dài. Đáp lại lời khuyên của Parmenio, Alexander nói ngài muốn trừng phạt người Ba Tư vì đã xâm lược Hy Lạp; hành động ngày hôm nay của ngài là để báo thù cho việc tàn phá Athens, đốt cháy nhiều điện thờ, và tất cả những tội ác khác mà người Ba Tư đã phạm phải khi họ chống lại Hy Lạp. Theo quan điểm cá nhân của tôi, đây là một khuynh hướng tệ hại; hơn nữa, nó chẳng thể được coi là một sự trừng phạt đối với những người Ba Tư đã chết từ trước đó rất lâu[54].

Được tin Darius đang ở Media, Alexander đã biến vùng đất đó thành mục tiêu tiếp theo của ngài. Darius đã quyết định, trong dịp Alexander dừng chân tại khu vực lân cận của Susa và Babylon, tiếp tục ở lại Media và chờ xem bước tiếp theo nên làm gì; một mặt, nếu Alexander trực tiếp tiến quân tới tấn công, ông dự định sẽ rút lui xuống Parthia và Hyrcania, rồi tới Bactria, đốt sạch khu vực mà ông đi tới nhằm cản trở bất kỳ nỗ lực tiến quân nào của quân thù. Những xe ngựa có mái che, các vật dụng khác và các thê thiếp mà Darius vẫn giữ bên cạnh, được ông gửi tới một nơi được biết tới với tên gọi cổng thành Caspian, trong khi đích thân ông trụ lại ở Ecbatana cùng với đội quân ông có trong tay[56]. Khi những tin tức này tới tai Alexander, ngài đã bắt đầu tới Media mà không hề trì hoãn. Trên đường đi, ngài đã xâm chiếm và chinh phục Paraetacae và cử Oxathres, con trai Abulites làm thống đốc ở đây; sau đó, khi nhận được tin Darius, người vừa nhận được viện binh từ Scythia và Cadusia, đã quyết đinh thực hiện một cuộc chạm trán liều lĩnh khác, Alexander đã tiến quân cùng với lực lượng chính của toàn quân, để lại những xe hành lý theo sau cùng với vệ quân và tất cả đồ dự trữ còn lại.

Trong vòng 12 ngày, ngài đã đặt chân lên đất Media, nơi ngài được biết rằng Darius không có viện quân nào từ Scythia hay Cadusia; quân đội của ông ta quá yếu để liều mạng nên Darius quyết định rút lui xa hơn. Do đó, Alexander đã tăng tốc đuổi theo. Sau khoảng ba ngày hành quân từ Ecbatana, ngài chạm trán với Bisthanes, con trai của Ochus, người tiền nhiệm của Darius trên ngai vàng Ba Tư, và được ông ta báo cho biết rằng Darius đã rút quân được năm ngày; Bisthanes cũng đã tiết lộ với Alexander rằng Darius đã mang theo từ Media một kho tàng khoảng 7.000 ta-lăng cùng một lực lượng khoảng 3.000 kỵ binh và 6.000 bộ binh.

Tại Ecbatana, Alexander đã cho giải tán kỵ binh Thessaly và những đạo quân đồng minh khác, và hạ lệnh cho họ trở về Aegean[57]. Ngoài số tiền họ được trả đầy đủ theo thỏa thuận,

Alexander còn thưởng cho họ 2.000 ta-lăng. Bất kỳ một người lính nào mong muốn tiếp tục phục vụ trong quân đội của ngài như một lính đánh thuê có thể ghi danh, và do đó, có một số lượng lớn binh lính đã tình nguyện tòng quân; phần còn lại được đặt dưới quyền chỉ huy của Epocillus, con trai của Polyeides với chỉ thị hành quân quay trở về Aegean. Họ còn được trao cho một kỵ binh bảo vệ, vì quân Thessaly đã bán hết ngựa của họ. Chỉ thị được đưa ra là khi quân Thessaly tới bờ biển, Menes sẽ hộ tống họ bằng đường biển tới Euboea. Parmenio nhận lệnh chuyển kho tàng đã chiếm được của người Ba Tư tới thành lũy ở Ecbatana và trao nó cho Harpalus, người chịu trách nhiệm bảo vệ kho tàng cùng với một đội quân 6.000 người Macedonia, một vài đội quân giáo nhẹ và một vài kỵ binh[(58)]. Sau đó, Parmenio đã tiến quân bằng qua Cadusia tới Hyrcania cùng với lính đánh thuê, quân Thrace và tất cả các đội kỵ binh, ngoại trừ kỵ binh Chiến hữu; Cleitus, thủ lĩnh của Tiểu đội Hoàng gia, người bị bỏ lại phía sau vì số lính bị ốm ở Susa, được hạ lệnh rằng ngay khi ông đặt chân tới Ecbatana, ông sẽ bắt đầu đi tới Parthia cùng với những binh lính Macedonia đã được cắt cử ở lại để bảo vệ kho tàng. Chính Alexander cũng có ý định đi tới Parthia[(59)].

Không hề chậm trễ, Alexander bắt đầu hành quân. Mục tiêu của ngài là Darius. Lực lượng của Alexander bao gồm kỵ binh Chiến hữu, lính trinh sát, kỵ binh đánh thuê do Erigyius chỉ huy, bộ binh hạng nặng của Macedonia (tất cả bộ binh, ngoại trừ những người đã được chỉ định bảo vệ kho tàng), cung thủ và quân Agrianes. Cuộc hành quân diễn ra gấp rút tới mức nhiều người trong số họ không thể đứng vững trên đất bằng, đổ gục xuống ngay trên đường đi, và một số lượng ngựa đã bị thúc chạy cho đến chết; nhưng Alexander không hề chú ý tới những tổn thất này, và trong mười một ngày, ngài đã đặt chân đến Rhagae, nơi cách Cổng thành Caspian một ngày hành quân với tốc độ này[(60)]. Tuy nhiên, Darius đã kịp trốn thoát khỏi đó.

Nhiều binh lính của Darius đã đào ngũ trong suốt quá trình ông rút lui và bỏ về nhà. Một số lượng lớn đã đầu hàng Alexander, người lúc này đang dần từ bỏ ý định bắt được Darius nên đã dừng quân hạ trại trong suốt năm ngày. Ngài chỉ định chức thống đốc Media cho một người Ba Tư tên là Oxodates, một người đã bị Darius bắt giữ và giam cầm tại Susa – điều này khiến Alexander tin tưởng vào ông. Sau đó, ngài tiến quân tới Parthia. Khi kết thúc ngày hành quân đầu tiên, ngài đã dừng chân gần cổng thành Caspian; ngày thứ hai, ngài đã băng qua đó, và tiến tới phần giáp ranh của khu vực đất canh tác; sau đó, khi nhận được tin vùng đất ở phía trước không có người cư trú, ngài đã cử Coenus cùng một nhóm kỵ binh và một vài bộ binh đi tìm kiếm lương thực.

Trong thời điểm này, hai nhân vật trọng yếu trong quân đội của Darius, Bagistanes, một nhà quý tộc người Babylon, và Antibelus, một trong số những người con trai của Mazaeus, thỉnh cầu tiếp kiến Alexander. Khi thỉnh cầu được chấp thuận, hai người này đã thông báo rằng Darius đã bị bắt bằng vũ lực và giờ đang bị giám sát bởi Nabarzanes, chỉ huy đội kỵ binh vốn đã được Darius mang theo trong suốt hành trình rút lui của ông ta, Bessus, xatrap của Bactria, và Barsaentes, xatrap của Arachotia và Drangiana. Ngay lập tức, Alexander lên đường hành quân một lần nữa, với một tốc độ còn nhanh hơn trước đó; ngài thậm chí còn không đợi nhóm tìm kiếm lương thực của Coenus, và những đội quân mà

ngài mang theo là đội Chiến hữu, lính trinh sát và một vài lính bộ binh hạng nhẹ tinh nhuệ nhất. Những binh lính khác được ngài đặt dưới quyền chỉ huy của Craterus với chỉ thị hành quân theo nhịp độ riêng của họ. Lực lượng riêng của ngài không mang theo thứ gì ngoài vũ khí và lương thực cho hai ngày. Hành quân hết đêm và nửa ngày hôm sau, Alexander dừng chân, nghỉ ngơi trong chốc lát vào buổi trưa; sau đó ngài tiếp tục hành quân xuyên đêm, rồi hạ trại nghỉ ngơi tại nơi Bagistanes đã lưu lại trước khi tới tiếp kiến ngài. Nơi đó hoàn toàn trống không – quân địch đã rời đi. Tuy nhiên, ngài được biết tin Darius bị bắt giữ là chính xác; ông ta đã bị dẫn đi trên một chiếc xe ngựa và Bessus đã chiếm lấy vị trí của Darius. Bessus đã nhận được sự chào đón theo kiểu hoàng gia từ kỵ binh Bactria và tất cả những người Ba Tư đi cùng Darius trong đợt rút lui, ngoại trừ Artabazus và những người con trai của ông – cùng với những lính đánh thuê Hy Lạp – những người vẫn giữ lòng trung thành với Darius. Do không thể ngăn chặn những gì đã diễn ra, họ đã rời con đường lớn, chiếm cứ những quả đồi và từ chối tham gia vào bất cứ hành động nào của Bessus và những người ủng hộ ông. Những người bắt giữ Darius đã quyết định rằng nếu Alexander đang đuổi theo họ, họ sẽ giao Darius cho vị thống lĩnh trẻ tuổi này với những điều khoản có lợi cho họ; còn nếu không có cuộc truy đuổi nào, họ dự tính sẽ tập hợp một lực lượng lớn nhất có thể và hợp nhất nó để duy trì quyền lực của mình. Trong thời gian đó, Bessus được tôn xưng làm người chỉ huy, vì ông ta có mối liên hệ họ hàng với Darius và cũng vì hành động mạo hiểm này diễn ra trên địa phận của ông.

Khi tin tức đã trở nên rõ ràng và đầy đủ hơn, Alexander muốn tiếp tục cuộc truy đuổi mà không trì hoãn một khắc nào. Cả người lẫn ngựa trong đội quân của ngài đều kiệt sức bởi những nỗ lực không ngừng, nhưng bất chấp điều đó, ngài vẫn xua quân tiến lên phía trước. Sau khi hành quân qua một vùng đất rộng lớn suốt một đêm, rồi nửa ngày hôm sau, Alexander và đội quân của ngài tới được ngôi làng nơi Darius và những kẻ bắt giữ ông ta đã dừng chân nghỉ lại vào ngày hôm trước. Biết được tin quân địch quyết định tiếp tục hành trình ngay trong đêm, Alexander đã hỏi những người bản địa xem có con đường tắt nào mà ngài có thể đi qua để đuổi kịp họ không. Dân bản địa trả lời rằng có một con đường như vậy, nhưng con đường đó đi qua vùng đất không có người ở và không có nước. Nhưng không vấn đề gì: Alexander đã hạ lệnh cho toàn lực lượng hành động theo chỉ thị của ngài.

Ngài hiểu rằng tốc độ này sẽ là quá nặng nề cho bộ binh, nên ngài đã bắt khoảng 500 kỵ binh xuống ngựa, nhường chỗ cho những chỉ huy dũng mãnh nhất và xứng đáng nhất của bộ binh và những đơn vị khác, hạ lệnh cho họ giữ lực lượng và vũ khí; Nicarnor và Attalus, những người lần lượt chỉ huy vệ quân và quân Agrianes, được chỉ thị đem phần còn lại của lực lượng đi theo con đường mà Bessus và nhóm của ông ta đã đi qua; họ tiến quân với trang bị nhẹ nhất có thể, và phần còa lại của bộ binh đi theo đội hình thông thường của họ. Sau đó, đích thân Alexander đã một lần nữa tốc lực hành quân trong đêm, và đi được khoảng 80 kilômét trong suốt đêm đó, bắt kịp được quân Ba Tư ngay khi bình minh vừa mới ló rạng. Quân Ba Tư đã chiến đấu trong tình trạng không hề có khí giới gì; chỉ có một vài người nỗ lực kháng cự; phần đông binh lính đều hoảng loạn bỏ chạy ngay thời điểm họ nhìn thấy Alexander đang chắn trước họ. Bessus và chiến hữu của ông ta đã không từ bỏ nỗ lực mang Darius đi trốn cùng trên cỗ xe ngựa, nhưng khi thấy Alexander đuổi theo họ sát gót, Nabarzanes và Barsaentes đã đẩy Darius ra khỏi xe ngựa rồi bỏ chạy với 600 kỵ binh.

Vết thương của Darius rất nặng, và vị vua Ba Tư đã qua đời ngay sau đó, trước khi Alexander có thể nhìn thấy ông ta[61].

Alexander gửi thi thể của Darius tới Persepolis để chôn cất trong khu lăng mộ của hoàng gia, giống như những vị vua tiền nhiệm của ông ta[62]. Ngài chỉ định một người Parthia tên là Amminapes làm thống đốc Parthia và Hyrcania – chính là một trong những người nằm trong nhóm của Mazaces đã giao nộp Ai Cập cho Alexander. Tlepolemus, con trai của Pythophanes, một trong những Chiến hữu, được giao nhiệm vụ hỗ trợ Amminapes giám sát những sự việc xảy ra trong hai vùng đất này.

Darius đã mất vào tháng Bảy, trong khi Aristophon làm quan chấp chính ở Athens[63]. Về những vấn đề quân đội, ông ta là kẻ nhu nhược nhất và bất tài nhất; trong những lĩnh vực khác, cách cư xử của ông ta khá điều độ và chừng mực – mặc dù nên tin rằng thời điểm lên ngôi của Darius trùng với thời điểm tuyên chiến của Macedonia và Hy Lạp nên ông đã không có cơ hội nào để đóng vai bạo chúa. Trong bối cảnh như vậy, Darius gặp nhiều hiểm nguy hơn những thần dân của ông, ông đã không thể cư xử với họ với một sự tàn bạo thường thấy của một bạo chúa phương Đông, thậm chí ông ta ước gì mình có thể làm được như vậy. Cuộc đời của Darius là một chuỗi những thảm họa từ thời điểm ông bước lên ngai vàng. Ông ngay lập tức đối diện với thất bại của các xatrap và kỵ binh ở Granicus; thất bại ở Ionia và Aeolis nối gót theo sau, cùng với Phrygias, Lydia và toàn bộ Caria ngoại trừ Halicarnassus; sau đó Halicarnassus cũng nhanh chóng thất thủ, và toàn bộ vùng biển kéo dài tới Cilicia rơi vào tay quân địch; rồi sau đó là chính thất bại của Darius tại Issus, và cảnh tượng chua xót khi mẹ ông, và vợ con ông trở thành tù nhân của quân Macedonia. Phoenicia và Ai Cập thất thủ sau cuộc rút quân tại Arbela, cuộc trốn chạy nhục nhã khỏi chiến trường của Darius, và việc quân đội tinh nhuệ nhất của toàn bộ lục địa Á châu bị tiêu diệt; sau đó, Darius trở thành một kẻ vô gia cư, trốn chạy trên mảnh đất ông đã từng cai trị trước kia, bị đối xử một cách nhẫn tâm bởi chính những vệ quân của mình, một ông vua bị giam cầm đã lén lút trốn khỏi vùng đất vinh quang trước kia của mình một cách đáng khinh, rồi sau cùng bị những kẻ phản bội giết hại – những kẻ thân tín nhất đã từng phục vụ vương triều của ông ta. Darius quả là đã có một cuộc đời bất hạnh; khi chết đi, ông ta có phần may mắn hơn; vì Darius được chôn cất ở khu lăng mộ của hoàng gia, con cái của ông ta sẽ được Alexander nuôi dưỡng và giáo dục đúng như những gì chúng sẽ được hưởng nếu ông vẫn còn là hoàng đế – và con gái của ông ta đã trở thành vợ của Alexander[63]. Darius khoảng chừng 50 tuổi khi ông qua đời.

Đội quân bị bỏ lại phía sau trong suốt cuộc truy đuổi Darius đã được hợp nhất. Alexander tiếp tục tiến quân tới Hyrcania, một vùng đất nằm phía bên trái con đường tới Bactria. Một bên của vùng đất này được bao quanh bởi những đồi núi cao, có nhiều cây cối; bên kia là vùng đồng bằng mở rộng tới tận biển Caspian[64]. Ngài chọn tuyến đường này vì có tin rằng đây là con đường mà lính đánh thuê của Darius chạy trốn tới những ngọn núi của Tapuria, và cũng vì ngài có ý định chinh phục người Tapuria. Phân chia lực lượng thành ba phần, Alexander chịu trách nhiệm chỉ huy đội quân lớn nhất và cơ động nhất, tiến quân bằng con đường ngắn nhất và khó khăn nhất; Craterus cùng với đạo quân của ông, đạo

quân của Amyntas, một vài cung thủ và một nhóm nhỏ kỵ binh đã được cử đi chống lại người Tapuria, trong khi đó Erigyius đem quân đánh thuê, và phần còn lại của kỵ binh hành quân bằng con đường xa hơn nhưng an toàn hơn, cùng với những xe hành lý và những đơn vị không tham chiến.

Alexander đã dừng quân hạ trại sau khi vượt qua những dãy đồi đầu tiên, và sau đó tiếp tục hành quân cùng với vệ quân, một vài cung thủ, và phần cơ động nhất của bộ binh Macedonia. Đường đi gập ghềnh và khó khăn; khi tiến quân, ngài để lại nhiều nhóm binh lính canh giữ những điểm nguy hiểm trên con đường, hạn chế khả năng những đội quân đi phía sau của ngài có thể bị tấn công bởi quân địch đang chiếm cứ trên những ngọn đồi. Khi đã băng qua con đường cùng với các cung thủ, Alexander đã hạ lệnh dừng quân nghỉ trại trên vùng đất bằng gần một dòng sông nhỏ.

Khi ngài lưu lại đây, Nabarzanes, thủ lĩnh kỵ binh của Darius, Phrataphernes, xatrap của Hyrcania và Parthia, và những chỉ huy Ba Tư cấp cao khác, đã tới đầu hàng ngài. Alexander hạ trại bốn ngày tại đây; cùng thời gian đó tất cả những binh lính phía sau đã kịp hợp nhất với toàn quân: hầu hết những binh lính đều đi qua con đường an toàn, dù quân Agrianes, những người hình thành đội bảo vệ hậu quân, đã bị những bộ tộc trên đồi tấn công. Tuy nhiên, đợt phản công mạnh mẽ của họ đã giáng một đòn quá nặng nề đối với quân địch, những kẻ đáng phải nhận nó, và buộc chúng phải rút lui.

Cuộc hành quân một lần nữa bắt đầu. Alexander lúc này tiến quân tới Zadracarta, một thị trấn ở Hyrcania[(65)], nơi ngài đã hợp nhất với phân đội của Craterus. Mặc dù quân Macedonia đã không có cuộc đụng độ nào với lính đánh thuê của Darius, nhưng họ đã tiếp quản tất cả các vùng lãnh thổ mà họ đi qua, hoặc bằng vũ lực hoặc do quy hàng. Erigyius cũng đã tập kết tại điểm này cùng với những xe chở hành lý và dụng cụ. Ngay sau đó, Artabazus chạy sang phe Alexander cùng với ba con trai của ông là Cophen, Ariobarzanes, và Arsames; đi cùng với họ còn có những đại diện từ những đội lính đánh thuê đã từng phục vụ Darius và Autophradates, xatrap của Tapuria. Autophradates được phép giữ lại chức xatrap, còn về phần Artabazus và con trai ông ta, Alexander coi họ như những cận thần và đối xử với họ với tất cả sự tôn trọng không chỉ vì cấp bậc của họ mà còn vì lòng trung thành của họ đối với Darius. Những đại diện của lính đánh thuê Hy Lạp đã hỏi ngài về những điều khoản để chuộc lại tất cả những binh lính của họ đã bị ngài bắt làm tù binh; về điều này, Alexander đã hoàn toàn từ chối: ngài đáp rằng, những binh lính Hy Lạp đứng về phe Ba Tư, những kẻ đã chiến đấu chống lại chính đất nước của họ, chỉ khá hơn những kẻ phạm tội một chút và là những kẻ đã chống lại quyết định của Hy Lạp. Không chấp thuận những điều khoản thỏa thuận được đối phương đưa ra, Alexander khuyên những binh lính đánh thuê nên phục vụ trong quân đội của ngài nếu họ thấy phù hợp – hoặc, nếu họ thích, họ có thể đưa ra phương sách khác để đổi lấy sự an toàn. Những đại diện của lính đánh thuê Hy Lạp đã chọn phương án đầu tiên, đồng thời, thỉnh cầu ngài đảm bảo sự an toàn cho các tù nhân. Alexander đã gửi khoảng 1.500 tù nhân cho Artabazus và Andronicus, con trai của Agerrhus.

Alexander tiếp tục hành quân tới Mardia, lực lượng ngài mang theo bao gồm vệ quân,

cung thủ, quân Agrianes, những tiểu đoàn của Coenus và Amyntas, một nửa đội Chiến hữu và kỵ binh đánh giáo, và từ số binh lính này hình thành một lữ đoàn. Ngài đã giày xéo phần lớn đất Mardia, và cư dân ở khu vực này đã phải chịu tổn thất rất nặng nề: nhiều người bị giết khi đang cố gắng trốn thoát, hoặc trong một vài trường hợp, đang nỗ lực chống cự, nhiều người khác bị bắt làm tù binh. Mardia là vùng đất gồ ghề và khó khăn; cư dân của nó, mặc dù nghèo khó, là những chiến binh khỏe mạnh, và đã rất nhiều năm trôi qua kể từ khi kẻ xâm chiếm đặt chân lên vùng đất sỏi đá của họ; họ không hề e sợ Alexander sẽ tấn công, đặc biệt là khi ngài dường như chỉ băng qua lãnh thổ của họ, và vì lý do này, họ thậm chí còn không hề phòng vệ như họ lẽ ra phải làm. Nhiều người trong số họ đã thành công trong việc chạy trốn lên núi, khu vực cao và dốc trong lãnh thổ này, tự tin rằng, ít nhất, Alexander sẽ không đuổi theo họ; tuy nhiên, ngài đã làm điều đó; bởi vậy, họ chẳng thể làm gì hơn ngoài việc đầu hàng vô điều kiện. Người đại diện mang lời đề nghị quy hàng của họ đã được Alexander cho phép trở về cùng với những người trốn chạy. Alexander đã bổ nhiệm Autophradates làm thống đốc khu vực này và Tapuria.

Quay trở lại địa điểm mà từ đó ngài đã bắt đầu cuộc viễn chinh tới Mardia, Alexander nhận thấy những người lính đánh thuê Hy Lạp đã đợi sẵn ở đó. Dropidas người Athens, và Callicratidas, Pausippus, Monimus, và Onomas người Sparta – những sứ thần từ Hy Lạp đang trên đường tới cung điện của Darius – cũng đã được đưa tới. Tất cả đều bị bắt. Những sứ thần từ Sinope đã được cho về, vì Sinope không phải là thành viên của Liên minh Corinth, và thực tế rằng, vì họ là những thần dân của Ba Tư, nên việc họ gửi sứ thần tới Vua Ba Tư là hợp lý đối với Alexander. Về những người Hy Lạp khác, những người đã phục vụ Ba Tư trước khi chấm dứt hiệp ước hòa bình và liên minh với Macedonia cũng được thả, đó là Haracleides, sứ thần từ Calchedon; những người còn lại được hạ lệnh phục vụ Alexander với mức lương tương đương. Andronicus được bổ nhiệm làm chỉ huy của họ: ông ta là người đã mang họ tới chỗ Alexander, và rõ ràng, với Andronicus, sự an toàn của những lính đánh thuê mới là vấn đề quan trọng nhất với ông ta.

Sau khi dàn xếp xong sự vụ này, Alexander đi tới Zadracarta, thủ phủ của Hyrcania và khu đất của cung điện hoàng gia. Ngài lưu lại ở đó 15 ngày, thực hiện lễ tế thần theo phong tục, tổ chức lễ hội và sau đó di chuyển bằng con đường của Parthia tới biên giới của Aria. Tại Susia, thị trấn của khu vực này[(66)], xatrap của Aria, Satibarzanes, đã tới tiếp kiến Alexander. Sau cuộc viếng thăm này, Alexander đã cử Anaxippus, một trong những chiến hữu, đi cùng Satibarzanes trở lại đất Aria với khoảng 40 kỵ binh đánh giáo. Lực lượng này cho phép ngài bảo vệ những người Aria khỏi sự quấy nhiễu của những đội quân đi qua đây.

Trong khoảng thời gian đó, một vài người Ba Tư tới để báo tin rằng Bessus đã tự xưng là vua của châu Á: ông ta đã mặc hoàng bào và đội mũ theo phong cách hoàng gia, đồng thời đổi tên thành Artaxerxes. Ông ta có trong tay đội quân Ba Tư đã trốn thoát tới Bactria, cùng một lực lượng tương đối người Bactria, và đang đợi viện quân từ Scythia. Alexander đã hành quân tới Bactria với toàn bộ lực lượng, mà giờ đây đã được tái hợp, và ở đây, ngài đã gặp Philip, con trai của Menelaus, người đã đi từ Media cùng với kỵ binh đánh thuê dưới quyền chỉ huy của ông ta, những quân tình nguyện Thessaly, và đạo quân nước ngoài của Andromachus. Nicanor, con trai của Parmenio, chỉ huy vệ quân, đã qua đời vì bệnh tật.

Trên đường tới Bactra[67], tin tức về việc Satibarzanes, xatrap của Aria, đã giết Anaxippus và 40 người đi cùng với ông loan tới; Satibarzanes vũ trang cho những người Aria và tập trung họ tại Artacoana (nơi cung điện được xây dựng), và quyết định rằng, ngay khi biết Alexander đã ở một khoảng cách đủ xa, ông ta sẽ chạy về phe Bessus, hợp nhất lực lượng tại địa điểm được bố trí và trợ giúp Bessus tấn công quân Macedonia tại bất cứ nơi nào có cơ hội. Do đó, Alexander đã thay đổi kế hoạch: ngài đã ngay lập tức chỉ định Craterus làm chỉ huy lực lượng ở lại, còn ngài thì cùng với đội Chiến hữu, kỵ binh đánh giáo, cung thủ, quân Agrianes, tiểu đoàn của Amyntas và tiểu đoàn Coenus, tốc lực hành quân tấn công Satibarzanes và người Aria. Lực lượng này của Alexander đã đặt chân lên đất Artacoana sau khi băng qua 120 kilômét đường trong hai ngày.

Tốc độ hành quân quá mau lẹ của quân Macedonia đã khiến Satibarzanes hoàn toàn ngạc nhiên. Ông đã bỏ chạy ngay khi nghe tin Alexander đang tới. Satibarzanes mang theo một vài kỵ binh, còn phần đông lực lượng của ông, khi biết tin dữ, cũng đã ngay lập tức tìm cách đào thoát. Tất cả những người đã nhúng tay vào vụ nổi loạn, hoặc đã rời ngôi làng trong thời gian sự việc diễn ra, đã nhanh chóng bị săn đuổi và vây bắt ở nhiều nơi. Một vài người bị giết, những người khác bị đem bán làm nô lệ. Arsaces, một người Ba Tư, đã được chỉ định làm thống đốc Aria.

Những binh lính do Craterus quản lý lúc này cũng đã hợp nhất với lực lượng của Alexander, và cùng hành quân tới Zarangia[68], thị trấn nơi cung điện được xây dựng lên. Vùng này lúc đó được đặt dưới quyền kiểm soát của Barsaentes, một trong những kẻ đã gây ra cái chết cho Darius. Khi biết tin Alexander đang tới, Barsaentes ngay lập tức bỏ trốn, tìm nơi ẩn náu tại phía tây sông Ấn của người Ấn Độ. Những người này sau đó đã bắt Barsaentes và giao ông ta cho Alexander, ngài đã xử tử Barsaentes vì tội phản bội Darius.

Cũng chính ở nơi này, Alexander được biết về âm mưu giết hại ngài của Philotas[69]. Theo Ptolemy và Aristobulus, tin tức về sự vụ này đã tới tai ngài trước đó, trong khi ngài đang ở Ai Cập, nhưng ngài đã nhất quyết không tin điều này[70], vì Philotas là chiến hữu lâu năm của ngài, ngài đặt niềm tin vào ông và cũng đã ban những danh hiệu cao quý nhất cho cha của Philotas là lão tướng Parmenio. Ghi chép của Ptolemy về sự việc này như sau: Philotas đã được đem ra chất vấn trước toàn quân Macedonia; Alexander đã buộc tội ông không giữ một số cam kết nhất định, và Philotas buộc phải trả lời chất vấn. Sau đó những người thông báo về sự vụ này đứng lên phía trước, với vô số những bằng chứng không thể bác bỏ về tội lỗi của Philotas và những người đồng mưu với ông ta, cùng những người đáng chê trách nhất, những kẻ biết về âm mưu phản loạn của Philotas mà không tiết lộ bất cứ điều gì bất chấp thực tế rằng họ vẫn thường tiếp kiến Alexander hai lần một ngày[71]. Ngay sau đó, ông đã bị quân Macedonia xử tử[72]. Những người khác có liên quan tới âm mưu cũng chịu chung số phận. Lão tướng Parmenio bị hành hình: Polydamas, một trong những Chiến hữu, đã được cử tới gặp Parmenio cùng với một lá thư từ Alexander gửi cho Cleander, Sitalces, và Menidas, ba vị tướng ở Media đã tiếp quản lực lượng do lão tướng này chỉ huy. Đó cũng chính là những người đã xử tử Parmenio[73].

Lý do hành hình Parmenio có thể là vì Alexander không thể tin rằng lão tướng này không đồng mưu với con trai ông ta. Mặt khác, thậm chí kể cả khi ông ta vô tội, việc giữ lại mạng sống của Parmenio sau khi hành hình con trai ông cũng là một mối hiểm nguy; vì Parmenio là một người có uy tín lớn: ông có ảnh hưởng lớn không chỉ với chính Alexander mà còn với cả quân đội – và không chỉ với những đội quân Macedonia mà với cả những người lính đánh thuê, đồng thời còn là người thường xuyên nhận được chỉ thị và sự chấp thuận của Alexander để thực hiện những nhiệm vụ có tính quyết định hoặc đặc biệt(74).

Người ta thuật lại rằng Amytas, con trai của Andromenes, và các anh trai của ông ta, Polemon, Attalus và Simmias, cũng bị đem ra xử cùng thời gian đó vì tội đồng lõa trong âm mưu chống lại Alexander, dựa trên những bằng chứng cho thấy sự thân thiết của họ với Philotas(75). Hầu hết mọi người đều có khuynh hướng tin rằng họ có tội vì Polemon đã đào ngũ, chạy sang phe kẻ thù khi nghe tin Philotas bị bắt. Trong bất kỳ trường hợp nào, thì Amyntas cũng đã bị đem ra xử cùng với hai người anh khác của ông, và sau khi đã biện hộ hùng hồn, Amyntas đã ngay lập tức xin tòa cho phép ông ra ngoài tìm kiếm người anh trai đã bỏ trốn của mình và mang anh ta quay về. Thỉnh cầu này được thông qua, và Amyntas đã được ra ngoài ngay trong ngày hôm đó, lát sau ông trở về cùng với Polemon. Đây là bằng chứng vững chắc chứng minh Amyntas vô tội. Tuy nhiên, sau đó không lâu, trong cuộc vây hãm một vài ngôi làng hoặc một trận đánh khác, vị chỉ huy này đã thiệt mạng vì một mũi tên, nên tất cả những đặc ân mà ông được hưởng từ tuyên bố trắng án chỉ là được chết trong vinh dự.

Khi chứng kiến những sự kiện này, Alexander đã chia đội Chiến hữu thành hai phân đội và chỉ định Hephaestion, con trai của Amyntor và Cleitus, con trai của Dropidas(76), chỉ huy họ. Lý do cho việc này là ngài không nghĩ rằng việc để duy nhất một người – dù người đó có là bạn bè thân thiết của ngài đi nữa – kiểm soát một lực lượng kỵ binh lớn như vậy là một điều khôn ngoan, đặc biệt khi kỵ binh Chiến hữu là đội quân nổi tiếng nhất và mạnh mẽ nhất trong tất cả các đội kỵ binh của ngài. Sau khi hoàn thành việc này, Alexander tiến quân xuống lãnh thổ của người Ariaspian (nhân tiện, Ariaspian là tên gọi ban đầu của họ: sau này những người này được biết tới với tên gọi Các ân nhân (Benefactors) trong khi thừa nhận việc họ đã hỗ trợ Cyrus, con trai của Cambyses, trong lần viễn chinh của ông ta tới Scythia). Alexander đối xử với người Ariaspian rất nhã nhặn; ngài vinh danh họ vì những gì họ đã hỗ trợ cho Cyrus trước đây, và cũng vì thực tế là ngài đã tự quan sát thấy rằng những tổ chức chính trị của Ariaspian rất khác biệt so với các tộc người khác trong khu vực này: giống như những người Hy Lạp tài năng nhất, họ tự cho là họ hiểu được chuyện phải trái. Và do đó, Alexander đã cho phép họ được giữ lại sự tự do của mình, đồng thời ban tặng cho họ bất cứ phần lãnh thổ lân cận nào mà họ muốn – nhưng người Ariaspian chỉ cầu xin một mảnh đất nhỏ.

Cũng chính ở nơi này, Alexander đã làm lễ hiến tế thần Apollo – và bắt một trong những vệ sĩ riêng của ngài, một người có tên là Demetrius vì nghi ngờ y có liên quan tới âm mưu của Philotas. Ptolemy, con trai của Lagus, đã được chỉ định thay thế vị trí của Demetrius.

Sau khi đã giải quyết các vấn đề khó khăn, Alexander tiến quân đánh Bessus ở Bactria. Trên đường tới Bactria, ngài đã chinh phục Drangae, Gedrosia, và Arachotia, đồng thời chỉ định Menon làm thống đốc Arachotia. Ngài đã đi xa tới tận vùng đất lân cận với những tộc người Ấn Độ. Cuộc hành quân này diễn ra trên những con đường ngập tuyết, và binh lính của Alexander chịu tổn thất nặng nề vì kiệt sức và thiếu lương thực.

Tin tức được cấp báo tới cho thấy Satibarzanes đã tới Aria cùng với một lực lượng bao gồm 2.000 kỵ binh mà ông ta đã nhận được từ Bessus, và người Aria một lần nữa nổi loạn; do đó, Alexander đã cử chỉ huy Ba Tư, Artabazus, cùng với Erigyius và Caranus, hai người trong đội Chiến hữu tới đó, rồi hạ lệnh cho Phrataphernes, xatrap của Parthia, hỗ trợ họ trong việc đương đầu với người Aria. Những binh lính của Erigyius và Caranus đã có một cuộc giao chiến mau lẹ với Satibarzanes. Quân Ba Tư giữ vị trí của họ cho tới khi Satibarzanes, trong một trận đánh giáp lá cà với Erigyius, đã bị giáo đập mạnh vào mặt và bị giết chết. Sau đó, quân địch đã tan vỡ và bỏ chạy trong hoảng loạn.

Đường hành quân của Alexander lúc này dẫn ngài tới Caucasus của Ấn Độ. Chính ở nơi này, ngài sáng lập một thành phố và đặt tên nó là Alexanderia[77]; sau khi làm các nghi lễ tôn giáo truyền thống, ngài băng qua dãy Caucasus. Một người Ba Tư có tên là Proexes đã được chỉ định làm thống đốc địa hạt và Neiloxenus, một trong những chiến hữu và là con trai của Satyrus, đã nhận lệnh giám sát và được để lại địa hạt đó cùng với một đội quân do ông ta tùy ý sử dụng.

Theo lời chứng thực của Aristobulus, dãy Caucasus cao không thua kém một dãy núi nào ở châu Á, và hầu hết núi ở đây đều rất cằn cỗi. Dãy núi kéo dài một khoảng rất xa – xa đến mức cả dãy Tarus, nơi hình thành nên biên giới của Cilicia và Pamphylia, cũng được coi là một phần của nó, và những ngọn núi lớn khác được phân biệt với nó bằng vô số những tên gọi được đặt theo mảnh đất mà từ nơi đó các dãy núi mọc lên. Ở đây – Caucasus của Ấn Độ - không loài cây nào (một lần nữa trích lời Aristobulus) ngoài silphium[78] và nhựa điều [terebinth]; mặc dù vậy vẫn có cư dân sống rải rác ở khu vực này; một số lượng lớn cừu và gia súc khác được chăn thả ở đây, vì cừu thích cây silphium, và nếu chúng ngửi thấy mùi cây này ở xa, chúng có thể chạy thẳng tới đó gặm nát những bông hoa, thậm chí còn đào bới và ăn cả rễ cây. Vì lý do này, người Cyrene thường giữ những đàn gia súc của họ tránh xa những nơi cây silphium mọc lên. Đôi khi họ rào lại các khu đất chăn thả cừu để chúng không tàn phá những cây silphium, thứ cây rất có giá trị đối với họ[79].

Bessus đã nỗ lực hết sức để ngăn Alexander không tiến quân xa hơn: ngoài lực lượng quân Ba Tư đã tham gia vào vụ bắt giữ Darius, ông ta đã huy động được khoảng 7.000 quân Bactria và Daae từ phía bên này của Tanais[80], và cùng với họ, Bessus đã phá nát khu vực đồi thấp dưới chân núi Caucasus, với hy vọng rằng nếu phá hủy toàn bộ những cánh đồng và những thứ có thể sử dụng làm lương thực trong khu vực ngăn giữa ông và Alexander, vị thống lĩnh trẻ tuổi này nhất định phải dừng cuộc viễn chinh. Tuy nhiên, hy vọng này đã tan thành mây khói. Alexander, bất chấp tất cả, vẫn tiếp tục tiến quân. Tuyết lạnh và tình trạng thiếu thốn khiến việc hành quân trở thành một nhiệm vụ vô cùng gian khó – nhưng ngay cả những điều đó cũng không thể khiến ngài dừng bước.

Khi biết Alexander đang tiến quân tới rất gần vị trí đóng quân của mình, Bessus đã vượt Oxus bằng thuyền. Sau đó, ông đốt bỏ các con thuyền này, rồi rút lui tới Nautaka ở Sogdiana. Đồng hành với Bessus là những đội quân của Spitamenes và Oxyartes, cùng với kỵ binh của Sogdiana và Daae tới từ Tanais. Kỵ binh Bactria đã giải tán và trở về nhà ngay khi họ biết rằng Bessus đang nghĩ cách để tránh xung đột.

Tại Drapsaka, Alexander đã dừng quân để quân lính có thể nghỉ ngơi, rồi sau đó tiếp tục hành quân tới Aornos và Bactra, hai thủ phủ của Bactria; cả hai thủ phủ này đều quy hàng mà không hề có sự phản kháng nào[81]. Alexander để lại một đơn vị đồn trú ở Aornos dưới quyền chỉ huy của Archaelaus, con trai của Androcles, một trong các Chiến hữu. Từ nơi dừng quân hạ trại ở Bactria, ngài cũng gặp một chút trở ngại và chỉ định một sĩ quan người Ba Tư là Artabazus làm thống đốc địa hạt. Mục tiêu tiếp theo của Alexander là sông Oxus.

Sông Oxus bắt nguồn từ ngọn Caucasus Ấn Độ; nó lớn hơn bất cứ con sông châu Á nào mà quân đội Alexander đã băng qua, ngoại trừ những con sông Ấn Độ, những con sông lớn nhất thế giới. Sông Oxus đổ vào biển Caspian ở Hyrania[82]. Trong lần đầu tiên Alexander cố gắng vượt sông, đây xem ra chẳng phải là nhiệm vụ dễ dàng gì: con sông rộng khoảng 6 furlong và chiều sâu của nó vượt xa chiều rộng; dòng nước chảy xiết và đáy sông có nhiều cát khiến quân lính không thể đóng các cây cọc an toàn xuống lòng sông: chúng không thể được giữ vững trên vùng cát lún và sau đó nhanh chóng trở nên lỏng lẻo dưới tác động của dòng chảy. Hơn nữa, gỗ ở đây rất khan hiếm, và dường như chỉ là lãng phí thời gian nếu lang thang ở bên ngoài để tìm kiếm đủ gỗ cho việc xây dựng cầu. Do đó, Alexander đã đem số da sống kiếm được để dựng lều, chỉ thị cho binh lính nhồi vào đó những vỏ bào và những vật dụng bỏ đi khác, sau đó buộc và khâu chúng lại cẩn thận, khiến chúng trở nên không thấm nước[83]. Sau khi các túi này đã được làm đầy và khâu lại, chúng có thể giúp binh lính băng qua sông trong vòng năm ngày.

Trước khi vượt sông, Alexander gửi về quê hương tất cả những người Macedonia mà tuổi tác của họ đã không còn phù hợp với quân ngũ, cũng như tất cả những người Thessaly vẫn còn ở lại trong quân đội của ngài. Ngài cử Stasanor, một trong những chiến hữu, tới Aria với mệnh lệnh bắt Arsaces vì có âm mưu tạo phản, sau đó thay thế ông ta, đảm nhiệm vị trí xatrap của vùng này.

Một khi đã băng qua sông, Alexander đã tốc lực tiến quân tới nơi mà ngài được cấp báo rằng Bessus và quân đội của ông ta đang ở đó. Trong lúc này, ngài cũng nhận được thông điệp từ Spitamenes và Dataphernes rằng nếu ngài gửi cho họ một đội quân – không nhất thiết phải là một đội quân lớn – dưới quyền chỉ huy của một tướng lĩnh nào đó, họ sẽ bắt Bessus và trao hắn cho ngài. Trên thực tế, Spitamenes và Dataphernes đã bắt giữ Bessus. Do đó, Alexander đã giảm tốc độ tiến quân, thường xuyên dừng quân hạ trại, và lệnh cho Ptolemy, con trai của Lagus, dẫn đầu một lực lượng tới bắt liên lạc với Spitamenes và Dataphernes mau chóng nhất có thể: lực lượng Ptolemy mang theo gồm ba trung đoàn Chiến hữu, toàn bộ kỵ binh đánh giáo, tiểu đoàn bộ binh của Philotas, một trung đoàn vệ quân, tất cả quân Agrianes, và một nửa đội cung thủ. Cùng với những đội quân này,

Ptolemy đã hành quân trong bốn ngày, vượt qua một chặng đường mà thông thường phải mất tới mười ngày hành quân, tới địa điểm nơi quân của Spitamenes đã đóng quân ngày hôm trước. Ở đây Ptolemy được biết rằng Dataphernes và Spitamenes đã không thể quyết định được về việc giao nộp Bessus, nên ông để bộ binh đi theo trục đường hành quân, còn mình cùng với kỵ binh đi xung quanh một ngôi làng không xa nơi Bessus và một vài người lính ở đó. Spitamenes đã bỏ lại nơi này khi cảm thấy việc phản bội Bessus quá nặng nề với lương tâm của họ.

Cứ điểm ít nhiều đã được củng cố cùng với tường thành bên ngoài và các cổng thành. Ptolemy cùng với đội kỵ binh đã bao vây khu vực này, đồng thời loan báo cho những người Ba Tư ở bên trong là nếu họ chịu giao nộp Bessus, họ sẽ an toàn rời khỏi đây; trong lúc bắt Bessus và rút lui một lần nữa, Ptolemy cho người tới báo tin cho Alexander, và hỏi ngài xem ngài muốn xử lý Bessus như thế nào. Alexander đáp rằng Bessus phải bị lột bỏ hết trang phục, bị dắt đi bằng một cái vòng cổ chó, và phải đứng ở chính con đường mà ngài và quân đội của ngài sẽ đi qua. Mệnh lệnh được thực hiện, và khi Alexander nhìn thấy Bessus trong bộ dạng đó, ngài dừng cỗ xe ngựa và hỏi Bessus tại sao ông ta lại đối xử với Darius, vị hoàng đế, người họ hàng và ân nhân của ông ta một cách đáng xấu hổ như vậy, tại sao Bessus lại bắt giữ, xiềng xích rồi sau đó giết hại Darius? Bessus trả lời rằng ông ta không phải là người đã đưa ra quyết định đó một mình; mọi người thân cận với Darius lúc ấy đều đồng lòng làm việc đó, và mục đích của họ chỉ là có được sự che chở của Alexander và giữ lấy mạng sống của mình. Lúc này, Alexander hạ lệnh trừng phạt Bessus; và với từng nhát roi, mõ tòa sẽ nhắc lại từng lời trách móc mà Alexander đã dùng khi ngài hỏi Bessus lý do ông ta phản bội. Sau khi hình phạt nhục nhã này kết thúc, Alexander hạ lệnh gửi Bessus tới Bactra.

Những chi tiết được đề cập ở trên về số phận của Bessus được lấy trong trước tác của Ptolemy. Aristobulus thuật lại rằng Spitamenes và Dataphernes, nhân danh Ptolemy, đã đem Bessus tới giao nộp cho Alexander. Ông cũng khẳng định lại những chi tiết về việc Bessus bị lột quần áo và phải đeo vòng cổ chó.

Nhiều con ngựa trong quân đội của Alexander đã chết vì kiệt sức trong lần vượt qua dãy Caucasus và trong suốt những đợt hành quân tới và đi từ Oxus; do đó ngài đã củng cố thêm sức mạnh cho đội kỵ binh bằng những con ngựa mới lấy từ khu vực lân cận, sau đó hành quân tới Marakanda, thành phố hoàng gia của Sogdiana[(84)], rồi từ đó đi tới Tanais. Giống như Oxus, dòng sông này (theo Aristobulus, những người bản địa gọi dòng sông này là Orexartes) cũng bắt nguồn từ dãy Caucasus Ấn Độ và đổ vào biển Caspian[(85)]; nó không thể là dòng Tanais mà sử gia Herodotus đã mô tả là dòng sông thứ tám trong những dòng sông Scythia, bắt nguồn từ một cái hồ lớn, rồi đổ vào một hồ lớn hơn, có tên là Maeotis: dòng Tanais khác này cũng được coi như là đường biên giới giữa châu Á và châu Âu, được giả định là bắt nguồn từ góc này của hồ Maeotis biển Đen và dòng sông đổ vào nó thực sự đã chia cách châu Á với châu Âu theo cùng một cách như những eo biển giữa Gadeira và những người Libya du cư đã phân chia Libya từ châu Âu – và có lẽ cũng là cách thức mà Libya đã được phân chia với phần còn lại của châu Á bằng sông Nile[(86)].

Trên dòng sông này (sông Tanais, hay Jaxartes), một nhóm quân Macedonia đi tìm kiếm lương thực đã bị những người bản địa tấn công. Sau khi tấn công, những người bản địa, gồm khoảng 30.000 người, đã rút lui tới một cứ điểm trên các ngọn đồi, nơi không chỉ gập ghềnh mà còn có vách đá dốc đứng. Mặc dù vậy, Alexander cùng với những đội quân cơ động nhất của ngài vẫn tiến hành cuộc đột kích. Hết lần này đến lần khác, quân Macedonia đã chiến đấu dưới chân dốc nhưng không thành công: những vũ khí của người bản địa đã buộc họ phải rút lui. Nhiều người bị thương, bao gồm cả Alexander, ngài đã bị tên bắn xuyên qua chân và bị gãy xương. Nhưng bất chấp mọi trở ngại, ngài đã chiếm được nơi này; một vài người thiệt mạng dưới mũi giáo của Macedonia, còn số đông bỏ mạng khi nhảy qua vách núi. Trong số 30.000 người bên lực lượng địch, không quá 8.000 người có thể trốn thoát.

Quyển Bốn

Một vài ngày sau những sự kiện trên, sứ thần đến từ bộ tộc được biết đến với tên gọi người Scythia Ả Rập đã tiếp kiến Alexander và cần nhớ rằng, Homer đã nhắc tới những người này với sự ngợi ca và gọi họ là "những người ngay thẳng nhất của nhân loại"[(1)]. Họ là những người châu Á đã giữ được độc lập nhờ vào sự nghèo khó và công bằng. Một sứ thần khác đến từ tộc người Scythia châu Âu, dân tộc đông dân nhất ở châu Âu, cũng đã tới tiếp kiến ngài. Alexander chỉ thị cho một số chỉ huy của đội Chiến hữu quay trở về cùng với những sứ thần mà bề ngoài tỏ ra là để dàn xếp việc ký kết hiệp ước với vùng đất của họ, dù mục đích chính của ngài là thu thập thêm thông tin về Scythia – những đặc trưng về địa lý, những phong tục của tộc người này, dân số và trang bị quân sự của họ.

Alexander cũng có ý định thành lập một thành phố mang tên ngài ở Tanais. Ngài nghĩ vùng đất này là một địa điểm tốt; việc định cư ở đây sẽ mở rộng quy mô và tầm quan trọng của nơi này, đồng thời thành phố sẽ được sử dụng như một căn cứ lý tưởng cho cuộc xâm lược Scythia trong tương lai và như một chốt phòng vệ chống lại những cuộc đột kích từ các tộc người phía bên sông. Chắc chắn, số lượng và danh tiếng của cái tên Alexander một ngày nào đó sẽ khiến nơi định cư mới này thành một thành phố vĩ đại[(2)].

Tuy nhiên, trong lúc đó, các tộc người bản địa dọc sông Tanais đã bắt đầu tấn công: họ đã bắt giữ và giết chết những quân lính Macedonia ở các đơn vị đồn trú trong thị trấn, và bắt đầu tìm kiếm sự an toàn bằng cách củng cố những chốt phòng vệ của họ[(3)]. Họ đã liên kết với nhau trong cuộc tấn công này vì hầu hết những người Sogdiana đã bị kích động bởi nhóm người đã bắt giữ Bessus, và lần này, tới lượt họ lôi kéo một vài người Bactria vào cuộc. Lý do cho điều này có thể đơn giản là vì nỗi sợ hãi Alexander; mặt khác, họ có thể biện hộ cho cuộc tấn công này bằng việc Alexander đã hạ lệnh cho những người lãnh đạo vùng đất này tới tham dự một hội nghị tại thủ phủ Zariaspa – một mệnh lệnh hằn ẩn chứa những mục đích đen tối[(4)].

Tin tức về cuộc nổi loạn ngay lập tức dẫn đến những hành động trả đũa; mỗi phân đội bộ binh đều nhận được lệnh chuẩn bị một số lượng xác định các thang leo pháo đài, và đích thân Alexander dẫn quân tới Gaza, địa điểm định cư gần nhất của người bản địa tính từ vị trí của ngài – theo như tin cấp báo, có bảy trong số những thị trấn nằm trong khu vực này đã đóng cổng thành. Alexander cử Craterus tới Cyropolis, thị trấn lớn nhất trong số bảy thị trấn chống đối và lúc này là nơi có đông dân bản địa cư trú nhất. Mệnh lệnh đưa ra là chiếm cứ một vị trí gần thị trấn, bao vây nó bằng hào và cọc rào, sau đó tập hợp những phương tiện vây thành nhằm tập trung sự chú ý của quân lính bảo vệ thành vào ngài và quân đội của ngài, để ngăn quân địch trợ giúp đồng đội của chúng ở những nơi khác.

Tới Gaza, Alexander hạ lệnh đột kích ngay lập tức vào tất cả các bên của các chốt phòng vệ cùng với những thang leo tường thành, trong đó có một bức tường thành bằng đất nung không cao lắm; khi kỵ binh tiến lên phía trước, những người bắn đá, cung thủ, và người

phóng lao đã tấn công quân lính trên tường thành, đồng thời, những máy lăng đá cũng được đưa vào sử dụng. Dưới loạt vũ khí trút xuống như mưa, tường thành nhanh chóng sụp đổ; các thang leo được cố định và quân Macedonia nhanh chóng xâm chiếm thị trấn. Tất cả những người đàn ông trong thị trấn đều bị giết chết theo lệnh của Alexander; phụ nữ và trẻ em được coi như những chiến lợi phẩm, và bị đem đi cùng với bất kỳ thứ gì có giá trị. Sau đó, không hề trì hoãn, Alexander tiến quân tới nơi định cư tiếp theo, hạ nó trong cùng ngày, theo cùng một cách thức, và đối xử với cư dân ở đây bằng sự tàn bạo tương tự. Từ nơi này, ngài tiếp tục đi tới thị trấn thứ ba và ngày hôm sau cũng hạ nốt thành này ngay từ đợt tấn công đầu tiên.

Trong khi bộ binh giao chiến trong ba trận này, kỵ binh đã được điều tới hai thị trấn tiếp theo với chỉ thị sử dụng những biện pháp cứng rắn nhất để ngăn chặn bất cứ kẻ nào trốn khỏi thị trấn; vì rất có thể khi các cư dân ở đây biết tin về thất bại của các thị trấn lân cận, và lần tiến quân sắp tới của Alexander, họ sẽ tháo chạy toán loạn và khó mà truy đuổi được. Dự đoán của ngài quả là chính xác, đội kỵ binh được cử tới đã xuất hiện đúng lúc; vì những cư dân trong hai thị trấn chưa bị hạ này, ngay khi nhìn thấy khói bốc lên từ thị trấn lân cận và nhận tin trực tiếp từ một vài người sống sót, đã trốn chạy trong hoảng loạn và tuyệt vọng, đâm thẳng vào đội kỵ binh và gần như đều bị giết chết.

Năm trong số bảy thị trấn đều đã bị hạ trong hai ngày. Phụ nữ và trẻ nhỏ trong những thị trấn này đều bị bán làm nô lệ. Sau đó, Alexander đã tiến quân tới Cyropolis, thị trấn lớn nhất trong bảy thị trấn. Thị trấn này do Cyrus sáng lập, bao quanh nó là một bức tường thành cao hơn hẳn các thị trấn khác; hơn nữa, có khá đông những người bản địa sống ở đây, họ đều là những chiến binh thiện chiến nhất trong khu vực, nên việc hạ thành Cyropolis là khó khăn hơn nhiều đối với quân Macedonia. Kế hoạch ban đầu được Alexander đưa ra là tập trung các phương tiện vây thành, nhằm tấn công liên hồi vào các chốt phòng vệ và dùng vũ lực mở một lối vào thông qua những lỗ hổng trên tường thành, như họ vẫn thường làm; nhưng sau đó, một vài điều quan sát thấy đã khiến ngài thay đổi kế hoạch. Có một dòng suối chảy qua thị trấn, nhưng suối này chỉ có nước vào mùa đông; lúc này nó đang khô cạn, và có một vài con kênh dẫn vào thành đã trơ đáy ở ngay dưới lớp tường thành bao quanh tạo thành khoảng trống đủ để binh lính có thể bò qua và xâm nhập thị trấn. Do đó, trong khi toàn bộ sự chú ý của quân địch đang hướng về phía những phương tiện vây thành và cuộc đột kích, Alexander hạ lệnh cho vệ quân, cung thủ, quân Agrianes và vệ quân riêng của ngài chuẩn bị sẵn sàng. Sau đó, đích thân ngài cùng với nhóm này và một vài người khác bí mật bò qua lòng kênh khô hạn ở phía dưới tường thành, xâm nhập thị trấn. Khi vào được bên trong, ngài đã phá tan những cổng thành gần nhất và mở cửa để phần còn lại của đội quân tràn vào mà không gặp phải khó khăn nào.

Dù nhìn thấy thị trấn đã bị hạ nhưng quân địch vẫn tiếp tục chiến đấu và giáng những đòn tấn công mạnh mẽ vào quân đội của Alexander. Chính ngài cũng bị một viên đá ném trúng đầu và cổ; Craterus bị trúng tên và nhiều tướng lĩnh khác bị thương. Tuy nhiên, bất chấp sự kháng cự quyết liệt, quân Macedonia đã quét sạch quân địch ở phần trung tâm của thị trấn trong khi cuộc tấn công ở các chốt phòng vệ bên ngoài cũng đã giành được thắng lợi; quân lính bảo vệ thành đều đã bị đẩy lùi và tường thành bị chiếm mà không vấp phải

thêm một sự kháng cự nào.

Lực lượng quân địch trong thị trấn có khoảng 15.000 lính; trong giai đoạn đầu của cuộc tấn công, họ có tới 8.000 người thiệt mạng. Phần còn lại chạy về pháo đài trung tâm. Alexander đã bố trí đóng quân xung quanh pháo đài và giám sát những kẻ chạy trốn. Sau một ngày, họ đầu hàng vì thiếu nước.

Thị trấn thứ bảy đã bị hạ mà không gặp khó khăn gì. Tuy nhiên, về thị trấn này, các ghi chép có phần khác nhau: Ptolemy nói rằng họ đã đầu hàng, còn Aristobulus cho rằng thị trấn thứ bảy đã phải hứng chịu những đòn sấm sét của quân đội Macedonia và người dân trong thành đều bị giết chết. Ptolemy cũng thuật lại rằng Alexander đã phân chia tù nhân vào nhiều đơn vị khác nhau trong quân đội của ngài với mệnh lệnh rằng họ cần phải bị hạn chế và phải được đặt dưới sự giám sát thường xuyên trong thời gian ngài còn lưu lại tại khu vực này; trên thực tế, không một ai từng phản kháng được trao trả tự do.

Cũng trong thời gian này, một lực lượng Scythia châu Á đã tới Tanais. Phần đông trong số họ nghe được tin rằng một vài bộ tộc ở phía bên kia sông đã khẳng định thái độ thù địch đối với Alexander, và có ý định tham gia cuộc tấn công quân đội Macedonia trong cuộc nổi loạn sắp tới. Một tin tức khác cũng ập tới cho biết Spitamenes đang bao vây đội quân được để lại phía sau ở pháo đài Marakanda. Đương đầu với tình huống này, Andromachus, Menedemus và Caranus đã được cử đi với một lực lượng gồm 60 quân Chiến hữu, 800 lính đánh thuê của Caranus, và khoảng 1.500 lính bộ binh đánh thuê. Pharnuches, người phiên dịch, cũng được mang theo cùng đội quân – ông ta là người Lycia, rất thông thuộc ngôn ngữ của khu vực này, và thường xuyên bộc lộ khả năng giao tiếp khôn khéo khi thương thảo với những người bản địa.

Alexander đã dành 20 ngày cho việc củng cố vị trí mà ngài dự kiến sẽ xây dựng thị trấn mới, đồng thời sắp xếp để biến nơi này thành nơi định cư cho bất cứ lính đánh thuê Hy Lạp nào cùng những người thuộc các bộ lạc lân cận, những người bày tỏ mong muốn có được cơ hội này, và cũng là nơi ở cho một số lượng lớn những binh lính Macedonia không còn phù hợp với việc chiến đấu[(5)]. Để ghi nhớ dịp này, sau khi thực hiện những nghi lễ tôn giáo như thường lệ, ngài tổ chức các trò chơi, với những cuộc đấu điền kinh và cưỡi ngựa.

Trong lúc đó, người Scythia vẫn chưa hề rời Tanais. Con sông ở đây không rộng lắm; người ta có thể nhìn thấy họ phóng những mũi tên xuống mặt nước, và la hét một cách man rợ, những lời sỉ nhục nhằm vào Alexander và khoác lác rằng ngài sẽ không bao giờ dám đụng vào những người như họ – hoặc nếu ngài dám làm như vậy, ngài sẽ sớm nhận ra sự khác biệt giữa người Scythia và những dân tộc hoang dã châu Á. Đối với Alexander, đó quả là một sự phô diễn ồn ào nên ngài đề nghị vượt sông và dạy cho quân địch một bài học xứng đáng. Binh lính đã chuẩn bị sẵn bè để vượt sông khi Alexaner nhìn thấy một vài dấu hiệu chống lại ngài tại buổi lễ hiến tế đầu tiên. Nén sự khó chịu, ngài vẫn cố gắng giữ bình tĩnh và từ bỏ việc vượt sông. Tuy nhiên, người Scythia vẫn tiếp tục cách cư xử vô cùng khó chịu. Alexander quyết định làm lễ hiến tế một lần nữa; nhưng lần này, nhà tiên tri Aristander vẫn cảnh báo rằng có nhiều điềm báo nguy hiểm. Ngay sau đó, Alexander đáp

lời rằng, là một người chinh phục gần như toàn bộ châu Á, hãy để ngài đương đầu với hiểm nguy tồi tệ nhất còn hơn biến ngài thành trò cười cho lũ Scythia – như Darius, cha của Xerxes, đã làm trước đó[6]. Dù vậy, Aristander đã từ chối diễn giải sai dấu hiệu của thần linh theo ý muốn của Alexander[7].

Khi tất cả những chiếc bè đã sẵn sàng và quân đội, với đầy đủ vũ khí, quân trang, đã tập trung tại bờ sông cùng với máy lăng đá, sẵn sàng chờ lệnh mở màn cho cuộc tấn công vào những người Scythia, lúc đó đang đứng dọc mép nước của bờ bên kia. Một vài người trong số họ đã bị đánh trúng; một vài người đã bị đâm xuyên qua khiên và giáp che ngực, ngã xuống từ lưng ngựa và tử vong. Người Scythia đã bị đẩy lùi hoàn toàn bởi tầm bắn xa của máy lăng đá, và điều đó, cùng với thiệt hại về người, đã khiến họ lùi một khoảng ngắn từ phía bờ sông; trong khi Alexander, khi chứng kiến sự khiếp đảm của họ, đã hạ lệnh thổi vang những chiếc kèn trumpet, rồi đích thân lao xuống dòng nước, theo sau là quân đội của ngài. Những người đầu tiên đặt chân lên bờ bên kia là các cung thủ và những người ném đá, những người đã nhận lệnh tấn công nhằm ngăn chặn quân địch tiếp cận những đơn vị bộ binh chính trước khi kỵ binh vượt sông an toàn; sau đó, ngay khi toàn quân đều đã tập trung ở bờ bên kia, một trung đoàn lính đánh thuê và bốn đội kỵ binh đánh giáo đã nhận lệnh tiến lên, dẫn đầu cuộc tấn công. Quân Scythia chấp nhận đương đầu với thử thách; lúc này quân số của họ đông hơn; họ tạo thành những vòng tròn bao vây những lực lượng tấn công nhỏ, đả thương kẻ thù rồi bỏ chạy tới một khoảng cách an toàn. Lúc này, Alexander hạ lệnh tiến quân bằng một lực lượng hỗn hợp bao gồm kỵ binh, cung thủ, quân Agrianes, và những đội quân khinh giáp khác dưới quyền chỉ huy của Balacrus, và khi họ đã ở khoảng cách đủ gần, ngài hạ lệnh cho ba tiểu đoàn Chiến hữu và tất cả những kỵ binh đánh giáo tấn công, trong khi đích thân ngài dẫn đầu phần còn lại của kỵ binh tiếp tục tiến quân theo đội hình hàng dọc[8].

Việc này đã ngăn chặn những đợt tấn công của quân địch; kỵ binh Macedonia, cùng với những đội quân khinh giáp được kết hợp hỗ trợ, lúc này đã đứng ở ngay phía trên họ, và quân địch không thể lặp lại cách dàn quân cũ mà không phải chịu những tổn thất nhất định. Quả thực, từ thời điểm đó, quân địch đã thực sự bị đánh bại; trong nỗ lực đào thoát, họ đã mất khoảng 1.000 người, bao gồm cả Satraces, một trong những thủ lĩnh và khoảng 150 người bị bắt làm tù binh.

Cuộc truy đuổi tàn quân, dưới cái nóng dữ dội, đã nhanh chóng kết thúc; mọi người thực sự kiệt sức vì khát, và chính Alexander cũng buộc phải uống bất cứ thứ nước gì mà ngài tìm thấy. Không may là thứ nước đó không được sạch sẽ và đã khiến ngài bị mất sức nghiêm trọng vì bệnh lỵ. Điều này, dù thế nào, cũng đã cứu giúp một vài người Scythia; vì nếu Alexander không vướng phải vấn đề này, tôi không nghĩ rằng có ai đó trong số họ có thể giữ được mạng sống.

Thực sự, Alexander đã bị bệnh tật giày vò nghiêm trọng, và được mang trở lại trại đóng quân – nên sau tất cả, Aristander vẫn là một nhà tiên tri đích thực.

Không lâu sau đó, sứ thần do vua Scythia cử tới đã tới tiếp kiến Alexander. Mục đích là

giải thích về những chuyện đã xảy ra và làm rõ rằng sự việc xảy ra gần đây chỉ là một cuộc tấn công tình cờ của một nhóm những kẻ cướp vốn không có liên quan tới chính sách thận trọng của nhà nước Scythia. Hơn nữa, vua Scythia mong muốn được thực hiện những chỉ thị mà Alexander giao phó. Alexander đáp lại bằng một câu trả lời lịch sự, cho một tình huống khó xử: nếu nghi ngờ những lời đề nghị của vua Scythia, ngài rõ ràng phải tiếp tục cuộc chinh phạt; nhưng thời điểm này quả là không hề thích hợp để hành động như vậy.

Quân đồn trú Macedonia[9], bị bao vây trong pháo đài tại Marakanda, đã đáp trả cuộc đột kích của Spitamenes bằng một đợt phá vây thành công, giết chết một lượng địch quân mà không thiệt hại gì về người; sau đó họ tái chiếm pháo đài. Khi Spitamenes nghe được tin đội quân mà Alexander cử tới thị trấn đã ở rất gần, ông ta liền từ bỏ việc bao vây và rút lui về trung tâm của địa hạt. Pharnuches và những tướng lĩnh đi cùng đã tốc lực tiến quân với mục đích đuổi Spitamenes ra khỏi khu vực, bám sát cuộc rút lui của ông ta tới biên giới Sogdiana và tìm cách đánh bại người Scythia du cư. Hành động không suy tính này đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng: vì Spitamenes, lúc này đã nhận thêm viện quân là 600 kỵ binh Scythia, đã được khích lệ bởi sự giúp đỡ bất ngờ này để tiếp tục chiến đấu. Spitamenes đã chiếm cứ một vị trí trên khu đất bằng gần sa mạc Scythia, đồng thời cũng gần vị trí của quân Macedonia, những người mà ông ta không dám liều mạng giáp chiến. Do đó, Spitamenes đã cử kỵ binh bao vây bộ binh Macedonia, vừa bắn tỉa vừa cưỡi ngựa. Quân lính của Pharnuches đã nỗ lực chống trả nhưng không thành công; quân địch, cưỡi trên những con ngựa nhanh nhẹn hơn, đã nhanh chóng di chuyển khỏi phạm vi tấn công. Hơn nữa, ngựa chiến của quân địch còn khỏe mạnh, trong khi ngựa chiến của bên Andromachus gần như đã kiệt sức sau những cuộc hành quân dài ngày và không được ăn uống đầy đủ. Quân Macedonia đã cố gắng giữ vững vị trí của họ, nhưng sau đó buộc phải rút lui; và dù trong trường hợp nào thì sức tấn công của kỵ binh Scythia cũng quá nặng nề đối với họ. Nhiều người đã bị thương, một vài người bị giết, cho tới khi các tướng lĩnh quyết định tập hợp những binh lính còn lại, sắp xếp thành đội hình hình vuông và rút lui về phía sông Polytimetus. Gần bờ sông, có một ít gỗ có thể sử dụng làm bình phong, chắn những mũi tên của địch, đồng thời cho phép họ sử dụng bộ binh tốt hơn.

Caranus, thủ lĩnh kỵ binh, không hề tiết lộ với Andromachus về ý định của mình, đã nỗ lực dẫn quân của ông ta vượt sông an toàn; bộ binh không hề nhận được mệnh lệnh gì nhưng cũng nhanh chóng theo sau, bò xuống bờ dốc gần dòng nước trong sự hoảng loạn. Quân Scythia đã nhanh chóng biến sai lầm chết người này thành lợi thế của họ: từ mọi hướng, họ thúc ngựa phi nước đại lao xuống dòng sông; một vài kỵ binh còn bám sát gót quân Macedonia vừa vượt sông và đang cố gắng tẩu thoát; những người khác đương đầu với những kẻ trốn chạy ở giữa dòng sông và kéo họ xuống; hoặc thúc ngựa lao vào những người chưa kịp nhảy xuống nước, trong khi từ hai bên sườn, những trận mưa tên ào ào trút xuống. Quân Macedonia không thể nào xoay sở được, và tất cả những người sống sót đã rút lên một hòn đảo nhỏ trên sông; nhưng nơi này cũng không thể cứu được họ, vì kỵ binh Spitamenes và quân Scythia đã bao vây hòn đảo và bắn hạ từng người một. Một vài tù nhân bị bắt cũng đã nhanh chóng bị tàn sát.

Ghi chép của Aristobulus về tai họa này có chút khác biệt: theo như ông thuật lại, hầu

hết lực lượng Macedonia đã bị bắt và bị tiêu diệt trong một cuộc phục kích[(10)]. Quân Scythia đã ẩn mình trong một bãi đất, và bất ngờ tấn công quân Macedonia. Chuyện này xảy ra khi Pharnuches đề nghị những tướng lĩnh Macedonia, những người đã mang ông ta đi cùng cuộc viễn chinh, cho ông ta trở về, vì ông ta hoàn toàn không biết gì về những chiến thuật quân sự và vì Alexander cử ông tới không phải để chiến đấu mà để thiết lập mối quan hệ với những người bản địa, trong khi những người khác, không như ông, đều là những người Macedonia đích thực và là những Chiến hữu của Hoàng đế. Nhưng Andromachus, Caranus và Menedemus đã từ chối yêu cầu của Pharnuches, một phần vì muốn tránh phải chịu trách nhiệm về một quyết định cá nhân không được đảm bảo bởi những chỉ thị rõ ràng của Alexander, và một phần vì, trong tình thế nguy hiểm lúc đó, họ không muốn bị khiển trách vì một thất bại mà ít nhiều cho thấy năng lực lãnh đạo thấp kém của họ. Chính trong tình huống này, khi mọi thứ đang rối bời, quân Scythia đã tấn công – hậu quả của sự việc bất hạnh này là chỉ có khoảng 40 kỵ binh và 300 bộ binh thoát chết.

Tin tức về cuộc tháo chạy đã khiến Alexander rất đau buồn, ngài quyết định tốc lực hành quân đánh đuổi Spitamenes và những bộ tộc đi cùng với ông ta. Do đó, cùng với một nửa đội Chiến hữu, tất cả vệ quân, quân Agrianes, cung thủ, và những đội bộ binh cơ động nhất, Alexander đã xua quân tiến tới Marakanda, nơi ngài biết rằng Spitamenes đã quay trở lại và vây hãm một lần nữa đội quân đồn trú ở pháo đài. Trong vỏn vẹn ba ngày, ngài đã băng qua gần 300 kilômét, và tới rạng sáng ngày thứ tư thì tới gần thị trấn. Tin tức về cuộc tiến quân của ngài đã khiến Spitamenes và quân của ông ta bỏ lại thị trấn để trốn chạy; Alexander đã truy đuổi sát sao, băng qua chiến trường, nơi ngài tạm dừng để chôn cất những người chết khi tình hình cho phép. Khi đi tới rìa sa mạc, ngài trở lại và bắt đầu tiêu diệt một cách có hệ thống; Alexander đã tàn sát tất cả những người bản địa chạy trốn tới các công sự, những người đã hợp sức để tấn công quân Macedonia. Bằng cách này, ngài đã kiểm soát toàn bộ vùng đất được tưới mát bởi dòng Polytimetus[(11)].

Tuy nhiên, dòng Polytimetus đã biến mất – dù thực tế đó là một con sông tương đối lớn. Polytimetus chỉ còn là cát bụi, và khu vực xung quanh nó đã trở thành hoang mạc. Có thể quan sát hiện tượng tương tự ở những dòng sông khác trong khu vực này – các con sông, không chỉ các con sông nhỏ mà cả những con sông có lưu lượng tương đối lớn đều bị khô cạn vào mùa hè: chẳng hạn, dòng Epardus chảy qua Mardia, rồi dòng Areius, bắt nguồn từ đất nước thuộc vùng Aria mà nó mang tên, và dòng Etymandrus chảy qua khu vực của "Các ân nhân" (Benefactors). Tất cả những dòng sông này đều lớn hơn dòng Peneus ở Thessaly, dòng sông chảy qua điện thờ rồi đổ ra biển cả. Dòng Polytimetus thậm chí còn lớn hơn nhiều so với dòng Peneus.

Sau khi kết thúc những cuộc hành quân này, Alexander tới Zariaspa, nơi ngài trải qua mùa đông tồi tệ nhất của đời mình[(12)]. Khi ngài lưu lại vùng này, Phrataphernes, xatrap của Parthia và Stasanor, vị chỉ huy đã được cử tới Aria để bắt Arsaces, đã tới tiếp kiến ngài; họ mang theo Arsaces và Barzanes, người đã được Bessus chỉ định làm xatrap Parthia, cùng một lượng lớn các tù binh khác, tất cả đều là những người đã hỗ trợ Bessus trong việc phế

truất Darius. Đồng thời, Epocillus, Menidas[13], và Ptolemaeus, vị tướng của quân Thrace, đã trở về sau nhiệm vụ hộ tống quân đồng minh và kho tàng được gửi đi cùng với Menes tới tận bờ biển[14]. Asander và Nearchur cùng với một lực lượng lính đánh thuê Hy Lạp, và những lực lượng viện quân khác từ vùng bờ biển dưới quyền chỉ huy của xatrap vùng Syria (cũng tên là Bessus) và Asclepiodorus, thống đốc địa phận[15] đã gia nhập quân đội Macedonia.

Alexander đã cho đem Bessus tới trước toàn bộ tướng lĩnh và buộc tội ông ta phản bội Darius. Sau đó, ngài hạ lệnh cắt mũi và tai của Bessus, rồi gửi tới Ecbatana, nơi ông ta bị hành hình công khai trước những người đồng hương của mình, những người Media và những người Ba Tư[16].

Bản thân tôi không ủng hộ sự dã man thái quá của hình phạt này; tôi cho rằng việc cắt bỏ các bộ phận thân thể kiểu đó là một tập tục dã man. Hơn nữa, tôi thừa nhận Alexander hẳn đã noi theo hành động ngông cuồng và phô trương của phương Đông cũng như cách thức mà những vị vua man rợ đối xử với thần dân của họ như là những kẻ hạ đẳng; điều đáng tiếc là những hành động như vậy lại được thực hiện bởi hậu duệ của Heracles trong trang phục của người Media thay vì những trang phục mà người Macedonia đã mặc từ thời thượng cổ, và việc ngài đã không hề xấu hổ khi đổi chiếc mũ đội đầu quen thuộc của ngài, thứ phục trang của một người thắng cuộc để lấy chiếc mũ bê-rê của những kẻ bại trận người Ba Tư[17]. Tôi không tán dương cách cư xử như vậy; nhưng theo quan điểm của tôi, ít ra, những chiến công sáng chói của Alexander là bằng chứng có thể là rõ ràng nhất cho thấy không phải sức mạnh thể chất, không phải dòng máu quý tộc, hay việc không một ai thành công trong chiến trận hơn chính Alexander – cũng không phải việc hiện thực hóa mơ ước của ngài về chuyến hải hành tới Libya và châu Á, rồi biến chúng cùng với châu Âu thành lãnh thổ của ngài – không một điều nào trong số đó có thể khiến một người cảm thấy hạnh phúc, trừ phi anh ta có thể chiến thắng chính bản thân mình.

Liên quan tới điều này, tôi có thể nhắc lại ở đây một sự việc sẽ xảy ra sau đó: cái chết của Cleitus, con trai của Dropides và ảnh hưởng của chuyện này tới Alexander[18]. Người Macedonia đã tổ chức một lễ hội vinh danh thần Dionysus, và đó cũng là tục lệ tế thần mỗi năm vào ngày lễ thánh của Alexander. Câu chuyện này xảy ra vào một dịp đặc biệt khi Alexander, vì một vài lý do chỉ ngài biết rõ, đã không làm lễ tế thần Dionysus mà làm lễ tế Castor và Polydeuces, cặp song sinh Dioscuri[19]. Trong bữa tiệc, ngài có phần quá chén (xin nói thêm rằng – khi say rượu, Alexander sẽ biến thành một người dã man) và nói chuyện với mọi người về cặp song sinh Dioscuri, về những đặc quyền chung mà họ có được nhờ thừa hưởng dòng máu của Zeus thay vì dòng máu của Tyndareus, một ông vua vốn chỉ là người phàm. Một vài người trong số đó – kiểu người nịnh hót, bợ đỡ luôn dẫn đến sự suy tàn của các vị vua – đã lớn tiếng tán dương rằng, đối với họ, cả Polydeuces và Castor cũng không thể sánh với ngài và những chiến công của ngài; những người khác, ở trong trạng thái hoàn toàn say xỉn, đã buông ra những lời so sánh xúc phạm tới chính Heracles.

Cleitus trước kia đã có vài lần tỏ rõ thái độ phản đối sự thay đổi của Alexander: ông

không chấp nhận việc nhà vua có vẻ ưa thích những cách hành xử của phương Đông lẫn thói bợ đỡ của đám nịnh thần. Bởi vậy, khi Cleitus nghe thấy những điều đã được nói ra trong dịp này (lúc đó chính ông cũng đã uống khá nhiều) liền đùng đùng nổi giận; ông nói rằng thật quá quắt khi buông lời xúc phạm các vị thần linh, và ông sẽ không cho phép bất cứ ai ca ngợi Alexander – kiểu ngợi ca không phải về những vẻ vang của ngài mà về nỗi xấu hổ của ngài. Trong bất kỳ trường hợp nào, Cleitus tiếp tục chỉ trích rằng họ đã phóng đại thái quá những kỳ công phi thường của Alexander, không một kỳ công nào trong số đó là chiến thắng của một cá nhân; trái lại, phần lớn là chiến công của cả quân đội Macedonia.

Alexander bị tổn thương sâu sắc – và về phần mình, tôi cho rằng Cleitus đã buông ra những lời thiếu khôn ngoan; thực tế là hầu hết mọi người trong bữa tiệc đều đã say xỉn, và ông ta lẽ ra nên tránh xen vào một cuộc tán tụng Hoàng đế bằng cách đơn giản là giữ những suy nghĩ đó cho riêng mình. Nhưng mọi chuyện đã xảy ra. Mọi người trong bữa tiệc đó đều hy vọng, tới lượt mình, họ có thể chiếm được cảm tình của Alexander nên đã nhắc tới cả Philip – thân phụ của Alexander, và nói một cách ngớ ngẩn rằng những gì mà Philip đã đạt được chỉ là những điều bình thường, không có gì mới lạ. Tới đây thì Cleitus không thể kiềm chế được nữa, ông bắt đầu tán dương những thành tựu của Philip và xem thường những gì Alexander đã đạt được; lúc này chính Cleitus quả thực đã quá say, ông ta nói rất nhiều, và mắng nhiếc Alexander rằng chính ông đã cứu mạng ngài khi họ chiến đấu với kỵ binh Ba Tư trong trận Granicus.

Ông òa khóc, đưa đôi bàn tay ra với một giọng điệu khoa trương: “Chính là bàn tay này đã cứu mạng ngài, Alexander, vào ngày hôm đó.”

Alexander không thể chịu đựng hơn nữa lời lăng mạ trong cơn say xỉn của chiến hữu. Ngài đã giận dữ nhảy khỏi ghế ngồi, toan tấn công Cleitus nhưng những người khác đã kịp ngăn ngài lại. Trong khi đó, Cleitus vẫn không ngừng tuôn ra những lời xúc phạm Hoàng đế. Alexander đã gọi vệ quân, nhưng không một ai đáp lời ngài. Ngài thét lên giận dữ: “Điều gì đã xảy ra thế này? Ta chẳng còn quyền hành gì ngoài một danh hiệu chăng? Phải chăng ta giờ cũng giống như Darius, kẻ bị kéo lê trong xiềng xích bởi Bessus và những người bạn thân thiết của ông ta?”

Lúc đó, chẳng còn ai có thể ngăn nổi ngài; Alexander đã đứng bật dậy, vồ lấy cây thương từ một trong những người hộ tống và giết chết Cleitus.

Ghi chép về sự kiện này cũng có nhiều dị bản. Một vài nguồn cứ liệu đáng tin viết rằng vũ khí mà Alexander sử dụng để giết Cleitus không phải là một cây thương mà là một cây giáo; Aristobulus không nhắc tới lần tiệc rượu này vì theo ông, Cleitus đã không bị giết bởi hành động của chính ông ta; vì lúc Alexander nổi trận lôi đình, toan giết Cleitus thì Ptolemy, con trai của Lagus, một thành viên của đội vệ sĩ riêng của nhà vua, đã nhanh chóng lôi Cleitus ra khỏi cửa, dẫn ông ta đi qua chỗ tường thành và đường hào của pháo đài. Tuy nhiên, Cleitus đã không chịu ở đó, mà tìm cách quay lại phòng tiệc và gặp Alexander đúng lúc ngài gọi tên ông.

“Alexander, ta ở đây!” Cleitus gào lên, và lúc đó tai họa mới bắt đầu giáng xuống.

Về phần mình, tôi không tán thành cách cư xử không phù hợp của Cleitus với vị hoàng đế của ông; còn về phía Alexander, tôi cảm thấy đáng tiếc vì khi đó, ngài đã tự bộc lộ mình như một kẻ nô lệ của cơn giận dữ và men rượu, hai thói tai hại không nên có ở một người đàn ông tự trọng. Nhưng khi vừa chấm dứt hành động đó, Alexander đã ngay lập tức cảm nhận được sự khủng khiếp của nó; và điều này khiến tôi ngưỡng mộ ngài. Tương truyền rằng Alexander đã để cán của cây giáo ngược với bức tường và tự đâm vào chính mình, vì một người đàn ông, kẻ giết bạn mình khi men rượu đã lấy đi sự khôn ngoan của anh ta, là kẻ không đáng sống. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả không nói gì về điều này; họ thuật lại rằng Alexander đã nằm khóc trên giường, gọi tên Cleitus và tên của chị ông là Lanice, người từng là bảo mẫu của ngài. Alexander than khóc rằng, "Ta đã may mắn được bà chăm sóc. Bà đã phải chứng kiến những đứa con của bà chiến đấu vì ta, vậy mà giờ đây, với chính đôi bàn tay này, ta đã giết chết em trai của bà". Alexander liên tục tự gọi mình là kẻ giết bạn, và trong suốt ba ngày, ngài nằm trên giường mà không ăn uống gì, cũng không quan tâm tới việc chăm sóc bản thân.

Một hệ quả của những sự kiện đau đớn này là những thầy bói phán rằng thần Dionysus đã nổi giận vì Alexander đã không làm lễ tế thần; cuối cùng, sau khi các chiến hữu thuyết phục được Alexander ăn uống và chú ý tới sức khỏe hơn, ngài đã thực hiện lễ hiến tế một cách cẩu thả. Chắc chắn rằng ngài không muốn những chuyện đã xảy ra sẽ được quy cho cơn thịnh nộ của thần linh thay vì sự tồi tệ của chính ngài. Về việc này, một lần nữa, tôi bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với Alexander: ngài đã không cố gắng biện minh cho tội ác của mình; ngài đã không bao giờ làm gia tăng tội lỗi đó bằng cách bào chữa hay biện hộ cho bản thân; ngài chỉ đơn giản thừa nhận rằng ngài thực sự đã phạm sai lầm, và không điều gì nhân văn hơn thế.

Tương truyền rằng Alexander đã tìm tới triết gia Anaxarchus[(20)], với hy vọng rằng ông ta có thể khiến ngài cảm thấy đỡ nặng nề hơn, và ngài vẫn nằm trên giường, than vãn cho số phận của mình, khi triết gia này xuất hiện.

Anaxarchus cười. Ông nói, "Ngài không biết tại sao những nhà thông thái xưa kia lại đặt thần Công lý ở bên cạnh thần Zeus sao? Điều đó cho thấy rằng bất cứ điều gì thần Zeus làm đều công bằng. Tương tự, hành động của một hoàng đế luôn được coi là hợp lẽ, trước hết bởi chính ông ta, sau đó là bởi những người còn lại trong chúng ta."[(21)]

Trong thời điểm đó, điều này ít nhiều cũng đem đến một chút an ủi – dù theo quan điểm của tôi, Anaxachus đã chẳng làm gì, ngoài việc khiến sai lầm của Alexander trở nên tồi tệ hơn. Ông ta, với vai trò một triết gia, lại cổ xúy cho quan điểm rằng một vị vua không nhất thiết phải hành động một cách công bằng, hoặc phải nỗ lực hết sức để phân biệt đúng sai – rằng bất cứ điều gì nhà vua làm đều được coi là đúng đắn.

Cũng có nhiều chuyện bên lề cho rằng vào quãng thời gian đó, Alexander đã mong muốn tất cả mọi người thực hiện nghi lễ phủ phục khi ngài xuất hiện. Điều này một phần là từ quan niệm của Alexander cho rằng thân phụ của ngài là thần Ammon chứ không phải

vua Philip, và một phần xuất phát từ sự thán phục ngày một gia tăng của ngài đối với thói ngông cuồng của người Media và người Ba Tư, điều đã được bộc lộ qua việc Alexander thay đổi trang phục và nghi lễ chung trong vương triều. Hơn nữa, vào lúc đó có rất nhiều kẻ xu nịnh ngài sẵn sàng chấp nhận cách hành xử như một nô lệ: trong số đó, có triết gia Anaxarchus – kẻ tồi tệ nhất và Agis – nhà thơ xứ Argive[22].

Tuy nhiên, có một người không ủng hộ những thay đổi này. Đó là Callisthenes xứ Olynthus, môn đệ của Aristotle. Về điểm này thì tôi hoàn toàn đồng ý với Callisthenes; tuy nhiên ông không phải là một người cư xử khéo léo, và theo quan điểm của tôi, lời nhận xét có phần khoa trương của Callisthenes (nếu nó được ghi chép chính xác) rằng nếu không có bản sử mà ông viết, Alexander và thành công của ngài chắc chắn sẽ bị quên lãng, là điều hết sức đáng tiếc. Callisthenes cũng đã từng lớn tiếng tuyên bố rằng việc ông trở thành sử gia chính thức của Alexander không phải vì ông muốn tìm kiếm danh tiếng cho bản thân mình, mà chỉ vì ông muốn nhà vua sẽ vang danh khắp thế giới; hơn nữa nếu Alexander đã được định mệnh lựa chọn để mang trong mình dòng máu thần thánh thì người ta không cần phải dựa vào những câu chuyện tầm phào của Olympias, mẹ của Alexander, về sự ra đời của ngài[23], mà đã có bản sử của Callisthenes viết về ngài, bản sử mà đích thân Alexander sẽ công bố.

Theo một giai thoại khác, Callisthenes từng được Philotas hỏi rằng, theo suy nghĩ của ông, ai mới là người được dân Athens kính trọng nhất. Callisthenes đã đáp lời rằng: "Người đáng kính trọng nhất Athens là Harmodius và Aristogeiton bởi họ đã giết chết một trong những bạo chúa, và xóa bỏ được một chính quyền thiếu trách nhiệm."[24]

"Vậy ông có nghĩ rằng", Philotas tiếp lời, "một người giết bạo chúa có thể tìm được nơi nương náu trong bất kỳ cộng đồng Hy Lạp nào ông ta chọn hay không?"

Callisthenes đã nói rằng: "Kể cả khi không ai muốn chứa chấp anh ta, anh ta vẫn có thể an toàn ở Athens; bởi người Athens trước đây đã từng vì những đứa con của Heracles mà chiến đấu chống lại cả Eurysthesus, người lúc đó đang là bá chủ của Hy Lạp."

Tôi cũng sẽ nhắc tới ở đây một câu chuyện phổ biến về sự phản đối của Callisthenes đối với việc Alexander muốn đưa nghi lễ phủ phục vào trong triều. Vị hoàng đế trẻ tuổi này cùng những triết gia và quý tộc của cả Ba Tư lẫn Media đã sắp xếp một buổi thảo luận để bàn về vấn đề này. Cuộc thảo luận được khơi mào bởi Anaxarchus, người tuyên bố rằng Alexander yêu cầu họ phải coi ngài thiêng liêng hơn cả thần Dionysus hay Heracles. Lý do cho điều này không chỉ vì sự nghiệp sáng chói và thành công của ngài, mà còn vì thực tế rằng cả thần Dionysus hay Heracles đều không có mối liên hệ gì với Macedonia: Dionysus thuộc về Thebes, và Heracles thuộc về Argos – Heracles chỉ có mối liên hệ với Macedonia thông qua Alexander, người mang dòng máu của vị thần này trong huyết quản. Bởi vậy, sẽ là phù hợp hơn đối với những người Macedonia khi trao niềm vinh dự thần thánh cho chính hoàng đế của họ. Trong bất kỳ trường hợp nào, chắc chắn họ sẽ vinh danh Alexander như một vị thần sau khi ngài qua đời; do đó, chẳng phải sẽ tốt hơn khi thực hiện nghi lễ này trong lúc ngài vẫn còn sống, hơn là chờ đợi tới lúc ngài băng hà, và chẳng thể tận

hưởng được niềm vui nào từ việc phong thánh?

Đám triết gia, những nhà quý tộc Ba Tư, rồi quý tộc Media đã thể hiện sự đồng tình của họ với mọi điều mà Anaxarchus đã nói, và chỉ mong muốn được thực hiện nghi lễ phủ phục ngay lập tức; những người Macedonia – hoặc phần lớn trong số họ – có mặt tại buổi thảo luận hôm đó đã cực lực phản đối nhưng chưa ai có đủ dũng khí để tỏ bày. Đột nhiên, Callisthenes xen vào. Ông nói:

"Về phần tôi, tôi nghĩ bệ hạ phù hợp với bất cứ niềm vinh dự nào mà một người phàm có thể có được; nhưng đừng quên rằng việc vinh danh một người phàm và thờ cúng một vị thần là không giống nhau. Sự khác biệt đó được bộc lộ theo nhiều cách: chẳng hạn, bằng việc xây dựng những điện thờ, dựng lên các bức tượng; hiến tặng đất thánh – tất cả những điều này là dành cho các vị thần; hơn nữa, đối với các vị thần, ta thực hiện các lễ hiến tế, rồi đổ rượu cúng; những bài thánh ca được sáng tác là để thờ phụng các vị thần, trong khi những lời tụng ca được viết để ngợi ca con người. Tuy vậy, tất cả những điều này không quan trọng bằng nghi lễ phủ phục. Con người chào nhau bằng một nụ hôn; nhưng đối với một vị thần, ngự trên ngai vàng huyền thoại của ngài, việc chúng ta động chạm vào ngài là không được phép – và đó là lý do tại sao chúng ta quỳ lạy để bày tỏ lòng tôn kính.[(25)]

Hơn nữa, đối với việc thờ cúng các vị thần, chúng ta thực hiện điệu nhảy nghi lễ và hát những bài ca cầu nguyện. Không có điều gì lạ về việc này, vì tất cả các vị thần đều được thờ phụng theo nhiều nghi lễ khác nhau; còn những người anh hùng, những vị bán thần, họ có những đặc quyền riêng, và những nghi thức riêng, tương đối khác biệt.

Do đó, sẽ là một sai lầm khi lờ đi những khác biệt này; chúng ta không nên biến một người đàn ông thành ra vĩ đại hơn chính người đó bằng cách trao cho ông ta một vinh dự quá lớn và khoa trương hay đồng thời, hạ thấp các vị thần một cách bất kính (nếu một điều như vậy có thể xảy ra) bằng cách đặt họ ngang hàng với một người phàm. Giả sử hôm nay có một vài người, bằng những lá phiếu hoặc biểu quyết bất công, muốn nếm trải những niềm vinh dự của hoàng tộc: liệu bệ hạ có khoan thứ hay chăng? Chắc chắn là không. Cũng chính vì thế, có những cơ sở hợp lý cho nỗi oán giận của thần linh đối với những người dám khoác lên mình niềm vinh dự thánh thần, hoặc cho phép những người khác làm việc đó.

Lúc này, Alexander xứng đáng với một danh tiếng vô song, rằng ngài là người dũng cảm nhất trong những người dũng cảm, là vua của các vị vua, là vị thống lĩnh xứng đáng nhất để chỉ huy tất cả các chỉ huy. Và ông, Anaxarchus, ông là người đã ở bên bệ hạ nhằm dẫn lối cho người tới chân lý, trên tất cả mọi người, lẽ ra ông phải là người đầu tiên nói những điều mà tôi đang nói; ông lẽ ra phải khóa họng bất cứ ai dám tranh luận về những điều sai trái. Là một người dẫn lối, ông đã làm một điều đáng hổ thẹn: ông nên nhớ rằng ông không phải là người hầu cận, người cố vấn của Cambyses hay Xerxes, mà là của con trai vua Philip, một người đàn ông mang dòng

máu của Heracles và Aeacus trong huyết quản[26], một người mà tổ tiên của ngài đã đi từ Argos tới Macedonia, nơi họ cai trị suốt nhiều thế hệ không phải bằng vũ lực, mà bằng luật pháp.

Hơn nữa, kể cả Heracles cũng không được người Hy Lạp phong thánh khi ngài còn sống – hay khi ngài đã qua đời, mà cho tới tận khi mệnh lệnh thực thi điều đó được vị tiên tri của thần Apollo tại Delphi loan báo. Ở đây, chúng ta đang đứng trên mảnh đất ngoại bang; và nếu đó là lý do tại sao chúng ta phải suy nghĩ những điều lạ lùng, thì thần van xin người, Alexander, xin người hãy nhớ tới Hy Lạp; vì lợi ích của Hy Lạp mà ngài đã thêm lục địa Á châu vào Đế chế, vì Hy Lạp mà người đã tiến hành cuộc viễn chinh. Bệ hạ cũng nên cân nhắc rằng: Khi trở về quê hương một lần nữa, liệu người có thực sự muốn cưỡng ép những người Hy Lạp, những người yêu tự do hơn bất cứ ai trên thế gian, phải phủ phục trước người? Hay là người sẽ cho đuổi những người Hy Lạp và ép những người Macedonia phải thực hiện nghi lễ đáng xấu hổ này? Hoặc là người sẽ thấy rõ được sự khác biệt chung và lớn lao về vấn đề này, và ban lệnh rằng những kẻ dã man sẽ tuân theo những tập tục dã man, trong khi những người Hy Lạp và Macedonia sẽ vinh danh người một cách tôn kính như một con người vĩ đại theo những truyền thống của Hy Lạp?

Người ta nói rằng Cyrus, con trai của Cambyses, là người đầu tiên chấp nhận nghi lễ phủ phục, và từ đó, tục lệ nhục nhã này được chấp nhận ở Ba Tư. Tuy nhiên, người phải nhớ rằng Cyrus Đại đế đã được một bộ tộc người Scythia, những người nghèo khó nhưng tự do, dạy cho một bài học đích đáng về lòng kiêu ngạo; rằng Darius đã bị sỉ nhục bởi chính người Scythia[27], như Xerxes đã bị hạ gục bởi người Athens và Sparta, như Artaxerxes đã thất thủ trước đội quân Một vạn người của Clearchus và Xenophon. Giờ đây, bệ hạ, Alexander, người đã đánh cắp từ Darius một niềm kiêu hãnh khác dù chưa từng có ai quỳ phủ phục trước ông ta."

Bài diễn văn này đã làm phật ý Alexander, nhưng lại khiến những người Macedonia cảm thấy hài lòng vì những lời Callisthenes nói ra rất phù hợp với tâm tư của họ. Alexander ý thức được điều đó. Bởi vậy, ngài nói những người Macedonia bỏ qua vấn đề này: tạm thời bác bỏ việc đưa nghi lễ proskynesis vào trong triều.

Phá vỡ sự im lặng nặng nề của cuộc gặp gỡ, những quan chức cao cấp người Ba Tư đã lần lượt rời khỏi ghế ngồi, quỳ phủ phục trước nhà vua. Leonnatus, một thành viên của đội Chiến hữu, cho rằng một trong những người đó đã có một màn trình diễn vụng về, và cười phá lên. Việc này quả thực đã hoàn toàn phá vỡ tôn nghiêm[28]. Alexander đùng đùng nổi giận – nhưng sau đó, ngài kiềm chế được và lại bày tỏ mong muốn làm bạn với Leonnatus một lần nữa.

Có nhiều dị bản ghi chép lại việc này[29]. Alexander đã cho quần thần truyền tay nhau một cái cốc bằng vàng; trước hết, ngài trao nó cho những người chấp nhận nghi lễ proskynesis. Người đầu tiên uống rượu trong chiếc cốc này, sẽ đứng lên, quỳ trước

Alexander, và sẽ nhận được một nụ hôn từ ngài.[30] Những người sau lần lượt làm theo; nhưng Callisthenes, khi tới lượt mình, đã không thực hiện nghi lễ proskynesis, mà chỉ đứng lên, đi tới chỗ Alexander và xin ngài ban cho ông một nụ hôn. Alexander, lúc đó, đang mải nói chuyện với Hephaestion và không bận tâm tới việc quan sát xem Callisthenes đã thực hiện chính xác hành động bày tỏ lòng tôn kính hay chưa, nhưng một trong những Chiến hữu – Demetrius, con trai của Pythonax, đã nhắc nhở ngài rằng Callisthenes chưa hề quỳ xuống trước khi tới thỉnh cầu ngài ban tặng một nụ hôn. Do đó, Alexander đã từ chối yêu cầu của Callisthenes. Đáp lại sự từ chối này, Callisthenes lớn tiếng nói rằng: “Cũng được thôi thưa bệ hạ. Thần sẽ mang nụ hôn đó trao tặng cho người đáng thương hơn.”

Theo quan điểm của tôi, tất cả những chuyện này đều đáng trách trong phạm vi nó phản ánh về thói kiêu ngạo ngày càng gia tăng của Alexander và cách cư xử thiếu khôn ngoan của Callisthenes. Rõ ràng, khi một người đàn ông đã nguyện phục vụ một vị hoàng đế, ông ta nên đề cao chủ nhân của mình càng nhiều càng tốt, đồng thời duy trì được cách cư xử hợp với khuôn phép; và vì lý do đó, tôi thấy rằng Alexander đã không hề bất công khi nổi giận với Callisthenes vì tính tự phụ vô lý của ông ta và vì Callisthenes đã thốt ra những lời không nên nói. Điều này hẳn lý giải cho việc tại sao người ta dễ dàng tin rằng Callisthenes đã nhúng tay vào âm mưu chống lại Alexander bởi những người hầu cận trẻ tuổi của ngài – hoặc ông ta chính là một trong những chủ mưu[31].

Thân phụ của Alexander, vua Philip, là người đầu tiên lập nên tục lệ sử dụng những thanh niên trẻ tuổi, con của những quý tộc Macedonia làm người hầu cận cho nhà vua. Những thanh niên này được tin tưởng giao phó nhiệm vụ chăm sóc cho đức vua và chịu trách nhiệm bảo vệ ngài khi ngài đang ngủ; khi nhà vua cưỡi ngựa, họ cũng sẽ được cấp cho những con ngựa tốt, và chỉ cho nhà vua cưỡi ngựa theo cách của người Ba Tư. Họ cũng sẽ cạnh tranh một cách thân thiện với đức vua trong những cuộc đi săn[32].

Một trong những thanh niên đó là Hermolaus, con trai của Sopolis, và được cho là một người yêu thích triết học, một sở thích khiến anh ta có mối quan hệ thân thiết với Callisthenes. Truyện kể rằng trong một chuyến đi săn, một con lợn rừng đã tấn công Alexander, và trước khi ngài kịp giáng cho nó một đòn chí mạng thì Hermolaus đã xông tới, giết con thú. Alexander tức giận vì bị cướp mất cơ hội, bèn hạ lệnh phạt roi Hermolaus trước mặt toàn bộ những người hầu cận khác, sau đó còn tước mất con ngựa của anh ta.[33]

Bị tổn thương một cách cay đắng bởi cách đối xử độc đoán của Alexander, Hermolaus đã nói với Sostratus, con trai của Amyntas và là bạn thân của anh ta, rằng cuộc sống này không đáng để tiếp tục cho tới khi anh ta trả được mối thù cho sự sỉ nhục khủng khiếp này, và Sostratus, người đã an ủi Hermolaus, nhanh chóng bị thuyết phục tham gia vào âm mưu chống lại nhà vua. Hai chàng trai trẻ đã nhận được sự ủng hộ của Antipater, con trai của Asclepiodorus, thống đốc cũ của Syria và của ba người khác: Epimenes con trai của Arseus, Anticles con trai của Theocritus, và Philotas con trai của một người Thrace tên là Carsis. Họ đã thống nhất là khi tới lượt Antipater gác đêm, họ sẽ giết hại Alexander trong lúc ngài đang say ngủ.

Âm mưu này không được thực hiện vì tối hôm đó Alexander uống rượu cho tới tận bình minh. Điều này chắc hẳn đã làm đảo lộn kế hoạch, dù Aristobulus có một giải thích hoàn toàn khác biệt. Theo sử gia này[34], có một người phụ nữ Syria có tài tiên tri, thường đi theo Alexander. Lúc đầu, nhà vua và các chiến hữu của ngài thường cười nhạo bà ta; nhưng, khi mọi thứ bà ta tiên đoán trong trạng thái xuất hồn đều trở thành sự thật, Alexander bắt đầu suy nghĩ khác về người phụ nữ này. Ngài không còn cười nhạo bà, và còn để bà đi theo ngài bất cứ lúc nào bà muốn, dù ngày hay đêm, và nhiều lần, còn cho phép bà canh giữ cho ngài khi ngài chìm vào giấc ngủ.

Người phụ nữ này, vào một trong những lần xuất hồn tiên tri, đã gặp Alexander khi ngài đang dần bỏ thói nghiện rượu. Bà ta khẩn nài ngài uống cho hết đêm đó, và Alexander, người tin rằng hẳn có điều gì thần bí trong lời cảnh báo này, đã làm theo lời bà. Bởi vậy, âm mưu của đám cận thần trẻ tuổi đã thất bại.

Epimenes, một trong những kẻ phạm tội, cũng giống như Hermolaus, có một người bạn rất thân thiết, Charicles, con trai của Menander; một ngày sau khi âm mưu ám sát nhà vua thất bại, Epimenes đã đem kể toàn bộ câu chuyện cho Charicles. Charicles đem chuyện kể lại cho anh trai của Epimenes là Eurylochus, người đã đi tới lều của Alexander và kể mọi chuyện cho Ptolemy, con trai của Lagus, vệ quân của nhà vua. Và Ptolemy, tới lượt mình, đã trình tấu sự vụ này lên Alexander. Ngài đã hạ lệnh bắt giữ tất cả đám thanh niên mà Eurylochus nêu tên. Bị tra khảo dưới đòn roi, họ thừa nhận tội lỗi, đồng thời, khai báo ra nhiều người khác.

Aristobulus thuật lại rằng – và Ptolemy đã xác tín điều này – những cận thần trẻ tuổi đã khai ra rằng Callisthenes đã khích động họ phạm tội. Tuy nhiên, những người có uy tín khác không hề nhắc tới điều này; họ chỉ đề cập tới việc Alexander đã dễ dàng tin ngay điều tồi tệ nhất về Callisthenes, trước hết, vì ngài vốn chẳng ưa gì ông ta, và sau đó, là vì mối quan hệ thân thiết của ông ta với Hermolaus[35].

Hơn nữa, trong trước tác của một vài sử gia[36], chúng ta tìm thấy câu chuyện kể rằng Hermolaus, khi bị đem ra xử án, đã công khai thừa nhận tội lỗi, tuyên bố rằng một người đàn ông tự trọng không thể nào chịu đựng nổi thói ngạo mạn thái quá của Alexander; và sau đó nêu lên một loạt những tội ác của ngài – việc kết liễu Philotas bất hợp pháp, tự ý hành hình cha của Philotas và lão tướng Parmenio cùng những sĩ quan khác cũng trong dịp đó, giết Cleitus, mặc trang phục Ba Tư, lên kế hoạch áp đặt nghi lễ phủ phục, thói nghiện rượu và những lần rượu chè say khướt của Alexander: tất cả những điều Hermolaus mong muốn chỉ là tìm lại tự do cho chính mình và giúp những người Macedonia thoát khỏi một kẻ phạm nhiều tội ác đến như vậy, kẻ mà giờ đây khiến mọi người không thể chịu được nữa. Hermolaus và những thanh niên khác bị bắt giữ cùng với anh ta sau đó đã bị ném đá đến chết[37].

Số phận của Callisthenes sau đó cũng có nhiều dị bản: Aristobulus viết rằng Callisthenes đã bị kéo lê trong xiềng xích ở những nơi quân đội Macedonia đi qua, cho tới khi kiệt sức và bỏ mạng. Theo Ptolemy, đầu tiên Alexander cho tra tấn Callisthenes, rồi hạ

lệnh treo cổ ông ta. Bởi vậy, chúng ta có thể thấy rằng thậm chí cả những sử gia đáng tin nhất, những người có mối liên hệ thực sự với Alexander ở thời điểm đó, cũng có những ghi chép mâu thuẫn nhau về những sự kiện mà rõ ràng họ không xa lạ gì[38]. Nhiều chi tiết khác về sự kiện này cũng được nhiều sử gia khác đưa vào theo một cách khá lộn xộn và mâu thuẫn – nên tôi không thể làm gì tốt hơn là thuật lại câu chuyện như trên. Quả thực, tôi có bàn tới những sự kiện này hơi sớm, nhưng tôi nghĩ rằng, với mục đích kể chuyện, câu chuyện của Hermolaus có liên quan tới câu chuyện của Alexander và Cleitus; vì lý do đó, tôi đã thuật lại chuyện đó ở đây, như là phần kế tiếp của câu chuyện trước.

Lúc này, Alexander đón tiếp lần thứ hai những sứ thần của người Scythia châu Âu, những người đến cùng một đoàn với những sứ thần mà đích thân ngài đã cử tới Scythia[39]. Vị vua Scythia cử họ đi vừa mới qua đời; ngai vàng đã được trao cho anh trai của ngài, và mục đích của chuyến đi sứ lần này là bày tỏ rằng Scythia sẵn lòng tuân theo mọi chỉ thị mà Alexander đưa ra; các sứ thần cũng mang theo những cống phẩm được coi là có giá trị nhất ở đất nước của họ, và họ gửi lời của vua Scythia tới hoàng đế Alexander rằng ông mong muốn gắn kết mối hợp tác liên minh hữu nghị giữa hai nước bằng cách gả con gái của ông cho ngài. Nếu Alexander không bằng lòng cưới công chúa Scythia, nhà vua vẫn nóng lòng được thực hiện điều tốt đẹp tiếp theo và rất vui lòng nếu như con gái của các thống đốc và những nhân vật quan trọng khác trong lãnh thổ Scythia được kết hôn với những sĩ quan đáng tin cậy nhất của Alexander. Hơn nữa, ông cũng sẽ đích thân tới thăm ngài, nếu ngài yêu cầu ông làm điều đó, và nhờ vậy, có thể tiếp nhận trực tiếp những chỉ thị của Alexander.

Đồng thời, vua của Chorasmia, Pharasmanes, đã tới tiếp kiến cùng 1.500 kỵ binh[40]. Ông tâu với Alexander rằng lãnh thổ của ông có chung đường biên giới với người Colchia và nữ tộc Amazon, và nếu ngài có dự tính xâm lược những khu vực này với mục tiêu làm giảm lượng người đông đảo cư trú ở vùng này cho tới tận biển Đen, ông sẵn sàng làm người dẫn đường cho ngài và cung cấp những nhu yếu phẩm cho quân đội Macedonia.

Đối với những sứ thần đến từ Scythia, Alexander trả lời họ một cách lịch sự và phù hợp: ngài nói, ta không cần một hôn ước với người Scythia. Ngài gửi lời cảm ơn Pharasmanes vì lời đề nghị của ông ta và chấp thuận hiệp ước, dù một cuộc viễn chinh tới biển Đen vào thời điểm này là không thích hợp cho lắm; và trước khi cho Pharasmanes lui, ngài giới thiệu ông ta với Artabazus, một người Ba Tư, người mà ngài đã giao trọng trách ở Bactria, và với nhiều thống đốc khác của các địa hạt lân cận. Toan tính hiện tại của Alexander là xâm chiếm Ấn Độ, và ngài cho rằng một khi Ấn Độ đã là của ngài, ngài sẽ trở thành chủ nhân của toàn bộ lục địa Á châu; sau đó, ngài dự tính sẽ trở lại Hy Lạp, và từ đó, mở cuộc viễn chinh tới vùng biển Đen qua eo biển Hellespont và biển Propontis[41] với toàn bộ lực lượng trên bộ và trên biển. Do đó, Pharasmanes sẽ có ích cho ngài nếu ông ta thực hiện đầy đủ lời đề nghị của mình khi cơ hội viễn chinh tới Biển Đen xuất hiện.

Alexander quay trở lại Oxus. Mục đích của ngài là tiến quân tới Sogdiana, vì có tin báo rằng nhiều người ở đây không chịu tuân phục vị thống đốc mà ngài chỉ định và đã cố thủ trong những công sự. Trong lúc ngài đang hạ trại dừng quân tại Oxus, một dòng nước và

một suối dầu đã đột ngột phun trào ở khu đóng quân. Ptolemy, con trai của Lagus, đã được thông báo về sự kiện khác thường này, và ông đã thuật lại điều đó với Alexander. Ngài rất quan tâm tới thiên nhiên kỳ diệu nên đã tổ chức một lễ hiến tế theo nghi thức mà các thầy bói đã đưa ra. Aristander khẳng định rằng suối dầu là dấu hiệu báo trước những khó khăn sắp tới và tiên đoán về chiến thắng cuối cùng[42].

Bốn sĩ quan – Polysperchon, Attalus, Gorgias, và Meleager – được để lại Bactria với chỉ thị giết tất cả những người bản địa không chịu tuân phục và trông chừng những rắc rối có thể xảy ra; còn Alexander, sau khi vượt Sogdiana, đã chia lực lượng của ngài thành năm phần, một phần chịu sự chỉ huy của Hephaestion, một phần do Ptolemy, con trai của Lagus, chỉ huy, phần thứ ba do Perdiccas chịu trách nhiệm, phần thứ tư là do Coenus và Artabazus. Phần thứ năm được đích thân ngài tiếp quản và cùng với lực lượng này, ngài đã tiến quân tới Marakanda, trong khi bốn vị chỉ huy khác đảm nhiệm việc tấn công khi cơ hội xuất hiện, giáng những đòn sấm sét vào những công sự, nơi một vài người bản địa đã cố chiếm cứ hoặc tiếp nhận sự quy hàng tình nguyện của những người khác.

Ngài đã hành quân qua phần lớn lãnh thổ Sogdiana, và khi toàn bộ lực lượng tái hợp tại Marakanda, Alexander đã cử Hephaestion lên kế hoạch chiếm cứ nhiều thị trấn, và đồng thời, cử Coenus và Artabazus tới Scythia, nơi Spitamenes, theo như tin cấp báo, đang lẩn trốn. Trong lúc đó, Alexander cùng với phần còn lại của đội quân hành quân tới những phần lãnh thổ khác của Sogdiana, những phần lãnh thổ vẫn còn nằm trong tay những kẻ phản loạn, và đánh bại chúng một cách dễ dàng.

Về phần Spitamenes, lúc đó ông ta cùng với một số lượng lớn những kẻ chạy trốn đã đi từ Sogdiana tới chỗ những người Massagetae[43], một nhánh của người Scythia; ở đây họ có khoảng 600 kỵ binh bản địa và tập trung tại một trong những công sự ở Bactria. Không một đơn vị đồn trú hay một thủ lĩnh nào nghĩ mình có thể bị tấn công nên Spitamenes đã dễ dàng đột kích, giết lính và bắt giữ chỉ huy. Thành công này đã khuyến khích Spitamenes một vài ngày sau đó tiến quân tới Zariaspa. Họ đã không mạo hiểm đột kích thị trấn, dù đã bắt được rất nhiều thú nuôi, và coi chúng như những chiến lợi phẩm.

Một vài người trong đội kỵ binh Chiến hữu đã bị bỏ lại vì đau ốm ở Zariaspa, và trong số đó có Peitho, con trai của Sosicles – người đã chịu trách nhiệm chăm lo cho sinh hoạt cá nhân của Hoàng đế tại thị trấn này, và người chơi đàn hạc là Aristonicus. Hai người đã hồi phục đủ để cưỡi ngựa và tham gia chiến đấu khi cuộc tấn công của người Scythia diễn ra; bởi vậy, ngay khi biết tin đó, họ đã cùng với khoảng 80 kỵ binh – lính đánh thuê, rời khỏi đơn vị đồn trú ở thị trấn; cùng với một vài cận vệ của Hoàng đế, họ đã cố gắng đẩy lùi cuộc tấn công của quân thù. Đám quân ít ỏi của Macedonia đã bất ngờ tấn công quân Scythia, và ở lần đột kích đầu tiên, họ đã thành công: họ chiếm lại tất cả những gia súc bị đánh cắp và giết chết những kẻ thù đang cố gắng chống trả; nhưng khi họ bị đẩy lùi vào thị trấn, Spitamenes và quân Scythia đã tóm gọn họ trong một cuộc phục kích. Bảy kỵ binh Chiến hữu và khoảng 60 lính đánh thuê thiệt mạng. Aristonicus cũng đã tử trận – tuy nhiên, ông đã ngã xuống không phải như một người chơi đàn hạc mà như một người đàn ông[44]; còn Peitho bị thương và bị bắt làm tù binh.

Ngay khi biết tin về sự kiện này, Craterus đã không lãng phí thời gian, hành quân chống lại người Massagetae, những người đã rút lui một cách vội vàng về phía sa mạc khi họ quan sát thấy ông đang đến gần. Craterus bám sát quân địch và đã phát hiện ở khu vực không xa phần rìa của sa mạc, những người Massagetae và một lượng lượng bao gồm 1.000 lính kỵ binh. Một cuộc giáp chiến ác liệt nổ ra. Quân Macedonia giành chiến thắng. Người Scythia thiệt hại khoảng 150 quân kỵ; phần còn lại đã rút chạy an toàn vào sa mạc, trong khi Craterus nhận thấy khó lòng tiếp tục truy đuổi họ.

Cũng thời gian đó, Artabazus thỉnh cầu Alexander cho phép ông rút khỏi chức thống đốc Bactria vì lý do tuổi tác. Alexander đáp ứng thỉnh nguyện này và chỉ định Amyntas, con trai của Nicolaus, thay thế vị trí của Artabazus[45]. Ngài để Coenus ở lại địa phận này với một lực lượng bao gồm đội quân riêng của Coenus và những tiểu đoàn của Meleager, khoảng 400 quân Chiến hữu, toàn bộ lính đánh giáo, và những đội quân từBactria và Sogdiana đã đi cùng Amyntas. Chỉ thị của ngài là họ phải tuân theo mọi mệnh lệnh từ Coenus và trú đông ở Sogdiana, một phần là để đề phòng, và một phần là để có cơ hội giăng bẫy Spitamenes vì ông ta có thể đang lẩn trốn ở khu vực lân cận trong mùa đông tới.

Khi Spitamenes nhận ra rằng toàn bộ khu vực đã bị các đơn vị đồn trú Macedonia nắm giữ và chẳng hề có lối thoát nào cho ông lẫn quân lính, ông quyết định tấn công Coenus với hy vọng giành được một thắng lợi lớn hơn ở địa phận này. Tại Bagae, một thành trì của Sogdiana tại biên giới của người Massagetae, họ đã dễ dàng thu phục được một lực lượng khoảng 3.000 kỵ binh Scythia, chuẩn bị cho cuộc tấn công vào Sogdiana. Những người Scythia này luôn sẵn sàng tham gia vào bất cứ một cuộc chiến nào – sự nghèo khó của họ rõ ràng là một nguyên nhân; nhưng, hơn nữa, họ không có thị trấn nào, không có nơi định cư nào, và bởi vậy, chẳng hề sợ hãi việc sẽ mất đi những gì quý giá đối với họ.

Nhận được tin về cuộc tiến quân của kỵ binh Spitamenes, Coenus đã sẵn sàng đương đầu với họ. Đó là một cuộc chiến khốc liệt mà quân Macedonia đã giành chiến thắng. Hơn 800 kỵ binh của quân địch đã bị giết, trong khi thiệt hại về người bên phía Coenus vào khoảng 25 quân kỵ và 12 quân bộ. Trong khi Spitamenes cố gắng trốn thoát, ông ta đã bị hầu hết quân Bactria và những đội quân tới từ Sogdiana bỏ mặc, tất cả bọn họ đều đầu hàng Coenus. Người Massagetae đánh dấu thất bại của họ bằng cách cướp hết những xe chở hành lý của những người bạn đồng hành trong trận chiến, sau đó bỏ trốn cùng Spitamenes vào sa mạc; nhưng ngay khi biết tin Alexander cũng đang tiến quân vào khu vực này, họ đã chặt đầu Spitamenes và mang nó đến cho ngài, với hy vọng hành động thân thiện này có thể khiến ngài không quấy nhiễu họ.

Trong thời gian đó, tại Nautaka, Alexander đã gặp lại Coenus và Stasanor, xatrap của Aria, cùng những đội quân dưới quyền chỉ huy của Craterus và Phrataphernes, xatrap của Parthia. Những sĩ quan này đã thực hiện thành công tất cả những chỉ thị của Alexander[46]. Lúc này đang là giữa mùa đông, Alexander đã hạ trại tại Nautaka, và cử Phrataphernes tìm kiếm Autophradates, xatrap của Mardia và Tapuria, người đã nhiều lần phớt lờ mệnh lệnh của Alexander về việc phải đích thân đến báo cáo ngài. Ngài chỉ định Stasanor tiếp quản chức Thống đốc Drangae, và Atropates thay thế vị trí của Oxodates ở Media, khi người này

tỏ ra không đáng tin. Mazaeus, thống đốc của Babylon, được báo tin là đã qua đời. Stamenes được cử tới để thay thế. Sopolis, Epocillus và Menidas được lệnh quay về Macedonia để tìm kiếm viện quân.

Tin cấp báo tới cho biết một số lượng lớn những người bản địa đã trốn vào pháo đài được biết tới với cái tên Pháo đài đá vùng Sogdiana [the Rock of Sogdiana], và trong số đó, có vợ và các con gái của Oxyartes người Bactria, người đã từ chối tuân phục Alexander và đã chọn bỏ trốn cùng gia đình với niềm tin rằng pháo đài là nơi không thể bị đánh chiếm. Đó là thành lũy cuối cùng của Sogdiana; nếu nó sụp đổ, họ sẽ chẳng còn hy vọng gì để kháng cự. Do đó, khi mùa xuân vừa bắt đầu, Alexander đã tiến quân tới pháo đài này.(47)

Khi tới gần pháo đài, ngài nhận thấy rằng mọi mặt của pháo đài đều dốc đứng, rất khó tấn công. Những người bản địa đã dự trữ lương thực cho một cuộc vây hãm kéo dài, và tuyết dày trên đỉnh núi đã khiến việc tiến quân của quân Macedonia vốn đã bất lợi lại càng khó khăn hơn, trong khi điều đó lại đảm bảo nguồn nước vô tận cho quân địch. Dù vậy, Alexander vẫn quyết định tấn công.

Lý do cho quyết định này của Alexander có thể là vì một vài điều mà người bản địa đã nói. Một vài lời ba hoa lăng mạ đã khiến ngài nổi giận và càng thêm quyết tâm chiến đấu. Alexander đã kêu gọi những người bản địa thương thảo, ngài hứa sẽ cho phép họ về nhà an toàn với điều kiện họ phải giao nộp thành lũy; nhưng câu trả lời cho đề nghị này chỉ là tiếng cười lớn. Sau tiếng hét khó hiểu và hoang dại, họ đáp lời Alexander rằng ngài nên tìm cách để đánh chiếm Pháo đài và sẽ chẳng có gì khiến người Sogdiana sợ hãi. Hệ quả là, Alexander đã tuyên bố trao thưởng 12 ta-lăng cho người đầu tiên leo được lên núi, 11 ta-lăng cho người thứ hai, 10 ta-lăng cho người thứ ba, và cứ tiếp diễn như thế cho tới người thứ mười hai, người sẽ nhận được 300 đồng daric vàng(48). Binh lính vốn đã hăng hái nay lại có thêm tuyên bố này nên càng được khích lệ.

Có khoảng 300 người trong những cuộc vây thành trước kia có kinh nghiệm leo núi. Lúc này, họ được tập trung lại. Họ tự trang bị cho mình những cọc lều nhỏ bằng sắt mà họ sẽ sử dụng để đi trên tuyết nơi đã đóng băng hoặc cắm chúng vào phần đất trống mà họ có thể sẽ băng qua. Đồng thời, họ cũng mang theo những sợi dây bằng lanh rất bền chắc. Nhóm binh lính này đã tiến quân dưới sự che phủ của bóng đêm tới phần dốc nhất của núi đá, nơi mà họ biết rằng ít được bảo vệ nhất; sau đó, họ sử dụng cọc lều cắm vào phần đất trống hoặc vào những mảng tuyết mà dường như có thể chịu được sức nặng tốt nhất, rồi họ tự kéo mình lên, ở bất cứ nơi nào có thể tìm được đường lên. Khoảng 30 người đã thiệt mạng khi leo núi vì rơi xuống nhiều nơi khác nhau trên tuyết lạnh, thi thể của họ không bao giờ được tìm thấy để chôn cất, nhưng những người còn lại đã leo lên tới đỉnh núi khi trời vừa sáng, và nhanh chóng chiếm giữ nơi này. Theo lệnh của Alexander, họ đã báo tín hiệu thành công cho những đội quân ở dưới bằng cách vẫy những mảnh vải lanh, và Alexander đã cử một người báo tin hò hét cho những tiền đồn của địch biết rằng họ đã bị bao vây, vì ngài, Alexander đã tìm được những người đàn ông có cánh, và giờ đây những người này đang chiếm cứ đỉnh núi. Ngài thậm chí còn chỉ tay về phía phần chóp của pháo đài, nơi những binh lính của ngài đang đứng ở đó.

Cảnh tượng không mong đợi này là một cú sốc nghiêm trọng đối với người bản địa. Dù chỉ nhìn thấy được một số binh lính Macedonia ít ỏi, nhưng điều đó đủ làm họ cảm thấy vô cùng sợ hãi. Những người bản địa đã sớm liên tưởng tới cảnh một lực lượng hùng mạnh được trang bị vũ khí đầy đủ sẽ chiếm cứ pháo đài. Do đó, họ đã đầu hàng. Trong đám tù nhân có nhiều phụ nữ và trẻ em – đáng kể nhất là vợ và các cô con gái của Oxyartes.

Một trong những cô con gái của Oxyartes tên là Roxane. Nàng đang ở độ tuổi kết hôn, và đám binh lính tham gia chiến dịch này đều nói rằng ngoài vợ của Darius ra thì Roxane là thiếu nữ khả ái nhất mà họ từng thấy ở châu Á. Alexander đã yêu nàng ngay từ cái nhìn đầu tiên; tuy nhiên, dù nàng đã trở thành tù nhân, ngài đã không dùng vũ lực để ép buộc nàng làm theo ý mình mà hạ cố kết hôn với nàng[49]. Về hành động này, tôi ca ngợi Alexander hơn là trách móc ngài.

Về vợ của Darius, người được ca ngợi là người phụ nữ đẹp nhất châu Á, Alexander cũng không có tà ý gì, hoặc nếu có, ngài đã kiểm soát dục vọng của mình, bất chấp thực tế rằng ngài còn trẻ và đang ở đỉnh cao quyền lực – một sự kết hợp của những điều kiện thường dẫn hầu hết những người đàn ông tới sự sa đọa. Alexander tôn trọng nàng và để nàng được yên. Về điều này, ngài đã bộc lộ một sự tự chủ lớn – mặc dù, chắc chắn ngài cũng đã bày tỏ lòng khao khát[50].

Có một câu chuyện kể về Darius[51] rằng không lâu sau thất bại ở trận Issus, một hoạn quan chịu trách nhiệm trông nom vợ của Darius đã tìm được đường tới gặp vị vua Ba Tư này. Câu hỏi đầu tiên của Darius là không rõ mẹ ông, vợ và con ông ta có còn sống hay không, và ông được trả lời rằng họ không những không bị giết hại, mà còn được giữ lại tước hiệu hoàng tộc, được đối xử đúng với lễ nghi như khi ông còn tại vị trên ngai vàng. Sau đó, Darius tiếp tục hỏi về việc liệu vợ ông ta có còn giữ được lòng chung thủy không.

Vị hoạn quan đáp lời: “Hoàng hậu vẫn giữ lòng chung thủy với người.”

“Alexander đã không hề ép buộc hay lăng mạ nàng chăng?”

“Thưa bệ hạ”, vị hoạn quan trả lời cùng với lời tuyên thệ, “hoàng hậu vẫn vẹn nguyên như khi bệ hạ rời bỏ người. Còn về phần Alexander, ông ta là một người đàn ông có phẩm giá và ít bị dục vọng sai khiến.”

Darius đưa hai tay lên trời và cầu nguyện. “Xin thần Zeus[52], người quản chiếu công việc của những ông vua trên thế gian, xin ngài hãy bảo vệ đế chế của người Media và người Ba Tư; nhưng nếu ngài không còn muốn con là vua của châu Á nữa, thì hãy giao phó ngai vàng của con cho Alexander chứ không phải ai khác.”

Quay trở lại với câu chuyện về thành lũy cuối cùng của Sogdiana. Khi Oxyartes biết tin các cô con gái của ông đã bị bắt giữ, và trong số đó, Alexander đã đem lòng yêu Roxane, ông đã có thêm dũng khí để trình diện trước ngài. Trong hoàn cảnh như vậy, Alexander đã đối xử với Oxyartes với tất cả sự tôn trọng.

Cùng với việc chiếm giữ thành lũy trên đỉnh núi, những hoạt động quân sự ở Sogdiana đều thành công. Cuộc tấn công tiếp theo của Alexander là nhằm vào lãnh thổ của Pareitacae, nơi một lực lượng lớn những người bản địa đang chiếm cứ một pháo đài bằng đá khác, Pháo đài Đá của Chorienes[53]. Chính Chorienes, cùng với nhiều người có địa vị khác trong khu vực này, đã lẩn trốn ở đây. Núi đá này cao khoảng 3.658 mét và có chu vi khoảng 11 kilômét, các phía đều dốc đứng; chỉ có một đường lên duy nhất là một con đường hẹp và khó đi, chia đôi mặt núi đá và dẫn đến hệ quả là, rất khó có thể leo núi kể cả với đội hình hàng một và không bị tấn công. Pháo đài còn được bao quanh bởi một khe núi sâu, nên muốn tổ chức bất cứ một đợt tấn công nào cũng phải lấp đầy khe núi này rồi sau đó mới có thể tấn công. Tuy nhiên, thành công đã khiến người ta có nhiều dũng khí để liều mạng, nhất là vào thời điểm đó, khi Alexander tin rằng không có nơi nào ngài không thể đặt chân tới và không có pháo đài nào ngài không thể hạ được. Bất chấp khó khăn, vị thống lĩnh trẻ tuổi vẫn quyết định tấn công. Sau khi đốn hạ một vài cây thông, loài cây mọc phổ biến xung quanh chân núi, ngài đã cho thiết kế thang để quân lính có thể đi xuống khe núi, điều gần như là bất khả nếu sử dụng các phương tiện khác. Ban ngày, ngài điều động một nửa số binh lính lo công việc này và đích thân giám sát. Ban đêm, một nửa số binh lính còn lại sẽ tới làm việc, lần lượt chia thành ba ca, dưới sự giám sát của những vệ quân, bao gồm Perdiccas, Leonnatus, và Ptolemy, con trai của Lagus. Công việc này rất nặng nhọc. Trong ánh sáng ban ngày, quân Macedonia chỉ làm được khoảng 9 mét, và còn làm được ít hơn vào ban đêm, dù họ đã huy động toàn bộ lực lượng. Phương pháp họ sử dụng là trèo xuống đúng phần hẹp nhất của khe núi, và đóng cọc theo những khoảng cách chính xác để chúng có thể chịu được trọng tải đè lên, bao gồm các phên liếp (như trong xây dựng cầu) để cạnh nhau một cách chắc chắn, với một lớp đất ở trên. Theo cách này, đội quân có thể tiếp cận được pháo đài.

Ban đầu, quân địch cho rằng việc xâm nhập pháo đài là bất khả, nhưng khi thấy công trình của Alexander dần được hoàn thành, họ đã tung ra những đợt tấn công từ trên cao nhằm đánh bật quân Macedonia. Tuy nhiên, nỗ lực kháng cự này không thành công, và quân Macedonia vẫn tiếp tục công việc xây dựng đường vào thành dưới sự bảo vệ của các tấm lá chắn. Trước tình huống không mong muốn này, Chorienes đã hoảng sợ. Ông ta gửi một thông điệp tới Alexander để xin ngài cho phép Oxyartes tới gặp mình. Alexander chấp thuận, Oxyartes sau đó đã thuyết phục Chorienes từ bỏ thành lũy và đầu hàng Alexander. Một mặt, Oxyartes nói rằng, chẳng có mảnh đất nào trên thế gian có thể trụ vững trước sức mạnh của Alexander và quân đội của ngài; mặt khác, để tránh bị nghi ngờ, Oxyartes đã không nói gì khác ngoài những lời ngợi ca danh tiếng và sự công bằng của vị hoàng đế trẻ tuổi. Có rất nhiều ví dụ chứng minh cho điều này, ít nhất là từ cách đối xử mà ông nhận được từ ngài. Chorienes đã bị thuyết phục; ông tới diện kiến Alexander cùng một vài người thân và chiến hữu, và nhận được từ ngài sự đảm bảo cho tình hữu nghị. Alexander giữ ông ở bên cạnh, và nói rằng ông nên cử bất cứ người nào mà ông đã mang theo khi tới gặp ngài trở lại pháo đài và yêu cầu toàn bộ những người trong đó đầu hàng. Những đội quân xung quanh đó đã nhanh chóng tiếp nhận pháo đài. Sau đó, đích thân Alexander cùng với 500 vệ quân cũng leo lên đỉnh núi cho thỏa chí tò mò. Ngài đối xử với Chorienes với tất cả lòng kính trọng, trao lại quyền kiểm soát pháo đài vào tay ông và cho phép ông tiếp tục cai trị

vùng lãnh thổ cũ.

Mùa đông đã khiến quân đội của Alexander gần như kiệt sức. Tuyết rơi xuống quá nhiều suốt thời gian vây thành trong khi lương thực ngày một cạn kiệt. Tuy vậy, Chorienes đã dâng tặng hai tháng lương thực cho toàn bộ quân đội; từ những kho dự trữ trên đỉnh núi, ông đã phân phát rất nhiều ngũ cốc, rượu và thức ăn khô cho mỗi căn lều, hoặc mỗi nhóm quân – và tuyên bố rằng thậm chí ông còn chẳng dùng đến một phầnmười số lương thực dự trữ trong thời gian bị vây thành. Vì việc này, Alexander lại càng thêm kính trọng Chorienes, bởi điều đó rõ ràng cho thấy rằng việc Chorienes đầu hàng ngài không phải vì ông không thể kéo dài việc giữ thành mà vì ông đã có suy nghĩ, tính toán thận trọng.

Lần tiến quân tiếp theo của Alexander là tới Bactra. Craterus, với một lực lượng gồm 600 quân Chiến hữu, đội quân riêng của ông, những tiểu đoàn bộ binh của Alcetas, và những binh lính dưới quyền chỉ huy của Polysperchon và Attalus, đã được hạ lệnh hành quân tấn công Catanes và Austanes, hai kẻ cuối cùng trên lãnh thổ Pareitacae vẫn không chịu quy hàng. Một cuộc chiến dữ dội đã nổ ra. Craterus giành chiến thắng. Catanes bị giết trong trận chiến, còn Austanes bị bắt làm tù binh và được mang tới chỗ Alexander. Về lực lượng quân bản địa dưới quyền chỉ huy của hai người này, có khoảng 120 kỵ binh và 1.500 bộ binh đã thiệt mạng. Sau chiến thắng, Craterus đã cùng với quân lính của mình tới tập kết với Alexander tại Bactra, chính là nơi Alexander đã có một trải nghiệm chẳng mấy dễ chịu với Callisthenes và những người hầu cận trẻ tuổi của ngài.

Cuối mùa xuân[54], Alexander bắt đầu hành quân tới Ấn Độ, để lại Amyntas ở Bactria với một lực lượng gồm 3.500 quân kỵ và 10.000 quân bộ. Ngài đã băng qua Caucasus của Ấn Độ, và trong mười ngày đã đặt chân lên đất Alexandria, thị trấn mà ngài đã sáng lập trên lãnh thổ của Parapamisadae trong cuộc viễn chinh đầu tiên của ngài tới Bactria. Vị thống đốc, người mà Alexander bổ nhiệm trong dịp đó, đã bị ngài bãi nhiệm vì không đủ năng lực. Đồng thời, ngài đã giúp gia tăng dân định cư bằng cách thêm vào những nhóm người từ khu vực lân cận và các nhóm binh lính không đủ sức khỏe để tiếp tục chinh chiến. Nicanor, một trong những Chiến hữu, đã nhận nhiệm vụ kiểm soát việc định cư, và Tyriaspes được bổ nhiệm làm thống đốc lãnh thổ Parapamisadae cùng với phần còn lại của khu vực kéo dài tới tận sông Cophen[55]. Sau đó, trên đường tới Nicaea, nơi ngài tổ chức lễ tế thần Athene, Alexander đã hành quân tới Cophen, ra chỉ thị cho Taxiles[56] và những người Ấn Độ ở phía tây sông Ấn tới tiếp kiến ngài vào bất kỳ thời điểm nào thuận tiện. Taxiles và những thủ lĩnh khác đã tuân theo lệnh triệu hồi, mang theo một vài món quà có giá trị nhất trong khu vực của họ, và đề nghị dâng tặng Alexander 25 con voi chiến đi cùng.

Lúc này, Alexander đã tiến hành phân chia lực lượng. Hephaestion và Perdiccas, cùng với những tiểu đoàn của Gorgias, Cleitus, và Meleager, một nửa đội Chiến hữu và tất cả kỵ binh đánh thuê, nhận lệnh tiến quân tới Peucelaotis, hướng về sông Ấn. Chỉ thị nhanh chóng được thực hiện không chỉ bởi toàn quân mà còn vì nhận được sự đồng thuận của tất cả những nơi mà họ hành quân qua. Khi đặt chân tới khu vực gần sông Ấn, toàn quân đã có những sự chuẩn bị phù hợp để vượt sông[57]. Taxiles và những thủ lĩnh Ấn Độ khác được cử đi cùng với họ, và mệnh lệnh của Alexander đã được thực hiện đầy đủ khi toàn bộ lực

lượng đi tới bờ sông.

Astes, thống đốc của Peucelaotis, đã gây ra vài trở ngại nhưng sau đó, đã bỏ mạng trong quá trình chống cự và chính Astes là người đã hủy hoại thị trấn mà ông ta đã nỗ lực giữ lại. Thị trấn này đã bị Hephaestion hạ sau 30 ngày vây hãm. Sau cái chết của Astes, Sangaeus đã kiểm soát thị trấn – người này lúc trước đã từng có vài lần bỏ mặc Astes và gia nhập nhóm của Taxiles, một việc khiến Alexander có thể tin tưởng được ông ta.

Mục tiêu tiếp theo của Alexander là lãnh thổ của người Aspasia, Guraea, và Assacenia[58]. Lực lượng ngài mang theo gồm có vệ quân, tất cả kỵ binh Chiến hữu mà vào thời điểm đó không phải phụng sự Hephaestion, bộ binh Chiến hữu, cung thủ, quân Agrianes, và những kỵ binh đánh giáo. Đường hành quân, dọc theo dòng Choes, gập ghềnh và nhiều núi; hơn nữa, việc vượt sông cũng không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Alexander nhanh chóng hạ lệnh cho đội hình chính của bộ binh hành quân theo tốc độ riêng, còn đích thân ngài cùng với kỵ binh và khoảng 800 bộ binh Macedonia, những người ngài để cho cưỡi ngựa, mang theo khiên của bộ binh và tốc lực hành quân. Trong thời gian đó, ngài nhận được tin cấp báo rằng những người bản địa ở khu vực lân cận đã chiếm cứ những địa điểm phòng vệ, hoặc ở trên những ngọn đồi hoặc ở trong những thị trấn, đủ kiên cố để kháng cự. Thị trấn đầu tiên trong số những thị trấn này nằm trên đường hành quân của ngài, và Alexander đã không gặp vấn đề gì trong việc bố trí lực lượng vây hãm bên ngoài, buộc những người bản địa phải trốn trong những chốt phòng vệ. Tuy nhiên, trong đợt vây hãm này, ngài đã bị đâm xuyên qua vai. Vì ngài có mặc áo giáp nên vết thương không nghiêm trọng lắm. Ptolemy, con trai của Lagus, và Leonnatus cũng bị thương. Sau đó, Alexander đã chiếm cứ một cứ điểm dường như dễ đột kích nhất đối diện với khu vực các chốt phòng vệ của thị trấn và quyết định tấn công vào rạng sáng ngày hôm sau. Có hai lớp bảo vệ xung quanh thị trấn, và lớp phòng vệ bên ngoài, được xây dựng khá cẩu thả, đã bị quân Macedonia chiếm giữ một cách dễ dàng; tại lớp phòng thủ thứ hai, quân địch vẫn duy trì sự kháng cự, nhưng một khi những thang leo thành đã vào vị trí và quân lính bảo vệ thành bắt đầu phải chịu tổn thất nặng nề từ những vũ khí ném, họ đã bỏ thị trấn và chạy về phía những ngọn đồi. Một số người đã bị giết khi cố gắng bỏ chạy, và tất cả tù binh đã bị quân Macedonia chém giết không nương tay, trả thù cho vết thương mà họ đã gây ra cho Alexander. Tuy nhiên, một số lượng lớn những người bản địa đã chạy thoát lên những ngọn đồi ở cách đó không xa. Alexander đã san bằng thị trấn và tiếp tục di chuyển tới Andaca – nơi vừa mới quy thuận ngài. Craterus và những chỉ huy bộ binh khác đã được để lại vùng này để thu xếp những việc phát sinh, và hạ bất cứ một thị trấn nào dám không quy phục Alexander, trong khi ngài tiếp tục hành quân cùng với vệ quân, cung thủ, quân Agrianes, những tiểu đoàn của Coenus và Attalus, đội kỵ binh được tuyển chọn, khoảng bốn trung đoàn của những kỵ binh Chiến hữu khác, và một nửa số kỵ binh Archers. Đường hành quân của ngài đi về phía sông Euaspla, và sau một cuộc hành quân dài, vào ngày thứ hai của hành trình, ngài đã tới thị trấn nơi thống đốc của Aspasia đang cư ngụ. Những người bản địa đã sớm biết tin về cuộc hành quân. Họ đốt bỏ thị trấn và bỏ chạy lên các ngọn đồi, trong khi quân của Alexander truy đuổi họ khắp các nẻo đường. Nhiều người bản địa đã bỏ mạng trước khi những ngọn đồi dốc giúp họ thoát khỏi cuộc tàn sát của quân Macedonia.

Trong suốt cuộc truy đuổi, Ptolemy, con trai của Lagus, đã phát hiện thủ lĩnh người Ấn Độ của địa hạt này: ông ta đã chạy lên một quả đồi và đang cố gắng bỏ trốn cùng một vài vệ quân. Dù lực lượng của Ptolemy ít ỏi hơn nhiều so với vị thủ lĩnh kia, ông vẫn quyết định đuổi theo; đường đồi quá dốc và gập ghềnh khiến cho ngựa của Ptolemy không thể đi được, nên ông đành bỏ lại ngựa cho một người đàn ông dẫn đường, và tiếp tục chạy bộ đuổi theo vị thủ lĩnh người Ấn Độ. Khi phát hiện thấy Ptolemy, vị thủ lĩnh và các vệ sĩ của ông ta quay ra tấn công ông. Họ đã có một cuộc giao chiến ác liệt. Vị thủ lĩnh người Ấn Độ với chiếc giáo dài đã liên tục đâm vào ngực Ptolemy. Mũi giáo đã làm rách áo giáp của Ptolemy nhưng chưa đâm xuyên được qua người. Ptolemy đáp trả bằng một đòn tấn công giáng mạnh vào bắp đùi của vị thủ lĩnh người Ấn Độ, đánh ngã và tước vũ khí của ông ta, trong khi đám vệ sĩ vừa thấy thủ lĩnh của mình bị hạ, đã vội vã bỏ trốn. Những người Ấn Độ khác trên những ngọn đồi lân cận, đau buồn trước cảnh tượng xác của thủ lĩnh bị quân thù kéo đi, đã nhanh chóng chạy xuống chân đồi, tấn công dữ dội để cướp lại cái xác. Trong lúc đó, Alexander và kỵ binh của ngài, khi đó đã xuống ngựa, đứng không xa quả đồi; họ đã tham gia cuộc giáp chiến, và thành công trong việc đẩy lùi những người Ấn Độ về phía những quả đồi và chiếm lại được cái xác.

Khi băng qua vùng này, Alexander đã tới một khu định cư được gọi Arigaeum[59]. Ngài chiếm cứ nơi này, cho dù nó đã bị những cư dân ở đây đốt phá và bỏ hoang. Cũng chính ở Arigaeum, ngài hợp nhất đội quân cùng với nhóm của Craterus, với tin mừng là mọi chỉ thị của ngài đều đã được thực hiện. Alexander rất quan tâm tới vùng Arigaeum nên ngài đã hạ lệnh cho Craterus củng cố nơi này, bố trí định cư cho bất cứ nhóm người bản địa nào ở khu vực lân cận có nguyện vọng được sinh sống ở đây, và những nhóm binh lính không đủ sức khỏe để tiếp tục phục vụ trong quân ngũ. Sau khi hoàn thành việc này, Alexander đã tiến quân tới một khu vực mà ngài được báo cáo rằng hầu hết những lực lượng quân bản địa đang tập trung ở đây với mục đích canh giữ phòng tuyến riêng của họ, và đã tạm dừng chân tại những ngọn đồi thấp dưới chân núi.

Trong khi Alexander hạ trại tại địa điểm này, Ptolemy, người được cử đi tìm kiếm lương thực và dẫn dầu một đội quân với một nhóm nhỏ quân trinh sát, đã báo cáo rằng ông đã thấy lửa trại của quân địch, và lực lượng của họ đông đảo hơn lực lượng Macedonia. Alexander nhận tin báo này với đôi chút hoài nghi, ngài cho rằng số lượng lửa trại có thể là trò mưu mẹo; do đó, ngài quyết định tiến công. Một phần lực lượng được Alexander để lại dưới chân núi, còn đích thân ngài tiến quân cùng với một nhóm những đội quân mà ngài cho là đủ để đối phó với tình hình như ngài đã nhận được trong bản báo cáo. Ngay khi quân của Alexander có thể nhìn thấy những ngọn lửa trại của địch quân ở tầm gần, ngài chia nhỏ lực lượng thành ba phần. Một phần bao gồm những đội quân của Attalus và Balacrus, được đặt dưới quyền chỉ huy của Leonnatus, một thành viên của đội vệ sĩ riêng của Alexander. Một phần khác bao gồm một phần ba vệ quân, những đội quân của Philip và Philotas, hai trung đoàn cung thủ, quân Agrianes, và một nửa đội kỵ binh được giao phó cho Ptolemy, con trai của Lagus. Còn phần thứ ba, được Alexander đích thân tiếp quản, tấn công vào nơi mà quân bản địa dường như đang tập trung đông nhất[60].

Những người Ấn Độ rất tự tin về số lượng và cứ điểm của họ, một nơi có tầm nhìn xa;

nên khi thấy quân Macedonia xuất hiện với một lực lượng rõ ràng là thua kém hơn, quân Ấn Độ đã tỏ vẻ khinh thường, họ bắt đầu rời khỏi vùng đất cao và chuẩn bị giáp chiến. Một cuộc chiến dữ dội đã nổ ra. Phân đội của Ptolemy đã không chờ để bị tấn công trên vùng đất bằng; những người bản địa đã nắm giữ ngọn đồi, và Ptolemy đã tiến quân theo đội hình hàng dọc dường như là lựa chọn tốt nhất cho việc đột kích; sau đó ông bao vây ngọn đồi, để lại một khoảng trống trong đội hình để có thể siết chặt gọng kìm nếu quân địch mở đường thoát qua lối này. Đây cũng là một cuộc chiến ác liệt – vì cứ điểm của người Ấn Độ là một cứ điểm vững chãi, và họ dường như là những chiến binh dũng cảm nhất trong tất cả những bộ tộc ở trong khu vực. Mặc dù vậy, họ vẫn bị đẩy lùi về phía ngọn đồi, trong khi toán quân thứ ba, dưới sự chỉ huy của Leonnatus, cũng đã giành được chiến thắng. Theo ghi chép của Ptolemy, tổng số tù nhân lên tới 40.000 người, và có khoảng 230.000 con bò đực bị bắt làm chiến lợi phẩm. Alexander đã chọn những con bò khỏe mạnh nhất, vì chúng đẹp và có kích thước khác thường, và bày tỏ mong muốn gửi chúng tới Macedonia để cày bừa.

Từ đó, ngài hành quân tới lãnh thổ của người Assacenia, những người đã được báo cáo là đang chuẩn bị một lực lượng kháng cự, bao gồm 2.000 kỵ binh, trên 30.000 bộ binh và 30 voi chiến. Alexander dẫn đầu một lực lượng bao gồm đội Chiến hữu, kỵ binh đánh giáo, những tiểu đoàn Coenus và Polysperchon, một ngàn quân Agrianes, và cung thủ; trong khi Craterus, người lúc này đã hoàn thành việc củng cố thị trấn định cư mà ông ta được giao phó, cũng đã mang theo những đơn vị vũ trang hạng nặng và những phương tiện vây thành, trong trường hợp cần thiết. Đường hành quân của Alexander băng qua vùng đất của những người Guraea. Dòng sông mà địa hạt này mang tên cũng không dễ vượt qua, vì nó vừa sâu vừa dốc; nhiều tảng đá lớn ở giữa dòng lại càng khiến việc vượt sông trở nên khó khăn hơn. Mặc dù vậy, quân bản địa khi thấy Alexander đang hành quân tới đã không dám tập trung toàn bộ lực lượng để đương đầu với ngài, mà chia nhỏ ra thành từng nhóm, chạy về những thị trấn khác nhau của họ, nơi họ hy vọng có thể tự bảo vệ mình và giữ lấy mảnh đất quê hương.

Cuộc tấn công đầu tiên của Alexander trong đợt này là nhằm vào Massaga[(61)], thị trấn lớn nhất trong khu vực. Khi thấy quân đội của ngài tập trung ở gần tường thành, người bản địa vẫn rất tự tin với lực lượng khoảng 7.000 lính đánh thuê đến từ vùng nội địa của Ấn Độ. Rõ ràng là Alexander muốn trận chiến diễn ra ở gần thị trấn; do đó, ngài quyết định dụ địch ra khỏi thành, nhằm bảo đảm rằng, nếu địch rút lui – vì ngài chắc chắn họ sẽ rút lui – họ sẽ không thể có đường tháo chạy dễ dàng sau phòng tuyến của những bức tường thành. Do đó, khi thấy họ tràn ra ngoài thị trấn, ngài đã hạ lệnh rút quân tới một cứ điểm trên khu đất cao, cách cứ điểm mà ban đầu ngài định lựa chọn khoảng 1,6 kilômét. Dấu hiệu rõ ràng của sự thất thế này đã châm ngòi cho quân địch; và trong một đội hình lộn xộn, họ bắt đầu tấn công. Nhưng ngay khi quân địch nằm trong tầm bắn của cung thủ, Alexander đã ra hiệu tấn công và sử dụng đội hình phalanx để đương đầu với họ. Tham gia đợt tấn công đầu tiên này có kỵ binh đánh giáo, quân Agrianes, cung thủ, và trong khi họ giáp chiến, Alexander dẫn bộ binh tiến quân. Quân Ấn Độ vô cùng hoảng sợ khi tình thế bất ngờ đảo ngược. Cuộc giáp chiến đã khiến đội quân của họ tan vỡ và phải rút lui về thị trấn. Có khoảng 200 người bản địa đã bỏ mạng, phần còn lại rút về những chốt phòng vệ.

Alexander đã dẫn bộ binh tới gần tường thành. Chính ở nơi này, ngài đã trúng một mũi tên và bị thương nhẹ ở mắt cá chân.

Ngày hôm sau, Alexander mang những cỗ máy công thành vào sử dụng và không khó khăn gì trong việc tạo ra một lỗ hổng ở tường thành. Quân Macedonia cố gắng xâm nhập thành, nhưng quân Ấn Độ đã chống trả ác liệt. Cuộc đột kích tạm thời phải ngừng lại. Ngày tiếp theo, Alexander lên kế hoạch tấn công chu toàn hơn: ngài cho xây dựng một pháo đài gỗ; từ pháo đài này, các cung thủ có thể tấn công cấp tập hơn, cộng với sức mạnh từ những vũ khí ném của các máy lăng đá, để kiềm chân những người vệ thành. Mặc dù vậy, quân Macedonia vẫn không thể mở được đường vào thành.

Tới ngày thứ ba, Alexander một lần nữa sử dụng bộ binh cho cuộc tấn công, và từ một trong những phương tiện công thành, ngài đã cho bắc một cây cầu băng qua lỗ hổng ở tường thành. Bằng cách đó, ngài dẫn đầu đội vệ quân, đội quân mà cùng với những chiến thuật tương tự đã giúp ngài hạ được thành Tyre, tiến vào thành. Dù máu đổ, quân lính vẫn ồ ạt tiến quân theo chân chủ tướng, nhưng cây cầu không thể chịu được sức nặng của một đại quân như vậy nên đã gãy sụp dưới chân họ. Lúc này, địch quân với những tiếng thét chiến thắng, đã trút xuống một trận mưa vũ khí – những tảng đá từ trên tường thành, rồi cung tên, hoặc bất cứ thứ gì họ có trong tay – trong khi những người khác xô đẩy nhau qua những cổng thành nhỏ giữa các thị trấn và tung ra những đòn tấn công vào quân Macedonia trước khi họ có thể hồi phục.

Trước tình thế đó, Alexander đã cử Alcetas cùng tiểu đoàn của ông tìm kiếm những người bị thương và triệu hồi tất cả những binh lính vẫn còn đang giao chiến. Vào ngày thứ tư, tiến trình này được lặp lại – những phương tiện công thành tiếp tục được sử dụng, và một cây cầu khác lại được bắc qua.

Chừng nào thủ lĩnh của những người bản địa còn sống, những người Ấn Độ còn chiến đấu rất dũng cảm; nhưng khi ông ta bỏ mạng vì một vũ khí bắn ra từ máy lăng đá cùng với những tổn thất mà họ phải gánh chịu trong suốt bốn ngày liên tiếp bị vây thành và một số lượng lớn những người bị thương hoặc không còn khả năng chiến đấu, những người bản địa đã thỉnh cầu Alexander đình chiến. Đối với Alexander, đây là cơ hội để ngài cứu mạng những người đàn ông dũng cảm, và ngài đồng ý rằng những người lính đánh thuê Ấn Độ nên phục vụ dưới quyền ngài, với vai trò là một phần trong quân đội của ngài. Do đó, những đội quân này đã hành quân rời khỏi thị trấn, và hạ trại tại một ngọn đồi đối diện với cứ điểm của quân Macedonia. Mục đích của họ không giống điều mà Alexander mong đợi; vì không muốn chống lại những người Ấn Độ khác, họ định bỏ đi trong đêm và trở về nhà. Biết tin này, ngay trong đêm đó, Alexander đã tập trung toàn bộ lực lượng bao vây ngọn đồi và tàn sát những lính đánh thuê Ấn Độ[(62)]. Sau đó ngài đã đánh chiếm thị trấn, lúc này đang không được phòng vệ. Mẹ và con gái của Assacenus cũng nằm trong số tù binh[(63)]. Trong lần vây thành này, quân của Alexander thiệt hại khoảng 25 người.

Từ Massaga, Alexander đã cử Coenus tới Bazira, với giả định rằng những người trong thị trấn đó khi biết tin về số phận của Massaga, sẽ đầu hàng ngài. Đồng thời, Attalus, Alcetas,

và Demetrius, thủ lĩnh kỵ binh, được cử tới Ora với chỉ thị phong tỏa vùng đất này trước khi ngài tới. Những người Ấn Độ ở Ora đã tấn công đột ngột vào những đội quân của Alcetas, nhưng họ đã dễ dàng bị đánh lui và phải rút vào phía sau tường thành một lần nữa. Trong lúc đó, tại Bazira, Coenus đã thất bại; những người bản địa ở đây đã được tiếp thêm nỗ lực kháng cự nhờ vào lợi thế tự nhiên từ địa thế của thị trấn – thị trấn này nằm trên khu đất rất cao được phòng vệ kỹ càng mọi mặt – và không hề có dấu hiệu sẽ quy hàng.

Alexander đã hành quân tới Bazira ngay khi biết tin này; tuy nhiên, ngài đã chuyển hướng chú ý khi nhận được một tin sau đó rằng một vài người Ấn Độ thuộc khu vực lân cận, theo chỉ thị từ Abisares, đang chuẩn bị bí mật xây dựng con đường tới Ora[(64)]. Bởi vậy, ngài đã chọn Ora làm mục tiêu tiếp theo, hạ lệnh cho Coenus xây dựng một lô cốt bên ngoài Bazira, lập đơn vị đồn trú ở đó với số lượng đủ để ngăn chặn những người trong thị trấn di chuyển tới khu vực lân cận, sau đó, cùng với phần còn lại của đội quân, gia nhập đội quân của Alexander.

Khi những người Ấn Độ ở Bazira nhìn thấy phần lớn đội quân của Coenus đã rời đi, họ đương nhiên cảm thấy tự mãn: rõ ràng là quân đội Macedonia không phải là địch thủ của họ. Bởi vậy, tất cả đã xông ra ngoài, và một cuộc giáp chiến nhanh chóng nổ ra. Trong suốt quá trình diễn ra cuộc chiến, có khoảng 500 người Ấn Độ đã thiệt mạng, và khoảng 70 người bị bắt làm tù binh; phần còn lại buộc phải cố thủ trong thị trấn. Sau sự kiện này, đơn vị đồn trú ở lô cốt tiếp tục sử dụng những biện pháp mạnh hơn để ngăn chặn đám người trong thị trấn chạy trốn sang các khu vực lân cận.

Cuộc vây hãm Ora cũng đã gây cho Alexander chút ít khó khăn; trên thực tế, ngài đã chiếm được nơi này ngay từ đợt đột kích đầu tiên – kể cả số voi chiến đã bị bỏ lại đây.

Tin tức từ Ora nhanh chóng khiến những người Ấn Độ tại Bazira tin rằng tình cảnh của họ là vô vọng. Vào nửa đêm, họ đã rời bỏ thị trấn. Tất cả những người Ấn Độ khác trong khu vực đã nhất loạt làm theo họ: không có bất cứ một ngoại lệ nào, tất cả những người Ấn Độ đều bỏ lại thị trấn và chạy trốn tới một nơi được gọi là Pháo đài Đá của Aornos[(65)]. Pháo đài này quả thực là một nơi rất rộng lớn; tương truyền rằng chính Heracles, con trai của thần Zeus, cũng không thể hạ được nó[(66)]. Dĩ nhiên, từ góc độ cá nhân, tôi không thích tuyên bố một cách rõ ràng rằng Heracles người Thebes, hoặc Heracles người Tyre, hay Heracles người Ai Cập đã tới Ấn Độ. Tôi đoán chừng là ngài đã không đặt chân tới nơi này; vì đối với tôi, dường như những người Ấn Độ thích làm những việc khó khăn trở nên khó khăn hơn nhiều, và điều này bắt đầu từ truyền thuyết về thất bại của Heracles trong việc hạ Pháo đài Aornos. Dù ở mức độ nào chăng nữa, quan điểm của tôi về pháo đài này là: tên tuổi của Heracles đã được đưa vào chỉ đơn giản để câu chuyện về pháo đài thêm ấn tượng. Người ta thuật lại rằng chu vi của pháo đài Aornos là khoảng 40 kilômét, và chiều cao của nó, không bao gồm những đỉnh chóp, là gần 2.438 mét. Chỉ có một con đường duy nhất để đi lên đó, một con đường khó đi, đổ xuống từ pháo đài. Trên đỉnh núi có một nguồn cung cấp nước sạch dồi dào từ một con suối chảy qua đó. Ngoài ra còn có một khu rừng và một vùng đất trồng trọt có thể đủ cho 1.000 người cư ngụ.

Mô tả về địa thế nổi bật này chỉ càng làm tăng thêm tham vọng hạ được nó của Alexander, và câu chuyện về Heracles cũng không khiến ngài chùn bước[67].

Về Ora và Massaga, ngài đã biến hai thị trấn này thành những lô cốt để giữ trật tự ở khu vực lân cận. Bazira đã được củng cố lại toàn bộ. Hephaestion và Perdiccas, sau khi đến tăng cường và thành lập đơn vị đồn trú ở một thị trấn khác có tên là Orobatis, đã tiến quân tới sông Ấn, nơi họ xây dựng một cây cầu băng qua đó theo lệnh của Alexander. Nicanor, một trong những chiến hữu, được chỉ định làm thống đốc khu vực phía tây sông Ấn.

Trong cuộc hành quân tới Aornos, Alexander đi theo hướng sông Ấn; ngài đã chiếm được thị trấn Peucelaotis, nơi không xa dòng sông và thành lập đơn vị đồn trú cùng với những đội quân Macedonia do Philip[68] chỉ huy. Một số lượng lớn những thị trấn nhỏ lẻ khác bên dòng sông cũng đã rơi vào tay ngài. Trong cuộc hành quân này, Alexander dẫn theo những thủ lĩnh địa hạt, Cophaeus và Assagetes. Khi tới Embolima, một thị trấn gần Aornos, ngài đã tách một phần lực lượng, đặt dưới quyền chỉ huy của Craterus, với mệnh lệnh chuẩn bị nhu yếu phẩm các loại với số lượng đủ trong một thời gian dài, vì mục đích của Alexander là sử dụng thị trấn này như một căn cứ để từ đó ngài có thể từng bước phá vỡ sự kháng cự của người Ấn Độ tại Aornos bằng một cuộc vây hãm kéo dài khi việc đột kích vào Pháo đài đá là bất khả. Sau đó, cùng với cung thủ, quân Agrianes, tiểu đoàn của Coenus, những đơn vị bộ binh khác được vũ trang tốt nhất và cơ động nhất, 200 Chiến hữu và 100 cung thủ cưỡi ngựa, ngài đã tiến quân tới Pháo đài.

Trước khi ngày tàn, Alexander đã dừng quân tại một nơi mà ngài cho là một vị trí thuận lợi, và ngày hôm sau, khi tiến quân xa hơn một chút, họ lại tiếp tục dừng chân. Trong khi Alexander chờ đợi ở đây, một vài người bản địa đã xin tiếp kiến ngài. Họ đầu hàng và sau đó tuyên bố rằng họ sẽ dẫn ngài tới điểm dễ tấn công nhất của Pháo đài, và từ đó, ngài có thể dễ dàng chiếm cứ một cứ điểm thuận lợi để tấn công. Alexander chấp nhận lời đề nghị, và hạ lệnh cho Ptolemy, con trai của Lagus, vệ sĩ riêng của ngài, với quân Agrianes, những đơn vị vũ trang nhẹ khác và một nhóm vệ quân được tuyển lựa, đi theo những người dẫn đường, chiếm lấy cứ điểm mà họ nhắc tới, và chắc chắn rằng nó vững chãi rồi ra dấu hiệu báo tin thành công cho ngài.

Đường đi rất gập ghềnh, nhưng Ptolemy đã bí mật đi tới cứ điểm và chiếm giữ nó. Ông củng cố cứ điểm này bằng đường hào và cọc rào chắn. Sau đó, ông dùng lửa để báo hiệu trên một mô đất mà Alexander chắcchắn sẽ nhìn thấy. Ngay lập tức, Alexander quan sát được dấu hiệu thành công này, và ngày hôm sau, ngài đã bắt đầu tiến quân. Tuy nhiên, vị thống lĩnh trẻ tuổi vấp phải sự kháng cự của quân địch và phải đối mặt với nhiều khó khăn từ những địa hình gập ghềnh. Quân Ấn Độ nhanh chóng nhận thấy cuộc tấn công của Alexander chẳng đi đến đâu nên đã chuyển hướng chú ý sang Ptolemy. Họ chuyển hướng tấn công, và đó là một cuộc chiến ác liệt, quân Ấn Độ có thể xé rách hàng rào chắn, trong khi Ptolemy chiến đấu để giữ cứ điểm. Sức công phá từ những vũ khí của quân Macedonia đã chế ngự được quân Ấn Độ, họ đã buộc phải rút lui vào lúc hoàng hôn.

Vì muốn gửi tin tới Ptolemy, Alexander đã chọn một trong những người Ấn Độ đào ngũ

làm liên lạc viên, một người đáng tin cậy và có hiểu biết về địa hình khu vực. Dưới sự che phủ của bóng đêm, Alexander đã cử người này mang theo một lá thư có chứa những chỉ thị cho Ptolemy, rằng ông không nên bằng lòng với việc giữ cứ điểm đã chiếm được mà nên tổ chức tấn công – hơn nữa, cuộc tấn công của Ptolemy sẽ diễn ra đồng thời với cuộc tấn công của Alexander, nên quân Ấn Độ sẽ bị siết chặt trong gọng kìm. Vào buổi bình minh ngày hôm sau, Alexander tiến quân; ngài hành quân bằng con đường mà Ptolemy đã bí mật đi lên núi, với niềm tin rằng một khi ngài vượt qua quãng đường này và gia nhập với đội quân của Ptolemy, phần việc còn lại sẽ tương đối dễ dàng. Tất cả đều diễn ra đúng theo kế hoạch: một cuộc chiến ác liệt đã diễn ra tới tận buổi trưa, quân Macedonia cố gắng mở đường đi lên còn quân Ấn Độ thì nỗ lực hết sức để cản đường địch quân bằng tất cả vũ khí mà họ có. Quân Macedonia, hết nhóm này đến nhóm khác, cố gắng di chuyển trên con đường dốc, những đội quân tiên phong phải dừng lại cho tới khi cả nhóm theo sau có thể theo kịp họ, và cuối cùng, khi nắng chiều vừa tắt, họ cũng vượt qua con đường dốc và gặp được đội quân của Ptolemy. Toàn bộ lực lượng, lúc này đã được thống nhất, liền tiến quân đột kích vào Pháo đài Đá. Tuy nhiên, cuộc đột kích này rõ ràng chưa đủ mạnh và trong suốt thời gian còn lại trong ngày, họ cũng không xoay chuyển được tình thế.

Rạng sáng hôm sau, Alexander hạ lệnh cho toàn quân đóng một trăm cái cọc. Khi việc này hoàn thành, ngài bắt đầu cho xây dựng một công sự rộng bằng đất từ cứ điểm hiện tại của ngài tới tận đỉnh đồi ngang qua Aornos. Từ đỉnh đồi này, ngài đoán rằng quân lính bảo vệ Pháo đài Đá sẽ nằm trong tầm bắn của cung thủ và các máy lăng đá. Toàn quân được huy động làm công sự, trong khi đích thân Alexander giám sát mọi việc và nhanh chóng trừng phạt những người làm ẩu cũng như khen ngợi những người hoàn thành tốt công việc.

Trong suốt ngày đầu tiên, quân Macedonia đã thực hiện được khoảng 183 mét công sự; ngày thứ hai, những người ném đá và các máy lăng đã được đưa vào vị trí, sẵn sàng chiến đấu trong khi binh lính vẫn tiếp tục xây công sự; trong vòng ba ngày, toàn bộ khoảng trống đã được xây kín. Đến ngày thứ tư, một nhóm nhỏ quân Macedonia đã tấn công ồ ạt và chiếm được một đỉnh khác có độ cao tương đương với Pháo đài Đá. Alexander đã bắt đầu mở rộng công sự theo hướng này, nhằm mở lối lên Pháo đài mà không cần tấn công một cứ điểm mới.

Việc chiếm cứ được cứ điểm thứ hai này là một hành động liều mạng ngoài sức tưởng tượng của người Ấn Độ; họ cảm thấy choáng váng, và khi họ nhìn thấy công sự đã hoàn thành và còn tiếp tục được mở rộng, họ đã từ bỏ hy vọng kháng cự và thỉnh cầu Alexander cho họ quy hàng với một số điều kiện. Những người Ấn Độ mong muốn có thể kéo dài việc thương thuyết suốt một ngày, và kế hoạch của họ là chia nhỏ thành từng nhóm, chạy trốn trong đêm để trở về nhà. Tuy nhiên, Alexander đã biết về kế hoạch này; ngài cho họ đủ thời gian để bỏ trốn và rút những đội quân cảnh lúc đó đang đứng canh gác xung quanh Pháo đài Đá, rồi chờ đợi cho tới khi cuộc rút lui thực sự bắt đầu. Sau đó, cùng với một nhóm 700 vệ quân và vệ sĩ riêng, Alexander tiến quân tới phần Pháo đài mà lúc này đang không được bảo vệ. Ngài là người đầu tiên đặt chân lên đó, theo sau là những binh lính, người này kéo người kia lên.

Họ bắt đầu tấn công những người Ấn Độ đang rút lui và giết chết nhiều người đang cố gắng trốn thoát; những người khác đã liều lĩnh nhảy qua vách đá.

Alexander đã trở thành chủ nhân của Pháo đài Đá, pháo đài mà chính Heracles đã không chinh phục được. Tại chính nơi này, ngài đã tổ chức lễ tế thần, và sau đó thành lập đơn vị đồn trú với những binh lính dưới quyền chỉ huy của Sisicottus. Sisicottus là một người Ấn Độ trước đây đã đào ngũ khỏi quân đội của Bessus để chạy sang phe của Alexander sau khi ngài chinh phục Bactria, đồng thời cũng là người đã chứng minh được sự đáng tin cậy của ông ta.

Rời khỏi Aornos, Alexander đã đặt chân lên vùng lãnh thổ của người Assacenia sau khi nhận được nguồn tin cho biết anh trai của Assacenus cùng đàn voi chiến và một số lượng lớn những người bản địa có ý định phòng thủ tại những ngọn núi ở đây. Alexander nhận thấy thị trấn ngay cạnh khu vực đó là Dyrta bị bỏ hoang, và sau khi tới đây một ngày, Alexander đã cắt cử Nearchus cùng những đội quân vũ trạng hạng nhẹ, quân Agrianes, và Antiochus với trung đoàn vệ binh riêng của ông ta cùng hai trung đoàn khác đi do thám. Ngài cũng hạ lệnh bắt giữ và tra khảo bất cứ người bản địa nào họ bắt được, và cụ thể là họ phải tìm thông tin về số voi chiến, vì ngài quan tâm tới điều đó hơn bất cứ thứ gì.

Lúc này Alexander tiếp tục hành quân hướng về phía sông Ấn. Đường đi có nhiều trở ngại, và những đội quân tiên phong phải đảm nhiệm cả việc làm con đường trở nên dễ đi hơn. Một vài người bản địa đã bị bắt, và khai thác từ số người này, ngài biết tin rằng những người Ấn Độ trong khu vực đã bỏ trốn tới Abisares[69], để những con voi chiến ở lại nơi chúng được cho ăn ở cạnh dòng sông. Alexander hạ lệnh ngay cho quân lính đưa ngài tới chỗ đàn voi.

Săn voi là nghề của nhiều người Ấn Độ, và Alexander rất thích có những người săn voi trong đoàn tùy tùng của mình. Cũng trong dịp này, ngài đã đi săn cùng với những người dẫn đường; trong quá trình săn đuổi, hai trong số những con voi đã nhảy qua vách đá và bị chết, nhưng số còn lại đều bị bắt. Chúng cho phép người cưỡi lên và được nhập vào đoàn quân.

Bên bờ sông có một rừng cây, và do gỗ của chúng có chất lượng tốt nên Alexander đã cho đốn hạ các cây này để lấy gỗ làm thuyền. Những con thuyền này đã dẫn đoàn quân xuôi xuống hạ lưu con sông, tới chỗ cây cầu, công trình xây dựng mà Hephaestion và Perdiccas đã hoàn thành trước đó ít lâu.

Quyển Năm

Trên vùng đất mà Alexander hành quân qua, giữa dòng Cophen và sông Ấn là thành phố Nysa. Tương truyền, thành phố này do Dionysus sáng lập trong thời gian người chinh phục những người Ấn Độ[1]. Tuy nhiên, không ai biết đó là Dionysus nào, cũng không hề biết thời gian ông xâm lược Ấn Độ, cũng như nơi ông bắt đầu cuộc viễn chinh. Cá nhân tôi không quan tâm tới việc vị thần của người Thebes cùng với quân đội của ông trong cuộc hành quân chống lại người Ấn Độ, đã xuất phát từ Thebes hay từ Tmolus ở Lydia, hoặc tại sao sau khi vượt qua các vùng lãnh thổ của nhiều dân tộc thiện chiến mà người Hy Lạp không hề biết đến vào thời kỳ đó, ông lại chỉ chiến đấu và chinh phục duy nhất người Ấn Độ. Tuy nhiên, người ta chẳng nên tìm hiểu quá kỹ càng những địa điểm có liên quan tới những truyền thuyết cổ xưa về các vị thần; có nhiều yếu tố sẽ không thể nào xác thực được một khi bạn đang đưa một vị thần vào câu chuyện.

Trước đợt tiến quân của Alexander, những người Nysa đã cử thủ lĩnh của họ là Acuphis cùng với 30 người đàn ông xuất sắc nhất trong cộng đồng của họ tới thỉnh cầu Alexander để lại thành phố của họ cho thần Dionysus. Truyện kể rằng khi bước vào lều của Alexander, họ thấy vị hoàng đế trẻ ngồi ở đó, giữa một đám bụi đường, vẫn còn mặc nguyên trang phục chiến trận, với chiếc mũ sắt trên đầu và cây giáo trong tay. Cảnh tượng này đã khiến những người Nysa ngạc nhiên đến mức họ quỳ phủ phục trên đất và không thể nói lên lời trong một lúc lâu. Tuy vậy, cuối cùng, Alexander đã ra lệnh cho họ đứng lên và bảo họ không nên sợ hãi, trong khi Acuphis tâu với ngài những lời sau: “Thưa bệ hạ, thỉnh cầu của người Nysa là mong bệ hạ bày tỏ lòng sùng kính của ngài với thần Dionysus bằng cách để cho họ tự do. Bởi vì khi Dionysus chinh phục người Ấn Độ, trên đường về nhà tới biển Grecian, người đã sáng lập thành phố này như là kỷ niệm cho một hành trình dài và cho chiến thắng của người. Thần Dionysus đã để những quân lính không còn đủ khả năng phục vụ trong quân đội ở lại cư trú trên mảnh đất này – những người đó cũng chính là những vị tư tế của thần. Dionysus đã làm những điều mà ngài, Alexander, đã làm; vì ngài cũng đã thành lập Alexandria ở Caucasus, Alexandria ở Ai Cập và nhiều thành phố khác nữa trên đường viễn chinh của ngài. Trong tương lai, con số thành phố mà ngài thành lập sẽ còn nhiều hơn nữa. Ngài sẽ vượt xa những thành tựu của Dionysus.”

“Dionysus đã đặt tên thành phố này là Nysa và mảnh đất Nysaea này được đặt theo tên bảo mẫu của thần Dionysus; ngọn núi gần thành phố được người đặt tên là Merus – hoặc Thigh – vì có truyền thuyết cho rằng ngài đã lớn lên từ bắp chân của thần Zeus[2]. Kể từ thời khắc đó, Nysa được tự do; chúng thần sống theo luật pháp của mình – và tuân thủ chúng, như những người lương thiện nên làm. Nếu ngài muốn tìm kiếm bằng chứng cho thấy Dionysus là người đã sáng lập thành phố này, thì nó đây: mảnh đất này là nơi duy nhất ở Ấn Độ mà cây thường xuân[3] có thể mọc lên.”

Alexander nhận thấy những điều Acuphis nói rất đáng tin; ngài cũng tin vào câu chuyện cổ xưa về hành trình của Dionysus và việc thần đã sáng lập ra thành phố Nysa, vì ngài cảm

thấy hài lòng khi biết rằng ngài đã thực sự thấu hiểu những suy nghĩ của thần Dionysus, và hiện tại còn vươn xa hơn thế; hơn nữa, ngài cảm thấy quân lính Macedonia sẽ bằng lòng chia sẻ khó khăn gian khổ với ngài nhiều hơn chút nữa, nếu họ biết rằng họ đang thi đấu với Dionysus. Do đó, Alexander cho phép những người Nysa tiếp tục được tự do và độc lập.

Ngài hỏi về tính chất của các thiết chế của họ, và được đáp lại rằng chính quyền của người Nysa được lựa chọn từ tầng lớp quý tộc. Vị thống lĩnh trẻ tỏ ra đồng ý với điều này và yêu cầu người Nysa cung cấp 300 kỵ binh, cùng với 100 người đàn ông được lựa chọn từ những người xuất sắc nhất trong giai cấp thống trị (điều này cũng được áp dụng tương tự với 300 kỵ binh). Acuphis, người được Alexander chỉ định làm thống đốc của Nysaea, chịu trách nhiệm lựa chọn những gương mặt tiêu biểu này. Tương truyền rằng, Acuphis đã mỉm cười trước mệnh lệnh của nhà vua, và khi Alexander hỏi, có điều gì hài hước trong yêu cầu của ngài chăng, Acuphis đã đáp lời rằng: “Thưa bệ hạ, làm thế nào mà bệ hạ lại nghĩ rằng thành phố này có thể vắng đi một trăm con người xuất sắc mà vẫn được cai trị tốt? Nếu ngài thực sự yêu mến Nysa, thì quả thực thần dân của Nysa sẽ dâng lên ngài 300 kỵ binh, thậm chí nhiều hơn nữa nếu ngài muốn; nhưng thay vì 100 công dân ưu tú mà ngài yêu cầu thần tuyển chọn, thần nài xin ngài, hãy lấy 200 công dân ở tầng lớp thấp hơn, để khi trở lại mảnh đất này, ngài có thể thấy chúng thần vẫn cai trị Nysa tốt như bây giờ.”

Alexander chấp nhận thỉnh cầu, điều mà ngài cho rằng hợp lẽ. Ngài nhắc lại mệnh lệnh rằng Acuphis nên chọn ra số kỵ binh đi cùng ngài, nhưng không cần chọn một trăm người xuất sắc hay bất cứ những người thay thế nào. Tuy nhiên, Acuphis đã cử con trai và cháu trai của mình đi cùng Alexander.

Trên đất Nysa, có một nơi mà cư dân ở đây rất tự hào vì những mối liên hệ của nó với thần Dionysus. Alexander rất háo hức tới thăm nơi này; ngài đã dẫn theo kỵ binh Chiến hữu và bộ binh vệ quân đi tới núi Merus. Ngài đã tận mắt nhìn thấy cây thường xuân và nguyệt quế mọc đầy ở đây. Những tán cây của vô số các loài thực vật che phủ ngọn Merus và khu rừng rậm rạp này đầy những loài thú lớn để săn bắn. Khi đặt chân tới đây, quân Macedonia rất thích cây thường xuân, loài thực vật mà đã lâu rồi họ không được nhìn thấy – cây thường xuân không mọc ở bất cứ nơi nào khác trên đất Ấn Độ, kể cả ở những nơi trồng nho – và háo hức làm những vòng hoa thường xuân đội lên đầu, trong khi hát những bài ngợi ca thần Dionysus và gọi người bằng rất nhiều tên khác nhau. Alexander làm lễ tế thần ngay trên đất thánh, và tổ chức tiệc rượu cùng với các chiến hữu của ngài. Tương truyền (nếu muốn bạn có thể tin câu chuyện này), chính ở nơi này, thần Dionysus đã nhập vào một số sĩ quan xuất sắc người Macedonia, những người lúc đó đang đội trên đầu những vòng hoa thường xuân và đã chếnh choáng trong men rượu, khiến họ gần như đã mất hết lý trí trong một cơn cuồng loạn đúng kiểu Bacchus[4] và gào lên những tiếng kêu sung sướng[5].

Bạn có thể tin hoặc không tin những câu chuyện kiểu này. Điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào suy nghĩ của từng người. Về phần mình, tôi hoàn toàn không chấp nhận quan điểm của Eratosthenes[6] vùng Cyrene, người đã thuật lại mọi thứ mà quân Macedonia quy là dấu hiệu của thần linh một cách thái quá nhằm làm vui lòng Alexander[7]. Chẳng hạn như

trường hợp về hang động trong lãnh thổ vùng Parapamisadae. Theo Eratosthenes, quân Macedonia đã tìm thấy hang động này và vốn là người tin vào các truyền thuyết địa phương, họ cho rằng đây chính là hang động nơi Prometheus bị xiềng xích và có một con đại bàng thường bay tới rỉa lá gan của ông; rằng đây cũng chính là nơi mà Heracles đã đặt chân tới để giết chết con đại bàng và trả tự do cho vị thần đã mang lửa đến cho loài người. Cũng theo chính câu chuyện này, người Macedonia đã di chuyển núi Caucasu từ Pontus tới tận Viễn Đông, đặt ngọn núi này ở Ấn Độ trong khu vực của Parapamisadae, và đặt tên Caucasus cho một dãy núi mà trên thực tế có tên là Parapamisus đơn giản chỉ để tán dương Alexander rằng ngài đã băng qua ngọn Caucasus. Ngoài ra, khi nhìn thấy gia súc Ấn Độ được đóng dấu với hình ảnh một cái dùi cui, họ đã dựa vào đó để chứng minh rằng Heracles đã tới Ấn Độ trong một cuộc tranh luận. Người ta cũng đặt ra những nghi vấn tương tự với những câu chuyện kiểu như thế này về những lời mê sảng của thần Dionysus mà Eratosthenes đã thuật lại – nhưng về phần mình, tôi bằng lòng giữ một thái độ trung lập về những vấn đề này[8].

Khi đặt chân tới sông Ấn, Alexander thấy Hephaestion đã xây dựng xong cây cầu bắc qua sông và tập trung được một số lượng lớn những con thuyền nhỏ và hai con thuyền galley 30 mái chèo. Những tặng phẩm từ những người Ấn Độ Taxiles đang chờ đợi ngài ở đó, bao gồm: 200 ta-lăng bạc, 3.000 con bò đực và hơn 10.000 con cừu để sử dụng cho việc tế thần, và khoảng 30 con voi chiến. Một đạo quân kỵ binh gồm 700 binhlính khỏe mạnh cũng đã tới từ Taxiles để gia nhập vào lực lượng của Alexander, và thị trấn Taxila, nơi được coi là có thế lực nhất giữa sông Ấn và sông Hydaspes, cũng đã xin quy hàng ngài[9]. Ở nơi này, Alexander đã làm lễ tế các vị thần theo thông lệ, và tổ chức một cuộc thi đấu thể thao và cưỡi ngựa ngay bên cạnh dòng sông. Những điềm báo từ lễ tế cho thấy việc vượt sông được các thần linh ủng hộ.

Sông Ấn lớn hơn bất cứ con sông nào ở châu Âu, và bất cứ con sông nào khác ở Ấn Độ, ngoại trừ sông Hằng; nó bắt nguồn từ phía tây dãy Parapamisus[10] (hoặc Caucasus) và đổ vào biển Ấn Độ ở phía nam; nó có hai cửa sông và cả hai đều có đầm lầy giống như năm cửa sông của sông Danube; sông Ấn hình thành một châu thổ (được gọi là Pattala theo ngôn ngữ Ấn Độ) tương tự với châu thổ sông Nile ở Ai Cập. Tất cả những điều này là những chi tiết đã được thừa nhận, và tôi ghi chép lại chúng ở đây. Bốn con sông Ấn Độ, bao gồm Hydaspes, Acesines, Hydraotes và Hyphasis[11], mặc dù lớn hơn những con sông châu Á khác rất nhiều, vẫn còn nhỏ bé hơn – thậm chí nhỏ bé hơn nhiều – so với sông Ấn, còn sông Ấn, tới lượt nó, lại nhỏ hơn sông Hằng. Ctesias (nếu bản báo cáo của ông ta đáng được coi là một bằng chứng) đã nói rằng phần hẹp nhất trong bề rộng của sông Ấn là khoảng 8 kilômét, và phần rộng nhất của nó là gần 20 kilômét, trong khi hầu hết dòng chảy của sông Ấn có bề rộng khoảng 3 kilômét[12]. Đây chính là dòng sông mà một sáng sớm Alexander cùng với toàn bộ lực lượng của ngài đã băng qua và đặt chân tới Ấn Độ.

Tôi không có ý định biến cuốn sách này thành một ghi chép về cách sống của người Ấn Độ, hoặc đưa ra bất cứ một mô tả nào về những loài thú lạ đã được tìm thấy, hay sự phong phú và kích cỡ của loài cá và các loài thủy sinh vật nào khác ở sông Ấn, sông Hydaspes,

sông Hằng, hay bất kỳ nơi nào khác: tôi cũng không có ý định nhắc tới những loài kiến đào vàng, những quái vật sư tử đầu chim đứng canh gác tại các kho báu[13] và những điều kỳ lạ mà người ta đã bịa đặt ra để tiêu khiển hơn là vì lịch sử nghiêm túc, với niềm tin rằng không một câu chuyện phi lý nào kể về Ấn Độ trong số đó có thể được đem ra để kiểm chứng về độ chân thực. Tuy nhiên, thực sự thì hầu hết những câu chuyện này đều đã được Alexander và đội quân của ngài chứng minh hoặc bác bỏ – ngoại trừ một vài trường hợp, chính họ bị buộc tội là những kẻ bịa đặt. Chẳng hạn, họ đã chứng minh rằng người Ấn Độ không có vàng – dù sao đi nữa, Alexander đã đặt chân lên phần lớn lãnh thổ Ấn Độ trong cuộc viễn chinh của ngài – và cách bài trí nhà cửa của họ còn xa mới đạt tới sự sang trọng. Người Ấn Độ cao hơn bất cứ một người châu Á nào, phần lớn họ có chiều cao trên 2 mét hoặc thấp hơn một chút; họ có nước da sẫm màu mà hẳn chỉ thua kém người Ethiopia, và vào khoảng thời gian đó, những chiến binh thiện chiến nhất của Ấn Độ có mặt trên khắp Á châu. Tôi sẽ không hài lòng khi so sánh họ với những người Ba Tư cổ đại, những người đã hành quân cùng với Cyrus, con trai của Cambyses, khi ông đoạt được quyền sở hữu Á châu từ người Media, và thiết lập vương quyền của ông hoặc bằng vũ lực hoặc bằng sự ưng thuận của nhiều dân tộc khác; bởi người Ba Tư thời kỳ đó trong lịch sử là một dân tộc nghèo khó, sống trên một vùng đất khô cằn, và cách sống của họ có thể gần với kỷ luật khắc nghiệt của người Sparta[14]. Tôi cũng không đưa ra bất kỳ một suy luận nào khác từ tai họa của Ba Tư ở Scythia, tôi không chắc liệu nguyên nhân của sự thất bại đó là do bất lợi về mặt địa hình nơi trận chiến diễn ra, hay do một vài sai lầm của Cyrus, hoặc do những binh lính Ba Tư thực sự kém cỏi so với những người Scythia trong khu vực đó.

Tuy nhiên, về Ấn Độ, mục đích của tôi là viết một ghi chép đặc biệt[15] dựa trên những cứ liệu đáng tin nhất từ cuộc viễn chinh của Alexander và những khám phá của Nearchus, người đã giong buồm dọc những bờ biển phía bắc của biển Ấn,[16] và cả những sự kiện đã được ghi chép lại bởi nhà văn xuất sắc Megasthenes[17] và Eratosthenes. Tác phẩm của tôi sẽ bàn về cách sống của người Ấn Độ, bất cứ tạo vật lạ lùng nào được tìm thấy trên đất nước này, và chuyến hải hành thực sự trong biển Nam. Hiện tại, tôi buộc phải bằng lòng với điều mà tôi cảm thấy là tương đối đơn giản để minh họa cho những thành tựu của Alexander. Cụ thể là, biên giới của lục địa châu Á là dãy Taurus, bắt đầu từ Mycale đối diện với đảo Samos, chạy về phía bắc Pamphylis và Cilicia, và từ đây chạy tới Armenia, rồi lại theo đường Parthia và Chorasmia dẫn tới Media, tới đất Bactria thì nhập vào với dãy Parapamisus. Parapamisus chính là dãy núi mà quân lính của Alexander gọi là dãy Caucasus, rõ ràng là với mục đích tán dương thái quá thành tựu của ngài khi ám chỉ rằng ngài đã đặt chân lên phía bên kia của dãy Caucasus trên đường hành quân chiến thắng của mình. Tuy nhiên, có thể không có sự gián đoạn nào giữa dãy Caucasus của Ấn Độ và dãy Caucasus của Scythia, hoặc giữa Caucasus của Ấn Độ và dãy Tarus. Vì lý do đó, tôi đã sử dụng tên Caucasus để gọi dãy núi này, và sẽ tiếp tục làm như vậy. Dãy núi này chạy dọc biển Ấn.

Tất cả những dòng sông quan trọng của châu Á đều bắt nguồn hoặc từ dãy Tarus hay Caucasus, một vài con sông trong số đó chảy về phía bắc và đổ vào hồ Maeotis hoặc một nơi được gọi là biển Hyrcanian[18], bản thân nó vốn là vịnh biển[19] – một vài con sông khác chảy về phía nam, chẳng hạn như sông Euphrates, sông Tigris, sông Ấn, sông

Hydaspes, Acesines, Hydraotes, Hyphasis, và phần còn lại giữa chúng và sông Hằng, hoặc đổ ra biển hoặc trở thành đầm lầy và biến mất, như dòng Euphrates.

Hình dung về một Á châu bị chia cắt bởi những dãy Tarus và Caucasus, chạy theo hướng đông tây, bạn sẽ thấy rằng hai phần chính của lục địa này được hình thành bởi dãy Tarus, một phần lục địa nằm ở phía bắc dãy này và một nằm ở phía nam; phần phía nam lại tiếp tục được chia thành bốn phần, phần lớn nhất trong số đó, theo Eratosthenes và Megasthenes, chính là Ấn Độ; (nhân tiện, Megasthenes đã dành nhiều thời gian ở Arachotia cùng với thống đốc của vùng đó là Sibyrtius, và kể rằng ông thường xuyên tới thăm vị vua Ấn Độ, Sandracottus[20]); phần nhỏ nhất, mà biên giới phía đông của nó là sông Euphrates, nằm về phía biển Aegean, và hai phần còn lại, nằm giữa sông Euphrates và sông Ấn, khi đặt cạnh nhau, thì độ rộng lớn có thể sánh với Ấn Độ. Về Ấn Độ, phía đông, phía tây và chạy về phía nam đều lấy biển Ấn làm đường biên giới, còn về phía bắc, đường biên giới của đất nước này chính là dãy Caucasus Ấn Độ, trải dài cho tới khi dãy này hợp nhất với dãy Tarus; từ những ngọn núi này tới biển Ấn, biên giới phía tây của Ấn Độ là sông Ấn. Hầu hết lãnh thổ này đều bằng phẳng và theo giả định chung, đều do đất phù sa bồi đắp. Thực tế là ở bất cứ đâu phần lớn các đồng bằng ven biển đều được hình thành nhờ phù sa của các dòng sông – điều này cũng có thể là lý do tại sao trong thời cổ đại, tên của khu vực lãnh thổ thường trùng với tên dòng sông của khu vực đó: chẳng hạn, đồng bằng có tên Hermus chính là mang tên con sông bắt nguồn từ ngọn núi Dindymene, Người mẹ vĩ đại[21], ở châu Á, và đổ vào biển gần Smyrna ở Aeolia; rồi dòng Cayster được lấy tên để đặt cho vùng đồng bằng ở Lydia, dòng Caïcus ở Mysia, và Maeander ở Caria, được đặt tên cho toàn bộ dải đất ven biển trải dài tới tận Miletus ở Ionia. Những sử gia Herodotus và Hecataeus (nếu Hecataeus quả thực là tác giả của cuốn sách mà người ta chưa chắc là của ông) đều gọi Ai Cập là "tặng vật của dòng sông", và Herodotus đã chứng minh luận điểm này bằng bằng chứng rất rõ ràng[22]. Trong trường hợp này, tên của dòng sông cũng được đặt cho vùng lãnh thổ, vì Aegyptus ban đầu là tên của một dòng sông mà ngày nay được Ai Cập và bất cứ nơi nào khác trên thế giới biết đến với tên gọi là sông Nile. Điều này đã được chứng minh một cách thuyết phục trong những vần thơ của Homer, nơi chúng ta tìm thấy tuyên bố rằng Menelaus[23] được nuôi dưỡng "tại cửa sông Aegyptus".[24]

Do đó, nếu ở nhiều nơi khác nhau trên thế giới, một dòng sông, chính xác là một dòng sông tương đối nhỏ hơn, có thể trên đường đổ ra biển lớn, đã bồi đắp được một khu vực rộng lớn bằng bùn đất và phù sa mà nó mang theo từ những vùng đất cao nơi nó bắt nguồn, thì không có lý do gì chúng ta không thừa nhận rằng, Ấn Độ, cũng là một vùng đất rộng lớn được phù sa bồi đắp; vì nếu nó cùng với Hemus, Cayster, Caïcus, Maeander và những con sông châu Á khác đều đổ vào biển Aegean, thì riêng về lượng nước, chúng sẽ không sánh được với bất cứ con sông đơn lẻ nào ở Ấn Độ – chưa bàn tới con sông lớn nhất, sông Hằng, con sông mà kể cả sông Nile của Ai Cập hoặc sông Danube, con sông lớn nhất châu Âu, cũng không thể so sánh được: quả thực, hợp tất cả những con sông đó làm một thì chúng cũng không thể nào có lượng nước tương đương với sông Ấn, nơi dòng chảy vĩ đại của nó đổ xuống từ nguồn và nhận thêm "sự hỗ trợ" của 15 nhánh sông, tất cả đều lớn hơn những con sông châu Á[25], và tên của những nhánh sông này đều được đặt cho khu

vực lãnh thổ mà chúng chảy qua trên đường đổ ra biển cả. Đó là tất cả những gì mà tôi có thể nói ở đây về đất nước vĩ đại này. Tôi sẽ giữ phần còn lại cho cuốn sách khác của mình, cuốn *Indica*.

Ở đây, tôi không nhắc tới những trước tác của Aristobulus hoặc Ptolemy (hai nguồn cứ liệu chính của tôi) về phương pháp mà Alexander đã sử dụng để xây dựng cây cầu bắc qua sông Ấn, và chính tôi cũng cảm thấy do dự khi đưa ra quan điểm cho rằng liệu đó có phải là một cây cầu cố định hay là một cây cầu được tạo thành từ những chiếc thuyền giống như Xerxes đã làm khi vượt eo biển Hellespont hoặc Darius đã thực hiện khi băng qua eo biển Bosphorus và sông Danube[(26)]. Dù sao đi nữa, tôi thiên về ý kiến sau hơn, vì độ sâu của dòng sông quá lớn để có thể xây dựng một cây cầu kiên cố, và bởi vì, kể cả khi một kỳ công như thế được thực hiện thì công việc đó cũng không thể hoàn thành nhanh chóng được. Hơn nữa, về cách những con thuyền đã được sử dụng, tôi vẫn không thể nói chắc rằng liệu chúng có được buộc lại với nhau và sắp xếp theo đường thẳng như lần băng qua Hellespont mà Herodotus mô tả hay không, hoặc liệu đó có phải là phương pháp mà những người La Mã sử dụng để bắc cầu qua sông Danube và sông Rhine của Celtic, hoặc trong nhiều lần họ vượt dòng Tigris và dòng Euphrates hay không; dù thế nào, phương pháp bắc cầu bằng thuyền của người La Mã là cách nhanh nhất mà tôi biết, và tôi sẽ mô tả phương pháp này ở đây.

Theo hiệu lệnh, các con thuyền sẽ được đặt trôi xuôi dòng, phía đuôi thuyền được đặt lên trước, trong khi đường đi của chúng sẽ được kiểm soát bởi một con thuyền có mái chèo được vận hành sao cho các thuyền khác đều ở đúng vị trí. Một khi điều này đã được hoàn thành, những giỏ liễu hình kim tự tháp chất đầy những hòn đá nặng được buộc vào phía đầu thuyền để ngăn chúng trôi theo dòng nước. Ngay khi một con thuyền được cột vào cẩn thận, một con thuyền khác sẽ được mang tới đặt cạnh nó, cách nhau một khoảng phù hợp để đảm bảo một nền tảng đủ vững chắc cho cấu trúc phía trên; sau đó những khúc gỗ nhanh chóng được đặt vắt ngang từ tàu chiến này sang tàu chiến khác cùng với những tấm ván đặt ngang, gia cố thêm cho kết cấu này. Một quá trình tương tự sẽ được lặp lại từ con thuyền này sang con thuyền khác, nhiều nhất có thể để hoàn thành cây cầu. Ở cả hai bên cầu, những chiếc thang sẽ được sử dụng như một bức tường thành và làm thành một lối đi an toàn cho ngựa và gia súc, đồng thời cũng giúp cho cây cầu thêm kiên cố. Toàn bộ quá trình diễn ra trong thời gian ngắn, và được thực hiện theo thứ tự, bất chấp những tiếng ồn ào; từ thuyền này sang thuyền khác, có thể vang lên những tiếng reo hò cổ vũ, hoặc tiếng quát mắng khi làm không tốt – nhưng tất cả các mệnh lệnh đều phải được nghe rõ, và tiến độ nhanh chóng phải không bị ảnh hưởng.

Do đó, đây là phương pháp truyền thống đã được những người La Mã sử dụng. Tôi không rõ chính xác Alexander đã làm như thế nào để bắc cầu qua sông Ấn, vì không có một ghi chép nào về việc này; dù vậy, tôi nghĩ việc đó hẳn đã được thực hiện với phương pháp tương tự, hoặc cũng có thể không – điều này không phải là vấn đề.

Ngay khi vượt qua sông, Alexander đã thực hiện tế lễ theo thông lệ và tiếp tục hành quân tới Taxila, một thị trấn lớn và thịnh vượng – quả thực, đây là thị trấn lớn nhất trong

khu vực giữa sông Ấn và sông Hydaspes. Ở đây, ngài tiếp tục nhận được sự đón tiếp nồng hậu của thống đốc Taxiles và những người Ấn Độ trong khu vực này. Để đáp lại, Alexander cho phép họ tùy ý sở hữu vùng lãnh thổ tiếp giáp với địa hạt của họ như họ yêu cầu. Những đại diện từ Abisares, vua của những tộc người Ấn Độ sống trên đồi, cùng với anh trai ông ta và những nhân vật xuất sắc khác, rồi những sứ thần được thống đốc địa phương Doxareus gửi tới đều đã đến tiếp kiến ngài. Tất cả những người này đều mang theo tặng vật. Ở nơi này, ngài cũng làm lễ hiến tế như thường lệ và tổ chức những cuộc thi đấu công khai về thể thao và cưỡi ngựa; tiếp đó, sau khi bổ nhiệm Philip, con trai của Machatas, làm thống đốc địa hạt này, ngài tiếp tục hành quân tới sông Hydaspes, để lại Taxila những người lính ốm yếu và không còn phù hợp với việc chinh chiến.

Tin tức đưa đến cho biết Porus[27] cùng với tất cả những đội quân mà ông ta có thể tập hợp đã ở bờ bên kia của sông Hydaspes. Vị thủ lĩnh này tuyên bố hoặc sẽ ngăn chặn Alexander vượt sông hoặc sẽ tấn công ngài. Alexander, do đó, đã cử Coenus, con trai của Polemocrates, quay trở lại sông Ấn với chỉ thị chia nhỏ số thuyền đã được sử dụng trong lần vượt sông Ấn và chuyển chúng tới sông Hydaspes. Mệnh lệnh được thực hiện, số tàu chiến nhỏ hơn được chia làm đôi, những thuyền galley 30 mái chèo được chia làm ba, và được chở bằng xe ngựa tới bờ sông Hydaspes, nơi chúng được tái tập hợp, nên toàn bộ đội tàu thuyền lần nữa lại xuất hiện, như chúng đã xuất hiện trên sông Ấn. Sau đó, cùng với lực lượng mà Alexander đã mang tới Taxila và 5.000 quân Ấn Độ dưới quyền chỉ huy của Taxiles và những thủ lĩnh địa phương, ngài tiếp tục hành quân tới Hydaspes.

Từ vị trí mà ngài chiếm cứ ở bờ sông này, Alexander có thể nhìn thấy Porus, cùng toàn bộ lực lượng của ông ta, bao gồm cả đội voi chiến, ở phía bên kia sông[28]. Vì đã quyết ngăn chặn đường tiến quân của quân Macedonia, đích thân Porus đã canh gác tại một địa điểm đối diện với cứ điểm của Alexander; đồng thời, ông cũng bố trí nhiều đội quân cảnh, mỗi đội ở dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan, tới những địa điểm khác nhau dọc bờ sông nơi có thể vượt sông. Đáp lại điều này, Alexander tiếp tục cho quân di chuyển theo hướng mà Porus dự đoán: ngài chia nhỏ lực lượng thành nhiều phân đội, và đích thân chỉ huy một vài phân đội di chuyển ở khắp mọi nơi, phá hủy tài sản của quân địch và tìm kiếm những địa điểm có thể vượt sông; còn những phân đội khác, Alexander giao cho nhiều sĩ quan khác nhau, hạ lệnh cho họ tiếp tục di chuyển, có lúc theo hướng này, có lúc theo hướng kia. Khi các nhu yếu phẩm tiếp tục được gửi tới cho quân đội của Macedonia từ tất cả các khu vực phía tây Hydaspes, Porus nhận thấy rõ ràng rằng Alexander có ý định cắm chốt ở khu vực lân cận dòng sông cho tới khi mùa đông tới, nước sông rút xuống đủ để ngài có thể vượt sông ở bất cứ điểm nào trong nhiều địa điểm. Hơn nữa, việc những con thuyền của Alexander tiếp tục di chuyển lên hoặc xuống dòng sông, việc vận hành những chiếc bè chất đầy cỏ khô, và cảnh tượng về những đội quân, kỵ binh và bộ binh, tiếp tục tập trung ở bờ sông, khiến Porus không dám mất cảnh giác hoặc tập trung phòng vệ ở bất cứ địa điểm nào nhiều hơn điểm khác.

Thời điểm này trong năm (hạ chí[29]), nước sông dâng cao ở tất cả những dòng sông của Ấn Độ; đồng thời, dòng chảy của sông rất nhanh và hỗn loạn; vì mùa này thường có mưa

rào, lại thêm tuyết tan từ dãy Caucasus, nơi mà hầu hết các dòng sông bắt nguồn, đã làm gia tăng nhanh chóng lưu lượng dòng chảy, trong khi suốt mùa đông, dòng chảy có phần bị cản trở, nước sông đỡ đục hơn, và mực nước giảm, nên có thể vượt sông dễ dàng hơn. Những kiến thức này hoàn toàn có thể áp dụng với dòng Hydaspes nhưng dĩ nhiên sẽ là ngoại lệ với sông Ấn và sông Hằng (và có thể với một hai con sông khác nữa), những con sông không bao giờ có thể lội qua.

Alexander đã tuyên bố công khai rằng mục đích của ngài là chờ tới mùa mà nước sông hạ xuống, nếu lúc này ngài đang bị quân địch ngăn chặn vượt sông; dù thế nào, Alexander vẫn duy trì việc cắm chốt ở khu vực lân cận và tìm kiếm bất cứ cơ hội khả thi nào để đội quân của ngài có thể vượt sông bằng một cuộc tiến quân nhanh chóng và bất ngờ. Rõ ràng Alexander không thể vượt sông ở nơi mà Porus đã đóng quân phía bên kia sông, vì khi đội quân của ngài cố gắng đổ bộ thì ngay lập tức, họ sẽ bị tấn công bởi một đội quân hùng mạnh và thiện chiến, được trang bị vũ khí đầy đủ và có sự hỗ trợ của một số lượng lớn voi chiến; hơn nữa, ngài nghĩ rằng chắc hẳn ngựa chiến của ngài, khi đương đầu với một cuộc tấn công của voi chiến, sẽ quá hoảng sợ bởi sự xuất hiện của những con thú này và những tiếng rống khác thường của chúng – quả thực, ngựa chiến sẽ không chịu đứng yên trên những chiếc bè, và chỉ riêng cảnh tượng về những con voi ở tầm xa cũng khiến chúng phát điên vì sợ hãi và nhảy xuống sông trước khi đặt chân được sang bờ bên kia.

Phải vượt qua con sông này, và việc này không thể thực hiện công khai, Alexander quyết tâm đạt được mục đích của mình bằng sự khôn khéo. Hàng đêm, ngài tiếp tục cho đội kỵ binh di chuyển lên xuống ở bờ sông, gây chú ý hết mức có thể – la hét, hô xung trận, và tất cả những kiểu ồn ào, huyên náo có thể được tạo ra trước một cuộc vượt sông. Cứ mỗi một lần ồn ào như vậy, Porus lại mang đàn voi chiến của ông ta ra, và Alexander đã khiến Porus phải diễn đi diễn lại cảnh tượng đó. Điều này xảy ra trong một thời gian, cho tới khi Porus, nhận ra rằng quân Macedonia chẳng làm gì hơn ngoài việc kêu gào và hò hét. Rõ ràng, đó là một cảnh báo sai lầm; nên Porus đã không theo dấu những lần tiến quân của kỵ binh đối thủ nữa, và cứ yên vị ở vị trí cũ của ông ta, cùng với những trạm gác đặt ở nhiều điểm khác nhau dọc bờ sông. Bởi vậy Porus, người không trông đợi một cuộc tấn công bất ngờ dưới sự che phủ của bóng đêm, đã mất cảnh giác – và đây chính là cơ hội của Alexander.

Tại chỗ rẽ đột ngột ở bờ sông, có một mũi đất, cây cối rậm rạp cùng với rất nhiều loại gỗ khác nhau; và ngay cạnh mũi đất đó là một hòn đảo không có người cư trú, cũng có nhiều cây cối. Alexander đã không chậm trễ nắm bắt ngay cơ hội: khu rừng rậm rạp trên hòn đảo và ở bờ sông xa hơn chính là nơi có thể che giấu được việc tiến quân của ngài, nên ngài quyết định chọn địa điểm này để vượt sông. Vị trí đó cách cứ điểm chính của Alexander khoảng 29 kilômét, và dọc bờ sông, ngài đã bố trí các đội quân cảnh, ở khoảng cách đủ gần để các đội này có thể liên lạc với nhau bằng thị giác hoặc thính giác, và dễ dàng nghe được bất kỳ mệnh lệnh vượt sông nào ở một địa điểm nhất định. Suốt nhiều đêm liên tục, trên một khu vực rộng lớn, tiếp tục vang lên những âm thanh ồn ào và huyên náo, những ngọn đuốc cũng cháy suốt đêm.

Khi quyết định được đưa ra, Alexander bắt đầu các hoạt động chuẩn bị một cách công

khai. Craterus chịu trách nhiệm giữ cứ điểm ban đầu cùng với đội kỵ binh của ông, những đạo quân kỵ binh từ Arachotia và Parapamisadae, một phần bộ binh Macedonia bao gồm những tiểu đoàn của Alcetas và Polysperchon, những thủ lĩnh Ấn Độ địa phương, và khoảng 5.000 quân dưới sự chỉ huy của họ. Mệnh lệnh mà Alexander đưa ra là không cố gắng vượt sông cho tới khi Porus dẫn quân tới tấn công Alexander, hoặc cho tới khi ngài chắc rằng Porus đã rút lui và quân Macedonia đã giành chiến thắng. Alexander nói thêm, "Nếu Porus chỉ dùng một phần lực lượng để đối phó với ta, và để phần còn lại, cùng với đàn voi chiến ở nguyên vị trí thì các ngươi không được phép manh động; mặt khác, nếu ông ta sử dụng đội voi chiến để tấn công ta, và để lại một vài đạo quân để canh giữ cứ điểm hiện tại, các người hãy ngay lập tức vượt sông. Mối lo ngại thực sự và duy nhất đối với ngựa chiến của chúng ta, khi chúng ta đưa chúng lên bờ, chính là đội voi chiến của địch. Ngoài ra, không có điều gì đáng để bận tâm."

Giữa hòn đảo và nơi hạ trại chính mà Craterus chịu trách nhiệm bảo vệ, Meleager, Attalus và Gorgias cắm chốt cùng với kỵ binh và bộ binh đánh thuê[30]; chỉ thị dành cho họ cũng là nỗ lực vượt sông theo từng phần ngay khi họ thấy quân Ấn Độ rõ ràng đang giao chiến. Những lính kỵ binh mà Alexander tuyển chọn để thành một nhóm do đích thân ngài chỉ huy bao gồm tiểu đội đặc biệt của quân Chiến hữu, các trung đoàn kỵ binh của Hephaestion, Perdiccas, và Demetrius, những đạo quân từ Bactria và Sogdiana, kỵ binh Scythia và những cung thủ cưỡi ngựa của Daae; về các đơn vị bộ binh, ngài chọn vệ quân, những tiểu đoàn của Cleitus và Coenus, cung thủ và quân Agrianes. Ngài cũng cẩn trọng khi di chuyển từ phía sông, nhằm che giấu đường tiến quân tới địa điểm mà ngài dự định sẽ vượt sông – cụ thể là hòn đảo và mũi đất đối diện với nó. Ở địa điểm này, những bè mảng đã được vận chuyển tới từ trước đó, và giờ đây, dưới sự che phủ của bóng đêm, chúng đã được chất đầy cỏ khô và buộc lại một cách cẩn thận. Suốt đêm, một trận mưa xối xả đã giúp che giấu quá trình chuẩn bị cho việc vượt sông; tiếng ồn ào của vũ khí, những mệnh lệnh hò hét và sự chấn động mà chúng gây ra có thể đã bị tiếng mưa bão, tiếng sấm chớp làm chìm lấp đi. Bên cạnh những bè mảng, hầu hết những chiếc thuyền, bao gồm cả những chiếc thuyền galley 30 mái chèo, cũng đã được chuyển tới nơi. Chúng đã được chia thành nhiều phần, và lúc này đã được tập hợp lại để giấu giữa những bụi cây.

Trước khi bình minh ló rạng, trời đã ngừng mưa và gió bắt đầu thổi nhẹ. Đội kỵ binh đã được đưa lên bè, còn những con thuyền chuyên chở số bộ binh tối đa mà chúng có thể mang. Cuộc vượt sông bắt đầu – được che chắn bởi hòn đảo, nhằm ngăn chặn các lính trinh sát của Porus phát hiện ra họ trước khi đi qua hòn đảo, và toàn bộ đội tàu thuyền gần tới được bờ bên kia. Đích thân Alexander vượt sông trên một trong những chiếc thuyền galley cùng một nửa đội vệ quân, phần còn lại theo sau trên những chiếc thuyền galley khác. Ngài đi cùng ba sĩ quan thuộc đội vệ sĩ riêng – Ptolemy, Perdiccas, và Lysimachus – và Seleucus (Seleucus là người sau này sẽ trở thành Vua)[31].

Một khi đã băng qua hòn đảo, việc tiếp cận bờ sông sẽ nằm trong tầm quan sát của các đội tuần tra của địch, những người đã tốc lực phi nước kiệu báo tin cho Porus. Alexander là người lên bờ đầu tiên, và chịu trách nhiệm sắp xếp cho những binh lính từ các thuyền galley khác; kỵ binh nhận được lệnh lên bờ đầu tiên, và ở đây, ngài chỉ huy từng đội rời

khỏi bè mảng. Sau đó, Alexander tiến quân theo đội hình chiến đấu.

Đối với Alexander, đây là một đất nước hoàn toàn xa lạ, và ngài đã đổ bộ lên một hòn đảo khác mà không biết gì về nó thay vì đổ bộ lên đất liền. Đó là một hòn đảo tương đối lớn và bị chia tách khỏi phần đất liền bởi một nhánh sông không lớn lắm. Mặc dù vậy, cơn mưa như thác lũ tối hôm trước đã làm tăng lượng nước, và quân kỵ binh không thể tìm thấy một nơi khả dĩ để vượt sông. Trong một khoảng thời gian, họ đã phải đối mặt với viễn cảnh bất lợi rằng họ sẽ phải lặp lại tất cả những việc khó nhọc mà họ vừa làm; tuy nhiên, cuối cùng, quân Macedonia đã tìm được chỗ nước cạn, và Alexander đã hạ lệnh tát nước. Đó không phải là một nhiệm vụ dễ dàng, khi nước ở chỗ sâu nhất còn vượt quá nách của binh lính và ngập quá cổ ngựa chiến.

Khi lần vượt sông thứ hai đã được thực hiện thành công, Alexander một lần nữa lo sắp xếp cho đội quân của ngài. Alexander đặt tiểu đội Hoàng gia và trung đoàn kỵ binh xuất sắc nhất ở xung quanh cánh phải, rồi bố trí cung thủ cưỡi ngựa ở vị trí tiên phong; ở phía sau kỵ binh, ngài đặt trung đoàn Hoàng gia của vệ quân do Seleucus chỉ huy, sau đó là trung đoàn Hoàng gia của bộ binh hạng nặng, kế đó là những phân đội vệ quân khác, phụ thuộc vào vị trí trước đó của họ trong ngày đó[32]. Cung thủ, quân Agrianes, và lính đánh giáo đã giữ vị trí của họ ở cả hai bên cánh của đội hình bộ binh chính. Khi bài binh bố trận xong, Alexander đã hạ lệnh cho bộ binh, gần 6.000 binh lính[33], đi theo trật tự hành quân, trong khi đích thân ngài, chỉ mang theo đội kỵ binh (khoảng 5.000 người) mà ngài nghĩ rằng sẽ đem lại lợi thế cho ngài khi đối đầu với địch quân, tiến quân một cách nhanh chóng. Tauron, thủ lĩnh của cung thủ, đã được hạ lệnh tốc lực tiến quân ở phần sau của đội kỵ binh.

Alexander tính toán rằng nếu quân đội của Porus tấn công, ngài hoặc sẽ ngay lập tức đáp trả họ bằng sức mạnh của đội kỵ binh[34], hoặc sẽ chiến đấu cầm chừng cho tới khi nhận được sự hỗ trợ của bộ binh. Mặt khác, nếu việc vượt sông táo bạo và bất ngờ khiến quân Ấn Độ hoảng sợ đến độ tháo chạy, ngài sẽ tấn công cấp tập vào đội quân rút lui, và càng hạ được nhiều kẻ địch, nhiệm vụ sau đó của ngài sẽ càng nhẹ nhàng hơn.

Tuy nhiên, có một vài chi tiết mâu thuẫn nhau trong những lời thuật lại cuộc hành quân này. Theo Aristobulus, con trai của Porus cùng với 60 chiến xa đã đợi sẵn ở bờ sông trước khi Alexander thực hiện lần vượt sông thứ hai – chính là lần vượt sông từ hòn đảo; việc vượt sông vốn là một chuyện chẳng dễ dàng kể cả khi không phải chịu một cuộc tấn công nào, nên lẽ ra con trai của Porus có thể làm gia tăng trở ngại cho Alexander nếu hạ lệnh cho quân lính Ấn Độ rời khỏi các chiến xa và tấn công vào quân Macedonia khi họ đang cố gắng đổ bộ vào bờ. Nhưng trên thực tế, anh ta đã không làm việc này và tạo cơ hội để Alexander vượt sông mà không bị quấy nhiễu. Để đối phó với lực lượng này, Alexander đã sử dụng các cung thủ cưỡi ngựa. Những chiến binh này đã phá vỡ đội hình của quân địch không mấy khó khăn và khiến nhiều binh lính Ấn Độ bị thương. Các tác giả khác thuật lại rằng chính trên bờ sông Hydaspes, đã diễn ra một cuộc chiến ác liệt trong lần đổ bộ thực sự giữa kỵ binh và một lực lượng quân Ấn Độ hơn hẳn về số lượng, do con trai Porus chỉ huy. Cũng chính trong quá trình diễn ra cuộc chiến này, con trai của Porus đã làm Alexander bị thương, và giáng một đòn tấn công mạnh mẽ giết chết con thần mã yêu quý của ngài là

Bucephalus.

Ptolemy, con trai của Lagus, lại đưa ra một ghi chép khác mà tôi cho rằng hợp lý hơn. Cũng như những tác giả khác, ông thuật lại rằng Porus đã cử con trai mình ra "tiếp đón" Alexander, nhưng điểm khác là con trai của Porus đã xuất quân không chỉ với 60 chiến xa. Rất khó có thể tin rằng, khi nhận được tin hoặc Alexander hoặc một phần lực lượng của quân đội Macedonia đã vượt sông Hydaspes, Porus lại cử con trai mình ra đương đầu cuộc đổ bộ của địch quân với một lực lượng không đáng kể như vậy [60 chiến xa] – một lực lượng mà một mặt, có độ lớn không cần thiết nếu chỉ dùng cho việc trinh sát và được trang bị không phù hợp đối với một cuộc rút lui nhanh chóng, mặt khác, lại không đủ để ngăn chặn một cuộc vượt sông đang diễn ra hay tấn công vào quân địch đã đổ bộ thành công[35]. Theo Ptolemy, con trai của Porus đã dẫn theo 2.000 kỵ binh và 120 chiến xa[36] khi đi tới địa điểm diễn ra cuộc vượt sông; nhưng Alexander đã hành động rất nhanh gọn và dẫn dắt đội quân cuối cùng vượt sông một cách thành công từ hòn đảo. Để đối phó với quân địch trong trận này, trước hết Alexander sử dụng các cung thủ cưỡi ngựa để tấn công, trong khi đích thân ngài di chuyển cùng kỵ binh với suy nghĩ rằng Porus cùng với lực lượng mạnh nhất trong quân đội của ông ta chắc chắn đang trên đường tìm kiếm ngài, và đạo quân kỵ binh tiên phong mà ngài đang dẫn dắt chắc chắn sẽ vượt sông thành công trước khi quân Ấn Độ nhận được viện quân. Tuy nhiên, ngay khi Alexander nhận được tin tức chính xác về số lượng của quân địch, ngài đã tấn công ngay lập tức, và quân Ấn Độ, khi nhìn thấy đích thân Alexander dẫn theo lực lượng kỵ binh đông đảo của ngài tấn công cấp tập vào họ thì đều nhất loạt tan vỡ và bỏ chạy. Thiệt hại của quân Ấn Độ trong trận này khoảng 400 quân kỵ, trong số những người bỏ mạng có cả con trai của Porus; các chiến xa và ngựa chiến đều bị bắt giữ khi chủ nhân của chúng cố gắng tháo chạy – chúng không thể di chuyển với tốc độ mong muốn và đất bùn khiến chúng trở nên vô dụng trong suốt thời gian diễn ra cuộc chiến.

Những người Ấn Độ tháo chạy thành công đã báo tin cho Porus rằng Alexander đã dẫn quân vượt sông thành công và con trai của ông đã bỏ mạng. Porus đương đầu với một lựa chọn khó khăn, vì ngay ở cứ điểm của mình, ông có thể thấy những binh lính dưới quyền chỉ huy của Craterus, người đã được Alexander để lại để giữ cứ điểm ban đầu của quân Macedonia, đang chuẩn bị vượt sông. Nhưng Porus cũng đã nhanh chóng trấn tĩnh lại; ông quyết định đem lực lượng tấn công Alexander, và chiến đấu đến cùng với vua của Macedonia và đội quân tinh nhuệ của ngài. Sau đó, Porus để lại một lực lượng nhỏ với một vài voi chiến được đặt rải rác để cảnh báo kỵ binh của Craterus khi họ cố gắng đổ bộ ở bờ sông, còn đích thân ông dẫn quân đối đầu với Alexander cùng toàn bộ 4.000 kỵ binh, 300 chiến xa, 200 voi chiến, và những đạo quân bộ binh được lựa chọn, với số lượng lên tới khoảng 30.000 người[37].

Phần lớn diện tích vùng đất này lún sâu trong đất bùn, nên Porus tiếp tục tiến quân cho tới khi tìm ra một địa điểm, nơi mà phần đất sỏi cát đủ vững chãi và bằng phẳng cho việc sử dụng kỵ binh; đồng thời, ông chuẩn bị kế hoạch tấn công. Ở vị trí tiên phong, ông sắp xếp đàn voi chiến theo khoảng cách khoảng 30,5 mét, trên một mặt trận rộng lớn, để hình

thành một lá chắn cho toàn bộ đội hình chính của bộ binh và gieo rắc nỗi kinh hoàng cho kỵ binh của Alexander. Porus không nghĩ rằng bất kỳ một đơn vị địch quân nào dám liều lĩnh mở đường xuyên qua những khoảng trống trong phòng tuyến voi chiến, dù là bộ binh hay kỵ binh; tiếng voi rống sẽ làm ngựa chiến hoảng loạn, không thể kiểm soát được, còn bộ binh của địch sẽ giảm dần nhuệ khí khi phải đương đầu với bộ binh hạng nặng của Porus, và sau đó bị đàn voi chiến giẫm đạp cho tới chết. Đằng sau phòng tuyến voi chiến là bộ binh, mặc dù không trên một mặt trận tương đương: vô số những đội quân, hình thành nên một phòng tuyến thứ hai, được sắp xếp để lấp đầy khoảng cách trong phòng tuyến voi chiến. Bộ binh được sắp xếp ở cả hai cánh, lẫn vào đàn voi chiến, và cuối cùng, ở cả hai sườn của bộ binh là những đội kỵ binh, với một bức bình phong tạo thành từ các chiến xa.

Nhận thấy rằng địch quân đang sắp xếp cho trận chiến, Alexander đã kiểm tra lại đường tiến quân của kỵ binh, để bộ binh có thể đi cùng với ngài. Các trung đoàn giữ mối liên hệ với nhau, di chuyển một cách nhanh chóng, cho tới khi toàn bộ lực lượng được hợp nhất một lần nữa. Alexander không có ý định đương đầu với những binh lính khỏe mạnh của quân địch với một đội quân toàn những người đang mệt mỏi và kiệt sức, nên ngài đã cho toàn quân nghỉ ngơi trước khi tấn công. Trong lúc đó, Alexander tiếp tục để kỵ binh di chuyển lên xuống trên phòng tuyến, trong khi những đội bộ binh được phép nghỉ ngơi cho tới khi họ có nhiều dũng khí hơn cho cuộc chiến đấu.

Quan sát cách bài binh bố trận của quân Ấn Độ, Alexander đã quyết định không đột kích vào trung quân của địch, nơi bộ binh hạng nặng tập trung tại những khoảng trống của bức bình phong bảo vệ của voi chiến, và việc làm bất đắc dĩ này hẳn đã được Porus tính toán từ trước. Thay vào đó, dựa vào sự vượt trội của kỵ binh, Alexander di chuyển phần lớn kỵ binh tấn công vào cánh trái của quân địch, nhằm mở một cuộc đột kích vào phần này. Coenus được giao nhiệm vụ tấn công cánh phải của quân Ấn Độ cùng với trung đoàn của Demetrius và trung đoàn của ông. Coenus nhận chỉ thị rằng khi quân địch di chuyển kỵ binh của họ vượt lên cánh trái để đối phó với đội quân đông đảo của những tiểu đội kỵ binh Macedonia, ông sẽ bám lấy hậu quân của địch. Bộ binh hạng nặng được đặt dưới quyền chỉ huy của Seleucus, Antigenes, và Tauron, cùng với mệnh lệnh không giáp chiến cho tới khi thấy rõ rằng, quân Ấn Độ, cả kỵ binh lẫn bộ binh, đều bị kỵ binh Macedonia làm cho hoảng loạn.

Một khi quân địch đã ở trong tầm ngắm, Alexander đã chỉ huy cung thủ cưỡi ngựa, khoảng 1.000 người, tấn công vào cánh trái của quân địch, với hy vọng có thể khiến quân địch bị xáo trộn bằng một trận mưa tên và sức mạnh của cuộc tấn công, và ngay sau đó, đích thân ngài sẽ cùng đội Chiến hữu tiếp tục tấn công vào cánh trái, nỗ lực mở một cuộc đột kích trong khi quân địch vẫn phải chịu sự tấn công của các cung thủ cưỡi ngựa, và trước khi kỵ binh của họ có thể thay đổi từ đội hình hàng dọc sang đội hình tập trung.

Trong lúc đó, quân Ấn Độ đã rút toàn bộ kỵ binh từ những phân khu khác trong hàng ngũ của họ, và đưa kỵ binh lên đương đầu với cuộc tấn công của Alexander nhằm vào phía sườn của đội hình, và điều này không kéo dài trước khi họ nhìn thấy binh lính của Coenus, theo lệnh, đã áp sát hậu quân của họ. Do đó, quân Ấn Độ đã buộc phải phân chia lực lượng

của họ thành hai phần; phần lớn lực lượng, bao gồm những binh lính thiện chiến nhất, tiếp tục tấn công Alexander, trong khi phần còn lại quay ra đối phó với Coenus. Dĩ nhiên, điều này tai hại không chỉ với hiệu quả bố trí lực lượng của quân Ấn Độ mà còn với toàn bộ kế hoạch chiến đấu. Alexander đã nhận ra sự thay đổi này; ngay khi kỵ binh địch đổi hướng, ngài đã ra lệnh tấn công. Quân Ấn Độ không đợi tới khi nhận đòn tấn công mạnh mẽ này của vị thống lĩnh trẻ đã vội vã rút lui vào phòng tuyến voi chiến, pháo đài vững chắc của họ – hoặc ít ra là pháo đài mà họ tin là vững chắc. Trong khi voi chiến lo đương đầu với đội kỵ binh, thì bộ binh Macedonia, tới lượt họ, đã tấn công bắn hạ những người điều khiển voi và trút xuống một trận mưa vũ khí từ khắp mọi phía vào chính đàn voi chiến. Đó quả là một cuộc chiến có phần lạ lùng – không giống bất cứ một cuộc chiến nào trước đó; những con voi chiến vẫn hùng dũng tiến tới, và giữa những phòng tuyến bộ binh, chúng đã phá hủy phần lớn đội hình phalanx của Macedonia, trong khi kỵ binh Ấn Độ lo đối phó với cuộc đột kích của kỵ binh Macedonia. Tuy nhiên, một lần nữa, quân Ấn Độ thua kém quá nhiều về sức mạnh và kinh nghiệm so với kỵ binh của Alexander, và họ bị đẩy lùi lần thứ hai vào phía sau đàn voi chiến.

Trong quá trình diễn ra trận này, toàn bộ quân kỵ binh Macedonia, do nhu cầu cấp bách của việc chiến đấu hơn là những mệnh lệnh thận trọng, đã tập trung thành một nhóm thống nhất; sau đó, họ liên tiếp tấn công vào một khu vực trong đội hình và gây ra những thiệt hại nặng nề cho quân địch. Cũng trong thời điểm này, đàn voi chiến đã bị lùa vào một không gian hẹp, không có khoảng trống để phát huy sức mạnh, bởi các binh lính đã bao vây xung quanh chúng, và khi rơi vào tình cảnh này, đàn voi đã đổi hướng đi và xô đẩy nhau, giẫm đạp đến chết nhiều kẻ thù cũng như chiến hữu của chúng. Hệ quả là, kỵ binh Ấn Độ, những người mắc kẹt xung quanh đàn voi chiến và không có không gian để di chuyển, đã chịu tổn thất nặng nề. Hầu hết những người điều khiển voi đều bị bắn hạ. Số phận của đàn voi chiến cũng thảm thương không kém: phần lớn bị thương; một số do không có người cưỡi, đã đồng loạt ngừng tấn công; một số trở lên điên loạn vì đau đớn và hoảng sợ, đã xô đạp, giày xéo lên những người xung quanh, không phân biệt đâu là ta đâu là địch. Quân Macedonia có thể đối phó với những con vật điên loạn này; có đủ không gian để di chuyển, họ sử dụng khả năng phán đoán của mình, rút lui khi đàn voi tấn công, và tiến lên cùng với giáo mác khi chúng bỏ đi, trong khi đó những binh lính Ấn Độ bất hạnh, trong lúc chen lấn xô đẩy, đã nhận ra đàn voi chiến điên loạn là kẻ thù nguy hiểm hơn cả những binh lính Macedonia.

Trong lúc đàn voi chiến đã mệt mỏi và những đợt tấn công của chúng đã yếu dần đi; chúng bắt đầu quay đi, một cách chậm chạp, như những con thuyền lùi về phía sau vậy, và không có gì hơn ngoài những tiếng rống. Nắm lấy cơ hội này, Alexander đã bao vây phần lớn ngựa chiến, voi chiến của quân địch – sau đó, ra hiệu cho bộ binh của ngài tập hợp các tấm khiên và di chuyển theo một khối vững chắc. Hầu hết kỵ binh Ấn Độ đều đã bị chém giết trong cuộc tấn công diễn ra ngay sau đó; bộ binh của họ cũng chịu sức ép lớn từ quân Macedonia và chịu tổn thất nặng nề. Những người sống sót, tìm thấy một khoảng trống trong vòng vây kỵ binh của Alexander, đều đã đổi hướng và bỏ chạy. Craterus và những sĩ quan khác, những người được để lại ở bờ sông đã bắt đầu vượt sông ngay khi họ thấy vị chủ tướng đã giành được thắng lợi, và những binh lính trẻ khỏe của họ, đã tiếp quản cuộc truy

đuổi từ những binh lính đã rã rời của Alexander, tiếp tục giáng những đòn tấn công cấp tập lên quân Ấn Độ bại trận.

Gần 20.000 bộ binh Ấn Độ và khoảng 3.000 kỵ binh bỏ mạng trong trận này. Tất cả những chiến xa của họ đều bị phá hủy. Trong số những người thiệt mạng, có hai con trai của Porus, Spitaces, thống đốc địa phương người Ấn Độ, tất cả những sĩ quan chỉ huy đàn voi chiến và chiến xa, và toàn bộ sĩ quan kỵ binh cùng các chỉ huy cấp cao khác. Những con voi chiến còn sống đều đã bị bắt giữ. Về phía quân Macedonia, trong 6.000 bộ binh ban đầu của Alexander, có 80 người đã bỏ mạng; ngoài ra, ngài còn thiệt hại 10 cung thủ cưỡi ngựa, những người nằm trong đội quân đầu tiên giáp chiến, khoảng 20 kỵ binh Chiến hữu, và 200 kỵ binh khác[38].

Trong suốt cuộc chiến, Porus đã chứng tỏ ông ta quả thực là một người đàn ông, không chỉ với vai trò là một chỉ huy mà còn với vai trò của một người lính vô cùng dũng cảm. Khi Porus nhìn thấy kỵ binh của ông ta bị tan vỡ, phần lớn bộ binh đều bỏ mạng, còn voi chiến, hoặc bị giết hoặc không có người điều khiển, bị bỏ lại hoảng loạn trên chiến trường, ông ta đã có cách cư xử rất khác so với Darius, vị vua Ba Tư: không giống như Darius, ông đã không bỏ chạy để tự cứu lấy mạng mình, mà đồng hành cùng với những binh lính và chiến đấu hết sức dũng cảm. Chỉ khi bị thương, Porus mới thúc voi chiến đổi hướng và bắt đầu rút lui. Porus bị thương ở vai phải, phần thân thể duy nhất không được bảo vệ của ông; khi Porus di chuyển ở trung tâm của cuộc chiến đấu, đã không một vũ khí nào có thể chạm vào ông vì tấm áo giáp mà ông mặc – một tấm áo giáp hết sức bền chắc và vừa vặn.

Alexander vì nóng lòng cứu mạng người chiến binh vĩ đại và dũng cảm này đã cử Taxiles, một người Ấn Độ, tới gặp Porus. Taxiles cưỡi ngựa tới một khoảng cách gần nhất mà ông dám và đề nghị Porus cho voi chiến của ông ngừng lại để nghe thông điệp mà Alexander gửi tới ông rằng việc trốn thoát bây giờ là bất khả. Nhưng Taxiles vốn là kẻ thù cũ của vua Ấn Độ, và Porus đã thúc voi chiến chuyển hướng, đi tới gần chỗ của Taxiles, toan kết liễu địch thủ bằng cây giáo của mình; ông suýt nữa đã giết chết Taxiles nếu ngựa của Taxiles không bị làm cho hoảng sợ và bỏ chạy đúng lúc đó. Tuy vậy, Alexander, không hề oán giận cách cư xử này của Porus đối với liên lạc viên của mình. Ngài tiếp tục cử một số người khác đi thuyết phục Porus. Người cuối cùng trong số đó là một người Ấn Độ tên là Meroes, một người mà Alexander được nghe kể là người bạn lâu năm của Porus. Porus đã nghe lời Meroes, cho voi chiến ngừng lại, và bước xuống; ông đã mệt lả vì khát nước, nên sau khi khỏe lại nhờ uống nước, ông đã yêu cầu Meroes tốc lực dẫn tới gặp Alexander.

Khi được báo tin Porus đang tới, Alexander đã vượt lên trước để đón đường cùng với một nhóm nhỏ các Chiến hữu. Khi họ gặp nhau, Alexander đã ghìm ngựa đi chậm lại, và nhìn đối thủ của mình với lòng ngưỡng mộ: Porus quả là một nhân vật phi thường, cao hơn 2 mét[39], và mang vẻ đẹp của một con người vĩ đại; những gì mà ông phải trải qua không làm mất đi vẻ kiêu ngạo của ông; sắc diện của Porus đứng trước mặt Alexander là sắc diện của một người đàn ông dũng cảm trong cuộc gặp gỡ với một người đàn ông dũng cảm khác, của một vị vua trước một vị vua, và trước một địch thủ mà ông đã phải chiến đấu để giữ gìn vương quốc của mình.

Câu đầu tiên mà Alexander hỏi Porus là: “Ông muốn ta đối xử với ông như thế nào?”

Porus đáp lời, “Ta muốn ngài đối xử với ta như một vị vua”.

Alexander, rất hài lòng với câu trả lời này, tiếp tục nói rằng: “Thỉnh cầu của ông sẽ được chấp thuận. Nhưng ông không mong muốn điều gì cho bản thân mình sao?”

“Mọi điều đều nằm trong thỉnh cầu đầu tiên rồi.” Porus nói.

Vẻ nghiêm trang của những từ ngữ này đã khiến Alexander thêm hài lòng, và ngài trao trả lại cho Porus vương quyền của ông, cho phép ông được mở rộng lãnh thổ của mình sang những địa phận khác[40]. Ngài đã đối xử với Porus đúng như cách đối xử với một vị vua, và từ thời điểm đó, ngài coi Porus như là một người bạn trung thành. Đó chính là kết quả của trận chiến giữa Alexander với Porus và quân Ấn Độ ở Hydaspes. Cuộc chiến diễn ra vào tháng Năm, trong thời gian Hegemon làm quan chấp chính tại Athens[41].

Gần nơi diễn ra trận chiến và địa điểm nơi Alexander băng qua dòng Hydaspes, Alexander đã thành lập hai thành phố; một thành phố ngài gọi là Nicaea, để kỷ niệm chiến thắng của ngài, một thành phố khác được đặt tên là Bucephala, để tưởng niệm chiến mã của ngài là Bucephalus, con ngựa đã bỏ mạng trên mảnh đất này – không phải do những vết thương trong chiến trận, mà chết vì tuổi già và kiệt sức. Bucephalus lúc đó đã 30 tuổi và sức khỏe đã suy kiệt[42]. Trong những ngày tháng trước, con thần mã này đã chia sẻ cùng với Alexander nhiều hiểm nguy và nhiều lần hành quân kiệt sức. Không ai có thể cưỡi được nó ngoại trừ Alexander. Bucephalus là một con ngựa lớn, can đảm – một tạo vật cao quý; con ngựa chiến này được đóng dấu một hình đầu bò, do đó mà nó được gọi là Bucephalus – dù có vài người nói rằng cái tên này vốn xuất phát từ một đốm trắng có hình giống như đầu bò ở trên đầu của con thần mã này. Đó là vệt trắng duy nhất trên thân nó, toàn bộ phần còn lại đều là màu đen. Ở Uxia[43], Alexander đã từng đánh mất nó, và ngài đã ra sắc lệnh rằng ngài sẽ giết hết người dân trong khu vực đó trừ phi Becephalus được mang trả. Câu chuyện là bằng chứng cho nỗi kinh hoàng mà Alexander đã gieo rắc đồng thời cũng thể hiện lòng yêu mến của ngài đối với Bucephalus. Tuy vậy, tôi sẽ không nói gì hơn nữa: những điều tôi đã viết để ngợi ca Bucephalus, tôi viết để tưởng nhớ Alexander.

Khi những nghi lễ chôn cất cho những binh lính đã bỏ mạng trong trận chiến được diễn ra một cách trọng thể, Alexander đã làm lễ tế thần theo thông lệ, tạ ơn các vị thần đã giúp ngài chiến thắng. Đồng thời, ngài cũng tổ chức các trò chơi, cùng với cuộc thi đấu điền kinh và cưỡi ngựa, tại nơi diễn ra cuộc vượt sông đầu tiên qua dòng Hydaspes[44]. Sau đó, để Craterus cùng với một phần lực lượng giám sát việc xây dựng và củng cố việc định cư của các thành phố mới, ngài tiếp tục dẫn quân chinh phạt những người Ấn Độ dọc biên giới vương quốc của Porus. Aristobulus gọi những người đó là tộc người Glauganicae, Ptolemy gọi họ là Glausae – những điều đó không đáng bận tâm; tên gọi của tộc người này không phải là vấn đề quan trọng lắm. Alexander đã đặt chân lên lãnh thổ của họ cùng với một nửa đội Chiến hữu, những binh lính được lựa chọn từ mỗi tiểu đoàn bộ binh hạng nặng, cung thủ, quân Agrianes, và toàn bộ đạo quân cung thủ cưỡi ngựa. Những người bản địa đã quy

hàng ngài. Khoảng 37 thị trấn bị hạ, thị trấn nhỏ nhất có không ít hơn 5.000 người cư trú và nhiều thị trấn khác có lượng dân cư gấp đôi số này; một số lượng lớn những ngôi làng ít dân cư hơn cũng đã rơi vào tay Alexander. Ngài trao lại toàn bộ lãnh thổ này cho Porus. Ngài cũng đã hóa giải mối bất hòa giữa Porus và Taxiles. Sau đó, ngài cử Taxiles trở về với thần dân của ông.

Trong khoảng thời gian đó, phái đoàn do Abisares cử đến đã tới tiếp kiến Alexander. Abisares xin tự giao nộp bản thân và lãnh thổ của mình, và điều này bắt nguồn từ việc trước trận Hydaspes, ông ta đã có ý định gia nhập vào quân của Porus(45). Anh trai của Abisares lúc này đang ở giữa các sứ thần, được giao phó cho ngài cùng với tiền cống nạp và 40 voi chiến. Những người Ấn Độ tự do cũng đã cử phái đoàn tới, và một phái đoàn khác cũng được gửi đi từ một vị thủ lĩnh địa phương cũng có tên là Porus(46). Alexander ra lệnh triệu hồi Abisares, với lời đe dọa rằng nếu vị thủ lĩnh này không xuất hiện, ông sẽ sớm nhìn thấy quân đội Macedonia và những chỉ huy của Alexander tại một địa điểm không ngờ tới.

Trong lúc đó, Phrataphernes, xatrap của Parthia và Hyrcania, đã đến cùng với quân Thrace dưới quyền chỉ huy của ông. Đồng thời, Sisicottus, xatrap của Assacenia cũng báo tin rằng thống đốc Hy Lạp đã bị ám sát, và cư dân ở đó đã từ bỏ lòng trung thành với Alexander(47). Alexander do đó đã cử một lực lượng dưới quyền chỉ huy của Philip và Tyriaspes tới khôi phục lại trật tự của khu vực này. Sau đó, ngài hành quân tới sông Acesines.

Acesines là dòng sông Ấn Độ duy nhất mà Ptolemy, con trai của Lagus, đề cập tới độ lớn của nó. Trong trước tác của ông, tại địa điểm nơi quân đội của Alexander vượt sông bằng thuyền bè, con sông có chiều rộng khoảng 3,2 kilômét và nước chảy xiết; dòng chảy bị tắc nghẽn bởi nhiều tảng đá lớn, lởm chởm nằm rải rác nơi nước đổ xuống dữ dội với những âm thanh ồn ào và chấn động. Các bè mảng trôi qua một cách khá dễ dàng, nhưng các con thuyền lại vướng phải nhiều trở ngại, chúng va đập vào những tảng đá, sau đó bị vỡ thành các mảnh nhỏ khiến người và đồ đạc được chuyên chở trên thuyền đều bị rớt xuống sông. Từ mô tả này, có thể suy đoán một cách logic rằng những tác giả khác có phần chính xác hơn khi họ đưa ra kích cỡ bề rộng của sông Ấn là 8 kilômét, rút xuống còn 3,2 kilômét ở nơi hẹp nhất và sâu nhất. Quả thực, 3,2 kilômét bề rộng là quá đủ cho dòng chảy của nó. Hơn nữa, tôi nghĩ rằng Alexander đã chủ ý vượt sông Acesines tại điểm rộng nhất để có được lợi thế của dòng chảy chậm(48).

Sau khi vượt sông, ngài để Coenus cùng với tiểu đoàn của ông giám sát việc vượt sông của phần còn lại của đội quân, những người mang theo ngũ cốc và các nhu yếu phẩm khác từ nhiều nơi trong khu vực, những nơi đã quy phục ngài. Sau đó, Alexander cho phép Porus trở về với thần dân của ông, cùng với chỉ thị sẽ tái hợp sau với một nhóm các binh lính đã được lựa chọn và bất kỳ đàn voi chiến nào mà ông có. Một Porus khác – người đã tự làm ô nhục chính mình khi bỏ chạy khỏi địa hạt của ông ta – bị Alexander truy đuổi cùng với những đội quân cơ động nhất của ngài. Porus này chính là người mà khi diễn ra trận chiến giữa Alexander và người trùng tên với ông ta, đã xin quy phục Alexander và giao nộp lãnh thổ cho ngài – quả thực, không phải vì lòng yêu mến Alexander, mà bởi vì ông ta ghét

Porus, vua Ấn Độ; sau đó, khi biết tin rằng Porus không những được trả tự do mà còn được giao cho quyền cai trị một lãnh thổ mới rộng lớn hơn, nhân vật trùng tên này đã hoảng sợ, bỏ trốn khỏi khu vực của mình cùng với nhiều chiến binh khác mà ông ta có thể thuyết phục cùng chia sẻ vận mệnh với mình. Nỗi sợ hãi Alexander, đối với vị Porus này mà nói, không nhiều bằng mối đe dọa mà ông ta phải gánh chịu khi địch thủ của ông ta đã gia tăng quyền lực.

Đường hành quân của Alexander trong cuộc truy đuổi đã mang ngài tới dòng Hydraotes, một dòng sông rộng như dòng Acesines nhưng không chảy xiết bằng. Tại tất cả những vị trí chiến lược dọc lãnh thổ bên bờ Hydraotes, ngài đều bố trí binh lính canh giữ, nên Craterus và Coenus khi đi tìm kiếm lương thực có thể dễ dàng đi tới bất cứ đâu mà không gặp nguy hiểm. Sau đó, ngài hạ lệnh cho Hephaestion tiến quân cùng với hai tiểu đoàn bộ binh – tiểu đoàn của riêng ông và trung đoàn kỵ binh của Demetrius – và một nửa đạo quân cung thủ tới lãnh thổ của Porus phản bội, người mà Hephaestion sẽ giao lại cho Porus khác, cùng với bất cứ một tộc người Ấn Độ nào mà ông có thể bắt gặp ở Hydraotes; công việc sau đó là chiếm lấy lãnh thổ của Porus. Sau khi các sắp xếp này được thực hiện, Alexander vượt sông Hydraotes, và lần vượt sông này không giống như lần vượt dòng Acesines vì ngài không gặp trở ngại gì, và tiếp tục tiến quân dọc bờ sông. Hầu hết những bộ tộc trong khu vực này đã quy hàng ngài mà không có sự kháng cự nào, bao gồm cả một vài tộc người ban đầu tỏ ra thù địch; một số bộ tộc khác cố gắng né tránh ngài, nhưng đều bị bắt và buộc phải quy phục bằng vũ lực.

Tin tức được báo tới cho Alexander là một bộ tộc người Ấn Độ độc lập được biết với tên gọi là tộc người Cathaei, đang lên kế hoạch chống lại cuộc xâm lược, và kêu gọi sự hỗ trợ của các tộc người lân cận. Sangala[49], thị trấn nơi họ dự tính chọn làm cứ điểm, được cho biết là một nơi vững chãi, còn bản thân tộc người này nổi tiếng là những chiến binh xuất sắc và những con người dũng cảm. Thái độ thách thức của dân Cathaei nhận được sự chia sẻ từ hai tộc người là Oxydracae và Malli. Trước đó không lâu, Porus và Abisares đã từng thực hiện một cuộc viễn chinh tấn công những người này; họ đã xui khiến một số bộ tộc độc lập khác hỗ trợ cho cuộc chiến, nhưng không hề đạt được kết quả nào – trong bất cứ trường hợp nào, không có gì so sánh được với tầm quan trọng của những kế hoạch chuẩn bị của họ.

Hệ quả của tin cấp báo này là Alexander đã không chút trì hoãn dấn quân chống lại người Cathaei. Sau hai ngày hành quân từ Hydraotes, ngài đặt chân tới thị trấn có tên là Pimprama, thuộc sở hữu của một tộc người được gọi là tộc Adraistae. Họ đã giao nộp thành trì mà không kháng cự. Ngày hôm sau, Alexander cho quân đội nghỉ ngơi, rồi sau đó lại tiếp tục hành quân tới Sangala. Tộc người Cathaei cùng với những bộ tộc láng giềng khác đã gia nhập với họ đã chiếm cứ một vị trí ở trên đồi, đối diện với thị trấn; một số nơi trên quả đồi ít dốc hơn so với các chỗ khác, và xung quanh đó, họ đặt những xe ngựa để hình thành một vòng tròn phòng vệ gồm ba phòng tuyến. Sau đó, họ cho dừng quân hạ trại trong vòng tròn phòng vệ.

Alexander đã thay đổi chiến thuật của ngài để phù hợp với hoàn cảnh. Khi nhìn thấy sức mạnh của địch quân và địa thế cứ điểm của mình, ngài ngay lập tức hạ lệnh cho cung thủ

cưỡi ngựa dọc theo mặt trận của quân địch, bắn tên ở tầm xa, để ngăn chặn một cuộc phá vây trước khi phần còn lại của quân Macedonia vào vị trí, và gây ra nhiều thiệt hại nhất có thể trước khi quân địch từ bỏ vị trí phòng thủ để giáp chiến. Trong lúc đó, Alexander đã mang trung đoàn kỵ binh của Cleitus và tiểu đội kỵ binh đặc biệt đặt xung quanh cánh phải của quân đội, cùng với vệ quân và quân Agrianes; còn bên cánh trái, ngài sử dụng trung đoàn kỵ binh của Perdiccas và những tiểu đoàn bộ binh hạng nặng. Cung thủ được chia làm hai sư đoàn, mỗi sư đoàn được bố trí ở một cánh. Trước khi những sắp xếp này được thực hiện, vệ binh ở phần hậu quân, cả bộ binh lẫn kỵ binh, đều đã tới; kỵ binh được sử dụng để củng cố sức mạnh cho hai cánh, và những đội bộ binh được thêm vào sẽ gia tăng sự vững chãi của đội hình phalanx. Hoàn tất việc này, Alexander đã đích thân chỉ huy kỵ binh ở phía cánh phải, và dẫn quân tấn công vào tuyến phòng thủ xe ngựa ở cánh trái của quân Ấn Độ, nơi những chiếc xe ngựa này được sắp xếp cách nhau một khoảng khá rộng và địa hình dường như không quá khó khăn để tiến công.

Sự đe dọa của kỵ binh đã không dụ được quân Ấn Độ rời khỏi các phòng tuyến bảo vệ; họ đã nhảy lên những chiếc xe ngựa và đương đầu với cuộc tấn công của cung thủ ở tầm xa. Alexander nhận thấy rằng việc sử dụng kỵ binh trong tình huống này là không hiệu quả, nên ngài đã xuống ngựa và đích thân dẫn bộ binh đột kích. Quân Macedonia dễ dàng đẩy lùi quân địch ở phòng tuyến đầu tiên, nhưng tới phòng tuyến thứ hai, quân Ấn Độ đã tập hợp lại và tự phòng vệ tốt hơn. Ở phòng tuyến thứ hai này, khoảng cách giữa các xe ngựa đã được rút ngắn lại, và quân Macedonia đã không còn lợi thế để tấn công trên vùng đất trống; ngược lại, họ lại phải đẩy những xe ngựa ở vòng ngoài ra khỏi đường đi của họ và phải xô đẩy nhau ở bất cứ nơi nào có khoảng trống. Tuy vậy, họ đã giải quyết được vấn đề này và một lần nữa, đẩy lùi quân Ấn Độ. Cho tới lúc đó, quân Ấn Độ đã không thể trụ lại lâu hơn nữa; không hề cố gắng bám trụ tại phòng tuyến xe ngựa thứ ba, họ đã vội vã rút lui vào trong thị trấn và đóng cổng thành.

Alexander đã không thúc ép thực hiện thêm một cuộc tấn công nào nữa trong ngày hôm đó. Ngài có thể sử dụng bộ binh để vây thành, nhưng phạm vi các chốt phòng vệ của thị trấn này quá lớn để có thể thực hiện một cuộc bao vây hoàn toàn. Có một kẽ hở giữa các chốt phòng vệ và đối diện với nó, ở khoảng cách không xa lắm, là một hồ nước; xung quanh hồ này, Alexander đã cẩn thận bố trí các kỵ binh canh giữ, vì nước hồ quả thực rất nông và ngài đoán rằng quân Ấn Độ, vô cùng hoảng sợ bởi lần thất trận trước của họ, sẽ cố gắng rời khỏi thị trấn dưới sự bao phủ của bóng đêm. Dự đoán của ngài hoàn toàn chính xác: vào khoảng canh hai, hầu hết quân Ấn Độ đã lẻn ra, và rơi vào vòng vây của kỵ binh Macedonia. Nhiều người đã bị giết, và phần còn lại, khi nhận ra các đội tuần tra của địch quân có ở xung quanh hồ, đã rút lui vào thị trấn một lần nữa.

Xung quanh thị trấn, ngoại trừ phần hồ đã hình thành một rào chắn tự nhiên, Alexander cho xây dựng một hàng rào kép, và dựa vào đó, canh giữ hồ một cách hiệu quả hơn. Mục đích của ngài là mang những phương tiện vây thành để phá vỡ phòng tuyến của thị trấn, nhưng ngài lại được những kẻ đào ngũ thông báo rằng quân Ấn Độ đã quyết định tẩu thoát vào đêm muộn – mục đích của họ là lẩn trốn cạnh hồ, nơi có một lỗ hổng ở hàng rào. Do đó, Alexander đã hạ lệnh cho Ptolemy, con trai của Lagus, cắm chốt tại vị trí đó

cùng với ba trung đoàn vệ quân, toàn bộ quân Agrianes, và một lữ đoàn cung thủ. Dự đoán được nơi mà quân địch sẽ băng qua, ngài hạ lệnh cho Ptolemy: "Lúc mà ngươi thấy họ ở đó, hãy ngăn họ lại và hạ lệnh cho người thổi kèn trumpet báo động. Nghe được dấu hiệu này, các sĩ quan còn lại sẽ dẫn quân ngay lập tức, đi tới nơi mà tiếng kèn vang lên. Và, chú ý rằng, ta sẽ đích thân xuất hiện ở đó."

Ptolemy đã tập hợp tất cả những chiếc xe ngựa mà ông có thể lấy được từ những người Ấn Độ sau lần rút lui đầu tiên của họ và đem chúng tới tuyến đường tẩu thoát của họ, nhằm sử dụng chúng như những cái bẫy trong lúc tối trời và hỗn loạn; ông cũng hạ lệnh rằng những cột trụ đã được hạ xuống để dựng hàng rào mà chưa được sử dụng thì lúc này sẽ được dùng làm vật cản ở cả hai bên giữa hồ và tường thành của thị trấn. Mặc dù phải làm công việc này trong lúc trời đã tối, quân lính của Ptolemy cũng đã hoàn thành mệnh lệnh của chỉ huy.

Vào khoảng canh tư[50], quân Ấn Độ, đúng như những gì Alexander được thông báo, đã mở cửa thành dẫn tới hồ và tốc lực chạy theo hướng đó. Ptolemy và vệ binh của ông đã chờ sẵn ở đó. Khi những người thổi kèn trumpet đã báo hiệu, Ptolemy dẫn đội quân trang bị vũ khí đầy đủ và đã được sắp xếp theo đội hình, tấn công quân địch; đường thoát hiểm của quân Ấn Độ đã bị chặn bởi xe ngựa và phần hàng rào mới, và khi tiếng kèn trumpet vang lên, họ đã thấy đội quân của Ptolemy đứng ở phía trước họ, chém giết bất cứ ai đang cố gắng thoát thân thông qua khoảng trống giữa những cỗ xe ngựa. Bởi vậy, quân Ấn Độ đã một lần nữa rút lui vào thị trấn, và thiệt hại mất 500 người trong lần tháo chạy này.

Trong khoảng thời gian đó, Porus đã tới mang phần còn lại của đội voi chiến và 5.000 lính Ấn Độ tới. Alexander cũng đã tập trung những phương tiện vây thành và đưa chúng vào vị trí sẵn sàng chiến đấu. Nhưng sau đó, việc này tỏ ra không cần thiết, vì trước đó đã có một lỗ hổng ở tường thành làm bằng gạch. Quân Macedonia đã tiếp tục phá hoại tường thành, bố trí các thang ở nhiều điểm xung quanh bức tường, và chiếm được thị trấn nhờ đột kích. Có tới 17.000 người Ấn Độ bị giết trong cuộc tấn công này và trên 70.000 người bị bắt làm tù binh. 500 kỵ binh và 300 chiến xa bị bắt giữ. Trong suốt cuộc vây thành, Alexander thiệt hại dưới 100 quân; tuy nhiên, số lượng người bị thương lớn hơn nhiều – trên 1.200 người – trong số đó có Lysimachus, người thuộc đội vệ sĩ riêng của Alexander và một số sĩ quan khác.

Sau khi chôn cất những người thiệt mạng theo nghi thức thông thường, Alexander đã cử thư ký của mình [secretary], Eumenes[51], cùng với 300 kỵ binh tới hai thị trấn mà đã cùng với Sangala khước từ việc tuân phục ngài. Mệnh lệnh của Alexander đưa ra là thông báo về việc ngài đã hạ được Sangala và đảm bảo với cư dân ở đó rằng nếu họ giữ nguyên vị trí, và mở cổng thành, đón nhận ngài như một người bạn thì họ sẽ chẳng phải hối tiếc gì về hành động của mình – như tất cả những tộc người tự do khác đã quy hàng ngài một cách tự nguyện. Tuy nhiên, cư dân cả hai thị trấn khi nghe được tin Sangala đã bị chiếm bằng đột kích đã kinh hãi tới mức nhất loạt bỏ trốn. Alexander đã ngay lập tức đuổi theo họ nhưng trong khoảng thời gian đó, ngài nhận được báo cáo cho biết hầu hết cư dân của hai thị trấn này đều đã trốn thoát. Họ bỏ lại khoảng 500 người bị ốm. Số này sau đó đều bị bắt và giết

chết. Alexander nhanh chóng từ bỏ cuộc truy đuổi, trở lại Sangala và biến thị trấn này thành tro bụi. Ngài trao lại vùng đất thuộc về thị trấn này cho những tộc người Ấn Độ đã tự nguyện trao tự do của họ vào tay ngài. Porus cùng đội quân của ông, sau đó, đã được cử tới những thị trấn đã quy hàng, với mệnh lệnh xây dựng các đơn vị đồn trú ở đó, còn Alexander đích thân hành quân tới sông Hyphasis, tiếp tục công cuộc chinh phạt của ngài. Chừng nào còn nhận thấy một dấu hiệu thù địch sót lại, chừng đó ngài còn cảm thấy chưa thể nào chấm dứt cuộc chiến.

Ngài được biết rằng vùng đất bên cạnh dòng Hyphasis rất giàu có và trù phú; cư dân ở đây là những nông dân giỏi và những người lính thiện chiến, sống dưới một hệ thống xã hội trật tự và hiệu quả. Những người nắm giữ chính quyền trong khu vực này hầu hết là quý tộc, nhưng không phải bằng cách áp bức. Voi chiến ở đây có số lượng đông hơn bất cứ một vùng nào ở Ấn Độ, vượt trội hơn cả về kích thước và lòng dũng cảm. Những câu chuyện này làm dấy lên lòng khao khát của Alexander về một cuộc phiêu lưu mới, nhưng quân lính của ngài thì không. Việc vị hoàng đế của họ liên tục dấn thân vào những cuộc phiêu lưu nguy hiểm và kiệt sức bắt đầu làm họ nản lòng[52]. Binh lính đã không còn hăng hái nữa; họ tổ chức một hội nghị ở nơi đóng quân. Tại đó, kể cả những người xuất sắc nhất trong số họ cũng đã bắt đầu than trách số phận, trong khi những người khác thề rằng họ sẽ không đi xa hơn, kể cả khi đích thân Alexander dẫn dắt họ. Tình trạng này đã khiến Alexander bận tâm, và trước khi sự bất an và ngã lòng này có thể dẫn tới một vài điều tồi tệ hơn, ngài đã triệu tập các chỉ huy và nói với họ những lời sau[53]:

"Ta đã thấy rằng khi ta dẫn các ngươi vào một việc mạo hiểm mới, các ngươi đã không còn đi theo ta với tinh thần như trước kia nữa. Nay ta triệu tập các ngươi lại, để hỏi rằng liệu chúng ta có thể cùng đưa ra một quyết định hay không? Liệu quân đội của chúng ta nên đi tiếp theo ý muốn của ta, hay quay trở lại theo sở nguyện của các ngươi?

Nếu các ngươi có bất cứ lời phàn nàn nào về những kết quả của những nỗ lực trước đó, hoặc về chính ta, vị thống lĩnh của các ngươi, thì không nói làm gì. Nhưng hãy để ta nhắc lại cho các ngươi nhớ rằng bằng chính lòng dũng cảm và sự nhẫn nại, chúng ta đã đánh chiếm Ionia, Hellespont, Phrygias, Cappadocia, Paphlagonia, Lydia, Caria, Lycia, Pamphylia, Phoenicia và Ai Cập; phần Hy Lạp của Libya giờ đây thuộc sở hữu của chúng ta, cùng với phần lớn Ả Rập, hạ Syria, Lưỡng Hà, Babylon, và Susia; Ba Tư và Media cùng với toàn bộ lãnh thổ mà trước kia có thuộc sở hữu của họ hay không cũng đã nằm trong tay chúng ta; các ngươi đã thành chủ nhân của những vùng đất vượt qua cổng Caspian, qua Caucasus, qua Tanais, Bactria, Hyrcania và biển Hyrcanian; chúng ta đã đẩy những người Scythia lùi sâu vào sa mạc; rồi sông Ấn, sông Hydaspes, sông Acesines và sông Hydraotes chảy qua những khu vực đó giờ là những dòng sông của chúng ta. Với tất cả những gì đã đạt được, tại sao các ngươi lại do dự mở rộng quyền lực của Macedonia – quyền lực của chính các ngươi – tới tận Hyphasis và những bộ tộc ở phía bên kia sông? Các ngươi lo ngại rằng một vài người bản địa còn lại có thể kháng cự sao? Chúng ta hãy tiến lên! Những người

bản địa đó hoặc sẽ quy hàng mà không chống cự, hoặc sẽ bị bắt trong cuộc đào thoát – hoặc sẽ bỏ lại thành trì không người bảo vệ của họ cho chúng ta; và khi chúng ta chiếm được nó, chúng ta sẽ trao tặng nó cho những người đã cùng chiến đấu bên cạnh chúng ta.

Hỡi những đấng nam nhi, ta tin rằng hành động không có mục đích nào ngoài chính nó, nếu nó được hướng tới những mục đích cao quý; dù sao, nếu bất cứ ai trong số các người mong muốn biết được đâu là giới hạn cho cuộc chinh phạt này, hãy để ta nói cho các ngươi biết rằng vùng đất ở phía trước chúng ta, từ đây tới tận sông Hằng và biển Đông, vẫn tương đối nhỏ[54]. Các ngươi chắc chắn sẽ nhận ra rằng vùng biển này liên kết với biển Hyrcanian, vì dòng chảy của biển vòng quanh Trái đất. Hơn nữa, ta sẽ chứng minh cho các ngươi, những chiến hữu của ta, rằng vịnh Ấn Độ, vịnh Ba Tư và biển Hyrcanian đều được nối liền với nhau[55]. Tàu thuyền của chúng ta sẽ giong buồm từ vịnh Ba Tư tới Lybia, rồi xa tới tận Những trụ cột của Hercules, từ đó toàn bộ lãnh thổ Libya chạy theo hướng đông sẽ sớm là tài sản của chúng ta, toàn bộ Á châu cũng vậy, và đế chế này sẽ là vô biên và chỉ bị giới hạn trong những gì Thượng đế đã ban cho toàn thế giới này.

Nhưng nếu lúc này các ngươi quay về, sẽ còn nhiều dân tộc hiếu chiến chưa chinh phục được giữa Hyphasis và biển Đông, và nhiều hơn nữa về phía bắc và biển Hyrcanian, cùng với những người Scythia cách đó không xa; bởi vậy, nếu chúng ta rút lui bây giờ, sẽ là một mối nguy hại cho lãnh thổ mà chúng ta không bảo vệ một cách vững chắc; cư dân ở đó có thể bị kích động nổi loạn bởi một vài lãnh thổ này khác mà chúng ta chưa hạ được. Nếu chuyện đó xảy ra, tất cả những gì chúng ta giành được bằng xương máu sẽ thành vô ích – hoặc chúng ta sẽ phải đối mặt với việc phải một lần nữa giành lại các lãnh thổ này từ đầu. Hỡi những con người quả cảm của Macedonia, hỡi những chiến hữu và đồng minh của ta, điều đó không được phép xảy ra. Hãy vững lòng; vì chính các ngươi biết rõ rằng khó khăn và nguy hiểm là cái giá của vinh quang, và là vẻ đẹp của một cuộc đời dũng cảm và danh tiếng đó sẽ còn vang xa kể cả khi chúng ta đã ở dưới mồ.

Phải chăng các ngươi không ý thức được rằng nếu Heracles, tổ tiên của ta, không đi xa hơn Tiryns hoặc Argos – hoặc thậm chí không đi xa hơn Peloponnese hoặc Thebes – người sẽ không bao giờ giành được niềm vinh quang đã biến người từ một người phàm thành một vị thần? Thậm chí cả Dionysus, một vị thần, cũng không phải chỉ đương đầu với một vài nhiệm vụ gian khó. Chúng ta đã làm được hơn thế: chúng ta đã vượt qua lãnh thổ Nysa và đã hạ được thành Aornos mà chính Heracles cũng không hạ được. Hãy tiếp tục, hãy thêm phần còn lại của lục địa Á châu vào những gì các ngươi đã sở hữu – một phần thêm vào nhỏ nhoi cho thành quả vĩ đại trong những cuộc chinh phạt của các ngươi. Phải chăng chúng ta nên hài lòng với việc sống ở Macedonia, chỉ lo canh giữ những ngôi nhà của mình, không có gánh nặng nào khác ngoài việc canh chừng sự xâm phạm của Thrace ở biên giới của chúng ta, hay quan tâm tới những mối đe dọa tới từ những người Illyria, người Triballi, hoặc có thể là từ những người Hy Lạp?

Ta không có quyền trách cứ các ngươi vì đã đánh mất lòng nhiệt tình nếu ta, chỉ huy của các ngươi, không chia sẻ với các ngươi những cuộc hành quân tới kiệt sức và những cuộc chinh phạt đầy nguy hiểm; có thể sẽ là tự nhiên nếu tất cả các ngươi đã phải làm hết mọi việc chỉ để cho những người khác thụ hưởng thành quả. Nhưng không phải như vậy. Các ngươi và ta, chúng ta cùng trải qua gian khó, hiểm nghèo, và chia sẻ mọi thành quả. Lãnh thổ chinh phục được thuộc về các ngươi; ta đã chọn các ngươi làm thống đốc cho những vùng đất đó; phần lớn hơn của các kho báu đổ vào tay các ngươi, và khi toàn bộ châu Á ở dưới chân chúng ta, quả thực ta đã đi xa hơn mong muốn của các ngươi: những hy vọng về sự giàu có hay quyền lực, các ngươi đều đã có nhiều hơn thế, và hôm nay, bất cứ ai muốn trở về nhà sẽ được trở về nhà, cho dù là đi cùng với ta hay không. Ta sẽ khiến những người trở về phải ghen tị với những người ở lại."[(56)]

Khi Alexander ngừng lời, đã có một sự im lặng rất lâu. Những sĩ quan ở đó không hoàn toàn chấp nhận những gì ngài nói, nhưng không một ai dám liều mạng đáp lời mà không có sự chuẩn bị gì. Alexander một vài lần mời mọi người đưa ra ý kiến, hy vọng rằng sẽ được lắng nghe những quan điểm khác so với những điều ngài vừa nói; nhưng bất chấp điều đó, chỉ có sự im lặng, cho tới khi Coenus, con trai của Polemocrates, lấy hết lòng dũng cảm ra để cất lời:

"Thưa bệ hạ, chúng thần hiểu rằng bệ hạ không bao giờ yêu cầu chúng thần tuân mệnh một cách vô lý. Bệ hạ luôn nói rõ rằng người chỉ dẫn dắt chúng thần khi chúng thần ưng thuận, và nếu không phải như thế, ngài sẽ không ép buộc ai cả. Thần không có ý định tấu trình thay cho những sĩ quan có mặt ở đây, vì chúng thần, theo cấp bậc và quyền lực, đã nhận được những phần thưởng xứng đáng cho công sức của mình và nhận được sự quan tâm của người nhiều hơn cả. Do đó, thần sẽ đại diện cho binh sĩ nói chung, không phải với mục đích nói lại những ý kiến của họ mà vì nói ra điều thần tin tưởng sẽ giúp ích cho bệ hạ và sự an toàn trong tương lai của chúng ta. Tuổi tác của thần, danh tiếng mà thần có được nhờ sự yêu quý của bệ hạ, và lòng dũng cảm mà cho tới nay thần đã bộc lộ trong mọi khó khăn gian khổ cho thần quyền tuyên bố rằng điều thần tin tưởng sẽ là cách giải quyết hợp lý nhất. Thưa bệ hạ, về những thành tựu mà chúng ta đạt được, cả về số lượng và tầm quan trọng, công sức đó chia đều cho người, vị thống lĩnh của chúng thần, và cho những người đã rời quê hương, sát cánh bên người trong cuộc trường chinh. Bởi vậy, thần nghĩ rằng tốt hơn cả là đặt ra một vài giới hạn cho những cuộc chinh phạt xa hơn nữa. Bệ hạ biết rõ những người Hy Lạp và Macedonia nào đã cùng với người bắt đầu cuộc trường chinh, và xin người hãy nhìn xem, còn bao nhiêu người trong số đó còn lại tới hôm nay. Khi ở Bactra, người đã cho quân Thessaly trở về nhà, vì người biết trái tim họ đã không còn để tâm tới cuộc chiến nữa[(57)] *và giờ đây, điều đó không chỉ đúng với quân Thessaly. Những binh lính Hy Lạp đã miễn cưỡng định cư ở những thị trấn mới mà bệ hạ thành lập*[(58)]*. Những người Hy Lạp khác, cùng với những người Macedonia chúng ta, đã tiếp tục sẻ chia nỗi gian khó và hiểm nguy của cuộc chiến tranh cùng với*

bệ hạ. Nhiều người trong số đó đã bỏ mạng. Số khác, bị tàn phế, đã bị bỏ lại phía sau trên khắp các lãnh thổ của lục địa Á châu. Số lượng chết vì ốm bệnh còn nhiều hơn nữa. Cả một đội quân hùng mạnh giờ chỉ còn lại một vài người, và kể cả như vậy thì trong số đó, có những người đã suy kiệt về sức khỏe. Tuổi già đã lấy đi sự hăng hái và lòng quyết tâm của họ. Tất cả mọi người đều mong muốn được gặp lại cha mẹ mình, nếu họ vẫn còn sống, hoặc gặp lại vợ hay con cái của mình. Ai cũng khao khát được đặt chân lên mảnh đất quê hương, hy vọng có thể sống sót để trở về nơi đó, dĩ nhiên không phải trong cảnh nghèo khó và vô danh, mà trong sự giàu có và danh tiếng, điều mà ngài đã trao tặng cho họ. Thần cầu xin bệ hạ đừng cố dẫn dắt những người không còn hăng hái nữa; nếu trái tim họ không còn dành cho cuộc chiến này, bệ hạ sẽ không bao giờ tìm thấy sự hăng hái hoặc lòng nhiệt tình trước kia từng hiện hữu nơi họ. Sẽ còn đáng mừng hơn nếu chính bệ hạ cũng trở về với mẫu thân và quê hương yêu dấu của người. Bệ hạ có thể đặt quyền cai trị ở Hy Lạp và trở về ngôi nhà của tổ tiên người với tất cả vinh quang của nhiều chiến thắng vĩ đại mà người đã giành được trong những cuộc chinh phạt của người, và sau đó, nếu muốn, người có thể bắt đầu cuộc viễn chinh một lần nữa, tiếp tục chinh phục những người Ấn Độ ở phía đông – hoặc, nếu bệ hạ muốn đi xa hơn, người có thể đi tới tận biển Đen hoặc tới Carthage[59] và những vùng lãnh thổ của người Lybia. Mọi thứ tùy thuộc vào quyết định của người. Những binh lính khác, người Hy Lạp và người Macedonia, sẽ song hành cùng bệ hạ – những binh lính trẻ tuổi, đầy nhiệt huyết sẽ thay thế những cựu binh già cỗi của người. Vẫn còn coi khinh những điều khủng khiếp của chuyện chinh chiến và tràn đầy hy vọng vào những điều tương lai có thể mang tới, những tân binh đó sẽ đi theo bệ hạ với tất cả lòng hăng hái khi họ thấy rằng những cựu binh phục vụ dưới trướng của người đã trở về nhà an toàn, không còn nghèo khó và vô danh mà đã trở thành những người giàu có và danh tiếng. Thưa bệ hạ, nếu có điều gì quan trọng hơn tất thảy mà một người thành công nên biết thì đó là khi nào nên dừng lại. Chắc rằng đối với một vị thống lĩnh như bệ hạ, cùng với một đội quân như chúng thần, chẳng cần phải sợ hãi một kẻ thù nào; nhưng người nên nhớ rằng may mắn là một điều không thể nào đoán trước được, và không ai có thể chống lại điều mà số phận mang tới."

Những lời nói của Coenus đã được tán thưởng với những tràng vỗ tay. Một vài người thậm chí còn ứa nước mắt, điều đó đã cho thấy sự miễn cưỡng của họ khi phải tiếp tục cuộc trường chinh và việc họ sẽ hạnh phúc tới mức nào nếu được phép trở về nhà. Alexander đã vô cùng tức giận với những điều Coenus nói ra và sự sa sút về tinh thần của các sĩ quan khác. Ngài cho giải tán cuộc họp. Ngày hôm sau, Alexander tiếp tục cho vời các sĩ quan đó tới tiếp kiến, và giận dữ tuyên bố rằng – mặc dù không gây áp lực gì cho bất cứ người Macedonia nào đi theo ngài – ngài vẫn quyết định tiếp tục cuộc viễn chinh.

Ngài hét lớn: "Ta sẽ có những binh lính khác, những người không miễn cưỡng tuân phục vị Hoàng đế của họ. Còn các ngươi, nếu các ngươi mong muốn về nhà, các ngươi có thể tự do làm điều đó, và hãy nói với mọi người ở đó rằng, các ngươi đã ruồng bỏ hoàng đế của mình giữa những kẻ thù của người."

Sau đó, Alexander rút lui về lều của mình, và trong suốt phần còn lại của ngày hôm đó cũng như hai ngày tiếp sau, ngài từ chối cho bất cứ ai vào tiếp kiến, kể cả những chiến hữu; ngài hy vọng rằng các chỉ huy, cả những chỉ huy của quân Macedonia và chỉ huy của các đạo quân đồng minh, có thể hồi tâm chuyển ý và sẵn sàng lắng nghe ngài hơn – bởi trong đám đông quân lính việc thay đổi cảm xúc đột ngột là chuyện bình thường. Tuy nhiên, sự im lặng hoàn toàn được duy trì và không hề bị phá vỡ; quân lính tức tối trước cơn giận dữ của Alexander và quyết định không để điều đó tác động tới họ. Nhưng bất chấp thái độ không hợp tác của họ, Alexander (theo ghi chép của Ptolemy về sự việc này) vẫn làm lễ tế thần với hy vọng nhận được những dấu hiệu thuận lợi cho việc vượt sông. Tuy nhiên, khi các dấu hiệu cho thấy điều ngược lại, ngài đành chấp nhận, và triệu kiến hầu hết những sĩ quan cao cấp của đội Chiến hữu, và những bạn bè thân thiết nhất của ngài, để đưa ra một tuyên bố rằng vì mọi điều kiện hiện tại đều cản trở việc tiến quân xa hơn, nên ngài quyết định sẽ rút lui.

Mọi người đều có thể hình dung ra những tiếng reo hò vang lên từ đám đông binh lính. Hầu hết đều rơi nước mắt. Họ tới lều của Alexander và gửi tới ngài mọi lời cầu chúc vì đã cho phép họ trở về – đó là thất bại duy nhất mà ngài phải chịu đựng.

Khi quyết định đã được đưa ra, Alexander chia quân đội của mình thành nhiều nhóm và hạ lệnh cho họ xây dựng 12 điện thờ, có chiều cao bằng với tường thành cao nhất mà họ đã từng vây hãm, và bề rộng thì còn lớn hơn thế, như là một lời cảm tạ các vị thần đã song hành với ngài trong cuộc trường chinh thắng lợi, và để ghi nhớ tất cả những gì ngài đã khổ công đạt được[(60)]. Những điện thờ đã nhanh chóng được hoàn thiện, và Alexander đã làm lễ tế thần trên đó theo thông lệ. Ngài cũng đã tổ chức các trò chơi cùng với các cuộc thi đấu điền kinh và cưỡi ngựa. Ngài trao vùng lãnh thổ kéo dài tới tận sông Hyphasis cho Porus cai trị, và sau đó bắt đầu rút quân về phía Hydraotes. Vượt qua con sông này, ngài đã trở về Acesines, nơi định cư mà Hephaestion đã nhận được chỉ thị xây dựng và củng cố[(61)]. Chính ở đó, ngài cho phép những tộc người Ấn Độ lân cận và những lính đánh thuê không còn khả năng chinh chiến do bị thương hoặc bệnh tật định cư. Sau đó, Alexander bắt đầu các bước chuẩn bị cho chuyến hải hành tới biển Ấn Độ.

Trong lúc đó, Arsaces, thống đốc của vùng lãnh thổ giáp với lãnh thổ của Abisares, đã đích thân tiếp kiến ngài. Ông ta đi cùng với anh trai của Abisares và những người họ hàng khác, cùng những người Ấn Độ được kính trọng nhất và 30 voi chiến của Abisares. Arsaces báo tin rằng Abisares ốm quá nặng nên không thể đích thân tiếp kiến ngài được. Đồng thời, những sứ thần do Alexander cử tới gặp Abisares cũng đã trình diện. Alexander sẵn lòng tin rằng những điều được thông báo là đúng sự thật, ngài cho phép Abisares tiếp tục cai trị lãnh thổ của ông dưới sự giám sát của Arsaces. Ngài cũng đã ước lượng đồ cống nạp mà họ phải dâng lên và một lần nữa làm lễ tế thần. Sau đó, ngài vượt sông Acesines, hành quân tới Hydaspes, nơi ngài chứng kiến hai khu định cư là Nicaea và Bucephala chịu thiệt hại bởi mưa lớn, và nhận thấy một số vấn đề khác cần phải chăm lo trong vùng lãnh thổ này.

Quyển Sáu

Ở Hydaspes, công cuộc chuẩn bị của Alexander đã được hoàn thành. Nhiều loại tàu thuyền được sử dụng cho chuyến hải hành này, gồm một số thuyền galley, một số thuyền 30 mái chèo, một số loại thuyền nhỏ hơn, các xà lan dùng để chuyên chở ngựa, và một loại tàu khác có thể phục vụ cho việc di chuyển binh lính trên sông. Quyết định được đưa ra là bắt đầu chuyến hải hành xuôi dòng Hydaspes tới tận biển Ấn.

Vào thời điểm này, Alexander cho rằng ngài đã khám phá ra nơi khởi nguồn của sông Nile. Lý do cho việc này là vào lần trước, ngài đã thấy cá sấu trên sông Ấn, loài vật này không xuất hiện ở bất cứ dòng sông nào khác ngoài sông Nile, và ngài được kể lại rằng người ta đã thấy một loại đậu giống như đậu Ai Cập được trồng ở bờ sông Acesines, con sông chảy vào sông Ấn. Alexander nghĩ rằng sông Nile (dưới cái tên là sông Ấn) bắt nguồn từ một nơi nào đó ở Ấn Độ sau đó chảy qua một vùng sa mạc rộng lớn, nơi nó mất đi tên gốc và được những người Ethiopia cũng như người Ai Cập gọi là sông Nile khi chảy qua vùng đất có người định cư, rồi sau cùng đổ vào Địa Trung Hải. Ngài nhớ rằng Homer gọi dòng sông này là Aegyptus, theo tên vùng đất mà nó chảy qua[(1)].

Quả thực, trong một lá thư viết cho mẫu thân ngài là Olympias để kể về Ấn Độ, Alexander đã nhắc tới việc ngài tin rằng ngài đã tìm ra cội nguồn của sông Nile, mặc dù trên thực tế kết luận quan trọng này dựa trên những bằng chứng rất mơ hồ. Sau đó, Alexander quan tâm nhiều hơn tới địa lý về sông Ấn. Từ những người bản địa, ngài biết được rằng dòng Hydaspes nối với dòng Acesines, dòng Acesines nối với sông Ấn, còn sông Ấn, tới lượt nó, đổ vào biển Ấn qua hai eo biển và chẳng có liên hệ gì với Ai Cập cả. Thông tin này đã khiến ngài cắt bỏ đoạn viết về sông Nile khỏi lá thư gửi cho mẫu thân[(2)]. Sau đó, ngài hạ lệnh chuẩn bị hạm đội cho chuyến hải hành. Những thủy thủ đoàn của nhiều loại tàu thuyền được lấy từ những người Phoenicia, Cyprus, Caria, và Ai Cập đang phục vụ trong quân đội của ngài.

Cũng khoảng thời gian đó, Coenus lâm bệnh rồi qua đời. Ông là một trong những Chiến hữu trung thành và đáng tin nhất của Alexander, và vì thế, ngài đã tiến hành chôn cất ông một cách trang trọng[(3)]. Sau đó, ngài triệu kiến các Chiến hữu, cùng các sứ thần Ấn Độ tới tiếp kiến để bày tỏ sự tôn trọng, và tuyên bố phong Porus làm vua của toàn bộ lãnh thổ Ấn Độ mà thời gian đó ngài đã chinh phục được. Vùng lãnh thổ này bao gồm cả bảy quốc gia và một khu vực rộng lớn gồm hơn 2.000 thị trấn.

Lực lượng cho cuộc viễn chinh tương lai được tổ chức thành ba sư đoàn[(4)]: tất cả vệ quân, cung thủ, quân Agrianes, và đội kỵ binh tuyển chọn đã được đưa lên tàu do đích thân Alexander chỉ huy; Craterus nhận lệnh dẫn một phần bộ binh và kỵ binh dọc theo hữu ngạn sông Hydaspes, trong khi phần lớn những binh lính thiện chiến nhất, cùng với khoảng 200 voi chiến tiến quân dọc tả ngạn sông Hydaspes dưới quyền chỉ huy của Hephaestion. Những sĩ quan nhận lệnh tốc lực hành quân tới cung điện của Sopeithes[(5)].

Philip, thống đốc vùng lãnh thổ phía tây bên cạnh sông Ấn – hay Bactria, chờ ở đó ba ngày sau đó đi theo đội quân của Alexander. Quân kỵ binh từ Nysa được gửi về nhà. Nearchus được chỉ định làm đô đốc của hạm đội, còn người lái tàu chiến của Alexander là Onesicritus, người đã viết một hồi ký đầy những dối trá về Alexander – trong đó tuyên bố rằng ông ta chính là đô đốc. Điều đó không phải là sự thật: Onesicritus chỉ là một người lái tàu[(6)]. Theo Ptolemy, con trai của Lagus, tác giả nguồn cứ liệu chính của tôi, hạm đội bao gồm 80 thuyền galley 30 mái chèo, trong khi tổng số thuyền các loại, bao gồm cả thuyền chuyên chở ngựa, thuyền galley hạng nhẹ và những loại thuyền trên sông khác, một số đã đưa được vào sử dụng từ trước, số khác được thiết kế đặc biệt cho dịp này, không quá 2.000 chiếc[(7)].

Khi khâu chuẩn bị cuối cùng đã được hoàn tất, việc lên tàu bắt đầu vào lúc bình minh. Alexander làm lễ tế thần theo thông lệ và không quên làm một lễ hiến tế đặc biệt dành cho sông Hydaspes theo hướng dẫn của các nhà tiên tri. Khi bước ra ngoài, đứng ở đầu chiếc tàu chiến, ngài đổ rượu từ một chiếc cốc vàng xuống dòng sông, cầu khẩn các vị thần sông. Ngài gọi tên sông Hydaspes liền với tên sông Acesines, con sông mà giờ đây ngài đã biết đó là nhánh sông lớn nhất của Hydapes, với điểm hợp lưu cách đó không xa, và cuối cùng, là gọi tên sông Ấn, dòng sông mà cả Acesines và Hydaspes đều đổ vào. Sau lễ rượu cúng tạ ơn Heracles, tổ tiên của ngài, rồi tới thần Ammon cùng các vị thần khác[(8)], Alexander hạ lệnh cho những người thổi kèn trumpet báo hiệu cho việc khởi hành, và toàn bộ hạm đội, lúc này mỗi chiến thuyền đều đã ở vị trí phù hợp, bắt đầu di chuyển xuống hạ lưu sông. Để tránh bị tắc nghẽn, tất cả các tàu thuyền – tàu chuyên chở và tàu chiến – được hạ lệnh giữ đúng khoảng cách, những tàu chiến vốn có tốc độ nhanh hơn phải tự kiểm soát tốc độ để không phá vỡ đội hình. Chúng ta có thể hình dung sự ồn ào khi hạm đội tàu chiến này di chuyển: âm thanh đó không giống với bất cứ thứ âm thanh nào được nghe thấy trước đó, hòa cùng với những tiếng ra lệnh của các thuyền trưởng, tiếng hô hào của người chèo thuyền khi họ đang lao mình vào dòng nước xoáy. Những người bản địa (những người không biết tới câu chuyện về việc thần Dionysus đã từng viễn chinh tới Ấn Độ bằng thuyền) trước đó chưa bao giờ thấy những con ngựa ở trên thuyền, và cảnh ngựa chiến được chất đầy trên những chiếc xà lan khiến họ vô cùng kinh ngạc. Những người bản địa này đã theo sau hạm đội dọc bờ sông trong suốt nhiều kilômét, và một số người bản địa thân thiện khác còn bám sát đến độ có thể nghe thấy tiếng la hét của những người chèo thuyền, tiếng va chạm của các mái chèo. Họ tham gia vào đám diễu hành chạy theo hạm đội và hát những bài ca hoang dã của họ. Người ta thuật lại rằng người Ấn Độ trở thành tộc người cực kỳ yêu thích ca hát và nhảy múa từ khi Dionysus đem những kẻ nổi loạn hoang dã của ngài tới vùng đất này[(9)].

Vào ngày thứ ba, hạm đội đã tới nơi Hephaestion và Crateras được lệnh dừng quân, mỗi người ở một bên bờ. Alexander chờ đợi ở đó hai ngày, và khi Philip mang phần còn lại của đội quân tới gặp ngài, ngài đã cử ông tới Acesines với mệnh lệnh tiến quân dọc bờ sông này. Craterus và Hephaestion cũng nhận được lệnh tiếp tục hành quân. Quân đội của Alexander tiếp tục xuôi dòng Hydaspes và nhận ra rằng không một nơi nào trên dòng sông này có bề rộng nhỏ hơn 4 kilômét. Trong chuyến hải hành, khi có cơ hội, Alexander đã dừng lại ở bờ sông để thu phục những cư dân bản địa khu vực lân cận. Một vài tộc người đã

tự nguyện đầu hàng; số khác, những người cố gắng kháng cự, cũng đã bị Alexander thu phục.

Tuy nhiên, vị thống lĩnh trẻ tuổi rất nóng lòng tới lãnh thổ của người Malli và Oxydracae. Theo thông tin nhận được, ngài biết rằng đó là hai tộc người Ấn Độ đông đảo nhất và thiện chiến nhất trong khu vực này[10], họ đã đưa phụ nữ và trẻ em vào những thị trấn vững chãi nhất của họ để thuận tiện hơn cho việc dấn quân chống lại ngài. Bởi vậy, Alexander đã tốc lực hành quân. Ngài muốn tấn công trước khi họ sẵn sàng, khi việc chuẩn bị của họ vẫn còn thiếu sót và chưa hoàn thiện.

Vào ngày thứ năm, Alexander đã hành quân tới giao điểm của dòng Hydaspes và dòng Acesines. Tại nơi mà hai dòng chảy hợp nhất, lòng sông rất hẹp, hệ quả là nước chảy rất xiết; mặt sông dậy sóng với những xoáy nước nguy hiểm và tiếng gầm của dòng nước vang xa nhiều kilômét. Alexander đã được những người bản địa cảnh báo về điều này, ngài cũng đã thông báo cho binh lính điều đang chờ đợi họ phía trước. Tuy vậy, khi đội tàu nhỏ đi tới giao điểm giữa hai dòng sông, tiếng nước chảy ồn ào và đáng sợ đến độ những tay chèo thuyền buộc phải dừng lại trong kinh hãi, các thuyền trưởng cũng sững sờ vì kinh ngạc. Sau khi bàn bạc, chỉ huy của nhiều tàu thuyền hạ lệnh cho các tay chèo quay trở về vị trí, và nhanh chóng đưa tàu thuyền của họ vượt qua dòng sông chảy xiết với hy vọng rằng nếu làm tốt, họ sẽ ngăn được việc các chiến thuyền rơi vào các xoáy nước. Các xà lan và các thuyền lớn hơn quả thực đã bị xoay tròn như những con quay, nhưng không như lo lắng của thủy thủ đoàn, điều này không gây ra thiệt hại gì vì khi dòng chảy đẩy ở phía đuôi tàu hoặc mạn thuyền, các con thuyền sẽ chạy thẳng qua những dòng chảy hẹp. Ngược lại, các tàu chiến không có cách nào vượt qua đoạn sông này một cách dễ dàng: sức nổi kém hơn khiến chúng gặp khó khăn khi đối phó với dòng nước dữ và các tay chèo gặp nhiều khó khăn trong việc giữ cho thuyền không bị nước tràn vào. Một vài tàu chiến thất bại trong việc nhanh chóng thoát khỏi dòng nước xiết đã rơi vào các vòng xoáy. Đội hình các tay chèo bị phá vỡ. Nhiều tàu thuyền khác còn chịu thiệt hại nặng nề hơn. Hai con tàu va phải nhau và chìm xuống gây ra nhiều thiệt hại về người. Cuối cùng, khi đã vượt qua các đoạn sông hẹp, dòng chảy chậm hơn, và các xoáy nước có vẻ ít nguy hiểm hơn nhiều, Alexander cho binh lính lên bờ nghỉ ngơi ở ngay dưới một mũi đất không chịu ảnh hưởng bởi sức mạnh của dòng chảy, nơi tàu thuyền có thể đậu lại và các mảnh vỡ trôi dạt được gom lại cùng với bất cứ những người sống sót nào bám được trên đó[11]. Do đó, đây là một nơi an toàn để sửa chữa các tàu thuyền hỏng. Sau đó, Nearchus nhận lệnh tiếp tục hành quân xuống hạ lưu của con sông, tới tận lãnh thổ của người Malli, trong khi đích thân Alexander thực hiện một cuộc đột kích nhằm vào những người bản địa không tuân phục ngài, ngăn chặn họ trợ giúp người Malli. Hoàn thành việc này, ngài quay trở lại với hạm đội.

Tại đó, Hephaestion, Craterus và Philip đã mang lực lượng tới hợp nhất với quân của Alexander. Ngài cử đội voi chiến, tiểu đoàn của Polysperchon, cung thủ cưỡi ngựa, và đạo quân của Philip vượt sông dưới sự chỉ huy của Craterus. Đồng thời, Alexander hạ lệnh cho Nearchus tiến quân xuống hạ lưu, dẫn trước toàn bộ lực lượng ba ngày hành quân, lúc đó đội quân đã được chia thành ba sư đoàn: Hephaestion nhận lệnh hành quân trước năm ngày, với mục tiêu ngăn chặn và bắt giữ bất cứ binh lính bản địa nào có ý định trốn khỏi

đạo quân của Alexander sẽ nhanh chóng hành quân theo sau; Ptolemy, con trai của Lagus, với một sư đoàn khác, nhận lệnh chờ đợi ba ngày, sau đó sẽ hành quân với nhiệm vụ cắm chốt ở một địa điểm và bắt bất cứ kẻ địch nào đang trốn tránh Alexander và rút chạy trên tuyến đường của chúng. Ngoài ra, còn có chỉ thị rằng, khi tới điểm hợp nhất giữa sông Acesines và sông Hydraotes, đội quân tiên phong phải chờ tới khi Alexander hành quân tới đó, và khi Craterus và Ptolemy đã gia nhập cùng với ngài.

Đội vệ quân, cung thủ, quân Agrianes, tiểu đoàn bộ binh hạng nặng của Peitho, toàn bộ cung thủ cưỡi ngựa, và một nửa đội Chiến hữu do đích thân Alexander chỉ huy. Cùng với những binh lính này, ngài hành quân tới lãnh thổ của người Malli, một nhánh của những người Ấn Độ độc lập. Đường hành quân của Alexander hầu hết đi qua những khu vực không có nước[(12)], nhưng trong ngày hành quân đầu tiên, ngài đã cho dừng quân gần một cái ao cách sông Acesines khoảng gần 20 kilômét; sau khi cho binh lính ăn uống và nghỉ ngơi, ngài hạ lệnh đổ đầy nước vào các bình chứa trước khi hành quân, và sau khi tiếp tục vượt qua 24 kilômét đường trong phần còn lại của ban ngày và hết buổi đêm, Alexander đã đặt chân tới một thị trấn nơi nhiều người Malli đang lẩn trốn. Do không nghĩ rằng Alexander có thể tới đây sau khi hành quân qua một khu vực không có nước như vậy, phần lớn họ đều không được vũ trang và không canh giữ những chốt bảo vệ của thị trấn. Dĩ nhiên, đây chính là lý do tại sao Alexander chọn đường hành quân này: một con đường khó, và quân địch không bao giờ nghĩ rằng ngài có thể lựa chọn như vậy. Ngài khiến họ hoàn toàn bất ngờ, và phần lớn những người này, trong khi không hề được vũ trang, đã không thể kháng cự và đều bị giết chết. Một vài người cố thủ trong thị trấn, trong khi Alexander vẫn quyết định bố trí một hàng rào kỵ binh xung quanh thành dù bộ binh của ngài chưa tới nơi. Ngay khi bộ binh tới nơi, ngài đã cử Perdiccas cùng đạo quân của ông, đạo quân kỵ binh của Cleitus và quân Agrianes tới một thị trấn khác của người Malli, nơi những người Ấn Độ tập trung đông hơn. Đồng thời, ngài ra lệnh cho những sĩ quan này không được tấn công cho tới khi ngài tới thị trấn đó. Nhiệm vụ của họ là giám sát và ngăn chặn bất cứ người nào trốn khỏi thị trấn và báo tin cho những người bản địa khác về việc ngài đang tiến quân tới đó.

Sau đó, Alexander mở màn cuộc tấn công. Những người Ấn Độ, vốn đã chịu nhiều thương vong hoặc bị giết hoặc đã bị thương trong lần đột kích đầu tiên, đã bỏ mặc những chốt phòng vệ bên ngoài, nơi họ không còn hy vọng giữ được, và lẩn trốn trong những công sự bên trong, một vị trí vững chãi và khó tấn công. Họ đã cố gắng cầm cự được một thời gian, nhưng việc quân Macedonia và Alexander gây áp lực liên tục từ mọi phía đã khiến họ không thể chống đỡ nổi. Pháo đài bên trong đã bị giáng một đòn tấn công sấm sét và toàn bộ khoảng 2.000 người vệ thành đều bị giết.

Trong khi đó, Perdiccas đã đuổi kịp mục tiêu. Ông thấy thị trấn bị bỏ hoang và khi biết rằng cư dân ở đây đã bỏ đi không lâu trước đó, Perdiccas đã tốc lực truy đuổi họ, theo sau là bộ binh khinh giáp. Một số người đã chạy thoát tới khu đầm lầy; phần còn lại đều đã bị bắt và bị giết.

Sau khi dừng chân cho toàn quân ăn uống và nghỉ ngơi, Alexander tiếp tục hành quân

vào khoảng canh một. Ngài đã hành quân suốt nhiều kilômét và khi ánh ngày ló rạng, ngài đã đặt chân tới Hydraotes, nơi ngài được biết hầu hết những người Malli đã vượt sông sang bờ bên kia; một số người vẫn đang bỏ chạy, và nhiều người trong số họ đã bị Alexander bắt và giết chết – quả thực, Alexander đã không hề do dự khi vượt sông đuổi theo những người Malli và sau đó tiếp tục truy đuổi những kẻ đang bỏ chạy phía trước. Trong số đó, Alexander đã giết nhiều người và bắt một số làm tù binh. Tuy nhiên, phần lớn đã trốn thoát tới một cứ điểm vững chãi. Để đối phó, ngay khi bộ binh tới hợp nhất, Alexander đã cử Peitho cùng tiểu đoàn riêng và hai đạo quân bộ binh tấn công cứ điểm này. Khi kết thúc cuộc tấn công, cứ điểm đã bị hạ, những người Malli may mắn sống sót đều bị bán làm nô lệ. Sau chiến thắng này, Peitho và quân của ông đã hợp nhất với đội hình chính.

Tin tức cấp báo cho biết người Malli đang chuẩn bị một lực lượng phòng vệ tại một trong những thị trấn của người Bà la môn, và Alexander ngay lập tức hành quân tới đó[(13)]. Khi tới nơi, ngài bố trí bộ binh bao vây những chốt phòng vệ bên ngoài và tiến quân theo đội hình dày đặc, chặt chẽ. Những người vệ thành nhanh chóng nhận ra rằng các bức tường thành của họ đang bị tấn công, và điều này, cùng với sự công phá bằng các vũ khí của quân địch, đã khiến họ (giống như trong lần tấn công trước của Alexander) phải từ bỏ cứ điểm và chạy trốn vào thành lũy bên trong. Ở đây những người Malli tiếp tục kháng cự và đã có một vài thành công khi họ đổi hướng và tấn công một nhóm nhỏ lính Macedonia, đẩy lùi họ và giết được khoảng 25 người trước khi những người này có thể bỏ chạy.

Trong khi đó, Alexander đã cho đặt những thang leo thành xung quanh thành trì bên trong và hạ lệnh đào hầm. Một đồn lũy nhanh chóng đổ xuống, và phần sụp đổ của bức tường thành cạnh pháo đài mở ra cơ hội đột kích, Alexander trong khoảnh khắc đó đã dẫn đầu đội quân tiến lên phía trước, đơn độc trấn giữ phần lỗ hổng ở tường thành. Cảnh tượng đó khiến nhiều binh lính của ngài cảm thấy xấu hổ. Họ nhanh chóng theo sau ngài thành những nhóm phân tán, một vài nhóm ở chỗ này, một vài nhóm ở chỗ kia. Pháo đài sau đó cũng rơi vào tay quân Macedonia. Một số người Ấn Độ đã đốt bỏ những ngôi nhà của họ, số khác đã bị bắt và giết. Phần lớn bỏ mạng trong khi chiến đấu. Chỉ có một số nhỏ giữ được mạng sống, và có tới 5.000 người Ấn Độ chết trong trận này.

Sau khi dành một ngày cho toàn quân nghỉ ngơi, Alexander bắt đầu tiến quân chống lại những lực lượng người Malli còn sót lại. Ngài nhận thấy các khu định cư của họ đã bị bỏ hoang, và được thông báo rằng những người Malli đã bỏ chạy tới một khu vực không có người định cư. Do đó, sau khi cho binh lính nghỉ ngơi thêm một ngày nữa, Alexander cử Peitho và sĩ quan kỵ binh Demetrius quay trở lại dòng sông cùng với những binh lính dưới quyền chỉ huy của họ và một vài nhóm bộ binh hạng nặng để thực hiện một nhiệm vụ: đó là, hành quân dọc bờ sông để tìm kiếm xem liệu quân địch có lẩn trốn ở những khu rừng gần đó không (khu rừng cạnh bờ sông rất rộng lớn), và giết tất cả những kẻ từ chối tuân phục ngài. Thực tế là họ đã bắt và giết rất nhiều người.

Mục tiêu tiếp theo của Alexander là thị trấn chính của người Malli. Ngài nhận được tin cho biết nhiều người Malli đã rời bỏ những khu định cư chính của họ và hợp lực với họ hàng của họ ở đây; tuy vậy, khi biết tin về cuộc hành quân của Alexander, thị trấn này cũng

đã bị bỏ hoang, và những người Ấn Độ, đã vượt sông Hydraotes, chiếm giữ một cứ điểm kiên cố ở vùng đất cao bên kia sông, với ý định rõ ràng là ngăn chặn bước tiến quân của Alexander. Biết được điều này, Alexander đã tiến quân cùng với lực lượng kỵ binh hiện có tới một địa điểm bên dòng Hydraotes, nơi những người Malli tập trung, và hạ lệnh cho bộ binh theo sau. Khi tới dòng sông và quan sát kẻ địch ở bên bờ đối diện, mặc dù chỉ có kỵ binh theo cùng, Alexander vẫn lao mình bơi qua sông, thậm chí không hề đợi chỉnh đốn đội ngũ sau cuộc hành quân. Khi ngài đi được quá nửa đường, quân địch đã nhanh chóng rút lui. Alexander bám theo họ và ngay khi người Malli nhận ra rằng ngài chỉ dẫn theo kỵ binh mà không hề có bộ binh hỗ trợ, họ dừng lại và kháng cự quyết liệt. Lực lượng quân địch gồm khoảng 50.000 binh lính khỏe mạnh. Bộ binh của Alexander trong khi đó vẫn chưa tới hợp sức. Do đó, khi thấy quân Ấn Độ tập trung thành một đội hình dày đặc, Alexander buộc phải rút lui trong khi tiếp tục sử dụng kỵ binh để thăm dò. Không lâu sau đó, quân Arianes đã tới cùng với cung thủ, một vài đội bộ binh khinh giáp được đặt dưới quyền chỉ huy của Alexander. Đồng thời, bộ binh hạng nặng cũng ở cách nơi xảy ra cuộc chiến không xa lắm. Mối đe dọa từ quân Ấn Độ như vậy đã bị phá vỡ. Họ nhanh chóng rút lui vào nơi ẩn nấp là một cứ điểm vững chãi tại một trong những khu vực định cư gần đó. Alexander bám theo họ sát gót, một số người đã bị thương và khi họ đã chạy vào bên trong những chốt phòng vệ của thị trấn, ngài nhanh chóng hạ lệnh cho kỵ binh lập thành hàng rào quanh đó; sau đó, khi bộ binh tới hỗ trợ, Alexander đã cho bao vây những chốt phòng vệ bên ngoài và đình chiến trong một ngày. Có hai lý do cho việc đình chiến này: một là thời gian còn lại trong ngày không đủ cho một cuộc đột kích ngay lập tức, và hai là, thực sự binh lính của ngài đã hoàn toàn kiệt sức – bộ binh vừa trải qua một cuộc hành quân dài trong khi kỵ binh phải thực hiện một cuộc truy đuổi kéo dài, và cả hai đội quân này đều vừa mới vượt sông.

Ngày hôm sau, khi cuộc tấn công bắt đầu, Alexander đã đích thân chỉ huy một sư đoàn và Perdiccas chỉ huy một sư đoàn khác. Quân Ấn Độ đã không thể giữ nổi những chốt phòng vệ bên ngoài trước đòn tấn công của quân Macedonia. Họ buộc phải rút lui toàn bộ lực lượng vào pháo đài bên trong của thị trấn. Alexander và quân đội của ngài, sau khi giật mạnh cánh cổng khỏi các chốt bản lề, đã xâm nhập thị trấn, dẫn theo đội quân của Perdiccas, người đã gặp khó khăn khi cố gắng vượt qua bức tường thành và do đó tiến quân chậm hơn; hơn nữa, vì không nhìn thấy những người bảo vệ thành, quân Macedonia tin rằng thị trấn đã bị hạ và hầu hết họ đều không mang theo thang leo. Nhưng họ nhanh chóng nhận ra sai lầm của mình khi nhìn thấy quân địch cắm chốt ở pháo đài bên trong, với một số lượng lớn binh lính được bố trí ở khu vực trước pháo đài để bảo vệ, quân Macedonia đã mở các cuộc đánh lấn, và đặt thang leo tường thành vào bất cứ vị trí nào có thể, với nỗ lực xâm nhập pháo đài. Sự chậm trễ của các binh lính mang thang leo tường thành đã khiến Alexander không hài lòng; ngài nôn nóng giật lấy một cái thang từ chiến hữu của mình và tự tay đặt nó lên bức tường của pháo đài; sau đó, với tấm khiên dùng để né các đòn tấn công của quân địch, ngài đã xâm nhập được vào pháo đài. Peucestas đi theo ngài cùng với "tấm khiên thần thánh" – tấm khiên lấy từ đền thờ thần Athene ở thành Troy mà Alexander đã giữ nó cho mình và mang theo mỗi khi ngài bước vào cuộc chiến. Theo sau Peucestas là Leonnatus, một sĩ quan của vệ quân; sau đó là Abreas, một trong

những người lính được tuyển chọn, người này đã trèo lên thành bằng một chiếc thang thứ hai.

Lúc này, vị Hoàng đế đã trèo được lên cao. Đặt tấm khiên lên đầu tường thành, ngài đã tấn công một số người vệ thành, buộc họ phải rút vào pháo đài, và dùng thanh gươm của mình chém giết những người khác cho tới khi chỉ còn mình ngài đứng giữa chiến trường. Cảnh tượng này khiến cho vệ quân của Alexander hết sức kinh hãi khi nghĩ cho sự an toàn của ngài; họ đã xông tới và xô đẩy nhau trèo lên những chiếc thang, nhưng do quá tải, thang đã bị gãy khiến nhiều binh lính rơi xuống đất. Những người còn lại cũng không tự xoay xở được.

Không một người Ấn Độ nào dám mạo hiểm tới gần Alexander khi ngài đứng trên tường thành của pháo đài; nhưng ngài đã trở thành mục tiêu của tất cả những tay thiện xạ ở các đồn lũy xung quanh; binh lính trong thị trấn cũng nhằm ngài mà ngắm bắn từ khoảng cách không xa lắm vì họ đứng trên một mô đất gần đó. Quả thực, nơi Alexander đứng là điểm dễ thấy nhất trong khu vực đó, ngài dễ dàng trở thành tâm điểm của trận mưa vũ khí, và lòng dũng cảm thần thánh của ngài tỏa sáng không kém gì tấm áo giáp đã che chở ngài.

Bất chợt một ý nghĩa vụt qua tâm trí của Alexander: cứ ở mãi vị trí này, ngài chắc chắn sẽ bỏ mạng mà không đạt được điều gì cả; nhưng nếu nhảy xuống pháo đài, ngài có thể gieo rắc nỗi kinh hoàng cho quân địch, hoặc ít nhất, nếu số mệnh của ngài kết thúc vào ngày hôm nay, ngài sẽ chết khi đang chiến đấu và chiến công này sẽ được ghi nhớ mãi. Nghĩ là làm: Alexander đã nhảy xuống pháo đài mà không hề do dự.

Khi đã vào bên trong pháo đài, ngài xoay lưng về phía tường thành và sẵn sàng chiến đấu. Một nhóm quân Ấn Độ xông tới, và ngài hạ từng người một; thủ lĩnh của họ vội vã lao tới, nhưng vì quá hấp tấp ông ta đã bị ngã. Người đầu tiên, rồi người thứ hai cố gắng tiếp cận Alexander đều bị ngài hạ gục bằng một hòn đá. Những người khác tấn công ngài trong cự li gần cũng nhanh chóng nộp mạng trước mũi kiếm của ngài. Sau đó, không ai dám liều mạng tấn công tay đôi với Alexander nữa; giữ khoảng cách, họ quây thành vòng cung xung quanh ngài và ném vào ngài bất cứ vũ khí gì họ có trong tay hoặc có thể tìm thấy được.

Trong thời gian đó, Peucestas, Abreas và Leonnatus, những người leo lên tường thành thành công trước khi thang đổ sập, đã kịp vào trong pháo đài và chiến đấu bảo vệ vị hoàng đế của họ. Abreas đã bị bắn vào mặt và tử trận. Chính Alexander cũng bị thương. Mũi tên đã đâm xuyên qua áo giáp của ngài và cắm sâu vào phần phía trên ngực. Ptolemy thuật lại rằng máu từ vết thương của Alexander đã hòa cùng hơi thở thoát ra từ lá phổi bị đâm thủng. Bất chấp đau đớn, ngài tiếp tục tự bảo vệ chính mình chừng nào máu còn ấm; nhưng vết thương nhanh chóng xuất huyết nghiêm trọng, Alexander lảo đảo rồi ngất xỉu và gục xuống tấm khiên. Peucestas lấy tấm khiên thần thánh từ thành Troy đặt chắn trước Alexander và Leonnatus bảo vệ phía còn lại. Cả hai vị chỉ huy này nhanh chóng trở thành mục tiêu tấn công của các loại vũ khí mà kẻ thù ném tới, trong khi Alexander đã bất tỉnh vì mất quá nhiều máu.

Cuộc đột kích pháo đài của quân Macedonia đã hoàn toàn nằm ngoài tầm kiểm soát;

quân lính nhìn thấy Alexander khi ngài đứng trên những bức tường có lỗ châu mai, trở thành mục tiêu cho vũ khí của kẻ thù trút xuống; họ đã thấy ngài nhảy sang phía bên kia tường thành; giờ đây, lo lắng hành động liều lĩnh sẽ khiến ngài bỏ mạng và nóng lòng đến trợ giúp, họ đã đổ xô vào tường thành của pháo đài. Các thang leo thành đã gãy nát và trở nên vô dụng, nhưng do tình thế gấp rút, họ đã sử dụng bất cứ phương tiện gì để có thể xâm nhập pháo đài: một số người sử dụng cọc để đâm vào phần đất sét của tường thành và tự leo lên một cách khó nhọc; những người khác trèo lên tường thành bằng cách đứng trên vai đồng đội của họ. Mỗi người khi trèo lên được đỉnh tường thành sẽ nhảy sang phía bên kia để đi vào pháo đài. Ở đó, khi thấy hoàng đế của họ đang nằm trên mặt đất, các binh lính đã gào khóc thảm thiết và hét lên đầy giận dữ. Không lâu sau đó, một cuộc chiến dữ dội đã nổ ra, từng người một giữ lấy tấm khiên bảo vệ cho Alexander, người lúc này đang ngất xỉu trên mặt đất, cho tới tận khi những người lính ở bên ngoài phá vỡ được chỗ yếu nhất của tường thành, và ít lâu sau bắt đầu tràn vào pháo đài. Sau đó, những người khác cũng tìm được cách xâm nhập pháo đài.

Lúc này cuộc thảm sát bắt đầu; cả phụ nữ và trẻ em cũng không được tha mạng. Một nhóm binh lính đưa vị thống lĩnh của họ ra ngoài trên tấm khiên của ngài; tình trạng của Alexander rất nguy kịch, và trong thời điểm đó không ai nghĩ rằng ngài có thể sống sót. Một vài tác giả đã thuật lại rằng mũi tên bắn trúng ngài đã được Critodemus, một thầy thuốc đến từ đảo Cos, thuộc dòng dõi của Asclepius, rút ra; còn các tác giả khác kể lại rằng chính Perdiccas, người thuộc đội vệ quân của nhà vua, đã cắt mũi tên đó bằng kiếm theo yêu cầu của Alexander, rằng không có thầy thuốc nào ở đó để xử lý trường hợp khẩn cấp này. Khi mũi tên được rút ra, máu tuôn xối xả. Alexander ngất lịm một lần nữa, và nhờ đó mà ngăn được một đợt xuất huyết. Tất cả những câu chuyện khác về sự việc hệ trọng này đều được ghi chép lại, phần lớn là bịa đặt, và sự lưu truyền đã khiến các dị bản này đi quá xa so với câu chuyện gốc đồng thời lưu giữ chúng. Để chắc chắn rằng những câu chuyện bịa đặt này không tiếp tục được truyền tới các thế hệ mai sau, tôi quyết định dừng ở đây mà không kể thêm gì nữa.

Đầu tiên, phần lớn mọi người tin rằng chính trong lãnh thổ của người Oxydracae Alexander đã nhận một vết thương khiến ngài suýt mất mạng[(14)]; nhưng điều này không chính xác – đó là ở lãnh thổ của người Malli, một tộc người Ấn Độ độc lập. Thị trấn nơi Alexander bị thương là một thị trấn của người Malli, và chính những người Malli đã ném vũ khí vào ngài. Chắc chắn, họ có ý định liên kết với người Oxydracae và cùng phối hợp để tiếp tục chống đối ngài, nhưng Alexander quá nhanh so với họ: ngài đã dẫn quân tấn công người Malli bằng đường hành quân qua hoang mạc trước khi họ và người Oxydracae có thể liên kết với nhau. Đây không phải là điểm nhầm lẫn duy nhất trong truyền thuyết về Alexander: chẳng hạn, nói chung, người ta tin rằng trận chiến cuối cùng với Darius, trận chiến mà vị vua Ba Tư tháo chạy để bảo toàn mạng sống cho đến khi bị Bessus bắt giết, với việc Alexander truy đuổi sát gót, diễn ra tại Arbela, trong khi trận chiến trước đó diễn ra tại Issus, và trước trận Issus là trận chiến kỵ binh đầu tiên diễn ra tại Granicus. Chính xác là đã có một cuộc giáp chiến tại Granicus và lần chạm trán tiếp theo với Darius diễn ra ở Issus, trong khi các sử gia lại tuyên bố rằng trận chiến đó diễn ra tại Arbela, nơi cách cuộc

giáp chiến cuối cùng giữa Alexander và Darius theo ước lượng tối đa là 120 kilômét và tối thiểu là khoảng 96 kilômét. Thực sự, cả Ptolemy và Aristobulus đều khẳng định rằng trận chiến này diễn ra ở Gaugamela, gần sông Bumodus. Giờ đây, Gaugamela chỉ là một ngôi làng lớn chứ không phải một thị trấn; nó không phải là một nơi nổi tiếng, và cái tên của nó nghe chẳng dễ chịu gì. Tôi cho rằng đó là một trong những lý do khiến thị trấn Arbela được chọn làm nơi diễn ra trận chiến oai hùng của Alexander[15]. Thật phi lý! Nếu chúng ta muốn tin rằng trận chiến đó diễn ra tại Arbela, cách xa hàng kilômét so với chiến trường thực sự, chúng ta cũng nên vờ tin rằng cuộc hải chiến tại Salamis diễn ra tại Isthmus của Corinth, hoặc cuộc giáp chiến tại Artemisium ở Euboea diễn ra tại Aegina hoặc Sunium.

Ngoài ra, tất cả các sử gia đều cho rằng Peucestas chính là người giữ tấm khiên chắn cho Alexander trong suốt khoảng thời gian nguy kịch, nhưng lại không cho rằng đó có thể là Leonnatus hoặc Abreas[16]. Có câu chuyện thuật lại rằng Alexander đã lảo đảo và ngã xuống khi nhận một gậy vào đầu, nhưng sau đó ngài gượng dậy và đã bị trúng tên vào ngực; tuy nhiên Ptolemy, con trai của Lagus, lại kể rằng Alexander chỉ bị bắn vào ngực. Theo quan điểm của tôi, sai lầm rõ ràng nhất trong tuyên bố của một vài sử gia về những cuộc chinh phạt của Alexander là việc cho rằng Ptolemy, con trai của Lagus, đã trèo lên thang cùng Alexander, theo sau là Peucestas, và họ đã bảo vệ vị thống lĩnh trẻ bằng tấm khiên của ngài khi ngài bị thương và gục trên mặt đất, sau đó hai người này được gọi là Vị cứu tinh. Trong khi đó, chính Ptolemy nói rõ rằng ông chẳng hề tham dự vào hành động đó, vì vào chính khoảng thời gian diễn ra cuộc chiến này, ông đang chỉ huy sư đoàn của mình thực hiện một vài nhiệm vụ khác[17]. Tôi cho rằng ở đây tôi có phần lạc đề; tuy nhiên, những sự kiện này có tầm quan trọng rất lớn, và những gì tôi nói sẽ giúp ích cho các sử gia tương lai trong việc ghi chép cẩn thận hơn những sự kiện có liên quan tới họ.

Về phần Alexander, ngài buộc phải nằm bất động một thời gian để điều trị vết thương và tin đầu tiên báo về căn cứ chính là ngài đã hy sinh trong khi chiến đấu. Tin xấu nhanh chóng lan rộng, và toàn bộ quân đội chìm trong nỗi đau buồn vô hạn. Khi dần hồi tỉnh khỏi cú sốc mất đi một chủ tướng tài ba, binh lính lại rơi vào một nỗi tuyệt vọng khác: ai sẽ trở thành vị thống lĩnh mới của họ trong số những sĩ quan danh tiếng có đủ khả năng cả theo quan điểm của Alexander lẫn của họ? Làm thế nào họ có thể trở về nhà an toàn, khi vây quanh họ toàn là những tộc người thiện chiến, một số tộc người thậm chí còn chưa hề quy phục và dường như sẽ chiến đấu đến cùng vì tự do, khi những tộc người khác hẳn sẽ nổi loạn khi biết rằng tên tuổi của Alexander giờ đã thành quá khứ? Họ nghĩ tới việc bị vây bọc bởi những dòng sông không thể vượt qua và mọi khó khăn dường như là không thể giải quyết được nếu Alexander không dẫn dắt họ. Cuối cùng, khi được báo tin rằng ngài vẫn còn sống, họ gần như không dám tin và không thể tự thuyết phục mình rằng ngài có thể thực sự hồi phục. Sau đó, Alexander viết cho binh lính của ngài một lá thư nói rằng ngài sẽ sớm trở lại thăm họ ở tổng hành dinh, nhưng ngay cả điều đó cũng không thể khiến binh lính an lòng. Hầu hết họ đều nghĩ rằng các sĩ quan và vệ quân đã giả mạo lá thư đó để trấn an họ.

Suy nghĩ đầu tiên của Alexander khi biết về tình trạng này là phải ngăn chặn sự phá vỡ kỷ luật trong binh lính; bởi vậy, ngay khi có thể, ngài đã hạ lệnh đưa ngài tới dòng

Hydraotes, và tiếp đó đi xuôi dòng sông này. Binh lính đã hạ trại tại nơi gặp gỡ của hai dòng Hydraotes và Acesines, nơi Hephaestion chịu trách nhiệm chỉ huy lực lượng trên cạn và Nearchus chỉ huy hạm đội, và khi tàu chiến của ngài đi tới gần chỗ họ, ngài đã hạ lệnh cho hạ tấm vải bạt phía sau thuyền xuống để mọi người đều có thể thấy ngài. Kể cả như vậy thì binh lính vẫn còn ngờ vực và cho rằng hình ảnh họ nhìn thấy là thi thể của Alexander. Tuy nhiên, cuối cùng, tàu chiến cũng cập bến tại bờ sông; Alexander vẫy tay chào binh lính, và ngay lập tức ở đó vang lên những tiếng reo hò, vô số những cánh tay hướng về phía ngài để chào mừng hoặc giơ lên trời để cảm tạ thần linh. Nhiều người trong số họ đã rơi nước mắt vì không thể nào tin được điều này. Khi Alexander di chuyển từ tàu xuống, một nhóm vệ quân đã mang cáng cho ngài; nhưng ngài từ chối và yêu cầu mang ngựa tới. Ngài cưỡi ngựa và khi nhìn thấy vị thống lĩnh, một lần nữa cưỡi trên con ngựa của mình, đã có hàng loạt những tràng vỗ tay vang khắp cả những thung lũng hẹp gần đó. Gần khu trại mà ngài xuống ngựa, binh lính nhìn ngài bước đi; họ tập trung xung quanh ngài, chạm vào tay ngài, vào đầu gối, vào quần áo của ngài; một vài người bằng lòng với việc đứng gần ngài và cầu nguyện. Những vòng hoa được quàng lên người Alexander và những bông hoa dường như bừng nở rực rỡ hơn.

Nearchus đã thuật lại rằng Alexander lấy làm khó chịu với một vài chiến hữu của ngài, những người đã trách móc ngài vì đã đặt mình vào vị trí tiên phong và liều mạng khi không có sĩ quan nào bên cạnh[(18)]; và tôi ngờ rằng sự phật ý đó của Alexander cho thấy một thực tế là ngài ý thức rất rõ rằng lời phê phán của chiến hữu là đúng đắn. Sự thật là ngài đã chiến đấu một cách điên cuồng, và đam mê danh vọng đã khiến ngài không còn tỉnh táo đến mức coi thường sự an nguy của chính mình; niềm đam mê chiến trận, cũng như những đam mê khác của đàn ông, là không thể cưỡng lại được. Nearchus thậm chí đã nói rằng một người lính Boeotia, một người khá già và tên tuổi cụ thể không được nhắc đến, đã nhận ra sự phật ý của Alexander trước lời chỉ trích của các chiến hữu và thấy ngài có chút phiền lòng. Người lính già đã bước tới và nói với ngài bằng một thứ phương ngôn quê mùa rằng: "Thưa hệ hạ, bổn phận của một người đàn ông là hành động"; và sau đó trích một câu thơ – đại loại có ý như sau "người dám hành động dũng cảm phải chấp nhận món quà của sự đau đớn"[(19)]. Đám đông binh lính đã nhất loạt hưởng ứng và từ thời điểm đó, người lính già đã nhận được sự tán thưởng của Alexander.

Những đại diện của những người Malli còn lại đã tới tiếp kiến Alexander với đề nghị quy hàng. Cũng trong thời gian đó, lời đề nghị tương tự cũng được người Oxydracae đưa ra. Sứ đoàn của họ gồm những thống đốc của nhiều thị trấn và địa hạt, cùng với 150 chức sắc khác hoạt động như những đại diện toàn quyền, tới thảo luận về việc định cư và mang theo những tặng phẩm Ấn Độ quý giá nhất. Họ cố gắng thuyết phục rằng việc họ chống đối ngài trước kia là một sai lầm, và đây là điều có thể tha thứ được, rằng giống như suy nghĩ của một số tộc người khác ở một phạm vi lớn hơn, họ mong muốn giữ được sự độc lập và tự do mà họ đã được thụ hưởng từ thời Dionysus đặt chân lên đất Ấn Độ cho tới nay. Tuy nhiên, vì tin rằng Alexander là hậu duệ của thần linh, nên nếu ngài muốn, họ sẵn lòng chấp nhận bất cứ vị thống đốc nào mà ngài chỉ định, dâng bất cứ một món cống vật nào ngài yêu cầu, và trao cho ngài bất cứ số lượng con tin nào ngài đòi hỏi. Alexander đã yêu cầu họ giao nộp

1.000 người xuất sắc nhất, và nói rằng, hoặc ngài sẽ giữ họ làm con tin, hoặc nếu phù hợp, ngài sẽ để họ phục vụ trong quân đội của ngài cho tới khi ngài kết thúc cuộc chinh phạt Ấn Độ. Số này, sau đó, đã được giao nộp đầy đủ, tất cả đều được lựa chọn dựa trên tầm ảnh hưởng và tầm quan trọng của họ. Đi cùng với 1.000 người này, còn có một món quà bất ngờ, 500 chiến xa cùng với những người lái. Sau đó, Alexander đã chỉ định Philip làm thống đốc quản lý tộc người này và những người Malli còn sống sót. Ngài trả lại các con tin, chỉ giữ lại các chiến xa.

Trong suốt quá trình hồi phục của Alexander, binh lính đã đóng nhiều thuyền mới, và lúc này, khi những vấn đề vừa nhắc tới đã được giải quyết ổn thỏa, ngài hạ lệnh cho 1.700 kỵ binh Chiến hữu lên tàu, một số lượng tương đương bộ binh khinh giáp và khoảng 10.000 bộ binh chính quy rời bến đi xuôi dòng Hydaspes. Thực sự, chuyến hải hành xuôi dòng Hydraotes là một chuyến đi ngắn, vì khi đi tới điểm giao nhau giữa dòng Hydraotes và dòng Acesines, nơi mang tên dòng Acesines – Alexander nhận ra rằng mình đang giong thuyền xa tới tận điểm giao nhau giữa sông Acesines và sông Ấn.

Bốn dòng sông lớn, tất cả đều tiện cho tàu bè qua lại, đều đổ vào sông Ấn – trong số đó, có con sông đã đánh mất tên gọi ban đầu của nó trước khi hợp nhất với sông Ấn: dòng Hydaspes nối với dòng Acesines, và dòng chảy hợp nhất sau đó được biết đến với cái tên Acesines; dòng Acesines tiếp tục giữ tên này khi nó gặp dòng Hydraotes, rồi các nhánh sông của dòng Hyphasis, cho tới khi nó đổ vào sông Ấn. Từ điểm này, tôi có thể tin rằng sông Ấn, trước khi phân nhánh chảy vào vùng châu thổ của nó có bề rộng tới 19-21 kilômét, và có lẽ đã có những khúc sông nông, nơi nó giống như một cái hồ hơn là một dòng sông.

Alexander đã chờ tại điểm hợp lưu giữa dòng Acesines và sông Ấn cho tới khi đạo quân của Perdiccas tới nơi. Perdiccas, trên đường dẫn quân tái hợp với Hoàng đế, đã khiến những người Abastani, một tộc người tự do, quy phục. Cũng trong thời gian này, hạm đội đã được củng cố bằng việc bổ sung một vài thuyền galley mới và các tàu chở hàng, được thiết kế để Alexander đi vào lãnh thổ của Xathri – một tộc người tự do khác vừa quy phục ngài – và các sứ thần của người Ossadia, cũng là một tộc người tự do khác, đã tới tiếp kiến ngài với đề nghị đầu hàng. Alexander đã lấy dòng Acesines và sông Ấn, tại điểm hợp lưu của chúng, làm biên giới cho khu vực của Philip, và trao cho ông toàn bộ đạo quân Thrace và những binh lính thuộc các đội quân khác đủ để xây dựng đơn vị đồn trú trong khu vực của ông. Alexander chỉ thị cho Philip xây dựng một khu định cư mới tại giao điểm của hai dòng sông với hy vọng rằng mảnh đất đó sẽ phát triển và trở thành một thị trấn nổi tiếng. Ngài cũng hạ lệnh xây dựng những xưởng sửa chữa và đóng tàu ở đây.

Trong suốt giai đoạn này, Oxyartes người Bactria, phụ thân của ái thiếp Roxane đã tới thăm Alexander. Ngài đã phong ông làm thống đốc của Parapamisadae thay cho Tyriaspes, thống đốc cũ, người đã bị cách chức vì thiếu năng lực[(20)].

Trước khi hành quân, Alexander cử Craterus phụ trách tả ngạn sông Ấn cùng với đàn voi chiến và phần lớn binh lính, vì lối đi này có vẻ dễ hơn cho một đội quân trang bị hạng

nặng và vì những tộc người gần đó không thân thiện lắm; sau đó, ngài xuôi dòng tới cung điện hoàng gia của Sogdia. Ở nơi này, ngài cho xây dựng và củng cố một khu định cư mới, nơi có những xưởng đóng tàu, và sửa chữa các tàu chiến bị hư hại. Alexander chỉ định Peitho làm thống đốc khu vực từ giao điểm của sông Ấn và dòng Acesines tới biển, cùng với toàn bộ khu vực bờ biển Ấn Độ.

Alexander một lần nữa hạ lệnh cho Craterus hành quân bằng đường bộ rồi tiếp tục giong buồm tới vương quốc của Musicanus, người mà theo báo cáo cho biết là người giàu có nhất Ấn Độ[21]. Musicanus đã không diện kiến ngài cùng với lời đề nghị quy hàng, cũng không hề gửi các sứ thần tới để thiết lập quan hệ; quả thực, ông đã phớt lờ Alexander. Musicanus đã không đưa ra những bằng chứng cho thấy sự lịch thiệp thích hợp đối với một vị hoàng đế vĩ đại như Alexander. Thậm chí, ông còn chẳng gửi tới ngài một thỉnh cầu nào. Chuyến hải hành của Alexander xuôi theo dòng sông Ấn nhanh chóng tới mức ngài đã tới vương quốc của Musicanus khi ông ta chỉ mới biết tin ngài đang ở biên giới vương quốc của mình. Điều này quả là đáng kinh ngạc và do đó Musicanus đã vội vàng trình diện trước Alexander cùng với toàn bộ voi chiến và những món quà được coi là giá trị nhất của người Ấn Độ. Ông cùng thần dân của mình xin đầu hàng ngài. Đồng thời, Musicanus tỏ ra hối lỗi vì cách cư xử trước đó của ông. Trước Alexander, nếu muốn có được những gì mình cầu xin thì nên tỏ ra ăn năn hối lỗi, và trường hợp của Musicanus cũng không phải là ngoại lệ: Alexander đã tha thứ cho ông. Ngài bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với vương quốc và thủ phủ của Musicanus. Đồng thời, ngài cho phép Musicanus tiếp tục giữ vương quyền ở đây. Craterus nhận lệnh củng cố cứ điểm bên trong cho thành phố này. Công việc hoàn thành và một đơn vị đồn trú được thiết lập ở đây vì cần phải giám sát các tộc người lân cận, và cứ điểm này có vẻ là một nơi thuận tiện để kiểm soát họ.

Thống đốc của địa hạt này, một người đàn ông có tên là Oxycanus, đã không thiết lập bất cứ mối liên hệ nào với Alexander, cũng không đích thân tiếp kiến ngài hoặc gửi sứ đoàn tới xin quy hàng. Do đó, Alexander đã tiến hành một cuộc hành quân tấn công Oxycanus với lực lượng bao gồm cung thủ, quân Agrianes, và kỵ binh mà ngài mang theo trong chuyến hải hành xuống hạ lưu sông. Hai thị trấn lớn nhất trong khu vực của Oxycanus đã bị Alexander đột kích và hạ gục một cách dễ dàng. Cũng chính tại một trong hai thị trấn này, Oxycanus đã bị bắt làm tù binh. Tất cả tài sản chiếm được Alexander đã chia đều cho toàn quân; số voi chiến được ngài thêm vào lực lượng riêng[22]. Trên đường hành quân của ngài, các thị trấn khác của địa hạt này đều đã quy hàng, và không một tộc người nào dám kháng cự – một dấu hiệu cho thấy ngày càng có nhiều người Ấn Độ cảm thấy kinh hãi trước chuỗi thắng lợi liên tiếp của Alexander.

Cuộc tấn công tiếp theo của Alexander là nhằm vào Sambus, người đã tự phong mình làm thủ lĩnh của các bộ tộc Ấn Độ vùng cao. Sambus và Musicanus vốn là kẻ thù nên khi nghe tin Alexander đối xử với Musicanus với lòng khoan dung và cho phép ông giữ lại vương quốc, Sambus đã lập tức bỏ trốn. Những cổng thành của Sindimana, thủ phủ lãnh thổ của Sambus, đều để mở trước đợt tiến công của Alexander; họ hàng của Sambus đã kiểm kê tài sản của ông ta và tới gặp Alexander cùng với đàn voi chiến, nói rõ cho ngài hiểu lý do Sambus bỏ chạy không phải vì thù địch với ngài, mà vì lo sợ Musicanus, người vừa chiếm

được cảm tình của ngài. Alexander đã hạ một thị trấn khác trên đường hành quân tới lãnh thổ của Sambus; thị trấn này đã không quy phục ngài, và khi hạ được thành này, ngài đã xử tử những người Bà la môn (những thầy giáo dạy triết học của người Ấn Độ), những người mà ngài cho rằng phải chịu trách nhiệm về vụ nổi loạn[23]. Về triết học Bà la môn, tôi sẽ thảo luận trong cuốn sách của mình về Ấn Độ[24].

Lúc này, có tin cấp báo về việc Musicanus đã nổi loạn. Thống đốc vùng này, Peitho, con trai của Agenor, đã được cử đi giải quyết vụ việc với một lực lượng tương xứng, trong khi Alexander tiến quân tấn công nhiều thị trấn khác; một vài thị trấn đã bị ngài phá hủy hoàn toàn, và ngài cho đem bán toàn bộ cư dân vùng đó làm nô lệ; một số nơi khác được ngài củng cố lại và thiết lập các đơn vị đồn trú. Sau đó, Alexander trở về căn cứ, nơi hạm đội đang đợi ngài. Musicanus, người bị Peitho bắt làm tù binh, cũng được mang tới đó. Alexander hạ lệnh treo cổ Musicanus tại quê hương của ông ta, cùng với những người Bà la môn đã xúi giục ông ta nổi loạn.

Tại căn cứ, người cai trị Pattala, vùng lãnh thổ mà tôi đã nhắc tới ở trên, bao gồm đồng bằng châu thổ của sông Ấn – vùng đất còn rộng lớn hơn cả châu thổ sông Nile ở Ai Cập, đã tới tiếp kiến Alexander. Ông xin giao nộp toàn bộ lãnh thổ và đặt tất cả những gì ông sở hữu vào tay Alexander. Alexander đã cho phép ông quay trở lại lãnh thổ của mình cùng với mệnh lệnh chuẩn bị mọi thứ để đón đội quân của ngài, và sau đó hạ lệnh cho Craterus tiến quân tới Carmania theo đường Arachotia và Zarangia[25] cùng với những tiểu đoàn của Attalus, Meleager, và Antigenes, một vài cung thủ, các thành viên của đội kỵ binh Chiến hữu và những đội quân Macedonia khác, những người mà ngài dự tính sẽ gửi về nhà vì không còn phù hợp với quân ngũ. Craterus cũng chịu trách nhiệm về đội voi chiến, và Hephaestion được cử làm chỉ huy của các đội quân còn lại ngoại trừ những đội quân đi thuyền cùng với Alexander xuôi sông Ấn ra tới biển. Peitho cùng với kỵ binh đánh giáo và quân Agrianes được lệnh vượt sông – sang bờ bên kia nơi Hephaestion đang đóng quân – cùng với mệnh lệnh định cư tại những thị trấn đã được củng cố và giải quyết bất cứ vấn đề nào có thể phát sinh ở khu vực lân cận, trước khi tái hợp với Alexander tại Pattala[26].

Vào ngày thứ ba đi xuôi theo dòng sông Ấn, Alexander nhận được tin rằng thủ lĩnh Ấn Độ ở Pattala đã bỏ trốn cùng với hầu hết cư dân ở đây, để lại toàn bộ lãnh thổ trống không và không hề được phòng vệ. Do đó, Alexander đã tăng tốc gấp đôi và khi đặt chân tới Pattala, ngài nhận thấy quả thực thị trấn đã bị bỏ hoang và không còn lấy một người. Ngài cử những đội quân cơ động nhất truy đuổi những kẻ trốn chạy, bắt vài người trong số đó, và thả tự do cho họ, để họ nói với những chiến hữu của mình rằng có thể trở về nhà mà không cần phải sợ hãi gì cả, rằng họ có thể tự do sống trong thị trấn của họ và canh tác trên đất đai của họ như trước đây. Hầu hết những người này đều làm theo lời Alexander và quay trở lại thị trấn.

Sau đó, Hephaestion nhận lệnh xây dựng một pháo đài trong thị trấn, và các nhóm binh lính được cử tới đây để đào giếng vì nơi này thiếu nước, và để vùng đất xung quanh cũng có thể trở thành nơi sinh sống được. Trong khi binh lính đang làm việc, những người bản địa đã tấn công họ; cuộc tấn công bất ngờ đã khiến một vài lính Macedonia thiệt mạng, nhưng

những người bản địa đã chịu tổn thất nặng nề và buộc phải đào tẩu tới những vùng hoang vu. Sau đó, nhóm binh lính đã hoàn thành nhiệm vụ với sự trợ giúp của những binh lính mới được Alexander gửi tới khi ngài nghe tin về vụ đột kích.

Tại Pattala, sông Ấn chia thành hai dòng chảy mạnh, cả hai nhánh sông đều được gọi là sông Ấn cho tới khi chúng đổ ra biển. Tại nơi sông Ấn phân nhánh, Alexander bắt đầu xây dựng cảng biển cùng với các xưởng đóng và sửa chữa tàu. Ngay khi công việc được tiến hành, ngài đã quyết định giong buồm về phía tây, xuôi dòng tới tận cửa sông. Leonnatus cùng với 1.000 kỵ binh và khoảng 8.000 bộ binh khinh giáp và giáp nặng đã nhận lệnh tiến quân tới vùng châu thổ – hay hòn đảo – của Pattala, sẵn sàng bám theo tiến trình của hạm đội. Sau đó, chuyến hải hành bắt đầu. Alexander đã chọn những chiến thuyền nhanh nhất – toàn bộ những thuyền 30 mái chèo, một lượng thủy thủ xác định, và một vài thuyền galley hạng nhẹ; nhưng, vì người bản địa của khu vực này đều đã bỏ đi nên ngài không thể tìm được hoa tiêu, điều này gây ra những khó khăn nghiêm trọng. Ngày hôm sau, khi ngài khởi hành, gió rất mạnh, ngược hướng[27] với thủy triều đang dâng lên ở bờ biển dốc, khiến cho các chiến thuyền bị rung lắc; phần lớn các tàu thuyền đều gặp khó khăn trong di chuyển và một vài mái chèo đã bị gãy. Tuy nhiên, quân lính của Alexander đã đưa được số tàu thuyền này cập bờ trước khi chúng bị vỡ tan thành các mảnh nhỏ. Bởi vậy, họ phải đóng thêm các con thuyền khác.

Một nhóm bộ binh hạng nhẹ đã nhận lệnh mang theo một số tù binh từ vùng đất ngay cạnh con sông và dùng những người này làm hoa tiêu cho chặng đường tiếp theo. Tuy vậy, vấn đề của quân đội Macedonia vẫn chưa hề được giải quyết, vì tới gần cửa sông, nơi có bề rộng lớn nhất vào khoảng 40 kilômét, họ đã phải đương đầu với một đợt gió mạnh thổi từ vùng biển mênh mông và dòng nước dữ dội tới mức gần như không thể nhấc nổi mái chèo, do đó họ buộc phải di chuyển tàu thuyền tới trú ẩn tại một nhánh sông nhỏ theo chỉ dẫn của các hoa tiêu. Tại nhánh sông này, thủy triều đã rút để lại một khu đất cao và khô ráo. Dĩ nhiên, thủy triều là đặc điểm thông thường của biển cả, nhưng thủy triều xuống lại là một điều gây ngạc nhiên cho binh lính của Alexander, những người chưa từng thấy hiện tượng này trước đó, và quả là một bất ngờ lớn khi trong khoảng thời gian nhất định nước lại dâng lên và các tàu thuyền lại được trục lên. Một vài tàu thuyền neo đậu ở vùng đất bùn; sau đó chúng lại được trục lên mà không chịu thiệt hại gì và có thể tiếp tục chuyến hải hành; nhưng những tàu thuyền khác đậu ở vùng đá lởm chởm và không hề có sự chuẩn bị khi thủy triều rút xuống, thì lại xoay xở không tốt lắm; khi nước dâng lên đột ngột, chúng hoặc bị vướng vào nhau hoặc bị va đập, vỡ ra thành từng mảnh.

Alexander đã hạ lệnh sửa chữa các tàu thuyền khi điều kiện cho phép, và cử hai xuồng chèo xuôi dòng cùng một nhóm binh lính để kiểm tra hòn đảo – có tên là Cilluta[28] – nơi các hoa tiêu bản địa nói rằng Alexander có thể tìm được chỗ thả neo trong hành trình trên biển của ngài. Binh lính báo cáo rằng hòn đảo quả thực là một nơi trú ẩn tốt, nơi đó khá rộng lớn và có nguồn nước ngọt đảm bảo. Do đó, phần còn lại của đội tàu đã tới đây, trong khi đích thân Alexander tiếp tục giong buồm đi quá vị trí của hòn đảo cùng với một vài chiến thuyền nhanh nhất của ngài để quan sát cửa sông và tìm hiểu xem liệu ở đó có lối đi nào ra biển hay không. Khi đi cách Cilluta khoảng 40 kilômét, họ thấy một hòn đảo khác

và nhanh chóng quay trở lại Cilluta. Sau khi cho thuyền chiến đậu ở phía dưới mũi đất, Alexander đã làm lễ hiến tế dâng lên các vị thần để thông báo rằng thần Ammon đã dẫn lối cho ngài đi tới vinh quang. Ngày hôm sau, ngài giong buồm tới hòn đảo thứ hai ở ngoài cửa sông và một lần nữa, làm lễ hiến tế ở đây. Lần này là để vinh danh những vị thần khác và được thực hiện theo các nghi lễ khác, mặc dù vẫn theo lời sấm truyền của thần Ammon[29]. Sau đó, để những cửa sông Ấn lại phía sau, Alexander giong buồm tới vùng biển lớn, với mục tiêu bề ngoài là tìm kiếm xem liệu có hòn đảo nào khác ở gần đó không – dù tôi dám chắc rằng mục tiêu thực sự của ngài chỉ là có một chuyến hải hành tới biển Lớn ngoài Ấn Độ. Khi lênh đênh trên biển, Alexander đã hạ lệnh giết những con bò đực để làm lễ tế thần Poseidon và ném xác của chúng xuống biển. Ngài tưới rượu cúng từ chiếc cốc vàng, sau đó ném cốc và chén vàng xuống biển để tạ ơn và cầu nguyện rằng thần Poseidon sẽ bảo vệ hạm đội mà ngài dự định sẽ đặt dưới quyền chỉ huy của Nearchus khi họ đi tới vịnh Ba Tư và các cửa sông của dòng Tigris và dòng Euphrates[30].

Xong việc, Alexander trở lại Pattala, nơi việc xây dựng pháo đài đã được hoàn thành, và khi đó Peitho đã trở về sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Hephaestion nhận lệnh chuẩn bị tất cả các yếu tố cần thiết để củng cố cảng biển và xây dựng các xưởng sửa chữa tàu, vì đó là mong muốn của Alexander khi ngài để lại hạm đội lớn ở Pattala, giao điểm giữa hai cửa sông Ấn.

Sau đó, Alexander thực hiện chuyến hải hành thứ hai, lần này là qua một nhánh của sông Ấn, với mục đích tự kiểm nghiệm xem lối đi nào là dễ dàng hơn (các cửa sông Ấn cách đó khoảng 362 kilômét)[31]. Trên đường xuôi dòng, ngài tới một cái hồ lớn; nó thực sự là một phần của cửa sông, và độ lớn của nó là do sự "góp mặt" của nhiều dòng chảy, có lẽ là từ các nhánh sông đổ vào, nên hồ này giống như vịnh ở trên biển vậy. Hơn nữa, người ta cũng nhìn thấy cá biển ở đây. Chúng lớn hơn những con cá mà chúng ta thấy ở các con sông nơi quê nhà.

Alexander cho hạ neo ở một địa điểm trong hồ, nơi các hoa tiêu gợi ý cho ngài; sau đó, để lại tất cả các xuồng chèo và hầu hết các binh lính do Leonnatus chỉ huy, ngài tiến quân cùng với thuyền 30 mái chèo và đội thủy thủ được lựa chọn để xuôi tới cửa sông, và một lần nữa, đi ra biển. Chuyến hải hành qua nhánh sông này dễ dàng hơn lần trước.

Khi đã đi khá xa, ngài đổ bộ và hành quân ba ngày dọc bờ biển cùng với một đội kỵ binh, quan sát địa thế của vùng đất, và bố trí đào các giếng nước để cung cấp nước ngọt cho hạm đội. Sau đó, ngài trở về thuyền, và giong buồm tới Pattala, để lại một nhóm công binh ở bờ biển với mệnh lệnh yêu cầu họ tái hợp với ngài sau khi hoàn thành nhiệm vụ. Alexander một lần nữa xuôi dòng tới hồ lớn, nơi một cảng biển mới và nhiều xưởng đóng tàu đã được xây dựng. Cuối cùng, ngài để lại một đơn vị đồn trú ở đây cùng với lượng lương thực đủ cho bốn tháng và chuẩn bị tất cả những công việc cần thiết khác cho chuyến đi ven biển.

Tuy nhiên, thời gian đó trong năm không phải là thời điểm thích hợp cho một chuyến hải hành. Gió mùa đang thổi, và không giống như gió mùa của chúng ta, gió mùa ở khu vực này không phải gió bắc, mà là gió nam thổi từ biển vào; nhưng theo thông tin Alexander

nhận được, vị trí của chòm sao Thất tinh [Pleiade] cho thấy thời điểm phù hợp cho chuyến hải hành là khi bắt đầu mùa đông[32] tới đông chí, vì suốt giai đoạn đó, mưa lớn ở vùng nội địa sẽ làm tăng những cơn gió nhẹ ngoài khơi, thuận tiện cho chuyến hải hành bằng cách giong buồm hoặc chèo thuyền.

Trong khi Nearchus, đô đốc của hạm đội, đã đợi ở Paitala để chờ tới khi thời tiết thuận lợi[33], Alexander dẫn toàn bộ lực lượng riêng của ngài tới sông Arabius[34], và sau đó chuyển hướng tới bờ biển rồi hành quân theo hướng tây cùng với một nửa số vệ quân và cung thủ, những tiểu đoàn bộ binh, đội Chiến hữu được tuyển chọn, một đội kỵ binh khác, và tất cả cung thủ cưỡi ngựa. Mục đích của ngài trước hết là đào các giếng nước nhằm cung cấp nguồn nước ngọt cho binh lính của Nearchus trong suốt chuyến hải hành, và thứ hai là mở cuộc đột kích nhằm vào Oreitae, một tộc người Ấn Độ tự do ở khu vực này có hành động thù địch với Alexander và quân đội của ngài.[35] Hephaestion nhận lệnh chỉ huy những binh lính được để lại ở Pattala.

Arabitae, một bộ tộc tự do khác gần Arabius, cho rằng họ không phải là đối thủ của Alexander; tuy nhiên, họ đã không quy hàng khi biết tin về cuộc hành quân của ngài mà lại bỏ chạy vào vùng hoang vu. Do đó, Alexander đã vượt sông, việc chẳng khác gì vượt qua một dòng nước cạn, và đi qua một khu vực rộng lớn không có người cư trú trong suốt một đêm. Rạng sáng hôm sau, một lần nữa, ngài đã tới gần những khu vực có người ở; sau đó, hạ lệnh cho bộ binh hành quân theo sau, Alexander tiến vào lãnh thổ của người Oreitae cùng với kỵ binh, chia họ thành nhiều sư đoàn để họ có thể kiểm soát càng nhiều khu vực càng tốt. Tất cả những người bản địa cố gắng kháng cự đều bị giết chết; nhiều người bị bắt làm tù binh[36]. Sau đó, ngài tạm dừng chân gần một dòng suối nhỏ. Ngay lúc đó, Hephaestion đã tới tái hợp với Alexander, cùng tiến quân với ngài tới ngôi làng được gọi là Rhambacia, nơi định cư lớn nhất trong lãnh thổ của người Oreitae. Quy mô của nơi này khiến Alexander rất thích thú, ngài cho rằng nếu có thể xây dựng một thị trấn ở đây thì nó hẳn sẽ phát triển và thịnh vượng. Bởi vậy, ngài đã để Hephaestion ở lại để thực hiện mong muốn này[37].

Mục tiêu tiếp theo của Alexander là biên giới của lãnh thổ Oreitae và lãnh thổ của người Gedrosia, và từ đó, tiến quân với một lực lượng bao gồm một nửa số vệ quân và quân Agrianes cùng với trung đoàn kỵ binh xuất sắc và các cung thủ cưỡi ngựa. Tin cấp báo cho biết lực lượng phối hợp của hai tộc người đã chiếm cứ một vị trí đối diện với con đường hẹp mà quân Macedonia sẽ đi qua với mục đích ngăn chặn đường tiến quân của Alexander. Thông tin này là chính xác; nhưng ngay khi quân địch biết tin về cuộc hành quân của Alexander, họ đã ở cứ điểm và không hề đặt các chốt phòng vệ trên tuyến đường hành quân của ngài, trong khi những thủ lĩnh của Oreitae đã tới tiếp kiến Alexander xin đầu hàng. Alexander hạ lệnh cho họ tìm kiếm những thành viên bộ lạc đang phân tán khắp nơi và đưa họ về nhà, cùng với lời đảm bảo rằng ngài sẽ không làm điều gì tổn hại đến họ. Ngài chỉ định Apollophanes làm thống đốc khu vực này, và để Leonnatus, sĩ quan của đội vệ quân, ở lại lãnh thổ của người Oria[38] để hỗ trợ Apollophanes; ngài trao cho Leonnatus toàn bộ quân Agrianes, một số đội cung thủ và kỵ binh nhất định, một lượng lính đánh thuê Hy

Lạp, cả kỵ binh lẫn bộ binh, và hạ lệnh cho vị sĩ quan này chờ cho tới khi hạm đội trở về từ vùng ven biển thuộc khu vực này, hộ tống họ tới vùng định cư mới và hỗ trợ việc duy trì trật tự và kỷ luật của người Oreitae để họ biết tuân phục thống đốc của họ hơn. Sau đó, khi Hephaestion tái hợp với Alexander cùng với những binh lính mà ngài để lại ở Rhambacia, ngài đã cùng với phần đông lực lượng tiến tới Gedrosia, một vùng đất mà phần lớn diện tích còn hoang dã và không có người cư trú.

Trong vùng đất hoang dã này (theo trước tác của Aristobulus), có rất nhiều cây mật nhi lạp[39] [myrrh] và những cây này có phần lớn hơn các loại mật nhi lạp thông thường. Người Phoenicia, những người được đưa đi theo cuộc viễn chinh vì họ biết phân biệt loại cây này, đã tới lấy nhựa cây mật nhi lạp và chất đầy lên các xe chở hành lý – vì quả thực sản vật này ở đây rất phong phú trong khi trước đó họ không thể tìm thấy chúng, và vì những thân cây mật nhi lạp vùng này có kích thước khác thường. Cây cam tùng cũng có ở vùng này, với số lượng rất phong phú và có vị ngọt dịu, chúng cũng nhanh chóng được người Phoenicia thu thập[40]. Loại cây này mọc nhiều đến nỗi những binh lính hành quân qua đây đã giẫm nát chúng và mùi hương thanh mát của đám cây đó còn lan xa nhiều kilômét. Ngoài ra, còn có nhiều loại cây khác; có một loại cây, lá giống như lá nguyệt quế, mọc dưới chân vùng đất cao ở bờ biển: mỗi khi thủy triều rút xuống, loại cây này lại lộ ra, cao và khô ráo, và trong những đợt triều lên tiếp theo trông chúng như thể mọc lên từ biển cả. Một vài cây mọc ở những chỗ trũng vẫn ngập nước kể cả khi triều thấp, rễ của chúng thường xuyên ngâm dưới nước nhưng điều này cũng không ảnh hưởng gì đến sự phát triển của chúng. Khi Alexander tới nơi này, một số cây cao tới khoảng 14 mét và đang trổ hoa; hoa của chúng giống hoa violet màu trắng nhưng thơm hơn nhiều. Vùng này cũng có một loại kế (thistle) với nhiều gai nhọn – thi thoảng, khi có người cưỡi ngựa qua đây, đám gai nhọn đó mắc vào quần áo của họ và bám chắc đến nỗi việc tách chúng ra còn khó hơn cả việc hất ngã một kỵ binh khỏi ngựa. Người ta nói rằng những con thỏ rừng khi vướng phải những bụi cây này cũng không thể thoát ra; và quả thực người ta đã sử dụng cách này để bẫy thỏ, cũng như dùng nhựa cây để bẫy chim và làm mồi câu cá. Thân cây dễ cắt và khi đó nó rỉ ra một loại nước, nhiều hơn và có vị hăng hơn nước từ quả vả.

Từ nơi này, Alexander đã hành quân qua lãnh thổ của người Gedrosia[41]. Ngài phải đi qua một con đường gập ghềnh và không được cung cấp nhu yếu phẩm; tệ nhất là, ở nhiều nơi thậm chí còn không có nước uống cho binh lính. Quân Macedonia buộc phải hành quân một quãng đường dài trong đêm tối để đi tới vùng nội địa, mặc dù trên thực tế Alexander nóng lòng hành quân dọc theo đường bờ biển để xem có thể neo tàu ở điểm nào, để ngài có thể tùy ý sử dụng trong thời gian ngắn và hỗ trợ hạm đội bằng cách đào giếng, cũng như làm những công việc chuẩn bị cần thiết để xây dựng các khu chợ và nơi trú ẩn cho tàu thuyền.

Tuy vậy, chẳng có việc nào trong số này được hoàn thành trong chuyến đi xuống miền nam Gedrosia. Vì vậy, Alexander đã cử Thoas, con trai của Mandrodorus, đi ra biển với một nhóm kỵ binh để tìm nơi trú ẩn cho tàu thuyền ở khu vực lân cận, hoặc xem liệu có nước ngọt ở gần vùng bờ biển hay bất cứ thứ gì hữu dụng cho hạm đội hay không. Thoas báo tin

rằng ông đã tìm thấy một vài ngư dân ở bờ biển sống trong những túp lều lụp xụp làm bằng vỏ tàu và mái lợp bằng xương cá; họ có rất ít nước ngọt, thứ mà họ kiếm được bằng cách cạo các lớp đá cuội, và ngay cả lượng nước ít ỏi này cũng có vị mặn(42).

Cuối cùng, Alexander đã đặt chân tới lãnh thổ của Gedrosia, nơi đồ dự trữ rất phong phú. Ngài đã có những thứ ngài cần để chất đầy lên những xe chở hành lý, đóng con dấu riêng của ngài lên đó, và hạ lệnh mang số đồ dự trữ này tới bờ biển. Nhưng trong suốt đoạn đường hành quân đưa ngài tới gần biển nhất, binh lính, bao gồm cả vệ quân, bất chấp việc những đồ dự trữ này đã được đóng dấu riêng, đã lấy chúng ra chia sẻ cho những đồng đội đã kiệt sức vì đói khát. Tình trạng mà họ lâm vào khốn cùng đến mức viễn cảnh về sự giận dữ của Alexander và việc bị trừng phạt không khiến họ bận tâm bằng cơ hội giữ được mạng sống trong thời điểm hiện tại. Alexander đã tha thứ cho họ khi ngài nhận ra sự khốc liệt của hoàn cảnh đã khiến họ làm trái lệnh ngài.

Để chuẩn bị cho binh lính bắt đầu chuyến hải hành, Alexander đã tìm kiếm lương thực khắp vùng, và cử Cretheus vùng Callatis(43) tìm đường vận chuyển an toàn; những người bản địa cũng được hạ lệnh mang càng nhiều ngũ cốc càng tốt từ vùng nội địa ra vùng bờ biển cùng với quả chà là và cừu cho quân đội. Telephus, một trong những Chiến hữu, được cử tới một nơi khác cùng với lượng bột mì dự trữ ít ỏi.

Mục tiêu tiếp theo của Alexander là thủ phủ của Gedrosia, đặt ở một địa hạt có tên là Pura(44). Đường hành quân từ Oria tới thủ phủ của Gedrosia mất khoảng 60 ngày. Nhiều sử gia viết về những cuộc chinh phạt của Alexander đã thuật lại rằng nỗi thống khổ mà binh lính trải qua trong lần hành quân này vượt xa tất cả những gì họ đã từng nếm trải trước đó. Alexander đã chọn đường hành quân này không phải vì ngài không ý thức được những khó khăn mà ngài và binh lính phải đối mặt (trước tác của Nearchus là một trong những nguồn cứ liệu của tôi về việc này); ngài chọn nó bởi vì, ngoại trừ Semiramis(45) trong lần rút lui từ Ấn Độ, không một ai, theo như ngài được biết, có thể dẫn quân qua đường này một cách an toàn. Thậm chí Semiramis, theo như truyền thuyết địa phương, khi hành quân qua đường này cũng chỉ còn không quá 20 người, và Cyrus, con trai của Cambyses, chỉ còn 7 người – vì trên thực tế, Cyrus tới đây với mục đích xâm lược Ấn Độ, nhưng ông nhanh chóng nhận ra rằng đường đi quá gian khổ; đồng thời sự hoang dã và cằn cỗi của vùng đất đã khiến ông gần như mất hết các binh lính trước khi có thể thực hiện mục đích của mình. Alexander biết những câu chuyện cổ này; chúng khiến ngài muốn chứng tỏ rằng mình giỏi hơn Cyrus và Semiramis, và đó là lý do, cùng với hy vọng có thể giữ liên lạc với hạm đội và cung cấp lương thực cho họ, mà theo Nearchus, đã lý giải tại sao Alexander chọn hành quân theo đường này(46).

Hệ quả của lựa chọn này là một thảm họa(47): cái nắng như thiêu như đốt và việc thiếu nước nghiêm trọng đã khiến vô số người bỏ mạng, nhiều súc vật mang theo trong cuộc hành quân đều đã chết vì khát nước hoặc không chịu nổi cát nóng. Đôi khi, quân Macedonia gặp những đồi cát cao ngất – sa chân vào những đồi cát đó chẳng khác gì lún sâu trong bùn lầy hoặc vùng tuyết hoang vu; đôi khi, khi trèo lên hoặc đi xuống, lạc đà và

ngựa bị thương bởi mặt đường gồ ghề. Hơn nữa, suốt chặng đường dài hành quân gian khổ, binh lính phải đối diện với thực tế rằng họ không biết khi nào mới có thể tìm được nước uống. Việc tiếp tục hành quân trở nên bất khả. Tình hình có vẻ khá hơn khi binh lính tìm được nước vào một buổi sáng sau khi hành quân suốt một đêm dài ròng rã; nhưng khi phải tiếp tục đi xa hơn nữa, họ nhận ra mình đang lê từng bước một trên đường hành quân. Cái nóng khủng khiếp và cơn khát làm cho nỗi cực nhọc của họ càng thêm chồng chất.

Số súc vật mang theo đã chết rất nhiều; quả thực, chúng đều đã kiệt sức. Binh lính cũng thường xuyên giết hại gia súc. Họ còn giết cả lạc đà và ngựa chiến bất cứ khi nào nguồn lương thực cạn kiệt. Họ ăn thịt chúng để hạn chế việc chúng sẽ chết vì khát nước hoặc kiệt sức. Khi tất cả mọi người đều tham gia vào việc giết hại gia súc, và nỗi khổ chung ngày càng gia tăng, không có ai đứng ra tố cáo hành vi vô kỷ luật này dù chính Alexander vẫn ý thức rõ về những chuyện đang xảy ra. Tuy nhiên, ngài nhận ra rằng cách duy nhất để đương đầu với tình huống hiện tại là giả vờ không biết gì, điều này chắc chắn sẽ tốt hơn là để binh lính nghĩ rằng ngài đang bao che cho sự vô kỷ luật của họ. Hơn nữa, việc tiếp tục hành quân cũng không phải là nhiệm vụ dễ dàng khi binh lính đều đã ốm đau hoặc kiệt sức; cộng thêm với việc không còn những con vật chuyên chở hành lý và thậm chí cả những chiến xa cũng liên tục bị đập phá vì binh lính ngày càng cảm thấy không thể nào kéo lê chúng trên cát lún. Trong những giai đoạn đầu của cuộc hành quân, họ đã cố gắng tránh việc này bằng cách tìm kiếm đường ngắn nhất hoặc tìm một con đường dài hơn nhưng thuận lợi hơn cho cả đội quân. Nhưng giờ đây, mọi người đều không đủ khả năng làm việc đó nữa, họ hoặc đã kiệt sức, đang chết khát hoặc bị say nắng. Không ai có thể giúp họ; không ai có thể làm giảm nỗi thống khổ của họ, vì điều hiển nhiên là họ vẫn phải tốc lực hành quân, và việc cứu sống cả đội quân phải được ưu tiên hơn việc lưu tâm tới nỗi khổ của từng người. Hầu hết cuộc hành quân diễn ra vào ban đêm, và nhiều người đã ngủ gật trên đường; một vài người đủ sức khỏe, sau khi tỉnh dậy, đã đuổi theo đội quân; nhưng phần lớn đều kiệt sức – và bị bỏ lại bơ vơ trên biển cát.

Tuy vậy, vẫn có một thảm họa khác, có lẽ là thảm họa tồi tệ nhất cho toàn bộ binh lính, ngựa chiến và lạc đà. Ở Gedrosia, cũng như ở Ấn Độ, mưa nặng hạt kéo dài suốt mùa mưa; mưa đổ xuống vùng núi thay vì đồng bằng. Toàn quân đã dừng chân ở cạnh một dòng suối nhỏ, nơi có thể cung cấp nước cho họ và vào khoảng canh hai, trời đột ngột đổ mưa. Cơn mưa dữ dội trút xuống và dòng suối nhanh chóng trở thành một dòng nước chảy xiết, cuốn trôi hầu hết phụ nữ và trẻ em gần nơi đóng quân, lều trại hoàng gia cùng mọi thứ trong đó và toàn bộ gia súc sống sót. Binh lính không kịp trở tay. Họ không cứu được gì ngoài vũ khí – và không phải là toàn bộ vũ khí. Một vấn đề khác là, khi tìm được nguồn nước dồi dào sau một đợt hành quân dưới nắng nóng và chịu đựng cơn khát, binh lính đã uống nước quá nhiều đến mức tử vong. Vì lý do này, Alexander thường xuyên phải dừng quân cách nguồn nước khoảng 3 kilômét, để ngăn binh lính của ngài uống nước quá nhiều, và ngăn chặn một số người, vì mất kiểm soát mà lao xuống dòng nước hoặc làm bất cứ điều gì khiến nguồn nước bị nhiễm bẩn.

Về điểm này trong câu chuyện, tôi không thể không nhắc tới điều tuyệt vời nhất mà Alexander đã làm. Nơi diễn ra hành động này không xác định được: có lẽ là ở Gedrosia,

hoặc có lẽ ở vùng đất Parapamisadea trước đó[48], như một vài sử gia đã viết. Đoàn quân phải đi qua một sa mạc và cái nắng như thiêu như đốt hành hạ họ, nhưng binh lính vẫn cố gắng tiếp tục để có thể đi tới khu vực có nước. Alexander, giống như mọi người, cũng phải chịu nỗi thống khổ vì khát nước, nhưng ngài vẫn tiếp tục dẫn đầu cuộc hành quân. Đó là tất cả những gì ngài có thể làm, và điều này khiến binh lính chịu đựng tốt hơn khi họ nhìn thấy vị thống lĩnh cùng chia sẻ nỗi khốn khổ đó với họ. Khi quân đội Macedonia lê bước một cách mệt nhọc trên sa mạc, một nhóm bộ binh khinh giáp được cử đi tìm nước đã tìm thấy một dòng nước nhỏ trong một rãnh nước nông. Họ đã múc nước bằng tất cả những gì có thể và vội vã trở về cùng với kho báu vô giá này; trước khi binh lính tới gặp Alexander, họ đã đổ số nước kiếm được sang một chiếc mũ sắt và kính cẩn dâng lên ngài. Alexander cảm ơn binh lính về món quà và trước mặt toàn quân, ngài đã đổ toàn bộ nước xuống mặt đất. Tác động của hành động này lớn đến mức lượng nước mà Alexander đã bỏ phí hầu như đã làm dịu cơn khát của toàn quân. Tôi không thể quá ca ngợi hành động này; nhưng đó là một minh chứng, không chỉ cho sức chịu đựng của Alexander mà còn cho thiên tài lãnh đạo của ngài.

Thời gian đó, khó khăn chồng chất khó khăn, nhất là khi những người dẫn đường thừa nhận rằng họ không biết gì hơn nữa về đường đi; họ khẳng định gió và cát đã xóa sạch mọi dấu vết. Sa mạc mênh mông và không có đặc điểm gì để có thể xác định được đội quân đã đi được bao xa – cạnh đường đi không có một cái cây nào và không có mô đất nào nhô lên giữa biển cát. Hơn nữa, những người dẫn đường không biết xác định phương hướng dựa vào các ngôi sao trên bầu trời và dựa vào mặt trời ban ngày như các thủy thủ vẫn thường làm – những người Phoenicia xác định đường đi của họ nhờ chòm Tiểu Hùng Tinh, còn chúng ta thì tìm đường nhờ chòm Đại Hùng Tinh[49]. Do đó, Alexander phải tự đương đầu với vấn đề này; thấy rằng đường hành quân nên chếch về phía bên trái hơn, ngài đã cưỡi ngựa dẫn đầu một nhóm kỵ binh mở đường. Vì những con ngựa chiến nhanh chóng bỏ mạng do không chịu nổi sức nóng nên ngài đã để phần lớn nhóm kỵ binh ở phía sau và chỉ dẫn theo năm người tiếp tục tìm đường. Cuối cùng, họ cũng tìm được lối ra biển và cạo đá cuội trên bờ biển để lấy nước ngọt. Toàn bộ lực lượng nhanh chóng theo sau, và sau bảy ngày hành quân dọc bờ biển, họ đã tìm được nguồn nước. Những người dẫn đường cũng nhận ra được phương hướng, và đường hành quân một lần nữa tiếp tục hướng về phía nội địa.

Tại thủ phủ của Gedrosia, Alexander đã cho dừng quân hạ trại. Ngài nhận ra rằng thống đốc Apollophanes đã không thực hiện bất cứ mệnh lệnh nào của ngài nên đã sa thải ông ta và chỉ định Thoas đảm nhiệm vị trí này[50]. Sau đó, Thoas qua đời. Vị trí thống đốc thủ phủ của Gedrosia được trao choSibyrtius, người vừa được bổ nhiệm làm thống đốc Carmania, nơi được đặt dưới tầm kiểm soát của Arachotia và Gedrosia. Sau này, Tlepolemus, con trai của Pythophanes, tiếp quản vị trí này.

Alexander đã sẵn sàng cho cuộc hành quân tới Carmania khi ngài biết tin về cái chết của Philip, thống đốc Ấn Độ, những người lính đánh thuê đã ám sát ông, và các vệ binh Macedonia đã xử tử những kẻ ám sát, một vài kẻ bị bắt quả tang, những người khác bị bắt giữ sau đó. Bởi vậy, Alexander đã gửi một bức thư tay, hạ lệnh cho Eudamus và Taxiles ở

Ấn Độ tới tiếp quản lãnh thổ trước kia thuộc quyền cai trị của Philip cho tới khi ngài bổ nhiệm thống đốc mới[51].

Sau khi tới Carmania, ngài hợp nhất đội quân với Craterus cùng các binh lính dưới quyền chỉ huy của ông và đội voi chiến. Craterus cũng mang theo Ordanes, người bị bắt giữ vì tội chống đối và gây rối. Một số sĩ quan và viên chức khác cũng đã đích thân trình diện trước ngài: Stasanor, thống đốc của Aria và Zarangia; Pharismanes, con trai của Phrataphernes, thống đốc Parthia và Hyrcania; cùng với những sĩ quan được để lại với Parmenio để chỉ huy đội quân ở Media bao gồm Cleander, Shakes, Heracon và phần lớn binh lính dưới quyền[52]. Cả người bản địa lẫn binh lính đều buộc tội Sitalcas và Cleander, khẳng định họ đã cướp bóc các đền thờ, quấy nhiễu các lăng mộ cổ, và phạm các tội ác khác cho thấy sự tàn bạo và dã man của họ đối với những người trong khu vực. Ngay khi nhận được tin, Alexander đã xử tử cả hai sĩ quan để làm gương cho các viên chức chính quyền khác ở mọi cấp bậc, những người kể từ thời điểm đó đã nhận ra rằng nếu họ phạm phải những tội lỗi tương tự thì họ cũng sẽ chịu chung số phận với Sitalcas và Cleander. Nếu có điều gì khiến vô số các tộc người khác nhau, những tộc người mà Alexander đã khiến họ quy phục bằng vũ lực hoặc liên minh, phục tùng và tuân mệnh ngài thì đó là: dưới đế chế của Alexander, ngài không cho phép các viên chức chính quyền áp bức nhân dân[53]. Một viên chức khác, Heracon, được tuyên bố trắng án vào thời gian đó; nhưng ngay sau khi một vài người tại Susa buộc tội ông ta cướp phá đền thờ ở đây thì Heracon cũng bị xử tử.

Stasanor và Phrataphernes khi biết tin Alexander đang hành quân tới Gedrosia đã tiên đoán chính xác những khó khăn mà ngài phải đối mặt trong sa mạc và đã mang theo một số lượng súc vật kéo, bao gồm cả lạc đà. Sự xuất hiện của họ quả là một phúc lành, số lạc đà và la đã được bổ sung kịp thời. Alexander đã phân chia số súc vật này cho toàn bộ lực lượng – trong đó mỗi sĩ quan nhận một con, còn phần lớn chia cho từng tiểu đội, trung đội và đại đội[54].

Một số sử gia[55] đã thuật lại một câu chuyện chưa được xác thực rằng Alexander đã thực hiện chuyến đi qua Carmania trong một chiến xa có kích cỡ gấp đôi bình thường. Chiến xa này được thiết kế đặc biệt, ngài ngồi trong đó cùng với những chiến hữu thân thiết nhất của mình, lắng nghe tiếng đàn sáo, trong khi binh lính đi cùng ngài vui đùa như đang ở trong lễ hội với những vòng hoa trên đầu. Những cư dân trong khu vực, dọc theo tuyến đường của đoàn diễu hành, đã cung cấp mọi cao lương mỹ vị cho cuộc vui thú của họ. Tất cả điều này hẳn củng cố quan điểm cho rằng Alexander đã bắt chước Lễ hội Dionysiac, hoặc cuộc diễu hành chiến thắng, phù hợp với truyền thuyết kể rằng Dionysus, sau khi chinh phục Ấn Độ, đã đi qua phần lớn lục địa Á châu với kiểu nghi lễ khoa trương này – *Thriambus* (hay Khải hoàn) là một trong những tên gọi của thần Dionysus, và từ đồng nghĩa *thriambi* – khải hoàn – cũng được sử dụng để mô tả nghi lễ diễu hành sau những lần chiến thắng trong chiến tranh. Điều này không được Ptolemy, con trai của Lagus, hoặc Aristobulus, hay bất cứ sử gia nào băn khoăn về độ xác thực của những vấn đề như thế này, nhắc tới. Dù thế nào, đó chỉ là một câu chuyện; tôi không tin rằng nó có thật – và đó là tất cả những gì tôi có thể nói tới ở đây. Tuy nhiên, tôi ghi chép lại (dựa trên cứ liệu của Aristobulus) rằng trong khi

Alexander ở Carmania, ngài đã làm lễ hiến tế để tạ ơn các thần linh vì cuộc chinh phục Ấn Độ và vì đã giải thoát cho quân đội của ngài khỏi sa mạc Gedrosia. Ngài cũng đã tổ chức lễ hội với nhiều cuộc thi đấu thể thao và nghệ thuật cho đông đảo mọi người. Alexander đưa Peucestas lên làm thành viên của đội vệ quân riêng – thực ra ngài cũng đã quyết định chọn Peucestas làm thống đốc Ba Tư, nhưng khi chứng kiến sự phục vụ tận tụy và dũng cảm của ông trong cuộc chiến với những người Malli, ngài muốn Peucestas được hưởng niềm vinh dự và kiêu hãnh của một vệ quân riêng cho hoàng đế trước khi tiếp quản vị trí thống đốc Ba Tư. Cho tới thời điểm đó, vệ quân riêng của Alexander có bảy người: Leonnatus con trai của Anteas, Hephaestion con trai của Amyntor, Lysimachus con trai của Agathocles, Aristonus con trai của Pisaeus (cả bốn người đều tới từ Pella); Perdiccas con trai của Orontes, từ Orestis; Ptolemy con trai của Lagus và Peitho con trai của Crateuas từ Eordaea. Giờ đây, nhóm này có thêm một thành viên thứ tám – Peucestas, người đã dùng tấm khiên của mình che chắn cho Alexander khi ngài ngất đi vì vết thương trong trận chiến.

Trong lúc đó, Nearchus đã hoàn thành chuyến hải hành dọc những bờ biển của người Oria, Gedrosia, và Ichthyophagi, rồi tới những khu vực có người cư trú ở bờ biển Carmania. Từ đó, ông đi vào vùng nội địa cùng với một vài người bạn đồng hành và báo cáo cho Alexander về chuyến hải hành[56]. Alexander cử Nearchus quay lại hạm đội với chỉ thị tiếp tục giong buồm tới tận Susia và cửa sông Tigris. Tôi dự định sẽ viết chi tiết về chuyến hải hành từ sông Ấn tới cửa sông Tigris ở vịnh Ba Tư trong một cuốn sách riêng, dựa trên câu chuyện riêng của chính Nearchus; cuốn sách đó, cũng giống như cuốn này, sẽ là một tác phẩm lịch sử viết bằng tiếng Hy Lạp để vinh danh Alexander. Công việc này sẽ sớm được thực hiện khi tôi có hứng thú và đủ động lực để bắt đầu[57].

Lúc này Alexander đã hạ lệnh cho Hephaestion tới Ba Tư cùng với đàn voi chiến, xe chở hành lý và phần lớn lực lượng. Chỉ thị của ngài là hành quân theo đường bờ biển, bởi lúc này đang là mùa đông[58] và ngài muốn tìm những khu vực ven biển của Ba Tư có khí hậu ấm áp cũng như nguồn nhu yếu phẩm phong phú. Đồng thời, Alexander cũng đích thân tiến quân tới Pasargadae cùng những đội bộ binh cơ động nhất, kỵ binh Chiến hữu, và một vài đạo quân cung thủ. Ngài cử Stasanor trở về quê hương[59]. Khi tới biên giới Ba Tư, ngài nhận được tin Phrasaortes, thống đốc, đã qua đời trong khi cuộc chinh phục Ấn Độ vẫn đang tiếp diễn; việc kiểm soát chính quyền rơi vào tay Orxines, người chưa hề được chỉ định nhưng lại tự cho rằng mình là người thích hợp để phục vụ Alexander bằng cách giữ cho công việc ở Ba Tư vận hành một cách trôi chảy[60]. Tại Pasargadae, Atropates, thống đốc Media, tới tiếp kiến Alexander; ông mang theo một người Media có tên là Baryaxes, người đã bị bắt khi đội mũ theo kiểu hoàng gia và tự tuyên bố mình là hoàng đế của người Media và người Ba Tư. Cùng với Baryaxes, những người dính líu tới việc làm táo bạo và có chủ ý này đều bị bắt giữ. Tất cả đều bị xử tử.

Aristobulus thuật lại rằng Alexander đã nhận thấy lăng mộ của Cyrus, con trai của Cambyses, bị đột nhập và cướp phá, và hành động báng bổ này khiến ngài vô cùng đau khổ[61]. Lăng mộ nằm trong khuôn viên hoàng gia tại Pasargadae – một khu rừng nhỏ có rất nhiều loại cây được trồng xung quanh; ở đó còn có những dòng suối và một bãi cỏ xanh

mướt. Phần nền của công trình kỷ niệm có hình chữ nhật, được xây dựng từ các phiến đá được cắt theo hình vuông, và phía trên là một căn phòng có mái vòm, cũng được xây bằng đá, với một cánh cửa hẹp để chỉ một người có thể đi qua được. Phía trong căn phòng có một cỗ quan tài bằng vàng, bên trong là di hài của Cyrus, một trường kỷ lớn có các chân được đúc bằng vàng cùng những lớp bao phủ bằng chất liệu sáng màu và một tấm thảm Babylon ở phía trên. Các tấm áo chẽn và *candy* – hay áo khoác của người Media – được làm bởi nghệ nhân Babylon được đặt trên trường kỷ, cùng với (theo Aristobulus) quần của người Media, nhiều áo choàng khác nhau được nhuộm màu thạch anh tím, màu tía, và nhiều màu sắc khác, các chuỗi ngọc, các thanh đại đao và những hoa tai bằng vàng hay các loại đá quý. Phía trong hàng rào dẫn tới lăng mộ, một tòa nhà nhỏ được dựng lên dành cho các Magus *[Magi]*[(62)], những người bảo vệ lăng mộ và đây là nhiệm vụ cha truyền con nối kể từ thời Cambyses[(63)], con trai Cyrus. Nhà vua cấp cho họ mỗi ngày một con cừu cùng với đồ ăn và rượu. Ngoài ra, mỗi tháng họ được cấp một con ngựa để làm lễ hiến tế dâng lên Cyrus. Có một dòng khắc trên lăng mộ bằng tiếng Ba Tư, đại ý là: "Ta là Cyrus, con trai của Cambyses, người đã sáng lập đế chế Ba Tư và cai trị toàn bộ lục địa Á châu. Đừng hằn học với lăng mộ của ta."

Sau khi chinh phục Ba Tư, Alexander luôn cảm thấy cần phải tới thăm lăng mộ của Cyrus; và giờ đây, khi ngài đặt chân tới nơi này, ngài nhận thấy tất cả đồ vật trong lăng mộ còn nguyên như được mô tả, ngoại trừ chiếc trường kỷ và quan tài đã biến mất. Những hoàng thân thuộc dòng dõi của Cyrus còn sót lại không thể nào thoát khỏi tội báng bổ, vì những tên trộm đã cậy nắp quan tài và quẳng thi hài của Cyrus đi; về cỗ quan tài, chúng đã đập phá thành nhiều mảnh để dễ bề mang theo khi tẩu thoát. Tuy nhiên, bọn trộm đã không thành công và phải rời khỏi lăng mộ mà không thực hiện được ý đồ này.

Aristobulus thuật lại rằng chính ông là người được Alexander giao cho nhiệm vụ khôi phục lăng mộ: Aristobulus đã phục dựng quan tài của Cyrus từ những gì còn sót lại và thay nắp quan tài; sửa chữa lại tất cả những phần hư hỏng của cỗ quan tài, đặt trường kỷ mới, cùng với những bản sao chính xác từng đồ vật đã được sử dụng để trang hoàng cho lăng mộ; và cuối cùng, Aristobulus cho lấp cánh cửa đi vào căn phòng có mái vòm bằng cách xây đá bít lại, phết một lớp thạch cao lên trên, và khắc dấu hoàng gia lên đó. Alexander đã cho bắt giữ và tra tấn những người bảo vệ lăng mộ, với hy vọng có thể tìm ra tên của thủ phạm; nhưng ngay cả khi bị tra tấn, những người này vẫn im lặng. Họ không thú nhận tội lỗi cũng không hề buộc tội bất cứ ai. Alexander không thể buộc tội những người này dính líu tới vụ cướp phá lăng mộ của Cyrus. Bởi vậy, ngài buộc phải trả lại tự do cho họ.

Sau đó, Alexander đi tới cung điện của các hoàng đế Ba Tư, nơi mà lần trước ngài đã đốt phá[(64)], như tôi đã thuật lại trong cuốn sách này. Tôi lưu ý, khi tôi nhắc lại hành động này, tôi có thể không bình luận gì, còn về phần Alexander, ngài đã cảm thấy hối tiếc khi nhìn lại cung điện hoàng gia lần thứ hai.

Về Orxines, người đã tiếp quản Ba Tư sau cái chết của Phrasaortes, những thần dân Ba Tư đã kể với Alexander nhiều câu chuyện về tội lỗi của y. Vị này bị buộc tội cướp phá các đền thờ, các lăng mộ hoàng gia và giết hại nhiều người Ba Tư một cách bất công. Do đó,

những thuộc hạ của Alexander đã treo cổ Orxines[65]. Peucestas, Vệ binh riêng của Alexander, đã được chỉ định làm thống đốc, như một sự ghi nhận lòng trung thành của ông trong mọi hoàn cảnh – và đặc biệt là hành động anh hùng của Peucestas trong suốt cuộc chiến với người Malli, khi ông liều mạng cứu chủ tướng. Hơn nữa, Peucestas cũng là người phù hợp cho vị trí này vì ông rất thích lối sống của người phương Đông. Peucestas đã ngay lập tức bộc lộ điều này khi ông nhậm chức và trở thành người Macedonia duy nhất chấp nhận mặc trang phục của người Media; ông cũng biết ngôn ngữ Ba Tư, và tỏ ra là người có thể sống hòa hợp với các thần dân của xứ này. Alexander hoàn toàn ủng hộ cách hành xử của Peucestas, và chính những người Ba Tư cũng lấy làm hài lòng khi thấy rằng Peucestas yêu thích phong tục tập quán của đất nước họ hơn là phong tục tập quán của chính quê hương ông[66].

Quyển Bảy

Khi tới Pasargadae và Persepolis, Alexander đột ngột giong buồm xuôi dòng Eupharates và Tigris xuống vịnh Ba Tư. Ngài đã thấy các cửa sông Ấn và những dòng nước bao quanh chúng; giờ đây, ngài mong muốn được làm điều tương tự với sông Tigris và Euphrates. Một vài sử gia[(1)] thuật lại rằng Alexander có ý định đi thuyền vòng quanh Ả Rập, Ethiopia và Libya, vượt qua núi Atlas tới Gadeira, vào Địa Trung Hải; bởi vậy, ngài đã thêm Libya và Carthage vào các mục tiêu chinh phục. Alexander tiếp tục khẳng định danh hiệu vua của toàn bộ lục địa Á châu, và cho rằng danh hiệu này không dành cho vua Media hay vua Ba Tư, những người chỉ cai trị một phần lục địa. Một vài tác giả cho rằng Alexander sau đó dự tính giong buồm tới biển Đen và tới lãnh thổ của người Scythia gần biển Azov; những người khác lại khẳng định Alexander có ý định xua quân tới vùng Sicily và phía nam Ý để ngăn chặn những người La Mã đang ngày một hùng mạnh và trở thành mối bận tâm chính của ngài.

Về góc độ cá nhân, tôi không có cứ liệu nào để xác định chính xác xem Alexander bận tâm tới điều gì, và tôi không quan tâm tới việc phỏng đoán; tuy nhiên, tôi có thể nói một điều mà không ngại mâu thuẫn rằng dù kế hoạch của ngài là gì, chúng chưa bao giờ thiếu vẻ huy hoàng hay tham vọng: Alexander sẽ không bao giờ ngừng thú vui chinh phạt của ngài, kể cả khi ngài đã mở rộng đế chế từ châu Á tới châu Âu và từ châu Âu tới những hòn đảo nhỏ của Anh quốc. Trái lại, ngài muốn tiếp tục vươn xa hơn nữa, tìm kiếm những vùng đất chưa được biết đến, bởi đó chính là tính cách của ngài, người luôn luôn nỗ lực đạt được nhiều thành tựu hơn nữa, kể cả khi không có đối thủ.

Tôi luôn thích câu chuyện[(2)] về những nhà hiền triết Ấn Độ. Alexander đã gặp một vài người trong số họ trên đồng cỏ, nơi họ thường gặp nhau để luận bàn về triết học. Trước sự xuất hiện của Alexander và quân đội của ngài, những người đàn ông đáng kính này đã giậm chân và chẳng tỏ vẻ quan tâm gì. Alexander yêu cầu họ giải thích ý nghĩa của hành động lạ lùng này, và họ đáp lời: “Thưa hoàng đế Alexander, mọi người đàn ông chỉ nên sở hữu phần đất đai bằng với phần đất mà chúng tôi đang đứng trên đó. Ngài là con người, giống như tất cả chúng tôi. Ngài luôn bận rộn hành quân hàng dặm đường từ quê nhà của ngài, gây phiền toái cho chính ngài và cho những người khác nữa. Ngài cũng sẽ sớm trở về với cát bụi, và lúc đó ngài sẽ hiểu rằng mình chẳng cần gì hơn một mảnh đất để chôn thân.” Alexander đồng tình với những lời nói khôn ngoan này; nhưng trên thực tế, ngài đã hành xử trái ngược hoàn toàn với những điều mà ngài tỏ ra ngưỡng mộ. Tương truyền, vào một dịp khác, Alexander đã tỏ ra ngạc nhiên trước hành động của Diogenes thành Sinope: ngài đã hành quân tới Isthmus với một đoàn vệ quân cùng bộ binh Chiến hữu và tình cờ thấy Diogenes đang nằm sưởi nắng. Alexander dừng lại và hỏi Diogenes rằng ông ta có cần gì không.

“Không thưa ngài”, vị triết gia trả lời, “nhưng tôi sẽ vui lòng nếu ngài và binh lính của ngài đứng dẹp sang một bên và không chắn mất ánh nắng đang chiếu vào tôi.”[(3)]

Người ta phải thừa nhận rằng Alexander không hề xa lạ với các cuộc tranh luận về triết học; nhưng thực tế cho thấy ngài, ở một mức độ lớn hơn, là nô lệ cho tham vọng của mình. Ở Taxila, Alexander đã từng gặp một vài thành viên của giáo phái Những người thông thái (Wise Men) của Ấn Độ, những người thực hành thuyết khắc kỷ đến mức họ thường không mặc quần áo vì cho rằng việc đó ảnh hưởng tới sự thuần khiết của tư tưởng. Alexander rất ngưỡng mộ sức chịu đựng bền bỉ của những người theo giáo phái này và tha thiết được mang một người trong số họ theo đoàn tùy tùng riêng của ngài[4]. Người cao tuổi nhất trong số đó tên là Dandamis (những người khác đều là học trò của ông) đã từ chối lời đề nghị này hay đã không cho phép bất kỳ một học trò nào của ông đi theo Alexander. Ông nói, "Thưa bệ hạ, nếu ngài là con của các vị thần, thì ta cũng vậy. Ta không cầu xin gì ở ngài, vì ta đã có đủ rồi. Hơn nữa, ta thấy rằng những người mà ngài dẫn dắt sẽ không nhận được gì từ chuyến đi khắp đất liền và biển cả, và những hành trình đó sẽ không có hồi kết. Ta chẳng cần gì từ ngài, cũng chẳng mong bất cứ sự ban phước nào của ngài. Ấn Độ, với hoa trái mỗi mùa, đủ để nuôi sống ta; và khi ta chết đi, ta sẽ được giải thoát khỏi tấm thân trần tục này, vốn là kẻ đồng hành không mấy dễ chịu của ta." Những lời này đã khiến Alexander nhận ra rằng Dandamis là một người tự do đích thực; bởi vậy, ngài đã không ép buộc ông.[5] Mặt khác, một người Ấn Độ khác trong nhóm này có tên là Calanus đã bằng lòng đi theo Alexander. Theo ghi chép của Megasthenes, nhiều đồng môn của Calanus đã lên án ông ta là nô lệ của ham muốn vật chất, một lời buộc tội chắc chắn nhằm vào việc ông đã chọn từ bỏ niềm hạnh phúc của việc tu hành khổ hạnh và chấp nhận phụng sự một chủ nhân khác ngoài Chúa trời[6].

Tôi nhắc lại điều này bởi không một lịch sử nào về Alexander có thể được hoàn thành mà không có câu chuyện của Calanus. Ở Ấn Độ, Calanus chưa bao giờ bị ốm, nhưng khi sống ở Ba Tư, sức khỏe của ông không được tốt lắm[7]. Bất chấp tình trạng này, Calanus từ chối chế độ ăn uống cho người bệnh và tâu với Alexander rằng ông bằng lòng với tình trạng của bản thân, rằng điều này còn dễ chịu hơn việc chịu đựng nỗi khốn khổ khi bắt buộc phải thay đổi lối sống của mình. Alexander đã cố gắng thuyết phục Calanus từ bỏ thái độ ngoan cố này nhưng không thành công. Sau đó, khi tin rằng nếu còn cố khuyên bảo Calanus, ông ta sẽ có thể tìm cách này hay cách khác để tự kết liễu, Alexander chấp nhận lời thỉnh cầu của Calanus, và hạ lệnh cho dựng một giàn thiêu dưới sự giám sát của Ptolemy, con trai của Lagus, một trong những vệ binh riêng. Một vài người nói rằng Calanus đã được hộ tống lên giàn thiêu với một buổi diễu hành trọng thể – những binh lính đều mặc giáp phục và mọi người mang theo tất cả các loại dầu cũng như gia vị quý để ném vào ngọn lửa; những ghi chép khác nhắc tới những chiếc cốc bạc, cốc vàng và những tấm hoàng bào. Calanus quá ốm yếu để có thể tự đi lại được. Người ta đã mang tới cho ông một con ngựa. Tuy nhiên, ông không thể cưỡi ngựa nữa, mà chỉ có thể trèo lên lưng ngựa để nó chậm chạp mang ông đi. Ông đội trên đầu những vòng hoa theo kiểu Ấn Độ và hát những bài ca Ấn Độ, những bài hát mà những người đồng hương của ông khẳng định đó là những lời ca tụng các vị thần[8]. Con ngựa mà ông cưỡi là giống ngựa hoàng gia của Nesaea, và trước khi lên giàn thiêu, Calanus trao con ngựa cho Lysimachus, một trong các học trò của ông, đồng thời chia số cốc và quần áo mà Alexander hạ lệnh sẽ đốt để vinh danh ông trên giàn thiêu cho

những học trò và bạn bè khác.

Cuối cùng, Calanus bước lên giàn thiêu và nhảy vào đám lửa. Tất cả binh lính đều chứng kiến cảnh tượng này còn Alexander thì không. Ngài cảm thấy có phần khiếm nhã khi chứng kiến một cảnh tượng như vậy – người đàn ông đó dù sao cũng là bạn ngài; tuy nhiên, những người khác đều chẳng cảm thấy gì ngoài sự ngạc nhiên khi thấy Calanus không có biểu hiện do dự gì, dù là nhỏ nhất, trước ngọn lửa[9]. Chúng ta đọc được trong ghi chép của Nearchus về sự kiện này rằng ngay lúc ngọn lửa được nhóm lên theo lệnh của Alexander, một cảnh tượng ấn tượng đã diễn ra: những tiếng kèn vang lên, binh lính thét lên những tiếng xung trận, và đàn voi chiến cũng chào tạm biệt Calanus bằng cách rống lên.

Câu chuyện này và những câu chuyện khác tương tự đều đã được ghi chép lại trong những cứ liệu đáng tin cậy; chúng có giá trị với bất cứ ai quan tâm tới bằng chứng cho thấy sự quyết tâm không thể nào bị khuất phục của tinh thần.

Trong thời gian này, Alexander hạ lệnh cho Atropates trở về khu vực của ông. Đích thân Alexander đi tới Susa, nơi ngài đã bắt và xử tử Abulites vì tội lạm dụng vị trí thống đốc. Con trai của Abulites là Oxathres cũng chịu chung số phận[10]. Ở nhiều vùng đất khác mà Alexander đã chinh phục, một số viên chức chính quyền đã thực hiện nhiều hành vi phạm pháp, sử dụng bạo lực để đàn áp các cá nhân, cướp phá các đền thờ và lăng mộ. Lý do cho điều này thì không cần phải nhọc công tìm kiếm. Họ hành xử như vậy vì Alexander còn mải mê chinh phục Ấn Độ, và không ai nghĩ rằng ngài có thể trở về từ mảnh đất nuôi dưỡng rất nhiều bộ tộc thù địch ở phương Đông – chưa kể tới các đàn voi chiến! – hoặc ngài sẽ nhanh chóng bỏ mạng ở một nơi nào đó cạnh dòng sông Ấn, dòng Hydaspes, Acesines, và Hyphasis. Hơn nữa, những tai họa ở sa mạc Gedrosia lại càng khiến các thống đốc ở những khu vực phía tây cho rằng Alexander khó có thể toàn mạng trở về. Trong bất cứ trường hợp nào, dựa vào tất cả các ghi chép, chúng ta đều phải thừa nhận rằng Alexander ở giai đoạn này đã sẵn sàng hơn trong việc gánh vác toàn bộ trách nhiệm của một đấng cai trị vĩ đại, điều khiến ngài buộc phải chống lại các viên chức và trừng phạt họ nghiêm khắc dù là vì những tội lỗi nhỏ nhất, với niềm tin rằng thái độ cứng rắn này sẽ khiến các viên chức chính quyền bỏ được thói vô kỷ luật, điều có thể khiến họ phạm những tội ác nghiêm trọng hơn nhiều[11].

Ở Susa, ngài tổ chức hôn lễ cho các chiến hữu của ngài, và tự chọn vợ cho mình – Barsine[12], con gái lớn của Darius và, theo Aristobulus, Alexander còn cưới cả Parysatis, cô con gái ít tuổi nhất của Ochus[13]. Ngài cũng đã kết hôn với Roxane, con gái của Oxyartes thành Bactria. Ngài tác hợp Hephaestion với Drypetis, một cô con gái khác của Darius và chị vợ ông là Barsine, vì ngài muốn trở thành chú của những đứa con của Hephaestion; với Craerus, ngài cho kết duyên với Amastrine, con gái của Oxyatres; anh trai của Darius và Perdiccas được kết hôn với con gái của Artabazus, thống đốc Media. Cô dâu của Ptolemy (vệ quân) là Artacama, con gái của Artabazus, và thư ký hoàng gia Eumenes cưới chị gái của Artacama là Artonis; Nearchus kết hôn với con gái của Barsine, và Mentor cưới Seleucus, con gái của Spitamenes thành Bactria. Tương tự, những sĩ quan khác – theo lời kể là

khoảng 80 người[14] – đều được ban hôn với những cô gái quý tộc người Ba Tư và Media. Hôn lễ được tổ chức theo kiểu Ba Tư: ghế ngồi dành cho chú rể được sắp xếp theo địa vị từ cao xuống thấp, và khi uống rượu mừng, các cô dâu sẽ bước vào và ngồi bên cạnh chú rể của họ, những người sẽ nắm lấy tay họ và hôn họ. Nhà vua, người cũng sẽ kết hôn như những sĩ quan khác của ngài, cũng có một ghế ngồi tương tự, và là người đầu tiên thực hiện nghi lễ – Alexander là người luôn có khả năng hòa đồng với thuộc cấp và mọi người đều cảm thấy rằng hành động của Alexander trong lễ kết hôn là minh chứng rõ ràng nhất cho điều đó. Sau buổi lễ, tất cả đàn ông mang vợ mình về nhà và đều được Alexander trao tặng của hồi môn. Có trên 10.000 người Macedonia khác cũng đã kết hôn với phụ nữ châu Á; và mỗi người đều được Alexander trao tặng một món quà cưới.

Đây dường như cũng là dịp phù hợp để xóa nợ cho binh lính và Alexander đã hạ lệnh lập một bản liệt kê chi tiết với lời hứa sẽ thanh toán hết. Đầu tiên, chỉ có một vài người ghi tên, nghi ngờ rằng mệnh lệnh này có thể là một âm mưu của Alexander nhằm trừ khử những kẻ chi tiêu hoang phí, những người đã thất bại trong việc xoay sở với số tiền mà quân đội chi trả. Alexander đã tức giận khi nhận ra rằng hầu hết binh lính đều từ chối ghi tên và che giấu các khoản nợ. Ngài nói, là một vị hoàng đế, ngài có bổn phận không lừa dối những người dưới quyền mình, và tới lượt họ, họ cũng không được phép nghi ngờ bất cứ điều gì ngài làm. Ngài cho đặt bàn ở các nơi đóng quân, đưa tiền cho các thư ký và dặn họ rằng họ sẽ trả nợ cho bất cứ binh lính nào ghi thông tin nợ vào danh sách mà không bắt những người này để lại danh tính. Sau đó, binh lính không thể không tin vào lòng tốt của Alexander và cảm thấy vui vẻ hơn vì có thể che giấu danh tính của mình mà vẫn được trả nợ. Tương truyền, hành động này của Alexander khiến ngài tiêu tốn khoảng 20.000 ta-lăng[15].

Ngài cũng đã trao thưởng bằng tiền cho những người đã có thành tích nổi bật trên chiến trường, hoặc nổi tiếng vì phụng sự trung thành. Một phần thưởng đặc biệt bao gồm một mũ miện bằng vàng cũng đã được trao cho một số sĩ quan vì lòng dũng cảm nổi bật: những người nhận được phần thưởng cao quý này bao gồm Peucestas – vì đã cứu mạng hoàng đế; Leonnatus – vì đã cứu mạng hoàng đế, đã hoàn thành những nhiệm vụ khó khăn ở Ấn Độ, đã giành chiến thắng ở Oria, đã cùng với những lực lượng dưới quyền chỉ huy của ông đương đầu và đánh bại quân Oreitae phản loạn và các tộc người láng giềng của họ, và vì đã sắp đặt ổn thỏa mọi việc ở Oria nói chung[16]; Nearchus (người vừa tới Susa) vì chuyến hải hành của ông từ nội địa Ấn Độ tới các vùng bờ biển của đất nước này; Onesicritus, thủ lĩnh thuyền galley hoàng gia; và cuối cùng là Hephaestion và những thành viên khác trong đội vệ quân riêng.

Ở Susa, Alexander đón tiếp nhiều viên chức lo công vụ ở các thị trấn mới xây dựng và các thống đốc của các vùng lãnh thổ mà ngài đã chinh phục. Họ mang theo khoảng 30.000 binh lính trẻ tuổi, tất cả các chàng trai đều ngang tuổi nhau, đều mặc trang phục chiến trận của người Macedonia và được rèn luyện theo kỷ luật của người Macedonia[17]. Alexander gọi họ là *Epigoni* – "những người thừa kế" – và người ta cũng thuật lại rằng sự xuất hiện của các Epigoni này khiến cho những người Macedonia cảm thấy không hài lòng, họ cho

rằng đây là một trong nhiều nỗ lực của Alexander nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào những người đồng hương của ngài trong tương lai. Dĩ nhiên, hình ảnh Alexander trong những trang phục của người Media cũng khiến họ khó chịu, và hầu hết họ nhận ra rằng các nghi lễ kết hôn theo kiểu Ba Tư không hề phù hợp với họ – thậm chí một vài người kết hôn ngày hôm đó đã từ chối thực hiện các nghi lễ xa lạ này, bất chấp thực tế rằng họ đang hưởng niềm vinh dự được bình đẳng với hoàng đế. Họ cũng chẳng lấy làm hài lòng với việc Peucestas ưa thích lối sống của người phương Đông. Vị thống đốc Ba Tư này, người hiển nhiên làm Alexander hài lòng, đã chấp nhận cả ngôn ngữ và trang phục Ba Tư, chưa kể tới việc những người Macedonia cảm thấy tức giận khi thấy những kỵ binh nước ngoài ở trong đạo quân Chiến hữu[(18)]. Những người Bactria, Sogdia, Arachotia, Zarangia, Aria, Parthia và những người được gọi là Euacae từ Ba Tư cũng được đưa vào những đạo quân kỵ binh Macedonia, cung cấp cho các đạo quân này những ứng cử viên xuất sắc. Bên cạnh đó, đạo quân kỵ binh thứ mười lăm cũng đã được thành lập; đạo quân này không hoàn toàn là binh lính người phương Đông, nhưng số lượng binh lính nước ngoài đang dần nắm vai trò củng cố và gia tăng sức mạnh của kỵ binh[(19)]. Những sĩ quan nước ngoài cũng được bố trí trong đội hình đặc biệt – Cophen là con trai của Arrtabazus, Hydarnes và Artiboles là các con trai của Mazaeus, Sisines và Phradasmenes là các con trai của Phrataphernes, xatrap của Parthia và Hyrcania, Histanes con trai của Oxyartes và anh của Roxane – vợ của Alexander, Autobares và anh trai là Mithrobaeus. Quyền chỉ huy nhóm này được giao cho Hystaspes, một người Bactria, và những người phương Đông này đều được trang bị giáp của Macedonia thay cho cây lao truyền thống. Tất cả những điều này gây ra nỗi oán hận sâu sắc cho những người Macedonia, những người không thể chịu đựng việc cách nhìn của Alexander ngày càng nhiễm thói xấu của phương Đông, và ngài không còn quan tâm tới những người đồng hương hoặc phong tục bản địa của ngài như trước nữa.

Hephaestion lúc này nhận lệnh giong buồm tới vịnh Ba Tư cùng hơn một nửa lực lượng của toàn bộ các tiểu đoàn bộ binh. Hạm đội cũng sẽ tiếp cận vùng vịnh gần lãnh thổ Susa, và Alexander cũng đã lên tàu bắt đầu chuyến hải hành tới Eulaeus[(20)] rồi ra biển. Ngài mang theo đội vệ quân, đạo quân đặc biệt và một vài Chiến hữu khác. Phần lớn tàu thuyền, bao gồm tất cả tàu thuyền cần sửa chữa, được để lại tại cửa sông, còn Alexander mang theo những con thuyền nhanh nhất, đi dọc bờ biển từ Eulaeus tới các cửa sông Tigris. Phần còn lại của hạm đội trở về Eulaeus, đi tới kênh đào nối nó với dòng Tigris và băng qua đó.

Dòng Tigris và dòng Euphrates, như mọi người biết, bao quanh một phần Syria nên cư dân sống ở đó gọi khu vực này là Lưỡng Hà. Sông Tigris chảy qua nhiều phần đất thấp hơn dòng Euphrates; nó nhận nguồn nước từ các kênh đào của Euphrates và từ nhiều nhánh sông khác, và điều này làm tăng dung lượng nước của dòng Tigris cho tới khi nó tới vịnh Ba Tư. Tigris là một dòng sông lớn, không có điểm nào có thể lội qua được. Dòng sông này thực sự không thể sử dụng để tưới tiêu cho khu vực xung quanh đó; vì các mương và kênh đào ở đó, kết nối nó với các dòng sông khác, đều đổ vào con sông này bởi vùng đất hai bên bờ sông cao hơn mực nước chảy. Dòng Euphrates, trái lại, chảy qua vùng đất cao hơn và có nguồn nước rất dồi dào; tại nhiều điểm nước sông chảy qua các mương, một vài trong số đó trở thành nguồn nước thường xuyên và liên tục cho cư dân bản địa ở hai bên bờ; các mương

khác cũng được đào để cung cấp nước cho vùng đất trong suốt một thời gian ngắn[21]. Vùng đất này có ít mưa nên việc xây dựng các loại kênh mương là cần thiết. Vì những lý do này, dòng Euphrates khi tới gần cửa sông của nó ít nhiều đã trở thành một đầm lầy cạn nước.

Alexander đã giong buồm dọc bờ biển giữa sông Eulaeus và sông Tigris; sau đó ngược dòng Tigris tới nơi mà Hephaestion và toàn bộ lực lượng đang hạ trại. Từ đây, Alexander tiếp tục ngược dòng tới Opis, một thị trấn nằm bên bờ sông. Trong suốt hành trình đi ngược dòng sông, ngài đã cho phá các đập nước, bởi vậy phục hồi được dòng chảy liên tục của dòng sông[22]. Các đập nước này là do người Ba Tư xây dựng để ngăn chặn lực lượng hải quân hùng mạnh ngược sông xâm lược đất nước của họ – một phần nổi bật trong kỹ thuật xây dựng công trình đối với một dân tộc không sống gần biển. Sự tồn tại của các đập nước nằm cách nhau một quãng nhất định đã khiến việc ngược sông trở nên rất khó khăn. Alexander đã tuyên bố rằng không một quyền lực nào có ưu thế về mặt quân sự lại bận tâm tới những sắp đặt như thế này; trong trường hợp của ngài, việc bảo vệ như vậy là vô dụng và không thích hợp; quả thực, ngài đã phá bỏ một cách dễ dàng những đập nước mà người Ba Tư đã phải nhọc công hoàn thành, và điều đó đủ để minh chứng cho việc lập ra một "hàng rào bảo vệ" như vậy là không đáng.

Tại Opis, ngài triệu tập một cuộc họp của những binh lính Macedonia và thông báo sẽ thải hồi tất cả những người không còn phù hợp với việc phục vụ trong quân ngũ, vì tuổi tác hay do không đủ khả năng; ngài dự tính sẽ gửi trả những người này về quê nhà và hứa sẽ khiến bạn bè và người thân ghen tị với sự trở về của họ, đồng thời thôi thúc những người đồng hương của họ hăng hái tham gia những cuộc viễn chinh nguy hiểm như vậy trong tương lai. Chắc chắn rằng ngài có ý định làm họ hài lòng bằng những lời vừa nói.

Tuy nhiên, không may là những binh lính được trả về quê hương lại nghĩ rằng họ không còn giá trị gì cả và thực sự là một đám vô dụng. Bởi vậy, họ hiển nhiên cảm thấy oán hận những lời nói của Alexander, cho rằng đó chỉ là một trong vô số các ví dụ suốt cuộc viễn chinh cho thấy ngài có ý làm tổn thương họ, chẳng hạn việc ngài chấp nhận trang phục của người Ba Tư, trang bị kiểu Macedonia cho các "Epigoni" phương Đông, và cho đám binh lính nước ngoài gia nhập vào các đội Chiến hữu. Kết quả là, binh lính đã không hề đáp lại ngài bằng một sự im lặng kính cẩn, mà trái lại, không thể kiềm chế được hơn nữa, họ kêu gọi thải hồi toàn quân, hơn nữa còn thêm một chút giễu cợt khi nói rằng trong cuộc chinh phạt tới của Alexander, ngài chỉ cần mang theo cha ngài là đủ – ở đây, có thể đoán rằng họ muốn ám chỉ thần Ammon.

Alexander vô cùng giận dữ. Ngay lúc đó, ngài đã nhanh chóng thủ thế tấn công, và chính sự quỵ lụy kiểu phương Đông mà ngài quen thuộc đã thay đổi phần lớn cách cư xử chân thật của ngài đối với các binh lính đồng hương so với trước kia. Ngài rời khỏi bục đứng cùng với các sĩ quan,và chỉ tay về phía những kẻ đầu sỏ của cuộc binh biến, ra lệnh cho vệ quân bắt giữ họ. Số đó có khoảng 13 người tất cả, và họ đều bị xử tử[23]. Một sự im lặng đáng sợ diễn ra sau đó, Alexander một lần nữa bước về phía bục đứng, ngài nói với binh lính:

"Các anh em đồng hương của ta, các ngươi đã quá thương nhớ quê nhà. Ta chẳng cần

nỗ lực để kiểm tra điều đó. Hãy đi tới đâu tùy thích; ta sẽ không cản trở các ngươi. Nhưng nếu các ngươi rời đi, có một điều ta muốn các ngươi hiểu – mọi điều ta làm, ta đều làm vì các ngươi và thử hỏi xem các ngươi đã đền đáp ta như thế nào.

Trước hết, ta sẽ nói về thân phụ Philip của ta, đó là nghĩa vụ mà ta phải làm. Philip đã tìm thấy các ngươi trong một bộ tộc toàn những kẻ lang thang nghèo khó, phần lớn các ngươi không có quần áo mặc, lo chăn thả một vài con cừu trên các quả đồi, và chiến đấu một cách yếu ớt để giữ đám súc vật đó khỏi rơi vào tay các tộc người lân cận – người Thrace, Triballi và Illyria. Cha ta đã cho các ngươi những tấm áo choàng để mặc, người mang các ngươi từ đồi núi xuống đồng bằng; người dạy các ngươi chiến đấu với kẻ thù ở biên giới khu vực của các ngươi, cho tới khi các ngươi hiểu rằng sự an toàn của bản thân không nằm ở các cứ điểm vững chắc mà ở lòng dũng cảm. Cha ta, vua Philip, đã biến các ngươi thành những người văn minh; người trao cho các ngươi luật pháp; người khai sáng cho các ngươi. Cha ta đã cứu vớt các ngươi khỏi cảnh phụ thuộc và nô dịch, biến các ngươi thành chủ nhân của các bộ tộc hoang dã, những kẻ xưa kia đã từng cướp bóc và tàn sát các ngươi. Cha ta đã thêm vào lãnh thổ của các ngươi phần lớn vùng Thrace, và bằng cách chiếm lấy những địa điểm tốt nhất trên bờ biển, người đã mở rộng việc giao thương cho các ngươi, khuyến khích các ngươi làm việc tại các khu mỏ mà không sợ bị tấn công[(24)]*. Cha ta đã khiến Thessaly, miền đất láng giềng trong nhiều năm là mối lo lắng và nỗi kinh sợ của Macedonia, quy phục dưới quyền cai trị của các ngươi, và bằng cách hạ người Phocia, thân phụ ta đã biến con đường hẹp và khó khăn tới Hy Lạp thành một con đường rộng mở và dễ dàng*[(25)]*. Những người Athens và Thebes, những người đã nhiều năm chờ đợi thời điểm hạ gục chúng ta và trong thời gian ta đang phụng sự bên cạnh thân phụ*[(26)]*, họ đã từng đòi hỏi người Macedonia phải cống nạp tiền bạc hoặc phải tuân phục*[(27)]*, giờ đây, tới lượt họ phải trông đợi vào sự bảo vệ của chúng ta. Về phần người Peloponnese, người đã sắp xếp mọi thứ ổn thỏa, và khi người trở thành chỉ huy tối cao của toàn bộ phần còn lại của Hy Lạp trong cuộc chiến chống lại Ba Tư, người đã khẳng định niềm vinh quang đó không chỉ dành cho riêng người, mà cho toàn bộ dân tộc Macedonia*[(28)]*.*

Sự phụng sự mà các ngươi dành cho cha ta quả thực vô cùng to lớn; tuy vậy điều đó vẫn còn nhỏ bé nếu so sánh với những gì các ngươi đã dành cho ta. Ta được thừa kế từ thân phụ ta một ít cốc vàng, cốc bạc, một số tiền trong kho tàng không quá 60 ta-lăng và một món nợ gấp tám lần số đó[(29)]*; ngoài gánh nặng này ra, ta còn vay mượn thêm khoảng 800 ta-lăng và hành quân rời khỏi một đất nước nghèo khó đến độ không thể duy trì được vẻ ngoài tươm tất. Ta đã dẫn các ngươi đi chinh chiến, bất chấp thế mạnh vượt trội của hải quân Ba Tư và các cổng thành Hellespont. Kỵ binh của ta đã tiêu diệt các xatrap của Darius, và ta đã sáp nhập toàn bộ Ionia, Aeolia, Phrygia và Lydia vào đế chế của chúng ta. Miletus, ta hạ bằng cách vây thành; tất cả những thị trấn khác đều tự nguyện quy phục, ta chấp nhận và trao chúng cho các ngươi, vì lợi ích và niềm vui thích của các ngươi. Của cải ở Ai Cập và Cyrene, thứ mà ta không mất một giọt máu nào để giành được, giờ đây đều được đặt vào tay các*

ngươi; Palestine, những vùng đồng bằng của Syria và vùng đất giữa các dòng sông đều là tài sản của các ngươi; Babylon, Bactria, rồi Susa cũng vậy; những người Macedonia, các ngươi là chủ nhân của những thỏi vàng ở Lydia, các kho báu của Ba Tư, của cải của Ấn Độ – và của cả vùng biển ngoài Ấn Độ nữa. Các ngươi là các thủ lĩnh, các vị tướng, các thống đốc của ta.

Tất cả những gì ta đã khổ công giành lấy cho các ngươi, thử hỏi ta có giữ lại gì cho mình ngoại trừ tấm áo choàng và vương miện này? Ta chẳng giữ riêng gì cho ta cả; không ai có thể chỉ ra kho báu nào của ta nằm ngoài tất cả những thứ các ngươi đồng sở hữu hoặc đang được bảo vệ để các ngươi sử dụng trong tương lai. Quả thực, có lý do gì để giữ lại chúng khi ta ăn cùng một bữa, ngủ cùng một giấc với các ngươi, những đồng hương Macedonia của ta? Mà hẳn, ta đoán rằng, trong số các ngươi, có những kẻ đã từng nếm những món ăn xa hoa hơn ta; và ta cũng dậy sớm hơn các ngươi, canh chừng cho giấc ngủ của các ngươi[30].

Có lẽ các ngươi có thể nói rằng, ta – với vai trò là thống lĩnh của các ngươi – đã chẳng phải mệt mỏi và đau khổ, điều mà các ngươi đã phải chịu đựng để giành cho ta mọi điều ta đang có. Nhưng liệu có bất cứ ai trong số các ngươi thực sự cảm thấy rằng y đã phải chịu nhiều gian khổ vì ta hơn là ta đã chịu vất vả vì y? Hãy bước lên – nếu các ngươi đã từng bị thương, hãy cho ta xem vết thương của các ngươi, và ta cũng sẽ cho các ngươi thấy vết thương của ta. Không có phần thân thể nào của ta ngoại trừ lưng lại không mang sẹo; dấu vết thương tích của các loại vũ khí ta đều mang trên người. Ta có vết sẹo do kiếm đâm từ cuộc giáp chiến; những mũi tên đâm xuyên qua ta, vũ khí từ các máy lăng đá làm ta bị thương khắp mình mẩy; hết lần này tới lần khác, ta bị tấn công bởi đá ném hoặc gậy gộc – và tất cả đều là vì lợi ích của các ngươi, vinh quang của các ngươi, tiền bạc của các ngươi[31]. *Khắp các vùng đất và biển cả, vượt sông, vượt núi, băng qua các đồng bằng, ta đã dẫn các ngươi tới tận cùng thế giới, ta đã biến các ngươi thành một đội quân bách chiến bách thắng. Ta kết hôn khi các ngươi kết hôn, và nhiều người trong số các ngươi sẽ có những đứa con có họ hàng với ta. Dù một vài người trong số các ngươi có tiền tích lũy riêng, ta vẫn trả nợ hộ các ngươi mà không hề bận tâm tới việc điều tra xem các ngươi nợ nần như thế nào, và bất chấp sự thật rằng các ngươi ngày một giàu có lên từ việc cướp phá các thành phố. Ta đã trao tặng nhẫn vàng cho hầu hết các ngươi, như một kỷ vật cho lòng dũng cảm của các ngươi và cho sự tôn trọng của ta*[32]. *Còn cả những người đã hy sinh trong chiến tranh? Sự hy sinh của họ là đáng khâm phục, tang lễ của họ được tổ chức một cách trọng thể; hầu hết họ đều đã được đúc tượng đồng ở quê nhà; cha mẹ của họ được kính trọng và tất cả nợ nần hoặc nghĩa vụ đều được miễn trừ*[33], *vì dưới sự lãnh đạo của ta, không một ai trong số các ngươi ngã xuống khi chạy trốn kẻ thù.*

Vào lúc này, mong muốn của ta là cho thải hồi bất cứ binh lính nào không còn phù hợp với việc phục vụ trong quân ngũ – tất cả đều sẽ trở về quê hương trong sự ngưỡng mộ và ghen tị. Nhưng tất cả các ngươi đều muốn rời bỏ ta. Được thôi! Vậy

hãy đi đi! Khi các ngươi về đến quê nhà, hãy nói với mọi người rằng Alexander, hoàng đế của các ngươi, người đã đánh bại người Ba Tư, người Media, Bactria và Sacae: đã tiêu diệt Uxii, Arachotia, Drangae và thêm vào đế chế của mình những xứ Parthia, Choramia, và Hyrcania rồi kéo dài lãnh thổ tới tận biển Caspian; đã vượt qua Caucasus ngoài cổng thành Caspian, băng qua Oxus, Tanais và sông Ấn, nơi mà trước đó không ai ngoài thần Dionysus có thể vượt qua, rồi chinh phục cả dòng Hydaspes, Acesines, Hydraotes – và cả Hyphasis nữa; đã vượt qua cửa sông Ấn, xông ra biển Lớn, và đi qua sa mạc Gedrosia – nơi chưa một lực lượng nào đặt chân tới; đã biến Carmania và lãnh thổ của người Oreitae trở thành tài sản của mình; đã quay trở lại Susa vì các ngươi, khi tàu thuyền của ta đã giong buồm từ Ấn Độ tới Ba Tư – hãy nói với họ, rằng các ngươi đã bỏ lại ta và để mặc ta cho lòng xót thương của những người dã man, những người mà các ngươi đã chinh phục. Những điều này sẽ đảm bảo cho các ngươi được ngợi ca trên trần thế và khen ngợi trên thiên đường. Giờ thì đi cho khuất mắt ta!"

Ngừng lời, Alexander rời khỏi bệ đứng và vội vã trở về cung điện. Cả ngày hôm đó, ngài không ăn uống gì, cũng không cho phép bất cứ một chiến hữu nào vào thăm. Ngày hôm sau cũng vậy. Sang ngày thứ ba, ngài triệu tập các sĩ quan Ba Tư, những người mà ngài yêu mến nhất và cử họ làm thủ lĩnh của một số đội quân. Đây cũng là những người duy nhất ngài coi như họ hàng thân thiết khi cho phép họ gửi tới ngài một nụ hôn theo phong tục[34].

Về phần những người Macedonia, ảnh hưởng trực tiếp từ bài phát biểu của Alexander quả là sâu sắc. Họ đứng trong im lặng trước bệ đứng mà Alexander đã rời đi. Không ai đuổi theo vị hoàng đế ngoại trừ những người bạn thân thiết nhất của ngài và các thành viên của đội vệ binh riêng; số còn lại dù không thể nói hay làm gì nhưng cũng không chịu rời đi. Họ đứng chôn chân ở đó. Nhưng khi họ nghe tin về những người Ba Tư và Media – rằng những sĩ quan Ba Tư đã được trao quyền chỉ huy, những binh lính nước ngoài được sắp xếp vào trong các đội quân Macedonia, quân đoàn Vệ binh Ba Tư được gọi bằng cái tên của Macedonia, những đội bộ binh Ba Tư được trao cho danh hiệu đáng khao khát trong đội Chiến hữu là Những tấm khiên bạc Ba Tư *[Persian Silver Shields]*[35], và kỵ binh Chiến hữu Ba Tư, bao gồm cả một Tiểu đội Hoàng gia mới đang trong quá trình được thành lập – thì họ không thể kiềm chế được hơn nữa. Tất cả quân Macedonia đều vội vã chạy tới cung điện; để thỉnh cầu, họ ném vũ khí của mình xuống đất trước các cánh cửa của cung điện và đứng ở đó nài xin được tiếp kiến Alexander. Họ xin giao lại những kẻ đầu sỏ của cuộc binh biến và cả những người gào thét chống lại nhà vua. Đám binh lính còn thề rằng họ sẽ không rời đi bất kể là ngày hay đêm cho tới khi Alexander chấp nhận thỉnh cầu của họ.

Vào khoảnh khắc biết được binh lính Macedonia đã hồi tâm chuyển ý, Alexander đã vội vàng ra gặp họ, ngài cảm động đến rơi nước mắt trước sự ăn năn và những lời than vãn cay đắng của họ. Trong khi quân Macedonia tiếp tục nài xin lòng thương hại của Alexander, ngài đã toan cất lời, nhưng bị ngăn lại bởi Callines, một sĩ quan của đội Chiến hữu, một người nổi bật cả về tuổi tác lẫn địa vị. Callines kêu lên, "Thưa bệ hạ, không có điều gì khiến

chúng thần cảm thấy tổn thương hơn việc ngài coi người Ba Tư là thân thích của ngài – việc họ được gọi là 'người thân của Alexander Đại đế' và việc ngài dành cho họ những cử chỉ thân thiết mà không một người Macedonia nào được hưởng."

Alexander đáp lời: "Tất cả các ngươi, ta đều coi như thân thích của mình, và từ nay, ta sẽ gọi các ngươi như vậy."

Xúc động trước lời đáp của vị hoàng đế, Callines bước tới chỗ ngài và hôn ngài. Tất cả những người khác đều ao ước được làm như vậy. Sau đó, họ cầm lại vũ khí, trở về chỗ đóng quân và hát vang những bài ca chiến thắng.

Để đánh dấu sự kiện đáng mừng này, Alexander đã tổ chức lễ hiến tế lên các vị thần và một dạ yến linh đình, trong đó đích thân ngài ngồi giữa những người Macedonia có mặt ngày hôm đó[36]. Kế bên họ là những người Ba Tư, và cạnh những người Ba Tư là những người nước ngoài xuất sắc khác; Alexander và các chiến hữu đã múc rượu từ cùng một cái bát và cùng tưới rượu cúng theo chỉ dẫn của những nhà tiên tri Hy Lạp và thầy pháp. Hầu hết những lời cầu nguyện của Alexander ngày hôm đó là mong muốn rằng người Ba Tư và người Macedonia có thể cùng cai trị một đế quốc rộng lớn. Tương truyền có tới 9.000 người tham dự dạ yến; họ đã cùng nâng cốc chúc mừng, và sau đó là cùng hát những bài ca chiến thắng[37].

Sau đó, tất cả những người Macedonia – theo lời kể lại là có khoảng 10.000 người – những người đã quá già để phục vụ quân ngũ hoặc không còn phù hợp với việc chinh chiến, đã tấu trình nguyện vọng của họ[38]. Họ không chỉ muốn quân đội trả tiền cho họ tới ngày kết thúc việc phục vụ trong quân ngũ, mà còn trả tiền cho cả quãng thời gian họ đang trên đường về nhà. Ngoài số tiền đó ra, mỗi người trong số họ còn được nhận tiền thưởng là một ta-lăng. Một vài người có con với các phụ nữ châu Á được Alexander chỉ thị rằng nên để lại vợ con ngoại quốc ở đây để tránh gây rắc rối cho gia đình họ tại quê hương, mà nguyên nhân rất có thể đến từ những đứa trẻ lai này. Ngài cũng hứa sẽ chăm sóc chúng theo cách của người Macedonia, quan tâm đặc biệt tới việc rèn luyện chúng theo kỷ luật quân đội và còn nói thêm rằng, khi nào chúng trưởng thành, đích thân ngài sẽ mang chúng trở lại Macedonia và trao lại cho các bậc phụ huynh. Đó là một lời hứa mập mờ và không làm vừa lòng binh lính; tuy nhiên, Alexander đã cho những binh lính Macedonia thấy rằng ngài yêu mến họ đến nhường nào, ngài sẽ nhớ họ ra sao khi họ rời khỏi quân ngũ, và ngài quyết định đặt họ dưới sự chỉ huy và bảo vệ của Craterus, một trong những sĩ quan trung thành nhất và cũng là một trong những người ngài yêu mến nhất[39]. Khi Alexander nói lời tạm biệt với họ, ngài và những binh lính đồng hương đều rơi lệ.

Alexander hạ lệnh cho Craterus đưa các binh lính Macedonia không còn khả năng phục vụ trong quân ngũ trở về quê hương, và khi về tới nơi, ông sẽ chịu trách nhiệm cai quản Macedonia, Thrace, Thessaly và củng cố tự do của Hy Lạp[40]. Antipater cũng nhận được lệnh mang những binh lính mới thay thế cho những người đã được gửi về quê nhà. Polysperchon được cử đi cùng với Craterus với vai trò như một phó chỉ huy – sức khỏe của Craterus không được tốt, và do đó, Alexander muốn chắc chắn rằng nếu có bất cứ điều gì

xảy ra với ông trong suốt chuyến đi thì binh lính vẫn có người chỉ huy[41].

Luôn luôn có những người ngay thẳng và cả những kẻ hiểm độc sẵn sàng bàn tán sau lưng về các bí mật trong hoàng cung – và bí mật mà họ ưa thích hơn cả cũng như tung ra những lời giải thích tồi tệ hơn cả là chuyện giữa Alexander và Antipater[42]. Tin đồn là Alexander đã bắt đầu chịu ảnh hưởng bởi những lời vu khống của mẹ ngài về Antipater, và vì lý do đó, ngài muốn tống Antipater khỏi đất nước. Tuy nhiên, việc bãi miễn không có nghĩa là Alexander không còn tín nhiệm Antipater, mà chỉ là cách để ngăn chặn mối bất hòa giữa sĩ quan này và thân mẫu Olympias, điều mà Alexander không thể nào hàn gắn nổi. Cả hai người đều thường xuyên viết thư tay cho ngài; những lá thư của Antipater tràn đầy những lời tố cáo về tính ương bướng, thói nóng nảy và thích nhúng mũi vào mọi chuyện của Olympias (điều không hề phù hợp khi là mẹ của Alexander Đại đế) – quả thực, cách cư xử của Olympias gây phiền nhiễu tới mức người ta cho rằng Alexander phải trả một cái giá quá cao chỉ vì chín tháng mười ngày ngài nằm trong bụng mẫu thân. Olympias, về phần bà, tiếp tục phàn nàn rằng vị trí của Antipater và sự tôn trọng mà ông được hưởng đã khiến ông trở nên quá kiêu ngạo; bà viết, “Antipater không còn nhớ rằng ai đã đưa ông ta lên vị trí đó và thậm chí còn đòi hỏi sự ưu tiên so với các đồng hương và những người Hy Lạp khác.” Không thể phủ nhận rằng những câu chuyện nhằm bôi nhọ thanh danh của Antipater dường như ngày một ảnh hưởng tới Alexander, vì hiển nhiên là chuyện như vậy dễ làm người ta trở nên cảnh giác. Dù chúng ta cũng không biết rằng Alexander đã làm gì hoặc nói gì, nhưng điều này có thể coi là cơ sở cho việc Alexander không còn coi trọng Antipater như trước nữa*[43]... Eumenes đã chuẩn bị cho cuộc giảng hòa, và cuộc tranh cãi này đã khiến Hephaestion, dù không mong muốn, đã gây ra một mối bất hòa khác[44].

Trong cuộc hành trình[45], người ta kể rằng Alexander đã nhìn thấy một đồng bằng được gọi là đồng bằng Nesaea, nơi những con ngựa cái hoàng gia được chăn thả. Herodotus kể rằng những con ngựa cái này cũng được gọi là Nesaean. Trước đây, trên đồng bằng này có khoảng 150.000 con ngựa như vậy, nhưng khi Alexander tới nơi này, số ngựa chỉ còn lại không quá 50.000 con, phần lớn trong số chúng đã bị đánh cắp[46].

Có câu chuyện kể rằng khi Alexander lưu lại ở đồng bằng Nesaea, Atropates, thống đốc của Media, đã gửi tới một trăm phụ nữ mà ông ta khẳng định là người Amazon. Họ được trang bị giống như các kỵ binh, nhưng họ mang theo rìu thay vì mang giáo, mang tấm khiên nhẹ thay vì tấm khiên thông thường của kỵ binh. Theo một vài sử gia, bầu ngực bên phải của họ nhỏ hơn bên trái, và được để trần khi chiến đấu. Alexander đã gửi trả lại các nữ chiến binh này để tránh rắc rối; bởi họ có thể phải chịu cách đối xử bất lịch sự từ các binh lính khác của ngài, những chiến binh Macedonia hoặc nước ngoài. Tuy nhiên, ngài nói họ báo cho nữ hoàng của họ rằng ngài sẽ tới thăm nàng một ngày nào đó và có con với nàng[47]. Câu chuyện này không được ghi chép lại trong trước tác của Aristobulus hoặc Ptolemy hay trong bất kỳ tác phẩm nào của các tác gia đáng tin cậy khác. Từ góc độ cá nhân, tôi không tin rằng nữ tộc Amazon còn tồn tại ở thời đó – ngay cả sử gia Xenophon, tác gia trước thời của Alexander, cũng chưa bao giờ nhắc tới họ, dù ông đã nhắc tới người Phasia, người Colchis và những tộc người dã man khác mà người Hy Lạp đã chạm trán ở bờ

bên kia của Trapezus, nơi có thể đã tìm thấy một vài người Amazon[48]. Tuy nhiên, tôi không tin rằng nữ tộc này, những người vốn được các tác giả danh tiếng ca ngợi, chưa từng tồn tại[49]: chẳng hạn, có một truyền thuyết kể rằng Heracles đã được cử tới bộ tộc này và trở về Hy Lạp với chiếc đai lưng của Nữ hoàng Hippolyte; còn Theseus và những người Athens là những người đầu tiên đánh bại nữ tộc này trên chiến trường và ngăn họ không xâm lược châu Âu[50]. Cũng có một bức tranh của Cimon về trận chiến giữa người Amazon và người Athens, cũng như trận chiến giữa người Athens và người Ba Tư[51]. Hơn nữa, Herodotus cũng thường xuyên nhắc tới những phụ nữ này[52], và tất cả người Athens đều ngợi ca những chiến binh đã ngã xuống trong cuộc chiến với nữ tộc Amazon[53]. Nếu Atropates thực sự đã đưa những nữ chiến binh này tới chỗ Alexander, tôi nghĩ rằng họ hẳn là những phụ nữ đã được dạy cách cưỡi ngựa và trang bị vũ khí theo truyền thống của nữ tộc Amazon.

Ở Ecbatana, Alexander đã làm lễ hiến tế theo thông lệ để kỷ niệm một dịp đáng mừng. Ngài cũng tổ chức lễ hội với những cuộc thi tài về văn học và thể thao, say sưa cùng với các chiến hữu thân thiết. Trong khoảng thời gian này, Hephaestion lâm bệnh. Tình trạng này kéo dài nhiều ngày. Tới ngày thứ bảy, khi đám đông đang tụ tập ở quảng trường để xem cuộc thi đấu điền kinh thì Alexander nhận được tin Hephaestion khó lòng qua khỏi. Ngài vội vã chạy tới giường bệnh, nhưng người bạn thân thiết của ngài đã qua đời trước khi gặp được ngài[54].

Có rất nhiều dị bản ghi chép về nỗi tiếc thương vô hạn của Alexander dành cho Hephaestion. Tất cả các sử gia đều thừa nhận rằng đó là một nỗi đau lớn, nhưng định kiến đối với Hephaestion hoặc với chính Alexander đã khiến người ta thêu dệt rất nhiều điều xung quanh câu chuyện này. Nhiều người thuật lại những điều vượt quá nghi lễ thông thường. Những sử gia có cái nhìn thân thiện với ngài hơn thì rõ ràng mong chúng ta tin rằng bất cứ điều gì Alexander nói hoặc làm trước sự ra đi của Hephaestion, người mà ngài yêu mến hơn tất cả mọi thứ trên đời, chỉ làm tăng danh tiếng của ngài mà thôi. Trái lại, những người chỉ trích ngài thì cho rằng những hành động thái quá như vậy là đáng xấu hổ và không hề phù hợp không chỉ với một thống lĩnh vĩ đại như Alexander mà còn với bất cứ vị vua nào. Chẳng hạn, chúng ta được kể lại rằng Alexander đã nằm cạnh xác của người bạn thân gần một ngày trời trong nước mắt; ngài không chịu rời khỏi thi thể Hephaestion cho tới khi bị đội Chiến hữu dùng vũ lực kéo đi; hay ngài đã ôm cái xác cả ngày lẫn đêm. Một vài người còn nói rằng Alexander đã ra lệnh treo cổ một thầy thuốc tên là Glaucias vì trình độ y học kém cỏi của ông ta và cả những người khác nữa vì đã thấy Hephaestion uống quá nhiều rượu mà không cố gắng ngăn ông lại[55]. Tuy nhiên, tôi không nghĩ rằng Alexander đã cắt ngắn mái tóc của mình để tỏ lòng thương tiếc Hephaestion, vì nếu ngài có làm như vậy thật thì hẳn đó là để ganh đua với Achilles, người mà ngài luôn coi là đối thủ kể từ khi còn là một đứa trẻ[56]. Sau đó, cũng có chuyện kể rằng – một câu chuyện mà đối với tôi khá là dị thường – Alexander đã đích thân điều khiển cỗ xe ngựa đặt thi hài của Hephaestion đi một quãng đường ngắn; và rằng, ngài đã hạ lệnh san bằng lăng mộ của Asclepius ở Ecbatana – một điều có thể xảy ra với một bạo chúa phương Đông nhưng không phù hợp

lắm với tính cách của Alexander. Quả thực điều này gợi nhắc tới câu chuyện phi lý về việc Xerxes, người coi thường những gì con người cho là bất khả xâm phạm, đã "trừng phạt" Hellespont bằng cách "giả vờ" phạt roi eo biển này[57]. Một câu chuyện khác, mà tôi cho rằng cũng không hoàn toàn là một câu chuyện bịa đặt, thuật lại rằng trên đường tới Babylon, Alexander đã gặp các sứ thần từ Hy Lạp, trong số đó có một vài đại diện của Epidaurus[58]. Alexander đã chấp thuận những thỉnh cầu của người Epidaurus, và trao tặng một vài món đồ để họ mang về quê hương. Ngài còn trao tặng lễ vật để họ dâng lên Asclepius ở lăng mộ của ông. Alexander nói, "Tuy vậy, Asclepius đã đối xử không công bằng với ta; bởi vì ngài đã không cứu người bạn thân mà ta coi như cả cuộc đời mình."

Nhiều nguồn cứ liệu đáng tin cho biết Alexander đã thực hiện lễ tế để hỏi xem có thể coi Hephaestion như một vị bán thần được không, và một vài sử gia còn khẳng định rằng Alexander cũng đã hỏi thần Ammon xem liệu thần có chấp nhận ngài [Alexander] như một vị thần không; nhưng Ammon đã khước từ[59].

Tuy nhiên, tất cả các trước tác đều thuật lại một chi tiết rằng, suốt hai ngày sau cái chết của Hephaestion, Alexander đã không ăn uống và không chú ý gì tới bản thân mình. Ngài chỉ nằm trên giường, lúc thì than khóc thảm thiết, lúc thì im lặng trong đau đớn. Alexander đã chuẩn bị một giàn thiêu ở Babylon có giá trị tới 10.000 ta-lăng – hoặc hơn thế, nếu chúng ta có thể tin tưởng vào một vài ghi chép[60] – và yêu cầu toàn bộ phương Đông để tang Hephaestion trong một thời gian[61]. Nhiều người trong đội Chiến hữu vì rất tôn trọng Alexander đã quyết định dốc sức chu toàn hậu sự cho Hephaestion, một hành động được khơi mào từ Eumenes, người đã tranh cãi với Hephaestion như tôi vừa nhắc tới trước đó[62]. Mục đích của Eumenes chắc chắn là để Alexander không nghĩ rằng ông vui mừng trước sự ra đi của một chiến hữu. Alexander không hề chỉ định một ai khác làm chỉ huy cho kỵ binh Chiến hữu; ngài mong muốn tên tuổi của Hephaestion sẽ luôn gắn liền với đội quân này, nên sau đó ngài đổi tên kỵ binh Chiến hữu thành Đạo quân Hephaestion, và hình ảnh của Hephaestion tiếp tục song hành với nó. Alexander tổ chức một lễ hội để vinh danh người bạn thân thiết của mình, với các cuộc thi tài về văn học và thể thao; lễ hội này huy hoàng hơn tất cả các lễ hội từng được tổ chức trước đó, vượt xa cả về số lượng người tham gia thi đấu cũng như chi phí cho nó. Có khoảng 3.000 người tham gia – và sau đó, một số lượng người tương tự cũng tham gia lễ hội tại đám tang của Alexander.

Nỗi đau đớn của Alexander kéo dài dai dẳng; nhưng cuối cùng, ngài cũng vượt qua nó và sự an ủi của bạn bè cũng dần có tác dụng. Một khi đã trở lại, ngài ngay lập tức tiến hành một cuộc viễn chinh chống lại người Cossaea. Những người này là tộc người lân cận với người Uxia. Họ là một dân tộc hiếu chiến, sống ở những cứ điểm vững chắc trên các ngọn đồi; khi biết quân địch đang trên đường tấn công, người Cossaea thường rời bỏ các cứ điểm của họ, hoặc ở cùng nhau hoặc chia thành các nhóm nhỏ nếu hoàn cảnh bắt buộc, rồi bỏ trốn. Bởi vậy, rất khó có thể bắt được họ. Sau đó, khi quân địch rời đi, họ sẽ quay trở lại sống cuộc đời cướp bóc như bình thường. Tuy nhiên, Alexander đã hạ được họ. Khi ngài thực hiện cuộc tấn công, lúc đó đã là mùa đông nhưng Alexander không hề dừng lại, dù là vì thời tiết xấu hay địa hình xấu – câu chuyện tương tự cũng đã được Ptolemy, con trai của Lagus,

người chỉ huy một phần lực lượng của cuộc viễn chinh này thuật lại. Quả thực, một khi Alexander đã lên kế hoạch chinh chiến, sẽ không có điều gì ngăn cản được ngài[63].

Trên đường quay trở lại Babylon, ngài gặp các sứ thần tới từ Libya, những người với những lời ca tụng đã trao tặng ngài một vương miện nhằm thừa nhận vương quyền của Alexander đối với toàn châu Á; những sứ thần Bruttia, Lucania, và Etrusca từ Ý cũng đến tiếp kiến ngài với cùng một nhiệm vụ. Người ta kể rằng Carthage cũng đã gửi phái đoàn, và các phái đoàn của người Ethiopia hay người Scythia châu Âu cũng tới vào dịp đó – chưa kể tới người Celtic và người Iberia – tất cả đều tới với nguyện vọng thiết lập mối giao hảo với Alexander[64]. Đó là lần đầu tiên những người Hy Lạp và người Macedonia nghe tới tên của các tộc người này hoặc lần đầu tiên nhìn thấy trang phục và trang bị vũ khí lạ lùng của họ. Họ thậm chí còn thỉnh cầu Alexander phân xử các cuộc tranh cãi nội bộ, khiến Alexander và các chiến hữu của ngài cảm thấy ngài quả thực đã trở thành chúa tể của thế giới. Hai sử gia viết về sự nghiệp của Alexander, Aristus và Asclepiades[65], thuật lại rằng người La Mã cũng đã gửi sứ thần tới tiếp kiến ngài, và khi Alexander quan sát thấy sự tự do đáng tự hào mà họ đang mang, sự tận tụy hiển nhiên đối với nhiệm vụ và biết được bản chất của các nguyên tắc chính trị của họ, ngài đã tiên đoán được sự vĩ đại trong tương lai của La Mã. Tôi ghi lại câu chuyện này, cho dù nó có thể không chính xác. Sự thật là không có một người La Mã nào nhắc tới đoàn sứ thần này, nói gì đến hai sử gia viết về Alexander Đại đế mà theo tôi là hai nguồn cứ liệu đáng tin cậy nhất của mình, Aristobulus và Ptolemy, con trai của Lagus. Hơn nữa, có phần khó tin đối với việc những người La Mã, những người mà giai đoạn đó đã hoàn toàn có các chính thể tự do, lại gửi một đoàn sứ thần tới tiếp kiến một vị Hoàng đế nước ngoài, đặc biệt là khi ngài ở cách xa họ đến như vậy, trong khi họ chẳng phải sợ hãi điều gì hoặc mong muốn có được gì từ Alexander Đại đế. Ngoài ra, những người Cộng hòa La Mã còn là những người cực lực chống đối các quân vương, những kẻ mà họ ghét cay ghét đắng.

Sau những sự kiện này, Alexander cử Heracleides, con trai Argaeus, cùng với một nhóm thợ đóng tàu tới Hyrcania tìm gỗ trên các ngọn đồi và đóng tàu theo kiểu Hy Lạp. Lý do cho mệnh lệnh này là Alexander mong muốn mở rộng hiểu biết địa lý của mình bằng cách khai phá biển Caspian (hay Hyrcanian); ngài muốn xác định xem liệu biển Caspian có nối với đại dương nào không – nó nối với biển Đen hay chỉ là một cái vịnh thuộc biển Ấn Độ mà thôi. Ngài đã chứng minh được rằng biển Ba Tư – hay biển Đỏ, như người ta đôi khi vẫn gọi như vậy – chỉ là một vịnh biển, và điều này có thể cũng đúng với trường hợp của biển Caspian[66]. Những giới hạn – hoặc những điểm khởi nguồn – của biển Caspian chưa bao giờ được khám phá, bất chấp việc có nhiều người cư trú ở bờ biển này và có nhiều dòng sông mà tàu bè có thể qua lại được đổ vào nó: chẳng hạn như, dòng Oxus, dòng sông lớn nhất khu vực châu Á ngoài Ấn Độ, bắt nguồn từ Bactria; dòng Jaxartes sau khi chảy qua Scythia; và dòng Araxes chảy qua Armenia đều đổ vào biển này[67]. Ngoài ba dòng sông lớn này, còn có nhiều nhánh sông khác đổ vào biển Caspian; một vài nhánh sông đã được quân đội của Alexander khám phá ra, những nhánh sông khác xa tới tận phương bắc, ở một đất nước hoàn toàn xa lạ của người Scythia du cư.

Trên đường hành quân tới Babylon, Alexander, sau khi vượt sông Tigris, đã gặp một vài Nhà thông thái Chaldaean[68], những người đã kéo ngài qua một bên và nài xin ngài đừng đi xa hơn, bởi vị thần của họ, thần Bel, đã tiên đoán rằng nếu ngài bước vào thành phố trong thời gian này, ngài chắc chắn sẽ phải bỏ mạng. Alexander đáp lại họ bằng cách trích lời của Euripides[69]:

"Các nhà tiên tri giỏi nhất là những người đưa ra những dự đoán chính xác nhất."[70]

"Thưa bệ hạ," những người Chaldaean nói, "xin ngài đừng dẫn đội quân của ngài đi về phía tây; mà hãy đi về phía đông." Tuy nhiên, điều này chẳng hề dễ dàng với Alexander, vì vùng đất phía đông không thuận tiện cho việc hành quân của toàn bộ lực lượng. Sự thật là định mệnh đã dẫn ngài tới nơi mà sau đó ngài đã bỏ mạng.

Có lẽ một kết thúc huy hoàng cho Alexander là danh tiếng của ngài vẫn còn nguyên vẹn và phần lớn thế giới sẽ tiếc thương cho sự ra đi của ngài trước khi ngài bị đánh gục bởi số phận bất hạnh là mất đi hầu hết những người thân thiết của mình, điều mà sớm muộn cũng sẽ xảy ra. Điều này chắc chắn cũng lý giải tại sao Solon khuyên Croesus "hướng đến cái kết" của một cuộc đời và không bao giờ nói ai đó hạnh phúc cho tới khi người đó qua đời[71]. Thậm chí, trong trường hợp của Alexander, cái chết của Hephaestion là một nỗi bất hạnh lớn, và tôi tin rằng ngài hẳn đã không muốn kéo dài cuộc sống để chịu đựng một nỗi đau đớn như vậy, cũng giống như Achilles, người chắc hẳn đã muốn chết trước Patroclus hơn là phải sống để báo thù cho cái chết của người bạn thân.

Thực sự Alexander có phần hoài nghi nỗ lực ngăn cản ngài hành quân tới Babylon vào dịp này của những người Chaldaean, không phải vì ngài không tin vào khả năng tiên tri của họ; trái lại, ngài cho rằng có điều gì đó bí ẩn trong chuyến đi này của họ. Ở Babylon có một đền thờ lớn của thần Bel, một công trình vĩ đại được xây dựng bằng gạch nung. Giống như những đền thờ khác trong thành phố, công trình đã bị Xerxes tàn phá trong lần ông ta trở lại từ Hy Lạp và Alexander đã có dự định khôi phục nó[72]. Theo một vài ghi chép, ngài mong muốn xây dựng lại một số công trình cổ, và vì lý do này, ngài đã hạ lệnh cho những người Babylon dọn dẹp sạch phần đất xây dựng. Còn một số ghi chép khác lại cho rằng Alexander thậm chí còn muốn xây dựng đền thờ mới lớn hơn cái cũ. Tuy nhiên, khi Alexander không có ở đó, những người thợ xây đã bỏ bê công việc. Bởi vậy, ngài tính sử dụng quân lính của mình để xây dựng đền thờ. Những vị hoàng đế của Assyria đã dâng một phần lớn đất đai và của cải lên thần Bel và đền thờ từ đó được duy trì là nơi làm lễ hiến tế dâng lên thần. Rất có thể những người Chaldaean được tùy ý sử dụng số tài sản này của thần linh. Vì những lý do đó, Alexander có thể nghĩ rằng họ sở dĩ không muốn ngài vào thành phố, xây dựng điện thờ một cách nhanh chóng vì điều đó có thể làm mất nguồn lợi của họ. Tuy nhiên, Aristobulus thuật lại rằng Alexander, tuy vẫn còn nhiều băn khoăn, đã chấp nhận thỉnh cầu của những người Chaldaean. Ngày đầu tiên, ngài đã cho quân đội dừng chân bên dòng Eupharates, và ngày tiếp theo, đội quân men theo bờ sông vốn luôn ở phía tay phải của ngài, cùng với ý định sẽ đi tới phần phía tây của thành phố và sau đó quay sang phía đông. Nhưng con đường này quá khó đi, nhất là khi để có thể đi sang phía tây, rồi rẽ

sang phía đông thành phố, đội quân phải đi qua một vùng đầm lầy. Hệ quả là Alexander đã làm trái ý muốn của thần linh – một phần do cố ý, một phần do ngài chẳng thể nào làm khác được.

Theo trước tác của Aristobulus, chúng ta tìm thấy câu chuyện sau đây về Apollodorus của Amphipolis. Apollodorus, một trong các Chiến hữu có mối quan hệ thân thiết với Alexander, là người chỉ huy một lực lượng đã được để lại cùng với Mazaeus, thống đốc Babylon[73]. Sau khi Alexander trở về từ Ấn Độ, Apollodorus đã không còn nóng lòng mong ngóng chiến hữu của mình nữa khi ông chứng kiến Alexander trừng phạt một cách tàn nhẫn rất nhiều thống đốc của các khu vực khác. Do đó, ông đã viết một lá thư cho anh trai là Peithagora, một nhà tiên tri đoán trước mọi chuyện nhờ vào bộ lòng của các con thú được hiến tế, hỏi xem có thể tiên đoán xem có nguy hiểm gì đe dọa ông hay không. Trong thư trả lời, Peithagoras hỏi xem ai là người Apollodorus thấy lo ngại, và Apollodorus nhanh chóng viết một lá thư khác cho anh trai, trong đó nêu đích danh nhà vua và Hephaestion. Sau đó, Peithagoras đã tiến hành một lễ hiến tế, trước hết là để tiên tri về Hephaestion; và bởi vì không tìm thấy thùy trong gan của con vật hiến tế, nên ông gửi mật thư cho Apollodorus ở Ecbatana, khẳng định rằng Hephaestion sẽ sớm qua đời và bởi vậy, chẳng có gì để lo lắng cả. Aristobulus kể rằng Apollodorus nhận được thông điệp này trước cái chết của Hephaestion. Sau đó, Peithagoras làm lễ hiến tế thứ hai, lần này là để tiên đoán về số mệnh của Alexander; một lần nữa, gan của con vật hiến tế không có thùy và Peithagoras viết một lá thư khác cho em trai với cùng một nội dung như lá thư trước. Apollodorus không che giấu điều này. Ông kể cho Alexander nghe về lời tiên tri, với niềm tin rằng ngài sẽ lại ưu ái ông. Alexander cảm ơn Apollodorus, và trong dịp trở về Babylon, ngài viết thư cho Peithagoras để hỏi về vấn đề này.

Peithagoras trả lời: “Gan của con vật hiến tế không có thùy.”

“Vậy dấu hiệu đó có nghĩa là gì?”, Alexander hỏi.

“Điều đó báo hiệu điều tồi tệ nhất”[74], Peithagoras đáp.

Không hề giận dữ với Peithagoras, Alexander đối xử với ông với sự kính trọng hơn trước vì ông đã nói với ngài sự thật mà không hề che giấu.

Aristobulus kể lại rằng ông đã được nghe câu chuyện này từ chính miệng Peithagoras. Hơn nữa, ông còn nói thêm rằng, Peithagoras, vào một dịp sau này, đã trổ tài tiên tri khi tiên đoán số mệnh của Perdiccas và Antigonus; trong cả hai trường hợp dấu hiệu cảnh báo tương tự cũng xuất hiện, và sau này đều trở thành sự thật; vì Perdiccas bị giết trong cuộc chiến chống lại Ptolemy, còn Antigonus bỏ mạng trong trận Ipsus khi chống lại Seleucus và Lysimachus[75].

Có một câu chuyện tương tự về Calanus, nhà thông thái người Ấn Độ[76]. Truyện kể rằng, trên đường đi tới giàn thiêu nơi Calanus trở về cõi chết, ông nói lời tạm biệt với những người bạn thân thiết của Alexander, nhưng lại khước từ nói bất cứ lời tạ từ nào với

chính Alexander. Calanus nói rằng ông sẽ đón chào ngài khi họ gặp nhau ở Babylon. Lúc đó, chẳng ai bận tâm tới chi tiết này; nhưng sau này, khi Alexander qua đời tại Babylon, tất cả mọi người có mặt trong dịp đó đều nhớ lại những gì Calanus đã nói và nhận ra rằng từng từ của ông đã sớm tiên tri về cái chết của Alexander.

Ở Babylon, có nhiều sứ thần Hy Lạp tới tiếp kiến Alexander, tuy nhiên mục đích của họ là gì thì không được ghi lại. Tôi đoán rằng hầu hết các sứ thần này đến để trao tặng vương miện chiến thắng và chúc tụng cho thành công của Alexander, đặc biệt là chiến thắng ở Ấn Độ, và bày tỏ niềm vui của họ vì ngài đã trở về an toàn[77]. Alexander đã đón tiếp các sứ thần một cách lịch sự và trao cho họ tất cả niềm vinh dự phù hợp với vị trí của họ trước khi cho họ lui; ngài cũng giao cho họ quản lý các bức tượng, các bức vẽ cùng với những vật hiến tế khác mà Xerxes đã lấy từ Hy Lạp và mang tới Babylon, Pasardadae, Susa hay bất cứ một thành phố châu Á nào khác. Điều này cũng có nghĩa là những bức tượng đồng về Harmodius, Aristogeiton và Artemis của người Celcae đều đã được trả về Athens[78].

Aristobulus viết rằng hạm đội đã tới Babylon khi Alexander vừa đặt chân tới vùng này. Đội tàu của Nearchus đã giong buồm ngược dòng Euphrates từ vịnh Ba Tư, những đội tàu khác – hai thuyền năm tầng chèo của người Phoenicia, ba thuyền bốn tầng chèo, 12 thuyền chiến ba tầng chèo, và khoảng 30 thuyền galley – từ bờ biển Phoenicia cũng đã tiến hành vượt biển; họ đã chia thành nhiều nhóm nhỏ và giong buồm tới Thapsacus trên dòng Eupharates, nơi các đội tàu thuyền được tái hợp và xuôi dòng tới Babylon. Rõ ràng là Alexander định xây dựng một đội tàu mới, và vì mục đích này, ngài đã cho hạ các cây bách ở Babylonia. Cây bách là loại gỗ duy nhất có nhiều ở lãnh thổ Assyria, nhưng lại không phải là chất liệu tốt để đóng thuyền[79]. Nhân lực và thủy thủ cho các tàu chiến mới được huy động từ những thợ lặn và những người làm các công việc liên quan tới biển cả từ Phoenicia và vùng biển lân cận. Bằng cách hạ lệnh nạo vét lòng sông, Alexander cũng bắt đầu cho xây dựng một cảng biển ở Babylon, một cảng biển đủ rộng cho 1.000 tàu chiến và được trang bị các xưởng đóng tàu. Miccalus của Clazomenae được cử tới Phoenicia và Syria với 500 ta-lăng để thuê mướn những người đàn ông thông thạo việc tàu thuyền và biển cả. Thực tế là Alexander có ý tưởng lập khu định cư ở bờ biển của vịnh Ba Tư và các hòn đảo ở ngoài khơi; vì ngài đoán vùng đất đó sẽ trở nên thịnh vượng như Phoenicia. Những chuẩn bị về lực lượng hải quân hướng tới việc tấn công những người Ả Rập trên bờ biển[80]. Lý do bề ngoài là nhằm vào những người không gửi sứ thần tới tiếp kiến ngài hay bày tỏ sự tôn trọng của họ bằng một hành động lịch sự thông thường nào đó. Tuy nhiên, lý do thực sự theo quan điểm của tôi, là khao khát khôn cùng về việc mở rộng lãnh thổ của Alexander[81].

Alexander được biết rằng những người Ả Rập chỉ thờ phụng hai vị thần, thần Uranus và thần Dionysus; vị thần đầu tiên được thờ phụng vì chứa trong mình không chỉ các ngôi sao mà còn cả mặt trời, là nguồn cội vĩ đại nhất và rõ ràng nhất cho hạnh phúc của nhân loại; còn vị thần thứ hai được thờ phụng nhờ vào danh tiếng từ cuộc viễn chinh tới Ấn Độ[82]. Do đó, Alexander thấy rằng ngài xứng đáng để người Ả rập tôn sùng như một vị thần thứ ba, bởi trên thực tế những thành tựu của ngài còn vượt xa cả thần Dionysus; hoặc ít nhất, ngài cũng xứng đáng với vinh dự này nếu ngài chinh phục người Ả Rập và cho phép họ duy trì

các thể chế cổ xưa của họ[83], như ngài đã phép những người Ấn Độ làm như vậy. Hơn nữa, sự giàu có của xứ sở này cũng khiến Alexander muốn chinh phục nó – ngài đã được nghe kể về cây cassia trên các ốc đảo, cây trầm hương, cây mật nhi lạp, cây quế, rồi các đồng cỏ nơi cam tùng mọc lên. Ả Rập cũng là một nước lớn, bờ biển của nó (được kể là) có chiều dài không hề thua kém bờ biển Ấn Độ; nhiều hòn đảo nằm ở ngoài xa, và có cảng biển ở mọi nơi, thuận tiện cho hạm đội của ngài di chuyển và có sẵn những mảnh đất cho các khu định cư mới, những nơi chắc chắn sẽ trở nên giàu có và thịnh vượng.

Alexander còn được báo cáo về sự tồn tại của hai hòn đảo nằm gần cửa sông Euphrates. Một trong hai hòn đảo đó nằm ở khá gần, cách khoảng 24 kilômét từ nơi dòng sông đổ ra biển. Hòn đảo nhỏ hơn này có rừng cây rậm rạp, và trên đó có đền thờ thần Artemis, nơi thờ phụng của các cư dân trên đảo. Người ta tìm thấy nai và những con dê hoang dã trên đồng cỏ ở đây, và chúng được sử dụng để hiến tế lên các vị thần. Hơn nữa, việc săn bắn những con vật này bị coi là trái phép. Aristobulus kể rằng Alexander đã ra sắc lệnh tuyên bố rằng hòn đảo này nên được gọi là Icarus giống như một hòn đảo của người Aegea[84], dựa vào truyền thuyết cho rằng đây là nơi mà Icarus, con trai của Daedalus, rơi xuống khi mặt trời làm tan chảy sáp ong trên đôi cánh của cậu – chuyện này xảy ra là vì Icarus không nghe lời cha mình, và thay vì bay ở dưới thấp, cậu lại muốn bay cao hơn cả mặt trời; tuy nhiên, khi càng đến gần mặt trời thì sức nóng càng mãnh liệt, nung chảy đôi cánh của Icarus khiến cậu rơi xuống và chết chìm dưới đáy biển. Tên của chàng trai trẻ có tham vọng ngông cuồng này được đặt cho hòn đảo Icarus và biển Icarian.

Hòn đảo thứ hai được gọi là Tylus[85], nằm cách cửa sông Euphrates một khoảng mà thuyền phải đi mất một ngày một đêm không ngơi nghỉ mới tới nơi. Hòn đảo này không có rừng bao phủ và thích hợp cho việc cày cấy trồng trọt.

Alexander nhận được những thông tin này từ Archias, đó là người được cử đi trên một chiếc thuyền galley để trinh sát bờ biển và chuẩn bị cho cuộc viễn chinh sắp tới chống lại người Ả Rập. Archias đã tới Tylus, nhưng không mạo hiểm đi xa hơn; Androsthernes, chỉ huy một thuyền galley khác, đã giong buồm đi xa hơn để quan sát một phần bán đảo Ả Rập[86], và Hiero, một thuyền trưởng từ Soli, đã tiến xa hơn cả hai người trước. Alexander giao phó cho ông một thuyền galley thứ ba, hạ lệnh đi vòng quanh toàn bộ bán đảo Ả Rập bằng đường biển, xa tới tận thị trấn Heröopolis của người Ai Cập trên biển Đỏ. Nhưng lòng dũng cảm của Hiero không đủ để thực hiện trọn vẹn mệnh lệnh, cho dù ông đã đi thuyền xung quanh phần lớn bờ biển Ả Rập; ông trở lại, báo cáo với Alexander rằng bán đảo Ả Rập rất rộng lớn, gần bằng Ấn Độ, và có một mũi đất lớn chạy xa tới tận biển[87]. Mũi đất này, quả thực, đã được quân của Nearchus quan sát thấy trong khoảng cách không xa lắm trong chuyến hải hành từ Ấn Độ, trước khi họ đổi hướng tới vịnh Ba Tư và khi họ đang trên đường vượt qua nó theo chỉ dẫn của hoa tiêu Onesicritus. Tuy nhiên, Nearchus, trong ghi chép của ông về chuyến hải hành[88], nói rằng ông đã từ chối sự ủy quyền, vì sau khi hoàn thành việc khảo sát bờ biển của vịnh Ba Tư, Nearchus sẽ báo cáo với Alexander mục đích của chuyến hải hành, và đó không phải là khám phá vùng biển mà là để kiểm tra vùng bờ biển và tìm kiếm thông tin về các cư dân sống ở đó, như làm thế nào họ có thể tồn tại, sự

màu mỡ hay khô cằn của nhiều khu vực, những nơi nào tàu thuyền có thể thả neo và họ có thể tìm kiếm nước ngọt ở đâu. Ngoài ra, mục đích của chuyến đi là tìm cách để hải quân của Alexander có thể đi qua vùng biển đó an toàn; vì vậy việc khảo sát vùng bờ biển khô cằn của Ả Rập sẽ là vô ích, và người ta cho rằng đây chính là lý do khiến Hiero quay trở lại và không tiếp tục hành trình.

Trong khi những tàu chiến mới còn đang được đóng và quá trình nạo vét lòng sông đang diễn ra, Alexander đã giong buồm từ Babylon xuôi dòng Euphrates tới một dòng sông được gọi là Pallacopas, cách thành phố khoảng 160 kilômét. Dòng Pallacopas không thực sự là một dòng sông có nguồn nước độc lập mà là một nhánh của sông Euphrates[89]. Dòng Euphrates bắt nguồn từ những ngọn núi của Armenia. Vào mùa đông, nó chỉ là một con sông cạn, mức nước khá thấp so với hai bờ, nhưng vào mùa xuân, đặc biệt là xung quanh thời điểm hạ chí, lượng nước của sông Euphrates tăng lên đột ngột vì băng tan trên các đỉnh núi Armenia. Thậm chí, nước sông dâng lên còn cao hơn cả hai bờ và làm ngập lụt cả những vùng đồng bằng Assyria. Dĩ nhiên, nạn lụt đó đã không xảy ra vì lượng nước của dòng Euphrates được phân chia dọc kênh đào Pallacopas vào các đầm lầy và các hồ, từ đó đổ vào Ả Rập rồi băng qua một khu vực đầm lầy rộng lớn, cuối cùng đổ vào biển cả qua một vài kênh đào khác.

Vào mùa thu, sau khi băng tan, mực nước của Euphrates hạ xuống, tuy nhiên phần lớn lượng nước vẫn tiếp tục chảy dọc kênh đào, đổ vào các hồ. Bởi vậy, trừ phi kênh đào bị chặn bởi một cửa cống nhằm ngăn cản dòng nước chảy và chỉ cho phép dòng Euphrates chảy dọc eo biển chính của nó, thì vào mùa này trong năm, dòng Euphrates hoàn toàn cạn khô và không thể đổ vào các vùng đồng bằng Assyria. Thống đốc Babylon đã cho xây dựng một cửa cống kiểu như vậy; đây là một nhiệm vụ khó khăn và đã không thành công, vì đất ở nơi đó hầu hết là rất mềm, đất sét ẩm thì lại dễ dàng bị dòng nước xuyên thủng. Do đó, việc ngăn dòng nước không đổ vào kênh đào là rất khó khăn, mặc dù trong suốt ba tháng, có hơn 10.000 người Assyria đã cố gắng thực hiện công việc này.

Khi Alexander biết những sự kiện này, ngài nóng lòng muốn làm điều gì đó để tạo dựng một viễn cảnh tốt đẹp hơn cho Assyria. Do đó, ngài dự định xây dựng một cửa cống tại điểm nối giữa kênh đào và dòng sông. Tuy nhiên, tại một địa điểm cách đó khoảng hơn 6 kilômét, ngài quan sát thấy đất ở đây cứng hơn và có nhiều đá hơn. Ngài chợt nghĩ rằng nếu xây dựng một con mương mới từ điểm này tới kênh đào Pallacopas thì vấn đề có thể được giải quyết tốt hơn, vì nước sông sẽ không thể xuyên qua lớp đất đá cứng không thấm nước, và sẽ bị cửa cống ngăn lại vào những thời điểm thích hợp.

Sau đó, kế hoạch này đã được Alexander thực hiện trên dòng Pallacopas, xuôi theo kênh đào xuống các hồ theo hướng Ả Rập[90]. Quan sát thấy nơi đây có địa thế tốt, ngài đã xây dựng và củng cố một thị trấn mới cũng như bố trí định cư cho một số lính đánh thuê Hy Lạp. Ngoài ra, ngài còn gia tăng số cư dân cho thị trấn với những người tình nguyện và những người không còn phù hợp cho quân ngũ hoặc đã quá già để tiếp tục chiến đấu[91].

Lúc này, dường như Alexander đã chứng minh lời tiên tri của những người Chaldaean là

điều vô lý. Họ đã tiên tri về một tai họa ở Babylon; nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Ngài đã hành quân an toàn rời khỏi thành phố trước khi bất cứ vận rủi nào có thể bắt được ngài. Do đó, cùng niềm kiêu hãnh mới được khôi phục, Alexander giong buồm tới thăm các hồ một lần nữa và tiến về phía nam. Một vài tàu thuyền của ngài bị lạc ở những con kênh hẹp giữa các hồ và đầm lầy, nên ngài phải cử hoa tiêu tới để dẫn đường cho họ.

Nhiều lăng mộ của các vị hoàng đế người Assyria được xây dựng ở các hồ và vùng đầm lầy, và có chuyện kể rằng Alexander, trong khi đích thân chỉ huy tàu chiến của mình, đã đội một cái mũ chống nắng, vòng quanh là vương miện, hay một dải băng, dấu hiệu của hoàng gia. Đột nhiên, có một cơn gió hất cái mũ rơi xuống nước, nhưng dải băng thì tiếp tục bị gió cuốn đi và vướng vào đám sậy mọc gần một trong những lăng mộ cổ xưa của hoàng gia. Đây rõ ràng là một điềm gở; nhưng sự việc không chỉ dừng ở đó: một trong những thủy thủ[(92)] đã nhảy xuống để lấy dải băng buộc mũ, và khi thấy nó vướng trên đám sậy, người thủy thủ này, để tránh làm ướt dải băng, đã buộc nó lên đầu thay vì dùng tay mang nó trở về. Hầu hết các sử gia đều thuật lại rằng Alexander đã trao thưởng cho thủy thủ này một ta-lăng vì lòng tận tụy của anh ta và sau đó chém đầu người này vì hành vi mạo phạm. Tuy nhiên, Aritobulus chỉ khẳng định chi tiết Alexander trao thưởng cho người thủy thủ, và ngài chỉ trừng phạt y bằng một trận đòn. Ông còn nói thêm rằng người đó là một trong những thủy thủ người Phoenicia. Một vài tác giả nói rằng đó là Seleucus, và cho rằng tình tiết này báo trước cái chết của Alexander cũng như việc Seleucus sẽ kế thừa đế chế rộng lớn này của ngài – và Seleucus, quả thực, đã là vị vua vĩ đại nhất trong số những người nối nghiệp Alexander Đại đế. Tôi nghĩ không thể có hai quan điểm về điều này: Seleucus là một người theo tư tưởng bảo hoàng, và sau Alexander, ông là người đã thống trị lãnh thổ rộng lớn nhất.

Quay trở lại Babylon, Alexander đã thấy Peucestas trở về từ Ba Tư với 20.000 binh lính Ba Tư; lực lượng này cũng bao gồm một lượng lớn những chiến binh người Cossaea và Tapuria vì đây là những tộc người thiện chiến nhất trong tất cả các láng giềng của người Ba Tư. Cũng ở nơi này, Philoxenus cùng với binh lính từ Caria, Menander từ Lydia và Menidas cùng kỵ binh do ông ta chỉ huy[(93)] cũng đã được nhập vào lực lượng của Alexander. Lần lượt các sứ đoàn từ Hy Lạp cũng đã tới tiếp kiến. Các sứ thần, đầu đội vòng hoa, kính cẩn đặt vòng hoa bằng vàng lên đầu ngài, như thể họ đang làm nghi lễ vinh danh một vị thần. Tuy nhiên, sau cùng thì Alexander cũng sắp tới hồi kết thúc cuộc đời.[(94)]

Ngài nhân cơ hội này cảm ơn các binh lính Ba Tư vì lòng trung thành và tuân phục của họ đối với Peucestas, và chúc mừng chính Peucestas vì sự lãnh đạo kỷ luật và thành công của ông. Sau đó, những người Ba Tư đã được đưa vào nhiều đội quân Macedonia khác nhau, tạo thành một nhóm – bao gồm một chỉ huy người Macedonia, hai người đồng hương của ông ta, một người được gọi là "lương-đúp", người còn lại là "mười-xtatơ"[(95)] (gọi như vậy vì anh ta nhận được ít tiền hơn người "lương-đúp" nhưng vẫn nhiều hơn lính thường), mười hai lính Ba Tư, và cuối cùng là một lính "mười-xtatơ" khác[(96)]. Quân Macedonia mang theo vũ khí bản xứ của họ; còn người Ba Tư, hoặc được vũ trang cung tên hoặc mang lao nhẹ.

Các cuộc thao diễn của hạm đội cũng diễn ra liên tục trong thời gian đó. Ngoài một số thuyền bốn tầng chèo đậu ở bờ sông, thủy thủ các thuyền ba tầng chèo thường tổ chức các cuộc đua thuyền và thử thách kỹ năng lái thuyền. Phần thưởng dĩ nhiên thuộc về người chiến thắng.

Trước đó ít lâu, Alexander đã cử những sứ thần đặc biệt tới lăng mộ của thần Ammon để hỏi xem người có thể dành cho Hephaestion – chiến hữu thân thiết đã mất của ngài, niềm vinh dự thích đáng nào. Các sứ thần này đã trở về với thông báo rằng thần Ammon cho phép vinh danh Hephaestion như một "anh hùng" hoặc như một vị bán thần. Alexander rất hài lòng với điều này, và từ đó thường tổ chức tế lễ người bạn thân của mình với nghi lễ dành cho người anh hùng(97).

Trong khoảng thời gian này, ngài viết một lá thư cho Cleomenes, một viên chức đã phạm phải một tội ác lớn ở Ai Cập(98). Lá thư cũng bày tỏ lòng yêu mến của ngài đối với Hephaestion, một tình cảm đã vượt qua cả cái chết – về điều này, tôi không thấy có gì đáng trách; nhưng những điều khác có trong thư thì quả thực vô cùng đáng chê. Bức thư bao gồm chỉ thị xây dựng đền thờ để vinh danh Hephaestion trong thành phố Alexandria, và một đền thờ khác ở đảo Pharos, nơi có ngọn hải đăng, cả hai đền thờ đều có quy mô lớn và được xây dựng vô cùng tốn kém(99). Cleomenes còn nhận được lệnh rằng các đền thờ này đều mang tên Hephaestion và tất cả những ký kết giao kèo về tiền bạc cũng sẽ mang tên ông. Nếu như chỉ có thế thì đây chỉ là chuyện phung phí quá nhiều tâm sức vào những vấn đề không quá quan trọng, nhưng có một điều mà tôi không thể nào tán thành được trong lá thư này. Trong thư viết, "Nếu ta thấy mọi điều liên quan tới các đền thờ của Hephaestion ở Ai Cập được sắp xếp chính xác, ta sẽ tha thứ cho ngươi vì những tội ác trước kia của ngươi, và ngươi sẽ không chịu bất cứ sự trừng phạt nào của ta cho bất kể điều gì ngươi đã làm, ngoại trừ tội ác ghê tởm." Những lời này, trong lá thư của một vị hoàng đế vĩ đại gửi cho thống đốc của một vùng đất lớn và đông dân – kẻ đồng thời cũng là một tên vô lại – đã khiến tôi cảm thấy bàng hoàng(100).

Cái kết của cuộc đời Alexander cũng nhanh chóng xảy đến. Một điềm báo khác cũng được Aristobulus nhắc tới: trong khi nhà vua đang bận việc sáp nhập các binh lính đến từ Ba Tư cùng với đội quân của Peucestas, các binh lính tới từ bờ biển với Philoxenus và Menander vào nhiều đội quân Macedonia, ngài đột nhiên cảm thấy khát nước và rời khỏi ngai vàng. Bên cạnh ngai vàng đặt những chiếc trường kỉ có các chân bằng bạc để những người hộ tống có thể ngồi ở đó, nhưng tất cả họ đều đã đứng dậy đi theo nhà vua, chỉ để lại các quan hoạn đứng cạnh ngai vàng. Lúc đó, một người – một số người nói đó là một tù nhân đang hưởng án treo(101) – nhìn thấy ngai vàng và trường kỉ không có người ngồi đã chạy qua đám quan hoạn và ngồi lên đó. Đám quan hoạn, theo phong tục của người Ba Tư, không dám kéo kẻ phản nghịch xuống, mà chỉ bắt đầu xé quần áo của họ, tự đánh vào ngực và mặt như thể có điều gì khủng khiếp đang diễn ra. Khi Alexander biết chuyện này, ngài hạ lệnh tra tấn kẻ dám ngồi lên ngai vàng để tìm hiểu xem việc này có phải là một phần trong một âm mưu nào không. Tuy nhiên họ chẳng thu được tin gì, và người đàn ông đó hoàn toàn hành động trong một cơn bốc đồng(102). Điều này lại càng củng cố thêm lời tiên đoán

của các nhà tiên tri về thảm họa.

Một vài ngày sau, Alexander ngồi ăn tối với bạn bè và uống rượu suốt đêm. Trước kia, ngài đã tổ chức nhiều nghi lễ hiến tế theo phong tục với mong muốn có được chiến thắng[(103)], những lần hiến tế khác là theo lời khuyên của các nhà tiên tri, và lần nào ngài cũng phân phát rượu và đồ lễ cho vô số binh lính của mình. Theo một vài ghi chép, khi Alexander muốn tạm biệt các chiến hữu tại tiệc rượu và đi ngủ, ngài gặp Medius, người lúc đó là Chiến hữu thân cận nhất của ngài. Medius thỉnh cầu Alexander tiếp tục tiệc rượu tại bàn riêng để bữa tiệc thêm phần vui vẻ[(104)].

Nhật ký hoàng gia[(105)] khẳng định rằng Alexander đã uống rượu cùng với Medius sau bữa tiệc rượu đầu tiên. Sau đó, ngài rời khỏi bàn, đi tắm và đi ngủ, sau đó lại chè chén với Medius tới tận khuya. Một lần nữa, ngài đi tắm, ăn một chút đồ, đi ngủ và bắt đầu bị sốt.

Ngày tiếp theo, Alexander tiếp tục rời khỏi giường để thực hiện nhiệm vụ tôn giáo hằng ngày của ngài, và sau nghi lễ, ngài ở trong doanh trại tới tận khi trời tối. Alexander tiếp tục hạ lệnh cho các sĩ quan, chỉ thị cho một số người chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc hành quân bằng đường bộ trong ba ngày, còn những người khác thì đi bằng đường biển với ngài, khởi hành sau đó một ngày[(106)]. Từ đó, ngài đi tới bờ sông, và leo lên một chiếc thuyền để đi sang bờ sông bên kia, nơi ngài tắm và nghỉ ngơi. Hôm sau, Alexander tắm một lần nữa và làm lễ hiến tế như thường lệ, sau đó ngài nằm trong phòng, nơi ngài trò chuyện với Medius và hạ lệnh cho các sĩ quan báo cáo tin tức cho ngài vào sáng sớm hôm sau. Sau đó, Alexander dùng một chút đồ ăn, trở về phòng riêng, và bị sốt cả đêm đó. Sáng hôm sau, ngài tiếp tục tắm và làm lễ hiến tế, sau đó chỉ thị chi tiết cho Nearchus và các sĩ quan khác về chuyến hải hành sẽ bắt đầu trong khoảng thời gian hai ngày. Ngày tiếp theo, Alexander tắm một lần nữa, thực hiện các nghi lễ tôn giáo theo thường lệ, và sau đó liên tục bị sốt. Dù vậy, vị thống lĩnh này vẫn triệu tập Bộ tham mưu và chỉ thị cho họ chuẩn bị giong buồm. Đến tối, sau một lần tắm khác, tình trạng của ngài trở nên trầm trọng hơn, và tới sáng hôm sau, ngài di chuyển tới tòa nhà ở gần hồ bơi. Ngài làm lễ hiến tế, và bất chấp tình trạng sức khỏe của mình, Alexander vẫn triệu kiến các sĩ quan cấp cao và nhắc lại mệnh lệnh của ngài về cuộc viễn chinh. Hôm sau nữa, Alexander vẫn tự mình tới nơi cầu nguyện, và sau khi làm lễ, ngài vẫn tiếp tục chỉ thị cho Bộ tham mưu. Rồi một ngày khác lại qua. Dù lâm trọng bệnh, Alexander vẫn không chịu từ bỏ việc hành lễ; tuy nhiên, ngài đã hạ lệnh cho các sĩ quan cấp cao chờ đợi ở cung điện và một tiểu đoàn cùng một nhóm chỉ huy đứng đợi ở ngoài cửa. Tình trạng của Alexander lúc đó đã khá tuyệt vọng, ngài đi từ khuôn viên quay trở lại cung điện. Alexander nhận ra các sĩ quan khi họ bước vào phòng nhưng không còn có thể nói chuyện với họ. Từ thời khắc đó cho tới khi lìa đời, vị thống lĩnh vĩ đại đã không nói một lời nào. Đêm đó rồi ngày hôm sau và trong suốt 24 giờ sau đó, ngài vẫn bị sốt cao.

Những chi tiết này đều được tìm thấy trong các trang nhật ký hoàng gia. Trong các văn bản này còn có ghi chép rằng các binh lính rất nóng lòng muốn được gặp ngài; một vài người hy vọng có thể nhìn mặt ngài trong lúc ngài vẫn còn sống; một số khác muốn được nhìn thấy xác của ngài vì tin ngài qua đời đã loan ra khắp nơi, và tôi đoán các binh lính đã nghi ngờ rằng tin tức về cái chết của Alexander đã bị các vệ quân của ngài che giấu. Nhưng

không điều gì có thể ngăn cản họ tụ tập, mọi trái tim binh lính đều cảm thấy đau buồn và hoang mang đến tuyệt vọng khi mất đi vị hoàng đế của mình. Không thể nào cất lời khi thấy binh lính đứng xếp hàng tới thăm mình, Alexander cố gắng nhấc đầu lên, và trong đôi mắt ngài, ngài cho họ thấy rằng ngài nhận ra từng người một. Nhật ký hoàng gia còn viết rằng Peitho, Attalus, Demophon, và Peucestas, cùng với Cleomenes, Menidas, và Seleucus[107], đã dành cả đêm ở đền thờ Serapis[108] và hỏi thần linh xem liệu có nên mang Alexander tới điện thờ để ngài cầu nguyện và có thể hồi phục sức khỏe; nhưng thần Serapis không đồng ý, đồng thời tuyên bố rằng tốt nhất là nên để Alexander ở lại nơi ngài đang ở. Chỉ thị của thần linh được công khai, và sau đó chẳng bao lâu thì Alexander qua đời – điều này, sau cùng, lại là điều "tốt hơn".

Ghi chép của Ptolemy và Aristobulus đều kết thúc ở sự kiện này. Những sử gia khác có viết thêm rằng khi những sĩ quan thân thiết nhất hỏi Alexander rằng ai sẽ là người kế vị ngài, ngài đã trả lời: "Người giỏi nhất[109]". Cũng có một câu chuyện khác kể rằng Alexander còn nói rằng ngài biết sẽ có những "trò chơi" trong lễ tang sau khi ngài mất.

Tôi biết có rất nhiều điều khác cũng được viết ra về cái chết của Alexander: chẳng hạn, Antipater đã gửi cho ngài một vài thang thuốc để điều trị, và Alexander cũng đã uống thuốc nhưng không chống lại được định mệnh.[110] Aristotle được cho là người đã chế liều thuốc này, vì ông cảm thấy e sợ Alexander sau cái chết của Callisthenes, và con trai của Antipater, Cassander, được cho là người đã mang số thuốc này tới. Một vài ghi chép tuyên bố rằng Cassander đã để số thuốc này trong móng của một con la[111], và nó được trao cho Alexander từ người em trai của Cassander là Iollas, người mang cốc cho hoàng đế và đã có vài lần bị Alexander xúc phạm. Những người khác thuật lại rằng chính Medius, người yêu của Iollas, đã nhúng tay vào việc này, và điều này được ủng hộ bởi thực tế rằng Medius là người mời Alexander tới tiệc rượu – Alexander đã bị đau đột ngột sau khi uống cạn cốc rượu, và phải rời bữa tiệc vì lý do này[112]. Một sử gia khác thậm chí còn dám tuyên bố rằng khi Alexander biết ngài sắp chết, ngài đã ra ngoài với ý định nhảy xuống dòng Eupharates, nhằm biến mất không dấu vết để hậu thế dễ dàng tin rằng ngài cũng là một vị thần, giống như thần Ammon – cha của ngài vậy, và giờ đây đã tới lúc ngài trở về bên người. Sử gia này còn viết tiếp rằng vợ Alexander là Roxane đã tình cờ thấy ngài rời khỏi cung điện và đã ngăn ngài lại. Lúc đó, Alexander đã thét lớn và cay đắng quở trách Roxane rằng hẳn là nàng ghen tị với danh tiếng bất diệt từ dòng dõi thần thánh của ngài. Tôi không có ý định bỏ qua những câu chuyện này, tôi ghi chép lại chúng ở đây nhưng không mong rằng mọi người có thể tin tưởng vào tính xác thực của chúng.

Alexander mất vào ngày 114 Olympiad, khi Hegesias đang làm quan chấp chính tại Athens[113]. Theo Aristobulus, Alexander thọ 32 tuổi 8 tháng, và trị vì 12 năm 8 tháng(114. Ngài là một người có vẻ ngoài rất điển trai, có sức chịu đựng phi thường, và một trí tuệ sắc sảo; ngài dũng cảm, ưa mạo hiểm, nghiêm chỉnh tuân theo các nghĩa vụ tôn giáo của mình và luôn khát khao danh vọng. Alexander là người rất chừng mực trong các thú vui xác thịt, chỉ có đam mê vinh quang của ngài là khôn cùng. Ngài có tài năng tháo gỡ khó khăn và giải quyết các tình huống mâu thuẫn. Ngài tìm thấy niềm vui trong việc đưa ra các suy luận

từ việc quan sát thực tế. Về kỹ năng quân sự, Alexander là một bậc thầy. Ngài là người xuất sắc trong việc truyền cảm hứng cho binh lính, hoặc khiến họ tràn ngập lòng kiêu hãnh, hoặc trong thời khắc nguy hiểm, ngài quét sạch nỗi sợ hãi của họ bằng cách cho họ thấy sự dũng cảm của ngài. Khi gặp những tình huống mạo hiểm, Alexander dẫn dắt toàn quân với sự táo bạo phi thường và khả năng nắm bắt thời khắc một cách nhanh nhạy trước khi quân địch kịp băn khoăn xem điều gì đang diễn ra. Không trò gian lận hoặc dối trá nào khiến ngài mất đi sự cảnh giác và không một kẻ nào có thể động vào thanh kiếm của ngài. Alexander là người dành rất ít thời gian và tiền bạc cho những vui thú của riêng mình trong khi rất hào phóng với bạn bè[(114)].

Chắc chắn, đam mê của Alexander cũng có đôi lúc sai lầm; chắc chắn ngài đã học theo thói phô trương và kiêu ngạo của các vị vua châu Á, nhưng ít nhất, tôi không cảm thấy rằng những sai lầm như thế là đáng ghê tởm, nếu chúng ta lưu tâm tới các điều kiện hoàn cảnh. Sau cùng, Alexander còn trẻ, chuỗi thành công của ngài không hề bị gián đoạn, và giống như tất cả các vị vua trong quá khứ, hiện tại và tương lai, vây quanh ngài là những kẻ nịnh thần luôn nói những lời tâng bốc, chưa kể tới việc miệng lưỡi của họ có thể độc địa như thế nào. Mặt khác, quả thực tôi cho rằng trong số tất cả những ông hoàng thời trước, Alexander là người duy nhất có tấm lòng cao thượng khi biết hối hận vì sai lầm mà mình mắc phải. Hầu hết mọi người khi biết rằng họ đã làm sai thường nỗ lực một cách ngốc nghếch để che giấu sai lầm đó bằng việc tìm mọi lý lẽ để biện hộ; nhưng theo quan điểm của tôi, cách cứu chữa duy nhất cho một hành động xấu xa và cho một kẻ tội đồ là thừa nhận tội lỗi của mình và cho thấy rằng anh ta thực sự hối hận vì điều đó. Một sự thú nhận như vậy sẽ khiến nạn nhân của tội ác cảm thấy dễ chịu hơn, và chính kẻ phạm lỗi, bằng cách bộc lộ nỗi đau đớn vì tội ác của mình, sẽ có động lực để tránh phạm phải những sai lầm tương tự trong tương lai.

Tôi không cho rằng khẳng định của Alexander về nguồn gốc thần thánh của ngài là nghiêm túc trong bất cứ trường hợp nào. Nó phần nhiều có thể chỉ là một cách thức phóng đại tầm quan trọng của ngài trong mắt thần dân[(115)]. Thực tế, tôi cho rằng người xưa không coi việc Alexander hay các hoàng đế vĩ đại khác như vua Minos, vua Aeacus, hoặc vua Rhadamanthus, những người khẳng định mình là con trai của thần Zeus, là quá kiêu ngạo; và điều này cũng giống như là Theseus tuyên bố mình là con trai thần Poseidon, còn Ion khẳng định ông là con của thần Apollo. Chắc chắn, việc Alexander nhận trang phục của người Ba Tư cũng như việc ngài khẳng định nguồn gốc thần thánh của ngài là vì mục đích cai trị: bằng cách đó, ngài hy vọng sẽ khiến các dân tộc phương Đông cảm thấy rằng họ có một ông vua không hoàn toàn là người ngoại quốc và ngầm cho các đồng hương của ngài thấy được tham vọng vươn xa từ bản tính kiêu ngạo truyền thống của người Macedonia. Chắc chắn, đó cũng là lý do tại sao ngài đưa các binh lính Ba Tư (chẳng hạn những binh lính được gọi là “Những trái táo vàng” [Golden Apples]) vào các đội quân Macedonia, và đưa các sĩ quan quý tộc người Ba Tư vào các đạo quân xuất sắc của quê hương. Về tin đồn liên quan tới thói nghiện rượu của Alexander, Aristobulus thuật lại rằng các chầu rượu của vị thống lĩnh trẻ không kéo dài – vì ngài, trên thực tế, chưa bao giờ là một kẻ nghiện rượu nặng – mà ngài chỉ đơn giản muốn vui thú với các chiến hữu mà thôi[(116)].

Bất cứ ai coi thường Alexander đều không có quyền dựa vào các bằng chứng chỉ để phê bình hay chỉ trích ngài; việc chỉ trích Alexander cần phải dựa vào cái nhìn toàn diện về cuộc đời và sự nghiệp của ngài. Nhưng là một con người, nếu ai đó coi thường Alexander, trước hết anh ta nên tự so sánh mình với ngài: bản thân anh ta, một kẻ tầm thường và ít tiếng tăm với Alexander, vị hoàng đế vĩ đại với những thành công mà không ngòi bút nào tả xiết, người cai trị hai lục địa, người mà danh tiếng đã được cả thế gian biết tới. Làm sao có ai đó dám lăng mạ ngài, khi người đó hiểu rằng sự khinh thị và mục đích tầm thường của anh ta chỉ chứng minh cho sự bất lực của bản thân y mà thôi?

Về phần mình, tôi tin rằng vào thời đại đó, không một dân tộc nào, không một thành phố nào, không một cá nhân nào lại không biết tới cái tên Alexander; không có một ai trên thế gian này giống như ngài, và do đó, tôi không thể không tin rằng có một vài quyền lực siêu nhiên nào đó liên quan tới cái chết của ngài. Hơn nữa, có nhiều dấu hiệu cho thấy thời điểm Alexander lìa trần đã được sấm truyền; nhiều người đã chứng kiến và có những giấc mơ tiên tri[(117)]; thêm vào đó, bằng chứng đáng nói hơn nằm ở việc Alexander đã có niềm vinh dự là được ghi khắc trong tâm trí mọi người theo một cách thức lạ lùng, điều mà không một người nào có thể làm được. Thậm chí ngày nay, nhiều năm đã trôi qua, vẫn có nhiều lời tiên tri đối với dân tộc Macedonia, tất cả đều hướng về vinh quang của Alexander.

Trong cuốn sách này, tôi thừa nhận rằng bản thân có thấy Alexander phạm phải một số sai lầm, nhưng tôi không ngại ngần gì trong việc bày tỏ lòng ngưỡng mộ vô bờ bến đối với con người ngài. Ở những điểm tôi chỉ trích ngài, tôi cần phải làm như vậy vì tôi mong muốn được kể lại sự thật như tôi đã thấy, và do đó, giúp ích cho độc giả của tôi. Những điều này là động lực để tôi bắt đầu viết cuốn lịch sử này, và tôi cũng xin cảm tạ thần linh đã hỗ trợ tôi hoàn thành tác phẩm này.

Phụ Lục A

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG VIỆC TỔ CHỨC TRUNG ĐOÀN (HIPPARCHIES) TRONG ĐỘI KỴ BINH CHIẾN HỮU

Arrian đã không nói gì về thay đổi này, điều có thể suy ra từ tác phẩm của ông. Lần nhắc tới "trung đoàn" sớm nhất, ngoài ví dụ đầu tiên về năm đầu tiên của chiến dịch (Quyển một), diễn ra vào mùa thu năm 329, khi Ptolemy được cử đi với một lực lượng bao gồm "ba trung đoàn Chiến hữu" để bắt giữ Bessus (Quyển ba). Sau đó, trong cùng một năm, trong một trận đại chiến chống lại người Scythia, chúng ta một lần nữa nghe nhắc tới các trung đoàn Kỵ binh (Quyển bốn). Tuy nhiên, trong một bài báo có giá trị về "Kỵ binh Macedonia của Alexander", Giáo sư Brunt cho rằng Arrian sử dụng thuật ngữ "trung đoàn" một cách lộn xộn, vì trong lần Hephaestion và Cleius Đen cùng nhau chỉ huy quân Chiến hữu và "rõ ràng là quân Chiến hữu chỉ có một hoặc hai 'hipparchy', thuật ngữ 'hipparchy' không phù hợp để chỉ một nhóm gồm tám đơn vị mà quân Chiến hữu được hình thành"[(1)]. Ông cho rằng sự thay đổi diễn ra sau vụ giết hại Geitus vào cuối năm 328, vì Alexander cho rằng thật nguy hiểm khi giao phó một lực lượng kỵ binh lớn mạnh và quan trọng như vậy vào tay một chỉ huy duy nhất, người có thể cũng như Cleitus, đã lấy làm oán hận việc Alexander chấp nhận trang phục Ba Tư và thực hành các nghi lễ triều đình theo kiểu Ba Tư. Đây cũng là một ý kiến thú vị. Không may là, việc xem xét kỹ lưỡng tác phẩm của Arrian về trận chiến của người Scythia đã cho thấy, mà theo quan điểm của tôi là không thể nghi ngờ, rằng "các trung đoàn" đã tồn tại vào năm 329, trước khi Cleitus qua đời. Trong cuộc chiến này, Alexander hạ lệnh cho "một trung đoàn (hipparchy) kỵ binh đánh thuê và bốn đội (*ilai*) kỵ binh đánh giáo" tấn công mở màn, và sau đó, ngài sử dụng "ba trung đoàn Chiến hữu và toàn bộ kỵ binh đánh giáo" để tiếp tục tấn công, trong khi đích thân ngài chỉ huy "các tiểu đội theo đội hình hàng dọc". Đây là một mô tả cẩn trọng và chi tiết, hiển nhiên là dựa trên cứ liệu của Ptolemy và khó mà tin được rằng Arrian có thể nhầm lẫn "tiểu đội" và "trung đoàn"[(2)]. Trên thực tế, chúng ta không biết sự thay đổi về cách tổ chức trung đoàn diễn ra khi nào. Lần cuối cùng đội quân Hoàng gia được nhắc tới là vào cuối năm 331 tại cổng Ba Tư (3.18.5), cùng với một thuật ngữ không rõ nghĩa là khác là "tetrachy" dùng để nói về đội kỵ binh. Sau này, đầu năm 327 (4.24.1), chúng ta nghe nói đến đội bảo vệ (*agema*), rõ ràng là để chỉ một đơn vị quân đội tương tự với tiểu đội Hoàng gia.

Quan trọng hơn câu hỏi về việc thay đổi tổ chức trung đoàn diễn ra vào ngày nào là câu hỏi về thành phần của trung đoàn, cụ thể là các tiểu đoàn giúp duy trì sức mạnh của chúng. Vì trung đoàn là đơn vị lớn hơn, bao gồm hai hoặc hơn hai tiểu đoàn, và kỵ binh hạng nặng Macedonia không thể cung cấp đủ số người cho tất cả các tiểu đoàn. Chắc chắn rằng quân Chiến hữu có khoảng 1.800 người khi bắt đầu cuộc viễn chinh, rằng có một phân đội tăng cường gồm 300 người đã hợp nhất với lực lượng của Alexander tại Gordium vào đầu năm 333, và không lâu sau đó là phân đội 500 người tại Gaugamela vào cuối năm 331. Tuy

nhiên, Giáo sư Brunt đã suy luận từ Polybius (12.19.2) rằng Alexander đã nhận được một lực lượng viện quân bao gồm hơn 500 kỵ binh Macedonia trước khi trận Issus diễn ra và đoán chừng đợt viện quân vào khoảng năm 328/327, khoảng thời gian khi các trung đoàn (hipparchy) được thành lập. Trong cả hai trường hợp, vị giáo sư này đều nhầm lẫn. Điều mà Polybius nói, theo Callisthenes, là *800 kỵ binh từ Macedonia* đã tới hợp nhất với lực lượng của Alexander trước khi ngài đặt chân lên đất Cilicia, và vì Callisthenes đã tính toán số lượng kỵ binh lớn nhất mà Alexander có thể có trong trận Issus, rõ ràng là không có đội viện quân kỵ binh nào khác ngoài đợt 800 kỵ binh này. Chúng ta có thể kết luận rằng đó chính là số kỵ binh đã tới hỗ trợ Alexander tại Gordium mà Arrian (1.29.4) đã thuật lại trong tác phẩm của mình. Số kỵ binh đó bao gồm 300 quân Macedonia, 200 quân Thessaly, và 150 quân Elis. 150 kỵ binh còn lại, Arrian không nhắc tới, có thể vì họ là lính đánh thuê. Brunt cho rằng ngài William Tarn có thể đã đưa ra ý kiến cho rằng "Tiểu đoàn bộ binh thứ bảy được hình thành từ những tân binh Macedonia mà Alexander đã cử Sopolis, Epocillus và Menidas đi từ Nautaca để đưa họ tới (Arrian 4.18.3)." Nhưng Arrian không hề nhắc tới bất kỳ lần viện quân nào của quân Macedonia sau thời gian đó và việc này có lẽ đã bị hoãn lại. Hơn nữa, Giáo sư R. D. Milns đã chứng minh[(3)] rằng tiểu đoàn bộ binh thứ bảy, mà Tarn cho rằng*hẳn là* một phần của "lực lượng từ Macedonia" mà các sĩ quan đã đưa tới chỗ Alexander, đã tồn tại ngay từ đầu năm 330. Sau đó, chúng ta có thể ước đoán rằng tổng số kỵ binh hạng nặng mà Alexander có vào cuối năm 331 không ít hơn 2.600 người. Vậy cứ coi như số đó là khoảng 2.500 lính. Chắc chắn, cần phải có nhiều kỵ binh hơn để xây dựng các trung đoàn mới. Nếu "các lính trinh sát" hoặc "kỵ binh đánh giáo" là quân Macedonia, như Brunt nói, họ chắc hẳn được hợp nhất trong đội Chiến hữu. Nhưng vì chúng ta đọc được từ trước tác của Arrian (4.4.6-7), họ tồn tại như một đơn vị độc lập tại thời điểm mà các trung đoàn được thành lập - trừ phi Arrian hoàn toàn nhầm lẫn.

Nhưng nếu "các lính trinh sát" không được sáp nhập thành các trung đoàn, vậy các kỵ binh thì sao? Đối với tôi, giải pháp khả thi nhất đã được G.T. Griffith, người cho rằng các trung đoàn này được thành lập từ các kỵ binh tây Iran, đặt ra. Như ông đã chỉ ra, thật khó có thể tin rằng Alexander đã có các đơn vị kỵ binh Bactria và Sogdia vào khoảng cuối năm 328 (Quyển bốn), thời điểm mà cuộc chiến vẫn còn đang diễn ra tại khu vực này; vào khoảng thời gian đó, Alexander không thể triệu tập một đội kỵ binh xuất sắc nào khác ngoài kỵ binh vùng phía tây và trung tâm Iran. Tuy nhiên cho tới tận năm 324, chúng ta mới nghe nói đến nhóm kỵ binh này trong lực lượng của Alexander, khi nó đươc "hợp nhất" vào kỵ binh Chiến hữu. Trong đoạn văn này (Quyển bảy), Arrian đã liệt kê nhiều lời than phiền - việc bổ sung 30.000 tân binh Ba Tư, việc tổ chức các hôn lễ ở Susa, việc "phương Đông hóa" của Peucestas, và việc Alexander mặc trang phục Media - mà điều cuối cùng đã dẫn tới cuộc binh biến của quân Macedonia tại Opis. Giáo sư Brunt đã chỉ ra rằng những lời than phiền này dường như chỉ xuất hiện sau nỗi oán hận của quân Macedonia về việc Alexander "sáp nhập" kỵ binh phương Đông vào đội Chiến hữu và đưa những người Ba Tư xuất sắc vào đội vệ quân (agema). Tuy nhiên, ngay trước cuộc binh biến, Arrian đã tóm tắt (một cách ngắn gọn hơn) những nỗi oán hận của người Macedonia (7.8.2.). "Trong suốt toàn bộ cuộc chinh phạt này", ông viết, "người Macedonia lấy làm phật ý về việc Alexander "nhập" kỵ binh nước ngoài với đội ngũ Chiến hữu." "Toàn bộ cuộc chinh phạt này" là chỉ tới

cuộc chinh phạt Ấn Độ (hoặc có phần phóng đại là chỉ tới toàn bộ cuộc viễn chinh), chắc chắn không phải thời gian sau khi ngài trở về từ phương Đông. Sau đó, nếu ông Griffith chính xác trong việc phân biệt giữa "hợp nhất" [integration] và "nhập" [importation] vào đội Chiến hữu, chúng ta thấy được hai giai đoạn kế tiếp nhau của chính sách hướng tới người Ba Tư mà Alexander theo đuổi, một chính sách được thể hiện rõ ràng nhất trong lời cầu nguyện của ngài tại Opis, cầu cho "người Macedonia và người Ba Tư có được sự hòa thuận và mối giao hảo trong đế chế". Nếu ông Griffith nhầm lẫn trong sự phân biệt này, và nếu hai đoạn văn trong trước tác của Arrian là "một cặp" như Giáo sư Badian đã tranh luận[(4)], thì có khả năng là, trong khi việc tái tổ chức lần cuối cùng của đội Chiến hữu là việc mới diễn ra, nỗi oán hận của quân Macedonia với việc đưa quân Ba Tư vào đội Chiến hữu đã xảy ra vài năm trước đó. Điều này chắc chắn cũng đúng với chi tiết họ phật ý vì Alexander chấp nhận mặc trang phục của phương Đông.

Chia sẽ ebook : http://downloadsachmienphi.com/
Tham gia cộng đồng chia sẽ sách : Fanpage :
https://www.facebook.com/downloadsachfree
Cộng đồng Google :http://bit.ly/downloadsach

Phụ Lục B

BIÊN NIÊN SỬ CỦA CUỘC VIỄN CHINH

Arrian xác định ngày tháng của các sự kiện theo lịch Athens, chẳng hạn khi kết thúc cuộc vây hãm thành Tyre và thường xuyên nhắc đến mùa khi Alexander rời đi hoặc đi tới một thị trấn hoặc một địa hạt. Việc xác định chính xác ngày tháng xảy ra sự kiện là bất khả thi, nhưng với sự trợ giúp thông tin của các tác giả khác, cụ thể là nhà địa lý Strabo, có thể xây dưng dựng một biên niên sử theo các mùa một cách tương đối.

334	Mùa xuân	Xâm lược lục địa Á châu	Quyển một
334/333	Mùa đông	Alexander ở Gordium	Quyển một
333	Mùa xuân?	Khởi hành từ Gordium	Quyển hai
	Tháng Mười một	Trận Issus	Quyển hai
332	Tháng Một - Tháng Tám	Vây hãm thành Tyre	Quyển hai; Plutarch; *Alexander* 24.5
	Tháng Chín - Tháng Mười	Vây thành Gaza	Diodorus 17. 48. 7
	14 Tháng Mười một	Alexander được tôn làm Pharaoh tại Memphis	
332/331	Mùa đông	Viễn chinh tới Siwah	Quyển ba
331	7 Tháng Tư	Sáng lập Alexandria	Ngụy Callisthenes(1) 1.32(2)
	Cuối Mùa xuân	Khởi hàng từ Ai Cập	Quyển ba
331	20/21 Tháng Chín	Nhật thực trước trận Gaugamela	Quyển ba
	1 Tháng Mười	Trận Gaugamela	Plutarch *Alexander* 31.8
330	Tháng Một - Tháng Năm	Lưu lại Persepolis	Plutarch *Alexander* 37.6
	Giữa Tháng Năm	Đốt cháy cung điện Ba Tư	Curtius 5. 6. 12(3)
	Tháng Bảy	Darius III bỏ mạng	Quyển ba
329	Mùa xuân	Alexander tới các ngọn núi của Ấn Độ [Hindu Kush]	Strabo 15. 2. 10; Quyển ba (cuốn này)
	Giữa Mùa hè	Cuộc chiến chống lại những người Scythia phía Bắc của R. Jaxartes	Quyển bốn
329/328	Giữa Mùa đông	Alexander ở Zariaspa (Bactra)	Quyển bốn
328	Mùa xuân?	Tiến quân tới sông Oxus	Quyển bốn
328/327	Mùa đông	Alexander ở Nautaca	Quyển bốn
327	Bắt đầu mùa xuân	Tấn công vào Pháo đài Đá vùng Sogdiana	Quyển bốn
	Kết thúc mùa xuân	Khởi hành từ Bactria	Quyển năm

326	Tháng Năm	Trận chiến tại sông Hydaspes	Quyển năm
326	Tháng Mười một	Bắt đầu chuyến hải hành xuôi dòng Hydaspes	Strabo 15,1,17
325	Tháng Bảy	Tới Pattala	Strabo 15.1.17
	Kết thúc Tháng Tám	Alexander rời Pattala	Quyển sáu
	20/21 Tháng Chín	Nearchus rời Pattala	*Indica 21.1*
325/324	Mùa đông	Alexander ở Carmania	Quyển sáu
324	Mùa xuân	Alexander tới Susa	
324/323	Mùa đông	Cuộc chinh phạt chống lại người Cossaea	Quyển bảy
323	Mùa xuân	Quay trở lại Babylon	Quyển bảy
	10 Tháng Sáu	Cái chết của Alexander	Ngụy Callisthenes 3.55; văn bản bằng tiếng Babylon(4)

TỦ SÁCH HY LẠP - LA MÃ KINH ĐIỂN

ĐÃ XUẤT BẢN

1. *Cộng hòa* - Plato (dịch giả Đỗ Khánh Hoan), xuất bản tháng 01-2013.
2. *Chính trị luận* - Aristotle (dịch giả Nông Duy Trường), xuất bản tháng 01-2013.
3. *Illiad* - Homer (dịch giả Đỗ Khánh Hoan), xuất bản tháng 09-2013.
4. *Odyssêy* - Homer (dịch giả Đỗ Khánh Hoan), xuất bản tháng 09-2013.
5. *Ngày cuối trong đời Socrates* - Plato (dịch giả Đỗ Khánh Hoan), xuất bản tháng 12-2013.

SẮP XUẤT BẢN

1. *The Campaigns of Alexander* (Những cuộc chinh phạt của Alexander Đại đế) - Arrian (dịch giả An Khánh), xuất bản tháng 06-2015.
2. *History of the Peloponnessian War* (Lịch sử chiến tranh Peloponessian) - Thucydides (dịch giả Takya Đỗ, Nguyễn Khánh Hoan), xuất bản tháng 09-2015.
3. *The History of the Decline and Fall of the Roman Empire* (Lịch sử suy tàn và sụp đổ của đế chế La Mã) tập 1 - Edward Gibbon (dịch giả Nguyễn Đứtc Thọ), xuất bản tháng 08-2015.
4. *The History of the Decline and Fall of the Roman Empire* (Lịch sử suy tàn và sụp đổ của đế chế La Mã), tập 2 - Edward Gibbon (dịch giả Nguyễn Đức Thọ), xuất bản tháng 10-2015.
5. *The History of the Decline and Fall of the Roman Empire* (Lịch sử suy tàn và sụp đổ của đế chế La Mã), tập 3 - Edward Gibbon (dịch giả Nguyễn Đức Thọ), xuất bản tháng 02-2016.
6. *Confessions* (Tự thú) - Saint Augustine (dịch giả Hà Vũ Trọng), xuất bản tháng 09-2015.
7. *The Twelve Caesars* (Tiểu sử 12 vị hoàng đế) - Suetonius (dịch giả An Khánh), xuất bản tháng 11-2015.

8. *The Rise and Fall of Athens: Nine Greek Lives* (Sự trỗi dậy và suy tàn của đế chế Athens) - Plutarch, xuất bản tháng 02-2016.

9. *The Histories* (Những lịch sử) - Herodotus (dịch giả Lê Đình Chi), xuất bản tháng 08-2016.

0. *Parallel Lives* (Những cuộc đời song hành), tập 1 - Plutarch, xuất bản tháng 09-2016.